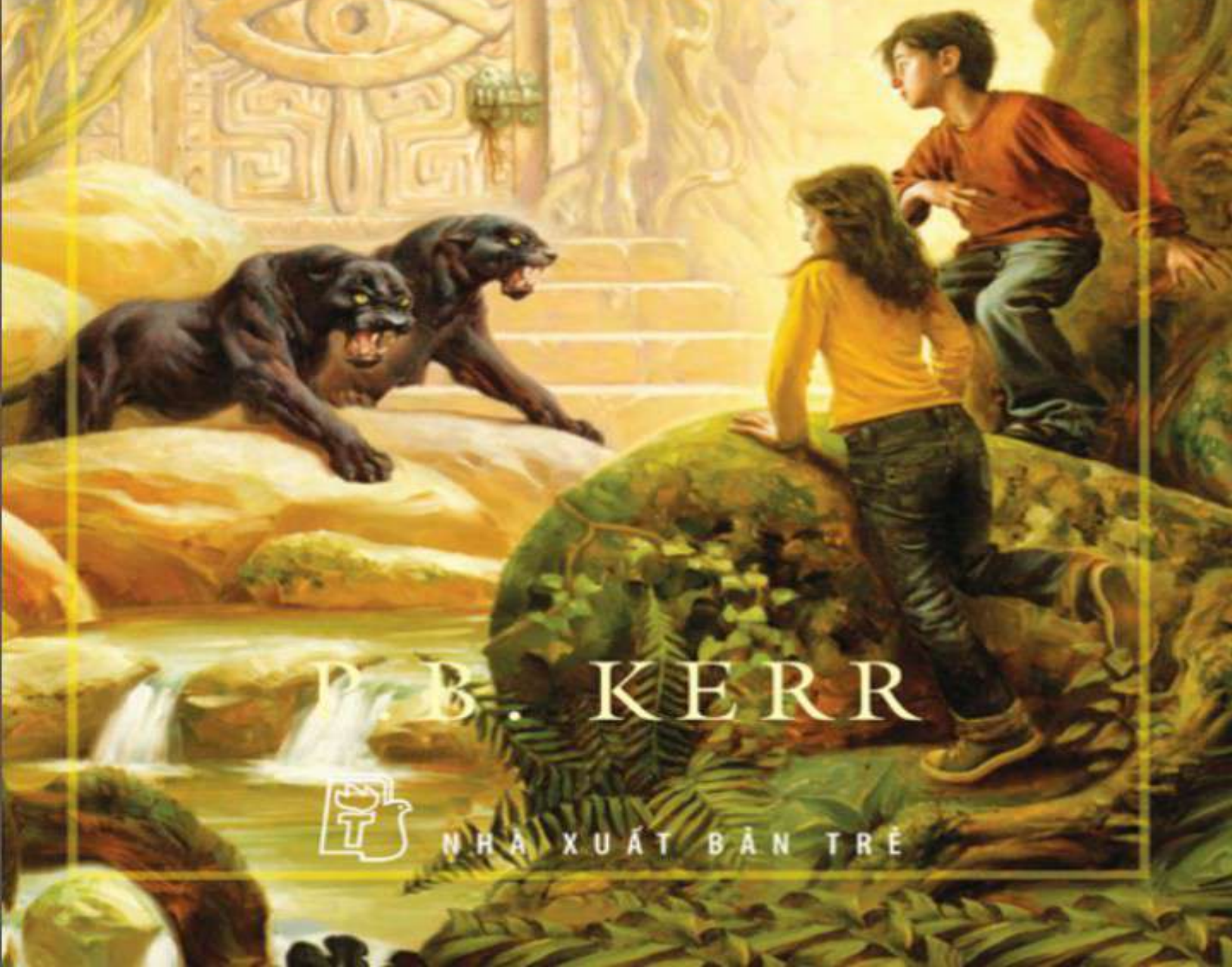


NEW YORK TIMES BESTSELLER

Hậu duệ thần đèn

Mắt rừng

THE EYE OF THE FOREST



P. B. KERR



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hai đứa trẻ đèn

Children of the Lamp

TẬP
5

Mắt rừng
THE EYE OF THE FOREST



P. B. KERR

Trương Văn Hà dịch

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

ebook©vctvegroup

22-06-2018



Cuốn sách này dành tặng Joe Gilmour



Mở đầu

Bác sĩ Kowalski

“Tất cả những gia đình hạnh phúc đều giống nhau, nhưng những gia đình bất hạnh lại bất hạnh theo những cách khác nhau.”

Đó là câu mở đầu một tiểu thuyết vĩ đại có tên *Anna Karenina* của nhà văn Nga Leo Tolstoy. Tolstoy, tác giả của một số tiểu thuyết nổi tiếng, có tình yêu đặc biệt đối với văn học thiếu nhi và đã viết nhiều truyện ngụ ngôn, cổ tích cho chúng. Nhưng ngay cả với trí tưởng tượng phong phú của mình, Tolstoy vẫn khó có thể giải thích rõ về lý do bất hạnh của gia đình nhà Gaunt sống trên đường 77 phía Đông, thành phố New York.

Nói ngắn gọn thì đó là một gia đình không giống như những gia đình bình thường khác, với một ông bố loài người – Edward, một bà mẹ djinn - Layla, cùng hai đứa con djinn sinh đôi - John và Philippa. Sự pha trộn giữa djinn – hay được gọi ít chính xác hơn là “thần đèn” – và người thường này, không phải là nguyên nhân trực tiếp khiến gia đình nhà Gaunt bất hạnh, dù dĩ nhiên, nó cũng có liên quan đôi chút. Trong một thời gian dài, gia đình Gaunt đã sống rất hạnh phúc và, dưới con mắt của những người xung quanh, họ được coi như một gia đình kiểu mẫu với một bà mẹ xinh đẹp tuyệt trần, một ông bố đặc biệt giàu có, và hai đứa con lễ phép, đáng yêu.

Nếu có một lời phàn nàn nào về gia đình nhà Gaunt, thì đó là: họ có lẽ giàu hơn mức cần thiết – tuy nhiên, điều đó cũng khó có thể trách họ, vì thật khó mà tưởng tượng ra một gia đình nào đó có ít nhất một thành viên là djinn lại không giàu nứt đổ đổ vách.

Không, điều khiến họ trở nên bất hạnh là thế này: Trong chuyến bay từ Trung Đông về New York của mình, bà Gaunt đã gặp một tai nạn khủng khiếp, với hậu quả là cơ thể vật lý của bà bị hủy hoại. Đối với loài người – hay “mundane”, tên gọi mà djinn dành cho giống loài tuy có vẻ ngoài giống họ nhưng về bản chất lại khác hoàn toàn – một sự cố như thế luôn đồng nghĩa với cái chết. Nhưng bà Gaunt đã khéo léo thoát linh hồn ra khỏi cơ thể bị đốt cháy thành than của mình và, sau khi tìm đường về nhà ở thành phố New York trong hình dạng một con chim albatross, bà bắt tay vào việc tìm kiếm cho mình một cơ thể mới. Bà không mấy hứng thú với việc trở thành một con chó hay một con mèo, việc đó cũng tệ như việc tiếp tục cuộc đời trong hình dạng một con albatross. Loài hải âu lớn, theo cách gọi đầy kinh tởm của phần lớn người Mỹ, uống nước mặn và ăn đầu cá thối. Và, đã ngán đến tận cổ chế độ ăn uống không mấy hấp dẫn này, bà Gaunt hiển nhiên sẽ sớm tìm kiếm một cơ-thể-hình-dạng-con-người.

Nói thì dễ, làm thì khó. Bà Gaunt là thành viên của một tộc djinn tên gọi Marid, một tộc djinn phe Thiện – một trong ba tộc djinn phe Thiện. Nếu là thành viên của một tộc djinn phe Ác, ví dụ như Ifrit – một trong ba tộc djinn phe Ác – bà chỉ cần đơn giản cướp lấy cơ thể một ai đó. Tuy nhiên, trong khi việc mượn tạm cơ thể là một hành động cho phép đối với một djinn phe Thiện, việc cướp đoạt cơ thể lại bị nghiêm cấm khắt khe bởi *Những quy luật Baghdad*, vốn là những nguyên tắc, điều luật áp dụng cho tất cả các djinn. Ít nhất nó bị nghiêm cấm, trừ khi cơ thể đó hiện không được sử dụng.

Chuyện là, gia đình nhà Gaunt có một bà quản gia trung thành tên Trump. Bà Trump đã bị ngã một cú trí mạng xuống cả tầng cầu thang, và kết quả là giờ đây, bà đang hôn mê bất tỉnh trong bệnh viện. Sau khi kiểm tra tình trạng của bà Trump, bà Gaunt đã nhận ra rằng, dù cơ thể của bà Trump vẫn hoạt động bình thường, tổn thương não bộ của nữ quản gia tội nghiệp lại không

thể chữa được. Và, chắc chắn là bà Trump sẽ tán thành việc bà chủ mình đang làm, bà Gaunt đã quyết định nắm quyền kiểm soát hoàn toàn cơ thể của bà Trump.

Bà Gaunt có thể gặp những lựa chọn tệ hơn. Bà Trump không phải là một phụ nữ xấu. Trên thực tế, bà từng là một hoa hậu, mặc dù bà thiếu sức quyến rũ cuốn hút và nét tính cách độc đáo của bà Gaunt. Tuy nhiên, dù bản thân Layla Gaunt đôi lúc quên bống chuyện bà đang ở trong một cơ thể khác, những thành viên còn lại của gia đình bà lại hiếm khi quên đi chuyện đó. Ông Gaunt cùng hai đứa con đã rất cố gắng để làm quen với việc bà Gaunt hiện đang trong cơ thể của bà Trump.

Có người từng nói rằng, vẻ bề ngoài có thể đánh lừa con người. Điều này khá đúng trong trường hợp của bà Trump/ Gaunt, khi mà không may, ông Gaunt có thói quen chỉ nói với bà về những chuyện nội trợ, như quần áo giặt ủi và vải vóc giặt khô và làm món gì cho buổi tối, trong khi lũ trẻ khăng khăng gọi bà là “bà Trump” thay vì gọi Mẹ hay Má mi, và luôn miệng đề nghị bà thêm vài món vào danh sách đi chợ hàng tuần.

Tệ hơn nữa có lẽ là việc những người bạn của họ - những người không biết được thân phận thật của bà Trump, cũng như việc ba thành viên của gia đình nhà Gaunt có sức mạnh djinn – khó có thể chấp nhận sự thân mật quá mức của vị nữ quản gia đối với ông Gaunt. Việc bà hay nắm tay ông và đôi lúc hôn má ông. Việc bà dường như chẳng bao giờ thật sự làm việc nhà. Việc bà đối xử với cái nhà này như thể nó thuộc về chính bà. Việc bà mặc những bộ áo lông thú và lái xe của bà Gaunt.

Ông Gaunt trước sau như một giải thích rằng vợ Layla của ông đã đến Úc theo đuổi sự nghiệp điêu khắc. Nhưng những bà bạn tinh mắt của gia đình nhà Gaunt đã để ý thấy bà Trump đeo nữ trang của bà Gaunt và nghi ngờ đó có thể là một lời nói dối. Thậm chí một, hai người còn phỏng đoán rằng Layla Gaunt đã bị “thủ tiêu”.

Tình huống bất hạnh này lên đến đỉnh điểm khi một ngày nọ, một viên thanh tra cảnh sát xuất hiện trước cửa nhà gia đình Gaunt. Đó là một người đàn ông to lớn, râu tóc rậm rạp với hàng ria mép quặp xuống, đến từ quận

Bronx. Tên ông là Thanh tra Michael Wolff. Ông trình thẻ cảnh sát của mình cho người phụ nữ ăn mặc sang trọng ra mở cửa, người tự giới thiệu – ít nhất với ông – là quản gia của nhà Gaunt, bà Trump.

Thanh tra Wolff hỏi:

– Ông Gaunt có nhà không?

Bà Trump trả lời:

– Không, ông ấy tối mới về. Có chuyện gì à, thưa thanh tra?

Viên thanh tra bảo:

– Tôi muốn hỏi ông Gaunt về vợ ông ấy. Có người báo bà ấy bị mất tích.

Bà Trump nói:

– Vợ vẫn. Ai báo vậy?

– Vài người bạn của bà Gaunt. Bà có biết bà ấy đang ở đâu không, bà Trump?

– Bà ấy hiện ở Úc. Tôi mới nói chuyện với bà ấy hôm trước đây mà.

Viên thanh tra cho biết:

– Tôi đã kiểm tra bên chính quyền Úc. Không có báo cáo nào cho thấy bà ấy đã nhập cảnh Úc.

– Vậy ư?

Bà Trump/Gaunt bắt đầu lưỡng lự cân nhắc việc có nên dùng sức mạnh djinn lên viên thanh tra hay không.

– Có lẽ ông nên vào nhà trước đã.

Hoàn toàn không biết gì về mối đe dọa giờ đây đang lơ lửng trên đầu, viên thanh tra bước vào trong nhà, khi bà Trump đóng cánh cửa màu đen nặng nề lại sau lưng, ông đưa mắt nhìn xung quanh với vẻ tán thưởng.

Ông bảo:

– Nhà đẹp thật. Tôi luôn thích những căn hộ sang trọng, rộng rãi ở khu Thượng Đông New York như thế này.

Bà Trump trả lời theo thói quen:

– Cám ơn.

Rồi chợt nhớ ra mình hiện giờ đang vào vai ai, bà vội nói thêm:

– Nhưng lau dọn nó cũng mệt lắm đấy.

Quan sát bà, viên thanh tra nhận xét:

– Nhìn bà không giống một người giúp việc nhà bình thường chút nào. Tôi không có ý thất lễ gì, thưa bà, nhưng tôi chưa bao giờ thấy một người giúp việc nào đeo trang sức và ăn mặc như bà. Tôi biết rõ chuyện đó. Vợ tôi cũng là một người giúp việc nhà.

Bà Gaunt thường biến những ai đe dọa đến bà hoặc gia đình bà thành động vật. Nhưng bà thật sự không muốn biến Thanh tra Wolff thành một con sói chút nào. Một con sói hoang trên đường phố Manhattan nhiều khả năng sẽ bị cảnh sát bắn hạ trong trường hợp nó đang cố tấn hại một ai đó. Cho nên, thật may cho viên thanh tra khi bà Gaunt hiện còn đang phân vân suy nghĩ nên biến ông thành một con vật gì đó thích hợp hơn.

Bà Trump/Gaunt cho biết:

– Tôi đã trúng độc đắc của Xổ số New York mấy năm trước. Chuyện đó ai cũng biết mà.

Đó là sự thật. Trúng xổ số là ước mơ lớn nhất của bà Trump trong một thời gian dài và, nhờ ơn Philippa, điều ước của bà đã trở thành hiện thực.

– Bà trúng được bao nhiêu?

– Ba mươi ba triệu đô.

Viên thanh tra huýt sáo:

– Và bà vẫn đi giúp việc nhà cho người khác sao?

Có lẽ là một con vẹt, bà nghĩ. Ông Wolff huýt sáo cứ như một con vẹt ấy.

Bà Trump/Gaunt trả lời:

– Tôi quý gia đình này. Họ giống như gia đình của chính tôi. Ông biết đó, tôi không muốn tiền bạc thay đổi cuộc sống của tôi.

Viên thanh tra tặc lưỡi nói:

– Vậy thì sáng tỏ được nhiều chuyện. Ví dụ như, sao bà ăn mặc đẹp như vậy.

Bà Trump/Gaunt bắt đầu bớt căng thẳng: Có lẽ bà sẽ giải quyết được mọi chuyện trong êm đẹp.

- Tôi hy vọng thế. Và cảm ơn ông khen ngợi, Thanh tra Wolff.
- Chỉ có điều, nó vẫn chưa giải thích được bà Gaunt đang ở đâu.
- Như tôi đã nói, thưa Thanh tra, tôi mới nói chuyện với bà ấy mấy ngày trước. Bà ấy đã gọi về đây. Nhưng tôi không biết bà ấy gọi từ đâu, nếu không phải là Úc.

Ngừng lại một chút trước khi đưa ra quyết định quan trọng về tương lai của chính mình, bà nói thêm:

- Tuy nhiên...
- Tuy nhiên?
- Bà ấy có thông báo với tôi rằng bà sắp trở về New York. Vào cuối tháng này.
- Bà ấy nói vậy à?

Móc ví ra, viên thanh tra rút một tấm danh thiếp và đưa cho bà Trump:

- Khi nào bà Gaunt về, cảm phiền bà bảo bà ấy gọi điện cho tôi được không?

Bà Trump/Gaunt gật đầu:

- Dĩ nhiên là được, thưa Thanh tra.

Rồi bà tiễn ông ra cửa, lòng khá nhẹ nhõm rằng ông thanh tra rời khỏi nhà trên hai chân thay vì bốn.

* * *

Sau bữa tối hôm đó, bà Trump/Gaunt nói bà có một thông báo quan trọng cho cả nhà. Bà bảo:

- Mẹ đã quyết định sẽ đi vắng vài tuần.

Ông Gaunt hỏi:

– Chị định đi đâu vậy, chị Trump? À, ý anh là, em định đi đâu vậy, em yêu?

– Brazil.

Đến lượt John hỏi:

– Bà... à, ý con là, mẹ đến đó làm gì vậy?

Bà trả lời:

– Để thực hiện một thủ tục quan trọng: Phẫu thuật.

John hỏi han:

– Mẹ bệnh à?

Bà Trump/Gaunt bảo:

– Mẹ mệt mỏi, có lẽ vậy. Nhưng không phải như con nghĩ, John, con yêu. Chắc con sẽ nghĩ rằng mẹ mệt mỏi với việc mọi người quên mất mẹ thật sự là ai. Mẹ mệt mỏi với việc mọi người quên mất chỉ có vẻ ngoài của mẹ là bà Trump. Mẹ mệt mỏi với việc mọi người quên mất ở bên trong, mẹ vẫn là Layla Gaunt.

Ông Gaunt nói:

– Anh xin lỗi, em yêu.

Dù bà Trump/Gaunt nhìn không có gì giống với người phụ nữ mà ông đã kết hôn, ông vẫn có thể cảm nhận được bà đang rất đau khổ. Biết thế nên ông đứng dậy, bước đến bên cạnh bà Trump/Gaunt và hôn lên trán bà. Nhưng đó không phải là một nụ hôn đầy yêu thương. Ông Gaunt khó có thể cư xử thật là thân mật với một người nhìn giống như bà quản gia cũ của gia đình, cho dù bà đang mặc đồ của vợ ông. Nhận ra điều đó, ông hôn lên trán bà lần nữa như muốn bù đắp. May là bà Trump/Gaunt đang ngồi vì, như bà Gaunt trước đây, bà cũng cao hơn ông đến một cái đầu. Ông Gaunt nói tiếp:

– Anh vẫn luôn cố nhớ em đang ở trong cơ thể chị Trump. Chỉ là, đôi lúc anh quên mất. Tất cả chỉ có vậy. Anh chỉ là người thường thôi, em yêu. Không giống em.

– Ồ, không phải lỗi của mọi người đâu. Là lỗi của em. Đáng lẽ em nên nhận ra chuyện này khó hơn em tưởng. Và em nghĩ nó sẽ còn khó khăn hơn

nữa. Anh thấy đấy, một viên thanh tra cảnh sát đã đến nhà chúng ta hôm nay.

John hỏi, giọng không giấu được sự tò mò:

– Thanh tra? Bộ có án mạng hả mẹ?

– Không có. Nhưng cảnh sát đang nghĩ là có. Con thấy đấy, có vẻ như ai đó đã báo án rằng mẹ – ý mẹ nói là thân phận thật của mẹ, Layla Gaunt – đã mất tích.

Ông Gaunt gật gù:

– À, anh cũng đang tự hỏi khi nào một chuyện như thế sẽ xảy ra. Ý anh là, sớm hay muộn cũng có người đặt câu hỏi về em thôi. Vậy em trả lời như thế nào, em yêu?

– Em nói với ông ấy rằng em – có nghĩa là Layla Gaunt – sẽ rời Úc về nhà vào cuối tháng này. Điều đó sẽ chứng minh em vẫn còn sống, dĩ nhiên. Và nó sẽ giúp chặn lại những cuộc điều tra không đáng có từ phía cảnh sát.

Philippa hỏi:

– Mẹ định làm điều đó như thế nào mới được? Ý con là, cơ thể của mẹ ấy. Nó đã bị thiêu hủy khi mẹ bay qua ngọn núi lửa ở Hawaii. Trên đường từ Baghdad về đây. Chẳng phải mẹ đã nói, nó đã bị đốt cháy thành than sao? Bởi sức nóng của dòng nham thạch bắn lên từ ngọn núi lửa đó.

– Đó hoàn toàn là sự thật, con yêu. Nó đã bị đốt cháy. Mẹ đã rất may mắn vì còn cứu vãn được linh hồn của mình. Không, chỉ là mẹ đã quyết định hình dáng hiện tại của mẹ cần được điều chỉnh một chút. Đó là lý do tại sao mẹ cần đến Brazil. Con thấy đấy, Brazil được công nhận như thủ đô giải phẫu chỉnh hình và thẩm mỹ của thế giới. Đó là nơi ở của bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ tài giỏi nhất thế giới, Stanley Kowalski. Một số ngôi sao điện ảnh mẹ quen biết đã ca ngợi ông ấy có thể tạo ra điều kỳ diệu. Và vì mẹ biết Kowalski cũng là một djinn, mẹ có thể chắc chắn lời khen ngợi ấy là xứng đáng. Mẹ dự định nhờ ông ấy giúp mẹ nhìn giống y như trước khi bị tai nạn.

Ông Gaunt lại lờ lờ:

– Chị định đi trong bao lâu, chị...?

Bà Trump/Gaunt mỉm cười đầy kiên nhẫn:

– Vài tuần. Có thể là lâu hơn một tí. Cho đến khi mọi chuyện xong xuôi, em nghĩ vậy.

John hỏi:

– Tụi con đi chung được không? Con chưa bao giờ đến Brazil cả.

Người phụ nữ là mẹ của cậu trả lời:

– Mẹ nghĩ là không, con yêu. Ngoài ra, mẹ muốn cả hai đứa ở đây chăm sóc cha.

Ông Gaunt khẳng khẳng:

– Nhưng anh đâu có cần ai chăm sóc nữa. Anh hồi phục hẳn rồi mà. Em thấy đấy, anh lại là anh đây nè.

Ông Gaunt đang nói đến chuyện ông đã phục hồi hoàn toàn từ chú trói buộc Methusaleh mà Layla Gaunt đã đặt lên chồng bà. Nó đã khiến ông lão hóa một cách nhanh chóng. Trong một khoảng thời gian, nhìn ông Gaunt chẳng khác gì một cụ già hai trăm tuổi. Nhưng giờ đây ông đã trở lại như xưa: một người đàn ông tóc xám nhỏ người, lịch thiệp, năm mươi hai tuổi, “già” cỡ này là vừa đủ.

Bà Trump/Gaunt thở dài:

– Ừ, ít nhất một trong hai chúng ta đã trở lại như cũ. Em không còn chắc em là ai nữa. Không còn nữa. Mỗi lần nhìn vào trong gương, em lại muốn hỏi bản thân có cái khăn sạch nào không. Hay có cần gọi thợ lau kính cửa sổ đến không. Hay em có cần chạy ra cửa hàng mua thêm ít cà phê không. Anh thấy đó, không chỉ anh và mọi người trông thấy chị Trump. Em cũng thấy.

Philippa thắc mắc:

– Mẹ không thể làm điều đó với sức mạnh djinn sao? Ý con là, việc thay đổi dáng vẻ bên ngoài của mẹ ấy?

Bà Trump/Gaunt trả lời:

– Quá nguy hiểm. Biến bản thân thành khói là một chuyện. Cố thay đổi hình dạng khuôn mặt lại là một chuyện hoàn toàn khác. Tin mẹ đi, nhiều chuyện khủng khiếp đã xảy ra cho những djinn cố làm mình nhìn đẹp hơn. Minh chứng hẳn hoi đây: mẹ có biết một cô bạn học cùng trường, cô ấy

muốn làm cái mũi của mình nhỏ hơn. Hậu quả là cô ấy mất luôn cái mũi. Hay như một ông bạn của Nimrod, ông ta có hai lỗ tai phè ra như tay cầm của một chiếc cúp. Ông ấy đã cố rút chúng lại với sức mạnh djinn, nhưng cuối cùng lại khiến chúng dính vào nhau ở sau đầu. Thật kinh khủng. Kết quả là một chuyến viếng thăm bác sĩ thẩm mỹ sau đó. Rồi còn cha các con nữa. Nhìn ông xem. Con không nghĩ nếu có thể, mẹ lại không làm ông cao hơn sao? Con không thể kiểm soát một thứ như thế này. Con bắt tay vào việc với ý định làm cho ai đó cao hơn vài tấc, và rồi họ trở thành người cao nhất thế giới.

Đưa mắt nhìn hai đứa con, ông Gaunt gật đầu bảo:

– Thật đó. Ba mẹ đã từng thảo luận về vấn đề này một lần, rồi từ bỏ nó. Hai đứa có biết một số vận động viên bóng rổ nhà nghề từng là những anh chàng rất lùn có được ba điều ước không?

John thắc mắc:

– Việc đó có gì không ổn à?

Ông Gaunt bảo:

– Không có gì không ổn. Nếu chơi bóng rổ là tất cả những gì con muốn làm trong cuộc sống. Ý ta là, nếu con cao đến hai mét mấy, con còn có thể làm gì khác được chứ?

Bà Trump/Gaunt nói cứng:

– Mẹ cứ nghĩ cả nhà sẽ hài lòng với quyết định này. Nhưng dù mọi người không vui về gì, mẹ cũng sẽ làm chuyện đó. Mẹ chỉ muốn được cảm thấy hài lòng với bản thân mình lần nữa. Chỉ vậy thôi.

Ông Gaunt hỏi:

– Khi nào em đi?

– Em đã gọi điện cho bác sĩ Kowalski rồi. Ông ấy hẹn em đợt trị liệu đầu tiên vào ngày kia. Có nghĩa là em sẽ bay đến Rio tối nay. Bằng lối gió nhé.

* * *

Họ đi lên tầng mái của Bảo tàng Guggenheim ở New York để tiễn bà Gaunt.

Trong nhiều thế kỷ qua, lốc gió được ưa chuộng hơn thảm bay, là phương tiện di chuyển ưa thích của các djinn. Không chỉ có tốc độ nhanh như – nếu không muốn nói là nhanh hơn – một chiếc máy bay phản lực, lốc gió còn là một phương tiện di chuyển thân thiện hơn với môi trường vì nó được tạo ra chỉ từ một luồng gió ấm.

Khi còn nhỏ, Layla Gaunt và em trai bà, Nimrod, đã tạo ra những ngọn lốc gió cỡ nhỏ trên mái của Guggenheim trong chuyến viếng thăm New York đầu tiên của họ. Có một thứ gì đó về hình dáng xoắn ốc đảo ngược của tòa nhà nổi tiếng thuộc về Frank Lloyd Wright, khiến djinn có thể dễ dàng tạo ra một ngọn lốc gió. Không có gì phức tạp. Bạn chỉ cần đợi cho một cơn gió nhỏ trong khu vực quay trên mặt đất rồi xoắn nó thành một cái phễu. Và khi cái phễu gió bắt đầu cuốn đi, bạn chỉ việc lái nó thành một ngọn gió to hết mức có thể, rồi di chuyển về bất cứ phương hướng nào bạn muốn. Mẹo để tránh gây ra bất kỳ tổn hại nào đến các kiến trúc xung quanh là cố gắng cất cánh nhanh gọn.

Tuy nhiên, tối hôm nay, Layla đã bị sốc nặng khi phát hiện ra bà không thể điều khiển ngọn gió. Điều này không phải vì sức mạnh của bà bị giảm đi khi ở trong cơ thể của bà Trump, mà đơn giản vì có quá nhiều luồng gió ấm hỗn loạn trong không khí.

Bà la lớn trong tiếng gió âm ỉm:

– Mẹ không hiểu. Một cơn gió nhỏ khu vực không thể nào gia tăng sức mạnh nhanh chóng như thế này. Không phải ở đây. Không phải ở New York.

Bà cố kiểm soát ngọn lốc gió, nhưng khi tốc độ của nó nhanh chóng đạt ba trăm dặm một giờ, bà buộc phải buông tay và nhìn nó lướt đi. Cơn lốc được thả rộng vút về phía Tây, càn quét qua Công viên Trung Tâm, búng tung rễ cây, lật úp những băng ghế, nó trở thành thứ được Trung tâm Khí tượng học Quốc gia ghi nhận và thông báo trên tất cả các mặt báo ngày hôm sau như ngọn gió mạnh nhất từng ập vào New York từ ngày hai mươi hai tháng Hai năm 1912. Vào ngày này, một cơn gió có sức di chuyển lên đến

chín mươi sáu dặm một giờ đã viếng thăm thành phố trong năm phút. May mắn cho thành phố là cơn gió lần này hung hãn gấp ba lần, nhưng chỉ kéo dài trong hai phút trước khi biến mất vào dòng chảy khí quyển.

Layla lẩm bẩm:

– Chuyện này chưa bao giờ xảy ra trước đây. Mẹ không hiểu. Trừ khi...

Rồi bà lắc đầu:

– Không. Không thể là thế. Chắc chắn không thể sớm như vậy.

Philippa hỏi:

– Sao vậy mẹ?

Mẹ cô vẫn lắc đầu liên tục khi giải thích:

– Chỉ là, một số djinn đã dự đoán việc trái đất nóng dần lên sẽ ảnh hưởng đến khả năng tạo ra và điều khiển lốc gió của chúng ta. Nhưng mọi người nghĩ đó là chuyện của rất nhiều năm nữa.

Philippa nói:

– Đạo này có nhiều cơn bão xảy ra hơn. Có thể chúng ta đang bị ảnh hưởng của chúng cũng nên.

– Ừ, chắc là vậy. Có lẽ con nói đúng, con yêu.

John gợi ý:

– Hay mẹ thử lại lần nữa xem?

Bà Trump/Gaunt thú nhận:

– Mẹ không dám. Ít nhất, không phải ở một khu đã xây dựng như thế này, ở những nơi như vậy, ngọn gió có thể gây tổn hại đến một cái gì đó.

Lại lắc đầu, bà nói:

– Ôi trời, mẹ nghĩ chắc mẹ sẽ đi máy bay như tất cả những người khác thôi.

Và Layla đã làm như vậy, sau khi gọi điện cho cậu em Nimrod của bà ở London để thông báo chuyện đã xảy ra với bà, đáp lại tin tức của chị mình là chuyện chính bản thân ông cũng đã trải nghiệm một rắc rối tương tự gần đây.

Cậu Nimrod cho biết:

– Em cũng đang định bay đến Mỹ thì chuyện tương tự xảy ra cho em. Cuối tuần này em có hẹn đến nhà Frank Vodyannoy ở New Haven, Connecticut. Anh ấy sắp tổ chức một giải Djinnverso thu nhỏ. Nhưng giờ em sẽ phải đến đó bằng máy bay dân dụng.

Layla hỏi em mình:

– Nhưng tại sao chuyện đó có thể xảy ra nhỉ? Có phải liên quan đến việc trái đất nóng lên không?

– Có lẽ thế. Tuy nhiên, em nghĩ nguyên nhân nghiêng về việc phá hủy rừng mưa nhiệt đới Brazil nhiều hơn là việc tích tụ cacbon.

Bà Trump/Gaunt hỏi:

– Nhưng chúng ta biết làm gì bây giờ? Sau những chuyện như thế này, việc chị bắt máy bay đến Brazil có vẻ gì đó không hay.

Cậu Nimrod đồng ý:

– Đúng là thế. Dù sao em vẫn luôn nghĩ, chúng ta khó có thể cảm thấy như một djinn nếu buộc phải di chuyển bằng máy bay dân dụng. Đó là chưa kể đến chứng sợ không gian hẹp. Em đang tự hỏi, làm sao chúng ta có thể chịu đựng nổi việc bị trói buộc một chỗ tù túng như những con gà trong suốt mấy giờ liền.

Chị cậu nói:

– Mundane họ vẫn chịu được mà. Bằng một cách nào đó.

– Chỉ là vì họ đã quen bị đối xử như những con gà thôi.

Bà Trump/Gaunt bảo:

– Chẳng bao lâu nữa, chị e tất cả chúng ta rồi cũng phải làm quen với điều đó. Giờ thì chị gọi đó là một sự thật phiền toái.



Chương 1

Ba gã tu sĩ

Dù là anh sinh đôi, John Gaunt lại có nhiều điểm khác biệt với em gái Philippa. Hiển nhiên nhất là khác biệt về ngoại hình, vốn thường là đặc trưng của tất cả những trường hợp thụ tinh kép, hay còn gọi là song sinh – ngay cả với những cặp sinh đôi loài người: Philippa nhỏ hơn, với tóc đỏ và đeo mắt kính, trong khi John cao lớn hơn với màu tóc sậm. Cậu là người của hành động, trong khi em gái cậu mạnh về tư duy. Cậu thích xem phim hơn là đọc sách. Và cậu không thích Djinnversoctoannular, vốn là một game về khả năng lừa phỉnh đối thủ được hầu hết djinn yêu thích. Cả John và Philippa đều là hậu duệ thần đèn, có một người mẹ djinn, nhưng chỉ có Philippa hứng thú với trò giải trí có từ thời xa xưa này. John là một người hầu như không có khả năng giả vờ – em gái cậu hiện được xếp hạng Ấn Danh, thứ hạng chỉ thấp hơn Chuyên Gia một bậc – chuộng những trò chơi trung thực, nếu không muốn nói là không cần suy nghĩ nhiều, chơi được trên màn hình điện tử nhỏ. Và bình thường cậu sẽ không bao giờ nghĩ đến việc đi cùng Philippa đến một giải đấu Djinnverso, tuy nhiên, sự thật là cậu cũng đã được mời đến giải đấu cuối tuần tại ngôi nhà vùng quê của ông Vodyannoy ở New Haven.

Vì John luôn coi ông Vodyannoy như một người bạn của cậu (chứ không hẳn chỉ là bạn của Philippa), và vì cậu biết sẽ phải đối mặt với một kỳ nghỉ cuối tuần nhàm chán nếu ở lại New York một mình, John đã quyết định đi

theo em gái. New Haven chỉ cách New York chưa đầy hai tiếng xe lửa. Ngoài ra, theo như lời kể của cậu Nimrod, ngôi nhà với tên gọi Nightshakes^[1] của ông Vodyannoy nổi tiếng bị ma ám. Không những thế, ông Vodyannoy còn sở hữu bộ sưu tập những bàn cầu cơ cổ đại lớn nhất trên thế giới, một số trong đó lên đến hơn một trăm tuổi. John đã hy vọng trong khi em gái, cậu Nimrod và ông chủ tiệc bạn chơi Djinnverso, cậu có thể nhờ đến sự hỗ trợ của những cư dân bóng đêm ở Nightshakes. Bởi vì điều ước mãnh liệt nhất của cậu bé djinn hiện giờ là, thông qua thế giới linh hồn, biết được ông bạn già Rakshasas của cậu thật sự đã chết hay chưa.

Nhưng trước hết, chúng cần được cha cho phép, mẹ chúng hiện đang ở Brazil, ông Gaunt giờ là người chịu trách nhiệm về sự an toàn của chúng.

Ông thắc mắc:

– Cha có thể hiểu được tại sao Philippa muốn đi. Em nó thích chơi Djinnverso. Nhưng còn con, John? Cha không thấy được lý do tại sao con muốn đi. Con ghét trò chơi đó lắm mà.

John trả lời:

– Con dự định sẽ đi tham quan bảo tàng Peabody khi chúng con đến New Haven ạ.

Philippa không nói gì.

John bổ sung:

– Cha biết đó, là cái bảo tàng ở Đại học Yale.

Cha cậu bảo:

– Cha biết nó ở đâu. Nhắc con nhớ rằng, cha cũng là cựu sinh viên của Yale. Chỉ là, cha có chút ngạc nhiên khi nghe con nói con muốn đến đó.

Giả vờ ngây thơ, John nói:

– Con không hiểu sao cha lại ngạc nhiên như thế đấy. Peabody có cả bộ sưu tập xương khủng long cực thú vị mà. Trên thực tế, bảo tàng đó có cả đồng bộ sưu tập đáng xem. Trong khi Philippa chơi game, con nghĩ mình sẽ dành phần lớn thời gian ngắm nhìn những món đồ thú vị trưng bày ở đó. Để mở mang kiến thức bản thân đó cha.

Ông Gaunt gật đầu:

– Cải thiện bản thân không bao giờ là quá đủ. Chỉ là, đừng có vướng vào rắc rối gì ở đó, được không?

John cười:

– Rắc rối? Con ấy à? Con không nghĩ có ai lại gặp rắc rối với việc đi dạo quanh một bảo tàng ngu ngốc cũ rích.

Philippa hỏi:

– Còn cha thì sao? Không có tụi con, cha có ổn không?

Ông Gaunt ôm lấy con gái:

– Cha ấy à?

Cô nói thêm:

– Khi không có mẹ bên cạnh như thế này này.

– Cha sẽ ổn thôi. Điều gì có thể xảy ra cho cha được chứ? Dù sao cũng cảm ơn con đã quan tâm cha nhé!

Rồi đưa tay vò tóc John, ông bảo:

– Hai đứa đi đi. Đi chơi vui vẻ.

Về phần mình, Philippa rất hoan nghênh sự đồng hành của John, mặc dù cô khá nghi ngờ tính xác thực của lời giải thích về dự định sẽ làm gì trong khoảng thời gian ở lại New Haven của ông anh. Dù gì cô cũng là em sinh đôi của John, và, ngay cả với mundane, những cặp sinh đôi thường có vẻ hiểu được rất nhiều chuyện về nhau dù không nói tiếng nào. Cứ thử hỏi một cặp sinh đôi, và họ sẽ nói cho bạn biết giữa họ có một sự thần giao cách cảm mà không có được một lời giải thích khoa học nào.

Chuyến đi đến New Haven bằng xe lửa từ Nhà ga Trung tâm New York của John và Philippa còn có sự hiện diện của cậu Nimrod, ông cậu vừa đến New York gần đây và cũng là một tay chơi Djinnverso cừ khôi, cùng vị quản gia người Anh của cậu - ông Groanin. Ông Groanin không phải là một khách du hành dễ chịu, và chẳng bao lâu sau khi khởi hành, ông đã bắt đầu lên tiếng phàn nàn về hệ thống tàu hỏa của Mỹ, mà đặc biệt là sự thiếu vắng các món ăn giàu năng lượng phục vụ bữa sáng.

Ông phàn nàn:

– Một toa ăn vặt. Đó là tất cả những gì họ có trên chiếc xe lửa này. Làm sao một người trưởng thành có thể chịu đựng được một toa ăn vặt thô thiển chỉ phục vụ súp, salad, pizza, sandwich, cùng thức uống và những món ăn vặt khác? Chuyện gì đã xảy ra với thịt xông khói Canada, xúc xích Đức, bánh mì nướng giòn, bánh pudding đen, trứng, nấm và cà chua, bánh mì và mứt, cùng những tách trà ngọt ngào, nóng hổi? Tôi muốn nói rằng, tôi ước gì có một toa ăn đàng hoàng trên chiếc xe này.

Cậu Nimrod nhắc:

– Anh đã ăn sáng ở khách sạn trước khi đi sáng nay rồi mà.

Ông Groanin bĩu môi:

– Đó là ở khách sạn. Xe lửa luôn làm tôi thấy đói.

John cũng bắt đầu thấy đói sau khi nghe ông Groanin mô tả về bữa sáng trong mơ của ông, quyết định thực hiện điều ước của ông nghe cũng có vẻ được. Vì thế, vài phút sau đó, tất cả bọn họ đã ngồi xuống dùng bữa trong một toa ăn sang trọng không thua kém gì toa ăn của Orient Express.

Cậu Nimrod nói với cháu trai:

– Cháu nên ngừng làm những chuyện như vậy.

John nhún vai:

– Chỉ một lần thôi mà cậu.

Cậu Nimrod nghiêm giọng nói:

– Ngay cả chỉ một lần cũng không nên. Cháu biết đấy, nó có thể thu hút sự chú ý của người khác. Đó là chưa kể đến những hệ quả không lường trước được của việc thực hiện điều ước cho ai đó. Cháu còn nhớ anh Rakshasas thường nói gì không? Có một điều ước cũng giống nhóm một đồng lửa. Nhiều khả năng khói sẽ làm ai đó cay mắt.

Ông Groanin xen vào bảo:

– Riêng bản thân tôi, tôi mừng là thằng bé đã thực hiện điều ước của tôi, thưa ngài. Không một chuyến đi nào không trở nên tốt đẹp hơn với một bữa

sáng Anh quốc đúng chuẩn. Đặc biệt là một bữa sáng với một tấm khăn trải bàn màu trắng trang nhã cùng đồ bạc hợp phong cách.

Mỉm cười khoan dung với cháu trai, cậu Nimrod bảo:

– Ủ, tôi cũng không phản đối suy nghĩ đó.

John thắc mắc:

– Cháu vẫn không hiểu. Rốt cuộc tại sao chúng ta lại phải đi xe lửa? Sao không dùng lốc gió?

Cậu Nimrod trả lời:

– Cháu quên chuyện gì đã xảy ra cho mẹ cháu rồi sao, John. Sau chuyện đó, cậu đã đánh tiếng hỏi thăm những djinn mà cậu quen biết, và biết được tất cả djinn chúng ta, dù phe tốt hay xấu, đều gặp rắc rối với việc du hành bằng lốc gió. Cho đến khi có ai đó, ở đâu đó, nghĩ ra được nên làm gì với vấn đề này, chúng ta sẽ phải di chuyển như mundane. Ở đâu còn phải lo lắng việc du hành trên không, thì ở đó thật bất hạnh. Nhưng đâu đó, trong tình huống này, chúng ta có một chiếc xe lửa hoàn hảo, và cậu không thấy có gì là không ổn với nó cả.

Ông Groanin làu bà:

– Tôi không thấy hoàn hảo ở đâu cả.

Không để ý đến vị quản gia, cậu Nimrod tiếp tục nhắc nhở John:

– Cậu có cần nhắc cho cháu nhớ về tác động của việc sử dụng sức mạnh vô tội vạ lên năng lượng sống của cháu không, John? Cậu đã nói với cháu về điều đó bao nhiêu lần rồi? Mỗi lần chúng ta sử dụng sức mạnh djinn, ngọn lửa cháy trong mỗi djinn chúng ta sẽ lụi tàn dần. Hãy cố mà nhớ chuyện gì đã xảy ra cho cậu bạn Dybbuk tội nghiệp của cháu.

John cúi đầu nhận lỗi:

– Cháu nhớ ạ.

Nhưng giờ đây, giống như tất cả những ông cậu quan tâm đến cháu khác, cậu Nimrod một lần nữa nhắc cho John nhớ:

– Dybbuk đã liệu lĩnh sử dụng sức mạnh của nó đến cạn kiệt. Hoàn toàn. Và có lẽ là vĩnh viễn đấy.

Philippa lẩm bẩm:

– Không biết cậu ấy giờ ở đâu nhỉ.

Cậu Nimrod nhẹ nhàng nói:

– Nó đã lựa chọn đặt mình ở bên ngoài thế giới djinn. Dybbuck đã đi đến một nơi nằm ngoài sự thương cảm của chúng ta. Vào trong cái lạnh. Theo đúng nghĩa của nó, cậu e là vậy.

Philippa hỏi:

– Có ai từng quay lại từ cái lạnh không cậu?

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Cậu e là không. Bản thân cậu chưa bao giờ thấy.

Philippa hỏi tiếp:

– Cậu ấy sẽ đi đâu?

Cậu Nimrod bảo:

– Có lẽ là Ai Cập. Đó là nơi cậu sẽ đến nếu trở nên lạnh lẽo.

– Tội nghiệp Dybbuk.

John lẩm bẩm, rồi gọi một bữa sáng nóng hổi.

* * *

Như thường lệ, ông Edward Gaunt rời nhà vào đúng bảy giờ ba mươi sáng, và liếc nhìn về phía tay phải, nơi chiếc limousine Maybach màu xám của ông đang chờ. Gần như không nhấc mắt khỏi tờ báo đang đọc, ông bước xuống các bậc thang, chui vào hàng ghế sau xe. Ông rót ít nước vào một cái cốc bằng bạc và ổn định vị trí trên cái ghế bọc da của mình, rồi theo dõi thông tin giá cả thị trường trên báo - một việc ông luôn làm vào buổi sáng. Ngay cả những người có thói quen sinh hoạt điều độ cũng có vẻ kém nền nếp nếu đem ra so với Edward Gaunt. Chiếc xe đã băng qua mấy khu nhà trên đại lộ Park, giờ ông Gaunt mới nhận ra nó không được lái bởi người tài xế quen thuộc của ông, mà bởi một gã đàn ông xa lạ.

Ông hỏi:

– Anh Senna đâu?

Gã đàn ông cao to, hói đầu và mặc một bộ đồng phục giống hệt ông Senna trả lời:

– Anh ấy bị bệnh, thưa ngài. Tên tôi là Haddo. Oliver Haddo. Tôi là một người bạn cũ của Senna và cũng là tài xế. Anh ấy đã nhờ tôi lái xe thay hôm nay.

Ông Gaunt chau mày nói:

– Anh Senna mà tôi biết chưa bao giờ bỏ lỡ một ngày làm việc nào trong đời. Anh ấy bị sao thế? Và tại sao anh ấy không tự mình gọi điện thông báo cho tôi biết chứ?

Gã Haddo trả lời:

– Tôi tin rằng anh ấy cũng muốn tự mình gọi điện, thưa ngài. Chỉ có điều căn bệnh khiến anh ấy không làm gì được.

Ông Gaunt hỏi:

– Cậu là người Anh đúng không, Haddo?

– Đúng thế, thưa ngài.

Ông Gaunt hỏi tiếp:

– Vợ tôi cũng sinh ra ở Anh. Mặc dù nhìn bà ấy bây giờ anh sẽ không nhận ra điều đó. Anh đến từ vùng nào của nước Anh đấy?

– Từ Strangways, thưa ngài. Ở Wiltshire.

– Tôi không biết nơi đó.

– Nó cách Stonehenge khoảng một phần tư dặm, thưa ngài.

– Anh muốn nói đến cái vòng tròn đá cổ đại của các tu sĩ à?

– Đúng thế, thưa ngài.

Ông Gaunt nói:

– Anh đến từ một nơi kỳ lạ đấy. Mà có mùi gì kỳ thế nhỉ?

Gã Haddo thừa nhận:

– Strangways là một nơi kỳ lạ ở nhiều mặt, thưa ngài. À, và cái mùi kỳ kỳ đó có lẽ là tôi, thưa ngài. Ngài thấy đó, khi ngài cọ xát với cái ác, đôi lúc một ít cái ác sẽ tróc ra.

– Anh nói vậy nghĩa là sao?

– Không chỉ là tài xế, tôi còn là một tu sĩ, thưa ngài. Chỉ có điều, không phải một bạch tu sĩ. Bọn chúng tôn thờ cái tốt. Tôi là một hắc tu sĩ...

Bật cười khùng khục với vẻ hắc ám trên mặt, gã kết thúc câu nói:

– ... Chúng tôi theo phe kia.

Ông Gaunt ra lệnh:

– Tôi nghĩ tôi muốn xuống xe. Dừng xe!

Gã Haddo nói:

– Như ngài muốn, thưa ngài. Tôi sẽ dừng xe ở ngã rẽ tiếp theo nếu ngài thích vậy.

– Vâng, làm ơn hãy như thế.

Trong tiếng còi âm ỉ của hàng loạt xe hơi và taxi ở sau lưng, chiếc Maybach ngừng lại gần như không một tiếng động nào ở giao điểm của đại lộ Park và đường số 57. Tuy nhiên, trước khi ông Gaunt kịp ra khỏi xe, hai cánh cửa sau xe nặng nề mở ra và hai gã đàn ông xa lạ khác ngồi vào kẹp ông ở giữa. Cái mùi kỳ lạ bên trong xe trở nên nồng nặc hơn.

Một trong hai gã đàn ông mới vào, cũng là người Anh, nói:

– Cám ơn nhé, ngài Haddo.

Chiếc xe lại chuyển bánh, cảm nhận được mỗi nguy hiểm nào đó, ông Gaunt định thử thoát khỏi xe, và ông nhận ra mình không thể cử động nữa. Một trong hai gã đàn ông nói:

– Đừng lo. “Mùi hương” trên người Haddo là một loại thuốc bôi có tác dụng thôi miên. Chỉ để làm ông tạm thời vô hại với chúng tôi và với chính bản thân ông mà thôi.

Ông Gaunt hỏi:

– Chuyện gì đang xảy ra vậy? Máy người là ai?

Gã đàn ông trả lời:

– Chúng tôi bắt cóc ông. Và ông đang bị bắt cóc. Vậy đó.

Ông Gaunt nói:

– Các người muốn tiền phải không?

Gã bắt cóc bật cười:

– Tiền à? Không. Không. Không phải thứ tầm thường đó đâu, mundane
ngây thơ à.



Chương 2

Bàn cầu cơ

Được tìm thấy vào năm 1638 bởi năm trăm tín đồ Thanh giáo (những người này đã nhanh chóng xóa sổ bộ tộc da đỏ Quinnipiac bản địa), thành phố New Haven nằm trên bờ Bắc cửa sông Long Island Sound và được biết đến nhiều nhất với trường Đại học Yale. Philippa biết có bảy vị Tổng thống Mỹ đã học ở Yale (đó là chưa kể đến một vị Thủ tướng Thổ Nhĩ Kỳ, cũng như cha ruột của cô), và, một ngày nào đó, cô cũng dự định sẽ theo học ở đó. Ngoài ông Gaunt, cựu sinh viên Yale khác mà John biết đến là Charles Montgomery Burns, tay chủ nhà máy điện hạt nhân Springfield trong series phim hoạt hình ăn khách The Simpsons, vốn là chương trình truyền hình yêu thích của cậu. Với John, việc một nhân vật phản diện như gã Burns theo học ở Yale là quá đủ thông tin để cậu có thể đánh giá về ngôi trường này.

Ông Vodyannoy chào đón cặp sinh đôi, cậu Nimrod cùng ông Groanin bước vào một căn nhà ven biển to lớn nhìn giống như một lâu đài trung cổ với tháp canh và những khung cửa sổ mũi tên đúng cách. Rất là ấn tượng với John. Ngoài ra, ông còn có một căn hộ tại tòa nhà ma quái Dakota ở Công viên Trung Tâm của New York. Nhưng ngôi nhà này của ông Vodyannoy thậm chí còn ma quái hơn cả Dakota.

Cậu nhận xét:

– Căn nhà “khủng” thật đấy, ông Vodyannoy. Ông sống ở đây lâu chưa?

Ông Vodyannoy cho biết:

– Khủng? Cháu muốn bảo nó quái quỷ chứ gì? Chắc cháu không biết nhận xét đó gần sự thật như thế nào nhỉ? Khi ta mua căn nhà Nightshakes này vào khoảng bảy mươi năm trước, nó đi kèm với một lời nguyện – một trong những lý do khiến ta không bao giờ ngừng cải tạo lại căn nhà – và lời nguyện là một thứ không ai dám xem nhẹ ở cái chốn này. Căn nhà chỉ có mười ba gian phòng khi ta mới mua nó. Từ đó đến nay, ta đã xây thêm bảy mươi gian phòng nữa, phần lớn ở mạn đông ngôi nhà, mà ta khuyên cháu đừng bao giờ bước vào khu ấy.

John tò mò:

– Phía đó có ma hả ông?

Ông Vodyannoy bảo:

– Còn tệ hơn thế. Mạn phía đông là khu vực vận xấu, xui xẻo của căn nhà này. Mà cấu trúc trong căn nhà này cũng khá thú vị. Chúng phản ánh sự xui xẻo đó. Ví dụ như, có tổng cộng mười ba mái vòm bát úp và mười ba hành lang. Tất cả các khung cửa sổ đều có mười ba ô, tất cả các sàn nhà đều lót bằng mười ba tấm ván, và tất cả cầu thang đều có mười ba bậc. Ở mạn đông của Nightshakes có những hành lang dẫn vào ngõ cụt và những cánh cửa mở ra khoảng trống bên ngoài, và căn nhà giờ đây đã quá lớn, cháu không thể tự tìm đường đi mà không bị lạc. Đó là lý do ta khuyên cháu cứ ở yên bên mạn tây. Hoặc phải đối mặt với những hậu quả có thể rất khủng khiếp. Ngay cả với một djinn. Còn nếu cháu xui xẻo đến nỗi bị lạc ở đó, ta khuyên cháu nên hét càng lớn càng tốt, càng lâu càng tốt và, có lẽ, một linh hồn gan dạ nào đó sẽ dám đến tìm cháu. Còn nếu như trời đã tối mịt, dĩ nhiên, trong trường hợp đó, cháu sẽ phải tự chúc bản thân may mắn cho đến sáng.

Ông Groanin rùng mình bảo:

– Ai mà bắt được tôi lò mò quanh đây khi trời tối thì cứ việc tống tôi vào trại tâm thần nhé.

Ông Vodyannoy cho biết:

– Đó cũng là một khả năng. Anh biết đó, trước khi tôi mua nơi này, nó từng là trại tâm thần địa phương.

Bất cứ ai có đầu óc đều sẽ chú ý cẩn trọng trước lời cảnh báo của Frank Vodyannoy, nhất là khi đã để ý đến vẻ ngoài có phần lập dị của ông: Ông cao lêu nghêu – cao hơn cả cậu Nimrod – với một bộ râu đỏ hoét, một cái mũi khoằm như mỏ đại bàng, và một cái cằm to đùng, trên gắn một viên đá mặt trăng có kích cỡ và màu sắc như mắt cá sấu. Ông Vodyannoy đã sống ở New York trong suốt bảy mươi lăm năm, tuy nhiên đôi lúc, cái gốc Nga của ông lại xuất hiện trong các cuộc đối thoại.

– Mà thôi, chuyện đó nói đến đây là đủ rồi. Giải Djinnverso sẽ bắt đầu trưa nay tại thư viện, vào lúc ba giờ. Từ đây đến đó, nếu có ai cần gì, chỉ việc rung chuông gọi anh Bo, quản gia của tôi, giờ anh ta sẽ dẫn mọi người đến phòng của mình. Anh Bo đâu nhỉ?

Một người đàn ông cao lớn với vẻ ngoài có phần méo mó tiến lên phía trước, cầm lấy tất cả hành lý cùng một lúc – bao gồm hơn mười hai cái túi xách, ba lô các loại – và nhấc chúng lên như thể đang xách một đồng túi shopping. Để ông Vodyannoy đi lại cửa chào đón một vị khách mới, Zadie Eloko, ông Bo dẫn họ đến phòng của từng người trong im lặng. Nhân cơ hội đó, Philippa đặt một loạt câu hỏi cho cậu Nimrod về lời nhận xét của ông Vodyannoy về mạn phía đông của căn nhà.

– Sau chuyến phiêu lưu lần trước, cháu cứ nghĩ thế giới linh hồn đã ít nhiều bị tẩy trừ. Rằng không còn hồn ma nào nữa. Vì Iblis đã hủy diệt gần như tất cả linh hồn.

Cậu Nimrod cho biết:

– Đúng là thế. Nhưng mỗi khắc trôi qua lại có những hồn ma mới được tạo ra. Người ta chết đi, và đôi lúc họ trở thành hồn ma. Và có một điều chắc chắn là, mọi thứ không còn như xưa. Phải mất vài thế kỷ nữa, thế giới linh hồn mới có lại nhiều hồn ma như trước. Tuy nhiên, một người đàn ông với một ngôi nhà như Nightshakes cũng nên được sở hữu một ít bản quyền lịch sử. Ngoài ra, bên cạnh những hồn ma, còn có nhiều thứ trên thiên đường và

mặt đất hơn là những gì cháu có thể tưởng tượng ra đây, Philippa. Ít nhất cậu hy vọng vậy.

Ông Groanin làu bàu:

– Ngài không còn suy nghĩ nào dễ chịu hơn sao?

Bước vào căn phòng mà ông Bo dẫn tới, ông Groanin đóng cửa lại sau lưng, đưa mắt nhìn xung quanh và gật đầu hài lòng khi nhìn thấy một cái giường to đùng, một cái tivi màn hình rộng, và gian phòng tắm lát đá cẩm thạch rộng như một cánh đồng. Ông vừa mới thả túi xách của mình xuống sàn và nằm ngửa ra giường thì một tiếng gõ cửa vang lên. Là John.

Nặng một nụ cười tươi nhất có thể, ông hỏi cậu bé:

– Cháu muốn gì đây, chàng trai trẻ? Ta hỏi, cháu muốn gì ở ta nào?

John nói:

– Nếu cháu không lầm, ông không mấy hứng thú với giải Djinnverso, phải không ạ?

– Cháu nghĩ đúng đấy. Ta ghét tất cả các loại game ghiếc, ngoại trừ bóng đá và trò phóng phi tiêu.

– Trong trường hợp đó, cháu tự hỏi không biết ông có muốn đi tham quan Bảo tàng Peabody cùng cháu không?

Ông Groanin cân nhắc lời đề nghị của John trong giây lát. Sự thật thì, với ông, đó cũng không phải là một ý tưởng hấp dẫn gì. Tình yêu của ông với các loại bảo tàng không còn được bao nhiêu kể từ lúc ông bị một con hổ tấn công trong khi đang làm việc ở Bảo tàng Anh quốc. Nhưng vốn rất quý John, ông quyết định đi chung với cậu chỉ để đảm bảo cậu không gây rắc rối gì, vì dù có là djinn, bản chất nghịch ngợm của các cậu con trai vẫn muôn đời không đổi.

* * *

Là một tòa nhà to lớn được xây dựng vào cuối thế kỷ mười chín, Peabody có vẻ ngoài giống một tòa giáo đường hơn là một khu bảo tàng. Nhưng

không giáo đường nào được trang trí bên ngoài bằng một loại tượng điêu khắc độc đáo như Peabody. Vì, đứng ngạo nghễ trên một bệ đá granit ngay trước mặt bảo tàng là một bức tượng đồng sống động với kích cỡ của một con Torosaurus thật, loài khủng long này gần giống với khủng long ba sừng Triceratops nhất.

Ông Groanin không mấy ấn tượng, làu bàu nhận xét:

– Sao người ta lại dựng tượng một con vật xấu đầu xấu đớn như vậy chứ? Không thể hiểu được! Lũ sinh vật ngớ ngẩn này có gì hấp dẫn chứ? Toàn một đám to xác, xấu tính với hàm răng sắc lẹm và cặp giò lóng ngóng.

Rồi khẽ rùng mình, ông tổng kết lại một câu:

– Kinh khủng!

John thì không đồng ý với nhận xét đó:

– Cháu thấy hay mà. Ông cứ thử tưởng tượng xem, chuyện gì sẽ xảy ra nếu bức tượng này sống dậy? Mức độ phá hủy của nó? Bảo đảm sẽ hoành tráng lắm đó!

Ông Groanin tuyên bố thẳng thừng:

– Nếu ta đủ may mắn để được một djinn nào đó ban cho một điều ước ngay bây giờ, ta sẽ ước cho con quái vật to xác khủng khiếp này cứ giữ nguyên như cũ. Vĩnh viễn. Cháu rõ chưa?

John nhăn mặt:

– Vâng ạ. Cháu chỉ tưởng tượng thôi mà.

– Đừng. Khi cháu tưởng tượng cái gì, ta cá là hầu hết người bình thường đều phải lo chuẩn bị mũ bảo hiểm.

Vào trong bảo tàng, họ bỏ vài tiếng đồng hồ lang thang nhìn ngắm những bộ sưu tập thiết bị nghiên cứu khoa học qua các thời kỳ lịch sử, thiên thạch, cổ vật Ai Cập, cùng vô số đồ thủ công mỹ nghệ bằng vàng, gốm sứ của khu vực Nam Mỹ. John chắc hẳn sẽ cảm thấy chán chết đi được, nếu không có cảm giác kỳ lạ rằng có ai đó đang nhìn họ chăm chăm. Thậm chí cậu còn một vài lần thỉnh linh quay phắt lại sau lưng, hy vọng sẽ bắt được kẻ đang theo dõi, nhưng rồi lại không phát giác điều gì bất thường. Thay vào đó, cậu

chỉ thu được những cái liếc mắt khó hiểu từ ông Groanin vì hành vi kỳ lạ của mình.

Ông hỏi:

– Cháu bị gì vậy, cậu nhóc? Nãy giờ cháu cứ thấp thỏm như một cái bao tải đựng đầy mèo hoang ấy.

John lắc đầu:

– Không có gì đâu ông.

Liếc ra ngoài cửa sổ, gió đang bắt đầu thổi mạnh, cậu lẩm bẩm:

– Chắc chỉ là gió thôi.

Rồi liếc nhìn đồng hồ đeo tay, cậu bảo:

– Chúng ta về thôi, ông ơi. Nơi này chán quá.

Ông Groanin đồng ý:

– Không nhận xét nào thích hợp hơn! Ta từng thấy những cái khăn mùi xoa có họa tiết còn thú vị hơn nơi này nữa là.

Khi họ về đến Nightshakes, giải đấu Djinnverso đang trong giai đoạn cao trào, và không mấy ai để ý đến John. Lần này, cậu hoàn toàn hài lòng với chuyện đó. Sau bữa tối, cậu đi kiểm vị quản gia kỳ quái của ông Vodyannoy, để hỏi một chuyện. Cậu tìm thấy ông Bo trong phòng để thức ăn dưới tầng hầm, đang dán mắt vào một cuốn tạp chí về đấm bốc, môn thể thao mà ông Bo từng chơi giỏi một thời, phải nói thêm là ông Bo có dáng người to như một con khỉ đột núi và gần như cũng nhiều lông lá như vậy, nên chơi giỏi môn thể thao này là một điều dễ hiểu.

John rụt rè lên tiếng:

– Ông Bo, cháu xin lỗi vì đã làm phiền ông, nhưng ông có thể chỉ đường cho cháu đến chỗ ông Vodyannoy cất giữ bộ sưu tập bàn cầu cơ được không ạ? Ông thấy đó, cháu muốn ngắm chúng một chút. Để xem tại sao chúng được coi là những món đồ cổ quý báu ấy mà.

Ông Bo lau bàu gì đó rồi đứng dậy, với tay lấy cái áo khoác xốc xếch của mình, và, rút từ trong túi áo ra một tấm bản đồ của ngôi nhà, rồi trải nó lên bàn ăn. Chỉ cái ngón trỏ to bằng một khúc cây nhỏ vào một hình vuông nhỏ

trên bản đồ, ông nói bằng một chất giọng kết hợp giữa cà phê, nhiều đêm mất ngủ, thuốc lá, cuống họng già nua như bị ai đó bóp nghẹt, và Hungary:

– Chúng ta đang ở đây. Cậu đi theo hành lang này, rồi lên cầu thang đến khu sảnh đầy những cái gương. Ra khỏi sảnh bằng cửa phía Đông, cậu đi xuyên qua phòng ảnh, rồi qua phòng nhạc, sẽ đến phòng tiếp khách mùa hè. Ra khỏi phòng tiếp khách bằng cánh cửa lớn, đi qua nhà kính, và cậu sẽ gặp cầu thang xoắn ốc. Lên hết cầu thang xoắn ốc, nếu may mắn, cậu sẽ đến được đài thiên văn – có thể dễ dàng nhận biết căn phòng đó nếu trông thấy một cái kính thiên văn phản quang lớn. Cầu cho sự may mắn của cậu vẫn tiếp tục, cậu sẽ rời khỏi đài thiên văn bằng một hành lang lát đá malachit xanh, đi liền một mạch qua khỏi phòng trưng bày chiến tích để đến khu sảnh của những cái bóng. Ở đó, trong mười ba cái ngăn kéo lớn dán nhãn CĂN THẬN, cậu sẽ tìm thấy thứ cậu đang tìm.

Gấp tám bản đồ lại, ông Bo đưa nó cho John và bảo:

– Đây. Cầm lấy nó. Phòng trường hợp cậu đi lạc.

John nói:

– Cám ơn ông. Mà, cho cháu hỏi, tại sao mười ba cái ngăn kéo đó lại dán nhãn CĂN THẬN vậy ông? Vì mấy bàn cầu cơ đó rất đắt giá hả?

Ông Bo nói, giọng cứng nhắc:

– Vấn đề không phải đắt hay không đắt. Chỉ là chúng khá nguy hiểm, và dù với bất cứ lý do nào cũng không nên để những người không am hiểu về chúng đụng tới. Ví dụ như một đứa bé mới mười hai, mười ba tuổi đầu. Dĩ nhiên, vì cậu là một djinn, tôi chắc cậu sẽ biết chính xác mình đang làm gì.

– Vâng. Ông nói đúng. Cháu biết cháu đang làm gì mà. Dĩ nhiên rồi.

Bất chấp niềm tin ông Bo đặt vào cậu, sự thật là John gần như không có tí khái niệm nào về công dụng của một bàn cầu cơ. Cất tám bản đồ vào người, cậu vội di chuyển ra cửa, miệng thì nói:

– Cám ơn ông đã giúp.

Chỉ tay về hướng ngược lại, ông Bo nhắc:

– Không phải hướng đó đâu. Hướng này này. Mà sẵn nhắc luôn, khu sảnh của những cái gương nằm ở ngay rìa mạn phía đông của căn nhà. Nói cách khác, nó chính là biên giới với mạn đông, một nơi không nên đến khi trời tối. Ngay cả với một djinn như cậu. Tám tháng trước đây, em gái tôi, Grace, đã mất tích trong mạn đông.

John tò mò:

– Bà ấy lạc trong đó bao lâu vậy ông?

Ông Bo cho biết:

– Rất tiếc phải nói rằng đến giờ nó vẫn mất tích. Thỉnh thoảng chúng tôi có nghe thấy tiếng khóc của nó văng vẳng từ đâu đó trong nhà, nhưng dù cố đến mấy chúng tôi vẫn không tài nào tìm thấy nó. Chúng tôi đã để thức ăn rải rác khắp nhà cho nó. Và thức ăn luôn biến mất. Nên chúng tôi cho rằng nó vẫn còn sống.

– Nhưng ông Vodyannoy chắc hẳn có thể tìm ra bà ấy mà. Với sức mạnh djinn ấy.

Ông Bo thắc mắc:

– Vodyannoy không giải thích về chuyện đó với cậu sao?

– Giải thích chuyện gì cơ?

– Có một chú trói buộc djinn gắn trên căn nhà này, khiến cho sức mạnh djinn không hoạt động trong đây. Đó là lời nguyền Nightshakes, thừa cậu. Trước khi được sử dụng như một trại tâm thần, nó từng thuộc về một djinn tộc Ifrit. Một tộc djinn cực kỳ khó chơi. Trên thực tế, nếu cậu cho phép tôi nói thẳng, đó là những gã cuồng thể hiện sự xấu xa của mình.

– À vâng, cháu cũng đụng độ với họ rồi ạ.

Bằng một giọng nói trầm sâu và khàn đục như một con cá sấu, ông Bo nhắc:

– Cậu sẽ cẩn thận, đúng không? Bị lạc mất hai người không phải là một chuyện vui về gì với chúng tôi đâu. Lạc một người thì còn có thể đổ cho xui xẻo. Nhưng để lạc đến hai người thì chỉ có thể tự trách tội bất cẩn.

– Vâng. Cháu sẽ ổn mà.

Trong một giây, những hạt mưa và những cơn gió chà xát vào khung cửa sổ như những con sói đói, chớp nhoáng, một tia chớp rọi sáng căn phòng để thức ăn của ông Bo như có ai đó chơi đùa với công tắc đèn điện.

Ông Bo nhận xét:

– Sắp có bão đấy.

John đáp lời:

– Cháu thì nghĩ nó đã thức dậy, ăn sáng và bắt tay vào việc từ lâu rồi ạ.

Ông Bo không mỉm cười trước câu nói đùa của John. Ông nói:

– Tôi nhắc đến nó, thưa cậu, vì hệ thống điện ở phía mạn đông của căn nhà này luôn không ổn định. Đặc biệt là trong một cơn bão điện từ. Tôi nghĩ cậu nên mang theo cây đèn pin này.

Ông Bo đưa cho John một cây đèn pin, rồi ngồi xuống tiếp tục đọc nốt cuốn tạp chí của mình. Có phần bất an trước lời cảnh báo của vị quản gia nhưng không mấy may mắn nhụt chí, vì cậu là một cậu bé ngoan cường và, phần lớn thời gian, rất dũng cảm, John thẳng tiến về phía khu sảnh của những cái bóng.

* * *

Phải mất nửa giờ John mới đến được khu sảnh của những cái bóng, và đến giờ này, cậu gần như phải liên tục lẩm nhẩm nói chuyện một mình để xua đi nỗi sợ hãi. Phòng ảnh treo đầy hình tổ tiên của ông Vodyannoy, vài người trong số đó nhìn như thể thuộc về một cuộc trình diễn những khuôn mặt quái dị nhất của lễ hội carnival. Đặc biệt là một bà cố vĩ đại với bộ râu đỏ hoét. Phòng tiếp khách mùa hè thì lạnh lẽo y như một hầm mộ, điều này không gây ngạc nhiên lắm vì vài bức tượng đầu thú bằng đá ở đó được chở về từ hầm mộ gia tộc Vodyannoy ở Vienna. Bước ra khỏi nơi được-gọi-là-phòng-tiếp-khách-mùa-hè đó thông qua một cánh cửa cao như giá bóng rổ, John bước xuyên qua khu nhà kính giăng đầy mạng nhện và leo lên một cái cầu thang xoắn ọp ọp, trên đỉnh là một đài thiên văn, trên này có một bộ

xương người ngồi trên một cái ghế bành bọc da màu đỏ nhìn như thể nó đang dùng kính thiên văn quan sát mặt trăng. Rồi, rời khỏi đài thiên văn bằng đoạn hành lang lát đá malachit xanh, cậu bước vào phòng trưng bày chiến tích. Không có một cái cúp vàng, bạc nào ở đây, chỉ có những con thú nhìn như thật đã bị bắn chết và nhồi bông một cách chuyên nghiệp trước khi được sắp đặt quanh phòng như vô số món đồ nội thất dữ tợn: một con gấu Kodiak, một con sư tử, một con hổ, một con chó rừng, một con linh cẩu, một con chó sói, một con báo, một con tê giác, và một con voi với ánh nhìn giết chóc trong cặp mắt màu hổ phách.

Cậu lẩm bẩm với bản thân:

– Quên Peabody đi nhé, chiến hữu. Cậu nên thăm thú cái bảo tàng này. Nó làm tớ nổi cả da gà rồi đây này.

Nhưng không gì có thể làm lung lay ý định của John. Cậu đã quyết chí sử dụng một trong những bàn cầu cơ để liên lạc với một linh hồn nào đó và tìm hiểu cho bằng được số phận của ông Rakshasas tội nghiệp. Một vài tháng trước đó, linh hồn của ông Rakshasas đã biến mất khỏi Bảo tàng Metropolitan ở New York, hình như ông bị một chiến binh đất nung Trung Quốc ma quái hấp thụ. Cơ thể của ông vốn được bảo quản tại căn hộ của gia đình Gaunt ở đường Đông 77, cũng đã biến mất không lâu sau đó. John rất nhớ ông lão djinn cùng những câu nói bằng tiếng Ai Len rất đặc trưng và thông thái của ông.

Khu sảnh của những cái bóng thật xứng đáng với tên gọi của nó. Cái đèn chùm trên trần có vẻ như không hoạt động, thay vào đó, một ngọn lửa bập bùng cháy trong cái lò sưởi to đùng khiến mọi thứ ở trong cảnh tranh tối tranh sáng, và rung rinh như có sức sống. Như thế cả căn phòng đang chuyển động, nhảy nhót. John bật đèn pin lên, khó khăn thở hắt ra một hơi, và nghiêng rặng mắt mấy giây.

Cậu lẩm bẩm:

– Không có gì đáng sợ. Chỉ là bóng lửa phản chiếu thôi, không gì đặc biệt cả.

Đứng sừng sững ngay chính giữa phòng là một cái tủ đầy ngăn kéo hình lục giác cao lớn làm bằng sơn mài Trung Quốc màu đỏ sậm. Dưới ánh lửa, nhìn nó như thể thuộc về địa ngục.

Nó có chính xác mười ba ngăn kéo. Trên mỗi ngăn kéo đều được sơn một chữ CAVE óng ánh sắc vàng. Trong một giây, John tự hỏi có phải cậu đã tìm nhầm chỗ hay không, cho đến khi cậu nhớ ra cave là tiếng Latin cho từ “căn thận”. Nhưng thứ làm đầu óc bất an của cậu phải ngay lập tức để ý đến là một hàng chữ tiếng Latin khác.

Cậu đọc:

– Carpe diem. Carpe diem. Năm lấy tay cầm ngăn kéo.

Cậu năm lấy một cái tay cầm ngăn kéo và kéo.

– Đang tìm gì à?

Thét lên một tiếng sợ hãi, John quay phắt người lại và trông thấy một người phụ nữ ngồi trên một cái ghế tay gác cao nhìn như thể một mụ phù thủy của căn phòng thần bí này. Bà có một mái tóc dài rối bù, quần áo dơ dáy, với một nụ cười kỳ dị trên khuôn mặt cấu bần xương xấu vàng khè. Bà năng nói cho cậu biết đây là cô em gái thất lạc của ông Bo.

Nuốt ngược nỗi sợ hãi vào trong lòng, cậu hỏi:

– Bà là Grace phải không ạ?

Bà nói:

– Tôi không nghĩ tôi biết cậu, cậu nhóc.

John bảo:

– Anh trai bà, ông Bo, đã kể cho cháu nghe về bà.

Bà the thé hỏi:

– Anh ấy nói gì?

– Không có gì. Chỉ là chuyện bà đã mất tích ở mạn đông thôi.

– Một chuyện dễ xảy ra trong căn nhà này. Quá dễ.

John nói tiếp:

– Bà hiện đang ở tại mạn tây. Nếu bà muốn, cháu có thể chỉ đường đi về cho bà. Sau khi cháu đã làm xong chuyện cháu muốn làm khi đến đây.

– Tôi nghĩ cậu muốn chơi bài. Cậu muốn chơi bài à?

– Bài? Không ạ. Không hẳn thế.

– Cậu đang làm gì với mấy cái ngăn kéo đó đấy? Không có bài trong đó đâu, nếu đó là mục đích của cậu. Và cũng chẳng có thức ăn. Tôi đã kiểm tra chúng rồi.

– Cháu đang tìm mấy cái bàn cầu cơ của ông Vodyannoy.

John trả lời, và rút một bàn cầu cơ ra khỏi ngăn kéo. Đó là một tấm bảng gỗ tinh xảo, khắc hình vài người thổ dân da đỏ bản địa cùng một người đàn ông mặc giáp có hàm râu dài.

Bà Grace cho biết:

– Mấy tấm bảng này, chúng nguy hiểm lắm đó. Cậu không nên nghịch chúng.

Nhưng John không để ý đến lời cảnh báo đó. Lấy bàn cầu cơ cùng một trái tim nhỏ bằng gỗ bansa, đóng vai trò như con cơ, cậu trải chúng lên mặt thảm gần lò sưởi, và ngồi xuống trước chúng. Trên tấm bảng cầu cơ có in một bảng chữ cái, mười con số từ một đến không, và những chữ *sí*, *no*, *hola*, cùng *adiós*. Tò mò muốn xem chuyện gì sẽ xảy ra, bà Grace lò mò đi lại và ngồi xuống đối diện với John. Bà ngồi đủ gần để cậu có thể ngửi thấy mùi trên người bà, và đó không phải là một cái mùi dễ chịu gì, tuy nhiên John lại quá lịch sự nên không thể mở miệng chê bà hôi và ngồi xích ra xa. Ngoài ra, cậu vẫn có phần hơi sợ bà vì rõ ràng thần kinh của bà có vấn đề. Hít một hơi sâu, cậu đỡ tay vào mặt dưới tấm bảng, mắt nhìn chăm chăm vào nó.

Cậu nói lớn:

– Tên tôi là John Gaunt. Tôi đang cố liên lạc với một người bạn của tôi, tên là ông Rakshasas, để biết được rốt cuộc ông ấy đã qua bên kia hay chưa. Nếu ông Rakshasas có ở đây, hoặc có ai đó ở đây quen ông Rakshasas và biết ông ấy đang ở đâu, làm ơn hiện diện cho chúng tôi biết.

Không có gì xảy ra ngoài việc bà Grace lắc đầu và thầm thì:

– Nghe lời tôi đi, cậu nhóc. Đây không phải chuyện một đứa trẻ nên làm đâu.

John rít nhẹ:

– Im lặng nào. Làm ơn. Cháu đang cố liên lạc với bên kia mà bà.

Bà Grace cười khúc khích:

– Bên kia của cái gì cơ?

John thừa nhận:

– Cháu cũng không biết chính xác. Nhưng trước đây có một bà đồng đã liên lạc với cháu. Và đó là điều bà ấy đã nhắc đến.

Lông mày chau lại, bà Grace hỏi:

– Một bà đồng đã liên lạc với cậu? Cậu chết rồi hả? Nhìn cậu không giống người chết.

– Bà đừng bắt cháu giải thích ngay bây giờ được không?

John nói, và di chuyển tay lên phía trên tấm bảng. Hành động này có vẻ hiệu quả, vì gần như ngay lập tức, trái tim gỗ nhỏ chuyển động.

Bà Grace nói:

– Cậu di chuyển nó.

– Không, cháu không có đụng đến nó.

– Có, cậu đã đụng vào nó.

John quyết định lờ bà đi để tập trung tinh thần vào bàn cầu cơ. Cậu hỏi lại:

– Có ai ở đây không?

Rồi cậu lo lắng đảo mắt nhìn quanh khi nghe thấy tiếng cái gì đó gõ vào khung cửa sổ. Nhưng đó chỉ là một nhánh cây bên ngoài. Gió rên rĩ trong lò sưởi, lay động ngọn lửa, và một luồng khói mỏng lơ lửng trôi qua bề mặt tấm bảng. Rồi trái tim một lần nữa di chuyển, lần này rõ ràng hơn, từ chữ cái này đến chữ cái khác. John đánh vần từ được tạo thành.

– P-A-I-T-I-T-I.

Rồi trái tim ngừng lại.

– Paititi? Đó là một cái tên? Hay một từ? Tôi không hiểu.

Giờ đây trái tim gỗ bắt đầu di chuyển như điên, và John phải vật lộn không chỉ để đánh vắn nên từ mà còn phải hiểu được chúng.

Cậu vội nói:

– Người di chuyển nhanh quá. Chậm lại giùm đi. Và làm ơn cho tôi biết đây là ngôn ngữ gì? Tôi không nhận ra chúng.

Cuối cùng, cậu phải hét lên:

– Này nhé, dù người đang trả lời tôi là ai thì cũng làm ơn cho tôi biết đây là ngôn ngữ gì.

Trái tim ngừng lại trong giây lát, rồi một lần nữa chậm chạp chuyển động.

– M-A-N-C-O-C-A-P-A-C. Mancocapac? Tôi e là tôi không biết tiếng Mancocapac. Ước gì tôi biết. Nhưng tôi không biết.

Trong những hoàn cảnh bình thường, điều ước biết tiếng Mancocapac của John sẽ rất có ích, vì dù gì cậu cũng là một djinn. Trước đây, John từng có một lần ước gì cậu hiểu được tiếng Đức khi đến Berlin, và lập tức phát hiện cậu có thể. Nhưng chú trói buộc cổ đại của tộc Ifrit lên Nightshakes đồng nghĩa với việc điều ước của John không được thực hiện, nên thật không may, cậu tiếp tục không hiểu kẻ vô hình đang đối thoại với cậu rất cuộc muốn nói gì.

Trái tim bắt đầu run bần bật trên bàn. Bà Grace nhận xét:

– Tôi nghĩ cậu làm nó khó chịu rồi đó.

Giây tiếp theo, trái tim gỗ nhỏ bé bay vọt vào lò sưởi như thể bị một ngón tay vô hình mạnh khỏe nào đó búng thẳng vào đồng lửa. Ngay khi John vội vã chạy lại cứu trái tim cổ khỏi ngọn lửa, một thứ gì đó cầm bàn cầu cơ lên và ném vọt nó qua căn phòng, va vào và làm vỡ toang một trong mười ba ô cửa sổ. Ngọn lửa trong lò dường như trỗi dậy trước luồng khí oxy mới. Một cụm khói khổng lồ theo đường ống khói ủa vào phòng và dường như tụ lại thành một bóng người vô hình. Trong một giây ngắn ngủi, John trông thấy thứ nhìn như hình dáng một người đàn ông với hai cái dải tai dài nhất mà cậu từng thấy. Tóc mái gần như che kín mắt, người đàn ông khoác một cái

áo choàng lông chim khiến ông nhìn giống một con công khổng lồ. Rồi hình dáng ấy biến mất khỏi tầm mắt, nhưng có vẻ như vẫn còn đâu đó trong căn phòng, vì có thứ gì đó giết tất cả mười ba ngăn kéo của cái tủ sơn mài đỏ hình lục giác ra, đổ tất cả bàn cầu cơ của ông Vodyannoy xuống sàn nhà. Một giây sau đó, khung cửa sổ bật toang và linh hồn – vì John chắc chắn đó là một linh hồn – người đàn ông biến mất trong đêm giông bão ngoài kia.

Bà Grace tuyên bố:

– Hẳn đi rồi. Tôi là tôi nhẹ cả người khi tổng khứ được người như hẳn. Đập tan thành nơi này như vậy đấy. Phá hoại như qui à.

John để ngón tay lên miệng sực một tiếng, vẫn còn thứ gì đó lảng vảng trong phòng. Một thứ gì đó ẩn nấp trong bóng tối của khu sảnh những cái bóng. Một thứ gì đó chỉ vừa mới đến.

Nó nghe như tiếng sấm đì đùng. Hoặc có thể tiếng một gã đàn ông to lớn ngáy vang sau một bữa trưa thịnh soạn. Một gã đàn ông to lớn với cặp hàm chắc khỏe và những cái răng sắc nhọn. Một gã đàn ông to lớn mang hình dáng giống họ nhà mèo hơn con người. Tóc gáy John dựng đứng khi cậu thành linh nhận ra mô tả đó không giống một gã đàn ông to lớn, mà giống như đang nói về một con mèo to lớn. Loại mèo có đốm trên lông. Giống như con cậu đã thấy trong phòng trưng bày chiến tích. Tiếng gầm gừ đến gần hơn và cậu trông thấy một hình dáng hoàn toàn giống mèo đang chậm rãi tiến lên từ một góc phòng.

Nuốt nước miếng cái ực, bà Grace hỏi:

– Cái gì vậy? Một con cừu hả?

John thì thầm:

– Bà điên sao, đó rõ ràng không phải một con cừu.

– Vậy nó là gì?

John không trả lời. Nhưng trong đầu, cậu đã nhận ra loại mèo lớn nào họ sắp sửa đối mặt. Đó là một con báo đốm Nam Mỹ, hay otorongo. Một con to lớn, đầy cơ bắp săn chắc, dài gần hai mét và có lẽ nặng đến một trăm kí.

Bà Grace hỏi:

– Cậu có chắc đó không phải là một con cừu không vậy?

Người ta thường nói rằng adrenalin có thể khiến một người đàn ông bị một con bò điên đuổi theo nhảy phắt qua cả một cánh cổng, hoặc làm một đứa trẻ nhấc bổng một món đồ nặng trịch chặn ngang cơ thể cha mẹ chúng. Điều tương tự đã xảy ra với John, chỉ khác ở chỗ cậu là một djinn và, như tất cả mọi người đều biết, djinn được tạo nên từ lửa. John không suy nghĩ gì, chỉ làm theo những gì bản năng sống còn của cậu thúc giục. Cậu thò tay vào lò sưởi, nhấc lên một khúc gỗ cháy bùng bùng và, cùng lúc con otorongo phóng vọt về phía cậu, cậu nhét mạnh nó vào ngay giữa cái miệng ngoác rộng của con vật. Tiếng gầm của con otorongo trở thành tiếng rống thất thanh, và con mèo lớn rút người lại trước ngọn lửa trong tay John. Nó quay người lại, liếc nhìn John lần nữa với cặp mắt sáng lòe trong bóng tối, như thể cân nhắc việc có nên một lần nữa tấn công một người được vũ trang với lửa hay không. Dường như quyết định đó không phải là một hành động thông minh, nó gồng mình như sợi dây căng cứng trên cánh cung, rồi phóng vọt qua cửa sổ.

Thở phào nhẹ nhõm, John quăng khúc gỗ cháy vào lại trong lò và nói:

– Phù, xém nữa thì tiêu rồi.

Bà Grace vẫn lăm lăm:

– Con cừu đó nhìn ngộ ghê ta.

Thấy có tranh cãi lại cũng chẳng ích lợi gì, John chỉ ậm ờ:

– Vậy à?

Túm lấy bàn tay John, bà Grace nhìn chăm chăm vào nó với ánh mắt kinh ngạc và nói:

– Tay của cậu này. Chẳng có dấu vết nào cả. Không một vết phỏng. Không có gì. Một vết muội than cũng không nốt.

Nhìn vào tay mình, John hơi kinh ngạc khi phát hiện bà nói đúng. Bàn tay cậu hoàn toàn lạnh lặn.

Bà tuyên bố một cách đắc thắng:

– Cậu không phải người.

John mỉm cười. Lúc này đây, cậu gần như không còn tâm trí quan tâm chuyện sẽ có thêm một người bình thường biết được bí mật của cậu.

– Không, cháu không phải.

Có phần sợ sệt, bà Grace thả tay cậu ra và thăm thò:

– Nè, đừng nói với tôi là cậu thực sự đã chết chứ.

John lắc đầu:

– Không, cháu chưa có chết. Cháu là một djinn.

– Djinn? Giống như một con cừu hả?

– Ừ. Giống như một con cừu. Mà nè, sao bà hứng thú với cừu như vậy?

– Vì tôi cũng là một con cừu. Không những vậy, tôi còn là một con cừu đi lạc. Nếu tôi tìm được những con cừu đi lạc khác, tôi nghĩ anh trai tôi, Bo, cũng có thể tìm thấy tôi. Cậu biết đó. Giống như trong bài đồng dao của con nít ấy.

John nghĩ rằng đó là câu chuyện buồn nhất cậu từng nghe, rồi thuyết phục bà Grace đi cùng mình quay về phòng để thức ăn của Nightshakes, ông Bo đã vô cùng phấn khởi khi được đoàn tụ với em gái.

John thú nhận:

– Ông Bo à, cháu e là khu sảnh của những cái bóng hiện giờ có hơi lộn xộn. Mấy cái bàn cầu cơ lăn lóc khắp trên sàn. Nhưng cháu đã nghĩ tốt hơn là nên mang bà Grace về đây càng sớm càng tốt thay vì tốn thời gian thu dọn chúng.

Ôm chặt lấy bà Grace, em gái vị quản gia giờ đây đã bắt đầu bật khóc hu hu, hình như cuối cùng bà cũng đã nhận ra chuyện gì xảy ra với mình, ông Bo nói:

– Cứ để đó cho tôi, thưa cậu. Cám ơn cậu rất nhiều, thưa cậu, tôi vĩnh viễn mắc nợ cậu. Bất cứ khi nào cậu cần, hãy gọi tôi nhé.

Nói xong, ông hôn lên tay John một cách thành kính.

Rụt tay lại, vì cậu không thích bị ai hôn tay, đặc biệt là bởi một người đàn ông trưởng thành, John bảo:

– Có một việc ông có thể giúp cháu. Cháu sẽ rất cảm ơn nếu ông không nhắc đến việc này với bất cứ ai. Cậu Nimrod của cháu có thể sẽ không vui nếu biết được cháu đã làm gì. Ông thấy đó, cậu ấy dù sao cũng là người Anh.

– Vâng, thưa cậu. Tôi hoàn toàn hiểu việc đó. Cậu không cần phải giải thích gì thêm. Tôi từng làm việc cho một thành viên dòng dõi hoàng gia Anh, và tôi có thể bảo đảm với cậu rằng, không ai cứng nhắc hơn họ. Mấy người đó khắc nghiệt đến nỗi họ có thể đánh trứng thành bánh trứng đường chỉ bằng một cái liếc mắt.

– Vâng. Cháu nghĩ mô tả vậy là chuẩn quá chuẩn.

Ông Bo lại cầm lấy tay John, và cậu quyết định cậu nên đi ngủ trước khi viên quản gia người Hungary có thể hôn nó lần nữa. Cậu cảm thấy tối nay cũng không hoàn toàn bị lãng phí. Dù thất bại trong việc tìm kiếm tin tức về ông Rakshasas, nhưng ít nhất cậu cũng đã giải cứu được bà Grace.

Khi đi lên cầu thang, John nhìn thấy Philippa và cậu Nimrod vẫn còn say sưa chơi Djinnverso trong thư viện. Có vẻ như họ sẽ tiếp tục như thế đến sáng. Cái này mới thật sự là lãng phí thời gian, John nghĩ thầm. Hoàn toàn lãng phí thời gian như việc la cà trên sân bóng đá của các trường đại học.



Chương 3

Manco Capac

Sáng hôm sau, khi xuống phòng ăn sáng, John nhìn thấy cậu Nimrod và ông Vodyannoy vẫn mặc bộ đồ của ngày hôm trước với vẻ mặt như sắp đọc cáo trạng. Cậu Nimrod tế nhị vào đề:

– Tối qua có một sự cố đã xảy ra thì phải.

Bàn tay cuộn lại thành nắm đấm, John rửa thăm ông Bo vì tội to mồm. Không. Đó là một lời buộc tội không công bằng. Ông Bo không phải loại người hay mách lẻo như vậy. Ngay cả khi chủ của ông là một djinn cực mạnh. Có lẽ cô em gái ngớ ngẩn của ông, bà Grace, đã lỡ miệng nhắc đến một điều gì đó. Khẽ cắn môi, John hy vọng cậu có thể nói tránh được vấn đề này.

– Ồ, thật hả cậu? Sự cố gì thế?

Cậu Nimrod giải thích:

– Có vẻ như bảo tàng Peabody đã bị đột nhập.

John thở phào nhẹ nhõm và cố che giấu nụ cười khi cậu tự phục vụ cho mình một miếng bít tết lớn. Cậu Nimrod tiếp tục:

– Một cuộc đột nhập hung bạo rất kỳ lạ. Cửa trước của bảo tàng đã bị phá vỡ bởi một vật thể lớn, và một số hiện vật quý giá bị quăng tứ tung khắp nơi.

John nói:

– Cháu không thấy việc đó có liên quan gì với cháu cả.

Cậu Nimrod hỏi:

– Chiều hôm qua cháu đã ở Peabody trong khoảng hai tiếng, đúng không?

John gật đầu:

– Vâng. Và chán đến chết. Cháu có thể cam đoan cháu không trộm gì ở đó, nếu đó là điều cậu nghi ngờ.

Cậu Nimrod bảo:

– Để cậu kể hết cho cháu biết chính xác chuyện gì đã xảy ra nhé. Rồi cháu sẽ hiểu tại sao cậu phải nói chuyện này với cháu, John. Cháu có thấy bức tượng Torosaurus ngay trước cửa bảo tàng không?

– Có ạ. Nó khá “độc” đấy.

Cậu Nimrod đưa cho John một bức ảnh chụp con khủng long bằng đồng đứng trên bệ đá hoa cương bên ngoài Peabody và hỏi:

– Bức tượng Torosaurus này phải không?

– Vâng ạ.

Cậu đưa cho John một bức hình khác:

– Có lẽ cháu sẽ muốn biết con Torosaurus đó bây giờ nhìn như thế này đây.

John nhún vai.

– Cháu không thấy...

Cậu Nimrod ngắt lời:

– Nó giờ đã đứng theo hướng ngược lại trên bệ. Giờ nó đứng đối mặt với bảo tàng, thay vì quay lưng lại.

John cảm thấy cằm cậu đang rơi xuống đất.

– Cháu nhìn thấy vấn đề rồi chứ, John? Bức tượng đồng này nặng đến vài tấn, bằng trọng lượng của một con Torosaurus thật. Cho nên, đây hiển nhiên không phải một trò đùa tầm thường của cánh sinh viên. Nói một cách khác, chúng ta khó lòng tưởng tượng được ai đó có thể làm được việc này trừ khi

có được một cái cần cầu rất, rất lớn, và đó là một giả thuyết khó có thể xảy ra. Cho nên chúng ta có được một lời giải thích rõ ràng ở đây là ai đó đã sử dụng sức mạnh djinn để làm con Torosaurus đó leo xuống bệ và phá vỡ cửa trước bằng cái sừng của nó. Cậu không biết tại sao. Bất cứ ai có khả năng thực hiện được kỳ công này thì họ không cần chú ý đến tội lỗi của họ.

Ông Vodyannoy nhún vai ra vẻ rất lấy làm tiếc và cho biết:

– Cảnh sát khá bối rối về việc này, dĩ nhiên. Nhưng họ đã tìm thấy mảnh vụn của cửa trước bảo tàng Peabody trên sừng bức tượng đồng đó.

Cậu Nimrod nói:

– Anh Groanin đã nói cho cậu biết là cháu đặc biệt có ấn tượng với bức tượng. Rằng cháu đã thực sự thắc mắc chuyện gì sẽ xảy ra nếu bức tượng đó sống lại.

John bảo:

– Đúng là cháu đã nói như vậy. Nhưng coi nào, cháu không có liên quan gì đến vụ đột nhập. Thật đó.

Cậu vừa định biện hộ thêm nữa, nhưng rồi đột ngột nghĩ lại. Có khi nào sự cố kỳ quái này lại có liên quan gì đó với sự cố bàn cầu cơ ở khu sảnh của những cái bóng không nhỉ? Có khi nào người đàn ông ma quái mà cậu đã triệu hồi từ thế giới bên kia chính là người đã làm bức tượng đồng sống dậy và đột nhập vào bảo tàng Peabody?

Cậu Nimrod hỏi:

– Sao? Cậu nghĩ cháu đang định nói gì đó, phải không?

Cậu chờ trong giây lát rồi nói tiếp:

– Cháu không nghĩ thật là kỳ lạ sao, khi mà một chuyện quái dị như thế này lại đồng thời xảy ra vào cái đêm em gái của anh Bo, cô Grace, được giải cứu khỏi nạn đông của tòa nhà Nightshakes sau tám tháng mất tích? Hay đó đơn giản chỉ là một sự trùng hợp tình cờ?

John khẳng khẳng:

– Cháu không có làm gì với con Torosaurus đó. Và tất nhiên cháu cũng chẳng ăn trộm bất cứ món đồ trưng bày ngớ ngẩn nào.

– Có lẽ thế. Tuy nhiên, trong tình hình hiện tại chúng ta không có được bất cứ lời giải thích nào, cậu dám cá cháu có thể đưa cho chúng ta một lời giải thích rõ ràng hơn cho việc này.

John thở dài. Hiện tại, cậu không thấy có cách giải quyết nào khác ngoài một lời thú nhận thẳng thắn và đầy đủ. Cậu Nimrod đã nắm được thóp của cậu. Dĩ nhiên, với số lượng cá ông cậu của cậu đã ăn, John chẳng mấy ngạc nhiên về điều đó. Cậu Nimrod có một bộ não to bằng cả trái bóng rổ chứ chẳng ít. Cậu bé đã bị bắt bài. Vì thế, John kể cho cậu Nimrod và ông Vodyannoy biết chuyện đã xảy ra với cái bàn cầu cơ ở khu vực xa nhất của mạn Tây.

Cậu Nimrod thốt lên:

– Ôi, đèn ơi, cháu điên rồi hả, con trai?

Ông Vodyannoy nói thêm:

– Những cái bàn cầu cơ đó, mãi mãi không nên bị đụng tới. Chúng cực kỳ nguy hiểm. Đó là lý do tại sao chúng được giấu kỹ.

John xin lỗi:

– Cháu xin lỗi. Cháu không có ý xấu gì đâu, thật đó. Cháu chỉ muốn tìm cách liên lạc với ông Rakshasas mà thôi.

Đặt một tay lên vai John, cậu Nimrod gật đầu bảo:

– Cháu biết đó, cậu cũng nhớ anh ấy.

– Cậu thật sự nghĩ chuyện cháu sử dụng cái bàn cầu cơ đó có thể có liên quan đến sự cố ở Peabody sao?

Cậu Nimrod nói:

– Cậu e rằng đó là kết luận mà chúng ta buộc phải xác nhận. Người mà cháu đã triệu hồi, dù đó là ai, có lẽ đã rất khó chịu.

John hỏi:

– Vâng, nhưng tại sao ạ?

Ông Vodyannoy nói:

– Bởi vì ông ấy chắc hẳn đã không thực hiện được mục đích mà ông ấy được triệu hồi để làm, đó là giao tiếp với cháu. Có lẽ ông ấy đã điên tiết lên

khi phát hiện cháu không hiểu được ngôn ngữ của ông ấy. Cháu có nhớ nó là gì không? Hay bất cứ từ nào mà ông ấy đã dùng?

John thú nhận:

– Không ạ.

– Vậy thì chúng ta sẽ phải tìm câu trả lời từ cái bàn cầu cơ mà cháu đã sử dụng. Cháu thấy đấy, mỗi cái bàn cầu cơ sẽ triệu hồi ra một thực thể khác nhau, từ một khu vực cụ thể nào đó trên thế giới, tùy thuộc vào nguồn gốc của bàn. Cháu nghĩ cháu có thể nhớ được cái bàn cầu cơ đó nhìn như thế nào không?

John gật đầu:

– Nếu nhìn thấy, chắc chắn cháu sẽ nhận ra nó.

Họ vòng ngược qua khu đại sảnh của những cái bóng. Dưới ánh sáng ban ngày, nhìn nó hoàn toàn khác với ấn tượng của cậu vào tối hôm trước. Chẳng mấy chốc nữa, John nghĩ thầm. Ông Bo đã xếp gọn tất cả bàn cầu cơ vào mười ba ngăn kéo của cái tủ sơn mài đỏ, và đang bắt tay vào sửa khung cửa sổ bị vỡ.

Ông thậm chí còn đang huýt sáo vui vẻ. Mở ngăn kéo ra, ông Vodyannoy bắt đầu đưa cho John xem vô số bàn cầu cơ trong bộ sưu tập của ông, và chẳng bao lâu sau, John nhận ra cái bàn cầu cơ mà cậu đã sử dụng tối hôm trước.

Cậu nói:

– Nó đây. Chính là cái này. Cháu nhận ra hình những người thổ dân châu Mỹ trên đó, và cả người đàn ông mặc áo giáp này nữa.

Ông Vodyannoy cho biết:

– Trên thực tế, những người mà cháu gọi là thổ dân châu Mỹ này là người Inca. Và người đàn ông mặc áo giáp này được cho là Pizarro. Đây là thiết kế của những người Tây Ban Nha đi chinh phục Nam Mỹ. Và nó đã được làm ở Nam Mỹ vào khoảng một trăm năm mươi năm trước. Điều đó có nghĩa, nhiều khả năng linh hồn mà cháu đã triệu hồi, nếu đó là linh hồn chứ

không phải một ác quỷ hay một con nguyên tố đến từ khu vực đó. Như vậy cũng giải thích được về con otorongo^[2].

John kể tiếp:

– Cháu nhớ là người đàn ông đó có hai cái dải tai rất lớn, cùng một cái choàng lông chim.

Cậu Nimrod hỏi:

– Nghĩa là cháu đã thật sự thấy được ông ấy?
– Chỉ trong tích tắc thôi ạ. Một luồng gió từ ống khói đã thổi ra một ít khói, và chúng đã khiến hình dạng ông ấy rõ ràng hơn một tí.

Cậu Nimrod nói:

– Phải chi cháu nhớ được tên ông ấy thì tốt quá.

Ông Vodyannoy bảo:

– Chúng ta nên đến Peabody. Có thể một trong vô số hiện vật trưng bày về khu vực Nam Mỹ của bảo tàng sẽ giúp cháu trai anh nhớ lại điều gì đó.

* * *

Dải băng vàng của cảnh sát dùng phong tỏa hiện trường chằng ngang phía trước cánh cửa ra vào vỡ nát của Peabody, và không ai được phép vào trong ngoại trừ nhân viên bảo tàng và đội điều tra hiện trường vụ án đến từ cục cảnh sát New Haven. Nhưng không gì trong đó có thể ngăn trở được ba djinn. Rời khỏi lời nguyện của tòa nhà Nightshakes, họ chỉ cần đơn giản bỏ lại thân thể trong xe ông Vodyannoy, trong trạng thái vô hình, dễ dàng bước qua viên cảnh sát đứng gác trước những mảnh gỗ vụn ngổn ngang một thời còn là cánh cửa trước của bảo tàng. Nhưng đó là sau khi họ tạm ngừng lại để nghe thử một vài (trong vô số) những lời giải thích của cư dân địa phương về cùng một câu chuyện đã được kể lại với nhóm phóng viên, thợ chụp ảnh và đội quay phim của các đài truyền hình đang vây quanh con Torosaurus. Vài người cho rằng cánh sinh viên chính là người chịu trách nhiệm cho vị trí mới của bức tượng đồng.

Những người khác chỉ lên trời và khẳng khẳng bảo chắc chắn người ngoài hành tinh đã làm việc đó. Một nhà địa chất học lập dị khẳng định ông đã đo được một trận động đất nhỏ xảy ra trong khu vực gần bảo tàng trường học, và tiếp tục khẳng định trận động đất đó đã làm bức tượng xoay vòng trên bệ. Vài tín đồ tôn giáo đưa ra những lời giải thích mang tính siêu thần, trong khi một nhóm người theo chủ nghĩa ngờ vực hăng say tranh luận về khả năng bức tượng Torosaurus đó hoàn toàn không phải là một bức tượng bằng đồng, mà là một con Torosaurus thật đang trong một tình trạng bất động tạm thời nào đó.

John ngoác miệng cười trước vài ý tưởng cực kỳ hoang đường và nhận xét về sự ngờ ngẩn của chúng với cậu Nimrod, quên bém đi việc cậu đang vô hình và ai đó có thể nghe thấy tiếng của cậu. Và có người đã nghe thấy. Một trong những viên cảnh sát. Và ông nhanh chóng kể với một phóng viên truyền hình rằng, theo nhận định của ông, bảo tàng này bị ma ám.

Bên trong bảo tàng, ba djinn vô hình – đang nắm lấy tay nhau để tránh lạc khỏi người khác – đi vào những căn phòng trưng bày hiện vật Nam Mỹ và ngay từ đầu đã nhận ra đây chính là mục tiêu chính của vụ đột nhập. Vài hộp trưng bày bằng kính đã bị đập vỡ, những hiện vật phần lớn bằng vàng được đựng trong đó đang nằm rải rác trên sàn nhà, một cảnh sát chụp ảnh đang bận rộn ghi lại hiện trường vụ án.

Cậu Nimrod lẩm bẩm:

– À, giờ thì mình đã hiểu.

John hỏi:

– Cậu hiểu chuyện gì cơ?

– Chuyện anh bạn Nam Mỹ vô danh khoác áo choàng lông chim của chúng ta chắc hẳn đã đến đây. Đến với những bảo vật Hiram Bingham.

Ông Vodyannoy nói cho John biết nhiều hiện vật ở bảo tàng Peabody đã được mang đến Yale từ Machu Picchu, một thành phố mất tích của người Inca được khai quật ở dãy Andes tại Peru bởi Hiram Bingham – người có lẽ là hình mẫu cho nhân vật Indiana Jones – vào năm 1911.

Ông cho biết:

– Chính quyền Peru từ lâu đã gửi thư đề nghị đại học Yale hoàn trả lại những cổ vật đó. Có lẽ anh bạn vô hình của chúng ta đã nghiêng về phía Peru.

Cậu Nimrod thừa nhận:

– Đây cũng là một khả năng.

Trong vài phút, họ nghe lỏm cuộc đối thoại giữa một viên thanh tra và một người đàn ông đeo mắt kiếng, mặc vét xám và cài một cái nơ vàng.

Viên thanh tra hỏi:

– Ông có thể cho chúng tôi biết là đã mất những gì không, thưa giáo sư?

Vị giáo sư trả lời:

– Ba đồng tiền xu hoặc mề đay khá lớn. Làm bằng vàng ròng, xuất xứ từ Inca. Và vài sợi khipu. Dây thừng truyền tin của người Inca.

– Còn gì khác?

– Còn. Một trong những xác ướp Inca của chúng ta đã mất tích.

Viên thanh tra hỏi lại:

– Ý ông là, giống như xác ướp Ai Cập? Cũng quấn bằng vải gì gì đó?

Vị giáo sư cho biết:

– Không phải chỉ có người Ai Cập cổ đại mới ướp xác giới quý tộc của họ khi chết, trung úy. Một số nền văn minh tiền Columbia Nam Mỹ cũng làm như vậy. Chỉ có điều họ không dùng băng vải để quấn xác. Và họ không chôn kín xác ướp trong các kim tự tháp. Ít nhất thì người Inca không làm như vậy. Họ mang xác những vị vua quá cố để quấn quanh bên người, và mang xác ra trong dịp lễ nghi. Có thể nói, họ cư xử với người quá cố như với người còn sống.

– Thế cái xác ướp bị mất đó nhìn như thế nào?

– Như xác chết. Như ai đó đã chết trong một thời gian rất dài. Những cái xác được ướp chất bảo quản, dĩ nhiên, nhưng chúng nhìn vẫn có vẻ gì đó rất kinh khủng.

Viên trung úy hỏi tiếp:

– Và chính xác, xác ướp đó là của ai?

– Tôi không biết. Hiram Bingham mang bản chất của một nhà thám hiểm nhiều hơn là một nhà khảo cổ học, ông thường chẳng mấy để ý đến việc xác nhận đầy đủ nguồn gốc của những cổ vật Inca mà ông mang về từ Machu Picchu, thành phố mất tích của người Inca. Cái xác ướp đó có thể thuộc về bất cứ ai. Ý tôi là, bất cứ thành viên hoàng gia nào của người Inca.

John thì thầm:

– Thú vị đây.

Vị giáo sư hỏi:

– Ông nói gì cơ?

Viên thanh tra lắc đầu:

– Tôi có nói gì đâu, giáo sư. Theo ông, tại sao lại có người muốn lấy cắp một cái xác ướp?

– Mình cũng đang tự hỏi điều đó đây.

John lẩm bẩm, và cảm thấy cậu Nimrod nhanh chóng kéo cậu rời đi khi viên thanh tra và vị giáo sư ngờ vực nhìn nhau.

Cậu Nimrod rít lên:

– John, cháu phải học cách giữ im lặng khi đang vô hình.

– Cháu xin lỗi. Chỉ là cháu thật sự không thể ngăn được tò mò. Với cả đồng vàng rơi rụng khắp trên sàn như thế, thật quái lạ khi thứ bị mất cắp lại là một cái xác ướp.

Ông Vodyannoy lắc đầu:

– Ta không nghĩ nó bị mất cắp. Dù sao thì, cháu không thể gọi là lấy cắp một thứ vốn ngay từ đầu đã thuộc về cháu.

John hỏi:

– Ông nghĩ cái xác ướp thuộc về người đàn ông khoác áo choàng lông chim đó à? Đó chính là xác ướp của ông ấy sao?

Ông Vodyannoy bảo:

– Ta không thể nghĩ ra được một giải thích nào khác thích hợp hơn. Hai người thì sao?

Cậu Nimrod nói:

– Điều này có nghĩa chúng ta cần nhanh chóng hơn trong việc xác định danh tính của ông ấy.

Ông Vodyannoy tranh luận:

– Tôi không biết chúng ta có thể làm việc đó như thế nào. Anh cũng nghe tay giáo sư ấy nói rồi đó. Họ cũng không biết đó là ai.

Cậu Nimrod bảo:

– Để tôi suy nghĩ một lúc.

Ba djinn vô hình dừng lại trước một bức hình lớn bằng cả bức tường mô tả về Machu Picchu. John đã nhìn thấy nó trong một tiết học môn lịch sử ở trường: một thành phố mất tích của người Inca nằm trên đỉnh một cao nguyên gần hai ngàn năm trăm mét ở giữa cánh rừng Peru.

John nói:

– Không dễ để đánh mất cả một thành phố. Ý cháu là, nó đâu có giống một chùm chìa khóa, đúng không? Hoặc một tờ mười đô. Một thành phố không phải là một thứ có thể bị vứt bừa đâu đó. Ý cháu là, cháu cá có rất nhiều người dân Peru bản địa biết rõ nó luôn ở đó. Cháu cá là nó chưa bao giờ thật sự bị mất tích. Cháu cá là cái ông Hiram Bingham đó đã gán mác mất tích cho nó chỉ để làm bản thân ông ấy trở nên nổi tiếng hơn thôi.

Cậu Nimrod cười bảo:

– Hay lắm. Cậu nghĩ điều cháu vừa nói chứa đựng rất nhiều sự thật. Dĩ nhiên có cả một thành phố mất tích đàng hoàng của người Inca. Nhưng không phải là Machu Picchu. Chưa bao giờ là nó. Đó chỉ là ước muốn cá nhân của Hiram Bingham.

John tò mò:

– Thế cái thành phố mất tích kia tên gì vậy cậu?

– Paititi.

Trái tim John bỗng lồi một nhịp. Cậu hỏi lại:

– Cậu bảo nó gọi là gì cơ?

Cậu Nimrod lặp lại:

– Paititi.

Trong một giây, con mắt trong đầu John hình dung nên trái tim trên bàn cầu cơ đánh vần từng chữ cái.

Cậu hỏi:

– Có phải là P-A-I-T-I-T-I không ạ?

Cậu Nimrod gật đầu:

– Đúng vậy. Tại sao? Và cố nói nhỏ một chút đi. Cậu vừa mới thấy một viên cảnh sát ra dấu thánh đấy.

John cho biết:

– Paititi là từ đầu tiên được ghép ra trên bàn cầu cơ.

– Cháu chắc chứ?

– Vâng ạ.

Sau khi cố vắt khô bộ não như một miếng bọt biển trong giây lát, John nói thêm:

– Cháu chắc chắn như vậy. Còn có một từ khác mà cháu phân biệt được. Hình như là ngôn ngữ được viết ra. Cháu nghĩ đó là Mancocapac.

Cậu Nimrod hỏi lớn:

– Manco Capac?

John nhắc:

– Nhỏ giọng thôi cậu.

– Cháu mới nói Manco Capac hả?

– Vâng ạ.

Ông Vodyannoy cho biết:

– Manco Capac không phải là một ngôn ngữ. Đó là một cái tên. Manco Capac là người thiết lập nên triều đại Inca ở Peru. Đó là lý do tại sao ông ấy đôi khi được biết đến với cái tên Manco Vĩ Đại. Đó là người cháu đã triệu hồi đấy, John ạ. Đó là người cháu đã thấy. Đó chính là Manco Capac.

Thở dốc, ông Vodyannoy quay qua cậu Nimrod và nói:

– Ôi, Chúa ơi. Nimrod, anh có nhớ bức hình trên tờ báo vài ngày trước không? Chụp từ rừng Nam Mỹ ấy. Mắt Rừng?

Cậu Nimrod thú nhận:

– Từ khi trông thấy nó, tôi khó có thể nghĩ đến chuyện gì khác. Anh cũng đang nghĩ như tôi phải không?

Ông Vodyannoy gật đầu bảo:

– Lời tiên tri. Dĩ nhiên rồi. Còn có thể là gì khác chứ?

John thắc mắc:

– Lời tiên tri nào cơ?

Cậu Nimrod tiếp tục hỏi ông Vodyannoy:

– Anh nghĩ chúng ta có thể thử triệu hồi Manco Capac lần nữa không? Với bàn cầu cơ ấy?

Ông Vodyannoy lắc đầu:

– Không thể, giờ ông ấy đã có lại xác ướp của mình. Manco Capac sẽ sử dụng nó cho những lần xuất hiện trong tương lai thay vì một cái bàn cầu cơ.

Cậu Nimrod ủ rũ nói:

– Có nghĩa là chúng ta đã bỏ lỡ nó. Chúng ta đã bỏ lỡ cơ hội tốt nhất để ngăn chặn một thảm họa. Chúng ta đã bỏ lỡ nó rồi.

Ông Vodyannoy nhận xét:

– Anh không nghĩ điều này thật kỳ lạ sao? Rằng cậu bé nhà anh lại là người triệu hồi ông ấy. Cùng với việc nó là một đứa trẻ sinh đôi. Tôi nghĩ điều đó có nghĩa John và Philippa rất cuộc là cặp sinh đôi đó. Cặp sinh đôi được tiên định ấy.

Cậu Nimrod nói:

– Tôi thật không muốn nghĩ về việc đó. Nhưng hiển nhiên tôi e đó là sự thật. Luôn luôn là vậy. Tôi nghĩ có lẽ tôi nên thông báo cho Faustina biết.

John cố nói lớn nhất có thể mà không làm một viên cảnh sát nào bị hoảng sợ:

– Có ai đó làm ơn cho cháu biết rốt cuộc chuyện này là như thế nào không vậy?

Cậu Nimrod bảo:

– Ta nghĩ tốt nhất em gái cháu nên có mặt khi ta giải thích về việc này. Vì nó ảnh hưởng đến cả Philippa chẳng kém gì cháu. Nhưng Manco Capac không chỉ là vị vua Inca đầu tiên, mà còn là một djinn. Một djinn rất, rất vĩ đại.

John hỏi:

– Vậy còn lời tiên tri?

Cậu Nimrod thở dài một tiếng thườn thượt và khẽ nói:

– Lời tiên tri à? Nó được gọi là Pachacuti. Một thứ mà tất cả các bộ tộc djinn, dù Thiện hay Ác, đều sợ hãi. Đó là một từ Inca. Nó có nghĩa “mặt đất vĩ đại rung chuyển”. Đó là lời tiên tri về ngày tận thế.



Chương 4

Pachacuti

Thời gian trống giữa những trận đấu Djinnverso ở Nightshakes, Philippa quay về phòng viết nhật ký, đó là một sở thích cô bé có được từ khi sống ở Iravotum - nơi ở chính thức của Djinn Xanh Babylon. Một trong những đối thủ của cô ở Nightshakes là Zadie Eloko. Đây là những gì Philippa viết về Zadie Eloko:

Mình nghĩ là, Zadie Eloko cũng cùng tuổi với mình. Cậu ấy là djinn tộc Jann – cùng tộc với ông Vodyannoy. Cha cậu ấy là một chính trị gia người Bahamas, mẹ từng là một diễn viên Mỹ nổi tiếng. Anh trai cậu ấy cũng là một diễn viên hài nổi tiếng. Cậu ấy thật dễ thương và đã kể với mình rằng cậu ấy muốn trở thành một họa sĩ dòng nghệ thuật ý tưởng. Người khác ngậm kẹo mút, nhưng Zadie thì lại ưa ngậm bàn chải đánh răng và dường như thường xuyên đánh răng. Cậu ấy bảo cậu ấy đang yêu, nhưng không chịu bật mí là ai. Từ trọng tâm của cậu ấy là KAKORRHAPHIOPHOBIA, và, theo lời cậu ấy giải thích, nó có nghĩa là chứng sợ thất bại – một triệu chứng bất thường mà có vẻ như cậu ấy đang mắc phải. Nhưng bất chấp việc đó, mình cũng đã đánh bại cậu ấy! Không chỉ là một lần nhé! Cậu ấy hiếm khi sử dụng sức mạnh djinn vì cậu ấy bảo cậu ấy lười lăm và thà “tự làm” còn hơn. Mình khá thích cậu ấy, nhưng cậu ấy ở trong căn phòng ngay phía trên đầu ông Groanin ở Nightshakes và làm ông ấy phát điên cả lên vì

những khi không chơi Djinnverso, cậu ấy sẽ luyện tập nhảy tapdance^[3] trên sàn gỗ vì cậu ấy có trong đội biểu diễn gì đó ở trường. Ông Groanin bảo ông ấy rất là muốn bóp cổ cô bạn này của mình.

Zadie dường như nghĩ rằng mình có một cuộc sống thú vị hơn nhiều. Mình đã bảo với cậu ấy rằng có cuộc sống thú vị không phải lúc nào cũng là một việc tốt, vì nói cách khác, nó đồng nghĩa với việc đó là một cuộc sống có rất nhiều chuyện xảy ra, và không phải chuyện nào cũng tốt. Ví dụ như khoảng thời gian mình sống ở Iravotum với Ayesha. Và chuyển đi đến Kathmandu nơi một gã guru hôi rình muốn ăn cắp máu của mình. Chưa kể đến gã chiến binh đất nung khủng khiếp đã hấp thụ ông Rakshasas tội nghiệp. Dù sao thì, để lên tinh thần cho cậu ấy sau trận đấu cuối cùng của tụi mình – cậu ấy ghét bị thua lắm – cậu ấy đã bắt mình hứa một điều rất ngu ngốc: lần tới mình có đi đâu đó thú vị với John và cậu Nimrod, cậu ấy có thể đi cùng tụi mình. Đó là một lời hứa djinn, nên dĩ nhiên mình bị ràng buộc với nó. John sẽ không bực lắm, mình nghĩ vậy. Nhưng mình tạm thời sẽ không nói gì với anh ấy. Ít nhất là cho đến chuyến phiêu lưu tiếp theo của tụi mình.

Nghe thấy tiếng xe bên ngoài căn nhà, Philippa để cuốn nhật ký qua một bên và đứng dậy khỏi bàn viết. Qua cửa sổ phòng ngủ của mình, cô nhìn thấy một chiếc Rolls-Royce to tướng đỗ lại ở cửa trước. Bước ra khỏi ghế ngồi của lái xe, cô nhận ra người đàn ông nhỏ con này. Ông mặc một bộ vest đen gọn gàng, thắt nơ, cùng một đôi găng tay lái xe màu vàng. Đó là Jonah Damascus, tài xế, vệ sĩ kiêm người giúp việc vặt tại nơi ở không chính thức của Djinn Xanh ở Berlin. Jonah bước vòng ra cửa xe phía sau, mở cửa, và Faustina bước ra.

– Chị ấy làm gì ở đây thế nhỉ?

Philippa lăm bắm tự hỏi, rồi đi xuống lầu để tìm câu trả lời.

Faustina đã trở nên xinh đẹp lộng lẫy hơn nữa kể từ khi trở thành Djinn Xanh. Dây chuyền và đôi hoa tai mà cô đang đeo được làm từ những viên đá saphia to như nắp chai. Và toàn bộ trang phục của cô đều là những mẫu thiết kế sang trọng của Ý, chỉ khác là chúng được làm bởi djinn và tốt hơn nhiều

so với bản gốc của chúng. Cô cởi cái áo khoác lông thú hiệu Smilodon và đưa cho ông Bo, đặt một tờ báo được gấp lại lên tủ buýp phê, và chào Philippa với giọng lãnh đạm.

Faustina hỏi:

– Cậu của cô có ở đây không? Hoặc là ông Vodyannoy?

Philippa cho biết:

– Họ đến bảo tàng Peabody rồi. Với John. Nhưng em nghĩ họ chỉ đi một lát thôi.

Zadie xuất hiện trên đại sảnh ngay lối vào với vài người khách khác, trong số đó có Patricia Nixie đến từ Đức và Yuki Onna đến từ Nhật, cả hai người đều cúi chào khi trông thấy vị Djinn Xanh Babylon vĩ đại. Nhưng sau tất cả những chuyện họ đã cùng nhau trải qua, Philippa không thể nào ép mình cúi chào Faustina được.

Philippa hỏi:

– Chị cũng đến tham gia giải đấu à?

Faustina bảo:

– Dĩ nhiên là không. Hiện nay tôi có nhiều việc quan trọng hơn để làm thay vì ngồi nhìn hay chơi Djinnverso.

– Ví dụ như, ngay lúc này?

– Ví dụ như đến đây vì một công việc djinn mang tính chính thức.

Zadie hỏi thăm:

– Có tin gì về em trai Dybbuk của chị chưa vậy?

Faustina trả lời:

– Chưa. Lần cuối người ta nhìn thấy nó là ở Anh. Kể từ đó nó đã hoàn toàn biến mất.

Philippa nói:

– Có vẻ như đó là “tai nạn nghề nghiệp” của gia đình chị.

Khi trông thấy Faustina chau mày với cô, Philippa nhận ra có lẽ cô vừa nói một điều mang tính xúc phạm nên vội vã bào chữa:

– Ý em là, em nghĩ Dybbuk rồi sẽ xuất hiện trở lại thật nguyên vẹn, an toàn, cũng giống như chị, sau khi chị biến mất một thời gian.

Faustina gật đầu công nhận món nợ mà cô biết mình thiếu John, Philippa, cậu Nimrod và ông Groanin. Không có họ, có lẽ giờ cô vẫn còn là một cái xác trong một khu hầm mộ Ý.

Ông Bo dẫn Faustina vào thư viện và pha trà cho cô. Nhưng cô đã không phải đợi lâu, chỉ một lúc sau, cậu Nimrod, John và ông Vodyannoy quay về từ bảo tàng Peabody.

Cậu Nimrod thốt lên:

– Faustina! Đền ơn, thật may khi cô ở đây. Chúng tôi vừa định gọi điện cho cô để thông báo một tin rất nghiêm trọng.

Faustina nói:

– Nếu đó là về Lời tiên tri Pachacuti, chú Nimrod, thì tôi đang chờ chú nói đây. Ông Vodyannoy, có nơi nào để ba chúng ta nói chuyện riêng với nhau không?

Ông Vodyannoy gật đầu:

– Dĩ nhiên.

Rồi ông dẫn Faustina và cậu Nimrod rời khỏi cái thư viện to lớn, đi vào phòng làm việc của ông, rồi đóng cửa lại sau lưng.

Philippa nhận xét:

– Chị ấy thay đổi rồi.

Khẽ cắn môi, John gật đầu. Từng có một thời cậu rất, rất để ý đến Faustina. Cậu lẩm bẩm:

– Chị ấy thậm chí còn không chào lấy một tiếng nữa chớ.

Philippa hỏi ông anh trai:

– Thế rốt cuộc chuyện gì đã xảy ra vậy? Cậu Nimrod nhìn có vẻ rất lo lắng.

John thú nhận:

– Anh cũng không chắc lắm. Nhưng gần như có thể chắc chắn đây là một vấn đề mang tính sống còn. Theo những gì cậu Nimrod nói, anh nghĩ nó thậm chí còn nghiêm trọng hơn nhiều.

Philippa hỏi:

– Anh có nghĩ nó lại là một chuyến phiêu lưu khác không?

John thừa nhận:

– Bắt đầu có vẻ giống như vậy rồi đó.

Philippa liếc nhìn Zadie, mắt cô bạn đang mở to khi nghe được chữ “phiêu lưu”. Không lúc nào bằng lúc này, cô nghĩ thầm. Đặc biệt là khi John dường như đang bận tâm suy nghĩ về Faustina.

– John, anh có nhớ Zadie không?

John đưa mắt nhìn Zadie và rầu rĩ gật đầu. Philippa nói:

– Okay, anh đừng nổi giận nhé, chỉ là, em đã hứa với Zadie là lần sau chúng ta đi phiêu lưu đâu đó, chúng ta sẽ để cậu ấy đi cùng.

Vẻ mặt hoảng hốt, John hỏi lại:

– Em đã làm gì cơ?

– Em đã mời cậu ấy đi cùng trong chuyến phiêu lưu tiếp theo của chúng ta.

– Tại sao em lại làm như vậy chứ?

– Vì cậu ấy đã hỏi xin em.

Ném cho Zadie một ánh mắt buộc tội, John gất gông:

– Chuyện gì thế? Cứ như thể làm một djinn chưa đủ phiêu lưu với cậu vậy. Sao cậu không đi mà ban cho một mundane tội nghiệp nào đó ba điều ước ấy? Thường việc đó cung cấp đủ hứng thú cho phần lớn chúng ta mà.

Philippa nhăn mặt:

– Kìa John. Đừng thô lỗ như thế chứ.

Zadie rút cái bàn chải đánh răng ra khỏi miệng và nhoẻn miệng cười với John, một nụ cười rộng rãi đến mức John cảm thấy mình như một cái gót giày. Cô bảo:

– Không sao đâu.

John nói với Zadie:

– Cho tớ xin lỗi nhé.

Chỉ vào cửa phòng làm việc của ông Vodyannoy, cậu giải thích:

– Chỉ là tớ không thích là đề tài bàn luận của ba người đó thôi.

Rồi cậu bắt đầu kể cho Philippa và Zadie tất cả mọi chuyện đã xảy ra ở khu đại sảnh của những cái bóng, cũng như những gì cậu đã nghe được ở bảo tàng Peabody.

– Ông Vodyannoy đã nhắc tới một bức hình mà hai người bọn họ đã nhìn thấy trong một tờ báo vài ngày trước, một bức hình làm cả hai lo lắng về một lời tiên tri nào đó. Một lời tiên tri liên quan đến chúng ta, Philippa à. Anh chắc chắn về điều đó.

Zadie góp một ý kiến có ích:

– Đây là tờ báo mà chị Faustina mang theo khi đến đây. Và có vẻ như nó là tờ báo của mấy ngày trước. Tớ nghĩ có thể chính là tờ báo này.

John và Philippa đứng nhìn qua vai Zadie khi cô lật báo kiểm tra. Chỉ tay vào một bức hình, John nói:

– Đây. Là bức hình này này.

Ba djinn trẻ đứng im trong một phút để nhìn vào bức hình đen trắng. Vài nhà thám hiểm râu ria xồm xoàm đang đứng quanh một khung cửa đá kỳ lạ ở một khu rừng Nam Mỹ. Khung cửa bằng đá có hình dáng như một con mắt, và bị bao phủ bởi vô số loại dây leo. Nhưng điều lạ mắt nhất về khung cửa đóng kín bởi một cánh cửa gỗ nặng nề này là, nó dường như không dẫn đến đâu, ngoại trừ khu rừng rậm rạp sau lưng.

– Mắt Rừng.

Zadie đọc lớn phần chú thích của bức tranh.

– Sâu tận trong khu rừng mưa nhiệt đới ở thượng lưu sông Amazon, cánh cửa này đã được tìm thấy bởi một nhóm nhà khảo cổ và thám hiểm của Anh. Không có kiến trúc nhà cửa nào ở khu vực xung quanh, thậm chí nền móng của những kiến trúc giờ đây đã bị mục nát cũng không. Tất cả những gì

được tìm thấy chỉ là cánh cửa hình mắt kỳ lạ mà thổ dân địa phương gọi là “Mắt Rừng”. Được cho là một công trình của người Inca, nhiều khả năng cánh cửa này đánh dấu một vị trí được cho là linh thiêng, dù không ai biết được lý do tại sao.

Đưa cho John tờ báo để cậu có thể nhìn rõ bức hình hơn, Zadie nhận xét:

– Lạ nhỉ?

Philippa hỏi John:

– Cái này có liên quan gì đến chúng ta chứ?

John nói khi cánh cửa dẫn vào phòng làm việc của ông Vodyannoy mở ra lần nữa:

– Anh không biết. Nhưng anh có cảm giác chúng ta sắp tìm ra câu trả lời rồi đó.

* * *

Ông Vodyannoy vuốt vuốt chòm râu đỏ hơn đuôi cáo của mình, kết quả của việc bôi thuốc nhuộm làm từ cây lá móng lên một bộ râu vốn dĩ có màu trắng, và lẩm bẩm:

– Buổi diễn kinh hoàng.

Ít nhất đó là điều John, Philippa và Zadie nghĩ ông đang nói. Trên thực tế, như ông vẫn thường làm, ông Vodyannoy đang sử dụng một từ tiếng Nga để bắt đầu một câu nói tiếng Anh, một từ đơn giản nghe giống như “horror show”.

Ông kể:

– Có tám djinn Ai Cập vốn là anh chị em ruột quyết định rời khỏi Ai Cập cổ đại và đi tìm một đất nước khác để sống. Họ di chuyển theo một hệ thống hang động ngầm chỉ djinn mới biết, những hang động một thời từng kết nối thế giới của con người với một thế giới do djinn tạo ra. Hành trình đó cuối cùng đã dẫn họ đến với nơi hiện nay được gọi là Peru. Người em trẻ nhất đồng thời cũng là người mạnh nhất có tên là Manco, và ông đã bí mật biến

mình thành một vị vua vĩ đại, một vị thần của người Inca cổ đại. Dĩ nhiên ông biết các anh trai của mình sẽ không bao giờ đồng ý với điều đó, nên một ngày nọ, khi họ lơ lửng tinh thần nhất, ông đã biến họ cùng người chị lớn nhất thành những bức tượng bằng vàng ròng. Rồi Manco cưới những người chị còn lại, tuyên bố mình là hậu duệ của thần mặt trời, và tự phong cho mình là chúa tể của thung lũng. Với sức mạnh djinn, ông dễ dàng thuần phục các bộ lạc khác và trở thành người được biết đến với cái tên Manco Capac, vì Capac có nghĩa là “lãnh chúa tối cao”.

– Dĩ nhiên, cũng như với xã hội Ai Cập cổ đại, mặt trời luôn là đối tượng được thờ phụng trong giới djinn vào thời điểm đó. Nhưng khi đó, rất ít djinn hiểu được sức nóng ban sức mạnh cho chúng ta như thế nào. Cũng không mấy djinn hiểu được việc càng lên cao, nhiệt độ càng giảm, và có thể khiến djinn bị mất đi sức mạnh. Đó là chuyện đã xảy ra với Manco. Và vì ông gần như chỉ sử dụng sức mạnh djinn để tạo ra vàng làm giàu cho bản thân và vương quốc của ông, khi ông thành linh không thể tiếp tục làm như thế, Manco đã tin rằng sức mạnh djinn đã bỏ rơi ông.

– Khi đó, Manco không nghĩ việc thủ đô Cuzco của ông nằm ở độ cao gần ba trăm năm mươi ngàn mét, quá lạnh cho sức mạnh djinn. Thay vào đó, ông đã nghĩ thần mặt trời – vị thần mà người Inca gọi là Inti – đang nổi giận với ông. Vì thế Manco, để tìm kiếm những lời khuyên tâm linh, đã triệu tập vài thầy tu Inca đến thành phố thần thánh Paititi, còn vị trí cụ thể là một bí mật được giữ kín. Tương truyền rằng hành trình của các thầy tu đến vùng đất thánh là xuyên qua một cánh cửa ma thuật được biết đến dưới cái tên Mắt Rừng, được giấu đâu đó trong rừng sâu, và được Manco đặc biệt tạo nên vì mục đích đó. Khi các thầy tu cuối cùng đến Paititi, Manco đã bảo họ giúp ông nghĩ ra một nghi lễ đặc biệt tôn vinh thần mặt trời Inti, hòng hồi phục sức mạnh của ông.

John hỏi:

– Kết quả thế nào ạ? Nghi lễ đó có giúp Manco lấy lại sức mạnh không ông?

Ông Vodyannoy trả lời:

– Tất cả những chuyện đó đã xảy ra từ rất lâu trước đây. Chúng ta không thể nào nói chắc chỉ với một ít chứng cứ khảo cổ như vậy. Quá nhiều thứ đã bị người Tây Ban Nha phá hủy sau đó. Nhưng tương truyền rằng nghi lễ đã thành công, rằng sức mạnh djinn của Manco thật sự đã được hồi phục, và số lượng đồ vật bằng vàng trong vương quốc đã gia tăng gấp mười, vì thế người Inca đã một lần nữa trở nên giàu có. Ngay cả như vậy, không ít lâu sau đó, Manco đã mắc bệnh nặng. Trước khi chết, ông một lần nữa triệu hồi các thầy tu của mình đến Paititi. Ở đó, ông đã hứa với họ rằng nếu sau này có khi nào họ cần đến ông, ông sẽ quay lại để hủy diệt tất cả kẻ thù của người Inca bằng một sự hủy diệt vĩ đại được gọi là Pachacuti. Tất cả những gì các thầy tu đời sau cần phải làm là dẫn kẻ thù của người Inca qua Mắt Rừng, và linh hồn của Manco Capac sẽ xử lý họ.

– Hàng trăm năm trôi qua, người Inca đã nắm quyền thống trị tuyệt đối trên hàng ngàn dặm vuông. Họ hùng mạnh đến mức không ai nghĩ đến có người dám chống lại họ, và kẻ thù duy nhất của họ là chính họ. Vị trí của Mắt Rừng gần như bị lãng quên. Và lời hứa của Manco chỉ được truyền lại cho một hoặc hai thầy tu được chọn lựa, những người giữ kín câu chuyện vì sợ rằng một lãnh chúa Inca nào đó có thể lợi dụng sức mạnh của Mắt Rừng để chống lại những lãnh chúa Inca khác.

– Nhưng rồi một ngày nọ vào năm 1532, tất cả mọi thứ đã vĩnh viễn thay đổi. Những người Tây Ban Nha, dẫn đầu bởi Francisco Pizarro, đã đến Cuzco, bắt đầu hung hăng cướp đoạt tất cả mọi thứ mà người Inca có được, sau đó tàn sát hoặc bắt họ làm nô lệ. Sự tham lam của những kẻ xâm lược dường như không bao giờ có thể thỏa mãn. Bất chấp tất cả những thứ người Inca đã đưa cho họ, những kẻ xâm lược vẫn thèm khát có thêm. Người Inca đã phải chạy trốn và rút lui vào sâu trong dãy Andes cao vót. Nhưng lính Tây Ban Nha liên tục truy đuổi họ, sát hại nhiều người hơn nữa và luôn tham lam muốn có nhiều vàng hơn nữa. Rồi, một thầy tu tên Ti Cosi nhớ đến lời của Manco Capac, và bắt đầu đi tìm Mắt Rừng trước, để sau đó có thể dụ lính Tây Ban Nha vào rừng, đi qua cánh cửa và bị Pachacuti tiêu diệt, như Manco đã hứa.

– À, dĩ nhiên chuyện đó không bao giờ xảy ra. Những kẻ xâm lược đã không bị hủy diệt và con cháu của họ đã cai trị Peru cho đến tận ngày hôm nay. Bởi vì trước khi kịp dẫn lính Tây Ban Nha đến chỗ cánh cửa, Ti Cosi đã bị bắt. Tệ hơn nữa, ông đã mắc bệnh đậu mùa, một trong những dịch bệnh mà lính Tây Ban Nha đã mang đến, và là một chứng bệnh mà không người Inca nào có thể kháng lại. Trong lúc hấp hối, vẫn hy vọng dẫn dụ lính Tây Ban Nha vào cái bẫy mà Manco Capac đã dựng ra cho những kẻ thù không đội trời chung của người Inca, Ti Cosi đã nói với một giáo sĩ Tây Ban Nha tên Diego rằng El Dorado, thành phố vàng mà những kẻ xâm lược tin rằng đang được che giấu đâu đó trong rừng sâu, chính là Paititi, và họ chỉ có thể đến đó khi đi xuyên qua Mắt Rừng. Ti Cosi cũng nói với Cha Diego rằng Paititi còn chôn giấu bí mật biến các kim loại cơ bản thành vàng ròng, và đó là lý do tại sao người Inca có nhiều vàng đến như vậy. Rằng bí mật của việc tạo vàng nằm trong một nghi lễ được gọi là kutumunkichu, cái mà vài người tin rằng chính là nghi lễ mà Manco đã tổ chức trước đó. Nghi lễ phục hồi sức mạnh djinn của ông. Và có vẻ như khi Ti Cosi định để người Tây Ban Nha có được bí mật tạo vàng, ông đã đồng thời tin tưởng nó sẽ giáng sự hủy diệt hoàn toàn xuống họ. Dù cho đến tận ngày nay không ai thật sự biết làm sao điều đó có thể xảy ra. Dù sao thì, theo tương truyền Ti Cosi đã vẽ một bản đồ cho Cha Diego. Nhưng tấm bản đồ đó đã bị mất. Và cả Paititi cũng như những ghi chép mô tả về nghi lễ kutumunkichu đưa cho vị giáo sĩ Tây Ban Nha đó chưa bao giờ được tìm thấy.

John bảo:

– Câu chuyện tuyệt thật.

Ông Vodyannoy nhăn mặt. “Tuyệt” là một từ nguyên rủa đối với một djinn như ông, người mà cái nóng là tất cả^[4]. Ông cào cào mớ râu và ngần ngừ đủ lâu để Faustina tiếp tục câu chuyện thay ông.

Faustina cho biết:

– Vài tuần trước, vài món cổ vật quý giá, bao gồm một cây quyền trượng bằng vàng quý hiếm có nguồn gốc từ nền văn minh Inca cùng vài sợi khipu, đã bị trộm khỏi Bảo tàng Dân tộc học ở Berlin.

Philippa thắc mắc:

– Khipu là gì?

Ông Vodyannoy giải thích:

– Khipu là một phương pháp ghi chép của người Inca, một dạng bàn tính làm bằng các sợi dây bện. Nhưng cũng giống trường hợp của chữ tượng hình Ai Cập cổ đại vào hai thế kỷ trước, không ai thật sự hiểu được ý nghĩa của chúng. Cháu có thể nói rằng, cho đến khi ai đó khám phá ra một thứ gì đó tương tự như tảng đá Rosetta^[5], khipu sẽ tiếp tục là một trong những bí ẩn vĩ đại cuối cùng của thế giới cổ đại.

Faustina cho biết:

– Bảo tàng ở Berlin có gần ba trăm sợi khipu. Đó là bộ sưu tập khipu lớn nhất trên thế giới, nên tôi đã không nghĩ nhiều về nó khi mới nghe về vụ trộm.

Gật đầu chỉ tờ báo trong tay John, cô nói tiếp:

– Tuy nhiên, khi trông thấy bức hình Mắt Rừng trên báo, tôi đã nhận ra hai sự kiện này có thể liên quan đến nhau. Và tôi đã quyết định ngay lập tức đến thẳng đây để nói chuyện với chú Nimrod và ông Vodyannoy, chuyên gia về những vấn đề liên quan đến văn minh Inca.

Ông Vodyannoy khiêm tốn nói:

– Chẳng phải chuyên gia gì đâu. Nếu là một chuyên gia đang hoàng, tôi phải hiểu được ý nghĩa của khipu chứ.

Faustina nói:

– Tôi đã hy vọng đến đây và sử dụng một trong những bàn cầu cơ đặc biệt của ông Vodyannoy để thử nói chuyện trực tiếp với linh hồn của Manco Capac. Để được giải thích chi tiết về Pachacuti. Xét đến cùng, ông ấy cũng là một djinn rất mạnh, và chúng ta không nên coi nhẹ những lời hứa djinn đề cập đến những vấn đề nghiêm trọng như thế này. Nhưng dường như tôi đã đến trễ. Dường như ai đó đã đoạt lấy cơ hội này vì những mục đích ích kỷ của cá nhân họ và lãng phí nó.

Faustina mĩa mai nhìn John, cậu cảm thấy cả khuôn mặt mình đang đỏ rực vì xấu hổ.

John lí nhí:

– Xin lỗi. Nhưng em thật sự không biết chuyện nghiêm trọng thế này.

Faustina gạt lời xin lỗi của cậu qua một bên với một cái vẫy tay như thể nó chỉ là một thứ vụn vặt hoặc không có kết quả gì, và nói tiếp:

– Cho đến tận bây giờ, bí mật về vị trí của Mắt Rừng chỉ có mỗi Djinn Xanh Babylon được biết, thông qua một bảo sao chép cổ tấm bản đồ của Cha Diego.

John nói:

– Vậy là chị có bản đồ. Thế thì quá tốt rồi.

Faustina bảo:

– Ừ, tôi có bản đồ. Nhưng đáng tiếc, tôi lại không có bản ghi chép mô tả nghi lễ kutumunkichu của Manco. Cũng không có gì về Pachacuti – sự hủy diệt được hứa hẹn. Tôi cho rằng, những người tìm thấy Mắt Rừng lần này hoàn toàn là tình cờ. Nhưng việc những cổ vật Inca bị mất trộm lại cho thấy ai đó đang nghĩ cách tìm kiếm Mắt Rừng. Rõ ràng vị trí của nó giờ không còn là một bí mật nữa. Có lẽ ai đó đã giải mã được thông điệp trong một sợi khipu nào đó để tổ chức một cuộc thám hiểm đi tìm Mắt Rừng. Ai đó với kiến thức bí truyền. Nhưng tôi không biết đó là ai, hay mục đích của họ là gì.

Faustina nhìn thẳng vào cậu Nimrod:

– Tôi đã hy vọng Manco Capac, chú - chú Nimrod, hoặc ông - ông Vodyannoy, có thể làm rõ hơn về vấn đề này.

Cầm lấy tờ báo từ tay John, cậu Nimrod nhìn kỹ bức hình của các nhà thám hiểm Nam Mỹ, đọc thông tin nhắc đến tên của họ, rồi lắc đầu bảo:

– Tôi không thể nói tôi thấy những người này nhìn quen mặt.

Cậu Nimrod đưa tờ báo sang cho ông Vodyannoy và hỏi:

– Frank, anh thì sao?

Ông Vodyannoy liếc nhìn bức hình và cũng lắc đầu:

- E là tôi cũng vậy.
- Không, tôi cũng nghĩ như vậy.

Faustina thở dài một cái nặng nề và nắm lấy tay cậu Nimrod cùng ông Vodyannoy, cô nói:

– Các quý ngài ạ, như mọi người đều biết, tôi chỉ mới đảm nhận vai trò Djinn Xanh Babylon được ít lâu. Và dù tôi khá lưỡng lự, dường như tôi đang nói những điều quá hiển nhiên với những djinn trưởng thành và giàu kinh nghiệm hơn nhiều so với tôi, nhưng tôi vẫn phải nói rằng, tôi nghĩ phải có ai đó đến Nam Mỹ càng nhanh càng tốt để ngăn chặn lời hứa Pachacuti của Manco Capac.

Ông Vodyannoy gật đầu:

- Tôi đồng ý.

Cậu Nimrod cũng đồng ý:

- Không nghi ngờ gì với điều đó cả.

Faustina – nữ djinn đã nghiên cứu bao quát *Những quy luật Baghdad* để củng cố lại tiếng nói lạnh lùng của Logic, không giống những Djinn Xanh đời trước, giữ lại được cảm xúc của mình – nói:

– Tôi không thể bộc lộ hết tôi cảm thấy nhẹ nhõm như thế nào khi biết tôi có thể trông cậy vào các quý ngài. Nói thẳng, tôi không còn nghĩ ra được cách nào khác tốt hơn.

Philippa hỏi, giọng đầy ngờ vực:

- Mọi người thật sự nghĩ Manco Capac vẫn có thể hủy diệt thế giới à?

Cậu Nimrod nói:

– Có thể đó chỉ là một truyền thuyết không thực. Nhưng nói gì thì nói, Manco là một djinn rất mạnh và cậu không chắc chúng ta có thể mạo hiểm không tin. Cháu thấy đó, Philippa, tạo ra lời tiên tri luôn là một việc khó khăn. Đặc biệt là những lời tiên tri liên quan đến việc tiên định tương lai. Chính vì lý do đó mà djinn hiếm khi tạo ra lời tiên tri. Nhưng một khi họ đã làm như thế, tốt nhất chúng ta nên để ý đến chúng.

Faustina nói với cậu Nimrod:

– Tôi sẽ đưa cho chú một bản sao tấm bản đồ mô tả cách tìm Mắt Rừng mà tôi có. Nếu cần thiết và có thể, chú nên tạo ra một chú trói buộc để cố định Mắt Rừng. Nhưng bằng bất cứ giá nào, chú phải ngăn không cho mấy tay thám hiểm ngốc nghếch đó bước vào Mắt Rừng.

Ông Vodyannoy hỏi:

– Nếu họ đã vào rồi thì sao?

– Vậy thì hai người sẽ phải đi theo họ và ít nhất, nếu cánh cửa thật sự dẫn tới thành phố mất tích Paititi, phải ngăn họ vào thành phố và tiến hành nghi lễ kutumunkichu. Hai người rõ chưa?

– Khá rõ rồi.

Cậu Nimrod nói và trịnh trọng cúi chào Djinn Xanh Babylon, cầu chúc may mắn đến với cô.

Faustina nói:

– Còn một nhiệm vụ ngoài lề nữa mà chú có thể thực hiện khi ở Amazon. Một nhiệm vụ vì môi trường sinh thái.

Cậu Nimrod bảo:

– Cô nói đi.

– Hiện nay, chắc chắn chú cũng biết việc không ai trong chúng ta có thể tạo ra lốc gió mà djinn vẫn thường dùng để di chuyển. Tôi đã làm vài nghiên cứu ở thư viện tại Iravotum, và dường như ở thượng lưu sông Amazon có một loại cây khổng lồ được gọi là lupuna. Nó chứa đựng những vật chất cơ bản cổ xưa có ảnh hưởng đến khí quyển. Không may là, tình trạng phá rừng ở Amazon đồng nghĩa với việc những người thợ rừng và những tay buôn gỗ đang bắt đầu đốn gục những cây lupuna, dẫn đến việc chúng ta không thể kiểm soát những lốc gió được tạo ra nữa. Vì vậy, tôi hy vọng hai người có thể trồng vài cây lupuna mới. Và tìm cách nào đó để bảo vệ chúng khỏi những gã thợ cưa.

Ông Vodyannoy bảo:

– Coi như việc đó đã xong đi.

Cậu Nimrod nói:

– Chúng tôi sẽ đi ngay bây giờ.

John ngăn lại:

– Chờ đã. Cháu cảm thấy cháu là người khởi đầu tất cả những việc này khi đã triệu hồi Manco Capac bằng bàn cầu cơ. Nên cháu sẽ đi với hai người.

Philippa nói:

– Cháu nữa. Vì John đi đâu cháu đi đó.

Ông Vodyannoy chau mày:

– Ta không chắc đây là một ý kiến hay.

Cậu Nimrod thở dài:

– Nhưng cậu nghĩ ngay cả khi cậu cố ngăn cản, thế nào hai đứa cũng tìm cách đi theo, đúng không?

John gật đầu:

– Cậu có thể chắc chắn điều đó.

Cậu Nimrod hỏi:

– Faustina? Quyết định thuộc về cô đấy.

Faustina bảo:

– Không có sự hy sinh nào là quá lớn khi nhắc đến tương lai của thế giới. Nếu John và Philippa cảm thấy muốn mạo hiểm mạng sống để ngăn chặn sự hủy diệt khủng khiếp kia, cứ để họ đi đi.

Cậu Nimrod hỏi:

– Còn mẹ hai đứa thì sao? Chúng ta sẽ phải thông báo cho chị ấy chuyện hai đứa muốn đi Nam Mỹ.

Philippa cho biết:

– Về việc này thì, trên thực tế hiện giờ mẹ cháu cũng đang ở Nam Mỹ.

John giải thích:

– Mẹ đang ở Brazil để giải phẫu thẩm mỹ.

Cậu Nimrod gật đầu:

– À, phải rồi. Cậu quên mất tiêu. Vậy thì cha hai đứa. Chúng ta cũng phải nói với anh ấy.

Philippa gợi ý:

– Tụi cháu sẽ để lời nhắn lại cho cha. Tụi cháu sẽ bảo tụi cháu đến Brazil để thăm mẹ.

John nói thêm:

– Đẳng nào một nửa thời gian cha cũng chẳng biết tụi cháu ở đâu.

Cậu Nimrod lưỡng lự bảo:

– Thôi được rồi. Nếu hai đứa chắc chắn muốn làm vậy.

Philippa nói:

– Còn một việc nữa. Nếu cháu đi, vậy Zadie cũng sẽ đi cùng. Cháu đã hứa với cậu ấy một lời hứa trời buộc rằng cháu sẽ để cậu ấy đi cùng.

John im lặng không nói gì.

Cậu Nimrod bảo:

– Được rồi. Cậu nghĩ có thêm một djinn có lẽ sẽ có ích.

Zadie reo hò mừng rỡ.

John hỏi:

– Chị thì sao, Faustina? Chị đi cùng tụi em không?

Faustina lắc đầu:

– Tôi e là không thể. Trong khi Pachacuti ảnh hưởng đến cả hai phe djinn Thiện và Ác, vị trí của tôi không cho phép tôi can thiệp gì vào việc này, ngoại trừ việc ra lệnh cho người khác ngăn nó lại.

Cậu Nimrod nói:

– Faustina nói đúng đó. Việc cô ấy cần giữ khoảng cách rất quan trọng. Có thể sẽ có vài djinn phe Ác cho rằng sự hủy diệt của thế giới – dù sự hủy diệt đó bao gồm cả họ – là một việc đáng hoan nghênh.

Zadie tuyên bố:

– Chuyện này sẽ vui lắm đây.

Ông Vodyannoy thì bảo:

– Đây không phải một cuộc dã ngoại nhé. Chúng ta sẽ đi đến một trong những nơi khắc nghiệt nhất trên trái đất này. Không phải khi không mà người ta gọi nó là rừng mưa nhiệt đới. Trời mưa ở Amazon. Mưa rất nhiều. Dẫn đến việc thời tiết có thể lạnh lẽo và ẩm ướt, và mấy đứa biết điều đó có nghĩa gì, đúng không? Sức mạnh djinn sẽ trở nên không ổn định. Ít nhất là cho những djinn trẻ như mấy đứa. Trăn khổng lồ, cá mập bò, dơi hút máu, cá chình điện, nhện ăn chim, và đừng quên el Tunchi.

Zadie tò mò:

– El Tunchi? Tunchi là gì cơ?

Ông Vodyannoy dọa:

– Hãy hy vọng cháu không bao giờ tìm được câu trả lời.

Cậu Nimrod mỉm cười bảo:

– Anh Groanin sẽ không thích chuyến đi này cho coi. Hoàn toàn không thích. Anh ấy ghét rắn khủng khiếp mà.

Câu nói của cậu Nimrod thúc giục ông Vodyannoy tiếp tục bài mô tả của mình về những hiểm họa Nam Mỹ. Ông nói:

– Horror show, không chỉ rắn đâu nhé. Ếch độc, ong sát thủ, cá sấu khổng lồ, cá piranha, báo đốm hung dữ cỡ bự – cái con trong phòng trưng bày chiến lợi phẩm chỉ được coi là nhỏ thôi nhé – và những kẻ săn đầu người.

Philippa thốt lên:

– Kẻ săn đầu người? Vào thời đại này ấy hả? Cháu không tin đâu.



Chương 5

Mang đầu Francisco Pizarro đến cho ta

Họ bắt máy bay dân dụng đến Lima, thủ đô của Peru, một thành phố tuyệt vời đầy ắp những con người thân thiện. Không may là, điều đó lại không phải thứ ông Groanin thích.

Ông phàn nàn khi họ đến khách sạn năm sao Primer Paraíso Excelente con las Campañas Encendido ở khu trung tâm của Lima:

– Ước gì mấy người ở đây ngừng cười suốt với tôi như vậy. Làm tôi cảm thấy rất là bất an. Như thế tất cả bọn họ biết một điều gì đó mà tôi không biết ấy. Tôi không thể chịu nổi những người lúc nào nhìn cũng vui vẻ. Tôi nói, tôi không thể chịu nổi những người lúc nào cũng vui vẻ. Hãy đưa cho tôi những người như tôi, lúc nào cũng nhăn nhó và khốn khổ. Chúng ta luôn biết mình đang ở đâu với một người có vẻ mặt ảm đạm. Hãy cho tôi một người đến từ Manchester, không phải những kẻ xỏ lá tươi cười này.

Bước ra ban công của căn phòng hạng sang có tầm nhìn tuyệt vời về phía khu quảng trường vuông vức và tòa thánh đường ở bên kia đường, Philippa nhận xét:

– Bản thân cháu lại thích những người nhìn có vẻ vui vẻ. Họ khiến cháu cảm thấy ấm lòng.

John nói:

– Anh thì lại chẳng thấy ấm áp tí nào. Ở gần đường xích đạo như thế này, anh cứ nghĩ Peru phải nóng lắm chứ. Nhưng thực tế nó lại ren rét sao ấy. Ngay khi bước chân xuống máy bay, anh đã cảm thấy sức mạnh của mình giảm đi.

Ông Vodyannoy cho biết:

– Horror show, hầu hết mọi người đều nhầm lẫn như thế khi nghĩ về Lima. Ở đây thật sự không ấm áp lắm đâu. Và tất cả là vì dòng hải lưu lạnh Humboldt chảy dọc theo bờ biển Peru.

Tham khảo cái nhiệt kế treo trên tường, ông Groanin bảo:

– Sáu mươi độ F^[6]. Tôi đồng ý với anh là nhiệt độ này hơi kém hoàn hảo một chút. Nhưng tôi thích thế này hơn là quá nóng hoặc quá lạnh. Nếu anh hỏi tôi, tôi sẽ bảo là thời tiết nóng bức là kẻ thù lớn nhất của văn minh. Không nền văn hóa đỉnh cao nào có thể tồn tại ở một nơi nhiệt độ cao hơn bảy mươi độ F^[7]. Đó là lý do tại sao nước Anh là nơi văn minh nhất trên thế giới. Vì thời tiết Anh luôn mát lạnh vừa phải.

John cười:

– Không hồ là ông Groanin.

Zadie hào hứng nhảy một điệu tap-dance dọc sàn nhà. Lạnh hay không, cô vẫn có vẻ rất vui khi được cùng phiêu lưu đến Peru với John, Philippa, cậu Nimrod, ông Groanin và ông Vodyannoy.

Cô hỏi ông Vodyannoy:

– Bước tiếp theo của chúng ta là gì vậy ông?

Ông Vodyannoy chỉ tay về phía Thánh đường Lima, nơi này rất đặc biệt về đêm, khi đã lên đèn, nó sẽ tỏa sáng lộng lẫy như vàng được đánh bóng, và nhìn giống một phủ tổng thống hơn là một tòa thánh đường uy nghiêm. Kiểm tra cái đồng hồ quả quýt của mình, ông nói:

– Chúng ta sẽ vào đó. Chúng ta có một cuộc hẹn với Francisco Pizarro. Trong ba mươi phút nữa.

Philippa thốt lên:

– Francisco Pizarro? Nhưng ông ấy chết rồi, không phải sao?

Ông Vodyannoy bảo:

- Ta chân thành hy vọng như vậy.

Khi họ băng qua khu quảng trường trung tâm với đài phun nước trang trí và những hàng cọ, ông Vodyannoy hít một hơi thật sâu và nói:

- Horror show, thật mừng khi được trở lại Peru.

John tò mò:

- Cái từ “Horror show” đó rốt cuộc có nghĩa gì vậy ông Vodyannoy?

Cháu thấy ông hay nói từ đó lắm.

Ông Vodyannoy trả lời:

- Không phải *Horror show*. Là *khorosho*. Nó là tiếng Nga. Có nghĩa là “à”, “okay” hoặc “ờ thì”. Đó là một “từ cửa miệng” và ta e là bản thân ta nhiều lúc cũng không biết mình đang nói nó.

John gật gù:

- Khorosho.

Philippa cắt ngang:

- Pizarro là viên đại tá Tây Ban Nha khét tiếng với việc chinh phục Nam Mỹ đúng không?

Ông Vodyannoy gật đầu, bảo:

- Đúng thế. Francisco Pizarro đã đến Peru vào năm 1531 chỉ với một trăm sáu mươi tám lính Tây Ban Nha. Ban đầu, họ và người Inca giữ khoảng cách với nhau. Rồi, vào năm 1532, Pizarro đã dẫn lính của mình vào dãy Andes để gặp đức vua Inca là Atahualpa, nhà vua nắm trong tay một đạo quân gần một trăm ngàn người sau chiến thắng chính trị vĩ đại trước người anh trai và đối thủ của ông - Huascar. Sự tò mò về những kẻ ngoại quốc kỳ lạ và những con ngựa của họ - thứ mà người Inca chưa bao giờ trông thấy trước đây - đã khiến đức vua đến gần để quan sát rõ hơn. Lợi dụng cơ hội đó, Pizarro và lính của mình đã bắt giữ đức vua và giết chết khoảng năm ngàn tùy tùng của ngài. Những kẻ xâm lược dĩ nhiên chỉ hứng thú với vàng và đã hứa sẽ trả tự do cho đức vua nếu ngài chịu trả tiền chuộc. Vì thế đức vua đã hứa sẽ lấy vàng lấp đầy căn phòng giam cầm ngài, và người đã thực

hiện đúng lời hứa của mình. Đáng buồn là, lính Tây Ban Nha lại không trung thực như vậy. Ngay khi căn phòng được lấp đầy vàng, họ liền xử tử vua Atahualpa tội nghiệp. Và đó là sự khởi đầu công cuộc chinh phục của Pizarro, lính Tây Ban Nha đã tàn sát gần như hoàn toàn cộng đồng Inca.

Philippa nhận xét:

– Ông ấy đã man quá.

Ông Vodyannoy bảo:

– Ồ, đúng vậy. Dù xét trên tiêu chuẩn ngày nay, ông ấy cũng chẳng kinh khủng hơn ai. Bản thân vua Atahualpa cũng chẳng phải một vị thánh. Pizarro là người sáng lập nên thành phố này, nơi một thời từng được gọi là Thành phố Các Vị Vua, và cũng là người đã ra lệnh xây dựng tòa thánh đường mà chúng ta đang đến. Cuối đời, ông đã đánh nhau với vài tên lính dưới quyền và bị chính những người lính Tây Ban Nha của ông giết chết vào năm 1541.

John nói:

– Đáng đời.

Ông Groanin lên tiếng:

– Nghe này, nghe này. Giờ mọi người đã biết nước Anh chúng tôi đã đổi mặt với chuyện gì rồi nhé. Hạm đội Tây Ban Nha? Năm 1588? Họ đã cố xâm lược nước Anh. Nhưng chúng tôi đã đánh đuổi họ. Chẳng cần nhờ đến sự giúp đỡ của dân Mỹ các người. Y như năm 1939. Khi đó lính Mỹ ở đâu chứ?

Philippa nhắc:

– Năm 1588 làm gì có nước Mỹ hả ông? Nước Mỹ đâu có tồn tại, mãi cho đến năm 1776. Cho nên dù nước của tụi cháu có muốn giúp Anh cũng không được.

Ông Groanin lầm bầm:

– Chỉ toàn viện lý do thôi.

Ông Vodyannoy kể tiếp:

– Dù sao thì, Pizarro đã được chôn cất trong tòa thánh đường này. Và ngày nay, nơi trưng bày quan tài của ông là một trong những địa điểm thu hút khách du lịch chính của thành phố. Tuy nhiên, đó không phải là nơi yên giấc thật sự của ông ấy. Thi thể thật sự của ông được giấu đâu đó trong thánh đường. Đó là lý do tại sao chúng ta đang đi đến đó.

Họ bước vào tòa thánh đường và đi lên phòng làm việc của tổng giám mục, tiếp đón họ là một vị cha xứ có cặp mắt xanh sáng ngời cùng một bộ râu màu đen có hình dạng như một cái bàn chải đánh răng. Philippa nghĩ ông ấy nhìn hơi giống Charlie Chaplin. Ông Groanin nghĩ ông ấy nhìn giống một ai khác. Ông Vodyannoy giới thiệu đây là Cha Polzl. Cha Polzl hòa nhã bắt tay tất cả mọi người và chào mừng họ đến Peru.

Cha Polzl kể với lũ trẻ:

– Anh Vodyannoy và ta là bạn lâu năm của nhau. Sau trận động đất lần trước, anh ấy đã giúp tu sửa những vết nứt trên tường thánh đường.

Nở một nụ cười ấm áp với ông Vodyannoy, Cha nói:

– Tôi rất vui khi có cơ hội hỗ trợ anh, Frank ạ.

Ông Vodyannoy nói:

– Đây thật sự chỉ là một sự đề phòng thôi, thưa Cha. Nhưng như Cha biết đó, ở nơi chúng tôi sắp đến, những thứ như thế này đôi lúc sẽ có ích. Nếu chúng tôi đụng phải rắc rối nào đó, đó sẽ là một công vật có giá trị cứu mạng. Trong trường hợp đó, tôi nhất định sẽ đặt lại chỗ cũ một phiên bản y như thật.

– Không cần giải thích thêm đâu, bạn của tôi, không cần đâu. Anh không cần phải nói gì cả. Làm ơn. Đi lối này nhé. Tôi nghĩ ông ấy có mắt cũng chẳng ảnh hưởng đến ai đâu.

Cha Polzl dẫn sáu vị khách của mình vào một nhà nguyện cá nhân nhỏ, bên trong có một cái bàn nhỏ bằng gỗ sồi, trên bàn là một cái hộp gỗ bóng loáng to bằng một trái bóng. Bước đến chỗ cái bàn, Cha Polzl làm dấu thánh rồi mở cái hộp ra. Nằm bên trong hộp là một cái sọ người ngả vàng.

Zadie há hốc mồm. John huýt sáo. Vị cha xứ mỉm cười.

Cha Polzl khoan dung nói với cậu:

– Cứ thoải mái huyết sáo đi, chàng trai trẻ. Và mọi người cũng nên làm vậy. Vì đây là hộp sọ của... không ai khác, ngoài vị thống đốc tối cao đầu tiên của Peru, Don Francisco Pizarro. Nó đã được tìm thấy trong một hầm mộ bên dưới bệ thờ chính vào năm 1977.

Quay mặt đi chỗ khác, Philippa nhăn nhó:

– Ối!

Nhưng John thì nhìn chăm chăm vào cái hộp và hỏi:

–Ồ! Ai đó đã cắt nó ra à?

Ông Groanin bảo:

– Thường thì đó là cách tốt nhất để tách rời một cái đầu ra khỏi cơ thể. Phần còn lại của ông ấy yên nghỉ ở đâu vậy?

Vị cha xứ cho biết:

– Trong một cái hộp khác. Cũng ở thánh đường này.

Viên quản gia người Anh lầm bầm:

– Thật là một câu hỏi ngu ngốc!

Zadie hỏi:

– Tại sao Cha cắt chúng riêng ra như vậy?

Cha Polzl giải thích:

– Vì chúng đã được tìm thấy như thế. Nếu mọi người muốn tự mình kiểm tra thì trên nắp hộp có một dòng chữ xác nhận đây là đầu của Pizarro đấy. Nhưng chúng tôi cũng đã nhờ giám định pháp y kiểm tra nó. Chỉ để hoàn toàn chắc chắn.

Ông Groanin tiếp tục lầm bầm:

– Ờ, Cha sẽ không muốn lầm lẫn về một thứ như vậy, đúng không?

Cậu Nimrod dường như có hứng thú với cái hộp hơn là cái sọ. Cậu lầm bầm:

– Kỳ lạ thật. Có vẻ như nó được làm từ gỗ cây lupuna.

John thì chỉ quan tâm đến cái sọ, nói:

– Nhìn này, có một cái lỗ trên đó. Nó ở đâu ra vậy, Cha Polzl? Một viên đạn? Hay một lưỡi gươm?

– Người ta đồn rằng, khi thanh gươm của ông còn dính chặt trong người cái gã tội nghiệp mà ông đang đâm, Pizarro đã bị ai đó đập một xô nước lên đầu, khiến ông ngã xuống đất.

Ông Groanin rùng mình:

– Tôi từng nghe nói về nước trên não. Nhưng tôi chưa bao giờ biết nó chí tử như vậy.

Vị cha xứ một lần nữa làm dấu thánh rồi kể tiếp:

– Khi nằm trên mặt đất, ông đã bị tới hai mươi người lính dưới quyền đâm đến chết. Tôi rất tiếc phải nói, tất cả bọn họ đều là người Tây Ban Nha theo đạo Công giáo, dù dĩ nhiên, bản thân Pizarro cũng bị ghét tương tự bởi những người Inca tội nghiệp mà ông đã trấn lột bừa bãi và hành hạ dã man. Có lẽ những người lính là căm ghét ông nhất.

John thắc mắc:

– Họ gây gỗ với nhau về chuyện gì mới được? Ý cháu là, những người lính Tây Ban Nha ấy.

– Cùng một thứ mà con người luôn tranh giành với nhau. Quyền lực. Tiền tài. Trả thù. Pizarro đã chết như cách sống của ông trong đất nước bị đàn áp tồi tệ này. Chết bởi gươm đao.

Vị cha xứ đập hộp lại và cẩn thận đưa nó cho ông Vodyannoy, sau khi nhận ra cái hộp với vẻ ngoài xưa cũ này nặng hơn tưởng tượng, ông đã đưa nó sang cho ông Groanin mạnh mẽ hơn.

Ông Groanin lầm bầm chế nhạo:

– Đúng là thứ tôi luôn muốn. Ông thật sự không cần làm thế đâu. Có kèm theo thiệp không đó?

Philippa nói:

– Nhưng cháu vẫn không hiểu. Tại sao chúng ta phải mang sọ của Pizarro theo?

Ông Groanin bảo:

– Cháu chưa nghe câu đó sao, quý cô Philippa? “Hai cái đầu tốt hơn một.” Ngay cả khi một cái đầu lủng lỗ. Ta nói, ngay cả khi một cái đầu bị lủng cả một lỗ to.

Cậu Nimrod bảo:

– Anh im lặng giùm một chút đi nào, anh Groanin.

– Vâng, thưa ngài.

– Anh nên mang nó về khách sạn đi.

– Vâng, thưa ngài.

Và vẫn cầm cái hộp hàn chì đựng hộp sọ của kẻ chinh phục Nam Mỹ, ông nhoáng một cái đã biến mất khỏi nhà nguyện.

– Quán gia của tôi đấy.

Cậu Nimrod nói với Cha Polzl, như thế chỉ cần giải thích như vậy là đủ.

Cha Polzl mỉm cười:

– Anh ấy như là một lá bài úp nhĩ.

Cậu Nimrod thờ dài:

– Vâng, nhưng không phải lúc nào cũng là một lá bài thẳng.

Họ ở lại trò chuyện với Cha Polzl thêm mười lăm phút nữa cho đến giờ Cha phải đi làm lễ Misa. Tòa thánh đường giờ đây đã đầy ắp những người mà với họ, Pizarro chỉ là một cái tên không mấy thiện cảm trong lịch sử. Sau khi cảm ơn Cha Polzl vì sự giúp đỡ của ông, năm djinn bước ra khỏi thánh đường và đặt chân lên khu quảng trường, giờ đây, nó đã lạnh hơn nữa bởi bụi nước từ một cái đài phun nước dường như có cả cảnh sát bảo vệ riêng. Khó nén nổi sự tò mò, John hỏi:

– Thế rốt cuộc cái đầu này để làm gì vậy, ông Vodyannoy? Một món quà cho những tay săn đầu người chăng?

Philippa khăng khăng:

– Làm gì còn kẻ săn đầu người ở Nam Mỹ. Mà có lẽ vốn chưa bao giờ có. Có khi đó chỉ là một câu chuyện được các nhà thám hiểm chế ra để nâng cao tiếng tăm của mình khi đến đây.

Không nói gì với Philippa, ông Vodyannoy chọn cách trả lời câu hỏi của John thay vì tranh cãi với em gái cậu. Ông nói:

– Nếu chúng ta gặp được Manco Capac, hoặc hậu duệ của ông ấy – hầu hết các bộ tộc da đỏ ở thượng lưu sông Amazon đều có tổ tiên là người Inca – đưa cho họ cái đầu của kẻ thù lớn nhất của người Inca có thể sẽ rất có lợi cho chúng ta.

Philippa thắc mắc:

– Nhưng bản thân Manco đã chết rất lâu trước khi Pizarro đến Peru mà. Trong trường hợp đó, cái tên Pizarro có lẽ không có ý nghĩa gì với ông ấy.

Cậu Nimrod thốt lên:

– Cháu có cần phải suy luận mọi chuyện theo từng chữ như vậy không, Philippa? Cố mà nhớ cháu là một djinn, không phải một luật sư trước tòa. Dựa trên việc Manco Capac có vẻ như đã quay lại từ cõi chết, cậu nghĩ chúng ta có thể cùng đồng ý rằng ông ấy có khả năng làm được hầu hết mọi chuyện khác, được không?

Philippa nói:

– Cậu nói đúng. Cháu xin lỗi. Từ cái khoảng thời gian sống ở Iravotum, đôi lúc cháu vẫn bị sa lầy vào logic.

Cậu Nimrod bảo:

– Ờ, đúng nhỉ. Cậu quên mất tiêu chuyện đó.

Philippa thở dài:

– Ước gì cháu cũng có thể quên.

* * *

Ông Groanin chậm rãi bước về khách sạn với cái hộp đựng sọ của Pizarro kẹp dưới cánh tay. Vừa đi ông vừa lẩm bẩm:

– Đúng là những chuyện mà một người phải làm khi là quản gia cho một djinn. Mình cảm thấy y như Hamlet điên khùng đi dạo vòng vòng với Yorick

già ấy^[8].

Trông thấy một quán cà phê, ông quyết định dừng lại nghỉ ngơi ở đó một lát, với ý nghĩ, lâu lâu để ai đó chờ đợi để phục vụ ông cũng là một ý tưởng không tồi. Ông Groanin ngồi xuống một cái bàn bên ngoài quán và, trông thấy một người phục vụ, ông vừa định gọi một tách trà, nhưng rồi nỗi lo về chất lượng nước lọc địa phương đã khiến ông thay đổi chủ ý và gọi một ly nước chanh. Và trong khi ngồi chờ người phục vụ quay lại, ông bắt đầu nghĩ về việc món nước chanh được chuẩn bị như thế nào: từ việc vắt chanh đến việc rưới nước vào và đun sôi hỗn hợp. Nhưng mà, ông Groanin nghĩ thầm, lẽ nước được lấy trực tiếp từ sông Amazon thì sao? Và họ có thật sự đun sôi nước không? Nước chanh ở Peru uống có an toàn không? Đó là những câu hỏi xoay vần quanh đầu ông Groanin tội nghiệp trong suốt khoảng thời gian chờ đợi người phục vụ quay lại với món nước chanh của ông. Đến khi đó, ông đã nghĩ kỹ hơn về việc uống nó.

Vừa đứng dậy, ông vừa lầm bầm:

– Cái đất nước chết tiệt này! Đáng lẽ mình nên gọi một lon bia. Cái đó luôn được đun sôi.

Ông vừa định bước đi thì chú ý thấy ở bàn kế bên, một phụ nữ vô cùng quyến rũ đang khóc nức nở. Ông hỏi:

– Có chuyện gì vậy? Tôi hỏi, có chuyện gì vậy, quý cô?

Người phụ nữ chỉ về phía bên kia của quảng trường. Trước sự ngạc nhiên của ông Groanin, ả nói tiếng Anh khá rõ.

– Ông có thấy gã đàn ông khoác áo jacket đỏ kia không, señor^[9]? Hắn vừa chạy đi với túi xách của tôi.

Ông Groanin ngạc nhiên bảo:

– Đùa đấy à? Ý cô là, hắn giật túi của cô? Ngay ban ngày ban mặt thế này?

Người phụ nữ xì mũi rồi gật đầu.

– Cả cuộc đời của tôi ở trong đó. Ví tiền của tôi. Chùm chìa khóa của tôi. Điện thoại của tôi. Tất cả mọi thứ. Tôi thật sự không biết tôi sẽ sống sao đây.

Ông Groanin nhíu mắt nhìn xa và hỏi:

– Cô nói cái gã mặc sơ mi đỏ đó hả?

Người phụ nữ gật đầu.

– Quần xanh dương?

Người phụ nữ lại gật đầu.

Đặt cái hộp cổ đưng sọ của Pizarro lên cái bàn trước mặt người phụ nữ, ông Groanin nói:

– Chờ ở đây. Tôi nói, cô chờ ở đây nhé. Tôi sẽ giải quyết chuyện này. Tôi là người Anh.

Và nói xong, ông Groanin nhanh chóng băng qua quảng trường về phía người đàn ông mặc áo sơ mi đỏ. Ông luôn mềm lòng trước một khuôn mặt xinh đẹp.

Đi được nửa đường, ông Groanin quay lại nhìn. Người phụ nữ đã đứng lên dõi theo ông, như thể hy vọng ông sẽ lấy lại túi xách giùm ả. Ông Groanin vẫy tay và đi tiếp. Nhưng giờ đây khi đã đến gần hơn, ông nhận ra người đàn ông trong cái áo jacket đỏ trên thực tế đang mặc một bộ lễ phục của quân đội. Bên dưới cánh tay của người đàn ông là một cái mũ cao màu đỏ có gắn lông chim, và cái túi duy nhất anh ta mang theo là túi đạn mắc trên cái thắt lưng quân dụng Sam Browne. Đó là một viên cảnh sát. Nuốt khan một cái khi nhận ra người đàn ông đó là ai, ông Groanin chạy ngược lại quán cà phê, nhưng người phụ nữ đã biến mất. Tệ hơn nữa, cái hộp chứa sọ Pizarro cũng đã biến mất.

Đó cũng là lúc ông trông thấy cậu Nimrod cùng những người khác. Ông Groanin thẳng thắn thú nhận:

– Tôi làm mất nó rồi. Cái hộp đó, với cái sọ gì đó của anh Frank. Tôi nói, tôi đã đánh mất cái hộp chết tiệt đó rồi.

Cậu Nimrod thở dài một tiếng thật to:

– Anh làm mất cái đầu của Don Francisco Pizarro rồi hả?

Giọng chẳng vui vẻ gì, ông Groanin nói:

– Tôi đã nói như vậy rồi mà. Một con chim Peru đã lừa tôi nghĩ rằng ả bị giật túi xách, rồi trộm đi cái hộp.

Zadie bảo:

– Ông dễ bị lừa thật đấy.

Ông Groanin ném cho cô nhỏ một ánh mắt đầy nọc độc.

Cậu Nimrod trầm giọng nói:

– Đưa cho tôi tay của anh, Groanin.

Ông Groanin lấp bắp:

– Đó là một tai nạn. Tôi nói, tôi xin lỗi, thưa ngài. Nhìn này, ngài không định làm một điều gì đó khó chịu với tôi đấy chứ?

Cậu Nimrod cầm lấy tay ông Groanin.

– Không phải với anh đâu, Groanin.

Rồi cậu ngăm mắt lại.

Ông Groanin lo lắng hỏi:

– Ngài đang làm gì vậy? Ắ vẫn chưa đi xa đâu. Chúng ta phải đi tìm ả.

Cậu Nimrod nói:

– Đó chính xác là điều tôi đang cố thực hiện đây. Nếu anh chịu im miệng và để tôi làm.

Cậu Nimrod nhấc hai bàn tay của ông Groanin lên mũi, hít sâu vài lần rồi thăm thì từ trọng tâm của cậu:

– QWERTYUIOP!

Philippa hỏi nhỏ:

– Cậu Nimrod đang làm gì vậy?

Zadie chế nhạo:

– Đừng có nói với tớ là cậu không biết gì về odorari chứ?

Ông Vodyannoy giải thích:

– Odorari là một kỹ thuật thần bí chỉ có những djinn quyền năng nhất mới thực hiện được. Cháu thấy đó, dấu vết những nguyên tử của cái hộp vẫn

còn dính trên tay anh Groanin. Vài phút nữa và có lẽ mọi chuyện sẽ quá trễ. Cháu cứ chờ xem. Vài giây nữa Nimrod sẽ đánh hơi được nó.

Cậu Nimrod lại hít một hơi thật sâu hai bàn tay lấm tẩm mồ hôi của viên quản gia nhà cậu. Cậu có thể ngửi được mùi phô mai, bánh mì, kẹo ngậm hòng, dấu vết của nước chanh, và một ít xà phòng. Rồi cuối cùng cậu cũng bắt được nó. Chỉ vài phân tử chì từ lớp hàn trên vỏ hộp, nhưng cũng đủ cho mục đích hiện tại của cậu. Cậu Nimrod đưa cái mũi đặc biệt thính của mình lên cao trên không khí và hít vào một mùi vị hỗn hợp của cà phê, bia, khói thuốc lá, thức ăn sấy khô, mồ hôi của con người, xà phòng, nhựa silicon, nước từ đài phun, khói gỗ, khí CO (oxit cacbon), hơi chì từ xăng dầu, và cuối cùng, cùng loại với thứ khí cacbon ở bàn tay to đùng của ông Groanin. Rồi cậu mở mắt ra và mỉm cười. Cậu nhỏ giọng, nói:

– Tôi tin là tôi đã tóm được chúng. Chờ ở đây nhé.

Từ quán cà phê, người phụ nữ xách cái hộp đựng sọ vòng qua một góc đường, đồng bọn của ả đang chờ trong xe. ả vẫn chưa có thời gian để nhìn vào trong hộp, nhưng ả nghĩ đây có thể là một món đồ cổ và có lẽ bản thân cái hộp cũng rất có giá trị. Mở cửa trước, ả ngồi vào trong xe với cái hộp đặt trên đùi.

Không ai trong hai người bọn họ nhìn thấy người đàn ông vô hình trườn vào băng ghế ngay sau lưng ả.

Hất đầu về phía cái hộp, gã đàn ông hỏi:

– Cái gì thế?

– Chẳng biết. Nhưng có một cái tên trên nắp. Don Francisco Pizarro Demarkes.

– Tao chưa bao giờ nghe đến cái tên đó. Nhưng nghe có vẻ giàu sụ.

– Nhìn nó hơi ớn ớn. Nhưng mà nghĩ nó đáng giá không?

Nhe răng cười đầy vẻ hung ác, gã đàn ông bảo:

– Có lẽ bên trong còn có thứ gì đó đáng giá hơn.

– Chỉ có một cách để biết chắc chắn.

Người phụ nữ nói, và mở nắp hộp.

Cậu Nimrod không phải là một người độc ác, nhưng cậu cũng chẳng cảm thông mấy với những tên trộm và cảm thấy việc hù dọa bộ đôi lừa gạt này – đặc biệt là loại hù dọa có thể khiến họ bỏ việc trộm cắp – về lâu dài sẽ có ích cho họ. Trong giây lát, cậu cân nhắc việc thay đổi vẻ ngoài của mình thành một thứ gì đó đáng sợ hơn nhiều, nhưng rồi lại từ bỏ ý định đó vì không muốn hai tên trộm lên cơn đau tim. Rồi cậu biến hình thành Pizarro, như trong một bức tranh của họa sĩ người Anh - John Everett Millais - mà cậu đã một lần trông thấy tại Phòng Trưng bày Quốc gia ở Luân Đôn, với một bộ râu, áo chèn đỏ, giáp che ngực bằng vàng, cổ áo xếp nếp, mũ mềm gắn lông chim, và một thanh gươm trong tay. Sự xuất hiện đột ngột ở băng ghế sau này đồng hành với một tiếng bùm lớn như tiếng nổ của một cái túi giấy.

Hai tên trộm hét toáng lên và đồng loạt với tay lên cần gạt cửa xe, nhưng chúng rụng xuống tay họ và cánh cửa vẫn bị khóa kín. Vội vã muốn chạy ra khỏi xe, người phụ nữ làm cái sọ của Pizarro rơi khỏi hộp và rớt vào lòng ả, khiến ả càng hét lớn hơn. Rồi khi ả cố leo lên bảng đồng hồ tốc độ, cái sọ rớt xuống sàn.

Bằng giọng Tây Ban Nha oai nghiêm và vô cùng đáng sợ, cậu Nimrod hỏi lớn:

– Kẻ nào dám ăn trộm và đùa giỡn với cái đầu của ta như một quả dưa như vậy?

Nghiêng người về phía trước, cậu Nimrod cho phép một hơi thở đầy mùi tỏi thoát ra khỏi miệng và lỗ mũi của cậu, ô nhiễm bầu không khí khép kín bên trong xe, rồi cậu nói tiếp:

– Lũ vô lại. Hèn nhất. Đồ chó lai. Lũ tội phạm. Các người, những kẻ dám ăn trộm cái hộp quý báu đó và đầu của Don Francisco Pizarro Demarkes, hãy chuẩn bị tinh thần đón nhận sự trừng phạt khủng khiếp nhất.

Quay người lại trên ghế, hai tay chấp vào nhau như cầu nguyện, gã đàn ông lí nhí van xin:

– Tôi xin ngài, Don Francisco, xin đừng giết chúng tôi.

Cậu Nimrod phả hơi thở nặng mùi lưu huỳnh vào mặt gã và lắc gươm soàn soạt trong vỏ bao của nó.

– Người dám khấn cầu ta hả, tên trộm kia?

Cậu gần như cảm thấy khoái trá, tựa như trong giờ phút xuất thần của một diễn viên vào vai thiên tài xấu xa trong một vở kịch câm Giáng sinh rẻ tiền.

– Người chỉ được phép hỏi xin ta để người chết như thế nào, chỉ được hỏi ta sẽ chém chết người và đồng bọn vô dụng của người như thế nào. Các người lũ Ả rập, lũ linh cầu, lũ bệnh hủi. Hãy nhân danh mẹ của các người và mẹ của mẹ các người rằng các người sẽ không bao giờ trộm cắp lần nữa, và có lẽ ta sẽ tha cho cái mạng chó vô dụng của các người. Bằng không, hãy ngậm miệng lại, vì hơi thở dối trá cuối cùng sẽ nằm trong lỗ mũi trộm cắp và cái miệng dối trá của các người.

Gã đàn ông rối rít nói:

– Vâng, vâng, vâng. Tôi thề. Nhân danh mẹ tôi và mẹ của mẹ tôi. Tôi sẽ không bao giờ trộm cắp lần nữa. Cả hai chúng ta sẽ làm vậy, đúng không?

Người đàn bà chồm hồm trên bảng đồng hồ xe the thê rú lên:

– Vâng, tôi thề.

Cậu Nimrod gầm lên, đồng thời làm cái xe run lên bần bật với sự giận dữ của cậu cho đến khi bộ tản nhiệt bắt đầu bốc khói nghi ngút:

– Ta không tin các người. Vì các người vẫn chưa nói gì về việc trả cái sọ của ta lại cho gã gốc tội nghiệp mà các người đã đánh cắp nó từ gã, hẳn cũng sẽ hứng chịu một cái chết khủng khiếp. Và ta vẫn không nghe các người nói gì về việc bù đắp lại cho tất cả những kẻ gốc mà các người đã lừa gạt và lấy cắp đồ đạc. Nhưng vì cả hai người đã làm ta mềm lòng đôi chút, có lẽ ta sẽ cho các người chọn lựa cái chết của mình. Bây giờ thì, ta sẽ nhét các người vào một cái hũ rò rỉ rồi quăng nó đến vùng biển dơ bẩn nhất trên hành tinh này chẳng? Hay ta nên từ tốn mớm các người cho một con trăn Nam Mỹ với hơi thở hôi hám?

Người phụ nữ rú lên:

– Không, không, không. Chúng tôi sẽ lập tức mang trả cái sọ cho ông ấy. Tôi hứa. Và tôi sẽ quyên góp toàn bộ số tiền ăn trộm được từ trước đến giờ cho nhà thờ. Tôi thề đấy.

Gã đàn ông gật đầu lia lịa:

– Tôi cũng vậy.

Gật đầu hài lòng, cậu Nimrod nói:

– Thôi được, ta sẽ tin các người. Nhưng nếu bất cứ ai trong các người dám ăn trộm dù chỉ một món đồ văn phòng phẩm, dám đi xe buýt chui, hoặc dám trả trễ sách cho thư viện, ta sẽ quay lại và thay thế đầu của các người bằng phân voi và cắt tai các người làm đồ trang sức. Các người nghe rõ rồi chứ?

– Vâng, vâng, vâng.

– Giờ thì đi đi. Đi trả cái hộp và cái sọ lại cho gã gốc mặt tái mét ở quảng trường mau.

Cậu Nimrod làm những cánh cửa xe bật tung ra và hai tên trộm lồm cồm bò xuống, chỉ ngừng lại đủ lâu để cầm cái hộp lên và bỏ cái sọ của Pizarro vào lại bên trong.

Cười khúc khích một lát vì cậu khá hài lòng với phần trình diễn vừa rồi của mình, cậu Nimrod bước ra khỏi xe và đứng nhìn hai tên trộm chạy trốn. Nghĩ rằng mình nên nhắc nhở họ phải cải tà quy chính, cậu quay lại, thăm thì từ trọng tâm của mình và thay đổi một ít thiết kế ban đầu của chiếc xe – tô đen lớp kính sau xe và thêm vào đó mấy song sắt để nó nhìn giống một cái xe chở tù nhân. Để nhấn mạnh hơn nữa, cậu thậm chí còn đặt hai bộ áo tù liền quần màu cam cùng hai cái còng trên băng ghế xe.

Xong xuôi, cậu nói:

– Ai bảo chúng ta không thể cải tạo tội phạm nào?

Nhìn Zadie nhảy tap-dance quanh cái bàn cà phê nơi cả nhóm đang ngồi chờ cậu Nimrod quay lại, ông Groanin lầm bầm:

– Nó cứ nhất định phải làm gì vậy sao? Tôi không ngại nói cho mọi người rằng tôi hy vọng có một cái bẫy hay một miệng cống để mở nào đó quanh đây.

Philippa nhăn mặt:

– Hơi ác đó ông.

John bảo:

– Anh thì không nghĩ vậy.

– Nó làm tôi phát điên lên được. Nhảy với chả nhót. Nó nghĩ nó là ai chứ? Gene Kelly? Hay Ginger Rogers dở hơi? Bộ nó bị bệnh hiếu động thái quá hay sao? Tôi hỏi, cô nàng ngớ ngẩn đó mắc bệnh hiếu động thái quá hay sao?

Ông Vodyannoy nói:

– Ờ, tôi tin là vậy. Djinn chúng tôi gọi đó là tình trạng tự dừng đứng ngồi không yên. Giống như khi ai đó theo đuổi một giai điệu lỗ bịch trên đàn phong cầm của nhà thờ. Không ít djinn mắc chứng đó khi còn trẻ.

Philippa lập tức bảo:

– Đấy thấy chưa. Không phải lỗi của cậu ấy đâu nhé. Chúng ta cần phải thông cảm cho cậu ấy chứ ông.

John chế giễu:

– Em đang nói về bản thân em đấy à?

Tuy nhiên trên thực tế, Philippa hiện tại đã hối hận với việc mời Zadie tham gia chuyến phiêu lưu Nam Mỹ của họ. Thứ cô ngại nhất không phải là điệu tap-dance hay thậm chí là cái bàn chải đánh răng Zadie luôn ngậm trong miệng, mà là cái miệng lưỡi sắc nhọn hay chỉ trích của cô. Nó thật sự làm Philippa cảm thấy khó chịu.

Zadie vẫn đang nhảy tap-dance khi người phụ nữ lấy trộm cái hộp xuất hiện tại bàn của họ và trả nó lại cùng một cái cúi người xin lỗi đầy sợ hãi.

À nói:

– Tôi rất tiếc. Cho tôi xin lỗi. Tôi sẽ không bao giờ làm vậy nữa. Xin thứ lỗi cho tôi, señor.

Ông Groanin bảo:

– À, ờ, nói thì dễ lắm. Cô nên tự cảm thấy xấu hổ, cô gái trẻ ạ. Tôi nghĩ tôi nên đi gọi cảnh sát để bắt cô lại. Tôi nói, tôi thật muốn đi gọi cảnh sát đến đây đây, cô nghe chưa? Tôi không có thời gian cho những tên trộm. Thật sự không. Đặc biệt khi họ trộm đồ của người khác.

Mim cười trông thật thảm hại, người phụ nữ hơi vắn vẹo hai tay với nhau và cúi đầu lẩn nữa. Ngâm ngấn nước mắt, ả lặp lại:

– Xin thứ lỗi cho tôi.

Ông Groanin từ chối thẳng thừng:

– Không bao giờ.

Philippa nghiêm nghị nói:

– Kìa ông! Cháu nhớ ông cũng từng là một kẻ trộm mà. Trên thực tế, đó là cách ông gặp cậu Nimrod, không phải sao? Bởi vì ông đã lấy trộm cái bình rượu chứa cậu ấy.

Viên quản gia người Anh đằng hắng một tiếng lớn và nhìn Philippa với cặp mắt tròn tròn.

– Ờ thì, có thể nói như vậy. Cám ơn đã nhắc nhở ta điều đó, thưa cô. Giờ đây khi cháu đã nhắc lại điều đó, ta nghĩ rằng ta muốn quên đi khoảng đời đó.

Zadie mĩa mai:

– Con người thì lầm lỗi và thánh thần thì tha thứ.

Ông Groanin cắn môi. Bị Philippa, người ông cực kỳ yêu quý, chỉ trích là một chuyện, nhưng bị chỉ trích bởi một người khó chịu như Zadie lại là một chuyện khác. Ông lầm bầm:

– Cậu nhóc Dybbuk mà mình vẫn hay phàn nàn hóa ra vẫn còn đỡ.

Zadie dù sao cũng chẳng nghe người khác nói, hỏi lại:

– Hm?

Ông Groanin nói:

– Tôi nói, với thánh thần thì cái gì mà chẳng tốt đẹp, bảnh bao. Nhưng với mundane chúng tôi lại khác.

Ông bực bội vẩy tay với người phụ nữ:

– Cô đi đi, cô nàng lấu cá, trước khi tôi kịp đổi ý và để cô hứng chịu cảnh bị bán làm nô lệ hay bất cứ cách xử trí nào dành cho những kẻ trộm ở cái vùng thô tục này.

Người phụ nữ quay lưng lại và vội vã bỏ chạy. Ông Groanin đắc thắng tuyên bố:

– Đây. Tôi nghĩ phải đe dọa như thế mới được.



Chương 6

Cái đầu teo nhỏ của ông Sicky và những truyện kể kinh khủng sau buổi tối

Họ thuê máy bay bay đến Cuzco, thủ đô cổ của người Inca nằm trên những sườn núi cao của dãy Andes. Đó là một chiếc máy bay Cessna Caravan đa năng, khá tiện lợi cho việc chuyên chở tất cả mớ dụng cụ mà họ mang theo từ New York. Trong khi chiếc máy bay đó được bổ sung nhiên liệu ở Cuzco, họ bắt trực thăng lên thành cổ Machu Picchu, nơi được gọi là “thành phố bị mất tích” mà Hiram Bingham đã tìm thấy vào năm 1911.

Machu Picchu gần như nằm trên những đám mây, và cặp sinh đôi nghĩ rằng nó là một trong những điều kỳ thú nhất mà chúng từng thấy. Gần tuyệt vời như những kim tự tháp, dù tuổi đời của nó ít hơn nhiều.

John nhận xét:

– Khó mà tin được người Inca có thể khuân những khối đá to đùng đó lên đến tận đây để xây thành mà không có sức mạnh djinn.

Cậu Nimrod bảo:

– À, họ có thể đấy. Nơi này được xây dựng vào năm 1450, hàng trăm sau khi vị vua djinn của người Inca, Manco Capac, qua đời.

Ông Groanin nói giữa những tiếng hỗn hển, vì ở độ cao cách mặt nước biển đến gần hai ngàn năm trăm mét, không khí ở Machu Picchu khá loãng:

– Ít có thứ con người không thể làm một khi đã quyết tâm. Có lẽ ngoại trừ việc thể hiện sự tôn trọng đối với nơi này một ít, tôi phải nói, nhìn nó không có vẻ bị mất tích gì cả. Nhìn nơi này xem. Tôi nói, cứ nhìn nơi này mà xem. Chẳng khác gì công viên Heaton ở Manchester vào ngày nghỉ của ngân hàng ấy. Đầy nhóc người tán chuyện qua điện thoại hay tổ chức dã ngoại, dân hippy bán bưu thiếp, mấy gã cuồng tín dờ hơi họp mặt cầu nguyện – Chúa ơi, đằng kia thậm chí còn có cả một nhóm người Mỹ quay quảng cáo kem chống nắng.

Đó là sự thật. Khu thành cổ đại hiện lúc nhúc du khách với đủ mọi quốc tịch, và John đã rời khỏi Machu Picchu với suy nghĩ, có lẽ tốt nhất là Hiram Bingham nên giữ bí mật khi khám phá ra nơi này. Philippa thì nghĩ rằng thật khó để tin rằng còn có một nơi khác như thế này – ở Machu Picchu, có đến một trăm bốn mươi công trình kiến trúc khác nhau được xây dựng trên khắp diện tích năm dặm vuông – ví dụ như Paititi, vẫn đang chờ đợi được khám phá.

Ít nhất đó là điều cô nghĩ cho đến khi họ quay lại với chiếc Cessna của họ và bay về phía đông, băng qua mặt bên kia của dãy Andes để đến với một thị trấn nhỏ tên gọi Manu nằm ngay tại trái tim của rừng Amazon thuộc địa phận Peru.

Là khu rừng mưa nhiệt đới lớn nhất trên trái đất, rừng Amazon bao phủ một diện tích lên đến ba triệu dặm vuông. Khoảng rừng Amazon thuộc địa phận của nước Peru chỉ là một phần nhỏ trong con số khổng lồ đó, tuy nhiên nó lại là nơi hoang dã nhất, khó tiếp cận nhất, và vì thế trở thành khu rừng mưa ít bị khai phá nhất trên thế giới. Khi chiếc máy bay hạ thấp trên những vòm cây dường như kéo dài đến vô tận, Philippa đã nghĩ cứ như thể cô đang nhìn xuống những tầng mây màu xanh lá khổng lồ chồng chất lên nhau. Cô nói với John:

– Ôi chao, nhìn nó như thế không có điểm kết thúc, John nhỉ? Ý em là, khi nhìn thấy những tán rừng dày như thế này, thật dễ để tin vào ý tưởng thật

sự có một thành phố mất tích ẩn giấu ở dưới đó, nhỉ?

Gật đầu với cô em sinh đôi, John mỉm cười:

– Em có thể cá như thế. Nó thật tuyệt, nhỉ?

Thế mà ông Groanin lại đang cố lờ đi cảnh quan bên dưới. Ông lầm bầm:

– Ta hy vọng tay phi công biết hẳn đang đi đâu. Ta sẽ rất bực bội nếu máy bay hết nhiên liệu và chúng ta phải bắt đầu tìm kiếm một chỗ hạ cánh an toàn dưới đó.

Vỗ vai viên quản gia, John châm chọc:

– Không hổ là ông Groanin. Lúc nào cũng nhìn vào mặt tốt của vấn đề.

Ông Groanin lầm bầm:

– Phải có ai đó làm điều đó. Như vậy, sẽ không ai bất ngờ khi mọi thứ trở nên tồi tệ.

John bật cười.

Zadie bảo:

– Tớ mừng là cậu thấy chuyện này đáng buồn cười đấy, John. Vì tớ thì không. Tớ chưa bao giờ hợp với việc là một hành khách trên không, ngay cả trong những thời điểm tốt đẹp nhất.

John nói:

– Chẳng hiểu sao tớ cũng nghĩ cậu sẽ như vậy.

Ông Groanin bảo cậu:

– Hãy nhìn vào mặt tốt của vấn đề. Ít nhất cô ấy đã ngừng nhảy tap-dance.

Philippa hỏi:

– Mọi người có biết ở dưới đó có đến một ngàn loài chim khác nhau không? Đó là chưa kể đến sáu loài dơi, bao gồm năm loài hút máu khác nhau.

Ông Groanin rên rỉ:

– Làm ơn đừng nhắc gì đến dơi. Đặc biệt là mấy con hút máu. Ta ghét dơi. Một cái lũ kinh tởm. Giống như chuột cống có cánh.

Ông Vodyannoy trấn an:

– Trừ khi anh bắt cần đến mức thò chân ra khỏi lều vào ban đêm, ít có khả năng anh bị một con như thế cắn.

Ông Groanin tuyên bố:

– Đừng hòng mà bắt được tôi ban đêm thò ra khỏi lều dù chỉ một cọng tóc nhé. Không phải ai trong chúng ta cũng ngớ ngẩn đến mức thích lang thang trong một khu rừng có mấy tay săn đầu người lảng vảng xung quanh.

Zadie bảo:

– Cháu không thấy ai đó lại muốn có cái đầu của ông, ông Groanin ạ. Đầu tiên, chẳng có mấy cọng tóc trên đó. Và cũng chẳng có gì nhiều bên trong.

Ông Groanin lầm bầm rửa cô trong cuống họng rồi bắt đầu ăn một hũ Thực Phẩm Dinh Dưỡng cho Trẻ: Mì Ống Cắt Ngăn Sốt Cá Ngừ, một thứ mà ông chỉ ăn khi đã đói rã ruột, đó là loại thức ăn duy nhất ông định ăn trong suốt thời gian họ ở Amazon. Ông hy vọng rằng ít nhất sẽ có một thứ gì đó uống được ở đây. Nghe đồn loại bia địa phương - chichai - khá ngon. Và ông Groanin là một người thích uống bia.

Philippa đề nghị:

– Nhìn này, chúng ta có thể bài trừ truyền thuyết nhằm nhí đó một lần và mãi mãi được không vậy? Không có thợ săn đầu người ở rừng mưa Amazon. Có thể chừng một trăm năm trước thì có, nhưng bây giờ thì không. Đúng không, cậu Nimrod?

Cậu Nimrod nói:

– Có thể cháu nói đúng, Philippa. Nhưng mặt khác, chúng ta đang nói đến rừng Amazon, chứ không phải Công viên Quốc gia Yellowstone. Đây là khu rừng nguyên sinh vĩ đại cuối cùng trên trái đất và nó rộng đến ba triệu mẫu, phần lớn vẫn chưa có dấu chân của con người, hay thậm chí là djinn. Cho nên chúng ta thật sự không thể biết ở dưới đó có hoặc không có gì. Nhưng ít nhất có một điều mà cậu có thể nói chắc: sẽ có vài ngạc nhiên chờ chúng ta bên dưới một khi đặt chân xuống đất.

* * *

Tiếp đón họ là người tổ chức thám hiểm kiêm hướng dẫn viên du lịch gốc Nam Mỹ - ông Sicky - cùng đầu bếp kiêm người lái thuyền của ông - ông Muddy. Cả hai là bạn cũ của ông Vodyannoy, đã từng đồng hành cùng ông trong chuyến thám hiểm rừng lần trước.

Có chiều cao quá khổ so với tầm vóc bình thường của thổ dân Châu Mỹ, ông Sicky có hai bàn tay cùng hai bàn chân to đùng, hai cánh tay, cổ và ngực của ông được che phủ bởi vô số hình xăm kỳ lạ mà ông vui vẻ cho phép John xem kỹ. Tất cả, ngoại trừ cái hình xăm trên bụng của ông. Ông Sicky nói với John rằng ông phải che lại cái hình xăm đặc biệt đó bởi vì, giống như ánh mắt của Nữ thần tóc rắn, nó có sức mạnh biến tất cả sinh vật sống thành đá.

John chọc:

– Coi nào, cháu cũng muốn biết ông xăm cái hình xăm đó ở đâu.

Ông Sicky giải thích:

– Nhiều năm trước anh Vodyannoy đã cho ta ba điều ước. Và hình xăm này là một trong ba điều ước đó, để ta dù tay không vẫn luôn có thể đánh bại kẻ thù.

John trầm trồ:

– Chà, ông có nhiều kẻ thù lắm à?

Ông Sicky mỉm cười:

– Bây giờ thì không.

Nói cách khác, ông Sicky là một người tử tế, có óc hài hước, đáng tin cậy, và tuyệt đối trung thực. Có vẻ như ông đã từng là một nhà điêu khắc tài năng. Hoặc ít nhất lũ trẻ nghĩ như vậy. Tuy vậy, điều đáng chú ý nhất ở ông Sicky là kích thước cái đầu của ông: chỉ to bằng một quả bưởi chùm, hay chính nắm tay của ông. John và Philippa cố giả vờ như thể ông Sicky có một cái đầu hoàn toàn bình thường, nhưng thật khó mà nghĩ như vậy khi nghe ông Sicky nói chuyện, vì tiếng Anh của ông không thật sự tốt và họ phải

nhìn kỹ vào miệng ông để có thể chắc chắn ông đang nói gì. Mà miệng của ông của kỳ lạ không kém cái đầu của ông. Cặp sinh đôi đã nhìn thấy nghệ thuật xỏ lỗ cơ thể trước đây. Trên khắp đường phố ở New York không thiếu gì những người quái dị với đủ loại kim loại gắn vào mũi, tai, môi và rốn của họ.

Nhưng ông Sicky là người đầu tiên họ thấy khâu chỉ màu vào môi, giống như những sợi ria mép kiểu Fu Manchu. Và, ít nhất trong vài tiếng sau đó, lũ trẻ vẫn thầm đoán mò về bí ẩn bộ ria mép của ông.

Nguồn gốc biệt danh Sicky của ông lại dễ hiểu hơn nhiều. Mỗi lần có ai hỏi một điều gì đó đại loại như “Hôm nay ông thế nào?” ông Sicky luôn trả lời là, “Không tốt lắm. Hôm nay tôi hơi bệnh.” Dĩ nhiên, cặp sinh đôi quá lịch sự để hỏi về cái đầu nhỏ xíu và cái miệng có những vật trang trí kỳ lạ của ông Sicky. Nhưng Zadie lại thiếu tài ngoại giao và sự tế nhị của chúng, nên rốt cuộc chính cô là người buột miệng nói ra câu hỏi vẫn ám ảnh trong đầu mọi người.

Việc xảy ra như thế này: Họ đang dùng bữa tối tại ngôi nhà gỗ của ông Sicky ở ngôi làng mang tên Manu, trên bờ hồ bán nguyệt lấp lánh với hàng cọ che bóng mát, họ sẽ trải qua đêm đầu tiên của mình ở rừng Amazon thuộc địa phận Peru, tại ngôi nhà này. Món bít tết dê ngon tuyệt đang được chuẩn bị bởi đầu bếp của ông Sicky, ông Muddy không chỉ là một bếp trưởng tuyệt vời mà còn là một tay đàn ghi ta cừ khôi. Zadie đã uống vài ly nước gì đó mà cô thích đến nỗi phải hỏi ông Sicky đó là gì và nó được làm như thế nào.

Ông Sicky cho biết:

– Đây là chichai, một loại bia địa phương được tạo ra bởi người Inca.

Vui vẻ nâng cốc với ông Sicky, ông Groanin tuyên bố:

– Không gì tuyệt bằng một ly bia ra hồn.

Ông Sicky kể với Zadie:

– Người trưởng thành như anh Groanin đây sẽ uống loại chichai có cồn, đơn giản được gọi là chichai. Nhưng anh Vodyannoy bảo cho cháu uống loại không cồn được gọi là chichai thiêng, nên đó là thứ cháu đang uống. Nó có

đầy đủ vị của chichai, nhưng không có cồn. Và cũng không có chứa calo. Dĩ nhiên, nếu cháu không phải là một đứa trẻ người Mỹ, ta sẽ đưa cho cháu loại chichai bình thường. Nhưng anh Vodyannoy nói là...

Zadie ngắt lời ông:

– Vâng, vâng, cháu hiểu rồi. Nhưng nó làm từ nguyên liệu gì thế? Có gì bên trong?

Ông Sicky trả lời:

– Ngũ cốc. Tương tự những loại bia khác. Và nước bọt. Nước bọt của người.

Zadie nuốt nước bọt một cách khó khăn:

– Xin lỗi, ông vừa nói nước bọt người hả?

Ông Sicky gật đầu:

– Ờ. Nước bọt. Như thế này này!

Cầm cái ly không của mình lên, ông vén mấy sợi chỉ trên môi qua một bên và nhả một đồng nước bọt vào trong ly như thế nó sẽ giúp loại bỏ tất cả mọi nghi ngờ vẫn còn quanh quẩn trong đầu họ sau lời giải thích của ông.

Zadie hỏi:

– Ông đang đùa phải không?

Mỗi lửa tẩu thuốc của mình, ông Vodyannoy nói:

– Ta e là anh ấy không nói đùa.

Ông Sicky bảo:

– Ta không nói đùa đâu. Đó là một công thức lâu đời của người Inca. Rất rất lâu đời. Rất ngon, phải không?

Lịch sự mỉm cười, Philippa hỏi:

– Và ông mua chichai đóng chai? Từ siêu thị?

Ông Sicky lắc đầu:

– Không, anh Muddy tự làm chúng đấy chứ.

Hoàn toàn vì tác động có thể của nó lên Zadie và ông Groanin, John chơi ác hỏi lại:

– À, để cháu làm rõ điều này nhé. Ý ông là, món chichai này được làm tại chỗ. Ông Muddy đã làm nó với nước bọt của chính ông, đúng không, ông Muddy?

Ngừng chơi ghi ta, ông Muddy đứng lên và nghiêng người cúi chào như thể xác nhận nguồn gốc thật sự của phần nước bọt trong chichai. Ông cao chưa đến mét rưỡi, nên khi đứng dậy, ông cũng chưa bằng ông Sicky đang ngồi. Nhưng ông có một trái tim rất lớn.

– Nước bọt của tôi, đúng thế.

Ông Muddy nói, rồi phun nước bọt vào bụi cây như thể muốn cung cấp thêm chứng cứ cho điều ông vừa thừa nhận.

– Tôi thích phun nước bọt. Tôi cũng phun nước bọt khá giỏi. Tôi có thể phun xa đến gần chục mét mà vẫn trúng đích.

Ông Sicky cho biết thêm:

– Cả vùng Nam Mỹ này không ai phun nước bọt xa hơn hay nhiều hơn anh Muddy đâu nhé.

Ông Groanin đứng dậy và lặng lẽ rời khỏi bàn. Cậu Nimrod nói:

– Ồ, tội nghiệp anh Groanin. Có lẽ tôi nên nói cho anh ấy biết trước khi anh ấy uống. Anh ấy đã uống mấy ly lớn rồi.

Uống cạn ly bia của mình, ông Vodyannoy nhận xét:

– Ngon tuyệt.

Zadie đề nghị:

– Chúng ta có thể nói về chuyện khác không vậy?

Cô đang kinh hoàng ôm chặt lấy bụng mình và cảm thấy buồn nôn đến mức cô không thể đứng dậy đi theo viên quản gia vào bụi rậm nơi ông đang sục sùi nôn mửa.

Nhưng John không định bỏ qua cho đề tài này. Tạm thời không. Cậu hỏi tiếp:

– Cần bao nhiêu nước bọt vậy, ông Sicky? Ví dụ, để làm một galong bia như thế này?

Ông Sicky gật đầu và nhả vài ngụm nước bọt vào cái ly không của mình. Giơ khoảng chừng vài centimet thứ nước bọt vàng đục lên, ông nói:

– Khoảng bằng vậy. Cho loại chichai. Nhiều hơn cho loại chichai thiêng.

Zadie nói:

– Xin cậu, John, nếu cậu không phiền. Tớ thật sự nghĩ chúng ta đã nghe đủ rồi đấy.

Và nghĩ rằng John cùng ông Muddy chỉ rời bỏ đề tài kinh tởm về bia chichai nếu cô có thể cho họ một đề tài bàn luận khác, cô mỉm cười rạng rỡ và hỏi:

– Thế, ông Sicky, làm sao mà cái đầu ông nhỏ như vậy thế? Và ông kiếm đâu ra mấy sợi chỉ quái dị trên miệng thế? Ông tự khâu chúng vào môi à?

Philippa thở hắt ra một tiếng khi thấy có người dám đặt một câu hỏi trực tiếp như thế với một người rõ ràng đã bị tổn thương trong quá khứ. Nhưng ông Sicky không mấy phật lòng. Ông đã quá quen với những câu hỏi như vậy. Ông Sicky cho biết:

– Ta là thổ dân của bộ tộc Prozuanaci. Tộc Prozuanaci là kẻ thù lâu đời của tộc Xuanaci. Tộc Xuanaci man rợ và kém văn minh hơn nhiều so với chúng ta. Vùng đất sinh sống của chúng cũng kém thân thiện, với không có lấy một đường mòn xuyên qua những cánh rừng cực kỳ rậm rạp, và người ta hiếm khi trông thấy chúng. Một điều tốt! Dù sao thì, rất nhiều năm trước đây, khi ta vẫn chưa lớn hơn hay to hơn cậu bé này, ta đã bị thổ dân tộc Xuanaci bắt. Nếu không phải vì ta còn nhỏ, có lẽ chúng đã cắt đầu ta làm vật kỷ niệm chiến tranh. Thứ mà chúng gọi là *tzantza*. Thay vào đó, để làm nhục ta và khiến ta luôn nhớ đến việc chúng đã bắt được ta như thế nào, chúng đã quyết định làm teo cái đầu của ta lại, khi nó vẫn nằm trên vai ta. Người Peru chúng ta gọi đó là *pernocabeza*.

Philippa nói:

– Nhưng đó chắc chắn là một chuyện không thể thực hiện được.

– Không phải với người Xuanaci. Tộc Xuanaci biết rất nhiều về cách lấy và làm teo nhỏ đầu người để làm vật kỷ niệm. Đầu tiên, chúng trói chặt ta lại

và hút mỡ ra khỏi mặt ta bằng những ống rơm nhỏ. Rồi chúng cạo trọc đầu ta và sơn lên đó một loại dầu đặc biệt chiết xuất từ một loại cây hiếm có chỉ mọc trong rừng Amazon, và chỉ có người Xuanaci mới biết. Rồi họ bắt ta nằm chúi đầu vào một cái xô đựng đầy cát nóng cùng những dược thảo bí mật khác trong nhiều tuần, hong khô nó trước khi sơn lớp dầu đặc biệt kia lên, rồi lại hong khô nó lần nữa. Và họ vẫn liên tục hút mỡ ra khỏi mặt ta.

John nhận xét:

– Tựa tựa như giải phẫu rút mỡ ấy nhỉ. Cháu hiểu rồi.

Ông Sicky kể tiếp:

– Việc đó lặp đi lặp lại rất nhiều lần. Và trong suốt khoảng thời gian đó, cơ thể ta tiếp tục lớn lên, trong khi đầu của ta teo nhỏ dần. Dĩ nhiên ta đã gào khóc kêu cứu. Bởi vì người của tộc Prozuanaci đang tìm kiếm ta. Và để ngăn chặn điều đó, người Xuanaci đã khâu miệng ta lại với những sợi chỉ mà các cháu thấy giờ ta vẫn đeo.

John đang bị cuốn hút bởi câu chuyện của ông Sicky, nôn nóng hỏi:

– Chuyện gì xảy ra sau đó? Họ thả ông đi à?

– Khi đầu ta đã nhỏ xíu, chúng tổ chức một buổi tiệc tiệc pernocabeza đặc biệt – một buổi tiệc mà ta là vị khách danh dự. Chúng đưa cho ta một cái ly chứa tất cả mỡ hút ra từ chính đầu của ta.

– Và ông đã uống nó?

– Dĩ nhiên. Nếu ta từ chối, chúng chắc chắn sẽ giết ta. Lượng mỡ đó làm cơ thể ta to hơn trước, và do đó, càng làm cái đầu của ta nhìn có vẻ nhỏ bé hơn.

John nhận xét:

– Có vẻ hợp lý. Rồi sao nữa ông?

Ông Sicky nhún vai:

– Chúng đưa cho ta một cái gương mà chúng đã từng dùng một cái đầu bị teo nhỏ để trao đổi, để ta tự nhìn bản thân. Một việc mà chúng nghĩ khá hài hước.

Philippa cũng bị lôi cuốn bởi câu chuyện không kém anh trai, hỏi:

– Và ông đã cảm thấy như thế nào?

Ông Sicky nói:

– Bệnh. Rất bệnh. Bệnh đến tận bao tử. Cháu sẽ cảm thấy như thế nào?

Philippa đồng ý:

– Thấy muốn bệnh ạ.

– Rồi chúng thả ta đi. Ta đã về lại làng của mình và mọi người đều mừng rỡ khi trông thấy ta, nhưng đồng thời cũng rất buồn vì những chuyện tộc Xuanaci đã làm với ta và cái đầu của ta.

John hỏi:

– Về sau ông có trả thù được họ không?

Là một cậu con trai, John tự nhiên nghĩ đến điều đó. Đưa mắt nhìn ông Vodyannoy, ông Sicky mỉm cười bảo:

– Ồ, có chứ. Nhưng là rất nhiều năm về sau.

Ông Vodyannoy cho biết:

– Vào lần ta đến đây nghỉ lễ, anh Sicky đã cứu ta, ngăn con *Scolopendra gigantea* - một loài rết khổng lồ của Peru – lại, lúc nó sắp cắn ta đến nơi. Chúng rất độc và hoàn toàn có thể làm chết người. Chúng còn độc với djinn chúng ta hơn là với mundane.

John nói:

– Cháu nghĩ như thế cũng coi như công bằng, “bù qua sót lại” việc chúng ta hoàn toàn miễn nhiệm trước nọc rắn.

Philippa thắc mắc:

– Chúng lớn đến mức nào?

Ông Vodyannoy trả lời:

– Chúng có thể dễ dàng đạt độ dài gần nửa mét. Dù sao thì, ta đã tặng cho anh Sicky ba điều ước. Và sau khi lãng phí điều ước đầu tiên...

Ông Sicky nhe răng cười một cách ngượng ngùng khi nhớ đến việc đó.

– Ta đã ước gì mình biết được anh Vodyannoy có nói dối hay không. Và rồi ta đã biết, dĩ nhiên.

Zadie cẩn thận đặt câu hỏi:

– Ừm, thứ lỗi cho cháu nhé, và cháu cũng không có ý xúc phạm gì, nhưng ông Sicky, sao ông không ước có một cái đầu kích cỡ bình thường?

Ông Sicky đơn giản trả lời:

– Bởi vì ta không muốn như thế. Ta đã quá quen với kích cỡ hiện tại của cái đầu ta. Tất cả những người khác cũng vậy. Việc đó không còn quan trọng nữa.

John nói:

– Cháu biết rồi. Điều ước thứ hai của ông là trả thù người Xuanaci.

Ông Sicky lắc đầu:

– Ồ không. Điều ước thứ hai của ta là có một công việc làm ăn riêng. Ở đây, trong khu rừng này. Để nuôi sống gia đình ta. Và đó là lý do tại sao ta có công ty tổ chức du lịch và thám hiểm này. Điều ước thứ ba của ta là có cái hình xăm mà ta đã kể với cháu. Cái hình xăm có thể biến mọi vật thành đá ấy.

Philippa bảo:

– Thế mà cháu cứ nghĩ ông là một nhà điêu khắc đấy. Những bức tượng động vật nhìn giống như thật mà cháu đã thấy ở quanh đây, chúng từng là động vật thật sự, đúng không?

Ông Sicky gật đầu:

– Đúng vậy. Ta kiếm thêm được ít tiền với việc bán chúng cho du khách.

John hỏi:

– Vậy còn người Xuanaci?

Ông Sicky lại nhe răng cười một cách ngượng ngùng:

– Cháu nghĩ đúng đấy, cậu bé. Có một ngày, sử dụng cái hình xăm này, ta đã đi sâu vào trong rừng, tìm kiếm vài gã Xuanaci và cũng biến chúng thành đá.

John trầm trồ:

– Chà. Thế ông cảm thấy như thế nào về việc đó?

Ông Sicky bảo:

– Bệnh. Rất bệnh. Bệnh đến tận bao tử. Làm việc đó không cho ta bất kỳ sự dễ chịu nào. Đại loại như vậy. Có lẽ cháu sẽ tận mắt nhìn thấy những bức tượng đó vì chúng ta sẽ đi ngược dòng, vào sâu trong lãnh địa của người Xuanaci, để đến được nơi mọi người muốn đến.

Ông Groanin quay lại bàn.

John hỏi mà một mắt nhìn sang ông Groanin:

– Họ có còn săn đầu người không ông?

Ông Sicky nhún vai:

– Câu hỏi khó đây. Lâu lắm rồi ta không gặp một người Xuanaci nào. Nên có thể có. Cũng có thể không.

Mỉm cười với ông Groanin, ông nhỏ nhẹ nói:

– Đừng yên đừng nhúc nhích gì nhé, anh Groanin.

– Sicky, ông bạn già, anh vừa nói gì cơ?

– Làm ơn đừng yên đừng nhúc nhích. Có một thứ trên lưng anh đó.

Ông Groanin nuốt khan, mặt trở nên xanh lè.

– Thứ? Thứ gì? Ý anh là, một con vật kinh tởm nào đó à?

Bàn tay ông Sicky biến mất đằng sau lưng ông Groanin trong một giây, rồi xuất hiện trở lại với một con rết to đùng. Nó có khoảng hai mươi tám đốt đỏ au và vài chục cặp chân vàng khè to hơn răng lược cỡ lớn. Con rết nhìn giống một thứ gì đó đến từ một hành tinh khác, một hành tinh không mền khách.

Đứng bật dậy khỏi bàn, John thốt lên:

– Thánh thần ơi, một con Scolopendra gigantea.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Chính xác.

– Con lớn nhất mà ta từng thấy.

Ông Sicky nói, và giơ nó lên trước ánh sáng để tất cả mọi người có thể nhìn rõ hơn. Ngay cả trong bàn tay to đùng của ông Sicky, con rết khổng lồ

nhìn vẫn bự như một con rắn.

– Con này chắc phải dài đến bảy tấc. Cũng khá là độc.

Cậu Nimrod nói với ông Groanin:

– Mặt anh hơi xanh đó, anh Groanin. Anh cảm thấy thế nào?

Ông Groanin nói:

– Bệnh. Rất bệnh. Bệnh đến tận bao tử tôi đây này. Ngài nghĩ tôi cảm thấy thế nào chứ?

Và rồi ông ngất xỉu.

Tuy nhiên, ông Sicky không giết con rết khổng lồ, và thậm chí cũng không quăng nó đi. Tối hôm đó, ba đứa trẻ phát hiện ông nhốt con rết trong một cái hộp lớn và cho nó ăn chuột nhắt và gián.

Zadie nhăn mặt:

– Eo ơi, sao ông giữ một thứ kinh khủng như vậy chứ, ông Sicky?

Ông Sicky cho biết:

– Ta sẽ nuôi nó lớn hơn nữa. Rồi ta sẽ cho nó thấy hình xăm ma thuật trên bụng ta và biến nó thành đá. Nó sẽ là một tác phẩm điêu khắc giúp ta kiếm được một số tiền lớn từ du khách. Giống như những bức tượng khác.

Ông chỉ tay vào vài bức tượng động vật đường nét chi tiết, hoàn mỹ ở trên mái hiên bên ngoài phòng khách của ông. Chúng bao gồm một con nhện ăn chim, một con thú ăn kiến, một con lười, một con thú túi opot, một con khi rú, một con chó tai ngắn, một con heo vòi, một con nhím, và một con báo sư tử. Nhìn như thế ông Sicky có cả một xưởng thủ công gia đình tại ngôi nhà gỗ đơn sơ của ông ở Manu.

John tò mò:

– Đó là cách ông tạo ra tất cả những bức tượng sao? Chỉ việc cho chúng thấy bụng của ông thôi à?

Ông Sicky gật đầu và cho biết thêm:

– Ta từng có một bức tượng thổ dân Xuanaci. Nhưng một nhà điêu khắc Anh nổi tiếng đã mua nó và bán lại cho một bảo tàng nghệ thuật đương đại ở Luân Đôn với giá khá cao.

John hỏi:

– Ông cảm thấy như thế nào về việc đó?

Ông Sicky đơn giản trả lời:

– Bệnh.

Philippa thắc mắc:

– Cháu có thể hiểu tại sao có người muốn một con báo sư tử bằng đá. Thậm chí là một con nhím. Nhưng loại người quái gở nào sẽ muốn mua một con rết đá chứ?

John bảo em:

– Ồ, anh không biết. Anh không ngại có một con đầu. Ông biết gì không, ông Sicky? Cháu sẽ mua nó.

Philippa nói:

– Em đoán là anh vừa trả lời câu hỏi của em.

John nhanh chóng nói thêm:

– Ý cháu là, khi ông đã hoàn thành việc, ờ, việc biến nó thành đá. Nó có thể sẽ rất hợp với mặt lò sưởi ở nhà cháu.

Vì thế mà John có phần thất vọng khi ít lâu sau đó, ngay trước giờ đi ngủ, ông Sicky thông báo với cậu rằng con rết khổng lồ đã trốn thoát khỏi cái hộp. Gãi gãi cái đầu to bằng quả bưởi chùm của ông với vẻ mặt khó hiểu, ông Sicky nói:

– Ta nghĩ nó là một con rết rất thông minh. Ta nghĩ, có lẽ nó đã giả vờ như nó nhỏ hơn nhiều so với kích thước thực tế. Nếu đuổi thẳng người ra, chắc nó dài hơn ta nghĩ. Dù sao thì, nó đã chuồn mất. Chúng ta sẽ không trông thấy nó lần nữa.

Zadie bảo:

– Cháu hy vọng như vậy.

Nhưng trong khi theo bản năng cô căm ghét loài rết, Zadie dường như lại cảm thấy khác về loài dơi, vì cặp sinh đôi đã rất ngạc nhiên khi phát hiện bám trên tay cô là một con dơi thú nuôi của cô.

Mời cặp sinh đôi vuốt ve nó, cô giải thích:

– Tớ đã tìm thấy nó treo trên tường phòng ngủ của tớ. Nó khá thuần, thật đó.

Xem xét con vật, ông Vodyannoy hùng hồn tuyên bố:

– Đây là một con *Sturnira erythromos*. Loài dơi vai vàng. Hoàn toàn vô hại.

Dùng ngón tay xoa xoa đầu con dơi, Philippa nhận xét:

– Lông nó mượt thật.

Ông Vodyannoy cho biết:

– Hoàng đế Atahualpa của người Inca có một tấm áo choàng mềm hơn cả tơ lụa, làm từ những miếng da dơi tốt nhất. Một trong những anh em của Pizarro - Pedro - đã ghi chép lại cách thu phục lòng người Inca trong đó có da dơi.

Zadie nói:

– Tớ gọi nó là Zotz. Lấy từ Camazotz, vị thần dơi đại diện cho cái chết của người Maya.

Con chó của ông Muddy - Hector - gầm gừ với con dơi khi Zadie thử giới thiệu chúng với nhau. Hành động này khiến nó được ông Groanin thưởng bằng một cú vỗ nhẹ trên đầu.

Viên quân gia lâm bẩm:

– Hector, anh bạn già, tao không thể đồng ý hơn nữa. Có một thứ gì đó rất là không ổn với cô bé đó.



Chương 7

Quái vật đến đây

Sáng sớm hôm sau, khi lớp sương mù dày đặc dâng lên từ mặt nước để gặp gỡ lớp sương mù còn dày hơn nữa hạ xuống từ những vòm cây, đoàn thám hiểm khởi hành dọc theo một nhánh sông hẹp của dòng Amazon trên hai chiếc thuyền độc mộc chạy bằng động cơ gấn ngoài cỡ nhỏ. Ông Sicky, cậu Nimrod, John và ông Groanin ngồi trên chiếc thuyền đầu tiên, ông Frank Vodyannoy, ông Muddy, con chó Hector của ông Muddy, Zadie và Philippa ngồi trên chiếc thuyền còn lại. Điều khiển chiếc thuyền thứ nhất, ông Sicky dẫn đường cho cả đoàn và ngay trong những phút đầu của chuyến đi, ông đã chỉ cho mọi người thấy một con rái cá sông to tướng, một con hươu gạc đỏ, và, giữa những thân cây cao lớn, một mặt vách đá thẳng đứng dường như bị phủ kín bởi những con vẹt đuôi dài sặc sỡ. Họ đang đi theo lộ trình được mô tả trong tấm bản đồ mà Faustina đã đưa cho ông Vodyannoy, và cho rằng đó cũng là lộ trình đến Mắt Rừng được lựa chọn của chuyến thám hiểm trước đó - chuyến thám hiểm đã xuất hiện trên mặt báo. Ông Sicky đã hỏi tất cả những người hướng dẫn thám hiểm rừng rậm khác trong Công viên Quốc gia Manu thông tin về chuyến thám hiểm đó, nhưng dường như nó bị che giấu sau một bức màn bí mật hay huyền hoặc nào đó, và không ai biết gì khác ngoài việc thành viên của nó phần lớn là các nhà khảo cổ người Anh và

Đức. Với một ngoại lệ đáng chú ý: có vẻ như một trong những thành viên đó là một cậu bé khoảng chừng mười bốn tuổi.

John hỏi ông Sicky khi chiếc thuyền độc mộc vững vàng lướt trên mặt nước xanh lục trong trẻo:

– Có ai mô tả gì về cậu bé đó không?

– Họ chỉ nói đó là một cậu bé. Người Anh. Hoặc có thể là người Mỹ. Chỉ là một cậu bé. Hơi giống cháu, có lẽ thế.

Rồi nhe răng cười, ông nói thêm:

– Có lẽ không thân thiện như vậy.

John nói:

– Với mọi người, một cậu bé mười bốn tuổi thường nên ở trường. Để được học hành chữ.

Cậu Nimrod bảo:

– Cậu có thể nói điều tương tự về cháu.

John nhún vai:

– Du lịch mở mang đầu óc. Chẳng phải người ta vẫn thường nói như vậy sao?

Cậu Nimrod nói:

– Ờ, nhưng cháu vẫn phải có đầu óc trước đã. Và chỉ có một cách duy nhất để có được điều đó. Đọc sách. Trường học. Cao đẳng. Đại học. Không phải lang thang trong rừng thế này.

Ông Groanin càu nhàu:

– Nếu hỏi tôi, du hành toàn là phí thời gian. Ý tôi là, ích lợi gì khi đi hết nửa vòng trái đất chỉ để nhìn một lũ rái cá và vẹt ngu ngốc chứ. Đáng xem, có lẽ thế. Nhưng chỉ vậy. Chắc vậy. Nhưng thật chẳng đáng đi để xem. Thấy sự khác biệt tinh tế không? Tôi nói, thấy sự khác biệt tinh tế của chúng không? Và tất cả những cái này, chẳng gì đánh bại nổi một bãi biển mùa hè ở Lytham St. Annes.

Cậu Nimrod nói:

– Đúng là lời nói của một người Anh chính gốc.

Khoảng năm giờ chiều, sau cả một ngày lác lư trên sông, họ nghỉ lại tại một điểm dã ngoại trên bờ, tại đây, họ thường thức một bữa tối tuyệt vời như thường lệ được chuẩn bị bởi ông Muddy. Nhưng sau sự cố đang tiếc với bia chichai, ông Groanin không thể nào bị dụ dỗ nếm thử bất cứ thứ gì khác ngoại trừ vài hũ thức ăn trẻ em tiệt trùng mà ông mang theo từ Anh.

Khi bữa tối kết thúc, ông Sicky và ông Muddy nhóm lửa to hơn rồi yên vị trên những cái võng, vốn là một việc thường phải làm khi ở trong rừng và, cuộn mình trong cái màn chống muỗi rộng vài thước, ông Groanin cũng leo lên võng ngủ. Con Hector nằm xuống bên đống lửa và nhắm mắt lại. Cậu Nimrod và ông Vodyannoy chơi trò *perudo*, một trò chơi của Nam Mỹ gần giống như trò Djinnverso, trong khi ba đứa trẻ ngồi xuống quanh đống lửa và hào hứng trò chuyện về ngày đầu tiên của chúng trên sông Amazon vĩ đại.

John lớn tiếng tự hỏi:

– Không biết có cá piranha ăn thịt dưới sông không nhỉ?

Zadie đề nghị:

– Sao ngày mai cậu không thử bỏ tay xuống nước để xem sao?

– Rất là hài hước đấy.

Philippa hỏi Zadie:

– Con Zotz đâu rồi?

Zadie liếc nhìn bắp tay của cô, dạo gần đây, đó là chỗ nghỉ chân yêu thích của con dơi, nhưng hiện tại không có gì trên đó.

Zadie ủ rũ:

– Ồ, chắc nó bay đâu rồi. Tớ hy vọng nó sẽ quay lại.

Philippa nói:

– Trời tối mà. Ý tớ là, dơi là loài sống về đêm, đúng không? Nên tớ nghĩ chắc nó bay đi đâu đó kiếm trái cây hay một thứ gì đó tương tự.

Đưa mắt nhìn quanh với vẻ lo lắng, Zadie bảo:

– Tớ đã cho nó ít cam. Tớ đâu có ngốc.

Philippa trấn an:

– Tớ chắc nó sẽ quay lại thôi. Cậu cứ chờ mà xem.

Thình lình, ông Sicky ngồi dậy trên võng và với tay lấy khẩu súng trường. Cậu Nimrod quăng điếu xì gà của cậu qua một bên và đứng dậy, ném cho ông Sicky một ánh mắt mong đợi. Cái đầu của vị hướng dẫn thám hiểm có thể nhỏ một cách bất thường, nhưng không có gì bất ổn với thính giác, và đặc biệt là khứu giác của ông. Nhắc cái mũi nhỏ xíu của mình lên không khí, ông hít sâu một hơi. Con Hector cũng làm như vậy và bắt đầu gặm nhẹ.

Ông Sicky thăm thì:

– Tôi ngửi thấy mùi chuột chết.

John hỏi:

– Có thể là con Zotz? Con dơi của Zadie ấy?

Lắc đầu, ông Sicky nói:

– Lớn hơn. Một thứ gì đó đang săn chúng ta. Một thứ gì đó đã ăn một con chuột.

Rồi thật nhẹ nhàng, ông mở khóa nòng khẩu súng trường của mình. Tất cả mọi người đưa mắt nhìn xung quanh và theo bản năng, dịch sát lại đồng lửa. Ít nhất là những người đang thức. Ông Groanin vẫn đang ngáy o o như một động cơ thuyền gấn ngoài cỡ nhỏ. Ông Sicky vắt chân ra khỏi võng và đặt chúng xuống mặt đất, nói:

– Mười phút trước hình như tôi đã nghe thấy một tiếng gì đó. Và bây giờ tôi đã chắc chắn về điều đó.

Một thứ gì đó dịch chuyển trong bụi cây. Một thứ gì đó lớn. Con Hector cụp đuôi giữa hai chân sau và rên ư ử. Zadie bước gần hơn đến đồng lửa. Đường như đó là chỗ đứng an toàn nhất. John và Philippa di chuyển theo cô. John đặt tay lên đầu, cố vượt những sợi tóc đã dựng đứng lên nằm xuống. John ngạc nhiên nhận ra cả cậu Nimrod và ông Vodyannoy đang cùng chĩa súng vào bụi cây bên dưới cái võng của ông Groanin.

Cậu Nimrod thăm thì:

– Dù thứ đó là gì, nó dường như đang cho anh Groanin tội nghiệp vào thực đơn của nó.

Ông Sicky nâng súng lên ngang vai. Sau đó là một sự im lặng kéo dài. Một phút sau, sinh vật đó tấn công, bổ nhào xuống cái vũng của viên quản gia với một âm thanh trơn trượt, xáo trộn như cả tá móng vuốt lướt trên bàn bếp, cùng một tiếng rít kinh khủng nửa giống gián nửa giống rắn.

Ban đầu, họ nghĩ đó là một con trăn nhiệt đới hay một con trăn lạnh tính cỡ lớn, nhưng không loài rắn nào có thể di chuyển nhanh như vậy, và cũng không loài rắn nào có chân. Hai mươi tám cặp chân màu cam. Và không loài rắn nào có râu.

Trong nửa giây, Philippa tưởng tượng họ đang bị tấn công bởi một sinh vật ngoài vũ trụ, và không ngăn được một tiếng hét thất thanh.

Giây tiếp theo, một tiếng nổ điếc tai vang lên khi ông Sicky, cậu Nimrod và ông Vodyannoy nổ súng gần như đồng loạt, và sinh vật với cơ thể nhiều đốt màu nâu trơn trượt vẫn còn ẩn một phần thân mình trong những vòm lá rậm rạp đó rít lên như một con chim săn mồi chao đảo và vụng về thân mình trong cố gắng trốn thoát vô vọng. Ba người đàn ông cầm súng bóp cò lần nữa và con rết khổng lồ to như một con ngựa gục chết bên cạnh cái vũng của ông Groanin, từ sáu lỗ thủng xuyên qua cái lưng chắc như yên ngựa của nó ứa ra một thứ nước vàng tươm lợm.

Ông Groanin ngồi dậy trên vũng và ngáp dài một tiếng trước khi phàn nàn:

– Cái gì mà ồn ào dữ vậy? Không thấy ở đây có người đang cố ngủ à?

Ông Sicky bật cười với sự nhẹ nhõm và đá đá cái xác nằm trên mặt đất. Con Hector bắt đầu hung hăng gặm nó.

Ông Sicky bảo:

– Tiếc là nó đã chết. Con rết lớn nhất mà tôi từng thấy. Có thể kiếm được ổi tiền trong sở thú. Nhìn giống một người anh bé bụi của con rết Peru mà chúng ta đã tìm thấy ở nhà gỗ nhĩ.

Hết nhìn đằng trước rồi đằng sau áo sơ mi của mình, ông Groanin lo lắng hỏi:

– Rết? Rết nào?

Ông Vodyannoy quỳ xuống cạnh con rết khổng lồ và bắt đầu kiểm tra nó kỹ lưỡng. Mỗi một cái chân màu cam đỏ to bằng cẳng tay của ông. Ông lẩm bẩm:

– Người anh siêu bé bự! Có phần quá bự, đúng không Nimrod?

Cậu Nimrod đồng ý:

– Ừ. Bự một cách bất thường.

Liếc nhìn qua rìa cái võng của mình, ông Groanin trông thấy sinh vật khổng lồ nằm chết bên dưới. Khó khăn nuốt nước bọt, ông hỏi:

– Mọi người không nghĩ là nó định...

Đặt khẩu súng trường của mình xuống, cậu Nimrod tiếp lời ông:

– Định ăn anh? Nhìn có vẻ như vậy đấy.

Ông Groanin một lần nữa ngất xỉu.

* * *

Ông Sicky và ông Muddy thay phiên nhau ngồi gác đêm. Và cậu Nimrod sử dụng sức mạnh djinn để tạo ra một cái *propugnator*, một dạng điều ước bảo vệ hoạt động như một hàng rào bao quanh khu vực cắm trại của họ để ngăn chặn bất cứ cuộc tấn công nào khác. Nhưng không ai có thể ngủ yên tối hôm đó. Bị ám ảnh bởi suy nghĩ có thể có một con quái vật to lớn và khủng khiếp như vậy ẩn nấp đâu đó trong rừng mưa, tất cả mọi người đều ngóng chờ được tiếp tục hành trình ngược dòng Amazon của mình. Xét đến cùng, con sông cũng là một khoảng không gian lộ thiên, và một thứ gì đó khó có thể lặn lẽ bò đến sau lưng cả đoàn khi họ đang di chuyển bằng thuyền. Ít nhất họ nghĩ như vậy cho đến sáng hôm sau, khi họ đã đi được thêm vài dặm trên dòng Amazon, Zadie nhắc cho tất cả mọi người rằng một con sông cũng dễ che giấu một con quái vật im lặng nào đó bơi dưới thuyền.

Dời cái bàn chải đánh răng từ bên này sang bên kia khóe miệng, giống như cái tẩu thuốc của ông Vodyannoy, Zadie nói:

– Bên dưới cái thuyền độc mộc này có thể có bất cứ thứ gì và chẳng ai biết gì về chúng. Cá piranha, rắn anaconda.

Ngay khi cô đang nói, một con cá sấu trên bờ sông trượt xuống nước và bơi xuống sâu như một quả ngư lôi gỗ.

– Đó là chưa kể đến cá sấu Mỹ và cá sấu Châu Phi đấy nhé.

Liếc nhìn mặt nước từ chiếc thuyền còn lại với ánh mắt nghi ngờ, ông Groanin lầm bầm:

– Nếu không thể nói điều gì hữu dụng, tốt nhất đừng nói gì cả. Đó là điều mẹ ta thường nói.

Zadie bĩu môi:

– Cháu chỉ nói thôi mà.

John bảo:

– Thế thì đừng. Đừng nói gì cả.

Zadie vui vẻ đề nghị:

– Nếu mọi người muốn, cháu có thể hát một bài. Để lên tinh thần cho mọi người.

Ông Groanin nói, giọng chanh chua:

– Ta không thấy làm sao việc cháu hát có thể đạt được kết quả đó. Trên thực tế, nếu là ta, nó sẽ thu được kết quả hoàn toàn ngược lại. Nhưng nếu cháu muốn nhảy tap-dance trên mặt nước thì cứ việc tự nhiên, đừng để ý đến ta.

John bật cười, làm mặt ác. Và Zadie làm mặt giận với họ.

Ít lâu sau, con dơi Zotz quay lại và yên vị trên cánh tay của Zadie, cô bé vui vẻ hơn nhiều. Và sau đó, có vẻ như con dơi liên tục bay đi bay về. Bằng một cách nào đó, như một con bồ câu trong một cuộc đua, nó dường như luôn biết được chính xác phải tìm họ ở đâu dù trong rừng hoặc trên sông.

Khoảng giữa trưa là lúc họ đối mặt với chướng ngại vật tiếp theo trong hành trình của mình. Cái đầu của ông Sicky có thể nhỏ một cách bất thường,

nhưng không có gì bất ổn với thị giác của ông. Ông tắt động cơ năm mươi lăm mã lực của chiếc thuyền độc mộc và im lặng ngồi nhìn trùng trùng về phía trước.

Cậu Nimrod hỏi:

- Chuyện gì vậy, Sickly?
- Có cái gì đó ở trước mặt chúng ta, ông chủ ạ.

Sickly chỉ ngược lên dòng sông. Xa xa, một đám khói đen đang cuộn cuộn nổi trên mặt nước trước mặt họ. Đám khói thay đổi hình dạng thường xuyên nhưng không hề dịch chuyển, và ngay lập tức mọi người nhận ra chùng nào còn ở trên sông, họ không thể đi vòng qua nó. Cậu Nimrod móc cái ống nhòm của cậu ra để nhìn kỹ hơn.

Cậu nói:

- Lạ thật. Có vẻ như đó là một đàn muỗi đông bất thường.

Ông Groanin làu bàu:

– Chuyện đó có gì lạ chứ? Chúng ta đang ở Amazon. Cả cái quốc gia này đầy nhóc mấy cái thứ đó.

– Đúng là vậy, nhưng loài muỗi hầu hết đều đi kiếm ăn về đêm. Thật kỳ lạ khi chúng dám mạo hiểm ra ngoài dưới cái nóng ban ngày với số lượng đông như thế này. Tôi e là chúng có thể đặc biệt nguy hiểm với những thành viên loài người của đoàn chúng ta. Bình thường côn trùng không làm djinn bận tâm lắm. Tuy nhiên, với số lượng khổng lồ như thế này, để an toàn, chúng ta nên nhận định đàn muỗi này theo hướng khác.

Ông Vodyannoy gợi ý:

- Dùng đồ bảo hộ chống ong nhé?

Cậu Nimrod gật đầu:

- Có vẻ như đó là giải pháp hiển nhiên nhất.

Khi cậu Nimrod định thì thầm từ trọng tâm của mình, ông Vodyannoy giơ tay lên và nói:

- Đây, để tôi làm việc đó cho.

Ông suy nghĩ trong giây lát, đưa tay vuốt chòm râu đỏ của mình, rồi thăm thì:

– ZAGIPNOTIZIROVAVSHEMUSYA.

Đó là một từ trọng tâm tiếng Nga của ông, có nghĩa là “dành cho người tự thôi miên chính mình.”

Vài giây sau, tất cả đều mặc áo chống ong – bao gồm cả con chó Hector – và hướng thẳng về phía bầy muỗi đang vo vo inh ỏi như hàng triệu dòng điện nho nhỏ. Mồ hôi John đang đổ hồi hả bên trong bộ đồ bảo hộ, cậu nói:

– Hy vọng mấy bộ đồ này có hiệu quả.

Nhưng, trông thấy những du khách đường sông dường như làm lũ muỗi trở nên điên loạn, và chẳng bao lâu sau, một con đã đốt được một ai đó, vì có một sự thật ít được biết tới là bốn mươi phần trăm loài muỗi có khả năng đốt xuyên qua quần áo, kể cả những bộ đồ bảo hộ.

Ông Groanin hét lên:

– Ui da! Một trong những con quỷ nhỏ khó chịu này đã đốt tôi.

John cũng la lên:

– Cả cháu nữa.

Con Hector sủa lớn như thể nó cũng bị đốt qua lớp đồ bảo hộ. Cậu Nimrod vỗ tay vào nhau trong không khí, đập chết một trong những con muỗi đang tấn công họ. Mở lòng bàn tay đeo găng ra, cậu nhìn thấy con muỗi mà cậu vừa giết dài gần chục centimet, với một cái vòi ít nhất dài ngang ngửa và sắc hơn một mũi kim tiêm dưới da. Nhấn mặt khi một con muỗi đốt được cái mông có lớp bảo vệ, cậu Nimrod nói:

– Thế nào! Mấy con muỗi này lớn bất thường.

Ông Vodyannoy gọi ra một bình phun diệt côn trùng lớn từ không khí và bắt đầu phun thuốc quanh người. John cố bắt chước ông, nhưng lại bị mắc kẹt ở khâu tưởng tượng ra thành phần hóa học tổng hợp của thuốc diệt côn trùng, và chỉ có thể tạo ra một chai xịt phòng không mấy hữu hiệu đối với tai họa trên không đang giáng xuống quanh họ.

Philippa gặp may hơn anh trai, khi cô thì thầm từ trọng tâm của mình – từ FABULONGOSHOOMAR VELISHLYWONDERPIPICAL – và tạo ra được vài con chuồn chuồn lớn, vốn là một động vật ăn muối. Nhưng bằng đó vẫn chưa đủ để làm hao hụt số lượng muối khổng lồ giờ đây đang bay lúc nhúc quanh hai chiếc thuyền.

Ông Groanin hét lên lần nữa:

– Ui da! Làm gì đó đi, các quý ngài đầu to. Trước khi tất cả chúng ta bị ăn tươi nuốt sống.

Cậu Nimrod hét lớn với ông Sicky:

– Tăng tốc đi.

Nhưng ông Sicky lại lắc lắc cái đầu nhỏ xíu của mình một cách vô vọng. Vẫy tay đuổi lũ muối che kín tấm che mặt trên cái mũ áo teo nhỏ, ông cho biết:

– Chúng ta đang đi với tốc độ tối đa rồi, ông trùm ạ. Động cơ chạy hết tốc lực rồi đấy.

– Tôi sẽ sửa điều đó ngay đây.

Cậu Nimrod lầm bầm, rồi thầm thì từ trọng tâm của cậu – QWERTYUIOP – cậu tăng gấp đôi mã lực của động cơ gắn ngoài cả hai chiếc thuyền. Và việc đó cuối cùng đã giúp họ chạy thoát.

Mười lăm phút đi thuyền nữa thì họ đến cuối dòng sông, ông Sicky giật bỏ phần mũ trùm đầu và sáng khoái thở phào. Ông nói:

– Xém chút nữa thì... Tôi cứ nghĩ chúng ta tiêu chắc rồi.

John hỏi ông:

– Ông cũng bị đốt à, ông Sicky?

– Bị đốt túi bụi ấy chứ.

Nói rồi ông Sicky kéo phần vạt trước của lớp áo bảo hộ xuống và chỉ cho John thấy vài vết muối đốt sừng tấy trên vai ông.

John hỏi:

– Ông thấy ổn không?

Ông Sicky cho biết:

– Ta thấy bệnh. Nhưng ta sẽ ổn thôi.

Rồi ông giảm dần tốc độ và hai chiếc thuyền hướng về phía bờ sông.

Ông Groanin phàn nàn:

– Tôi thì ngứa khắp cả người đây. Tôi cảm thấy mình như một cái khăn trải dã ngoại của dân Scotland ấy.

Xem xét một trong những con côn trùng ông đã giết với một tờ báo cuộn tròn, ông thốt lên:

– Nhìn kích cỡ mấy con này xem. Đúng là muỗi thành tinh mà.

Philippa đồng ý:

– Quái vật muỗi chắc cũng có kích thước như vậy.

Zadie nói:

– Nếu đem ra so sánh với những con muỗi thường, cháu sẽ nói chúng cũng bự như con rết tối qua nếu so sánh với một con rết to bình thường.

Giọng trầm ngâm, cậu Nimrod nói:

– Ừ. Cháu nói đúng.

Ông Groanin nói thêm vào:

– Tôi nghĩ chúng ta nên quay lại.

Hoảng sợ trước ý tưởng đó, Philippa ngạc nhiên hỏi:

– Gì cơ?

Viên quản gia tiếp tục giải thích:

– Ý ta là, nếu đây là một ví dụ cho điều chúng ta sắp gặp phải, chúng ta nên về nhà. Ngay lập tức. Hoặc ít nhất, ngay bây giờ.

John lắc đầu:

– Chúng ta không thể quay lại. Ông đã nghe chị Faustina nói gì ở New Haven rồi mà. Chúng ta phải ngăn mấy nhà thám hiểm đó đi đến thành phố mất tích Paititi của người Inca. Càng sớm càng tốt. Với mục đích ngăn chặn Pachacuti. Thảm họa vĩ đại đã được tiên định bởi Manco Capac. Chúng ta đơn giản chỉ có thể đi tiếp.

Cậu Nimrod khen:

– Nói tốt lắm, John. Cháu thì sao, Philippa?

Philippa nhún vai:

– Anh John nói đúng đó. Chúng ta phải tiếp tục. Từ đầu chẳng ai bảo đây là một cuộc dạo chơi trong công viên.

– Frank?

Ông Vodyannoy gật đầu và nói:

– Tôi bỏ phiếu cho việc đi tiếp, Nimrod. Như mọi khi.

Ông Groanin vẫn ngoan cố nói:

– Mọi người điên rồi. Nhìn kích cỡ con muỗi này đi. Nó là một con quái vật.

Cậu Nimrod bảo:

– Tất cả chúng ta đều đồng ý với ý kiến đó. Nhưng vấn đề là, nó bự như vậy vì ai đó đã nhúng tay vào. Cố tình. Có vẻ như một thứ gì đó, hoặc một ai đó đang cố làm chậm lại hành trình của chúng ta.

Zadie nói:

– Ờ, chúng ta đã bị chậm lại rồi đó. Cháu cần nghỉ ngơi một lát. Vì ông Groanin nữa.

John hỏi lại:

– Là ai nhỉ?

Cậu Nimrod giải thích:

– Sau bức hình chụp Mắt Rừng, người dẫn đầu đoàn thám hiểm kia, dù đó là ai, chắc hẳn phải biết sẽ có người đi theo họ. Điều đó có nghĩa nhiều khả năng sẽ có những bất ngờ tương tự chờ đợi ở trước mặt chúng ta một khi vào rừng. Anh Groanin, nếu muốn, anh có thể quay lại nhà gỗ với Zadie. Tôi e là từ giờ trở đi chúng ta sẽ phải đi bộ.

Zadie phủ nhận:

– Cháu nói cháu cần nghỉ ngơi một lát. Cháu không có nói cháu muốn quay lại.

Ông Groanin hỏi:

– Làm sao mọi người có thể nhìn vào kích cỡ của con muỗi này và bảo muốn đi tiếp? Đó là chưa nói đến cái thứ tối hôm qua. Nó có thể giết chết bất cứ ai trong chúng ta. Đặc biệt là tôi.

John nhắc:

– Ông quên rồi sao? Tụi cháu có sức mạnh djinn bảo vệ mà.

Ông Groanin lầm bầm:

– Ta không có quên việc đó. Và ta vẫn muốn quay lại.

Cậu Nimrod trấn an:

– Sẽ không có việc gì xảy ra với bất cứ ai trong chúng ta đâu. Chúng ta được vũ trang với sức mạnh djinn và súng trường mà.

Ông Groanin hỏi:

– Ngài hứa chứ?

Cậu Nimrod trả lời:

– Vâng, vâng, vâng.

Ông Groanin gật đầu:

– Thôi được, thưa ngài. Xin thứ lỗi cho sự hèn nhát vừa rồi của tôi. Tôi hơi bị bất an với những sự việc gần đây, chỉ vậy thôi.

– Đừng nhắc đến chuyện đó, ông bạn già ạ.

Đưa mắt nhìn Zadie, ông ngập ngừng gật đầu với cô và nói:

– Ừm, ờ, cảm ơn cháu. Vì điều mà cháu vừa nói mới này.

Nhăn nhăn mặt, Zadie bảo:

– Không phải chuyện to tát gì đâu. Tất cả những gì cháu nói là có thể chúng ta nên chậm lại và nghỉ ngơi một lát thôi.

Nghe thấy tiếng vỗ cánh, cô ngược nhìn lên và mỉm cười khi con dơi cứng của cô bay xuống đậu trên tay áo cô. Đó là Zotz. Cô nói với nó:

– Đừng lo lắng cho tao. Tao sẽ ổn thôi.

Ông Groanin nói:

– Ờ, nghe nhẹ nhõm thật, ta chắc vậy.



Chương 8

Người Mèo

Trời đang tối dần. Sau khi đã dựng trại xong, tranh thủ khi trời còn đủ sáng, cả đoàn tập trung lại nghiên cứu đoạn đầu của con đường mòn được nhắc đến trong tấm bản đồ mà Faustina đã đưa cho ông Vodyannoy. Zadie ướm hỏi:

– Cho cháu nhìn bản đồ được không?

Truyền nó sang cho cô, ông Vodyannoy nói:

– Dĩ nhiên được.

John thắc mắc:

– Mọi người có nghĩ đây cũng là con đường mà đoàn thám hiểm kia đã đi không?

Ông Sicky bảo:

– Chẳng có dấu rựa mở đường nào ở đây cả.

Nhưng Zadie lắc đầu nói:

– Chắc chắn họ đã đi đường này.

Rồi bước vài thước vào trong một bụi rậm gần đó, cô ngừng lại nhặt một thứ gì đó lên trước khi quay lại đưa cho mọi người xem. Cô bảo:

– Nhìn này.

Trên tay cô là một miếng giấy gói kẹo của Anh cùng một đầu lọc thuốc lá. Cô đưa chúng cho cậu Nimrod, cậu kiểm tra chúng với sự tỉ mỉ ngang ngửa Sherlock Holmes.

Cậu Nimrod cho biết:

– Mọi người có nhìn thấy chữ E và chữ S vàng trên mặt giấy không? Đó là chữ viết tắt của Empha Seema, một nhãn hiệu thuốc lá của Anh. Và miếng giấy gói kẹo này là của nhãn kẹo bơ cứng Callard của Anh.

Philippa nói:

– Vậy nghĩa là chúng ta đang đi trên lối mòn của họ. Người châu Âu đúng là thích quãng rác trên đường khi đi rừng, ông Sicky nhỉ?

Nhưng ông Sicky không còn tập trung lắng nghe họ nói nữa. Ông yên lặng chỉ tay về một hướng xa, và sau một lúc cậu Nimrod cũng nhận ra người dẫn đường của họ đang nhìn cái gì. Nằm vắt vẻo trên một nhánh cây là một cặp báo đốm.

Cậu Nimrod hỏi:

– Anh không nghĩ chúng đang phục kích chúng ta chứ? Ý tôi là, chúng nằm sát đường đi quá.

Ông Sicky nói:

– Tôi không nghĩ như vậy, ông chủ à. Thứ nhất, nếu thật sự định phục kích, loài báo sẽ không bao giờ cho phép chúng ta nhìn thấy chúng. Ngoài ra, những con mèo bự này đang lim dim ngủ. Có vẻ như chúng đang chờ đợi đến tối. Rồi sau đó chúng mới đi săn.

Đăm chiêu thờ dãi, ông xoa xoa cái đầu bé xíu của mình và nhận xét:

– Cũng hay khi nhìn thấy thứ gì dọc đường đi, ông bạn nhỉ. Trước khi chúng ta đến ngay cạnh chúng. Đúng không? Như hai con mèo này chẳng hạn.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Ừ, được vậy thì tốt thật.

Ngước nhìn trời, ông Sicky nói:

– Dĩ nhiên giờ đã quá trễ. Chẳng bao lâu nữa trời sẽ quá tối để nhìn thấy nhiều thứ. Trừ khi chúng ta có được đôi mắt của loài mèo.

Cậu Nimrod mỉm cười:

– Anh vừa cho tôi một ý tưởng hay đấy, anh Sicky.

Một khi quay về chỗ dựng trại, cậu Nimrod nói cho mọi người biết ý tưởng của cậu là gì.

Cậu nói:

– Tôi nghĩ là, có lý do để chúng ta tin rằng đoàn thám hiểm kia có thể đã dành sẵn vài bất ngờ khác cho chúng ta trên đoạn đường phía trước. Cho nên, tôi đang nghĩ đến việc chúng ta tạm thời nên tách ra một lát. John và tôi sẽ đi trước thám thính để xem có an toàn không. Nếu không, chúng tôi sẽ quay lại cảnh báo cho mọi người biết. Cháu nghĩ sao, John? Cháu đi được không?

John tuyên bố:

– Cháu đã sẵn sàng cho mọi tình huống.

– Tinh thần được đấy.

Zadie phản đối:

– Lỡ nó không an toàn thì sao? Lỡ hai người gặp nguy hiểm thay cho mọi người thì sao?

Cậu Nimrod nói:

– Ta mừng là cháu đã đề cập đến chuyện đó, Zadie ạ. Chúng ta có thể vô hình mà đi, dĩ nhiên. Nhưng sẽ rất dễ để đi lạc khi cháu đi với một người mà cháu không thấy. Vì thế, điều mà ta đề nghị là: mọi người có nhớ hai con báo đực ngủ trên cây mà chúng ta đã thấy khi này không? Tôi và John sẽ mượn tạm cơ thể của chúng để đi thám thính một lát. Không gì có thể di chuyển trong rừng yên lặng hơn loài báo đốm.

Zadie nói:

– Ngoại trừ loài rắn.

Rồi như thế cần chứng minh cho lời nói của mình, cô chỉ cho họ thấy một con rắn san hô Peru đang gằn như vô hình trườn qua lớp lá rụng trên mặt đất

của rừng mưa nhiệt đới.

Cậu Nimrod thừa nhận:

– Đúng vậy. Nhưng ta chưa bao giờ thích làm một con rắn.

Zadie tiếp tục liệt kê:

– Và kiến lính. Và nhện. Và dơi. Tất cả đều di chuyển yên lặng hơn loài báo.

Cậu Nimrod mỉm cười đầy bình tĩnh:

– Và ta cũng không chưa bao giờ thích làm mấy con vật đó.

Trông thấy Zadie đang chuẩn bị liệt kê thêm vài loài nữa vào một danh sách vốn rất đa dạng, cậu Nimrod giơ một tay lên để ngăn cô lại rồi bảo:

– Nói chung là, trong cơ thể báo, chúng tôi có thể sớm phát hiện bất cứ bất ngờ nào đang chờ chúng ta phía trước. Như vậy chúng ta sẽ có dư thời gian để xử lý chúng.

Philippa dẫn đo:

– Cháu không nghĩ cháu thích ý tưởng đoàn chúng ta bị phân nhỏ như vậy.

Zadie thừa nhận:

– Cháu cũng không thích.

Cậu Nimrod trấn an:

– Có anh Vodyannoy, anh Groanin và anh Sicky ở đây, hai đứa sẽ ổn thôi. Và chúng ta chỉ tách nhau vài tiếng là cùng. Chậm nhất là đến sáng mai.

Ông Vodyannoy khẳng định:

– Chừng nào ta còn ở đây, sẽ không có chuyện gì xảy ra đâu. Cứ tin vào ta.

* * *

John theo cậu Nimrod đi ngược lên con đường mòn để đến cây tuyết tùng lớn đỏ au nơi cậu Nimrod đã trông thấy hai con báo đốm.

Cậu Nimrod nói:

– Chúng kia kìa. Loài *panthera onca*. Chúng đẹp nhỉ?

John đồng ý:

– Rất đẹp ạ. Sẽ tuyệt lắm đây.

Cậu Nimrod thừa nhận:

– Cậu cũng trông chờ hành động sắp tới của chúng ta lắm. Theo kinh nghiệm của cậu, không gì thú vị bằng cảm giác khi làm một con mèo. Và trong họ nhà mèo, báo đốm, hay *otorongo* theo tiếng địa phương, là một trong những trải nghiệm thú vị nhất. Cậu sẽ nhập vào con báo lớn hơn ở bên trái nhé.

Khựng lại, cậu Nimrod hỏi:

– Cháu đã làm việc này trước đây rồi, phải không? Việc nhập hồn vào động vật ấy? Ý cậu là, cậu nhớ mẹ cháu đã bảo cháu từng nhập vào một con chim.

John cho biết:

– Cháu đã từng là một con chim ưng. Ở Công viên Trung Tâm.

Cậu Nimrod nói:

– Nếu cháu từng thử sức với chim ưng thì nói thẳng, việc làm báo đốm sẽ dễ như ăn bánh.

Liếc nhìn xung quanh, John hơi lo lắng hỏi:

– Chúng ta sẽ để cơ thể của mình ở đâu đây cậu? Bất cứ chỗ nào quanh đây cũng có khả năng chúng ta quay lại và phát hiện cái gì đó đã ăn sạch chúng.

Cậu Nimrod bảo:

– Một lo lắng đúng! Cậu nghĩ rằng cháu không hề nghĩ đến việc mang cây đèn của cháu theo bên mình, đúng không?

John ngạc nhiên:

– Ờ, không ạ. Cháu nên mang theo nó sao cậu?

– Đó là một thói quen tốt mà cháu nên học. Như vậy cháu sẽ không bao giờ phải lo đến việc cất giấu cơ thể khi xuất hồn đi đâu đó. Đừng lo. Cháu có thể xài chung cây đèn du lịch của cậu.

Từ túi áo khoác của mình, cậu Nimrod rút ra một cái chai bạc nhỏ và đặt nó lên một nhánh cây. Cậu bảo:

– Được rồi. Chúng ta sẽ an toàn ở đây.

John cho biết:

– Cháu e là cháu chưa làm việc đó bao giờ. Cháu biết cách hóa thể, chỉ có điều cháu không biết cách tách rời hóa thể của cháu khỏi linh hồn.

Cậu Nimrod bảo:

– Chúng ta gọi đó là quá trình chặt gọn. Và việc đó thật ra rất dễ thực hiện, miễn là cháu nhớ bỏ nắp ra khỏi chai hoặc đèn. Đèn du lịch của cậu không có nắp đây, nên chúng ta không cần phải lo về điều đó.

John thầm thì từ trọng tâm của cậu và dần dần được bao phủ trong một màn khói trắng đầy sinh khí. Khi quay lại thành nguyên tố tự nhiên của cậu, chính là lửa, cậu thoải mái hít sâu vào lồng ngực hàng triệu nguyên tố cacbon vốn tạo nên bản chất rực lửa của cậu, với một cảm giác mãnh liệt của sự khỏe khoắn và cực kỳ thư giãn, cậu để bản thân về hình dạng thật sự. Mỗi lần hóa thể, John cảm thấy như thể cậu lại có được một hiểu biết sâu sắc hơn về việc cậu là ai, cậu là cái gì, tựa như một thầy tu tìm được cội niết bàn. Nó gần giống như cảm giác được trở về nhà sau một thời gian dài xa cách.

Bên trong cái chai, một cảm giác bất an đánh bại John trong giây lát, như nó vẫn thường xảy ra khi cậu trở lại với bản thể djinn thuần túy hoàn toàn của mình. Như một người vội vã chụp lại những tờ đô la bị gió thổi tung, cậu hối hả thu thập các nguyên tố của mình và tập hợp lại bản thân như vẫn thường làm, vì sợ rằng cậu có thể quên mất một phần nào đó nhỏ bé nhưng quan trọng của chính cậu. Nhưng bằng một cách nào đó, trước giờ cậu vẫn luôn làm được việc đó một cách thành công. Cậu Nimrod thì đã tập hợp lại bản thể cậu từ lâu và hiện đang xem xét không gian bên trong cái chai du lịch của cậu, như thường lệ, khoảng không gian luôn rộng hơn gấp nhiều lần

so với vẻ bề ngoài của cái chai. John đến giờ vẫn không hiểu tại sao lại như vậy.

Bên trong cái chai của cậu Nimrod được trang hoàng như phòng thư giãn của một khách sạn tao nhã, với nhiều bức họa tinh xảo, vài cái ghế ngồi và sofa lớn bọc da, cùng một cái lò sưởi lửa bập bùng. Cậu Nimrod ngồi xuống, cởi giày ra, và mời John làm theo cậu. Cậu bảo John:

– Cháu chỉ cần nghĩ việc chặt gạn như một trải nghiệm rời-khỏi-cơ-thể bình thường. Hít sâu vài hơi rồi bay ra khỏi nắp chai. Được không?

John gật đầu.

– Thêm một điều nữa. Suýt nữa cậu quên. Sự chặt gạn sẽ có hiệu quả hơn nếu cháu rời khỏi cơ thể trong quá trình *exhalation*, không phải trong quá trình *inhalation*.

– *Exhalation* là gì cơ?

– Xin lỗi, cậu quên mất cháu là người Mỹ. Những từ tiếng Anh nhiều hơn ba âm là một ngôn ngữ xa lạ với cháu.

– Cậu nói hơi quá đó.

Cậu Nimrod ngọt ngào mỉm cười:

– Nhưng đó là sự thật. Nói chung là, cháu nên rời khỏi cơ thể khi thở ra. Như vậy, đến lúc cần nhập vào lại cơ thể, cháu có thể làm được điều đó như thể đang hít thở vào. Thói quen coi trọng việc hít vào và thở ra của mấy tay yoga Ấn Độ đã lấy ý tưởng từ đó đó. Từ chúng ta.

John thở ra một hơi thật sâu và nhắc mình lên khỏi cái cổ chai. Cảm giác này thật khác so với việc hóa thể. Nếu như việc hóa thể là về khói thì cái này lại hoàn toàn về không khí và sự tự do của linh hồn. Nó có cảm giác của một sự nhẹ nhõm đến kỳ lạ của bản thể.

Hai con báo đốm đang nằm ườn trên những nhánh cây cao, với bốn chân buông lỏng ở hai bên nhánh cây và cặp mắt khép kín, dù không con nào thật sự đang ngủ. Loài báo đốm thường không bỏ lỡ bất cứ điều gì. Và chúng cũng hiếm khi làm như vậy. Hai con báo này là anh em với nhau, vẫn và còn quá trẻ để tách rời nhau ra và trở thành những thợ săn độc lập như tập tính

bình thường của loài báo đốm. Vài tiếng trước, chúng mới vừa thưởng thức một bữa trưa nhẹ với món thịt rùa sông và đang trông chờ đến một bữa tối bổ béo hơn như chuột lang Nam Mỹ, lợn lòi pecari, hoặc có thể là một con khỉ. Mẹ của chúng giờ đã là một ký ức xa xăm.

John trượt hồn vào con báo nhỏ hơn và ngay lập tức bắt tay vào việc liếm phần móng vuốt vẫn còn sót lại ít thịt rùa. Trong khi đó, sau khi phát ra vài tiếng meo meo càu nhàu, cậu Nimrod đứng dậy lấy hơi, há miệng gầm lớn một tiếng. Linh hồn John gần như nhảy dựng khỏi lớp áo hoa ban xinh đẹp, cậu trượt chân. Sức nặng cơ thể như muốn kéo cậu té nhào xuống đất, nhưng trong một giây, cậu đã bấu chặt vào nhánh cây với những cái móng bự sắc lẹm. John ngược nhìn cậu Nimrod và chờ đợi, đuôi ve vẩy đầy sốt ruột. Cậu Nimrod lại gầm lên một tiếng, như thể muốn phô trương kích cỡ và sức mạnh vượt trội của cậu.

John dùng khả năng truyền âm bằng sóng não hỏi cậu Nimrod, đơn giản vì, giống như phần lớn những động vật khác, loài báo đốm không có khả năng nói chuyện:

– Cậu làm cháu hết cả hồn.

Cậu Nimrod giải thích:

– Cậu chỉ muốn thông ngực thôi. Anh chàng này đã nằm vắt vẻo trên cây cả ba tiếng đồng hồ nên có hơi tức ngực một chút.

Ngay khi cậu Nimrod nhảy xuống khỏi nhánh cây, John tăng tăng nhảy ngược lên lối mòn trong rừng.

– Đừng chạy nhanh như vậy, John. Hãy nhớ là, chúng ta biến hình như thế này chỉ để thám thính đoạn đường trước mặt. Để có thể di chuyển một cách bí mật. Để khai thác những đặc tính tự nhiên của dòng họ Felidae tuyệt vời này. Và chúng ta nên di chuyển theo rìa lối mòn này, không phải ngay giữa đường. Ý cậu là, mất công biến thành báo làm gì nếu chúng ta cứ chình ịch mà đi giữa đường như hai tay du khách gốc gác.

Nói xong, cậu Nimrod lẩn vào một bụi cây dày đặc ven đường và lập tức biến khỏi tầm nhìn. Những nốt hoa ban màu nâu sậm trên bộ da vàng hung của cậu là lớp áo ngụy trang hoàn hảo giữa một khu rừng.

John gầm nhẹ trước khi làm theo con báo đốm kia. Để chắc ăn, cậu lại gầm thêm một tiếng nữa. Cậu thích gầm. Trên thực tế, cậu thích tất cả mọi mặt của việc làm một con báo đốm và không thể nào tưởng tượng được tại sao trước đây cậu chưa bao giờ thử làm một con mèo lớn. Và cậu là một con mèo rất, rất lớn. Dài hơn một mét rưỡi và cao khoảng tám tấc nếu tính đến vai, John nặng gần một trăm kí. Cậu Nimrod dài hơn chừng vài tấc, và nặng hơn vài kí.

Trong một giờ tiếp theo, họ dễ dàng di chuyển qua khu rừng. Vóc dáng gọn gàng và chắc nịch giúp họ trở thành những chuyên gia trong việc leo trèo, bò trườn và bơi lội - vì, cũng như loài hổ, báo đốm là một loài mèo thích bơi và bơi rất giỏi. Nhưng khi họ băng qua một nhánh sông của dòng Amazon, John tia được một con rùa và, thành linh cảm thấy đói bụng, ngoạn lấy nó giữa cặp hàm mạnh mẽ của cậu.

Giọng nói ngoại cảm của cậu Nimrod sốt ruột vang lên:

- Cháu đang làm gì vậy?
- Cháu đói.
- Chúng ta không có thời gian để dừng lại lót dạ đâu.

Liếm liếm môi, cậu Nimrod nói thêm:

- Ngay cả khi đó là một con rùa nhìn ngon miệng như vậy. Ngoài ra, nếu trí nhớ của con báo này không lầm, chúng ta đã dùng món rùa trong bữa trưa.

John vẫn giữ chặt con rùa đang yếu ớt chống cự giữa quai hàm của cậu.

- Cháu không nghĩ chúng ta có thời gian săn một thứ gì đó lớn hơn. Đúng không? Săn nai hay heo vòi sẽ tốn cả tiếng đồng hồ. Và giờ đây khi cháu đã có sẵn món này - chẳng phải tục ngữ vẫn bảo chúng ta không nên thả mồi bắt bóng sao?

Cậu Nimrod đồng ý:

- Cháu nói đúng. Cậu nghĩ có lẽ bản thân cậu cũng có phần đói bụng, và cái con này quả thật nhìn khá ngon. Cậu nghĩ chúng ta có lót dạ một chút cũng không phải là một việc xấu.

– Trừ khi cậu là con rùa.

Kèm với lời nhận xét đó là một tiếng cười độc địa và một thứ gì đó mang bản chất tàn bạo của loài báo đốm trong suy nghĩ của John, vì xét đến cùng, bạn không thể nào là một con báo mà không giống báo một chút. Ngay giây tiếp theo, John cắn mạnh vào con rùa, vì loài báo đốm có cú tát mạnh nhất trong cả họ nhà mèo - mạnh hơn cả loài hổ và sư tử - cặp hàm mạnh mẽ của cậu dễ dàng đâm thủng lớp mai bảo vệ của con rùa và giết nó ngay lập tức.

Cậu Nimrod giữ lấy nửa thân sau của con rùa, và hai con báo đốm xé con vật tội nghiệp đó ra làm đôi trước khi nhanh chóng xơi tái nó. Liếm phần thịt của mình, John thú nhận:

– Cháu từng nuôi một con rùa khi nhỏ. Nhưng cháu chưa bao giờ thích nó lắm. Lúc nào nó cũng cắn cháu.

Cậu Nimrod nhận xét:

– Cậu nghĩ cháu là người vừa có được cú cắn cuối cùng.

Rồi cậu sục mõm vào mớ mai rùa vỡ nát để tìm kiếm những miếng thịt cuối cùng. Về sau cậu sẽ ói ra những gì cậu không tiêu hóa được. Xong xuôi, cậu Nimrod nói:

– Giờ thì, chúng ta đi tiếp được chưa? Khi trời vẫn còn tối và chúng ta vẫn còn có lợi thế nhìn thấy trong bóng tối. Cậu không tài nào nhớ được lần cuối cậu hài lòng với việc có được một thị lực hoàn hảo như thế này là khi nào. Cậu thật sự nên làm cho mình một cặp kính tốt hơn một khi trở lại làm người.

Họ chỉ vừa định di chuyển đi chỗ khác thì một âm thanh có nhịp điệu vang lên trong bầu không khí âm thấp của khu rừng.

John thắc mắc:

– Cái gì vậy?

– Nghe như một tiếng trống.

– Cậu có nghĩ đó là những tay săn đầu người mà ông Sicky nhắc đến không?

– Có hai bộ lạc thổ dân ở cánh rừng này, John ạ. Tộc Xuanaci và tộc Prozuanaci. Chỉ có tộc Xuanaci có khuynh hướng hiếu chiến.

John đề nghị:

– Có lẽ chúng ta nên quay lại. Để xem mọi người có ổn không.

Cậu Nimrod bảo:

– Anh Vodyannoy dư sức bảo vệ mọi người.

– Nếu cậu nói vậy thì ta đi tiếp thôi.

Tiếp tục chuyến trình sát của mình, họ đi dọc theo con đường mòn mà cậu Nimrod đã ghi nhớ trong lần cuối cùng nghiên cứu bản đồ. Sau một giờ đi đường, trong suốt khoảng thời gian đó tiếng trống vẫn tiếp tục vang lên, John ngừng lại và trao đổi một suy nghĩ qua sóng não cho cậu Nimrod:

– Mọi thứ có vẻ an toàn. Cậu nghĩ giờ chúng ta nên quay lại chưa?

Cậu Nimrod bảo:

– Để xem có gì ở đỉnh đồi tiếp theo đã.

Rồi cậu trườn qua bên dưới một thân cây đổ và xuyên qua một bụi cây rậm rạp mà không làm xáo động dù chỉ một cái lá. Một hoặc hai giây sau, cậu bỗng đứng khựng lại giữa đường như thể một thứ gì đó đã làm cậu đóng băng ngay tại chỗ.

John hỏi:

– Gì vậy cậu?

Cậu Nimrod không trả lời. Phải đến gần một phút sau, cậu mới nằm rạp bụng xuống đất và chăm chú nhìn một thứ gì đó ở phía trước họ. John bò đến nằm cạnh cậu và cố căng mắt nhìn xem đó là gì. Trời bắt đầu đổ mưa. Và cậu Nimrod vẫn không lên tiếng.

Lắc nước mưa ra khỏi lỗ tai, John híp mắt lại trước làn mưa bất tận và nhìn chăm chăm vào bóng tối trước mặt. Cậu Nimrod đang nhìn một cái cây nhỏ với thân hình và những nhánh cây vụn vẹo ở cách họ gần mười mét. Dù cố hết sức, John vẫn không thể thấy được bất cứ thứ gì đặc biệt ở trên cái cây đó, tuy nhiên, tin vào kinh nghiệm của cậu Nimrod, cậu tiếp tục chờ đợi,

và thật may khi lòng kiên nhẫn dễ đến với loài báo đốm hơn là djinn, vì rốt cuộc lòng kiên nhẫn của cậu cũng được đền bù xứng đáng.

Cái cây đang chuyển động nhưng gần như không thể cảm nhận được. Không phải chuyển động theo một phương hướng cụ thể nào, mà như thể nó đang thờ nhẹ. Rồi một thứ gì đó vụt lóe lên ở phần chóp của một trong những nhánh cây, như một con chim hay một con côn trùng nào đó, và thành linh John cảm thấy nổi da gà khi nhận ra đó không phải là một cái cây gì cả. Cậu để suy nghĩ của mình trượt ra khỏi đầu để đến với sinh vật đang nằm kế bên:

– Đó là một con trăn anaconda khổng lồ.

Cậu Nimrod im lặng trả lời lại:

– Chính xác hơn, đó là một con anaconda khổng lồ khổng lồ. Bình thường loài anaconda này khi trưởng thành sẽ dài từ sáu đến chín mét. Nhưng con trăn này có vẻ dài gấp đôi kích thước đó. Hoặc có thể còn bự hơn. Khó có thể nói rõ trong bóng tối như thế này. Nhưng với kích cỡ và vị trí ngay sát đường đi của nó, cậu không nghi ngờ gì chuyện nó được đặt ở đây để phục kích chúng ta.

John thắc mắc:

– Làm sao họ làm được điều này chứ?

Cậu Nimrod thừa nhận:

– Cậu cũng không biết. Nhưng dù họ đã làm điều này như thế nào, chúng ta cũng bắt buộc phải loại bỏ con trăn này.

– Chúng ta sẽ cần đến một khẩu súng rất, rất lớn.

Cậu Nimrod lắc đầu bảo:

– Không có gì đảm bảo ngày mai nó vẫn ở đây. Và, bất chấp kích cỡ khổng lồ của nó, dưới hình dạng loài người chúng ta có thể sẽ không bao giờ nhận ra nó. Cho đến khi đã quá trễ. Không, John, chúng ta phải cùng nhau tấn công nó. Chúng ta phải giết nó ngay bây giờ.

John rụt rè:

– Nhưng nó bự quá. Thân hình nó phải to đến gần cả mét chứ không ít. Cậu có thể cắn nó cả ngày mà chẳng ăn nhằm gì.

– Chúng ta có một hai lợi thế khi là phía tấn công. Thứ nhất, cơn mưa sẽ giúp che giấu chuyển động của chúng ta. Ngoài ra, chúng ta cũng đã xác định được đầu của nó ở đâu. Đó là nơi tốt nhất để chúng ta tập trung tấn công. Cháu sẽ thực hiện cú cắn cổ họng gây nghẹt thở khét tiếng của loài báo đốm. Cậu sẽ tấn công hộp sọ của nó, ở giữa hai tai, đâm thủng bộ não của nó như cháu đã làm với cái mai rùa mấy tiếng trước. Nếu may mắn, con trăn này sẽ không ngờ đến chuyện đó. Đặc biệt là khi nó chỉ lo nhìn con đường mòn trong khi chúng ta tấn công từ trong rừng, ở đằng sau điểm mù của nó. Đó là một lợi thế khác. Nhưng chúng ta cũng phải rất cẩn thận. Nếu con trăn quần được người chúng ta, chúng ta sẽ bị nghiền nát như một cái sandwich mứt. Nếu điều đó xảy ra, cháu phải lập tức thoát hồn ra khỏi con báo đốm. Rồi nhập vào một sinh vật nào đó và tìm đường quay lại chỗ cậu cất cái chai chứa cơ thể của chúng ta. Cháu rõ cả chưa?

John tuyên bố:

– Rồi rồi ạ.

Họ bắt đầu nhích lại gần con trăn. Mỗi khi cậu Nimrod làm xáo động một cái lá nào đó, cậu lập tức ngừng lại chờ cho đến khi nó ngừng rung chuyển. Nửa tiếng sau, họ chỉ mới đến gần con trăn được thêm ba bốn mét gì đó. Điều đó dường như kích động con báo đốm mà cậu Nimrod đang nhập vào. Những sợi gân căng ra, bắp thịt cứng lại, và những cái móng vuốt to lớn duỗi ra từ những bàn chân mạnh mẽ. John bắt chước theo cậu. *Cổ họng con trăn*, cậu tự nói với bản thân. *Cắn và làm nó nghẹt thở. Cắn và làm nó nghẹt thở.*

Khi thời khắc đến, cuộc tấn công diễn ra trong im lặng. Tiếng gầm của báo đốm có thể làm một sinh vật nhỏ hơn sợ hãi và khuất phục, nhưng nó lại chẳng khác gì một tiếng còi cảnh giác cho con trăn khổng lồ, khiến họ đánh mất lợi thế bất ngờ. Cả hai con báo đồng loạt phóng mình qua lớp lá rừng sũng nước, lao về phía cái đầu to bằng một cái xèng của con trăn như hai mũi tên bắn ra khỏi nỏ.

Cuộc tấn công đã bắt đầu.



Chương 9

Cú chạm nhẹ của ếch vào nửa đêm

Nhóm người ở lại bao gồm ba djinn và ba mundane dựng trại kế bên bờ sông. Ngoại trừ ông Groanin, họ vừa dùng xong bữa tối tuyệt vời của ông Muddy thì có tiếng trống vang lên, nhịp nhàng vang vọng trong bầu trời đêm như tiếng một đầu máy xe lửa từ xa.

Mắt trợn to, ông Muddy nhìn có vẻ hoảng hốt. Ông Sicky ném cái chân gà ăn dở qua một bên và đứng dậy nghiêng đầu về phía những ngọn cây. Cái đầu của ông có thể nhỏ một cách bất thường nhưng không có gì bất ổn với cảm giác về phương hướng của ông và chỉ một vài giây sau, ông đã chỉ tay về phía Tây và cầm khẩu súng trường của ông lên.

Ông cho biết:

- Năm dặm nữa về hướng này. Có thể xa hơn.

Philippa hỏi:

- Là loại trống nói à ông?

Ông Sicky bảo:

- Không phải trống nói. Nhưng cũng là loại trống truyền thông điệp.

Zadie hỏi:

- Ồ, thông điệp thế nào cơ?

– Thông báo cho mọi người biết chúng ở đó. Và hãy chuẩn bị mà lo sợ.

Ông Groanin hỏi, giọng đầy hy vọng:

– Trống của thổ dân Prozuanaci phải không?

Nhưng ông Sicky khẽ lắc cái đầu nhỏ xíu của mình và cho biết:

– Người Prozuanaci không còn đánh trống nữa. Người Prozuanaci thích dùng điện thoại liên lạc hơn. Người Prozuanaci thích sự riêng tư. Không thích tất cả mọi người biết việc của họ. Đó là tiếng trống của tộc Xuanaci. Bọn Xuanaci không quan tâm đến việc người khác biết chúng đang nói gì. Thổ dân tộc Xuanaci là những kẻ xấu. Tiếng trống của bọn Xuanaci được dùng để hù dọa mọi người. Khiến người khác cảm thấy sợ hãi.

Một tay cầm lấy cái hàm nhỏ bé của mình và vạch tay còn lại ngang qua cái cổ họng còn nhỏ bé hơn, ông Sicky kết luận:

– Làm du khách lo lắng bị mất đầu.

Nuốt nước bọt cái ực, ông Groanin nói:

– Ờ, họ nghĩ đúng đó. Tôi đang lo lắng đây. Tôi có phần thích cái đầu hiện tại của tôi. Và nó cũng thích tôi. Tôi sẽ ghét phải thấy nó bị trưng bày trên kệ sách của một phù thủy địa phương nào đó.

Vỗ nhẹ cái đầu trọc của ông Groanin, ông Sicky lắc đầu bảo:

– Bọn Xuanaci có lẽ sẽ không có hứng thú với cái đầu của anh đâu, anh Groanin. Anh không có tóc. Một cái đầu trọc không có ích lợi gì với bọn Xuanaci. Chúng thích nhiều tóc để có cái để treo những cái đầu teo nhỏ lên cột chiến lợi phẩm. Những cái đầu để vỗ chơi như một đứa bé mập mạp thì chẳng có ích gì.

Ông Groanin nói cứng:

– Ờ, nghe đỡ lo lắng, chắc thế. Đầu để vỗ cơ đấy.

Ông Vodyannoy trấn an:

– Thật sự không có gì phải lo đâu. Xét đến cùng tôi cũng là một djinn mà.

Ông Groanin khẳng khẳng:

– Vậy thì hãy làm gì đó để tất cả chúng ta cảm thấy an toàn đi. Tôi nói, anh làm gì đó đi chứ.

– Ví dụ như?

Ông Groanin đề nghị:

– Một cái rào cọc chẵn thế nào? Hoặc tốt hơn, một cái lâu đài. Với cầu kéo qua hào và cửa lưới sắt. Cùng một trăm cung thủ để bảo vệ chúng ta.

Philippa bảo:

– Ông phản ứng hơi thái quá rồi đấy, ông Groanin.

Ông Groanin ném cho cô một nụ cười nhạt nhẽo:

– Thế à, thưa quý cô? Cháu nói thì dễ lắm, khi mà cháu là một djinn và có thể biến vào một cái chai nhỏ bé nào đó mỗi khi tình hình trở nên căng thẳng. Nhưng mọi chuyện lại khác với những người như anh Muddy và ta. Mỗi lần nhìn anh Sicky đây, ta lại có một cảm giác không mấy dễ chịu ở sau gáy.

Ông Vodyannoy đề nghị:

– Nếu có thể làm anh cảm thấy tốt hơn, tôi sẽ dùng sức mạnh djinn để tạo ra một điều ước chu vi *propugnator*. Giống như cái mà Nimrod đã tạo ra tối hôm bữa ấy. Để ngăn ngừa ai đó hoặc một thứ gì đó đến quá gần chỗ cắm trại của chúng ta.

Ông Groanin nói:

– Làm ơn làm như thế đi.

– Horror show.

Ông Vodyannoy lại lẩm bẩm rồi dùng ngón tay vẽ một vòng tròn trong không khí, đồng thời thầm thì từ trọng tâm của mình:

– ZAGIPNOTIZIROVAVSHEMUSYA.

Ông Groanin thắc mắc:

– Vậy là được rồi hả?

Ông Vodyannoy trả lời:

– Ừ. Giờ mọi người đã hoàn toàn an toàn. Ít nhiều là vậy.

Ông Groanin chau mày hỏi lại:

– Ít nhiều là vậy?

Philippa cũng thắc mắc:

– Cháu cũng không hiểu. Ông nói thế nghĩa là sao?

Ông Vodyannoy thốt lên:

– Cháu không biết thật hả, cháu gái? Cháu không thể sử dụng sức mạnh djinn trong phạm vi của điều ước chu vi.

– Ờ, không, cháu không biết ạ.

Zadie chế giễu:

– Ờ, sao cậu không biết chuyện đó chứ?

Philippa cắn môi và cố nén lại sự bức bối của cô.

Ông Vodyannoy nói:

– Ta không biết rốt cuộc người ta dạy gì cho các djinn trẻ hiện nay. Vào thời của ta, chúng ta được dạy tất cả những điều như vậy ngay trước khi chúng ta mọc răng khôn.

Ông Groanin sốt ruột bảo:

– Chuyện đó có sao đâu chứ. Ý tôi là, một khi chúng ta ở trong cái, ờ, cái *propugnator* này, thì đâu còn phải lo xảy ra chuyện gì nữa, chừng nào chúng ta vẫn an toàn, đúng không?

Ông Vodyannoy gật đầu:

– Đúng vậy. An toàn như trong nhà.

Nhưng có vẻ như an toàn không đồng nghĩa với khô ráo. Bởi vì khi ông Muddy và ông Sicky bắt tay vào việc dựng lều nghỉ đêm, họ phát hiện con chó Hector của ông Muddy, đã gặm mấy cái lều khiến chúng giờ đây đầy lỗ thủng. Tức giận, ông Muddy đã ném đá và gậy gộc vào con vật tội nghiệp cho đến khi Philippa ngăn ông lại.

Cô nói:

– Để nó yên. Nó không biết mình đang làm gì mà.

Ông Sicky cũng can thiệp:

– Philippa nói đúng đó. Có thể con Hector cũng bất an vì tiếng trống.

Ông Muddy đồng ý:

– Tôi nghĩ có lẽ tôi cũng vậy. Bình thường tôi sẽ không đánh Hector già. Nhưng mấy cái lều coi như tiêu rồi.

Philippa nói:

– Đừng lo. Việc đó cũng không phải một vấn đề nghiêm trọng gì đâu. Chúng ta có thể sử dụng sức mạnh djinn để tu sửa chúng vào sáng mai.

Ông Groanin lầm bầm:

– Chỉ hy vọng tối nay trời đừng mưa.

* * *

Lượng mưa ở lưu vực sông Amazon lên đến gần ba mét mỗi năm, gần như gấp đôi lượng mưa ở những khu vực phía Đông nước Mỹ, và tối hôm đó, trời bắt đầu đổ mưa nặng hạt. Không phải khi không mà người ta gọi rừng mưa là rừng mưa. Những cái lều bị hư hỏng chỉ có một ít tác dụng, nếu không muốn nói là hoàn toàn không có sự bảo vệ nào trước cơn đại hồng thủy. Thức dậy giữa đêm, Philippa và Zadie phát hiện ra chúng đã ướt như chuột lột. Và chúng cũng lạnh, rất lạnh. Zadie phải quàng thêm một cái khăn choàng cùng một đôi găng tay. Đống lửa đã tắt ngúm, và ông Sicky cùng ông Muddy không thể nào nhen nó lại. Ông Groanin đang ngồi chồm hổm trong một vũng nước với một tờ báo cuộn lại che trên đầu như một cái nón, nhưng nó cũng không hữu hiệu mấy; tình trạng của ông hiện giờ chẳng khác gì việc đứng trong đài phun nước ở quảng trường trung tâm Lima.

Ông phàn nàn:

– Đúng là tuyệt mà. Trời đổ mưa vào đúng cái đêm lều của chúng ta bị con chó dờ hơi đó gặm nát. Giống như Manchester trong một kỳ nghỉ của ngân hàng, và trời mưa. Tôi có cầm một con vịt đồ chơi bằng nhựa với một miếng xơ mướp trong tay thì cũng chẳng thể ướt hơn nữa.

Zadie bảo:

– Nghe kìa.

Nhếch một cái tai ướn át lên giữa làn mưa dày đặc, ông Groanin nói một cách chua chát:

– Đừng có nói với ta là “nghe kìa, trời đang mưa” nhé.

Zadie nhắc:

– Là tiếng trống. Chúng ngừng lại rồi.

Ông Groanin càu nhàu:

– Nếu mấy tay thổ dân đó không điên, họ cũng sẽ biết đường chui vào nhà tránh mưa.

Philippa đồng ý với Zadie:

– Zadie nói đúng đó.

Ông Groanin nhún vai không nói gì.

Philippa nói tiếp:

– Ông không hiểu sao? Nếu tiếng trống đã ngừng lại, có lẽ chúng ta không cần giữ điều ước chu vi nữa. Chúng ta có thể sử dụng sức mạnh djinn sửa lại mấy cái lều để được khô ráo, ấm áp.

Ông Groanin gật đầu bảo:

– Đúng đó. Cháu nên đi kiểm anh Vodyannoy và thông báo cho anh ấy biết điều đó đi. Dù anh ấy đang ở đâu. Ta thật không ngờ anh ấy có thể ngủ được dưới một cơn mưa trút nước như thế này đây.

Họ đi đến lều cũng bị gặm tới tả của ông Vodyannoy và nhìn thấy ông đang ngủ say trên cái giường dã chiến. Ông Groanin đằng hắng một tiếng và gọi:

– Anh Vodyannoy! Tôi nói, anh Vodyannoy này!

Nắm lấy vai của ông Vodyannoy, ông Groanin lắc nhẹ vài cái rồi chạt lưỡi lớn tiếng và càu nhàu:

– Làm sao anh ấy có thể ngủ được với cả đồng nước như thế này chứ? Đó là điều ta thật sự muốn biết đó. Tôi nói, thức dậy đi, thưa ngài. Chúng ta

cần sửa lại mấy cái lều ngay lập tức. Vì tất cả chúng ta đều đã ướt đến tận xương.

Nhưng ông Vodyannoy nhìn vẫn có vẻ như đang ngủ say.

Ông Groanin lẩm bẩm:

– Có chuyện gì đã xảy ra ở đây rồi. Khó có chuyện ai đó có thể ngủ được bình thường trong một cơn mưa như thế này.

Ông Sicky ướm hỏi:

– Có thể anh ấy đã chết. Bản thân tôi cũng thấy không khỏe lắm. Cả đồng mưa này làm cái đầu của Sicky càng teo lại.

Ông Groanin gạt đi:

– Nói vớ vẫn không. Nhìn kìa!

Chỉ tay vào cái chần của ông Vodyannoy, ông nói:

– Tay của anh ấy vẫn đang cử động đấy thôi.

Ông Muddy lắc đầu:

– Đó không phải tay của anh ấy.

Ông Groanin vẫn khẳng khẳng:

– Tất nhiên đó là tay anh ấy.

Nói rồi ông đưa tay kéo cái chần ướt sũng ra khỏi người ông Vodyannoy. Ngồi chồm hồm trên bộ ngực trần của vị djinn là một con ếch nhỏ vàng rực.

Ông Sicky hét lớn một tiếng, làm Philippa cũng hét theo và con Hector sủa đồng lên, khiến ông Groanin xém nữa lên cơn đau tim.

Chỉ vào con vật nhỏ bé ngồi trên bộ ngực trần của ông Vodyannoy, ông Groanin bực bội nói:

– Đừng có làm như vậy. Chỉ là một con ếch ngu ngốc thôi mà. Có phải một con rắn ngu ngốc đâu mà sợ. Mà có là rắn thì cũng chả sao. Djinn miễn nhiệm với nọc rắn mà. Ít nhất tôi được nghe như vậy.

Viên quản gia người Anh cúi người xuống định nhặt con ếch lên, bỗng ông kêu lên một tiếng, hóa ra là ông Sicky hất bàn tay ông qua một bên.

– Anh làm gì vậy, cái đồ dở hơi ba xu kia?

Ông Sicky hét lên:

– Đừng đụng vào con ếch đó. Đó là một con ếch phi tiêu vàng cực độc.

Ôm chặt ngón tay vào lòng ngực, ông Groanin lặp bấp hỏi lại:

– Con gì cơ?

Ông Muddy cho biết:

– Đây có thể coi như sinh vật độc nhất trên thế giới.

Zadie nghi ngờ hỏi:

– Cái con vật nhỏ xíu này ấy à?

Ông Sicky khẳng định:

– Làn da của con ếch nhỏ xíu này chứa đủ nọc độc để giết chết mười người. Thức ăn của loài ếch này là những con côn trùng gặm nhấm những loài thực vật cực kỳ độc hại của rừng rậm. Thổ dân Nam Mỹ đã chà mũi tên và phi tiêu thổi của họ lên da của loài ếch này để chúng có tác dụng nhanh hơn. Chết chóc hơn.

Ông Sicky châm một liều thuốc và đưa nó lại gần con ếch nhỏ xíu. Có vẻ cảm ghét sức nóng và khói thuốc, con ếch vọt vào một bụi rậm gần đó.

Ông Groanin lo lắng nhìn ông Vodyannoy và hỏi:

– Khi thật. Anh ấy chết rồi hả?

Cúi gần vào ông Vodyannoy, Philippa nói:

– Ông ấy chưa chết. Khá bệnh, cháu nghĩ vậy, nhưng vẫn còn sống.

Mắt nhắm nghiền, ông Vodyannoy thăm thì nói điều gì đó. Ông Sicky nhắc:

– Đừng chạm vào anh ấy. Tốt nhất không nên. Có thể vẫn còn ít nọc độc dính trên da anh ấy. Chờ mưa rửa sạch nó đã.

Thật cẩn trọng, ông Sicky nhắc cái áo sơ mi của vị djinn lớn tuổi lên để nước mưa xả xuống bộ ngực trần của ông.

Người ông Vodyannoy run lên thấy rõ. Ông Sicky nhận xét:

– Anh ấy sốt khá cao đó. Nếu là người, anh ấy chết chắc. Nhưng vì là djinn nên có lẽ anh ấy sẽ sống. Nhưng vẫn cần thuốc men.

Cẩn thận cúi người đến sát vị djinn bị bệnh, Philippa nói với ông:

– Ông Vodyannoy, ông đang trúng độc đó. Bởi một con ếch phi tiêu độc. Một con màu vàng.

Ông Vodyannoy thềm thì giữa cơn mê sáng:

– *Phyllobates terribilis*. Loài ếch khủng khiếp. Với chất độc batrachotoxin chết người với mundane và gần như với djinn. Ta cần... cần quay vào trong cây đèn của ta. Cần thời gian phục hồi. Sưởi ấm. Cảm thấy rất lạnh. Rất ốm. Cơ hội sống sót duy nhất là ở trong đèn. Khi người ấm lại. Nghe không? Tìm cây đèn của ta đi, cháu gái, và nhanh chóng mang nó đến cho ta. Đặt nó lên tay ta. Hoặc ta sẽ chết trong vòng một tiếng nữa. Cháu nghe không?

Đưa mắt nhìn ông Sicky, Philippa hướng dẫn:

– Chúng ta phải tìm cây đèn của ông Vodyannoy.

Ông Sicky hiện đã dốc ngược cái ba lô của ông Vodyannoy lên mặt đất sũng nước. Vài giây sau, một cái chai Fabergé màu đen với những họa tiết chạm trổ bằng vàng ròng hiện ra trên tay ông. Ông nhanh chóng đưa nó cho Philippa, cô bé liền gỡ cái nắp hình quyền trượng ra và đặt cái chai lên bàn tay run rẩy của ông Vodyannoy.

Vị djinn trúng độc nở một nụ cười yếu ớt và thở ra một hơi thở dài phát khiếp, giống như là hơi thở cuối cùng, hơi thở sau đó chậm rãi biến thành sự hóa thể djinn trong một quá trình dường như kéo dài đến vô tận. Trước ánh mắt lo lắng của mọi người, hơi thở khò khè rời khỏi cơ thể ông dần trở nên rõ nét trong khi bản thân cơ thể đó bắt đầu biến mất trong một cụm khói mỏng, cho đến khi chỉ còn bàn tay cầm cái chai vẫn còn hiện diện, rồi nó cũng biến mất vào bên trong lớp kính đen. Theo bản năng, Philippa đóng nắp chai lại và vuốt nước mưa ra khỏi khuôn mặt cô.

Rồi Zadie đón lấy cái chai từ tay cô và cẩn thận bỏ nó lại vào trong ba lô của ông Vodyannoy, kể bên tấm bản đồ.

Zadie nói:

– Vậy là còn năm người chúng ta.

Philippa trấn an:

- Tớ nghĩ cậu Nimrod và John sẽ sớm quay lại đây thôi.

Zadie bảo:

– Hy vọng là thế. Bởi vì tớ không ngại phải nói cho cậu biết, tớ nghĩ chúng ta đang gặp rắc rối. Chưa bao giờ tớ nghĩ mình sẽ bị ướt nhep và lạnh cóng trong rừng Amazon. Tớ đã thử dùng từ trọng tâm của tớ một phút trước và không có gì xảy ra.

Philippa lắc đầu:

– Tớ nghĩ cậu không hiểu, Zadie à. Ông Vodyannoy đã nói chúng ta không thể sử dụng sức mạnh djinn bên trong một điều ước chu vi mà.

Zadie gạt phắt lời cô:

– Cậu mới là người không hiểu đó. Điều ước chu vi không còn tồn tại một khi vị djinn tạo ra nó đã hóa thể. Nên đáng lẽ tớ phải dùng được sức mạnh của mình mới đúng. Cả hai chúng ta đáng lẽ đều làm được. Cậu thử đi.

– FABULONGOSHOOMARVELISHLYWON DERPIPICAL.

Philippa nói thử, nhưng không có gì xảy ra.

Hất con dơi cứng Zotz của cô vào không trung và nắm lấy tay Philippa, Zadie nhắm chặt mắt lại và nói:

- Có lẽ nếu chúng ta cùng thử sẽ được.

Philippa góp ý:

– Và hãy nghĩ những suy nghĩ âm áp về quần áo khô ráo, lều chống thấm, và một đồng lửa phừng phừng cháy ở ngay giữa khu trại của chúng ta. Có lẽ nếu chúng ta thuyết phục được bản thân rằng trời không lạnh và ướt như vậy. Ý chí sẽ chiến thắng vật chất.

Zadie nói:

– Ý hay đấy. Ý chí vượt trên vật chất. Rất nhiều suy nghĩ âm áp đáng yêu.

Philippa lặp lại:

– Suy nghĩ âm áp.

Zadie liệt kê:

– Lửa nóng. Những bãi biển Polynesia cháy nắng. Áo choàng lông thú dày cộm.

Philippa kể thêm:

- Sa mạc. Cát. Sahara. Kim tự tháp.
- Phòng tắm hơi.
- Tàu điện ngầm ở New York vào tháng Tám.
- Biển Chết vào tháng Bảy.
- Macma, núi lửa, dung nham.
- Trứng luộc.
- Thịt nướng barbecue.
- Cà phê nóng phỏng lưỡi.
- Bột ớt, tiêu, cà ri, bánh mì nóng hôi.

Zadie siết chặt tay Philippa.

– Chúng ta thử đi, Philippa.

Philippa nói:

– FABULONGOSHOO...

Cùng lúc đó, Zadie nói:

– KAKORRHAPHIOPHOBIA.

Và Philippa kết thúc từ trọng tâm của cô:

– ... MARVELISHLYWONDERPIPICAL.

Không djinn trẻ nào cần mở mắt ra để biết được không có chuyện gì xảy ra. Ít nhất thì, không chuyện gì xảy ra là kết quả của sức mạnh djinn. Trong im lặng, Philippa và Zadie bỏ tay nhau ra và đưa mắt nhìn quanh trong ánh sáng mờ mờ. Mọi thứ vẫn như cũ, nhưng đồng thời lại không như cũ. Không biết tại sao nhưng khu trại của họ dường như bị thu nhỏ lại rất nhiều. Ông Sicky đang ngồi cúi người trên mặt đất với hai tay hoàn toàn che kín đầu.

Ông Groanin đang đứng yên bất động với một vẻ mặt còn hơn là lo lắng. Ông Muddy cũng vậy. Con chó Hector đã biến mất.

Philippa nói:

– Xin lỗi. Nhưng có vẻ như djinn tụi cháu không làm được gì. Có lẽ nếu trời ngừng mưa và khô ráo, người tụi cháu có thể ấm lên một chút, nhưng từ giờ cho đến lúc đó thì...

Bỏ dở câu nói, cô lắc đầu. Ông Groanin bắt đầu nói qua một bên khóe miệng:

– Ta hy vọng điều đó xảy ra sớm hơn, thưa cô. Bởi vì trong trường hợp hai cháu chưa nhận ra, chúng ta đang có khách. Và ta không nghĩ họ muốn uống trà.

Philippa chớp chớp mắt và đưa tay dụi mắt khi cô nhận ra tại sao khu trại của họ đột nhiên thu nhỏ lại như vậy. Họ đang bị bao vây bởi thổ dân. Số lượng có lẽ lên đến cả trăm người, tất cả đều im lặng như những thân cây và tất cả đều sơn người vằn vện như những con báo đốm, để họ có thể hoàn hảo ẩn mình vào khu rừng rậm rạp bao phủ xung quanh họ.

Zadie hỏi Philippa:

– Cậu có nghĩ họ thân thiện không?

Một trong những thổ dân có vẻ là người cầm đầu những người khác, có những khúc xương sắc nhọn chìa ra từ khắp khuôn mặt, cùng một cái chuông nhỏ treo lủng lẳng trên mũi của gã. Lớp ngụy trang trên cơ thể gã không phải là sơn nước mà là hình xăm - hàng trăm hình xăm. Gã đeo trên cổ một cái dây chuyền làm từ móng vuốt, răng cùng một hòn đá lớn màu đen to như một trái banh tennis. Không kể việc hòn đá đó là một cái đầu. Một cái đầu người bị teo nhỏ.

Philippa nói:

– Không, không đặc biệt thân thiện gì đâu.

Ông Sicky thăm thì:

– Nhắm mắt lại, Philippa. Cả cháu nữa, Zadie. Anh Groanin. Muddy. Tất cả mọi người. Nhắm mắt lại. Tôi sẽ thực hiện phép màu Medusa của tôi.

Philippa rít lên:

– Làm như ông ấy nói đi. Nhanh lên.

Thình lình đứng bật dậy với một tiếng hét lớn, ông Sicky kéo vạt áo sơ mi ướm nhẹp ở phía trước lên cao, làm lộ ra hình xăm chết chóc trên cái bụng bự của ông. Ba gã thổ dân đứng gần bất cẩn nhìn vào hình xăm đó lập tức biến thành đá. Những kẻ khác rú lên một tiếng lớn, và giây tiếp theo, ông Sicky bị một cây dùi cui đập lên đầu, rồi bị trói gô lại.

Cùng lúc đó, những bàn tay khỏe mạnh tóm lấy cổ tay Philippa và những người còn lại.

Họ đã trở thành tù nhân. Tù nhân của những thổ dân săn đầu người - Xuanaci.



Chương 10

Như là Quỷ Thần

Loài Anaconda khổng lồ là một thành viên thủy sinh của dòng họ rắn Mỹ nhiệt đới. Điều đó có nghĩa chúng giết chết con mồi bằng cách quấn cơ thể dài ngoằng của chúng quanh nạn nhân và siết chặt cho đến khi con mồi bị chết ngạt hoặc bị nghiền nát. Rồi con rắn sẽ tự đảo vị trí quai hàm của nó và nuốt trọn con mồi bất hạnh. Cái tên “anaconda” bắt nguồn từ một từ tiếng Tamil, *anaikondran*, có nghĩa là “kẻ giết voi”. Người dân Nam Mỹ gọi con rắn khổng lồ này là *el matatoro*, hay “kẻ giết bò đực”. Cả hai cái tên này đều là minh chứng hiển nhiên cho sức mạnh khổng lồ và danh tiếng đáng sợ của loài anaconda. Là loài di chuyển chậm, anaconda thường trông cậy vào yếu tố bất ngờ để bắt mồi - thường bao gồm cá sấu, hươu nai, hoặc thậm chí là báo đốm - và rất hiếm khi một con rắn cỡ bự như anaconda trở thành mục tiêu của một cuộc tấn công bất ngờ.

Con anaconda khổng lồ khổng lồ đã hoàn toàn bị bất ngờ. Hai con báo đốm bổ nhào vào cái đầu to như va li của nó chỉ trong tích tắc. Với những móng vuốt trần sắc lẹm, hai con mèo bự chộp lấy thân hình khổng lồ của con rắn và giữ chặt. Nhưng chỉ đến tận bây giờ, khi đã vồ lấy con rắn, họ mới nhận ra nó thật sự lớn đến cỡ nào. Con rắn dài đến gần hai mươi mét, và đường kính khúc thân giữa của nó phải đến hơn sáu tấc chứ không ít.

John cắn vào cổ họng của con vật và khóa chặt quai hàm, như một con chó búống bình ngoạm lấy một cái chần. Nhưng cậu Nimrod thì lại khá chặt vật để có một đòn cắn chặt tương tự trên đầu con trăn vì tỉ lệ của nó. Rít lên như một đầu máy hơi nước, con trăn vặn vẹo thân mình hòng tóm hai con báo vào trong những vòng quấn mạnh mẽ và chết chóc của nó, nhưng lần nào cậu Nimrod và John cũng kịp thời tránh được mỗi hiểm họa bị siết đó. Cuối cùng thì cậu Nimrod cũng tìm được một vị trí thích hợp ở sau đầu và giữa hai con mắt vàng to như hai hạt nút của con trăn, và dồn hết sức cắn mạnh.

Cái lỗ mũi to đùng của con anaconda phập phồng khi nó cảm nhận được sự thông minh đằng sau cuộc tấn công hai mũi đó, nhưng còn lâu nó mới bỏ cuộc. Bất thành linh, như một con sếu, con anaconda nhấc bổng người lên tầm mười mét giữa không trung, mang theo cơ thể của hai con báo ốm. Nó lắc người mạnh đến mức hai con báo nhìn chẳng khác gì hai lá cờ sinh đôi phấp phới trên một cột cờ khổng lồ, trước khi nhào xuống mặt đất như thể hy vọng cú ngã này có thể làm hai kẻ tấn công tuột khỏi người nó. Cú va chạm với nền đất ẩm ướt làm John gần như đứt hơi, nhưng cậu vẫn giữ chặt. Chùng nào vẫn còn hơi thở trong cơ thể to lớn của con trăn, chùng đó cậu vẫn còn giữ chặt hoặc chết trong cố gắng. Miệng cậu đầy máu tươi nhưng cậu không biết đó là máu của cậu hay của con trăn.

Cậu Nimrod cắn chặt răng nanh vào đầu con anaconda và nhận ra rằng nếu một trong những cái răng đó bị rụng ra trước khi hộp sọ của con trăn bị đâm thủng, cậu và John có lẽ sẽ chết. Nhắm mắt lại, cậu tập trung tất cả sức mạnh vào việc khép chặt những bắp thịt đau đớn ở hai bên xương hàm dưới của cậu.

Thay đổi chiến thuật, con anaconda giờ đây đang nhanh chóng trườn qua những bụi cây rậm rạp trên mặt đất với hy vọng vượt bỏ được hai con báo đang dán chặt vào đầu và cổ họng của nó. John gần như bị tuột ra khi cậu bị đập mạnh vào một thân cây rồi bị kéo lê lưng qua một bụi rậm. Cậu Nimrod gầm lên đau đớn khi sức nặng của con trăn di chuyển nhanh cả người cậu vào một tảng đá sắc nhọn và một khúc gỗ cũng lờm chờm không kém.

Nhưng bằng một cách nào đó, cả cậu và John vẫn tiếp tục bám chặt vào con trăn.

Rừng mưa nhiệt đới hiếm khi chứng kiến hoặc nghe thấy một thứ âm thanh như vậy: tiếng gầm của hai con báo đốm, tiếng rít liều mạng của con trăn, những bụi rậm dập nát, lũ chim và dơi bị đánh văng ra khỏi chỗ ngủ đêm của chúng - cứ như thể một con voi điên loạn đang nổi cơn thịnh nộ.

Một giờ trôi qua.

Quai hàm của John đã lên đến hết ngưỡng chịu đựng. Cơ đau chạy từ đỉnh đầu xuống cổ rồi xâm nhập vào trong cơ vai. Từng cái móng vuốt có cảm giác như thể chúng đang bị rút tuột ra khỏi những ngón chân. Nhưng rồi, phát giác được một sự thay đổi trong nhịp thở của con anaconda, John khóa miệng chặt hơn trên cổ họng con trăn và lập tức trông thấy hai lỗ mũi đen thùi, một lần nữa, phập phồng như thể cơ thể hình ống dầu trơn tuột của con trăn giờ đây đã thiếu dưỡng khí đến mức nguy kịch.

Cậu Nimrod cũng nhìn thấy điều đó và, tìm được thêm hai phần sức mạnh nữa từ đâu đó trong cơ ngực của cậu, cậu thử cắn thủng hộp sọ con trăn lần cuối. Một giây sau đó, cậu cảm nhận được một thứ gì đó nứt ra bên dưới những cái răng nanh của cậu như một trong những viên kẹo bạc hà siêu cứng của ông Groanin, và một thứ gì đó nóng sền sệt tràn vào trong khoang miệng hung hãn của cậu. Đó là não của con trăn.

Con anaconda tiếp tục vằn vện điên cuồng thêm vài phút nữa, cuối cùng nó cũng nằm cứng đờ trên mặt đất.

– Nó chết chưa cậu?

Cậu Nimrod trả lời:

– Cậu rất hy vọng thế.

Nhắc mở quai hàm và lăn qua một bên, John ngạc nhiên khi thấy mặt trời đang mọc lên. Chẳng bao lâu nữa trời sẽ sáng. Nhưng mưa vẫn đang rơi. Cậu thử đứng dậy, nhưng nhận ra bốn cái chân của mình đang run lẩy bẩy. Một lá người, cậu lại nằm sấp xuống đất và thở sâu một hơi. John hỏi thăm:

– Cậu ổn không?

Suy nghĩ của cậu Nimrod chỉ yếu ớt như một tiếng thì thầm:

– Ôn. Cậu nghĩ vậy. Cháu thì sao?

John thú nhận:

– Mệt. Mệt đứ đừ.

– Cậu cũng vậy.

Khập khiễng đi đến nơi John đang nằm duỗi người, cậu Nimrod bắt đầu liếm một trong những vết xước lớn ở một bên sườn đứa cháu trai.

Nhìn cái xác khổng lồ của con anaconda, John có một cảm giác gì đó gần như là tiếc nuối. Cậu nhận xét:

– Thật là một sinh vật ấn tượng. Cháu thấy hơi tiếc cho nó.

Cậu Nimrod khuyên nhủ:

– Đừng tự trách mình. Muốn trách, hãy trách kẻ đã đặt nó ở đây với ý định giết chết một trong chúng ta. Và tin cậu đi, nếu có cơ hội, nó chắc chắn sẽ làm thế.

– Không biết vị của nó như thế nào nhỉ.

Cậu Nimrod thở dài:

– Con báo trong cháu vừa lên tiếng đó, John. Cháu có muốn ném thử không?

– Không hẳn. Giờ cháu mệt đến nỗi chẳng muốn hé mồm. Có lẽ cháu sẽ chẳng bao giờ muốn ăn gì nữa. Cháu chỉ muốn ngủ.

– Chúng ta không có thời gian để ăn hay ngủ gì đâu. Chúng ta nên quay về. Chúng ta đã làm xong điều chúng ta muốn làm khi rời đi rồi.

John gầm gừ một cách bực bội:

– Ngay bây giờ hả cậu? Chúng ta không thể nghỉ ở đây một lát sao?

– Những người khác sẽ lo lắng cho chúng ta. Chẳng bao lâu nữa họ thế nào cũng sẽ lo lắng. Cháu muốn họ lo lắng sao, John?

– Cháu quá mệt để quan tâm đến bất cứ điều gì. Cháu chỉ muốn ngủ.

– Thôi nào. Chúng ta có thể đi chậm. Dầm mình một lát trong dòng sông mát lạnh trên đường về sẽ giúp cháu cảm thấy khỏe khoắn hơn.

– Nghe có vẻ hay.

John đồng ý, rồi đứng dậy và bắt đầu đặt bàn chân này lên trước bàn chân kia. Họ bắt đầu đi ngược về dọc theo rìa con đường mòn. Không ai có hứng nói chuyện. Cả hai cơ thể đều quá nhức mỏi, họ không thể nghĩ ngợi gì nhiều. Nhưng sau một lúc, John cảm thấy cần phải hỏi cậu Nimrod xem một khi cậu rời khỏi cơ thể của con báo đốm và hồi phục lại cơ thể của cậu, sự đau đớn mà cậu hiện đang cảm thấy liệu có biến mất hay không.

Cậu Nimrod cho biết:

– Có. Nó sẽ biến mất. Đó là lý do tại sao cậu muốn sớm quay về. Cậu nghĩ cháu biết điều đó rồi chứ.

– Giờ thì cháu đã biết.

Họ lại đi tiếp, cậu Nimrod dẫn đường như trước. Nhưng một con vật mệt mỏi giống với một con người bình thường ở chỗ nó cũng sẽ phạm sai lầm. Một con báo đốm hoàn toàn khỏe khoắn và nghỉ ngơi đầy đủ sẽ không bao giờ bước vào một cái bẫy của loài người, cho dù chỉ là một cái bẫy của thổ dân địa phương. Một giây trước John và cậu Nimrod còn đang di chuyển thành một hàng dọc men theo rìa con đường mòn, và một giây sau, một cái lưới khổng lồ mang theo cậu Nimrod đã bay vụt lên trên đầu John.

Quay người lại chạy trốn, John phóng vọt về phía một bụi cây, thẳng vào một cái lưới khác nối với một cái cây nhắc bổng cậu lên khỏi mặt đất. John bị treo lủng lẳng ở đó trong giây lát, lắc lư như một túi dứa khô. Rồi một gã đàn ông cởi trần đeo một cái mặt nạ trắng hếu vẽ hình một cái miệng cười nhe răng đỏ sậm chạy về phía cậu, vừa lớn tiếng la hét vừa diên cuồng khoa tay múa chân. Một gã đàn ông nữa xuất hiện bên cạnh gã. Tên này khoác trên người một bộ da báo đốm, với cái đầu báo đốm trên đầu như một cái nón. Nhìn ác dễ sợ. John găm gù một cách hung tợn với hai gã và quơ quào móng vuốt. Gã đàn ông đội mặt nạ vẫy vẫy một cây gậy trên không trung. Cây gậy màu đen và có hình dáng như một con cá piranha. Gã đàn ông cầm nó ở phần đuôi. Phần đầu thô mập hơn, và đây nhóc những cái răng nhỏ sắc nhọn. Cây gậy biến mất sau đầu gã đàn ông, rồi thành linh xuất hiện trở lại. John cảm thấy một cú đập mạnh trên đầu khiến cậu choáng váng. Cái mặt nạ

trắng hếu giờ đây đã tiến lại gần hơn, và cái miệng cười nhe răng đỏ sậm sơn trên đó dường như đang gạt bỏ tất cả sự chống cự trước đó của John. Đằng sau mặt nạ là một tiếng cười lớn đầy mỉa mai. John nhắm mắt lại, rồi tất cả mọi thứ trở nên tối đen và im lặng.

* * *

Khi John tỉnh lại, cậu phát hiện mình đang chống vó lên trời, bốn chân bị cột chặt vào một khúc gỗ và bị khiêng như khiêng lợn qua rừng bởi hai thổ dân Nam Mỹ. Và cậu đủ thông minh để tiếp tục giả chết, không mấy khó khăn vì đầu cậu hiện đã quá đau, không muốn bị cây gậy kia đập lần nữa. Vì thế mà cậu buông lỏng cái đuôi dài cùng cái đầu của cậu, rồi bắt đầu lên kế hoạch tiếp theo nên làm gì. Họ có nghĩ họ đã giết cậu không? Và nếu có, vậy có nghĩa họ đã giết cậu Nimrod? Thật khó để hiểu hết mọi chuyện đang diễn ra khi tầm nhìn của cậu đang bị lộn ngược và thứ tiếng người ta đang nói là một thứ ngôn ngữ cậu chưa bao giờ nghe thấy trước đây. Nhưng chí ít mưa đã tạnh.

Khi họ đến ngôi làng của bọn thổ dân, John nghĩ ra được bước đi tiếp theo. Và để linh hồn djinn của cậu trượt ra khỏi cơ thể con báo đốm, cậu bỗng bèn bay đi trong vô hình sang một bên đường và bắt đầu xem xét tình hình của họ. Con báo đốm chứa cậu Nimrod bị trói nghiêng tương tự trên cái cột đằng sau, người bất động. Trườn vào trong cơ thể của con báo thứ hai, John nhẹ cả người khi tìm thấy cậu của mình, còn sống nhưng bất tỉnh nhân sự. John thật sự thấy nhẹ nhõm rất nhiều vì suy nghĩ đầu tiên của cậu khi thấy con báo là cậu Nimrod đã chết.

Nhận ra giờ cậu không thể làm gì khác cho cậu Nimrod, John đành nhắc hồn ra khỏi con báo, sau khi đã cẩn thận ghi nhớ vị trí của ngôi làng, linh hồn cậu bắt đầu theo đường cũ quay lại nơi hai cậu cháu bị bắt. Từ đây, John nhanh chóng tìm đường trở về chỗ cái cây mà cậu Nimrod cắt cây đèn du lịch.

Giây phút John nắm lại quyền kiểm soát những nguyên tử của cơ thể cậu, cậu tự hóa thể chính mình, cây đèn của cậu Nimrod giờ đây đã nằm an toàn trên tay cậu, cậu quay lại khu trại để tìm kiếm sự giúp đỡ, rồi sẽ triển khai một kế hoạch giải cứu. Ông Vodyannoy chắc hẳn sẽ biết chính xác nên làm gì, và ông Sicky sẽ biết những thổ dân đó là ai.

* * *

Con chó Hector của ông Muddy lúi ra khỏi cái bụi cây ẩn núp của nó và, với những tiếng rên ư ử tội nghiệp, nó chạy đến cạnh John và liếm tay cậu. Hoàn toàn không có bóng dáng của Philippa và những người khác. Những cái túi đồ vẫn còn nguyên tại đây nhưng đồng lửa trại đã lạnh tanh, và trên những cái lều cũng không có dấu vết bị tấn công bởi động vật hoang dã. Không có vết máu, cũng như không có bất cứ dấu hiệu nào khác của một cuộc tấn công.

Trìu mển xoa xoa lỗ tai của con chó, John hỏi nó:

– Chuyện gì đã xảy ra ở đây vậy, nhóc?

Con Hector xoay đầu nhìn quanh và sủa mấy tiếng.

– Lân này là gì vậy? Một con lười khổng lồ? Hay là một con cá sấu khổng lồ?

Và rồi cậu thấy chúng.

Bên trong một cái mộ nông được che phủ bằng lá và cành cây, như thể ai đó đã phải vội vã chôn cất chúng, là ba bức tượng thổ dân. Phát hiện đầu tiên của John là chúng nhìn khác và hung tợn hơn nhiều so với những thổ dân đã bắt hai cậu cháu; rồi cậu nhận ra nhiều khả năng những bức tượng này chính là tác phẩm của cái hình xăm trên bụng ông Sicky. John nghĩ ông Sicky chắc hẳn đã cố bảo vệ những người khác trước một cuộc tấn công. Câu hỏi là, liệu ông Sicky có đủ sức đẩy lùi những kẻ tấn công hay không? Và nếu có, vậy những người khác hiện đang ở đâu?

John hỏi con Hector:

– Mọi người chạy rồi hả? Họ quay lại thuyền à? Chúng ta đi kiểm tra đi.

Đi ngược xuống bờ sông, John nhìn thấy hai chiếc thuyền vẫn nằm yên trên bờ và hoàn toàn không bị hư hại gì. Dựa trên việc tất cả vật dụng và dụng cụ của họ vẫn còn ở trong trại, John suy ra những người ở lại có lẽ đã bị bắt. John định sẽ thử hét lớn gọi họ, nhưng cậu lại lo một tộc thổ dân khác lại bắt được cậu. Hiển nhiên, cậu sẽ phải tự mình triển khai một kế hoạch giải cứu nào đó. Nhưng cậu nên cứu ai trước đây? Cậu Nimrod? Hay em gái cậu và những người khác?

Cậu lo lắng hỏi con Hector:

– Tao nên làm gì bây giờ?

Con Hector rên ư ử và liếm mặt John tỏ vẻ cố vũ.

Muốn điên lên vì lo lắng, John đẩy con Hector qua một bên và cố tập trung suy nghĩ của cậu, mong là sức mạnh djinn có thể đưa ra một giải pháp cụ thể nào đó. Nhưng nó không thể. Tuy nhiên, ký ức về gã thổ dân khoác áo da báo đốm đến giờ vẫn còn rõ ràng, nó đã giúp John quyết định. Cậu sẽ thử cứu cậu Nimrod trước. Xét đến cùng, John không thể chắc chắn cậu Nimrod có bị lột da hay không. Có lẽ cậu Nimrod sẽ tỉnh lại và thoát hồn ra khỏi con báo như John đã làm, nhưng cậu bé djinn quyết định cậu không dám chờ đợi và thách thức sự may rủi.

Và một kế hoạch nảy ra trong đầu cậu. Đưa mắt về phía con Hector, cậu nhìn thấy khả năng một con chó – thậm chí là một con ngậm trên miệng một cây đèn thần – có thể lảng vảng quanh một ngôi làng thổ dân Nam Mỹ mà không bị chú ý, ít nhất là cho đến khi cậu tìm được cách giải cứu cậu Nimrod. Trở thành một con chó quá sớm sau khi làm báo đốm không phải là một đề nghị hấp dẫn. Cậu đã quá mệt mỏi với việc làm một con vật nào đó. Miệng cậu vẫn còn phảng phất cái vị khủng khiếp của thịt rùa sống và máu trần. Nhưng cậu không thấy một giải pháp thay thế nào khác.

John vừa định hóa thể để nhập vào con Hector thì một thứ gì đó bay vụt qua không khí và hạ cánh xuống ba lô của Zadie.

Đó là Zotz, con dơi cứng của cô. Thoáng thấy một thứ gì đó lóe sáng quanh chân con Zotz, John đến gần để nhìn kỹ hơn. Nhưng khi cậu thử nhấc

con Zotz lên để xem đó là gì, con dơi bay lên trời và lượn vòng quanh trại trong một hoặc hai phút trước khi lại đáp xuống. Việc này xảy ra một vài lần nữa, rồi John nảy ra sáng kiến hồi lộ nó một ít chuối. Bằng cách đó, cậu cuối cùng cũng giữ được con dơi và gỡ vật kim loại kia ra khỏi chân nó.

Đó là một cái ống có đường kính to cỡ một đồng năm xu, và dài chừng một cái kẹp giấy. Bên trong nó là một miếng giấy cuộn tròn. John trút tờ giấy ra.

Cậu nói với con dơi khi đặt nó lại trên ba lô của Zadie:

– Tao đã nghe nói đến bồ câu đưa thư. Nhưng chưa bao giờ nghe nói đến một con dơi đưa thư đấy.

Và lá thư gửi cho Zadie đó làm cậu bé djinn vô cùng sửng sốt.

* * *

John không tìm hiểu được gì về chuyện đã xảy ra cho bạn đồng hành của cậu khi nhập vào con Hector - ngoại trừ việc chính con chó của ông Muddy là thủ phạm gặm nát mấy cái lều, và việc sau khi bị chủ của nó đánh một trận khi bị phát hiện, nó đã bỏ chạy trước khi tộc thổ dân thứ hai xuất hiện.

Với cây đèn du lịch của cậu Nimrod nửa giấu trong miệng, John lần theo con đường mòn xuyên rừng để quay lại ngôi làng thổ dân nơi cậu đã để lại cậu Nimrod. Ở đây, cậu đi lại giữa những thổ dân địa phương gần như một thứ vô hình. Y như dự đoán của cậu, không ai để ý đến một con chó vô chủ.

Phần lớn ngôi làng là những ngôi nhà sàn dài nằm trên một khoảng rừng phát quang ngay rìa một dòng sông chảy xiết. Chỉ có vài gia đình thổ dân sống ở đây, những gia đình khác lại sống trong một xác tàu hơi nước cũ nát nằm nửa chừng trên một sườn đồi, như thế nó đã bị đánh giạt lên đó bởi một cơn bão kỳ dị nào đó. Cao hai tầng và dài gần hai mươi mét, loại tàu này có lẽ sẽ rất thích hợp trên dòng Mississippi, nhưng với dây leo che kín và trẻ con, gà vịt lóc nhóc khắp nơi, nó nhìn như thể đã ở đây từ rất lâu.

Sự kiện mới nhất ở đây là sự hiện diện của cái xác con anaconda khổng lồ. Cái xác được những thành viên khác của bộ tộc khiêng về làng, giờ nó đang duỗi thẳng dọc theo chiều dài con tàu, giúp người ta có được một khái niệm rõ hơn về kích thước thật của nó.

Nhìn thấy con trăn dưới ánh sáng ban ngày, John tự hỏi làm sao cậu Nimrod và mình lại dám lên kế hoạch tấn công một sinh vật khổng lồ như vậy. Con trăn dài hơn con tàu một chút và bự như một thân cây to. Những thổ dân có vẻ cũng bị con trăn làm ấn tượng, tuy nhiên, họ lại ấn tượng hơn bởi hai con otorongo mà, theo phỏng đoán của họ, chính là thứ đã giết con trăn. Có vẻ như hai con báo đang bị nhốt trong một lồng giam bằng cọc gỗ ở trung tâm ngôi làng và được xem như những sinh vật thần thánh. Dẫn đầu là gã đàn ông khoác da báo, hẳn có vẻ là một thầy lang, một nhóm chiến binh đang quỳ gối quanh cái lồng giam và, theo suy luận của John, cúng bái hai con báo.

Đến gần hơn để quan sát, John kinh hoàng phát hiện chỉ có một con báo đang đi lại trong lồng; con còn lại – con báo chứa cậu Nimrod – đã chết. Cái lưỡi hồng thè lè ra khỏi mõm, con báo nằm gục trên mặt đất, cứng đờ. John nuốt xuống một khối cảm xúc ngổn ngang. Con báo đã chết, có nghĩa cậu Nimrod cũng đã chết sao? John quyết định cậu sẽ phải vào trong lồng để tìm ra câu trả lời chính xác.

Tệ hơn nữa là nghi lễ cúng bái của những thổ dân giờ đã kết thúc, họ dường như đang sẵn sàng để giết con báo đốm thứ hai. Họ đang lắp tên vào cung như thể đang chuẩn bị tế sống con báo cho vị thần nào đó mà họ đang thờ phụng.

Ai đó ném đá vào con Hector để đuổi nó đi, nhưng nhận ra cậu không có thời gian để mất, John lờ đi cơn đau và giữ nguyên vị trí. Không còn thời gian để biến lộ sức mạnh djinn theo một cách kín đáo nữa, cậu tự nhủ với bản thân. Cậu sẽ chỉ làm điều mà cậu phải làm, bất chấp mọi sự mê tín và đức tin của thổ dân Nam Mỹ. Cậu cảm thấy, những thổ dân này sẽ phải gánh chịu một nỗi sợ xứng đáng.

Nhà cây đèn du lịch của cậu Nimrod xuống đất, John nhấc hồn ra khỏi con chó, chui vào lại trong cây đèn để thu gom những nguyên tử cần thiết cho sự hóa thể của cậu. Cơ thể của cậu Nimrod không thể cho John biết cậu mình còn sống hay không. Cậu Nimrod nhìn như một bức tượng giống thật. John chăm chú nhìn cậu Nimrod trong giây lát như thể muốn tự nhắc nhở bản thân rằng cậu Nimrod quan trọng với cậu như thế nào, rồi vội vàng thoát ra khỏi cái chai trong một cụm khói đặc biệt lớn. Nó đặc biệt lớn là vì cậu muốn chắc chắn nó có thể xua tất cả thổ dân ra xa khỏi cái lồng giam. Ngay cả khi xác thịt của cậu vẫn đang được tập hợp, John có thể nhìn thấy cậu đã thành công. La hét rầm trời và khua tay điên cuồng, những thổ dân bỏ chạy hết đến nơi họ cho là khoảng cách an toàn. Chỉ có con Hector đứng yên tại chỗ. Nhận ra John, con chó âu yếm liếm tay cậu trước khi trừng mắt nhìn những thổ dân. Hầu hết bọn họ giờ đây đã trốn vào trong những căn nhà sàn dài hoặc tầng trên của con tàu hơi nước, và kích động chỉ trở về phía John.

John nhặt cây đèn du lịch lên và vừa định nhảy vào trong lồng khi một giọng nói vang lên:

– Nếu cậu là cháu, cậu sẽ không làm như thế. Có một con báo đốm trong đó. Và loài này thường không mấy thân thiện khi bị giam giữ.

– Cậu Nimrod?

John mỉm cười nhẹ nhõm và đưa mắt nhìn xung quanh. Không trông thấy gì, cậu đoán linh hồn cậu Nimrod vẫn đang trong trạng thái vô hình.

– Là cậu thật ư?

– Thế cháu nghĩ là ai? Một hồn ma sao? Cậu đã thấy đám khói của cháu và đoán cháu chắc hẳn đang ở đây cùng cây đèn của cậu. Vừa đúng lúc.

– Cháu đã rất lo khi thấy con báo chết.

– Ừ. Một trong những anh chàng ở đây đã hơi nặng tay với con vật tội nghiệp đó. Thật sự đáng tiếc. Nó là một con vật khá tuyệt. Dù sao thì, cậu đã nhập vào trong con báo còn lại và khi không tìm thấy cháu ở đó, cậu đoán chắc cháu đã quay về tìm cây đèn. Cậu vừa định thoát hồn ra thì cháu xuất hiện.

– Cậu vẫn ổn chứ?

– Ôn. Cái đầu hơi đau, nhưng cậu sẽ thấy khá hơn nhiều ngay khi quay lại cơ thể của cậu. Cho nên, nếu cháu thông cảm, cậu muốn đi giải quyết vấn đề đó và sẽ quay lại ngay.

– Vâng. Dĩ nhiên ạ. Cậu đi đi. Cứ tự nhiên.

John cảm thấy một thứ gì đó di chuyển bên trong cây đèn và đặt nó xuống đất, chính lúc đó, cậu Nimrod đang chui vào trong cây đèn để khôi phục lại hình dáng loài người của cậu. Nhạc thấy lại có thêm khói thoát ra khỏi cây đèn, những thổ dân lại bắt đầu la hét, và John có thể thấy rõ họ đang cực kỳ kinh hoàng.

John hét lớn với họ:

– Đáng đời mấy người. Cái tội đập đầu những con báo đốm không có sức chống đỡ, bắn tên vào chúng và ném đá vào những con chó nhỏ bé.

Con Hector sủa lớn về hướng những thổ dân thể hiện sự hoàn toàn đồng ý. Giờ đây khi đã có lại cơ thể, nó cảm nhận được sự đau đớn khi viên đá đập vào một bên sườn của nó.

John nói thêm:

– Và cả cái tội săn đầu người. Một cái tội thật sự không thể chấp nhận được.

Cậu Nimrod, cuối cùng cũng đã xuất hiện dưới hình người giữa một cụm khói, cho biết:

– Họ không phải là những kẻ săn đầu người. Và thật sự cũng không phải người xấu gì. Đây là những thổ dân Prozuani. Cùng tộc với anh Sicky. Rất khác với người Xuanaci. Đó không phải lỗi của họ. Chỉ là họ hơi bị kích động với việc đã xảy ra cho con anaconda. Cháu thấy đó, họ thờ phụng một vị thần nhìn giống một con rắn.

Rồi nở một nụ cười khó xử, cậu nói thêm:

– Hoặc ít nhất họ từng như vậy. Nhìn kìa.

Một đám đông thổ dân giờ đây đang quỳ gối và bò đến gần họ. Cậu Nimrod đoán:

– Cậu nghĩ chúng ta sắp được cúng bái.

John trầm trồ:

– Tuyệt.

Chắc lưỡi lớn tiếng, cậu Nimrod lắc đầu bảo:

– Không, chẳng tuyệt tí nào. Xấu hổ chết được. Cậu ghét bị người khác nhầm lẫn là một vị thần nào đó. Dĩ nhiên, đây là một chuyện khó có thể tránh được khi chúng ta buộc phải hóa thể giữa ban ngày ban mặt. Ý cậu là, với họ, chúng ta là thứ gần giống thần nhất mà họ từng thấy.

John nói:

– Cháu xin lỗi về điều đó. Chỉ là khi đó, dường như chẳng còn thời gian để mà khéo léo.

– Cháu không cần phải xin lỗi đâu, con trai. Chuyện bất đắc dĩ mà. Chuyện như thế vẫn hay xảy ra. Nhưng dù sao, chúng ta tốt nhất nên rời khỏi đây trước khi mọi chuyện trở nên thật sự nghiêm trọng. Lễ vật, cúng tế hay một thứ gì đó tương tự. Lạy trời họ đừng nổi hứng bắt đầu một tôn giáo mới. Chúng ta đã có quá đủ tôn giáo rồi.

Khi nói những điều đó, cậu Nimrod đã quay lưng đi vào trong rừng. John gọi lại:

– Khoan đã. Còn con báo thì sao? Chúng ta không thể bỏ nó lại ở đây để bị giết như người anh em tội nghiệp của nó.

– Không, cháu nói đúng. Chúng ta không thể làm thế sau tất cả những gì nó đã làm cho chúng ta.

Rồi cậu Nimrod vội vẫy tay với John và giục:

– Làm đi, con trai. Cháu có sức mạnh mà.

John gật đầu và, thậm chí từ trọng tâm của cậu, từ ABECEDARIAN, cậu làm cái lồng giam giữ con báo biến mất giữa một làn khói tím. Khó lòng tin nổi vận may của nó, con báo đốm phi nước đại vào rừng, không một lần quay đầu nhìn những thổ dân giờ đang nằm phủ phục trên mặt đất và kêu gào ầm ĩ.

Cậu Nimrod thắc mắc:

– Sao lại là khói tím?

John trả lời:

– Vì cháu vẫn nghĩ họ cần được dạy cho một bài học.

Lắc đầu với vẻ mặt không đồng ý, cậu Nimrod bảo:

– Cậu đã nói với cháu người Prozuanaci không xấu đến mức đó mà.

Rồi cậu quay gót bước đi. John chạy theo cậu, con Hector bám theo sát gót. John thông báo:

– Nhân tiện cháu có một tin tức cực kỳ quan trọng, cực kỳ đáng lo để nói cho cậu biết. Philippa, ông Groanin, ông Vodyannoy và những người khác. Họ đã biến mất. Mất tích không dấu vết. Nếu vừa rồi đúng là người Prozuanaci thì cháu nghĩ, có lẽ họ đã bị bắt bởi bộ tộc thổ dân khác. Cháu đã tìm thấy ba bức tượng thổ dân ở gần trại của chúng ta. Chúng bị lá cây che phủ. Cháu đoán là, ông Sicky đã cho họ thấy cái hình xăm trên bụng. Cái hình xăm có thể biến bất cứ sinh vật sống nào nhìn vào nó thành đá ấy? Giống nữ thần rắn Medusa? Và đồng bọn của họ đã cố chôn lấp họ tại chỗ vì quá nặng nên không thể khiêng về nhà.

Cậu Nimrod nói, chân bước nhanh hơn:

– Vậy à? Nghe không hay chút nào.

John khẩn cấp nói tiếp:

– Và đó chỉ là một nửa của vấn đề. Cháu cũng cần nói với cậu về Zadie. Nó là kẻ phản bội. Nó chính là kẻ tạo ra những con vật kích cỡ khổng lồ đó.

Cậu Nimrod hỏi:

– Cháu chắc chứ?

John kể cho cậu Nimrod nghe về bức thư mà cậu đã tìm thấy trên chân con dơi của Zadie, rồi nói thêm:

– Và cậu sẽ không bao giờ đoán được bức thư đó gửi đến từ ai đâu. Virgil McCreeby.



Chương 11

Hồ cá Piranha

Ông Groanin nhận xét:

– Ít nhất cũng đã tạnh mưa.

Qua hàm răng gõ lộp cộp vào nhau, Zadie lí nhí:

– Cháu chẳng thấy điều đó có ích gì cho tình huống hiện tại của chúng ta. Tụi cháu vẫn ướt nhep và lạnh cóng. Quá ướt và lạnh để dùng sức mạnh djinn thoát khỏi đây.

Đó là một thực tế không thể chối cãi. Ngoại trừ ông Sicky, tất cả bọn họ đều bị nhốt trong một cái cũi gỗ ngập nước một phần ở trong một cái hang lớn nhìn ra ngôi làng tộc Xuanaci. Được tiếp nước từ một dòng suối chảy từ trên núi, cái hồ nước trong hang luôn lạnh cóng.

Philippa hỏi Zadie:

– Cậu nghĩ họ có biết không? Về việc djinn làm từ lửa ấy? Và việc những djinn trẻ như chúng ta thường mất hết sức mạnh khi bị lạnh?

Zadie trả lời:

– Tớ chả biết.

Trong lòng mình, Zadie tự nhủ với bản thân rằng việc đó có đúng hay không cũng chẳng quan trọng, vì chẳng bao lâu nữa Virgil McCreeby thế nào cũng nhận ra có chuyện đã xảy ra và sẽ đến cứu cô. Sau tất cả những gì

cô đã làm để hỗ trợ cho đoàn thám hiểm của McCreeby – câu thần chú khổng lồ lên con rết của ông Sicky, bày muỗi, rồi con anaconda, chưa kể đến con ếch độc mà cô đã thả lên giường của ông Vodyannoy – nhất định họ phải đến cứu cô.

Cô lẩm bẩm qua hai hàm răng cắn chặt vì lạnh:

– Họ sẽ sớm đến đây thôi. Họ sẽ đến. Họ phải đến.

Hiểu lầm rằng Zadie đang nói đến cậu Nimrod và John, ông Groanin bảo:

– Ờ, hãy hy vọng họ sẽ đến. Bằng không ai đó trong chúng ta sẽ thiếu mất một cái đầu. Giống như mấy cái tay tội nghiệp ở đằng kia.

Ông Groanin hất đầu về phía một dãy đầu người teo quắt queo treo lủng lẳng trên vách hang, ngay phía trên ông Sicky và cái hộp chứa sọ của Pizarro. Bản thân ông Sicky bị trói nghiêng lại và bỏ vào bao tải, một biện pháp phòng ngừa khôn ngoan trước năng lực hóa đá đáng sợ của cái hình xăm trên bụng ông. Có vẻ như người Xuanaci cũng rất lo ngại bị biến thành đá.

Ông Muddy nói:

– Tôi không nghĩ đó là kế hoạch họ dự định dành cho chúng ta, anh Groanin. Không vẻ vang gì với việc cắt lấy một cái đầu trọc hoặc đầu phụ nữ. Không phải với những chiến binh kiêu hãnh như người Xuanaci. Không, tôi đang nghĩ chỉ có một nửa cái hồ này thuộc về chúng ta. Có một cái hàng rào gỗ phân nó làm đôi. Thấy không? Chỉ có điều, đó là một dạng cửa trượt có thể mở ra.

Áp sát cái hàng rào gỗ, ông Groanin thừa nhận:

– Ừ, tôi cũng đang thắc mắc về cái hàng rào đó đây. Nước ở phía bên kia có vẻ khá ấm. Tôi có thể cảm nhận hơi ấm phả trên mặt.

Philippa lẩm bẩm:

– Phải chi chúng ta ở phía hồ bên kia nhỉ. Khi đó tụi cháu có thể ấm người và sử dụng sức mạnh djinn để giúp chúng ta thoát khỏi đây.

Ông Muddy nói:

– Nếu ở bên kia hồ, chúng ta chết chắc.

Philippa thắc mắc:

– Tại sao?

Ông Muddy giải thích:

– Nửa hồ bên kia đầy nhóc cá piranha.

Ông Groanin thốt lên:

– Đầy nhóc cái gì cơ?

Ông Muddy trả lời:

– Một loại cá với sở thích ăn thịt bự như răng của chúng. Từ piranha có nghĩa là “cá có răng”. Một đàn cá piranha trưởng thành có thể rĩa sạch một con bò sống chỉ trong một vài phút. Giống như xén lông cừu.

Hết ngó cái hàng rào lại liếc nhìn ông Muddy, ông Groanin rên rỉ:

– Tôi biết piranha là gì. Anh có chắc về điều đó không vậy, ông bạn già? Không phải anh chỉ đang hù tôi chứ? Ý tôi là, làn nước bên kia nhìn khá thanh bình. Không phải sao?

Ông Muddy cho biết:

– Ban đầu tôi cũng không chắc lắm. Nhưng vài phút trước, tôi đã thấy một thứ gì đó bơi đến nhìn chăm chăm vào tôi, giống như cái cách tôi vẫn nhìn một con cá trong nhà hàng.

Nhưng ông Groanin vẫn chưa bị thuyết phục mà vẫn khăng khăng:

– Anh đùa hoài.

– Không đùa đâu.

Nghiêng người qua cái hàng rào, ông Muddy phun một ngụm nước bọt lớn vào dòng nước ấm, và trong một giây ngắn ngủi, ông Groanin nhắm mắt nhớ đến phương pháp sản xuất bia chichai khủng khiếp của ông Muddy. Nhưng ngay giây tiếp theo, vài hàm răng sắc lẹm trồi lên mặt nước và bắt đầu nhai nhai không khí với vẻ đầy trông đợi. Hàng trăm con cá khác nhanh chóng tham gia, khiến mặt nước nhìn như thể nó đang sôi lên sùng sục với cá.

Ông Muddy khoát tay bảo:

– Thấy chưa?

Ông Groanin hét lên:

– Quì thần ơi. Ở đây à? Anh không nghĩ họ định, định, định mở cái cửa và để lũ cá này xơi tái chúng ta đấy chứ?

Ông Muddy nói:

– Tôi cho là vậy.

Nghĩ ngợi trong giây lát, ông thở dài nói tiếp:

– Anh biết gì không? Thật tiếc chúng ta nằm trong thực đơn chứ không phải chúng. Piranha là một loài cá ăn khá ngon. Trong đời tôi, tôi đã nấu và ăn khá nhiều con.

Rồi ông nở một nụ cười có phần bình thản và kết luận:

– Tôi đoán giờ đã đến lượt chúng.

Nuốt nước bọt cái ực, ông Groanin lắp bắp:

– Tôi mà rời được khỏi đây, thề là tôi sẽ không bao giờ ăn cá dù chỉ một miếng.

Trong khi ông Muddy và ông Groanin bàn luận về khoảng cách quá gần của những con cá piranha, Philippa lại chú ý nhiều hơn đến hoàn cảnh xung quanh. Không có người canh gác, hang động được thắp sáng bởi một ngọn đuốc bập bùng cháy trên vách hang.

Cô nói:

– Phải chỉ có ngọn đuốc đó, chúng ta có thể đốt một đồng lửa để sưởi ấm.

Quay sang nhìn ông Groanin, cô hỏi:

– Cánh tay siêu mạnh của ông như thế nào, ông Groanin? Ông nghĩ ông có thể phá vỡ cửa của cái cũi này không?

Ông Groanin ảo não trả lời:

– Ta đã thử rồi, thưa cô. Nhưng cái thứ làm nên cái cũi này quá cứng so với ta.

Như thế muốn cho thấy sự vô vọng của nhiệm vụ mà Philippa vừa gợi ý, ông chụp lấy cái cũi và thử kéo rời hai thanh cọc mà không thành công.

Ông Muddy cho biết:

– Đây là *lignum vitae*. Một loại gỗ địa phương rắn chắc gần như kim loại.

Kiểm tra thứ vật liệu cột những thanh chống gỗ lại với nhau, Philippa hỏi ông Muddy:

– Cái dây thừng này làm bằng gì vậy ông?

Ông Muddy nói:

– Từ lá dừa tết lại.

Philippa gật đầu. Zadie lầm bầm:

– Giờ tất cả những gì chúng ta cần là một cái cửa.

Philippa bảo:

– Chúng ta đã có sẵn một cái cửa. Trên thực tế, chúng ta có cả trăm cái.

Cô chỉ tay về nửa bên kia của cái hồ nơi bày cá piranha cuối cùng cũng đã bắt đầu yên tĩnh trở lại.

– Tất cả những gì chúng ta phải làm là thuyết phục chúng bắt tay vào việc. Và, như tất cả những người lao động khác, tất cả những gì chúng cần là một sự khích lệ.

Zadie hỏi:

– Cậu đùa đấy hả? Không vui chút nào đâu.

Philippa khẳng định:

– Không đùa đâu. Tớ đang nghĩ một ít máu rớt xuống mấy sợi dây buột ở ngay phía trên mặt nước có thể thuyết phục chúng bắt đầu cắn phá.

Nghiên cứu những thanh chống, ông Groanin gật đầu nói:

– Khi thật, cháu nói đúng đấy, quý cô ạ. Việc đó có thể hiệu quả. Với hàm răng sắc như dao cạo đó, chúng có thể chẳng mấy chốc gặm nát mấy sợi dây buột. Và khi đó, ta có thể kéo rời mấy thanh chống này.

Philippa gật gù:

– Chính xác là thế.

Ông Muddy nói:

– Trong trường hợp chúng ta không còn kế hoạch nào khác như hiện tại, việc lợi dụng răng cá piranha để giúp chúng ta thoát khỏi cái cũi này là một giải pháp đặc biệt. Đó là chưa kể đến, khá mỉa mai.

Zadie chế nhạo:

– Cháu thì nghĩ đó là một ý tưởng ngớ ngẩn.

Lờ đi cô bạn djinn, Philippa nói tiếp:

– Câu hỏi duy nhất là, chúng ta sẽ trích máu như thế nào? Có ai có một cái ghim không? Hoặc thứ gì đó sắc sắc một chút?

Ông Groanin châm chọc:

– Ý cháu là, một thứ gì đó ngoài cái lưỡi của quý cô Zadie đây ấy hả?

Zadie cảm thấy quá lạnh và tội lỗi, không còn được tí óc hài hước nào, khinh khỉnh nói:

– Rất là buồn cười đấy.

Nhưng không ai có thứ gì đó nhỏ và sắc.

Zadie phàn nàn:

– Làm sao chúng ta trích máu nếu không có lấy một cây ghim chứ?

Ông Muddy bảo:

– Tôi có ý này. Anh Groanin. Anh làm ơn đâm vào mũi tôi, được chứ?

Ông Groanin nhăn mặt nói:

– Tôi không thể làm thế, bạn già ạ. Tôi nói, tôi không thể đâm vào mũi anh được.

Đẩy mặt về phía ông Groanin, ông Muddy khuyến khích:

– Anh làm được mà. Không sao đâu. Anh chỉ cần đâm tôi một cái. Anh biết cách đâm, đúng không? Chỉ cần khép ngón tay lại làm thành nắm đấm, rồi đâm tôi.

Nhắm mắt lại, ông giục:

– Coi nào, anh Groanin. Đâm vào mũi tôi đi.

Ông Groanin cong tay lại thành nắm đấm và liếc nhìn ông Muddy với ánh mắt không mấy chắc chắn. Ông nói:

– Không được. Tôi không thể đánh một người tay không được. Không phải phong cách người Anh chúng tôi.

– Anh nhất định làm được mà. Cho tôi biết, anh thích đội bóng nào?

– Manchester City. Tại sao?

– À thì, nếu tôi sỉ nhục anh, có lẽ anh sẽ thấy dễ đấm tôi hơn, nhỉ?

Rồi ông Muddy tát nhẹ vào má ông Groanin.

– Như thế có lẽ anh có thể đấm tôi nhỉ, đồ đầu hói Anh tự phụ. Đồ con lừa Anh thùng rỗng kêu to. Đồ ngoại quốc ngu ngốc, xấu xí.

Ông lại tát ông Groanin một cái, lần này mạnh hơn.

– Và nhân tiện nói luôn, Manchester City là một đội bóng tồi tệ. So với Manchester United, đó chỉ là một lũ thua cuộc.

Mặt đỏ lên một ít, ông Groanin nói:

– Kiên trì nói tiếp đi, Muddy. Anh đang nói về một đội bóng vĩ đại đó.

Ông Muddy tiếp tục:

– Manchester City còn không đánh bại nổi một bà già. Ông già, tốt nhất anh nên sớm đấm tôi đi, không thì tôi sẽ đấm anh đấy.

Ông Groanin lắc đầu bảo:

– Vẫn không được.

Và rồi Zadie đấm mạnh vào mũi ông Groanin.

Ép hai ngón tay vào mũi, ông Groanin gất lên:

– Ui da! Cháu làm cái quái gì thế, con dơi ngu ngốc kia?

Philippa hỏi:

– Zadie, sao cậu lại đấm ông Groanin?

– Tại sao hả? Để tiết kiệm thời gian chứ sao. Cứ lẩn nhẩn cái kiểu lịch sự kiểu Anh “Tôi không thể đấm anh, bạn già Muddy” hoài.

Chạm tay vào mũi rồi nhìn đám máu dính trên đó, ông Groanin lau bàu:

– Khi thật, ta nghĩ nó đấm vỡ mũi ta rồi.

Rồi trừng mắt nhìn Zadie, ông nói:

– Không ai trách cháu nếu cháu cư xử lịch sự đâu. Cháu làm mọi người khó chịu ngay từ đầu đấy.

Philippa thở dài:

– Thôi lỡ rồi.

Rồi cô giúp vị quản gia người Anh bắt hạnh trét một ít máu từ mũi của ông lên đoạn lá dừa tết buộc lại phần xà ngang bằng gỗ của cái cũi.

Tác động của nó như sốc điện, như thể ai đó vừa phóng trực tiếp một luồng điện mạnh vào dòng nước cất chứa đàn cá piranha hung hãn. Một giây trước mặt nước gần như không có lấy một gợn sóng, và giây tiếp theo, cứ như thể bản thân dòng nước sống dậy và cắn xé phần dây buộc nhuộm máu.

Philippa nói với ông Groanin:

– Cháu nghĩ bằng đó máu đủ rồi.

– Hiếu rồi, thưa cô.

Rồi ông Groanin bóp mũi lại. Nhưng vẫn còn nhiều máu chảy ra từ lỗ mũi của ông đến mức ông không thể ngăn chúng trượt khỏi ngón tay ông và rớt vào cánh cửa trượt ngăn cách họ với đàn cá piranha. Theo bản năng, ông Groanin quay người lại và đi về đầu bên kia của cái hồ. Nhiều máu nữa rớt xuống nước. Philippa giục:

– Cháu nói đủ máu rồi.

Ông Groanin cắn nhả:

– Ta cũng đâu có muốn như vậy, thưa cô. Chỉ là, nếu con bé kia không đâm ta mạnh như vậy, ta sẽ không đổ máu nhiều đến thế.

Quan sát lớp dây buộc trên cái cũi gỗ, ông Muddy nhận xét:

– Nhưng nó có hiệu quả đấy. Lũ cá đang gặm mớ dây buộc như thể đó là thịt tươi.

Philippa hoan hô. Zadie nhắc nhở:

– Cháu ghét phải xen ngang vào cuộc ăn mừng của mọi người, nhưng chúng không chỉ gặm cái cũi đâu. Nhìn kìa.

Và cô chỉ tay vào cái hàng rào gỗ ngăn cách họ khỏi những con cá piranha đói bụng.

Ông Muddy nhìn theo tay cô, rồi rên rí:

– Cô bé nói đúng đó. Lũ cá cũng đang gặm lớp dây buộc trên cái hàng rào.

Ông Groanin hỏi qua những ngón tay đẫm máu:

– Ý anh là, cái hàng rào ngăn lũ piranha đó khỏi chúng ta ấy à?

– Chính nó. Có quá nhiều máu trong nước. Nó kích thích sự điên loạn của lũ cá.

Philippa thử đưa tay ấn nhẹ vào cái hàng rào và nói:

– Câu hỏi là, cái gì sẽ đứt trước? Lớp dây trên cái cũi hay lớp dây trên cái hàng rào?

Ông Groanin than thở:

– Tuyệt thật. Trở thành thức ăn cho cá, vào cái tuổi của tôi. Đáng lẽ tôi nên biết một chuyện như thế sẽ xảy ra khi đồng ý đến Nam Mỹ.

Cái hàng rào cục cựa trông thật đáng ngại.

Ông Muddy nói:

– Chúng sẽ xuyên qua trong vòng một phút nữa thôi.

Philippa giục:

– Nhanh lên, ông Groanin. Thử kéo rời mấy cái thanh chống lần nữa xem sao.

– Được rồi, thưa cô.

Ông Groanin nắm chặt lấy hai thanh chống bằng gỗ và kéo chúng ra hai bên.

– Chúng rời ra rồi kìa. Nhanh lên, Philippa, lách qua đi.

Nhưng Zadie đã giành đến đó trước cô, leo lên vai ông Groanin mà không có một lời xin lỗi, và lách người qua hai thanh chống. Philippa nhanh chóng đi theo. Hai cô bé djinn đứng dậy và căng mắt nhìn vào mặt nước xáo động.

Cái hàng rào lại cựa mình lần nữa.

Zadie nhận xét:

– Nhìn như thế nó đứt rời đến nơi ấy. Cháu đoán là hai ông còn khoảng sáu mươi giây để lê mông ra khỏi chỗ đó trước khi trở thành lịch sử.

Lại kéo mạnh hai thanh chống, ông Groanin can đảm hét lớn:

– Anh đi đi, Muddy. Đi nhanh đi.

Ông Muddy vội vã bò qua giữa hai thanh chống. Ngay khi đặt chân lên được mặt đất bằng đá, ông quay lại chộp lấy hai thanh chống và giữ chúng tách rời ra để ông Groanin có thể trốn thoát. Nhưng ông không mạnh bằng ông Groanin. Đàn ông bình thường ít ai mạnh bằng ông Groanin.

Zadie nói:

– Nếu cái bụng Anh của ông không béo như vậy, giờ này ông đã thoát rồi.

Ông Groanin lầm bầm:

– Một phút nữa nó sẽ thấy thế nào là mập.

Ông hừ lên khi đưa đầu và vai qua lớp thanh chống. Cái hàng rào rất cuộc cũng đầu hàng. Philippa hét lớn:

– Đẩy đi, ông Groanin, đẩy lên đi.

Với một tiếng hừ lớn, ông Groanin nhấc người ra khỏi mặt nước. Trong một giây, lớp thanh chống dường như buộc chặt quanh eo ông, với một sức mạnh siêu nhiên, ông đẩy chúng xuống rồi nhấc chân khỏi mặt nước, khỏi đàn cá piranha. Tất cả, ngoại trừ một con. Nó đang đớp chặt vào quần, và có vẻ như là cả một phần mông nhỏ của ông Groanin.

– Ui da!

Viên quản gia hét toáng lên khi ông lăn tròn trên mặt đất. Zadie cúi người xuống để nhìn kỹ con piranha hơn khi con cá màu kim loại vặn vẹo như một cái hộp thư trong một cơn gió mạnh ấy cắn chặt hàm trên thứ mà nó hy vọng sẽ là bữa ăn tiếp theo của nó.

Ông Groanin giục:

– Đừng chỉ đứng đó nhìn ta như trong một công viên hải dương như thế. Gỡ cái thứ khốn kiếp đó ra khỏi ta đi chứ.

Zadie đứng thẳng dậy và quay lưng lại như thể cô không quan tâm gì đến sự khó chịu thấy rõ của viên quản gia người Anh. Bước ra cửa hang và nhìn ra ngoài, cô bảo:

– Ông tự mà gỡ nó ra đi.

Trong khi đó, ông Muddy đá đá con cá, nhưng tựa như một con chó bull trong phim hoạt hình, nó vẫn ngoan cố giữ chặt cái mông của ông Groanin.

– Ui da!

Ông hét lên lần nữa khi con piranha liều mạng khóa chặt hàm răng hô của nó.

Philippa gỡ ngọn đuốc đang cháy ra khỏi vách hang và giữ nó bên dưới đuôi con piranha trong giây lát. Ngay lập tức, con cá nhả miệng ra và rớt xuống đất. Thở ra một hơi, ông Groanin xoa xoa cái mông đau đớn của mình và nói:

– Cám ơn cháu.

Ông bực bội nhìn con piranha giờ đây đang nằm trên mặt đất ngoác miệng cắn không khí, rồi đá nó về phía bên kia hang.

– Cái thứ xấu xí, khó chịu!

Zadie xen mồm:

– Cháu dám nói con cá cũng có suy nghĩ tương tự.

Câu nói đó mang đến cho cô một ánh mắt quở trách từ viên quản gia. Ông Groanin lầu bầu:

– Ta phải nói, nghe nhẹ nhõm thật.

Zadie nói tiếp:

– Cháu sẽ chẳng bắt đầu rung chuông mừng gì đâu. Mấy gã thổ dân đang trên đường đến đây. Chắc hẳn họ đã nghe được tiếng la hét của ông.

Ông Groanin trả lời:

– Cháu biết đó, ta chỉ là người thường.

Zadie bảo:

– Đừng nhắc cháu nhớ đến điều đó.

Ông Muddy chạy đến cửa hang và nhìn xuống ngôi làng Xuanaci bên dưới ngọn đồi. Một đám đông chiến binh Xuanaci hiện đang đi ngược lên đồi. Họ mang theo giáo mác và cung tên. Ông nói:

– Cô bé nói đúng đó. Chúng ta phải nhanh chóng nghĩ ra cách gì đó trước khi mấy thổ dân đó leo lên đến đây.

Philippa đang cởi cái bao nhất ông Sicky, ông bị trói chặt tay chân.

– Hình xăm của ông Sicky. Cái hình trên bụng ông ấy. Nó biến bất cứ ai nhìn vào nó thành đá. Giống như nữ thần rắn. Họ sẽ không dám leo lên đây nếu biết có nguy cơ nhìn phải nó.

Vừa nói, cô vừa nới lỏng miếng bịt miệng trên cái miệng nhỏ xíu của ông Sicky. Ông Sicky nói:

– Cám ơn cháu.

Philippa hỏi thăm:

– Ông cảm thấy thế nào, ông Sicky?

– Bệnh.

Ông nói, rồi ngồi dậy và gỡ trói cho hai bàn chân. Zadie chế giễu:

– Hỏi một câu ngu ngốc thật.

– Nhưng ta sẽ khỏe thôi.

Nhảy tap-dance trên mặt đất trông như giẫm phải ổ kiến, Zadie giục:

– Bảo ông ấy bê bụng đến đây đi. Và nhanh lên giùm.

Nhưng chìa cho Philippa xem cái bụng, ông Sicky nói:

– Không xong rồi. Ta không ổn chút nào. Trước khi tống ta vào bao, người Xuanaci đã tự bịt mắt lại và che kín hình xăm của ta với mù cây. Cao su lỏng. Từ cây Hevea. Còn lâu mới gỡ nó ra được.

Philippa bảo:

– Thật là xui xẻo. Vì tụi cháu cần ít nhất một tiếng để nhóm một đống lửa và làm ấm, khi ấm lên tụi cháu mới sử dụng được sức mạnh djinn.

– Tớ ghét phải nói ra một điều quá hiển nhiên, nhưng chúng ta không có một tiếng đâu.

Zadie hét lên, rồi khom người xuống né một mũi tên, rồi đến một mũi giáo bay vụt qua không trung và cắm vào hang.

Ông Sicky hỏi:

– Cô ấy nói đúng đó. Chúng ta nên chạy khỏi đây. Nếu đó là điều cuối cùng chúng ta có thể làm.

Zadie hét toáng:

– Sao mà cháu ước Pizarro cùng cả đội quân của ông ấy ở đây ngay bây giờ! Để dạy cho mấy gã thổ dân kinh khủng này một bài học mà họ không bao giờ có thể quên được.

Cầm cây đuốc lên rồi lùi về phía cuối hang, Philippa la lớn:

– Đây. Hướng này. Có một thứ giống màn che trong phần đá ở đây.

Liếc nhìn vào bên trong kẽ hở, Philippa nhìn thấy cây đuốc đang rọi sáng một cái cầu thang tự nhiên khá dốc nằm khếp kín giữa hai phiến đá lạnh ẩm ướt. Philippa bước vào trong. Những người khác nhanh chóng đi theo. Không còn thời gian để tranh luận lối đi này sẽ dẫn họ đến đâu.

Đến cuối cái cầu thang chật hẹp, Philippa dí ngọn đuốc đang cháy vào vách tường để làm dấu. Cô nói:

– Phòng trường hợp chúng ta cần tìm đường quay lại.

Zadie bảo:

– Tớ không nghĩ chúng ta sẽ muốn quay lại lối này. Trừ khi chúng ta muốn xuất hiện trên thực đơn của mấy gã Xuanaci đó.

Philippa nhắc:

– Chúng ta đâu có biết chính xác họ có ăn thịt người hay không.

Rồi chợt nhớ ra chuyện cô đã hoàn toàn sai lầm về những kẻ săn đầu người, Philippa đưa mắt nhìn ông Sicky và hỏi:

– Có không ông?

Ông Sicky trả lời:

– Không ăn thịt người trực tiếp như vậy. Người Xuanaci thích ăn sống những con cá piranha vừa mới xơi thịt người xong. Đó là lý do tại sao chúng

ta bị nhốt trong cái hồ đó. Cá piranha vừa mới no thịt người là một món cao lương mỹ vị của tộc Xuanaci.

Điều này làm tất cả mọi người bước nhanh hơn, mặc dù không có dấu hiệu nào cho thấy họ đang bị truy đuổi.

Lo lắng liếc nhìn xung quanh, ông Groanin hỏi:

– Tại sao họ không đuổi theo chúng ta?

Bên trong cái ba lô nhỏ viên quản gia đang mang theo là cái hộp đựng sọ của Pizarro, ông đã chộp lấy trước khi rời khỏi hang, để phòng bị cậu Nimrod – nếu ông có thể gặp lại cậu lần nữa – trách móc nếu làm mất nó lần thứ hai.

Bước sâu hơn xuống phần đáy bí mật của cái hang và làm thêm một dấu cháy rụi nữa ở trên vách tường, Philippa trả lời:

– Vì chúng ta cầm cây đuốc duy nhất. Chắc hẳn họ sẽ đuổi theo chúng ta ngay khi tìm được những thứ có thể soi đường khác.

Con đường uốn lượn này cuối cùng dẫn họ đến một con dốc ngược dẫn xuống một hang động rộng lớn, từ trên trần nhà rủ xuống những chụp đèn của tự nhiên làm từ nhũ đá. Rời khỏi cái động này, họ đi đến một hang động khác với đầy măng đá nhô lên khỏi mặt đất như vô số thân cây bằng đá. Và sau đó, ở một tầng sâu hơn, là một hang động khổng lồ, tại nơi này, các nhũ đá và măng đá gặp nhau tạo thành những cây cột lấp lánh tuyệt vời, nơi tất cả mọi thứ hoặc là một bóng tối chập chờn hoặc là một vùng tối đen. Ánh sáng từ ngọn đuốc của Philippa dường như không đủ sáng để thực hiện nhiệm vụ xua đuổi bóng tối âm trầm như trong một ngôi mộ ở đây. Và giờ đây, lần đầu tiên sau khi trạng thái kích động vì trốn chạy của họ đã qua đi, sự im lặng của những hang động ngầm sâu thẳm này đặt một bàn tay lạnh giá lên linh hồn họ. Không ai không nhận ra ánh sáng từ ngọn đuốc đang yếu dần, và chẳng bao lâu nữa họ sẽ chìm trong bóng tối.

– Cháu có phần hy vọng chúng ta có thể tìm được thứ gì đó đốt được dưới này.

Philippa nói khi họ leo xuống một con dốc khác. Cô nhún ngón tay xuống một hồ nước lạnh như đá và cẩn thận ném thứ.

Zadie bảo:

– Trời ạ, hầu hết các loại cây đốt được không mọc dưới mặt đất. Ngay cả một kẻ ngốc cũng biết chuyện đó. Và không có gì để đốt đồng nghĩa với việc chúng ta không có hy vọng sưởi ấm.

Philippa thú nhận:

– Cái mà tớ nghĩ đến là các loại khoáng thể. Như dầu thô, khí lưu huỳnh hoặc than đá.

Ông Groanin ném cho Zadie một nụ cười mỉa:

– Thấy chưa? Philippa biết rõ cháu nó đang làm gì.

Zadie nói:

– Trừ khi tìm được một quặng mỏ nào đó, chúng ta nên quay lại và thử cơ hội với thổ dân Xuanaci. Một phần trăm cơ hội với họ còn tốt hơn không có lấy một tia cơ hội với việc mò mẫm trong bóng tối.

Cầm lấy cây đuốc từ tay Philippa, ông Sicky quấn cái bao tải mà ông đã bị nhốt bên trong trước đó quanh ngọn lửa. Ông gợi ý:

– Chúng ta có thể đốt quần áo của chúng ta lấy một lúc. Chúng ta có thể làm như vậy.

Zadie cắn nhần:

– Và còn bị lạnh hơn bây giờ hả? Cháu không nghĩ vậy đâu. Cháu sẽ trả mọi giá nếu được tắm nước nóng bây giờ.

Philippa nói:

– Chờ chút. Tắm nóng à? Đúng. Chính là nó. Có lẽ chúng ta còn có thể làm được một việc. Lúc còn ở nhà ông Vodyannoy, khi John bị con báo tấn công trong khu sảnh của những cái bóng, anh ấy đã thò tay vào lửa và kéo ra một khúc gỗ cháy.

Khi Zadie không phản ứng gì khác với lời cô nói ngoài một cái nhún vai, Philippa lắc đầu nói tiếp:

– Cậu không nhận ra chuyện gì sao? Anh ấy không bị cháy. Có lẽ là, nếu chúng ta cùng nhau thò tay vào ngọn lửa của cây đuốc này, chúng ta có thể hồi phục lại một ít sức mạnh djinn cũng nên.

Zadie hỏi:

– Cậu từng làm một chuyện tương tự như thế rồi hả?

Philippa thú nhận:

– Chưa hề.

– Vậy thì, tớ nghĩ nó nghe có vẻ không mấy thực tế.

– Tại sao? Djinn chúng ta làm từ lửa mà. Tất cả mọi người đều biết điều đó.

Rồi nhún vai, Philippa nói:

– Và điều tồi tệ nhất có thể xảy ra là gì chứ? Chúng ta bị bỏng tay, vậy thôi.

Từ đâu đó nơi xa, họ nghe thấy một tiếng la vang vọng qua các hang động. Người Xuanaci đang lần theo dấu họ.

Lột cái áo sơ mi ra và quấn nó quanh ngọn đuốc bốc cháy, ông Muddy nói:

– Tốt nhất chúng ta nên nhanh lên.

Zadie phản nản:

– Nhìn này, tại sao cậu lại cần tớ làm việc đó cùng với cậu? Sao cậu không tự làm một mình đi?

Philippa gật đầu:

– Thôi được, tớ sẽ làm một mình.

Rồi ngồi xuống bề mặt đá lạnh bằng phẳng của hang động, Philippa xoắn tay áo lên và bẻ đốt ngón tay, như một ảo thuật gia đang chuẩn bị trình diễn một màn ảo thuật nào đó.

Ngồi xổm xuống trước mặt cô và giơ cây đuốc ra, ông Sicky hỏi:

– Cháu chắc chắn về việc mình đang làm chứ? Ngọn lửa này cháy nhỏ nhưng nóng lắm đó.

Và nhìn gần nó, Philippa buộc phải đồng ý với ông Sicky ít nhất một điều. Ngọn lửa có vẻ sẽ không cháy đủ lâu cho dự định trong đầu cô.

Một cái áo sơ mi chẳng cháy được bao lâu. Họ sẽ phải đốt một thứ khác. Một thứ gì đó cháy lâu hơn và cho lửa nhiều hơn. Nhưng cái gì mới được?

Đoán được lý do đằng sau sự lưỡng lự của Philippa, ông Groanin lên tiếng:

– Đây. Sao không đốt cái này?

Nói rồi ông đặt cái hộp gỗ cỡ mà ông xách theo trong ba lô xuống giữa hai người bọn họ trước khi mở nó ra và di dời cái sọ của kẻ xâm lược Nam Mỹ nổi tiếng, Francisco Pizarro.

Zadie khen:

– Ý kiến hay đó.

Philippa cân nhắc ý kiến đó trong giây lát. Có một điều gì đó về cái hộp gỗ này khiến cô lưỡng lự. Cô nói:

– Cháu không biết.

Zadie bảo cô:

– Đó chỉ là một cái hộp cũ mèm thôi mà. Nó có thể gây nguy hiểm gì chứ?

Philippa nói với ông Sicky:

– Thôi được. Ông đốt nó đi.

Ông Sicky đốt cái áo vét của mình trước, rồi đặt cái hộp lên trên mớ vải đang phần phật cháy.

Trong một giây, cái hộp tỏa khói một cách kỳ lạ và bắt đầu bốc cháy với một ngọn lửa xanh nho nhỏ. Philippa vừa định hít sâu một hơi để tập trung tinh thần nhưng bị ngăn lại khi mùi lưu huỳnh nồng nặc – giống như mùi hôi mớ hồ của trứng thối – tràn ngập bầu không khí bên trong hang động. Cô vẫy vẫy tay trước mũi.

Ông Groanin nói:

– Cái hộp gỗ này được dát sơn thủy ngân. Ta cá đó là thứ chúng ta đang nghĩ được.

Philippa gật đầu và giơ một tay lên trên ngọn lửa xanh đang dần phình to. Ông Muddy xuýt xoa:

– Ồi.

Ông Groanin nhắc:

– Đừng lên tiếng. Cháu nó cần tập trung. Tôi nói, cháu nó cần tập trung tinh thần mà.

Philippa lặng lẽ gật đầu cảm ơn và tiếp tục giữ bàn tay nhỏ bé của cô phía trên ngọn lửa. Nhìn vào nó, nó vẫn như cũ. Tay cô không đổi màu hay sạm đen như tay người thường nếu làm vậy. Và cảm giác mà cô đang trải nghiệm cũng không phải một cảm giác khó chịu. Cô không cảm thấy gì ngoài việc những phân tử trong tay cô bắt đầu rì rầm, như thể cô đang cầm một sợi dây đồng đang dẫn điện. Nhưng cảm giác đó vẫn không đủ, vì thế, cô chắp hai tay lại với nhau như thể đang gội rửa chúng trong ngọn lửa xanh hăng hăng, với hy vọng việc đốt nóng cả hai tay cùng một lúc sẽ giúp cô đạt được kết quả mong ước.

Nhắm mắt lại, cô tưởng tượng trong đầu hình ảnh hơi nóng giờ đây đang xuyên suốt trong cơ thể cô và dòng máu ấm áp hơn đang tăng tốc trong từng mạch máu, rồi cô cầu nguyện rằng hơi nóng có thể đánh thức một thứ gì đó nằm sâu bên trong bản thể siêu nhiên của cô. Nhưng nó vẫn không đủ. Sức mạnh djinn vẫn lẩn tránh cô.

Philippa lẩm bẩm:

– Chưa được. Nhanh lên, Zadie, đưa cho tớ tay cậu để làm một djinn chú. Tớ cần gắn sức mạnh của cậu vào tớ. Ngay lập tức.

– Ờ, nhưng mà chúng ta sẽ ước cái gì cơ?

– Cách thoát khỏi đây, dĩ nhiên.

Lần đầu tiên Zadie làm theo yêu cầu của người khác mà không phàn nàn gì. Và nắm chặt tay nhau trong ngọn lửa xanh lục, hai djinn trẻ chờ đợi cảm giác sức mạnh djinn một lần nữa nhen nhúm ở sâu trong người họ.

Nhưng thay vì Zadie gắn sức mạnh của mình vào Philippa, Philippa lại là người cảm thấy sức mạnh của chính cô chuyển qua cho Zadie. Và gần như ngay lập tức, một điều ước được thực hiện. Zadie bất thành linh bỏ tay của

Philippa ra và đứng bật dậy với một tiếng hét lớn khi nhận ra sức mạnh djinn đã quay lại và biến mất chỉ trong tích tắc. Cô rên rỉ:

– Không! Không phải điều đó. Tớ không có ý như thế.

Cùng lúc đó, Philippa cảm thấy được một tí sức mạnh lấp lóe trong người và cô vội vã ước có một cây đèn pin. Gần như ngay lập tức, một cây đèn pin xuất hiện tại chỗ. Đó không hẳn là một điều ước. Và đó cũng không hẳn là một cây đèn pin. Nhưng đó là tất cả những gì Philippa có thể làm được với một chút xíu sức mạnh mà Zadie để lại cho cô. Một việc khác – một điều ước rõ ràng hơn, mạnh mẽ hơn – đã được ưu tiên thực hiện và rút cạn tất cả sức mạnh djinn mà cô và Zadie đã tập hợp được trong cái nóng của ngọn lửa xanh giờ đây đã dần lụi tàn.

Philippa hỏi:

– Chuyện gì xảy ra vậy?

Zadie đau khổ nói:

– Sức mạnh đã chạy ra khỏi tớ trước khi tớ kịp ngăn lại.

– Ừ, nhưng chuyện gì đã xảy ra?

Lắc đầu nguây nguây, Zadie vẫn khăng khăng:

– Không phải lỗi của tớ. Chắc hẳn tớ đã ước một điều gì đó lúc trước.

Đơn giản chỉ là một trường hợp thực hiện điều ước sớm trước đó mà thôi.

Philippa hỏi:

– Nhưng cậu đã ước gì mới được?

Zadie nói:

– Tớ không biết. Tớ quên mất rồi.

Ông Groanin thốt lên:

– Chú Sam ơi là chú Sam.

Ông chỉ tay về phía cái hộp. Ngọn lửa đã tắt ngúm, và có vẻ như họ không có mấy hy vọng nhen lại nó.

Philippa thông báo:

– Một điều gì đó đã xảy ra. Cháu đã cảm thấy sức mạnh trào lên. Một điều ước đã được thực hiện. Một điều ước rất lớn.

Lo lắng chỉ tay về phía sau lưng họ, ông Sicky nói:

– Ủm, tôi nghĩ tôi biết cô ấy ước gì rồi.

Cái sọ của Pizarro không còn là một cái sọ bình thường nữa. Nó đã trở thành một thứ có sức tồn tại mạnh hơn nhiều so với những cái xương vàng xỉn và những cái răng trắng ngà.

Nó đã trở thành một người đàn ông da ngả vàng cao lớn, gân guốc khoảng chừng sáu mươi tuổi, với gương mặt hốc hác và một hàm râu xám mỏng dính. Ông mang một cái mũ sắt kiểu cổ và một miếng giáp che ngực nhìn có phần xơ xác, nhưng lưỡi kiếm của ông nhìn vẫn đủ sắc nhọn. Kết quả không ngờ đến vốn đã là quá tệ, nhưng ngay trước mắt họ, lại có thêm những người lính Tây Ban Nha cùng vài tá ngựa bắt đầu xuất hiện bên trong hang động ngầm.

Philippa quan sát:

– Nhìn cứ như thể một đội quân đang được tập hợp ấy.

Ông Groanin thốt lên:

– Khi thật, chính là nó. Giờ ta đã nhớ ra con dơi ngớ ngẩn đó đã ước gì. Đó là khi chúng ta còn ở trong hang và bị mấy tay Xuanaci ném lao vào người. Ta đã nghe Zadie ước Pizarro và cả đội quân của ông ấy có thể ở đây để dạy cho người Xuanaci một bài học mà họ không bao giờ có thể quên được. Và họ giờ đã có mặt cả ở đây.



Chương 12

Huýt sáo một cái nào

Quay lại khu trại vắng tanh, John đưa cho cậu Nimrod bức thư của Virgil McCreeby mà cậu đã lấy từ con dơi Zotz hiện vẫn đang bám chặt vào ba lô của Zadie.

Cậu Nimrod đọc bức thư một lần, rồi đọc lại lần nữa. Sau đó cậu đọc lớn:

ZADIE.

CHÚNG TÔI ĐÁNH GIÁ CAO CON RẾT, BẦY MUỖI CÙNG CON RẪN QUÁI VẬT CỦA CÔ, VÀ CHẮC CHẴN CHÚNG SẼ GIÚP LÀM ĐÁM NIMROD CHẬM LẠI.

DĨ NHIÊN, HẮN HOẶC GÃ VODYANNOY THẾ NÀO CŨNG ĐÁNH BẠI BẤT CỨ TRỞ NGẠI NÀO MÀ CÔ DÀNH CHO CHÚNG. XÉT ĐẾN CÙNG, CHÚNG CŨNG LÀ NHỮNG DJINN QUYỀN PHÉP.

NHƯNG SỰ HỖN LOẠN TẠO RA BỞI SỨC MẠNH CỦA CÔ SẼ ĐỦ ĐỂ CÔ LẤY ĐƯỢC TẤM BẢN ĐỒ TỪ TAY GÃ VODYANNOY.

TÔI RẤT NHẸ NHỜM KHI NGHE CÔ ĐÃ MANG THEO ĐƯỢC NHỮNG HẠT LỆ MẶT TRỜI. NÊN NHỚ RẰNG CẢ CHÚNG VÀ TẤM BẢN ĐỒ ĐỀU CẦN THIẾT CHO MỤC ĐÍCH CUỐI CÙNG CỦA CHÚNG TA.

VIRGIL MCCREEBY.

John nói:

– Cậu thấy chưa? Cháu đã bảo rồi mà.

Cậu Nimrod đồng ý:

– Ừ. Thật đáng thất vọng.

John nhún vai bảo:

– Thất vọng thôi á? Cháu sẽ gọi đó là một cách nói giảm bớt. Dù sao thì, chuyện này cũng đã giải thích được lý do tại sao con bé đó nằng nặc muốn tham gia vào chuyến thám hiểm lần này của chúng ta. Ngay từ đầu, nó đã làm việc cho Virgil McCreeby.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Có vẻ là vậy. Cậu nghĩ chúng ta nên kiểm tra xem tấm bản đồ còn có ở đây không.

Virgil McCreeby là một thầy pháp bất lương, vô đạo đức người Anh, John và cậu Nimrod trước đây đã từng gặp mặt. Gã đồng thời còn là cha ruột của Finlay McCreeby, đứa con trai không được gã yêu mến, trong khi John lại xem cậu như một trong những người bạn mundane thân nhất của mình.

Kiểm tra cái ba lô của ông Vodyannoy, John thông báo:

– Nó biến mất rồi.

Cậu Nimrod nói:

– Hãy hy vọng anh Frank mang nó theo bên người. Tuy nhiên, cậu sợ là đã có điều tồi tệ xảy ra.

Cậu Nimrod bỏ bức thư của McCreeby vào trong túi áo trước khi xem xét ba bức tượng đá, đặc biệt là phần chân của chúng.

Cuối cùng cậu thông báo:

– Cậu e những bức tượng này là của chiến binh tộc Xuanaci. Mỗi người bọn họ đều có một vết sẹo hình chữ X trên gót chân. Anh Sicky đã kể với cậu rằng đó là một dấu hiệu đặc trưng của bộ tộc Xuanaci. Họ đã làm dấu hiệu này để không bị lẫn lộn với dấu chân của những người mà họ đang truy đuổi.

John nói:

– Vậy thì chúng ta phải tính gấp một kế hoạch giải cứu.

Cậu Nimrod không nói gì.

– Họ là bộ tộc săn đầu người đấy. Chúng ta phải đuổi theo họ thôi.

Cậu Nimrod khuyên:

– Giờ nào việc nấy. Trước hết, chúng ta phải xác nhận được lý do tại sao ba djinn kia không tự bảo vệ được chính mình.

Chỉ vào con Hector, John nói:

– Dễ hiểu mà cậu. Con chó của ông Muddy đã gặm thủng mấy cái lều, khiến chúng bị dột nước trong trận mưa nặng hạt tối hôm qua. Tất cả mọi người đều bị ướt và có lẽ đã bị lạnh đến nỗi không sử dụng được sức mạnh djinn khi thổ dân Xuanaci xuất hiện.

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Dù lập luận đó có thể là sự thật với những djinn chưa trưởng thành như Philippa hay Zadie, nó vẫn không giải thích được lý do tại sao một người ở độ tuổi đầy kinh nghiệm như anh Vodyannoy lại không thể bảo vệ mọi người khỏi một cuộc tấn công. Phải lạnh cóng thật sự thì sức mạnh djinn mới từ bỏ anh ấy được.

John hỏi:

– Đúng vậy. Thế thì, chuyện gì đã xảy ra cho ông Vodyannoy?

Cậu Nimrod trả lời:

– Theo như cậu thấy, có ba khả năng ở đây. Anh ấy đã bỏ rơi những người khác. Anh ấy đã bị ai đó sát hại. Hoặc anh ấy đã bị ai đó vô hiệu hóa. Vì cậu biết rõ anh Vodyannoy là một djinn khá dũng cảm và có trách nhiệm, cậu sẽ loại bỏ khả năng đầu tiên. Vậy là chúng ta còn hai khả năng. Tuy nhiên, nếu anh ấy đã chết ở đây, người Xuanaci chắc hẳn sẽ cắt đầu anh ấy làm vật lưu niệm, và chúng ta dĩ nhiên sẽ tìm thấy phần thân xác còn lại của anh ấy. Điều đó có nghĩa chúng ta chỉ còn một khả năng duy nhất. Khả năng anh Vodyannoy đã bị con bé Zadie vô hiệu hóa bằng một cách nào đó. Có lẽ là để con bé có thể lấy cặp tấm bản đồ từ tay anh ấy.

Cậu Nimrod và John đảo mắt nhìn quanh cái lều của ông Vodyannoy. John gợi ý:

– Có lẽ nó đã đặt một chú trói buộc djinn lên ông V khi ông ấy đang ngủ.

Nhưng cậu Nimrod lại yên lặng nói:

– Cậu sợ rằng thứ mà con bé đặt lên anh ấy không phải là một chú trói buộc, John ạ. QWERTYUIOP!

Một cái găng tay cao su mỏng xuất hiện trên tay vị djinn lớn ngay khi ông cúi người xuống và cầm lên một vật thể nhỏ màu vàng mà ông đã phát hiện bên dưới cái giường đã chiến của ông Vodyannoy.

– Cậu nghi ngờ là Zadie đã đặt cái này lên người anh Vodyannoy. Một con ếch phi tiêu cực độc. Một trong những sinh vật nguy hiểm nhất của Nam Mỹ. Bất cứ mundane nào cũng sẽ chết ngay lập tức nếu bị con vật nhỏ bé này chạm vào da. Và dù nó không giết được một djinn mạnh mẽ như anh Vodyannoy, cậu nghĩ nó vẫn làm anh ấy đổ bệnh nặng thật sự nếu bị đặt lên đầu hoặc ngực.

Nói rồi cậu Nimrod đặt con ếch xuống mặt đất lại và cẩn thận gỡ bỏ cái găng tay. John thừa nhận:

– Sự thật là, cháu không thích con bé Zadie đó lắm. Đặc biệt là bây giờ, với vụ bức thư của McCreeby. Nhưng cháu thật không tin nổi nó có thể làm một chuyện độc ác như vậy. Ý cháu là, nó đến từ một gia đình đàng hoàng mà. Từ một tộc djinn Thiện nữa chứ.

Cậu Nimrod bảo:

– Điều cháu nói hoàn toàn là sự thật. Nhưng nếu Zadie quả thật là người chịu trách nhiệm cho tất cả những việc này, cậu chắc chắn chúng ta sẽ khám phá ra con bé hành động dưới ảnh hưởng của McCreeby. Không ai có thể phủ nhận việc McCreeby là một thầy pháp tài giỏi, và cũng là một nhà thôi miên có năng lực. Hãy hỏi anh Vodyannoy. Cậu chắc chắn anh ấy có thể nói cho chúng ta biết điều chúng ta muốn biết.

Liếc nhìn xung quanh, John hỏi:

– Ý cậu là ông ấy ở đây? Cháu cứ nghĩ ông ấy đã bị bắt như những người khác rồi chứ.

– Cậu không nghĩ vậy.

Lục lợi ba lô của ông Vodyannoy, cậu Nimrod rút ra một cái chai Fabergé đen với những họa tiết chạm khắc bằng vàng ròng.

– Cậu nghĩ là anh ấy đang ở trong này. Đền ơi, đó là nơi cậu sẽ trốn nếu bị một con ếch độc bò lên người. Cháu sẽ không thấy cậu bên ngoài dù chỉ một ngum khói. Trên thực tế, đó là cách sống sót duy nhất của anh ấy khi đụng phải một mối nguy hiểm như thế này.

Cậu Nimrod biến vào trong cây đèn để tìm ông Vodyannoy, để John lại một mình bên ngoài. Lại nghe người khác buộc tội về mấy cái lều hư hại, con Hector đã lẫn vào bụi cây gần đó. Tự hỏi nên làm gì bây giờ, John bắt đầu lục lợi ba lô của Zadie với hy vọng cậu có thể tìm được những bức thư khác của McCreeby, từ đó khám phá ra vài đầu mối cho lý do tại sao cô lại phản bội bạn bè và những người cũng là djinn như cô.

Vì John vốn không ưa Zadie nên cậu khó chấp nhận ý kiến cô thật sự có thể bị thôi miên.

Trong khi cậu đang lục lợi đồ của Zadie, bầu không khí yên lặng ban sơ bị phá vỡ bởi một tiếng huýt sáo điêu luyện. Ai đó đang huýt sáo một giai điệu ngân nga vô tư lự, một âm thanh ám ảnh, mê li, đầy cảm hứng lơ lửng trên khoảng rừng thưa như một phép màu xinh đẹp của mùa hè mộng ảo.

John đứng dậy và đóng tai lên nghe. Cậu vẫn luôn ao ước có thể huýt sáo được như thế này đến mức nào! Chắc chắn đây không phải một giai điệu mà thổ dân Nam Mỹ có thể biết đến. Và hiển nhiên nó không thể là tiếng chim hót. Một con chim ở thiên đàng cũng không thể thuần thục biểu diễn một giai điệu như thế này, một giai điệu có ít nhất chín nốt được huýt sáo một cách hoàn hảo với cả tiếng ve. Vì vậy, đó có thể là ai nhỉ? Ông Sicky? Ông Muddy? Hoặc có lẽ là Zadie?

Dù bất đắc dĩ không muốn phá vỡ phép màu của giai điệu quyến rũ đó, nhưng cuối cùng John phải lên tiếng gọi:

– Xin chào? Ai ở đó đó?

Tiếng huýt sáo mê hoặc ngừng lại.

Nhặt con dao phát cỏ của ông Sicky lên, John chặt ngang các bụi cây và tiến vào trong rừng. Cậu lớn tiếng gọi lại:

– Xin chào? Ai ở đó đó? Xuất hiện đi.

Đi quanh vòng ngoài của khu trại, John quay lại điểm xuất phát đầu tiên và dỏng tai lên cố gắng lắng nghe, hy vọng sẽ bắt được tiếng huýt sáo lần nữa. Tất cả những gì cậu nghe được là tiếng líu lo không có giai điệu nào của lũ chim, tiếng cười như linh cầu của lũ khi, tiếng kẻo kẹt như một sợi dây thừng sờn cũ của lũ ếch, và tiếng vo vo như hàng tá món đồ chơi lên dây cót nhỏ bé của lũ côn trùng. Cậu cũng định dùng sức mạnh djinn, chỉ có điều cậu lại không nghĩ ra được phải ước cái gì để có thể giúp cậu xác định nguồn gốc của tiếng huýt sáo. Như ông Rakshasas vẫn thích nói: “Hiển nhiên là, biết được phải ước gì là một nửa vấn đề.”

Có khi nào cậu chỉ tưởng tượng ra nó không? Cậu đang bắt đầu nhận ra rằng rừng mưa nhiệt đới thật sự là một nơi kỳ lạ như thế nào, rằng trí óc của bạn có thể đánh lừa bạn như thế nào: củi vụn hóa thành côn trùng, lá cây hóa thành bò sát, và khúc gỗ hóa thành cá sấu. John thậm chí còn nghe nói đến một loại cá tên là *corvina* thường ngoi lên mặt nước để ăn trái cây và kêu chiêm chiếp. Cậu lại dỏng tai nghe lần nữa. Có thể đó rốt cuộc chỉ là tiếng chim. Một vài loài chim có vẻ ngoài khá kỳ lạ. Khó có thể tưởng tượng chúng cũng có tiếng kêu kỳ lạ sao? Dù hiện tại đang là ban ngày, John vẫn cảm thấy hơi rùng mình bởi âm thanh mà cậu đã nghe thấy. Và cảm thấy rất cô đơn. John lắc đầu và quay lại với việc lục lọi ba lô của Zadie.

Cậu không tìm được thêm bức thư nào từ McCreeby, mà chỉ có một cuốn sổ tay nhỏ bằng giấy pơ-luya màu hoàng yến mà chắc hẳn cô đã dùng để viết thư gửi lại, cùng với một thứ gì đó ở ngay dưới đáy ba lô khiến lòng tò mò của John bị gợi lên.

Được cất kỹ trong một hũ thịt đông bằng thủy tinh và có đường kính chỉ nhỏ hơn nắp hũ một chút là ba cái đĩa vàng. Mở nắp hũ, John quỳ xuống và trút mấy cái đĩa ra đất trước khi nhặt một cái lên. Nó dày hơn một đồng hai mươi lăm xu – dày cỡ hai hoặc ba đồng hai mươi lăm xu gộp lại – và nặng.

Rất nặng. Cậu sững người nhìn chúng suốt một lúc, tự hỏi chúng là gì. Chúng không phải đồng tiền xu, mề đay hay huân chương. Mỗi mặt của chúng có hình những khuôn mặt thổ dân Ấn – một trong số đó nhìn có vẻ rất dữ tợn. Cậu đoán họ có lẽ là người Inca, nhưng không dám chắc.

Quay lại từ chuyến viếng thăm bên trong cây đèn của ông Vodyannoy, cậu Nimrod hỏi:

– Tìm thấy gì à?

Đưa cho cậu Nimrod cuốn sổ và ba cái đĩa vàng, John cho biết:

– Chúng ở bên trong ba lô của Zadie.

Xem xét một cái đĩa trên tay, cậu Nimrod nói:

– Thú vị thật. Cậu chưa bao giờ gặp được loại vàng nào nặng như thế này.

Dùng ngón tay lật qua mặt bên kia của cái đĩa, cậu nói tiếp:

– Tử thần Supay của người Inca ở một mặt, và thần mặt trời Inti ở mặt còn lại. Một chuyện bất thường.

John thắc mắc:

– Bất thường thế nào ạ?

– Có mặt trời và cái chết trên cùng một đồ vật.

John gợi ý:

– Ở thì, mặt trời mang lại sự sống, không phải sao? Cho nên, sự sống và cái chết. Chẳng phải chúng chỉ là hai mặt đối lập của cùng một đồng xu hay sao?

Cậu Nimrod nói:

– Cháu nói có lý. Nhưng nhìn xem, một cái đĩa khớp với cái đĩa kia, và cả hai cái khớp với cái đĩa thứ ba. Gần như thể chúng được dùng để thể hiện mặt trời và cái chết chỉ là một. Đó là điều bất thường. Cậu nghĩ mấy cái này chắc hẳn là những hạt lệ mặt trời mà McCreeby nhắc đến trong thư. Trên thực tế, người Inca gọi vàng là mồ hôi của mặt trời.

John nhận xét:

– Cháu đoán là giờ đây chúng ta đã biết được danh tính thật của tên trộm bảo tàng Peabody ở New Heaven.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Dĩ nhiên rồi. Có ba cái đĩa vàng bị lấy cắp, đúng không? Cậu quên mất tiêu chuyện đó.

– Hóa ra Manco Capac không phải là người trộm chúng.

Cậu Nimrod nói:

– Cậu nghĩ tất cả những gì ông ấy muốn là lấy lại xác ướp của ông ấy. Ủ, cháu hoàn toàn đúng đó, John. Zadie nhất định là người đã trộm chúng.

Gật đầu về phía cái chai đen của ông Vodyannoy, cậu nói tiếp:

– Cũng như, chính Zadie là người đã cố giết anh Vodyannoy. Anh ấy vừa cho cậu biết anh ấy đã thức dậy và nhìn thấy con bé đứng trong lều. Nó nói nó bị mộng du. Anh Vodyannoy đã bảo nó quay về lều của mình và không nghĩ ngợi thêm gì về việc đó. Nhưng bây giờ, anh ấy chắc chắn rằng nó có mang găng tay khi đó. Và chắc chắn nó là người đã bỏ con ếch lên giường anh ấy.

John lo lắng hỏi:

– Ông ấy sao rồi cậu?

– Thật sự rất yếu.

– Chúng ta nên mang ông ấy đến bệnh viện chứ cậu?

– Và họ có thể làm gì chứ? Bệnh viện chỉ dành cho con người, John à. Không phải cho djinn. Không, chỉ cần được ấm áp và nghỉ ngơi đầy đủ, anh ấy sẽ hồi phục lại thôi. Sẽ khỏe thôi. Khi một djinn bị bệnh như vậy, họ có thể tự làm tất cả cho bản thân mình. Anh Vodyannoy sẽ phải ở yên trong cây đèn của anh ấy trong một thời gian dài, cho đến khi sức sống của anh ấy được nhen nhúm lại. Có thể phải chờ đến vài tuần. Cậu e rằng, anh ấy không thể tiếp tục chuyến thám hiểm này nữa.

– Ông V có giữ bản đồ không cậu?

– Không. Cậu e là không.

– Vậy thì nhất định Zadie đang giữ nó.

– Cậu sợ là vậy. Nhưng cậu cũng hoàn toàn cho rằng con bé đang bị thôi miên. Cậu không thể nào tin được còn có lý do khác cho việc nó cố giết anh Vodyannoy. Về vấn đề đó, cả anh Vodyannoy cũng không tin.

John hỏi:

– Vậy giờ chúng ta phải làm gì? Không có bản đồ, làm sao chúng ta tìm được đường đến Mắt Rừng đây?

Gõ nhẹ trán, cậu Nimrod nói:

– May mắn là, cậu đã ghi nhớ nó trong đầu đây này.

– Hay quá.

Cậu Nimrod hỏi:

– Cái ống đựng thư trên chân con dơi ấy, cháu còn giữ nó không?

– Dĩ nhiên còn.

John lấy nó ra khỏi cái ba lô và đưa cho cậu Nimrod.

– Tuyệt vời.

Cậu Nimrod mở cuốn sổ tay bằng giấy pơ-luya, lấy ra một cây bút, và bắt đầu viết.

– Chúng ta sẽ gửi thư của chính chúng ta cho McCreeby. Như thế nó được viết bởi con bé đồng bọn của gã. Cậu nghĩ cậu có đủ sức bắt chước chữ viết tay của Zadie. Con bé hay viết chữ hoa, đúng không?

– Vâng ạ. Với vòng tròn làm dấu chấm và rất nhiều vòng xoắn trang trí màu mè.

Cậu Nimrod cho biết:

– Loại chữ viết đó thường biểu thị cho sự thiếu tự tin. Hoặc có thể là một sự tự phụ trẻ con. Nó gần tẻ như việc quên viết hoa. Tuy một số hệ thống chữ cái không có chữ viết hoa, dĩ nhiên. Ví dụ như tiếng Do Thái.

– Thịnh thoảng Zadie vẽ trái tim thay vì vòng tròn. Giống như nó đang yêu ấy.

Cậu Nimrod trầm ngâm bảo:

– Vậy à? Có lẽ đây là một dấu hiệu khác cho thấy con bé đang bị thôi miên.

– Cậu định nói gì với gã? Với McCreeby ấy?

– Chỉ là, tất cả chúng ta đều đã chết, ngoại trừ Zadie. Điều này sẽ khiến gã trở nên tự tin quá mức. Và bảo gã nói cho Zadie biết chính xác gã đang ở đâu để con bé biết đường đến tìm.

John nhe răng cười và, trong khi cậu Nimrod viết thư, cậu cố không nghĩ đến việc em gái cậu cùng ông Groanin, ông Sicky và ông Muddy – và nhiều khả năng là cả Zadie – đang nằm trong tay thổ dân Xuanaci. Để lên tinh thần, cậu bắt đầu huýt sáo, giai điệu giống giai điệu quyến rũ mà cậu đã nghe được vài phút trước.

Vẫn tiếp tục viết thư, cậu Nimrod lên tiếng với sự không hài lòng trong giọng nói:

– Cậu bạn đồng hành yêu dấu, anh Sicky không nói gì với cháu sao? Cháu không bao giờ, không bao giờ được huýt sáo trong một khu rừng mưa. Tương truyền rằng nếu cháu bắt chước huýt sáo theo giai điệu của *el Tunchi*, hẳn sẽ xuất hiện và đùa giỡn với cháu theo cách kinh khủng nhất cháu có thể tưởng tượng.

John nuốt nước bọt:

– *El Tunchi* là ai? Hay là cái gì?

– Một linh hồn gác rừng. Một linh hồn tinh quái. Như một yêu tinh, kiểu kiểu thế. Chỉ có điều, xấu xa hơn rất, rất nhiều. Hoặc ít nhất cậu nghe nói vậy. Cẩn thận vẫn hơn, John ạ. Được không?

Cậu Nimrod ngược mặt nhìn lên.

– John?

Nhưng John đã biến mất.



Chương 13

Sự trở về của Kẻ xâm lăng

Ông Groanin đứng khi nói Francisco Pizarro đã sống lại cùng toàn bộ đội quân của ông. Vì điều ước bất cần của Zadie, cái hang động ngầm nơi Philippa, ông Groanin, Zadie, ông Sicky và ông Muddy lánh nạn sau khi trốn thoát khỏi người Xuanaci giờ đây đã trở nên đông nghịt với một trăm sáu mươi tám binh lính có vũ trang, sáu mươi hai con ngựa, cùng vài vị cha xứ của nhà thờ Công giáo. Đó chính là số lượng người và ngựa mà Pizarro đã chỉ huy khi chinh phục người Inca vào tháng Chín năm 1532.

Những người lính Tây Ban Nha dường như không cần đến ánh sáng. Họ hoạt động trong bóng tối, và bóng tối chính là nơi họ bước ra. Và hiển nhiên, họ đang định thực hiện phần còn lại của điều mà Zadie đã ước, đó là dạy cho người Xuanaci một bài học. Và vì những người lính dày dặn phong sương này chỉ có thể dạy được cho người khác một loại bài học duy nhất, họ đang bắt tay vào mài gươm và siết chặt những thắt khóa trên áo giáp, sẵn sàng tái hiện toàn bộ hành động bạo tàn trước đây khi chinh phục người Inca. Ngoại trừ việc lần này, người của bộ tộc Xuanaci sẽ là những kẻ khuất phục dưới lưỡi gươm của họ. Không ai nghi ngờ gì về kết quả đó. Đội quân ô hợp ít người của Pizarro đã dễ dàng đánh bại đội quân một trăm ngàn người của người Inca, và có lẽ chẳng thể nào vài trăm người Xuanaci sẽ chống cự được tốt hơn.

Philippa nói với Zadie:

– Chúng ta phải ngăn họ lại. Những người Xuanaci tội nghiệp đó không có lấy một cơ hội trước những sát thủ này. Họ sẽ bị tàn sát mất. Giống như người Inca vậy.

Bật cười hô hố, Zadie nói với giọng khó tin:

– Những người Xuanaci tội nghiệp? Hello, Philippa? Những kẻ mà cậu bảo là tội nghiệp đó đã định dùng chúng ta làm thức ăn cho cá piranha. Người Xuanaci cũng chính là những kẻ đã làm cái đầu của ông Sicky tội nghiệp teo nhỏ ngay khi nó còn nằm trên vai ông ấy.

Quay sang nhìn ông Sicky như muốn tìm kiếm một sự ủng hộ nào đó, Zadie giục:

– Nói với Philippa đi, ông Sicky. Nói với cậu ấy ông cảm thấy như thế nào về người Xuanaci.

Ông Sicky gãi gãi cái đầu teo nhỏ của mình. Không thể phủ nhận việc người Xuanaci chính là thủ phạm cho việc đó. Ông lẩm bẩm:

– Bệnh. Ta thấy bệnh về việc họ đã làm cho Sicky tội nghiệp, dĩ nhiên rồi.

Nhưng ông không phải là một người thù dai. Và giờ đây khi đã nghĩ kỹ về chuyện đó, ông có thể nhận ra cuộc đối đầu giữa những người lính Tây Ban Nha vũ trang hạng nặng và những người Xuanaci chỉ mặc khố che thân bất công đến mức nào. Nên ông nói:

– Người Xuanaci đúng là những kẻ hung tợn. Nhưng người Jivaro cũng vậy. Và trước đây, người Prozuanaci cũng vậy. Tất cả thổ dân châu Mỹ bắt nguồn từ phương Đông xét theo một mặt nào đó cũng đều khá hung tợn. Nhưng người Xuanaci chỉ là những kẻ ngu muội. Họ không đáng bị hành hạ bởi những kẻ chinh phục Nam Mỹ như người Inca. Cháu nên nói chuyện với cái ông Pizarro đó, Zadie ạ, và thuyết phục ông ấy bỏ qua cho người Xuanaci.

Zadie kiên quyết nói:

– Cháu sẽ không làm vậy. Cái đám Xuanaci đó đáng bị lính Tây Ban Nha đá đít.

Ông Groanin nhận xét:

– Theo những gì ta thấy, kế hoạch của họ không chỉ dừng lại ở việc đá đít ai đó. Họ hoàn toàn nghiêm túc. Một loại nghiêm túc chết chóc. Nhìn kìa.

Zadie bảo:

– Ông lại cường điệu quá mức như mọi khi rồi đấy.

Cả đội quân, bao gồm Pizarro, đang quỳ xuống đất và nhận phép ban ơn từ các cha xứ để điều mà họ định làm được Chúa phù hộ.

Ông Groanin cho biết:

– Đó là điều vẫn thường xảy ra trước khi một nhóm người đi tàn sát một nhóm người khác. Họ tự thuyết phục bản thân rằng đó là ý chí của Chúa hay một thứ nhằm ní gì đó tương tự. Nếu hỏi ta, ta sẽ nói Chúa không muốn gì từ những kẻ nhân danh Ngài đi giết người khác cả.

Philippa nói:

– Ông Groanin nói đúng đó, Zadie. Chúng ta phải làm gì đó đi chứ.

Zadie hỏi ngược lại:

– Ví dụ như làm gì?

Philippa bảo:

– Đó là đồng bụi nhùi do cậu tạo ra. Cậu phải gỡ nó chứ.

Ngoan cố lắc đầu, Zadie nói:

– Muốn làm gì tùy cậu. Nhưng tớ nghĩ cậu đang quá nghiêm trọng hóa vấn đề đó. Rõ ràng tớ không ước có bất cứ cuộc tàn sát nào. Chỉ muốn ai đó dạy cho những kẻ săn đầu người này một bài học, vậy thôi.

Philippa lắc đầu và hoàn toàn tuyệt vọng với cô bé djinn còn lại. Giờ đây, cô cảm thấy rất hối hận vì đã mời Zadie tham gia vào chuyến tham hiểm lần này. John nói đúng. Cô có thể thấy được điều đó. Lần sau – nếu như còn có lần sau – cô sẽ lắng nghe lời nhận xét của ông anh trai sinh đôi.

Cô bảo:

– Thôi được, tớ sẽ tự đi nói với ông ấy vậy. Ngay khi họ cầu nguyện xong.

Philippa không biết nói tiếng Tây Ban Nha, và cô cũng không nghĩ trước khi chết, Pizarro có dịp học tiếng Anh. Tuy nhiên, lần giao tiếp gần đây với hiện thân của nhà thám hiểm người Ý Marco Polo đã thuyết phục cô rằng đó không là vấn đề. Marco đã nói với Philippa rằng: “Khi cháu chết, tất cả những bí ẩn đều được giải mã. Bao gồm bí ẩn vận hành của tiếng Anh.”

Kẻ chinh phục Nam Mỹ khét tiếng lịch sử cúi đầu chào khi Philippa đi đến trước mặt ông. Với giọng nói nhỏ nhẹ nhưng dứt khoát như một người đã quen với việc ra lệnh và có hơi lơ lớ, ông nói:

– Seíorita^[10], rất hân hạnh được gặp cô.

Philippa mỉm cười và cúi đầu chào lại:

– Don Francisco, tên của ông rất nổi tiếng. Có lẽ đó là cái tên nổi tiếng nhất trên khắp Peru. Và dĩ nhiên, đó cũng là một cái tên rất nổi tiếng trong, ờ... lịch sử.

Philippa nói với sự cẩn thận trong phát ngôn và hành động vì Don có thể nói là một tước hiệu hiệp sĩ của Tây Ban Nha. Pizarro lại cúi chào. Philippa nói tiếp:

– Này nhé, cháu e rằng đã có một nhầm lẫn xảy ra ở đây. Dĩ nhiên, đó hoàn toàn là lỗi của tụi cháu và cháu hy vọng ông sẽ rộng lượng chấp nhận lời xin lỗi chân thành nhất của tụi cháu, nhưng ông thấy đấy, chuyện là ông thật sự không cần phải dạy cho người Xuanaci một bài học gì cả. Trên thực tế, tụi cháu sẽ rất cảm ơn nếu ông quay lại nơi ông đã đi ra. Và để yên cho họ.

Pizarro thắc mắc:

– Ta không hiểu. Một điều ước đã được ước, không phải sao? Rõ ràng chúng ta không thể quay lại đây nếu *không được mời*.

Philippa thừa nhận:

– Vâng, quả thật là vậy. Tuy nhiên, đó là một điều ước nảy sinh khi người ước nó không nghĩ gì về hậu quả. Ngay cả djinn cũng đôi lúc phạm sai lầm.

– Thứ lỗi cho ta, nhưng một điều ước là một điều ước. Theo ta thấy, ước một điều ước cũng giống như đổ rượu ngon ra đất. Một khi đã làm điều đó, chúng ta khó có thể đổ ngược nó vào lại trong chai. *Seíorita*, ta thật sự rất muốn chiều ý cháu, nhưng thật đáng tiếc phải nói, ta không thể.

Rồi nhún vai, ông nói thêm:

– Trừ khi cháu ước như vậy, dĩ nhiên. Việc cháu là một djinn, đó là một vấn đề hoàn toàn khác.

Philippa khẳng định:

– Nhưng cháu có ước như vậy. Thật sự ước như vậy. Tất cả tụi cháu đều ước như vậy.

Đảo mắt nhìn quanh trong giây lát, Pizarro một lần nữa nhún vai nói:

– Nhưng ta và lính của ta vẫn ở đây, không phải sao? Thứ lỗi cho ta, hồi djinn vĩ đại, nhưng nếu cháu thật sự ước như vậy, ta nghĩ chúng ta sẽ không còn ở đây nữa. Sức mạnh của cháu sẽ đảm bảo điều đó. Không phải sao?

Philippa thốt lên:

– A! Ông hỏi đúng vấn đề đấy ạ. Để cháu giải thích. Ông thấy đấy, djinn tụi cháu được tạo ra từ lửa, và vì ở dưới này khá lạnh, tụi cháu không đủ ấm để có đầy đủ sức mạnh của mình. Trên thực tế, tụi cháu đã phải đốt cái hộp gỗ đựng sọ của ông để kéo dài thời gian sưởi ấm bàn tay, để thực hiện chỉ một điều ước, kết quả khá tệ, như cháu đã giải thích. Ông thấy đấy, bạn cháu đã nói quá sớm. Đúng là người Xuanaci là một bộ tộc phiền phức và khó chịu, nhưng tụi cháu không thật sự có ý muốn tổn thương họ. Tất cả những gì cháu yêu cầu ông là, hy vọng ông chờ một lát trước khi làm gì đó, ờ... mạnh tay.

Pizarro lý giải:

– Ý cháu là, ví dụ như dạy cho họ một bài học?

Philippa gật đầu:

– Vâng, đúng là vậy ạ. Cháu biết ông sẽ hiểu mà. Cháu hứa với ông ngay khi có lại sức mạnh, tụi cháu sẽ ước cho mọi thứ trở lại bình thường và...

Pizarro cắt ngang lời cô:

– Ta xin lỗi, nhưng djinn như cháu nên biết một điều ước chỉ có thể bị hủy bỏ theo cách thông thường. Bởi một điều ước thứ hai, thứ ba hoặc thứ tư.

Philippa nói:

– Vâng, bình thường là vậy. Nhưng làm ơn, ông không thể ngoại lệ một lần giúp cháu sao? Chỉ một lần này thôi.

Giọng gần như là ân cần, Pizarro nói:

– Seíorita thân mến, người làm ra luật không phải ta, mà là cháu. Hay nói đúng là, là tổ tiên mấy đời trước của cháu. Không phải sao?

Giậm giậm chân làm vẻ hờn dỗi, Philippa hỏi:

– Ông không thật sự định làm đau ai, đúng không?

Pizarro trả lời:

– Đó là trình tự thông thường trong những trường hợp như thế này.

Ông Groanin hỏi:

– Gì cơ? Tất cả bọn họ à?

– Đúng thế.

– Ông không thấy như vậy có hơi quá tay sao?

– Dĩ nhiên quá tay. Rõ ràng là vậy. Giờ thì, nếu mọi người cho phép, ta phải quay lại với binh lính của ta. Chúng ta còn có việc phải làm.

Tuyệt vọng, Philippa cố níu kéo:

– Chờ chút. Nếu ông muốn dạy cho họ một bài học mà họ không thể nào quên được, vậy thì ông không thể giết chết tất cả mọi người, đúng không? Ý cháu là, để bài học của ông không bị quên, phải có người còn sống để mà nhớ. Ông thấy đúng không?

Pizarro đồng ý:

– Ý này đúng. Vậy thì chúng ta sẽ cẩn thận để vài người sống sót.

Philippa van nài:

– Ít nhất tha cho phụ nữ và trẻ em, được không ông?

Vẻ mặt bị sốc nặng, Pizarro nói với cô:

– Seíorita, chúng ta không phải mọi rợ.

Quay mặt đi, Philippa lầm bầm:

– Đó không phải là điều cháu nghe nói về ông.

Ông Groanin hỏi:

– Giờ sao?

Philippa trả lời:

– Chúng ta phải leo lên mặt đất sườn ấm, càng sớm càng tốt. Để ngăn chặn một cuộc tàn sát.

Nhưng những con ngựa hiện đã đi ngược lên dãy cầu thang tự nhiên của hang động, chặn đường ra của Philippa và mọi người. Rõ ràng họ cần phải tìm được một lối ra khác.

Nhặt cây đèn pin lên, Philippa nói một cách dứt khoát:

– Đi thôi. Chúng ta không có thời gian để mất đầu.

Zadie chụp lấy cây đuốc còn cháy dở. Cô có một dự tính tương lai khác, một dự tính ích kỷ hơn.

Nắm chặt lấy tay Zadie, Philippa kéo cô chạy vào ngã rẽ đầu tiên hứa hẹn một lối ra khỏi hang động khác. Chưa đi được bao xa, Zadie đã giật tay ra và đứng cứng đờ tại chỗ như một miếng măng đá.

Zadie tuyên bố:

– Tớ không đi đâu. Cậu còn không biết cậu đang đi đâu. Đường này có thể chẳng dẫn đến đâu.

Philippa rọi đèn pin về phía trước mặt. Ánh đèn quấy nhiễu mấy chục con dơi, khiến chúng bay vụt về phía họ trong một đội hình dày đặc. Tất cả mọi người ngồi thụt xuống. Tất cả, ngoại trừ Philippa. Đằng sau mùi hôi khét khét của phân dơi đầy trên mặt đất, cô cảm nhận được một làn gió mát lạnh phả vào mặt.

Philippa nói:

– Tớ không nghĩ vậy. Cậu có cảm thấy được gió phả vào mặt không? Nhất định đó là một lối ra khác. Tớ chắc chắn như vậy. Tin tớ đi, Zadie.

– Cậu nhằm to rồi đó, Philippa. Này nhé, tớ sẽ đi lên với họ. Với Pizarro và lính của ông ấy. Ngược lại đường mà chúng ta đã vào. Tớ sẽ ở ngoài trời sưởi nắng và có lại sức mạnh trong khi cậu còn mãi mò mẫm dưới này như mấy con chuột chũi ngu ngốc.

Philippa can ngăn:

– Cậu không thể đi với họ.

– Nhìn này, chứng sợ không gian chật của tớ đang bắt đầu tác oai tác quái. Một sự thật đơn giản. Tớ sẽ phát điên nếu không sớm thoát ra ngoài.

Đó là sự thật. Tất cả djinn đều mắc chứng sợ không gian chật, bắt nguồn từ việc vài người từng bị giam cầm trong những cây đèn hoặc những cái chai cổ trong suốt nhiều năm. Nhưng dĩ nhiên Zadie có một lý do khác khi muốn thoát lên mặt đất cùng Pizarro và đội quân Tây Ban Nha của ông. Giờ đây, khi đã có tấm bản đồ dẫn đường đến Mắt Rừng, cô muốn liên lạc với đoàn thám hiểm của Virgil McCreeby càng sớm càng tốt. Đúng là cô không mang theo những hạt lệ mặt trời, nhưng cô không thể làm gì khác. Mấy cái đĩa vàng vẫn nằm trong ba lô của cô ở khu trại. Nhưng cô nghĩ McCreeby sẽ biết phải làm gì về việc đó. Xét đến cùng gã cũng là một thầy pháp. Và các thầy pháp vốn rất giỏi tài xoay sở.

– Cậu phải ở cùng mọi người. Một mình rời đi ư? Đó không phải là một ý kiến hay đâu, Zadie.

– Cậu cứ chống mắt mà xem.

Zadie thách thức, rồi bước lùi lại vào trong bóng tối. Từ cuối cùng cô nói là “Xin lỗi”. Ông Groanin bảo:

– Cứ để nó đi đi.

Philippa năn nỉ:

– Zadie, quay lại đi.

Nhưng Zadie đã biến mất.

Philippa miễn cưỡng buộc bản thân tiếp tục tiến về phía trước theo lời thúc giục của ông Groanin, ông quản gia quá lịch sự để nói trắng ra suy nghĩ trong đầu, rằng ông mừng rơn khi Zadie rời đi.

Hiện tại, họ đang ở một hang động khác cạnh một con suối chảy nhỏ giọt với phần lòng chảo được khảm đầy thủy tinh vàng lấp lánh như trứng trắng – cùng một loại thủy tinh vàng bao phủ vách hang và mặt đất. Nước trong lòng chảo thủy tinh đó nóng nóng. Nóng như một tách cà phê. Nhưng không đủ nóng để trả lại sức mạnh djinn cho Philippa. Vì vậy, họ chỉ uống vài ngụm nước mà không bị gì, rồi băng qua một rìa đá hẹp nối liền với lối rời động duy nhất, rồi cố thu người lách qua một hành lang u ám dẫn vào những chỗ sâu bí mật của hệ thống hang động.

Trong băng đó thời gian, làn gió phả vào mặt họ dần mạnh hơn, khiến niềm tin cả nhóm đang đi đúng hướng ngày càng gia tăng. Cuối cùng, họ đến trước một cái hố tròn há hốc miệng có đường kính khoảng mười lăm mét, từ đó, một luồng khí lưu huỳnh nóng dữ tợn thổi phụt lên từ sâu thẳm trong lòng trái đất, xuyên qua một kẽ núi cao vút để đến với một điểm sáng mờ mờ ở cách đầu họ khá xa. Trực giác cho Philippa biết miệng hố này chính là nơi mà nhiều thế kỷ trước, Manco Capac và bảy anh chị djinn của ông đã trỗi lên từ thế giới nhân tạo của djinn để thống trị người Inca. Nhưng không có cách nào để băng qua cái hố. Và có vẻ như họ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc quay ngược lại lối đi ban đầu.

Ông Groanin thở dài:

– Cơn gió của cháu phát ra từ đây đây. Và từ đây không có đường dẫn đi đâu cả. Ta đoán chúng ta phải quay lại thôi.

Rồi ông mỉm cười trấn an Philippa:

– Không phải lỗi của cháu, quý cô ạ. Ta nói, không phải lỗi của cháu. Tất cả chúng ta đều nghĩ đây là lối ra. Đúng không, anh Muddy?

Ông Muddy gật đầu:

– Ừ, chúng ta đều nghĩ vậy.

Philippa ủ rũ:

– Zadie đã đúng. Mấy tiếng rồi, chúng ta toàn đi xuống mấy cái hang động và lối đi này.

Ngược nhìn điểm sáng trên đầu họ ở ngay đỉnh của khe núi, cô nói:

– Cháu đoán là mặt đất ở ngay trên kia.

Ông Sicky đồng ý:

– Ta cũng cho là vậy.

– Ông nghĩ nó cách xa chúng ta bao nhiêu?

Khẽ mím môi, ông Sicky tựa cái đầu nhỏ xíu lên đôi vai khổng lồ của ông và nói:

– Có thể khoảng trăm rưỡi hoặc hai trăm mét gì đấy. Có thể còn cao hơn. Nói chung là, rất cao. Rất, rất cao.

Đưa mắt nhìn vách hang xung quanh, ông gỡ một miếng đá vàng ra cầm trên tay và kết luận:

– Cũng không leo được.

Ông vung tay ném mạnh hòn đá qua miệng hố. Hòn đá chỉ bay xa được chừng gần một mét, rồi luồng khí nóng bùng lên từ miệng hố thổi tung nó lên trên đầu họ và vượt ra khỏi đỉnh khe núi.

Việc này khiến Philippa nảy ra một ý. Cô nói:

– Có lần cháu đã xem một bộ phim trên ti vi về một người đàn ông tự gọi mình là chuyên gia nhảy dù từ điểm cố định. Ông ấy đã nhảy khỏi nhiều tòa nhà chọc trời ở New York, với một cái dù. Và nhảy dù từ máy bay xuyên qua đủ mọi con đường. Thỉnh thoảng ông ấy cũng nhảy vào những miệng hố lớn trên mặt đất. Vì thế, cháu đang nghĩ đến chuyện chúng ta có thể cũng làm như vậy. Nhưng thay vì từ không trung nhảy xuống, chúng ta sẽ là nhảy bay lên. Nói cách khác là, bay lên thay vì bay xuống đó.

Ông Groanin sững sốt:

– Ý cháu là, nhảy vào cái hố này mà không có dù?

– Vâng ạ. Chỉ là, chúng ta không phải nhảy vào trong miệng hố. Nói cho đúng, chúng ta sẽ nhảy vào luồng khí nóng thổi lên từ đó và cưỡi nó lên tận trên đỉnh.

Ngồi phịch xuống một tảng đá vàng lớn, ông Groanin tuyên bố:

– Cháu điên rồi.

– Cháu không nghĩ vậy. Hơi nóng bay lên. Và chúng ta cũng sẽ bay lên thôi mà.

Ông Groanin làu bàu:

– Cháu nói như thể chúng ta chỉ nặng bằng mấy nhúm lá ấy, quý cô ạ. Bản thân ta nặng hơn một trăm kí đấy. Ta cũng muốn xem thử luồng gió nào có thể thổi tung ta lên như một cái bong bóng.

Philippa tranh luận:

– Cháu nghĩ ông đang nhìn thấy nó đấy, ông Groanin. Nhưng cháu cá tảng đá mà ông đang ngồi lên cũng nặng không kém. Sao chúng ta không thử ném nó vào luồng khí này để xem chuyện gì sẽ xảy ra?

Ông Muddy khen:

– Ý kiến hay đó, Philippa.

Ông Groanin nói:

– Anh điên rồi, Muddy. Anh Sicky, anh cảm thấy thế nào về ý kiến này?

Ông Sicky trả lời:

– Bệnh. Bệnh đến tận bao tử. Tuy nhiên, tốt nhất chúng ta nên quăng tảng đá đó vào luồng khí trước rồi xem thử còn có cách nào khác không. Phải làm thí nghiệm trước, như cháu nó nói ấy, rồi sau hãy tranh cãi. Okay? Vậy mới khoa học chứ.

Ông Groanin cắn nhần:

– Tôi không làm chuyện đó đâu.

Nói thì nói vậy, nhưng ông vẫn đứng lên, và cùng ông Sicky khiêng tảng đá vàng xuống con đường dẫn đến mép hố. Ông bảo:

– Anh biết đó, tảng đá này khá ấm.

Ông Sicky nói thêm vào:

– Và khá nặng.

Thở hắt ra với cố gắng di chuyển tảng đá, ông Groanin hỏi:

– Ờ, nhưng nặng cỡ nào mới được? Đó là câu hỏi sáu mươi bốn ngàn đô la đấy nhé.

Ông Muddy có lẽ sẽ giúp một tay nếu có đủ chỗ cho ba người trên lối đi, cười khùng khục:

– Tôi nghĩ là đắt hơn thế. Đắt hơn nhiều. Mạng sống của tôi ấy.

Ông Sicky, dù cái đầu ông nhỏ bất thường nhưng lại không có gì bất ổn với khả năng ước chừng trọng lượng của một vật nặng nào đó, cho biết:

– Tảng đá này nặng ít nhất cũng phải năm mươi kí, có lẽ vậy.

Ông Groanin nói:

– Ít nhất. Thôi được. Bắt đầu đi.

Ông Groanin và ông Sicky đứng ở ngay mép hố và bắt đầu đu đưa tay.

Một giây sau, hai người đàn ông quăng tảng đá vàng vào trong miệng hố, rồi kinh ngạc đứng nhìn luồng khí nóng nhanh chóng đẩy nó lên qua khe núi như một viên đạn súng hơi trong nòng một khẩu BB.

Philippa tuyên bố:

– Cháu nghĩ sự nghi ngờ của ông có câu trả lời rồi đấy, ông Groanin.

Ông Groanin vẫn kiên trì:

– Ta vẫn không làm chuyện đó đâu. Ta chưa bao giờ thích nhảy ra khỏi máy bay khi còn trong Quân đội Anh. Và đó là với một cái dù dờ hơi sau lưng.

Philippa hỏi:

– Ý ông là, ông đã từng làm một việc như thế này trước đây?

Ông Groanin ném cho cô một nụ cười nhạt thếch:

– Việc như thế này? Không đâu, thưa cô. Cái này chỉ là một trò nguy hiểm. Liều mạng một cách vô ích. Ta là một quân gia Anh, không phải một kẻ thách thức thần chết ngu ngốc. Này nhé, giả tí như luồng khí này đập chúng ta vào vách núi. Chúng ta có thể bị đánh bất tỉnh. Và chuyện gì sẽ xảy ra khi chúng ta bị bắn ra khỏi đỉnh? Chúng ta sẽ lên cao bao nhiêu trước khi trọng lực tác động lên chúng ta? Chúng ta có thể rớt trúng bất cứ cái gì. Và rớt xuống bất cứ đâu. Chúng ta có thể bị lạc giữa rừng Amazon. Hoặc bất tỉnh nhân sự trên một ngọn cây rất cao.

Philippa nói:

– Ông quên một chuyện rồi. Cháu là djinn. Giây phút tiếp xúc với ánh mặt trời, cháu sẽ có lại sức mạnh.

Ông Groanin bảo:

– Ta không nghi ngờ lời cháu, quý cô ạ. Nhưng lỗ trời vẫn đang mưa thì sao? Bên dưới tán cây dày đặc, cháu chẳng có bao nhiêu ánh nắng khi đứng trên mặt đất cả. Có thể sẽ mất vài tiếng trước khi...

Ông Sicky cắt ngang:

– Tôi sẽ làm việc đó.

Ông Muddy cũng nói:

– Tôi nữa.

Philippa nhún nhún vai như muốn nói, “Cháu cũng vậy.” Ông Groanin bực bội lẩm bẩm:

– Hiển nhiên ta sẽ không ở dưới này một mình.

Philippa đề nghị:

– Nếu trước đây ông đã từng nhảy dù, vậy có lẽ ông có thể chỉ cho mọi người cách làm tốt nhất. Ý cháu là, cách tốt nhất để thực hiện cú nhảy này.

Ông Groanin gật đầu:

– Tốt, thưa cô. Ta nghĩ cách nhảy tốt nhất là chạy nhanh rồi nhảy. Để phóng vào ngay giữa luồng khí để không bị va vào hai bên vách đá khi bị thổi tung lên.

Ngoắc ngoắc ngón trỏ với ông Sicky, rồi với ông Muddy, ông Groanin hướng dẫn tiếp:

– Ngay khi chạm vào luồng khí, mọi người nên dang rộng hai tay, hai chân theo hình ngôi sao, để phạm vi tiếp xúc của cơ thể chúng ta và luồng khí càng nhiều càng tốt.

Ông Sicky hỏi:

– Ai đi trước đây?

Gỡ mắt kính nhét vào túi để an toàn, Philippa can đảm nói:

– Nên là cháu. Xét đến cùng, đây cũng là ý tưởng của cháu. Hơn nữa, nếu chúng ta đủ may mắn, cháu có thể được bắn thẳng ra ngoài tầm nắng nóng và khôi phục được sức mạnh trước khi chạm đất.

– Những chuyện kỳ quái hơn vẫn hay xảy ra.

Ông Groanin lầm bầm, rồi tự nhủ với bản thân rằng chắc sẽ không có chuyện như vậy.

Philippa bước lùi lại trên lối đi để chuẩn bị chạy. Cô chưa bao giờ giỏi môn nhảy xa. Khả năng tư duy mới là điểm mạnh của cô, và đó là một trong những lý do tại sao suy nghĩ cuối cùng của cô trước khi phóng về phía miệng hố là không biết mấy miếng thủy tinh vàng gắn trên vách hang làm từ cái gì. Cô đã bỏ một miếng vào túi áo để sau đó, nếu còn sống sót, cô có thể nghiên cứu nó kỹ hơn.

Vào giây cuối cùng trước khi nhảy, Philippa nghe tiếng ông Sicky hét to và trông thấy ông Groanin vẫy tay lia lịa như muốn thúc giục cô. Đến khi đã nhảy vào hố, cô mới nhận ra thực tế họ đang hét gọi cô ngừng lại. Dễ hiểu lý do tại sao. Luồng khí đã ngừng lại. Trong một khoảnh khắc kinh khủng, khi trái tim cô ở nhịp nghỉ, Philippa khựng lại giữa bầu không khí bên trên miệng hố, thay vì được thổi tung lên giữa kẽ núi. Thì... Cô lại bắt đầu rơi.



Chương 14

El Tunchi

Trong vài phút, hoàn toàn chắc chắn người biến mất không phải là mình mà là cậu Nimrod, John vòng mấy vòng quanh khu trại trống trải, lớn tiếng gọi cậu và lấy dao phát cỏ chém vào những bụi cây rậm rạp. Cậu không rõ sự biến mất của cậu Nimrod là tự phát hay do một sức mạnh nào đó tác động. Cậu Nimrod không phải dạng người biến mất mà không thông báo. Gần như ngay sau đó, John lại một lần nữa nghe thấy tiếng huýt sáo, và lần này cậu cẩn thận không huýt sáo đáp trả. Cậu hoàn toàn không nhận ra sự cẩn thận đó là quá trễ, và cơn thịnh nộ của *el Tunchi* đã rơi xuống đầu cậu từ lâu.

Lần này, John cảm thấy dường như cậu có thể lần theo nguồn gốc của tiếng huýt sáo, và cảm giác này ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn khi cậu tiến sâu hơn vào trong rừng. John không hề sợ hãi. Xét đến cùng, cậu vẫn là một djinn, và khi đặt chân đến một khoảng đất trống tràn ngập ánh mặt trời, cậu cảm nhận rõ sức mạnh djinn cuồn cuộn trong người. John thậm chí còn không sợ hãi khi cậu trông thấy tác giả của giai điệu du dương đó có vẻ ngoài đáng sợ như thế nào.

Gã đàn ông có mái tóc đen dài bờm xờm trước mặt John quần một tấm thảm lông thú dơ bẩn quanh cái hông to đùng. Nửa trên khuôn mặt gã sơn đen, trong khi nửa dưới lại sơn trắng. Điều đáng chú ý trên nửa trên khuôn

mặt gã là gã chỉ có một mắt. Ở nửa dưới khuôn mặt, điều đáng chú ý nhất là gã đang ngậm đầu một con thằn lằn sống trong miệng, với phần cơ thể còn lại cùng cái đuôi hai màu đen-trắng của nó quấn quanh cổ gã, y như một cái dây chuyền. Có vẻ như gã đàn ông huýt sáo qua cái đầu của con thằn lằn và, như John nhanh chóng phát hiện sau đó, phần lớn thời gian gã cũng nói chuyện bằng cách đó. Trên thực tế, nó gần như thể con thằn lằn đang điều khiển gã đàn ông này. Và điều kỳ lạ nhất có lẽ là bản thân của cái giai điệu vui vẻ, thông dong – hoàn toàn đối lập với vẻ ngoài của gã đàn ông – vẫn đang tiếp tục được phát ra từ cái miệng của con thằn lằn.

John nhận xét:

– Là một con thằn lằn, ông huýt sáo khá thật đấy.

Ngừng huýt sáo, con thằn lằn nói với giọng huýt gió:

– Dù là bất cứ thứ gì ta cũng huýt sáo tốt.

John khen:

– Và giai điệu đó thật hay.

Gã đàn ông thằn lằn phê phán:

– Mẹ người chưa bao giờ bảo người không bao giờ được huýt sáo trong nhà hát hả? Hay trên một con thuyền? Hay trong một ngôi nhà, phòng trường hợp người mời ác quỷ vào nhà? Và trên hết, không bao giờ được huýt sáo trong rừng mưa?

John trả lời:

– Không, mẹ cháu chưa bao giờ dặn vậy. Nhưng đằng nào mẹ cháu cũng chẳng giống phần lớn những bà mẹ khác. Trên thực tế, bà thậm chí còn không đặc biệt giống mẹ cháu. Ít nhất là từ khi bà bắt đầu nhìn giống một người khác.

Gã đàn ông thằn lằn rít lên:

– Người nói ta chẳng hiểu gì cả, thằng nhóc này.

John bảo:

– Đó là một câu chuyện dài. Có lẽ khi khác vậy.

– Người có vẻ không sợ ta.

John nhún vai:

- Không ạ. Tại sao ông làm cậu Nimrod của cháu biến mất vậy?
- Hẳn không biến mất. Người biến mất là người kìa.
- Ờ, vậy thì ông là ai mà lại thích làm người khác biến mất thế? Ông là một hồn ma à?

– Không, không phải một hồn ma. Ta là *el Tunchi*. Một pháp sư. Tiếng vọng tinh thần của một thầy lang bản địa, người đã trút hơi thở cuối cùng trong rừng mưa sau khi bị những tên lính Tây Ban Nha tra tấn đến chết vào khoảng năm trăm năm trước. Hiển nhiên, mục tiêu của chúng là vàng. Và chúng đã hí hửng huýt sáo khi nghĩ đến việc tất cả bọn chúng sắp giàu đến nơi. Chúng thậm chí còn huýt sáo trong khi tra tấn ta. Trước khi chúng xuất hiện, không ai huýt sáo ở Nam Mỹ. Không ai biết cách. Kể từ lúc đó, ta vẫn luôn ở đây và tra tấn tất cả những kẻ giống như chúng dám huýt sáo trong rừng. Đó là sự trả thù của ta.

– Nhưng cháu không giống họ. Và ở chỗ của cháu, người ta huýt sáo khi hạnh phúc. Và cháu nghĩ ông thật quá quắt khi trả thù người khác chỉ vì họ làm một chuyện bình thường như vậy.

– Người là ai mà dám bảo ta nên và không nên làm gì?

– Tên cháu là John Gaunt. Và cháu đang trên đường tìm kiếm thành phố mất tích Paititi. Để cứu thế giới khỏi sự hủy diệt vĩ đại. Khỏi *Pachacuti*.

– Ta không quan tâm đến điều đó, John Gaunt. Tất cả những gì ta quan tâm là sự trả thù của ta.

Nhe răng cười một cách độc ác, gã nói tiếp:

– Đầu tiên, ta sẽ đục một lỗ trên đầu người. Rồi ta sẽ hút bộ não của người ra. Rồi sau đó ta sẽ dùng cái sọ rỗng của người làm một nốt trên cây đàn ống của ta.

– Ý ông là, giống như mấy cây đàn trong nhà thờ?

– Đúng thế. Ngoại trừ việc thay vì ống, ta dùng sọ người. Cây đàn ống của ta có sáu mươi một nốt và năm quãng tám. Người muốn xem nó không?

John bình tĩnh nhún vai:

– Chắc chắn rồi.

John đi theo *el Tunchi* đến một túp lều nhỏ trong rừng, tại nơi đây cậu trông thấy một nhạc cụ kỳ lạ nhất mà cậu từng thấy.

El Tunchi tự hào giải thích:

– Năm bàn phím được làm từ vật liệu là xương và sừng ở khu này. Răng báo đốm và sừng linh dương. Phím đàn làm từ xương sừng heo vòi. Bàn đạp làm từ xương chày người. Bao ống làm từ áo giáp trên xác lũ lính xâm lược. Chúa nguyên rửa chúng! Và dĩ nhiên như người có thể thấy, bản thân các ống nhạc là sọ người sắp xếp theo thứ tự âm sắc và cao độ được gắn thẳng đứng vào hộp âm. Bản thân cái hộp âm thật sự chỉ là một cái hộp gỗ đặt trên một cái miệng hố lâu đời trên mặt đất có khí nóng thoát lên. Có rất nhiều cái hố như thế ở khu rừng này. Khi gió thổi qua những cái ống, nó sẽ tạo nên một âm thanh thật sự của địa ngục.

El Tunchi ngồi xuống và bắt đầu chơi đàn. Và chẳng mấy chốc, John buộc phải che tai lại. *El Tunchi* đã nói thật: Đó thật sự là một âm thanh của địa ngục. Giống như một thứ trời lên từ một cái hố sâu nhất, tối đen nhất.

John bảo:

– Cháu nghĩ ông chơi đàn thật kém.

El Tunchi thừa nhận:

– Ta chưa bao giờ học chơi đàn. Mà ở trong rừng, việc đó cũng chẳng quan trọng. Chẳng có ai lắng nghe. Ngoài ra, ta không chơi đàn vì người khác. Ta chơi đàn vì chính bản thân ta. Nhưng ngay cả khi muốn có thính giả, ta chỉ việc huýt sáo gọi người là xong.

John suy nghĩ một cách cẩn thận. Sức mạnh và trí tưởng tượng của cậu không đủ để nghĩ ra được một cách trả cậu về lại thế giới song song, nơi chỉ vài phút trước cậu còn ở cùng cậu Nimrod. Để làm được điều đó, cậu biết mình cần đến *el Tunchi*. Nhưng John lại cho rằng cậu có đủ khả năng kích thích vị pháp sư này tham gia vào một cuộc thi tài nào đó mà từ đó cậu có thể kiếm được vài lợi thế cho bản thân.

Cậu nói:

– Nhắc đến chuyện huýt sáo, nếu nghĩ kỹ, ông cũng không thật sự giỏi cho lắm. Cháu cá là cháu có thể đánh bại ông nếu thi huýt sáo.

El Tunchi nghe rồi cười và con thằn lằn rút khỏi miệng gã. Nhét nó vào lại, gã hỏi:

– Người đang thách thức ta đây à?

John nghe rồi cười lại với gã:

– Dĩ nhiên. Nhưng này, nếu chúng ta chuẩn bị thi tài với nhau, tốt hơn nên có một cái gì đó đáng để thi tài mới đúng.

– Ví dụ như?

– Ví dụ như ông sẽ có cái sọ của cháu nếu ông thắng, và nếu ông thua, ông sẽ trả cháu về lại với cậu Nimrod của cháu.

El Tunchi gật gù:

– Được. Cứ thỏa thuận vậy đi.

John hỏi:

– Ai thi trước?

El Tunchi nói:

– Người. Vì người là kẻ thách thức.

John nhún vai:

– Được thôi.

Rồi cậu thầm thì từ trọng tâm của mình, “ABECEDARIAN!” và ước cho cậu trở thành người huýt sáo giỏi nhất thế giới.

Sau khi làm ấm người với vài nhịp “Dixie” và “Yankee Doodle^[11]”, những điệu huýt sáo phổ biến nhất ở mọi vùng của nước Mỹ, John hăm hở bắt đầu với một giai điệu có tên “Anh hề”, nối tiếp là điệu “Cô nàng đáng yêu” và đến khi John kết thúc điệu “Ánh trăng”, gã pháp sư huýt sáo của rừng mưa nhìn đã có vẻ lo lắng.

– Ta thật sự chưa bao giờ nghe được những giai điệu tuyệt đẹp được thể hiện một cách tuyệt vời như vậy.

El Tunchi thừa nhận, rồi bắt đầu huýt sáo một phiên bản phức tạp hơn của giai điệu mà John đã nghe thấy trước đó. Nhưng ngay cả gã cũng phải thừa nhận gã không có được sự khéo léo và du dương như những điệu huýt sáo chẳng khác gì nhạc giao hưởng của John.

Giận dữ với chính mình, gã nói:

– Đúng là người có lẽ huýt sáo một giai điệu hay hơn, nhưng ta không tin có người thắng được ta về sức mạnh của tiếng huýt sáo.

John bảo:

– Được thôi. Nhưng lần này đến lượt ông thi trước.

El Tunchi hít sâu một hơi, mím môi lại, và bật ra một tiếng huýt sáo dài nhức óc khiến vài con chim và nhiều loại côn trùng phải lo sợ đi lánh nạn trong bầu không khí tương đối yên tĩnh của những đám mây.

Gật đầu, John thừa nhận:

– Không tệ. Nhưng cháu có thể làm tốt hơn.

Và ước rằng cậu có thể huýt sáo mạnh như bão, như cách ví von thông thường của con người, John đặt ngón tay lên miệng và bắt đầu thổi.

Ban đầu tiếng huýt sáo chỉ đơn thuần là lớn – trên thực tế, nó lớn như tiếng huýt sáo của *el Tunchi*. Nhưng khi tiếng huýt sáo tiếp tục, luồng gió sản sinh ra bởi chuyển động ồ ạt của không khí phát ra từ miệng John bắt đầu tập trung sức mạnh, cho đến khi cây cối và bụi rậm xung quanh họ cũng bắt đầu chuyển động. Rồi miếng vải trùm đầu của *el Tunchi* bị thổi bay, làm lộ ra cái đầu trọc lóc của gã. Thứ bị thổi bay tiếp theo là cái thảm lông thú của gã pháp sư, làm gã đứng đó với mỗi một cái khố che thân. Cuối cùng, đến lượt con thằn lằn trong miệng gã bị gió mang đi. John sẽ bật cười nếu không phải việc đó cần cậu ngừng huýt sáo.

Gã pháp sư hét lên với giọng thật của gã, một chất giọng the thé như dê đực không đáng sợ chút nào:

– Xin người.

John nghĩ thầm rằng khi nghe một cái giọng the thé, mỏng manh như vậy, người ta dễ dàng hiểu được tại sao *el Tunchi* lại sử dụng một con thằn lằn để

nói chuyện thay.

– Ta van người, ngừng lại đi.

Gã pháp sư thiếu điều khóc ré lên. Giờ đây, khi đã mất bộ tóc giả kỳ lạ cùng cái thảm quần hông của mình, nhìn gã nhỏ hơn hẳn. Gã nhét ngón tay vào tai, nhắm chặt hai mắt, và cúi rạp người trên mặt đất như thể e sợ cả cánh rừng sắp bị thổi bay.

– Làm ơn. Đừng huýt sáo nữa. Nó làm ta phát điên mất.

Nhưng John vẫn tiếp tục huýt sáo như cơn gió Bắc, vì cậu quyết định dạy cho *el Tunchi* một bài học. Chưa bao giờ có một tiếng huýt sáo mạnh mẽ như vậy. Ngay cả ở Nam Cực, mũi Cape Horn, những thảo nguyên nước Nga hay trên biển cả, hết thảy cả những nơi mà các cơn gió vĩ đại thổi tung tất cả những gì đứng trước mặt chúng, cũng không bằng. Và ngoài quần áo của *el Tunchi*, John còn thổi bay cả cây đàn ống bệnh hoạn của gã: những phím đàn làm từ xương sống heo vòi, bàn đạp làm từ xương chày của con người, những bao ống làm từ áo giáp, và dĩ nhiên cả những cái ống nhạc làm từ sọ người; tất cả đều bị thổi bay qua những ngọn cây hoặc bị nghiền nát thành bụi và không bao giờ xuất hiện lần nữa.

Sau cuộc đụng độ của cậu với những thổ dân Prozuanaci, John có hứng với việc dạy cho ai đó một bài học. Và trong khi cậu thông cảm với những người từng là nạn nhân của những kẻ chinh phục Nam Mỹ, cậu lại không nghĩ đó là lời bào chữa thỏa đáng cho việc đục lỗ vào đầu người khác và dùng cái sọ rỗng của họ để làm ống nhạc cho một cây đàn kinh khủng nào đó. Chỉ đến khi đã hoàn toàn chắc chắn rằng cậu đã thổi bay hết tất cả mọi bộ phận của cây đàn ống, John mới rút ngón tay ra khỏi miệng và ngừng huýt sáo.

Dần dần, cánh rừng yên tĩnh trở lại.

Dù có thể thấy rõ *el Tunchi* đã bị đánh bại, John vẫn hỏi:

– Ồ, ông đầu hàng chưa vậy?

Người lung lay như sắp đổ, *el Tunchi* chậm chạp đứng dậy, giật giật lỗ tai – vì hiện tại gã có phần hơi điếc – và nghiêm trang cúi người trước John.

Gã nói:

– Thưa ngài. Kính thưa quý ngài đáng kính. Tôi chưa bao giờ nghe được một thứ như thế trước đây. Suốt năm trăm năm ám khu rừng này cũng chưa. Thật là một tiếng huýt sáo đặc biệt. Không lời nào có thể mô tả hết về nó. Tôi cực kỳ xin lỗi, thưa ngài. Tôi sẽ trả ngài về với cậu của ngài, ngay lập tức.

John nhắc:

– Chờ một chút. Ông phải ngừng ngay cái việc huýt sáo bắt người để lấy sọ của họ, hiểu chưa? Không lịch sự chút nào.

– Vâng, thưa ngài. Như ngài mong muốn. Cây đàn của tôi đã bay mất, nên có lấy sọ người cũng chẳng để làm gì.

– Ông hứa sẽ không bao giờ làm như thế nữa chứ?

– Vâng, thưa ngài. Ngài có được lời hứa trang trọng nhất của tôi về việc đó. Tôi sẽ không bao giờ làm thế nữa.

John cảm thấy hơi mềm lòng trước sinh vật tội nghiệp này. Giờ đây khi cậu đã phá hủy cây đàn khủng khiếp của gã và cấm gã tra tấn người khác, có thể thấy rõ *el Tunchi* không còn cách tự tiêu khiển nào khác trong quãng đời bất tử còn lại.

John nói:

– Ông biết không, ông vẫn có thể sử dụng một cây đàn ống thật. Một cây đàn ống đàn hoàng như trong nhà thờ ấy.

Và thậm chí từ trọng tâm của mình, John tạo ra một bản sao của cây đàn ống mà cậu từng trông thấy trong một thánh đường.

Há hốc miệng, *el Tunchi* sững sờ nhìn cây đàn, như thể nó là một con tàu vũ trụ.

Gã pháp sư thều thào:

– Thật tuyệt vời. Quá hấp dẫn. Vây mới là một nhạc cụ chứ. Ước gì tôi biết cách chơi nó.

John gật đầu:

– Ông nói đúng. Nó chẳng giúp ích gì cho ông nếu ông không biết cách chơi đàn. Điều ước của ông là mệnh lệnh của cháu.

Và một lần nữa sử dụng sức mạnh djinn, cậu ban cho *el Tunchi* một tài năng mới. Cậu biến gã thành một nhạc công đàn ống vĩ đại.

John mất năm phút tiếp theo để thuyết phục *el Tunchi* rằng điều ước của gã đã được thực hiện, trước khi gã rút cuộc chịu ngồi xuống và chơi vài bản nhạc hòa tấu tuyệt vời của Bach và Handel. Và khi chơi đàn xong, gã quỳ xuống trước mặt John và hôn tay cậu. *El Tunchi* nói:

– Cám ơn ngài, hồi đức ngài vĩ đại, cám ơn ngài rất nhiều. Ngài đã ban cho tôi điều ước tha thiết nhất của tôi trên thế giới này. Tôi chưa bao giờ thích làm người khác biến mất rồi trộm sọ của họ. Trả thù chỉ là một phần nhỏ trong lý do tôi làm việc đó. Sự bực bội khi không có lấy một cây đàn đànng hoàng để chơi mới là lý do chủ yếu.

– Cháu rất vui khi nghe ông nói như vậy.

Và John thật sự rất vui. Âm thanh của cây đàn ống khổng lồ nghe thật tuyệt vời trong khu rừng này. Trên thực tế, dưới tai John, nó tựa như âm thanh của văn minh. *El Tunchi* nói:

– Nhưng trước khi trả ngài về với cậu của ngài, tôi có một điều quan trọng cần nói với ngài. Một điều sẽ giúp ngài trong việc tìm kiếm Paititi.

* * *

Cậu Nimrod nói:

– Cháu đây rồi. Cậu đang tự hỏi cháu chạy đi chơi đâu rồi.

John thanh mình:

– Cháu không có chạy đi chơi đâu hết. Cháu đã biến mất. Vì cháu đã trả lời tiếng huýt sáo của *el Tunchi*.

Rồi John kể cho cậu Nimrod nghe về *el Tunchi* và cuộc thi huýt sáo. Cậu Nimrod gật gù:

– Thế nào! Cách đây ít lâu, một trận gió dữ dội đã vô duyên vô cớ quét qua khu rừng này. Ra là cháu.

– Chính xác thì cháu đã ở đâu vậy cậu? Khi cháu biến mất ấy?

Cậu Nimrod nhún vai:

– Khó nói lắm. Thế giới tiếp theo. Thế giới trước đây. Thế giới bên cạnh. Không thế giới nào thật sự thích đáng để nói về nơi cháu đã ở. Hay chính xác hơn, nơi cháu không ở. Cháu đã ở đây và ở đó gần như cùng một lúc. Hay nói cách khác, gần như chẳng ở đâu cả.

– Ý cậu là, giống như hai chiều không gian?

– Ừ. Nhưng cũng không hẳn vậy.

– Vậy làm sao cậu có thể cảm thấy trận gió từ tiếng huýt sáo của cháu?

– À, đó là vấn đề với sự huýt sáo. Nếu tiếng huýt sáo kéo dài đủ lâu, nó thật sự có thể di chuyển giữa cái mà cháu gọi là hai chiều không gian. Có rất nhiều trận bão lốc bắt nguồn từ tiếng huýt sáo vu vơ của những hồn ma.

– Cháu hiểu rồi.

Nói là nói vậy, nhưng John vẫn không hiểu lắm. Không thật sự hiểu. Cậu Nimrod bảo:

– Dù sao thì, giờ cháu đã quay lại. Đó mới là điều quan trọng. Chúng ta nên đi thôi. Trong khi cháu biến đi chơi đùa với *el Tunchi*, con dơi của Zadie đã quay lại với một bức thư nữa từ Virgil McCreeby. Gã nói rằng gã đang bị lạc trong rừng. Gã bảo Zadie nhập vào con dơi để có thể bay đến giúp gã xem thử chính xác gã đang ở đâu.

Vẫn rất lo lắng về em gái của cậu cùng những người khác, John buồn bã gật đầu và hỏi:

– Có nghĩ là chúng ta vẫn còn thời gian đi tìm Philippa và những người khác hả cậu?

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Cậu e là không. Nhìn này, John, họ sẽ phải tự lo cho bản thân. Cậu có cần nhắc cho cháu nhớ Faustina đã yêu cầu chúng ta làm gì không? Chúng ta phải che giấu Mắt Rừng. Nếu không làm được điều đó, chúng ta không

thể ngăn cản ai đó tìm ra thành phố mất tích Paititi. Sẽ không tốt chút nào nếu đó là nơi McCreeby đang cố tìm đến. Cậu có thể cá với cháu như thế. Chúng ta phải chặn gã lại. Bằng bất cứ giá nào. Cháu hiểu không? Bằng bất cứ giá nào.

John gật đầu. Hiếm khi cậu Nimrod nói năng với vẻ lo lắng thấy rõ như vậy. John nói:

– Nhắc mới nhớ, *el Tunchi* đã đưa cho cháu cái này. Ông ấy bảo nó có thể giúp chúng ta tìm ra Paititi. Dù cháu hoàn toàn không biết bằng cách nào, hay thậm chí nó là gì.

John đưa cho cậu Nimrod một thứ nhìn giống như một sợi dây chuyền làm từ vài trăm đoạn dây màu – nhiều cái trong số đó có thắt nút.

Cẩn thận kiểm tra món đồ, cậu Nimrod cho biết:

– Đây là khipu. Khác với những nền văn minh thời Đồ Đồng khác, người Inca không có ngôn ngữ viết. Vì vậy, đây là cách họ mã hóa và ghi lại những thông tin quan trọng.

– Ồ? Thế nó có nghĩa gì vậy cậu?

Cậu Nimrod thú nhận:

– Cậu không biết. Cậu không nghĩ có người biết. Ngày nay, *khipu* cũng là một bí mật chẳng kém gì chữ tượng hình Ai Cập vào trước thời Champollion giải mã được ý nghĩa của chúng. Hãy hy vọng một giải pháp cho vấn đề này tự xuất hiện. Nhưng vì bản thân của hy vọng hiếm khi đủ cho chính nó...

Cậu Nimrod mở ba lô của ông Vodyannoy và rút ra một cuốn sách.

– *Đơn giản hóa khipu của người Inca*, viết bởi Terence Forelock. Anh Frank đã mang cuốn sách này theo từ thư viện của anh ấy ở New Haven vì nghĩ nó có thể có ích. Nên nhớ rằng không phải chỉ có các hạt lệ mặt trời bị trộm đi. Faustina đã nói còn có vài sợi *khipu* cùng một cây quyền trượng bằng vàng bị trộm khỏi bảo tàng ở Berlin. Có lẽ cuốn sách này sẽ cho chúng ta biết một ít về điều chúng ta cần biết để hiểu được thông điệp chứa đựng trong những sợi dây này.

John hỏi:

– Vậy giờ chúng ta đi đâu đây?

Cậu Nimrod trả lời:

– Chúng ta phải tiếp tục tiến về phía Mắt Rừng. Dựa theo đường đi mà cậu đã ghi nhớ từ bản đồ của Faustina.



Chương 15

Trỗi dậy

Khi Philippa rơi tuột xuống cái miệng hố khổng lồ, cô ước có một - còn gì khác nữa? - cái dù nhảy. Nhưng cơ thể cô vẫn chưa đủ ấm để vận hành sức mạnh djinn, nên đến khi cô thềm thì xong từ trọng tâm của mình và chẳng có cái dù nào xuất hiện, những âm tiết cuối cùng của từ FABULONGOSHOO MARVELISHLY WONDERPIPICAL trở thành một tiếng thét. Dĩ nhiên cô không thể ngăn mình hét lớn, như một người bị ngã khỏi cửa sổ của một tòa nhà chọc trời ở Manhattan.

Hoặc rớt khỏi một cái máy bay mà không có dù.

Và rồi, ngay khi cô nhắm mắt lại và nghĩ rằng cô có thể sẽ chết vì sợ - vì trái tim của cô đang có cảm giác như thể nó còn đập mạnh hơn vó của một con ngựa phi nước đại - tốc độ rơi xuống của cô thành lình chậm lại cho đến khi, trong một giây, cô dường như lơ lửng tại chỗ. Philippa nghe thấy tiếng thở dài nhẹ nhõm của chính mình và mở mắt ra. Luồng khí đã quay trở lại và đang tăng dần sức mạnh. Cô hỗn hển:

- Mình ngừng lại rồi. Cám ơn thánh thần. Mình ngừng lại rồi. Mình ngừng lại rồi.

Dần dần, cô bắt đầu được đẩy lên trên. Và khi đến cái mép hố nơi chỉ vài giây đứng tim trước đó cô đã nhảy ra, tốc độ đi lên của cô đã nhanh gần

bằng tốc độ rơi xuống ban này. Cô chỉ có đủ thời gian để vẫy tay và hét lớn với ông Groanin, ông Sicky và ông Muddy rằng cô sẽ gặp họ ở trên đỉnh hoặc ở bên ngoài.

Nếu cô đi chậm hơn một chút, có lẽ cô sẽ nghe được lời nhận xét của ông Groanin khi ông quay mặt khỏi mép hố với một giọt lệ trên mắt. Ông nói:

– Tôi cứ nghĩ nó chết chắc rồi. Tôi nói, tôi cứ nghĩ cô bé con đó chết chắc rồi. Tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho bản thân nếu có chuyện xảy ra cho nó. Sau tất cả những gì chúng tôi đã cùng nhau trải qua. Tôi không biết phải bắt đầu kể từ đâu nữa. Những lần nó đã cứu vớt món thịt xông khói của tôi.

Lắc lắc đầu, ông rút ra một cái khăn tay và xì mũi một tiếng lớn. Ông lí nhí bảo:

– Xin lỗi.

Cái đầu nhỏ xíu vẫn đang quan sát hành trình đi lên kẽ núi của Philippa, ông Sicky huýt sáo và khen:

– Ngay cả khi cô ấy là một djinn, tôi cũng phải nói cô ấy thật sự rất can đảm.

Ông Groanin gật đầu:

– Philippa là thế.

Thi thoảng dứt tay vào luồng khí mãnh liệt giờ đây đang thổi ngược lên kẽ núi, ông Muddy nói:

– Tôi chưa bao giờ trông thấy một việc như thế này. Cái cách luồng khí xuất hiện và biến mất như một cái máy sấy tóc khổng lồ ấy.

Ông bắt đầu đi ngược lên lối đi cứng như đá.

– Tôi nghĩ nếu tôi ngừng lại suy nghĩ về chuyện này, có lẽ tôi sẽ không có đủ can đảm để đi theo cô bé. Nên tôi sẽ không làm vậy.

Hoàn toàn hiểu lầm ẩn ý trong lời nói của ông Muddy, ông Groanin gật gù:

– Tôi cũng nghĩ như vậy. Tôi không nghĩ giờ tôi dám nhảy nữa.

Ông Muddy giải thích:

– Ý tôi là, tôi sẽ không ngừng lại để suy nghĩ.

Rồi chạy nhanh một đoạn, ông nhảy vào giữa luồng khí và bị thổi ngược lên kẽ núi sau Philippa với một tiếng hú lớn đầy nhẹ nhõm và hồ hởi. Ông Groanin thốt lên:

– Khi thật, tôi cứ nghĩ anh ấy bảo sẽ không nhảy. Ai ngờ anh ấy nhảy thật.

Ném cho ông Sicky một ánh mắt lo lắng, ông Groanin hỏi:

– Anh cảm thấy như thế nào về chuyện này, bạn già Sicky?

Ông Sicky trầm ngâm đứng vuốt những sợi chỉ mà những thổ dân Xuanaci đã khâu vào môi ông, thứ nhìn giống bộ ria mép của những viên quan Tàu thời xưa. Lắc lắc cái đầu teo nhỏ của ông, ông Sicky nói:

– Bệnh. Rất bệnh. Bao tử của tôi có cảm giác như thể tôi vừa nuốt một thứ gì đó rất kinh tởm. Nhưng có lẽ anh Muddy nói đúng. Có lẽ tốt nhất ta không nên nghĩ gì. Có lẽ tốt nhất ta chỉ cần hành động, anh nhỉ?

Vừa nói, ông Sicky vừa bước ngược lên con đường dẫn tới mép hố. Rồi ông quay lại, tay nắm chặt thành năm đấm, và lên tư thế sẵn sàng như một vận động viên chạy nước rút.

Nuốt nước bọt một cách khó khăn, ông Groanin lí nhí gọi:

– Sicky. Sicky, bạn già. Hãy bàn kỹ về chuyện này. Nếu anh nhảy, sẽ còn có một mình tôi ở dưới này, và tôi không chắc tôi có thể nhảy không.

Ông Sicky bảo:

– Anh là người duy nhất ở đây có kinh nghiệm nhảy dù. Không phải tôi. Trước đây tôi chưa bao giờ nhảy khỏi bất cứ thứ gì. Thậm chí một cái giường cũng không, vì tôi luôn ngủ trên võng. Tôi không hiểu lắm với độ cao. Nói thật, tôi cũng chẳng hiểu lắm về việc này. Nhưng anh Muddy đã nói đúng. Cái bài thơ cũ ấy nói như thế nào ấy nhỉ? “Họ không hỏi tại sao, họ chỉ làm...”

Ông Sicky phóng ngược xuống con đường mà không thêm kết thúc lời trích dẫn của mình. Trên thực tế, ông còn không biết đó là một bài thơ nổi tiếng của nam tước Alfred Tennyson. Nhưng ông Groanin biết. Không

những vậy, ông Groanin còn biết hai từ cuối cùng của câu thơ mà ông Sicky vừa nói. Khi người dẫn đường của họ bật người nhảy khỏi mép hố, ông Groanin nhăn mặt một cách bất an và yên lặng đọc nốt câu thơ:

– Họ chỉ làm và chết.

Nhưng ông Sicky không chết. Cái đầu của ông có thể nhỏ bất thường, nhưng không có gì bất ổn với khả năng phán đoán một cú nhảy xa và, như một quả cầu lông, ông nhanh chóng bay ngược lên kẽ núi.

Ông Groanin hét với theo:

– Khi thật, tại sao anh lại đi mà trích đoạn bài thơ đó chứ? “Cuộc tấn công của Lữ đoàn Ánh sáng’. Chẳng khơi gợi chút tự tin nào, biết không hả? “Sáu trăm người đi vào Thung lũng của Cái Chết”. Nó khuyên người ta phải cân nhắc kỹ, hiểu chưa, là khuyên phải cân nhắc đấy.

Rồi ông lắc đầu nói:

– Đúng là khó có thể hy vọng nhiều vào một người ngoại quốc.

Ông Groanin lại ném một viên đá vàng nữa vào miệng hố, và khi nó nổi đuôi theo ông Sicky, ông chợt nảy ra một ý. Ngay trước khi bắt đầu chạy, ông sẽ ném một viên đá khác, và nếu luồng khí thổi viên đá lên ông sẽ chạy, nếu không ông sẽ chờ. Bằng cách này, ông có thể tránh được điều đã xảy ra với Philippa. Và đó là điều ông đã làm, dù sức mạnh của ông khi ném làm viên đá xém nữa bay thẳng qua luồng khí mãnh liệt mà không dừng lại. Dĩ nhiên, nhờ cặp sinh đôi (và Dybbuk), ông Groanin sở hữu một cánh tay siêu mạnh. Nhưng vì cái bụng hơi to của ông, ông Groanin không phải là một vận động viên, đặc biệt không phải một vận động viên điền kinh, và khi ông nhảy, thay vì nhảy đưa chân xuống dưới, ông lại nhảy đưa đầu xuống dưới. Điều này khiến ông chổng ngược lên trời và, với một tiếng hét chói tai, ông Groanin bay thẳng lên kẽ núi như một quả khí cầu xì hơi to tướng, ồn ào.

* * *

Thay vì thoát lên mặt đất và ra bên ngoài, Philippa lại thấy mình bay qua một trần nhà bằng thủy tinh vỡ nát và hạ cánh trong một căn phòng đá khá lớn. May cho cô và những người theo sau cô và cái trần nhà thủy tinh đã bị đập vỡ khi ông Groanin cùng ông Sicky ném tảng đá vàng vào trong luồng khí nóng xoáy tròn để kiểm tra sức mạnh của nó. Không có việc đó, họ có lẽ đã gặp cùng một số phận bầy nhầy như những con bọ bị đập vào kính chắn gió của một chiếc xe hơi.

Trẻ trung và linh hoạt, Philippa dễ dàng đáp xuống đất bằng chân, nhưng điều đầu tiên cô nghĩ đến là về những người bạn đồng hành lớn hơn, nặng nề hơn của cô và việc họ sẽ đáp xuống đất như thế nào. Cô nhìn quanh một vòng. Căn phòng hình tròn này lớn như một cái lều của gánh xiếc, và có một trần nhà lớn hơn nhìn như kiếng phần lớn bị che phủ bởi các loại thực vật rừng rậm với chỉ vài tia sáng ánh xanh yếu ớt rọi xuyên qua. Bầu không khí đậm đặc, ướt át, ẩm thấp xen lẫn với mùi mục nát nồng nặc. Nhưng cô hiện đã đủ ấm để cảm thấy sức mạnh djinn quay lại tận xương của cô. Và cô chỉ có đủ thời gian để thăm thì từ trọng tâm của mình và biến ra một chồng nệm dày to đùng trên phần đất xung quanh cái trần nhà thủy tinh vỡ nát trước khi ông Muddy bị bắn tung lên như một trái bóng bàn trong trò chơi bắn súng ở hội chợ. Ông xoay được người giữa không trung như một con mèo lớn, và hạ cánh an toàn xuống chồng nệm mà Philippa đã chu đáo chuẩn bị.

Đoán được nguồn gốc của chúng, ông Muddy mỉm cười với Philippa và gật đầu chào cảm ơn khi đứng dậy:

– Cảm ơn cháu. Chúng rất có ích.

Chưa đầy một phút sau, đến lượt ông Sicky xuất hiện. Dường như ông bay cao hơn so với ông Muddy và Philippa, và nếu không phải vì cái đầu của ông khá nhỏ, có lẽ ông đã đập đầu lên trần. Nâng người dậy khỏi chồng nệm, ông hỏi:

– Đây là chỗ nào vậy?

Philippa không dám nghĩ ngợi gì về nơi họ đang ở cho đến khi đã chắc chắn ông Groanin được an toàn, nói:

– Cháu không biết nữa. Nhưng nó có phần rợn gai óc.

– Điều đó là chắc chắn.

Cô hỏi ông Sicky:

– Ông Groanin đâu rồi?

– Ta đoán anh ấy sẽ lên trong một vài phút nữa thôi. Ngay khi anh ấy tìm đủ lòng can đảm.

Và rồi ông Groanin đã ở đây, hét oai oái và vung vẩy tay chân loạn xạ để cố giữ thăng bằng, và nhìn có phần giống một diễn viên nhào lộn trên không trong một pha trình diễn thất bại thảm hại. Khi chạm đến trần, ông chụp lấy một cây dây leo, ôm chặt nó và ở yên trên đó, cách đầu Philippa và những người khác chừng gần mười mét. Philippa kêu:

– Ông bỏ tay ra đi. Chồng nệm này sẽ đỡ ông mà.

Ông Muddy cũng khuyên:

– Coi nào, anh Groanin. Nhảy đi.

Ông Groanin nói một cách cứng đờ vì vẫn còn sợ hãi sau chuyến bay bất thường vừa rồi:

– Cám ơn rất nhiều, nhưng tôi vẫn hài lòng với trên này. Tôi sẽ xuống khi nào bao tử tôi bắt kịp với đầu.

Philippa nhún vai bảo:

– Chừng một phút nữa ông ấy sẽ xuống thôi.

Nói rồi cô theo ông Sicky đi kiểm tra một vòng quanh căn phòng kỳ lạ. Ông Sicky nhận xét:

– Chỗ này nhìn hơi giống một nhà kiếng của người Inca. Rõ ràng nó đủ ấm.

Mim cười với ông Sicky, Philippa đồng ý:

– Vâng. Thật tuyệt khi được ấm trở lại. Xin lỗi, nhưng djinn tụi cháu cũng giống mấy con thằn lằn. Phải ấm áp tụi cháu mới khỏe mạnh được.

Nhiều loại cây lạ mọc ra từ những kẽ nứt giữa các tảng đá lớn trên sàn. Chúng có lá to bằng đĩa ăn tối, với một cái mùi không mấy dễ chịu.

Quanh chu vi vòng ngoài của căn phòng có hơn một tá hốc vuông. Mỗi cái cao chừng hơn một mét và được che đậy bởi một thứ màu xám mờ nhìn giống như một khung cửa sổ mà bạn không thể nhìn xuyên qua.

Ông Sicky thắc mắc:

– Cái gì đây nhỉ? Kính ư? Nhựa hả?

Nhìn kỹ thứ vật liệu mờ đục đó, Philippa trông thấy nó có đầy nhánh và những hình xoắn ốc nho nhỏ. Cô thử dùng móng tay gõ nhẹ một cái, rồi nói:

– Ông biết cháu nghĩ đây là gì không? Cháu nghĩ đây là tơ nhện hóa thạch. Cái này được làm từ những mạng nhện cổ đại.

Hoảng sợ bước lùi lại một bước, ông Sicky nói:

– Mạng nhện? Phải là một con nhện to lắm.

Philippa vội vã trấn an:

– Hoặc rất nhiều con nhện hợp tác với nhau. Ông đừng lo. Mấy thứ này ít nhất cũng vài trăm năm tuổi. Những con nhện dệt ra chúng đã chết từ lâu. Giống như những người đã xây dựng nơi này.

Người người không khí một cách nghi ngờ, ông Sicky nhận xét:

– Có lẽ đó là điều ta không thích về nơi này. Mùi của cái chết.

Cả cái nơi này hôi rình mùi đó.

Người thử một cái, Philippa nhăn mặt nói:

– Cháu cứ nghĩ chỉ là cháu tưởng tượng ra điều đó. Nhưng ông nói đúng. Và nó có phần quá nồng nặc, ông nhỉ?

Nắm lấy bàn tay to bè của ông Sicky, cô siết nhẹ như muốn trấn an:

– Giống nhau cả thôi mà, cháu nghĩ đó chỉ là mùi của cây cỏ nhiệt đới dưới nhiệt độ cao thôi. Đơn giản vậy thôi. Không có gì phải lo lắng về nó cả.

Cô lại gõ gõ lớp kính bằng tơ nhện cổ đại lần nữa, chỉ có điều lần này, cô cảm thấy nó có phần dính tay. Gần như thể nó đang mềm dần. Cô lẩm bẩm:

– Lạ thật. Lớp kính tơ nhện này dường như đang chảy ra.

Và rồi cô nghĩ ra nguyên nhân.

– Dĩ nhiên rồi. Hơi nóng từ kẽ núi thổi lên. Mấy thế kỷ nay nó đã bị chặn lại bởi cái trần nhà thủy tinh này. Cho đến khi chúng ta phá vỡ nó. Hơi nóng đang làm tan chảy lớp kính che bằng mạng nhện này.

Ông Sicky đề nghị:

– Có lẽ tốt nhất chúng ta không nên ở đây khi chúng tan chảy xong, cháu nghĩ sao?

– Cháu hoàn toàn đồng ý với ông. Đi nào. Chúng ta nên kiếm đường thoát khỏi đây.

Tiếp tục hành trình vòng quanh căn phòng hình tròn, họ bước xuống vài bậc thang bằng đá và đi ra ngoài, họ tìm thấy một cây cầu dây dài ngoằn ngoèo bắc qua một vực thẳm nhìn không thấy đáy. Cái vực thẳm này cũng có vẻ kéo dài đến bất tận, vì cây cầu dẫn vào một đám mây mù dày đặc. Bản thân những sợi dây trên cầu được làm từ một vật liệu màu đen được bện chắc chắn lóe sáng như tơ lụa.

Philippa thò đầu qua mép vực. Cô nhận ra cô không có mấy hứng thú với một hành trình băng qua một cây cầu dây cũ kỹ khi mà bạn thậm chí không thể thấy đáy của khoảng không mà bạn băng qua.

Ông Muddy la lớn:

– Cửa. Tôi tìm thấy một cánh cửa này.

Họ đưa mắt nhìn quanh và tạm thời không trông thấy ông ở đâu. Ông Muddy lại hét lên:

– Ở bên này nè.

Đi xuống vài bậc thang ở phía đối diện cây cầu của căn phòng, họ tìm thấy ông Muddy đang chăm chăm nhìn một cánh cửa cổ. Philippa ngừng lại xem xét nó. Cùng mẫu cửa của vài thế kỷ trước, nó cũng bị bao phủ bởi những dây leo mọc lên đến trần. Cô cầm lấy một cây dây leo gắn chặt vào cánh cửa và kéo thử. Cánh cửa nhúc nhích bên trong khung cửa, nhưng chỉ có như vậy mà thôi. Cô nhận xét:

– Có vẻ như nó bị khóa rồi. Khóa từ bên ngoài.

Ông Muddy hỏi:

– Cháu có nghĩ đây là lối ra không?

Philippa trả lời:

– Có thể, nếu chúng ta mở được nó. Nhưng ông đừng lo. Chắc chắn cháu có thể di dời tất cả những dây leo này với sức mạnh djinn. Khi đó, chúng ta sẽ biết chắc nó có phải lối ra hay không.

Cô thầm thì từ trọng tâm của mình và một con dao hiện ra trên tay ông Muddy. Ông nhe răng cười, rồi chém vào một trong những cây dây leo với phần lưỡi sắc như dao cạo, như thể đó là một con rắn nguy hiểm. Từ trên trần nhà, ông Groanin hét vọng xuống:

– Còn tôi thì sao? Tôi nói, còn tôi thì sao? Tôi đang bị kẹt trên này như một cái chụp đèn cũ phủ bụi đây này.

Philippa bật cười:

– Cháu quên mất ông Groanin già tội nghiệp của chúng ta nữa.

Đứng lùi khỏi cánh cửa, cô hét lớn trả lời viên quản gia vẫn đang tiếp tục lúng lẳng trên trần nhà:

– Tất cả những gì ông phải làm là bỏ tay ra. Mấy tấm nệm sẽ dễ dàng đỡ lấy cú ngã của ông.

Ông Groanin bướng bỉnh nói:

– Ta không có lo chuyện ngã. Ta lo nó làm ta gãy chân. Hoặc tệ hơn. Ta không còn bật cao như trước đây. Ta nói, ta không còn bật cao như trước đây.

– À này, ông có thể thấy được cái gì qua cái trần kiếng đó không?

Ông Groanin trả lời:

– Đây không phải kiếng. Nó là một thứ khác. Một thứ gì đó nhìn như kiếng. Trên thực tế, ta có thể trông thấy một thứ. Ta không chắc nó là gì, nhưng nó ở cùng hướng với cây cầu dây mà mấy người vừa thấy mới nãy. Ta không dám thò tay lấy kính của ta để chắc chắn. Nhưng có một đỉnh núi ở đó. Và hình như có một thành phố nằm trên đỉnh núi đó, như một quả anh đào.

Trong lúc đó, lớp kính che mạng nhện đã tan chảy vì nóng. Bước đến trước một trong những cái hốc, ông Sicky quan sát kỹ những thứ ở bên trong mà giờ đây ông đã có thể thấy rõ. Ông gọi:

– Philippa, ta nghĩ cháu nên đến xem cái này. Nhanh lên.

Philippa đến đứng cạnh ông và cảm thấy quai hàm cô đang từ từ rớt xuống đất.

Bên trong cái hốc là phần xác ướp còn lại của một người nhìn giống như một chiến binh Inca. Ông đang ngồi bó chân với bàn tay đặt trên cái bụng bự, nhưng với độ săn chắc và màu sắc của làn da trên mặt, ông nhìn như thể đang ngủ. Ông mang một cái mũ vàng trang trí bằng lông đại bàng, một cái giáp che ngực bằng vàng, và trên mặt đất bên cạnh ông là một cái khiên hình chữ nhật, một cây thương, một cây cung cùng mũi tên, cùng một cái túi cùi ngấn nhìn khá dữ tợn. Philippa trầm trồ:

– Thật kỳ lạ. Ông ấy chắc hẳn là một chiến binh hay gì đó tương tự. Nhìn tất cả mớ vũ khí này mà xem.

Ông Sicky bảo:

– Ta cho rằng ông ấy còn hơn là một chiến binh. Với băng đỏ vàng và lông chim trên người, ta nghĩ ông ấy có lẽ là một vị vua.

Chỉ tay về phía những cái hốc nơi những người Inca khác giờ đây đang từ từ lộ diện, ông nói tiếp:

– Người Inca có thói quen mang theo xác ướp tất cả những vị vua của họ. Ta sẽ không ngạc nhiên nếu đây là họ. Và giờ chúng ta đã biết cái mùi đó là gì. Cái nơi này. Nó là một hầm mộ.

Ông hét ngược qua vai:

– Tốt hơn anh nên nhanh tay lên với con dao đó, anh Muddy. Tôi đang có cảm giác chúng ta sắp có bạn đồng hành rồi.

Philippa trấn an:

– Ôi, ông Sicky, họ đã chết ít nhất năm trăm năm rồi. Ngoài ra, ngay cả khi họ thật sự sống lại, dù đó là một chuyện không thể, ông vẫn có một djinn

ở đây để bảo vệ ông mà. Không gì có thể xảy ra cho ông chừng nào ông còn cháu ở ngay bên cạnh.

– Okay. Nhưng dù gì, ta sẽ cảm thấy tốt hơn nếu thoát ra khỏi đây. Không thích ở quanh người chết. Kéo lại bị lây nhiễm thì khổ.

Cho rằng ông đang nói đùa, cô khế trách:

– Làm gì có chuyện lây nhiễm ở đây.

Ông Muddy bảo:

– Đó là cháu nghĩ vậy.

Rồi ông lại vun con dao lên lần nữa và cắt một đoạn dây leo dài khỏi cánh cửa và vách tường. Và ông tiếp tục kéo, ngay cả khi ông phát hiện sợi dây leo này mọc lên tận trần nhà và kéo dài đến một vị trí chỉ cách ông Groanin vài tấc.

Cảm thấy sợi dây leo mà ông đang bám vào rục rịch một cách đáng lo ngại, ông Groanin hỏi vọng xuống:

– Tôi nói, anh đang chặt cái gì vậy, anh bạn già Muddy?

Lại chém một dây leo khác, ông Muddy trả lời:

– Chỉ là cái mớ dây xanh chặn cánh cửa lại thôi.

Thấy sợi dây leo ông đang bám lại nhúc nhích lần nữa, ông Groanin dặn:

– Ở, cẩn thận một chút nhé.

Ông vừa định hét lên một lời cảnh báo cho ông Muddy thì sợi dây leo thình lình đứt ra khỏi trần nhà, và như Tarzan đu dây trong rừng với một sợi liana – tên một loại dây leo địa phương – ông Groanin bắt đầu chuyển hạ cánh nhanh chóng theo hình quả lắc của mình.

– Coi chừng, Philippa! Ta nói, coi chừng!

Ông hét lớn khi vụt xuống từ trần nhà, vì có thể thấy rõ ông sẽ đụng phải Philippa.

Philippa quay đầu quá trễ để nhìn rõ cô bị cảnh báo điều gì. Cơ thể nặng trĩch của ông Groanin đâm thẳng vào cô như một quả cầu phá bê tông. Sự va chạm làm cô tung lên khỏi mặt đất và té phụp cô vào một trong những cái hốc, cô đụng vào một trong những xác ướp vua Inca rồi nằm yên tại chỗ.

Ông Groanin không bị ảnh hưởng bởi cú va chạm, bật người dậy khỏi sàn và chạy đến cạnh Philippa. Ông thở phào nhẹ nhõm khi phát hiện cô vẫn còn thở, nhưng bất tỉnh. Đỡ Philippa dậy trên tay, ông đá cái xác ướp qua một bên, bế cô ra khỏi cái hốc đầy tử khí rồi đặt cô nằm xuống cạnh cánh cửa mà ông Muddy đã tìm thấy trước đó. Ở đó, ông Groanin bắt tay vào tìm cách đánh thức cô, vỗ vỗ má cô rồi tay cô, thậm chí dùng áo khoác của ông để quạt mát cho cô.

Quỳ xuống cạnh Philippa, Ông Sicky kiểm tra mạch đập của cô và nhận xét:

– Thật là một cú va chạm đúng nghĩa. Giống như một cú cản bóng bạo lực trong môn bóng bầu dục Mỹ ấy. Tôi đoán, cô bé con djinn này sẽ bất tỉnh một lúc lâu.

Ông Groanin nói:

- Dù sao thì nó vẫn còn sống.
- Cô ấy không phải người duy nhất sống lại đâu. Nhìn kia.

Ông Muddy chỉ tay vào cái hốc mà Philippa vừa bị văng vào, nơi vị vua Inca được ướp xác giờ đây đã đứng dậy. Cử động của ông chậm và giật giật, đúng như cử động của một người năm trăm năm bất động. Nhưng ý định của ông vẫn khá rõ ràng. Ông đang tự vũ trang với cây cung và những mũi tên đặt cạnh ông trong hốc. Những vị vua Inca khác cũng bắt đầu sống lại, và cũng đang thu thập những vũ khí thô sơ của mình.

Thô sơ nhưng hiệu quả. Một mũi tên phóng vút qua không khí, xém nữa bắn trúng lỗ tai của ông Groanin.

Vị quản gia người Anh hét toáng lên:

– Tôi nói, cẩn thận chứ. Ông có thể bắn trúng mắt ai đó với cái thứ đó đấy.

Ông Sicky bảo:

- Tôi nghĩ ý của ông ấy là vậy. Có lẽ anh không nên đá ông ấy.
- Ông ấy sống lại có phải lỗi của tôi đâu.

Khi một mũi tên khác xẹt qua không khí, ông Groanin giục:

– Làm gì đi chứ.

Ông Sicky cuối cùng đã thành công trong việc cạo bỏ lớp nhựa cây *Hevea* mà người Xuanaci đã dùng để che lại cái hình xăm thần kỳ trên bụng của ông, hiện tại nghĩ đến việc sử dụng nó để biến những vị vua Inca đang đến gần thành đá. Ông bảo những người khác che mắt lại rồi chìa cái bụng đáng sợ của ông ra trước những vị vua hung hãn.

Nó không hiệu quả. Không có vị vua nào biến thành đá. Và có thể thấy rõ lý do tại sao. Cặp mắt người chết của họ không nhìn thấy vật thể như mắt người thường. Hoặc là vậy, hoặc do cái bụng của ông Sicky vẫn quá dơ để cái hình xăm thực hiện được hiệu ứng nữ thần rắn của nó.

Ông Sicky lầm bầm:

– Ôi, giờ thì chúng ta nguy rồi.

Tay lăm lăm con dao, ông Muddy tuyên bố:

– Tôi sẽ cho họ ném mùi cái này nếu họ dám bắn một mũi tên nữa về phía tôi. Tôi sẽ chinh sửa mấy ông vua già này. Giết vài người. Để coi họ có thích việc đó không.

Ông Sicky phản đối:

– Đó là chuyện không thể, nếu như họ đã chết từ lâu.

– Có lý.

Ông Muddy gật đầu, rồi quay qua chặt bỏ sợi dây leo che cửa cuối cùng và cố kéo mở cánh cửa.

Một lần nữa cố gắng đánh thức Philippa trong vô vọng, ông Groanin khẩn cấp gọi:

– Philippa! Chúng ta cần sự giúp đỡ của cháu. Tỉnh nhanh lên. Trước khi mấy gã zombie này biến chúng ta thành mấy cái gỏi cắm ghim mất.

Ông Sicky bảo:

– Vô ích thôi. Có lẽ anh nên xin lỗi. Xét đến cùng, anh là người đã đá ông vua kia trước.

Ông Groanin bật dậy và cúi người một cách nghiêm trang trước vị vua Inca nhìn giống như một chiến binh. Với một thái độ đặc biệt khiêm nhường

– xét đến cùng ông cũng là một người Anh, và không ai có thể nói chuyện với các vị vua và nữ hoàng như một quản gia người Anh – ông nói:

– Thưa các đức vua và hoàng tử đáng kính, thưa điện hạ, thưa bệ hạ, thưa thánh thượng, xin hãy tha thứ cho sự vô tình xâm nhập của chúng tôi. Tôi cầu xin được sự thứ lỗi của các ngài, nhưng tôi nghĩ đã có một nhầm lẫn ở đây. Chúng tôi không phải là kẻ thù của các ngài. Chỉ là những lữ khách không có ác ý. Chúng tôi không hề có ý định làm phiền giấc ngủ của các ngài. Nhưng nếu chúng tôi làm các ngài phật ý, xin hãy chấp nhận sự kính trọng và nhận lỗi thành tâm nhất của chúng tôi, cùng với lời đảm bảo hèn kém của chúng tôi rằng chuyện này sẽ không lặp lại lần nữa.

Một cây thương Inca trượt cái xoảng qua lớp đá lát sàn hướng về phía mũi giày của ông Groanin. Nhận ra có nói thêm nữa cũng vô ích, viên quản gia quay lại và tuyệt vọng lôi kéo cánh cửa.

Ông Muddy nói:

– Vô ích. Cánh cửa đó vẫn kẹt cứng.
– Tất cả chúng ta sẽ bị kẹt cứng trừ khi cánh cửa đỡ hơi này mở ra, Muddy ạ.

Rồi nắm tay lại thành nắm đấm, ông Groanin đập mạnh lên cửa.

– Tôi nói, có ai ngoài đó không? Ai đó làm ơn mở cửa giùm đi. Tôi nói, mở cánh cửa đỡ hơi này ra giùm!



Chương 16

Mắt rừng

Ba lô khoác vai, John và cậu Nimrod men theo đường mòn phát rừng mà đi trong suốt vài tiếng đồng hồ cho đến khi đến được địa điểm mà tối hôm trước họ, dưới hình dáng hai con báo đốm hung dữ, đã vật lộn và giết chết con anaconda khổng lồ *khổng lồ*. Thật dễ để nhận ra nơi này. Khắp nơi đầy bụi rậm, cây cối gãy nát, và trong một hốc đá còn có cả một vũng máu lớn.

Tuy nhiên, hai djinn không nấn ná lại đây để tận hưởng dư vị chiến thắng của mình. Trước sự thúc giục của cậu Nimrod, cả hai vội vàng đi tiếp để có thể đến được chỗ Mắt Rừng trước khi màn đêm buông xuống. Và sau một hoặc hai tiếng đồng hồ phát rừng mà đi, cuối cùng họ đã tìm thấy nó. Hay nói đúng hơn là cậu Nimrod đã tìm thấy nó, vì lớp đá xanh trên cánh cửa bị cây rừng phủ kín đến mức người ta có thể dễ dàng bỏ qua bóng dáng vuông vức của nó trong bóng tối Amazon đang dần buông. Và với con mắt mệt mỏi của John, chỉ có sự ngay hàng thẳng lối của những thân cây lâu năm cao lớn vây quanh những phiến đá là đáng chú ý. Nhưng vì đã quá mệt để có thể quan sát thêm, hai djinn nhanh chóng dựng lều để có chỗ gục ngủ.

Sáng hôm sau, John tỉnh dậy với một cái bụng kêu đói ầm ĩ cùng một linh cảm mãnh liệt. Cậu Nimrod đã chuẩn bị sẵn một bữa sáng thịnh soạn với thịt xông khói, xúc xích và trứng, và ngay khi chúng được giải quyết xong, họ bắt tay vào việc nghiên cứu cánh cửa kỳ lạ đang mục nát dần đó. Với tỉ lệ và

chi tiết cho thấy rõ đó là một kiến trúc của nền văn hóa Inca, nó nhỏ hơn một cánh cửa bình thường của một ngôi nhà bình thường chừng một hoặc hai feet. Điều kỳ lạ nhất về cánh cửa cổ đại này là ở một mặt của nó có một cái chốt được khóa lại bởi một nút thắt khổng lồ nhìn như một đoạn tóc thắt bím.

John nhận xét:

– Người Inca chắc nhỏ con lắm.

Cậu Nimrod nói:

– Ờ, cậu cũng nghĩ thế. Chắc vậy.

John hỏi:

– Cậu có chắc đây là nó không?

Cậu Nimrod trả lời dứt khoát:

– Hoàn toàn chắc. Trên bản đồ mà Faustina đưa cho anh Frank Vodyannoy có đề một tọa độ. Một đơn vị kinh độ và vĩ độ cụ thể. Và đó là nơi này. Nhìn nè.

Rồi cậu chìa cho John xem một máy định vị vệ tinh cầm tay. Nó xác nhận điều cậu vừa nói.

John thắc mắc:

– Nhưng nó nhìn không giống bức hình trên báo. Đầu tiên, hình dáng của cánh cửa này không giống một con mắt chút nào.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Ừ, nó không giống.

– Và không giống cánh cửa trong hình, cánh cửa này có vẻ như được làm từ kim loại chứ không phải gỗ. Đó là chưa kể đến cái nút thắt khổng lồ khóa cửa. Ý cháu là, đâu có cái nút thắt nào trong hình đâu.

Cậu Nimrod bảo:

– Cậu phải thú nhận là cậu chưa bao giờ tận mắt trông thấy Mắt Rừng trước đây, cho đến khi cậu, cũng như cháu, nhìn thấy nó trên báo. Hoặc ít nhất, cậu nghĩ cậu đã nhìn thấy nó trên báo. Nhưng hiển nhiên cháu nói đúng. Cánh cửa này nhìn khác hoàn toàn với cái mà chúng ta đã thấy trên tờ

Herald Tribune. Như cháu đã nói, cánh cửa trên báo có hình dáng như một con mắt, trong khi cái này rõ ràng không phải vậy. Nó hình chữ nhật rành rành thế này mà.

Không mấy để ý, John chặt bớt mớ thực vật che phủ cánh cửa đá không dẫn đến đâu ngoài khu rừng sau lưng. Tiếng ồn và chuyển động của con dao rựa làm phiền một bầy vẹt đang đậu trên cao, khiến chúng ré lên một âm thanh nghe như tiếng đàn violin than khóc trong một phim kinh dị của Hitchcock.

Dưới đôi tai ngờ vực của John, mấy con khỉ trên cây gần như đang cười nhạo cậu.

Vì có thể trông thấy cậu Nimrod đang hơi bực bội về một chuyện gì đó, John cẩn thận nói:

– Cậu có nghĩ chuyện chỗ này không có dấu vết thám hiểm nào có phần kỳ lạ không? Chẳng có ai từng thử dùng dao chặt bỏ mớ dây leo khỏi cánh cửa này cả. Một chuyện mà đáng lẽ họ phải làm nếu muốn chụp hình lại, đúng không?

Ánh mắt tinh tường của John đảo quanh mặt đất khi cậu nói tiếp:

– Hoặc là họ rất giỏi che đậy dấu vết, hoặc là họ chưa từng đến đây. Trên thực tế, cháu nghĩ chẳng có ai viếng thăm nơi này trong suốt vài trăm năm qua.

Cậu Nimrod bảo:

– Cháu đang mạnh mẽ kết luận đấy, John. Tuy nhiên, điều cháu nói lại hoàn toàn đúng. Có vẻ như tờ *Herald Tribune* và, quan trọng hơn, toàn bộ thế giới djinn đã là nạn nhân của một trò đùa. Giờ đây cậu đã hiểu rõ bức hình trong tờ báo đó chỉ là giả, và nhiều khả năng tác giả của nó chính là Virgil McCreeby.

John hỏi:

– Cậu cho rằng gã đã lợi dụng nó để dụ chúng ta đến đây à? Để *chúng ta* có thể dẫn hẳn đến chỗ Mắt Rừng?

Cậu Nimrod gật đầu:

– Cậu tin là vậy. Có vẻ như McCreeby lại trên đường tìm kiếm quyền lực hoặc tiền bạc như bình thường. Hoặc có lẽ cả hai. Giá trị nội tại của cánh cửa này vốn không phải không cao.

John nhăn mặt:

– Giá trị *nội tại* là gì mới được?

John đang bắt đầu cảm thấy có phần bức bối với việc cậu Nimrod ngăn không cho cậu đi giải cứu Philippa và những người khác, chỉ vì họ phải cấp bách đi kiếm cánh cửa bí mật dẫn đến một thành phố mất tích mà nhiều khả năng vẫn sẽ bị mất tích trong một thời gian dài.

Cậu Nimrod trả lời:

– Là giá trị vật chất.

Sau khi chặt bỏ vài sợi dây leo, cậu Nimrod bắt đầu dùng mũi dao cạo đi một ít rêu mốc bám trên một khu vực nhỏ của cánh cửa rồi bảo John:

– Nhìn này.

Trước sự kinh ngạc của John, một thứ gì đó sáng ngời và phản quang dần hiện rõ trước mặt cậu.

John thàn thì:

– Thánh thần Peru ơi, là vàng.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Đúng vậy. Là vàng ròng. Đây là một phần của cái bẫy mà Ti Cosi đã dựng nên cho những kẻ xâm lược ham vàng. Để họ có thể nghĩ lầm rằng đây là một cánh cửa tượng trưng nào đó dẫn đến El Dorado, thành phố vàng trong truyền thuyết. Với kích cỡ và trọng lượng của cánh cửa này, cậu nghĩ nội tính riêng giá trị vàng đã lên đến vài triệu đô la.

John thắc mắc:

– Nhưng cậu không cho rằng McCreeby chỉ đơn giản theo đuổi giá trị vật chất của cánh cửa này à?

– Không. Có lẽ thứ nằm sau cánh cửa này mới là thứ quan trọng với một kẻ phản diện như Virgil McCreeby. Và nhất định nó phải là một thứ liên quan đến ba cái đĩa vàng đó.

John hỏi lại:

– Cậu đang nói đến những hạt lệ mặt trời à?

Cậu Nimrod gật đầu rồi nói tiếp:

– Có lẽ gã định dùng những hạt lệ để đi qua cánh cửa này. Cậu chỉ nghĩ, có lẽ gã đã khám phá ra chi tiết của nghi lễ bí ẩn *kutumunkichu* từng được Manco Capac thực hiện.

John kết thúc câu nói thay cậu Nimrod:

– Để gã có thể học được bí mật tạo vàng.

Cậu Nimrod nói:

– Đúng là gã có được một thư viện tuyệt vời. Có thể là thư viện tuyệt vời nhất so với những thư viện cùng loại trên thế giới. Và dĩ nhiên ham mê tạo vàng phù hợp với tính cách của gã.

John nhìn một bên cửa rồi đến bên còn lại. Cậu nói:

– Có lẽ điều này nghe có vẻ ngu ngốc, nhưng cháu nghĩ cánh cửa này nhìn như thể nó chẳng dẫn đến đâu ngoài mặt bên kia của nó.

Cậu Nimrod bảo:

– Nếu là vậy, Ti Cosi sẽ không bỏ bao công sức để tạo ra một nút thắt lớn tinh vi như vậy để khóa lại cái chốt.

John phản đối:

– Đúng, nhưng nếu cánh cửa này vốn là một cái bẫy, vậy tại sao ông ấy phải mất công khóa nó lại? Ngoài ra, cháu không tưởng tượng nổi cái nút thắt này có thể cản bước những người lính vũ trang với thép Toledo. Cũng giống như cái nút thắt nổi tiếng của vua Gordius không thể nào cản bước Alexander Đại Đế. Thay vì gỡ nút thắt, ông ấy chỉ đơn giản rút kiếm chém nó đứt làm hai, không phải sao?

Cậu Nimrod giải thích:

– Cái nút thắt này được tạo ra vì cư dân bản địa. Để họ không vô tình đi qua cửa. Cư dân bản địa không bao giờ dám gỡ hoặc chặt đứt một nút thắt linh thiêng được buộc lại bởi một thầy tu quan trọng như Ti Cosi. Nó bị coi như một hành động báng bổ thần thánh. Không, mục đích ở đây là nếu

những kẻ xâm lược xuất hiện, họ có lẽ sẽ cắt đứt nút thắt và lòng tham vàng của họ sẽ thực hiện nốt phần còn lại của kế hoạch. Ý cậu là, rõ ràng họ sẽ phải tìm cách dời cánh cửa đi, và để làm được điều đó, họ cần phải bước qua nó.

– Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra nếu bước qua cánh cửa? Nó dẫn đến đâu? Và làm ơn đừng nói là “phía bên kia”, kéo cháu phải đập đầu vào một trong những cái cây này mất.

Cậu Nimrod thú nhận:

– Cậu cũng không hoàn toàn nắm chắc cái gì ở bên kia cánh cửa. Để tìm ra câu trả lời, chúng ta sẽ phải gỡ cái nút thắt này, một việc mà cậu sẽ không làm.

– Gì cơ? Chúng ta đã mất công đi đến tận đây chỉ để bỏ mặc nó và quay về nhà sao? Cháu chẳng hiểu gì cả.

Cậu Nimrod nói:

– Trên thực tế, chuyện này hoàn toàn dễ hiểu. Giờ đây, khi cậu đã nghĩ đến việc McCreeby *dụ* chúng ta đến đây, đến Mắt Rừng, để gã có thể biết được vị trí chính xác của nó, cậu hoàn toàn không muốn gỡ cái nút thắt này. Cho dù cậu có thể.

John nhún vai bảo:

– Nhưng lỡ McCreeby chỉ đơn giản cắt cái nút này làm hai như Alexander thì sao? Trong ấn tượng của cháu, gã Virgil già này có lẽ sẽ không bận tâm đến việc phạm phải một, hai hành động báng bổ thần thánh đâu.

Cậu Nimrod lại thờ dài và đưa mắt nhìn quanh.

– Ừ. Có lẽ đó cũng là sự thật. Mọi chuyện bắt đầu có vẻ như Faustina đã lo lắng đúng, và nơi này cần đến một sự bảo vệ khác ngoài một cái nút thắt linh thiêng cùng mấy cây lupuna.

John liếc nhìn mười mấy cái cây vây quanh Mắt Rừng. Cao ít nhất cũng bốn mươi lăm mét, mỗi một cái cây có phần gốc to như một cái nhà.

Cậu thừa nhận:

– Cháu không thấy được một vài cái cây lâu năm có thể ngăn chặn một kẻ như Virgil McCreeby như thế nào.

Cậu Nimrod cho biết:

– Những cái cây này chứa đựng những linh hồn cổ đại có nhiệm vụ bảo vệ rừng mưa. Những vị thần cây sẽ theo ám cháu nếu cháu không tôn trọng cây cối hay *chakra* – những khoảng rừng trống linh thiêng – mà họ thỉnh thoảng bảo vệ.

– Nếu họ không thể ngăn chặn thợ đốn củi chặt cây, họ còn có thể chống lại một thầy pháp thành thạo như McCreeby sao? Rõ ràng điều mà khu vực đặc biệt này cần đến là một thần chú chu vi. Giống như cái cậu đã tạo ra ở khu trại sau khi chúng ta bị rết khổng lồ tấn công ấy.

Ngước mắt nhìn lên những ngọn cây, cậu Nimrod nói:

– Không may là mọi chuyện không đơn giản như vậy. Có vẻ như có một lý do hiển nhiên cho việc không có thợ đốn củi nào từng đến đây. Hãy thử nhìn lại xung quanh cháu xem. Chúng không làm cháu nhớ đến điều gì sao?

Lần theo ánh mắt của cậu Nimrod, John trông thấy những cành cây cao nhất – cậu đếm được mười sáu cây lupuna – dường như hợp lại với nhau theo vòng cung, tạo thành một dạng mái vòm ở trên đầu họ. Cậu nhún vai bảo:

– Cháu không biết. Cháu chỉ nghĩ cái cách mấy cái cây này mọc thẳng đứng và ngay hàng như vậy có phần kỳ kỳ. Gần như những cái cột. Và cả cái cách tất cả ngọn cây hợp lại với nhau nữa. Giống như chúng đã được thiết kế như vậy.

Rồi nhún vai lần nữa, cậu kết luận:

– Cháu đoán là, nó gọi cháu nhớ đến một nhà thờ.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Chính xác là vậy. Cháu thấy đó, đây không chỉ là một *chakra* đơn thuần. Đây là một thánh địa. Một *abadía de árboles*, hay tu viện cây. Cậu sẽ không sử dụng sức mạnh djinn để tạo ra một chú trói buộc trong một tu viện

cây, giống như cậu sẽ không làm vậy trong một nhà thờ Công giáo, Hồi giáo hay một giáo đường Do Thái. Cậu không nghĩ Chúa thích điều đó.

John nói:

– Chúng ta phải làm gì đó mới được. Chính cậu đã nói nơi này cần được bảo vệ thêm trước Virgil McCreeby.

Cậu Nimrod lầm bầm:

– Đúng, nhưng làm gì mới được?

Rồi lắc đầu, cậu bảo:

– Đèn ơi, việc này đòi hỏi một sự suy nghĩ chín chắn, cẩn thận. Cậu cần vào lều nghỉ một lát để có thể tạm ngưng tư duy và cân nhắc vấn đề thông qua quá trình tự xem xét nội tâm.

John gật đầu mặc dù cậu hoàn toàn không hiểu cậu Nimrod đang nói gì. Nhưng so với trước đây, cậu hiện đã quen dần với việc đó.

Cậu Nimrod hỏi:

– Cháu ở một mình một lát được không?

John trả lời:

– Dĩ nhiên ạ. Có lẽ cháu sẽ đi xem lại cuốn sách về *kipu*. Để thử tìm ra ý nghĩa của sợi dây mà *el Tunchi* đã đưa cho cháu.

– Ý hay đó.

Nói rồi cậu Nimrod chuyển cuốn sách qua cho cháu trai, sau đó John rời khỏi lều để cậu được yên tĩnh một mình.

Cậu bé djinn ngồi xuống, dựa lưng vào một cây lupuna, và bắt đầu đọc.

Nhiều phút trôi qua và John cảm thấy mí mắt cậu đang bắt đầu sụp xuống. Cậu chưa bao giờ là một người ham đọc sách. Cuốn sách dài nhất mà cậu từng đọc là cuốn *Ngàn lẻ một đêm* mà cậu Nimrod đã ẽm chú trói buộc djinn để John có thể tỉnh táo đọc một lều hết sạch cuốn sách chỉ trong một đêm. Nhưng cuốn sách này thì khác. Nội dung của nó toàn về toán học, một môn học chưa bao giờ là thế mạnh của John, và chẳng mấy chốc cậu đã nhận rõ tác giả của cuốn sách chỉ có một khái niệm mơ về cách đọc *kipu*.

Điều rõ ràng hơn với John là ý nghĩ của chính cậu, nếu như những thứ bạn mơ thấy khi đang ngủ vùi bên trong một thân cây có thể được gọi là ý nghĩ. Và nó cũng không còn là ý nghĩ và giấc mơ của chính cậu nữa, vì tất cả những thông tin đang xoáy tròn trong đầu óc hoàn toàn say ngủ hiện tại của cậu, những thông tin về sợi *kipu* mà cậu đang cầm trên tay, đến từ một linh hồn cổ đại nằm sâu trong cây lupuna. Vì dù có lớp vỏ rất cứng, loài cây lupuna có thể dễ dàng hấp thu những người khinh suất ngủ tựa vào chúng, đôi lúc trong một thời gian ngắn và đôi lúc lâu hơn. Tương truyền rằng có người đã bị hút vào một cây lupuna trong suốt vài thế kỷ. Tuy nhiên, nhận ra John là một djinn – mà cụ thể là một djinn tốt – cây lupuna đặc biệt này chỉ hấp thu cậu trong chừng một hoặc hai giờ. Dù lâu để vị thần cây có thể truyền cho John kiến thức về *kipu* và cách đọc chúng, cũng như ý nghĩa thật sự và giải pháp cho cái nút thắt trên cánh cửa Mắt Rừng. Nó vừa phức tạp, nhưng cũng vừa đơn giản.

John thành linh thức dậy với một cảm giác chắc chắn rằng cậu vừa nghe được một âm thanh gì đó bất thường. Một cái liếc mắt về phía lều của cậu Nimrod cho John biết cậu của cậu vẫn còn đang chín chắn suy nghĩ bên trong, giống như Achilles (dù không bản tính như vậy), và cậu Nimrod không phải là nguồn gốc của tiếng động đó. Trong một giây, cậu quên sạch tất cả mọi điều về ý nghĩa thật sự của *kipu* mà cậu đã được truyền đạt trong cây lupuna. Quăng cuốn sách uyên bác mà cậu đang đọc qua bên, John đứng dậy và đi vòng quanh trại cho đến khi cậu nhận ra cái gì đã quấy rối giấc ngủ vùi trong cây của cậu. Cánh cửa trong Mắt Rừng đang run nhẹ, như thể có ai đó ở phía bên kia đang cố mở nó ra.

Bước một vòng lớn quanh cánh cửa Mắt Rừng đứng sừng sững giữa rừng, John cân nhắc chuyện gọi cậu Nimrod. Không nghi ngờ gì nữa. Ai đó, hoặc thứ gì đó, đang cố mở cánh cửa. Nó giống như cảnh trong một bộ phim kinh dị khi một hồn ma vô hình dịch chuyển một vật thể vô tri giác nào đó, như một món đồ chơi hay một cái kệ sách. Vì theo như những gì cậu nhìn thấy, John biết không có gì ở bên kia cánh cửa.

Lờ đi cơn nổi da gà của mình, John nhặt con dao lên, tiến đến gần hơn, gõ gõ cánh cửa với phần lưỡi dao sắc bén và hỏi:

– Hello, có ai ở đó không?

Cánh cửa ngừng nhúc nhích trong giây lát, như thể người ở bên kia cánh cửa đã nghe thấy tiếng cậu. Cậu nghĩ thầm rằng điều này cũng giống như trong phim kinh dị: cách mà một vật thể trở lại bình thường khi nó ngừng dịch chuyển chẳng vì lý do gì.

Lại bước đến gần hơn, rút cuộc cậu cúi đầu và tai về phía mảng vàng lóa sáng trên cửa mà cậu Nimrod đã làm lộ ra trước. Cậu hỏi lại:

– Có ai ở đó không? Chuyện là, cánh cửa này không thể mở ra vì mặt bên này có một cái nút thắt to đùng khóa lại chốt. Nên có cố mở nó ra cũng là vô ích thôi. Hiểu chưa?

Cánh cửa lại rục rịch bên trong cái khung đá của nó, lần này rõ ràng hơn nhiều. Rồi có tiếng ai đó đập mạnh vào cửa, khiến cậu sợ đến nổi tim cậu nhảy dựng trong lồng ngực như một chú cún con kích động và phải lùi lại vài bước.

Ôm ngực, cậu nói:

– Ôi.

Nhưng rồi cậu nghe thấy một giọng nói khác. Một giọng nói đến từ xa xăm. Như thể từ một thế giới vô hình bị mất tích khác. Đó là một giọng nói mà cậu chắc chắn mình nhận ra. Giọng nói thuộc về ông Groanin, và nghe như thể ông đang gặp rắc rối.



Chương 17

Xuyên cửa

Khi nghe được âm thanh mà cậu nghĩ là tiếng cầu cứu của ông Groanin, phản ứng đầu tiên của John là dùng dao chặt bỏ cái nút thắt lớn phức tạp khóa cánh cửa của Mắt Rừng, nhưng thật may cái đầu mơ ngủ của cậu còn đang tạm thời bị hấp thu trong cây lupuna, vì cái cây đã thông báo cho bộ não tiềm thức của cậu bé djinn rằng cái nút thắt đó có chứa đựng một từ bí mật rất quan trọng. Được mã hóa dưới dạng nút thắt, cái từ bí mật này đã được lưu truyền qua nhiều thế hệ thầy tu Inca và chỉ được tiết lộ cho các vị vua Inca. Bí mật này về sau mới trở nên rõ ràng hơn với John, nhưng hiện tại, với lưỡi dao của cậu chỉ cách cái nút thắt chưa đến một milimet, John kịp thời ngừng lại rồi bắt tay vào việc gỡ nút thắt.

John hét vọng qua cánh cửa:

– Ông ráng kiên trì một chút nhé, ông Groanin. Cháu đang đến cứu ông đây.

Việc gỡ nút không làm cậu tốn nhiều thời gian. Giống như nhiều bài toán nhìn có vẻ phức tạp mà các nhà toán học vẫn yêu thích, cách gỡ nút thắt thật ra rất đơn giản, và bắt đầu với việc John đổ chai nước của cậu lên trên cái nút thắt. Bởi vì trước khi được thắt lại, sợi dây đã được nhúng nước, và sau khi nó được thắt lại, cái nút thắt bị đem đi phơi nắng trực tiếp, làm nó giãn

nhiên bị co chặt lại. Vì vậy mà, với việc làm ướn sợi dây tạo nên cái nút thắt, John đã khiến nó lỏng ra, từ đó trở nên dễ thao tác hơn.

Điều này không có nghĩa một người trưởng thành bình thường có thể gỡ được cái nút thắt – dù ướn hay không. Không bao giờ có thể. Việc gỡ nút chỉ có thể được thực hiện bởi những ngón tay nhỏ nhắn và linh hoạt của một thổ dân hoặc một cậu bé như John. Đó là một trong những lý do tại sao cây lupuna chọn John để truyền đạt bí mật.

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất về cái nút thắt mà John đã học được là việc trên thực tế nó không phải một cái nút thắt với hai đầu riêng rẽ, mà là một vòng tròn được khéo léo ngụy trang như một nút thắt. Bản thân vòng tròn được gấp bẹp lại để tạo thành hai đầu, trên đó thắt hai nút buộc kếp từ trên xuống. Hai đầu này sau đó được vòng vài vòng quanh hai nút buộc và sợi dây, rồi được phơi nắng cho đến khi nó chặt cứng như nắm tay của một kẻ bủn xỉn.

Biết được tất cả những điều này giúp John tốn không đến một phút để gỡ cái nút thắt.

– John. Cháu nghĩ cháu đang làm cái gì vậy?

Đó là cậu Nimrod, cậu bị triệu hồi ra khỏi lều bởi tiếng hét của John. Bất chấp mọi sự “suy nghĩ chín chắn, cẩn thận” đã thực hiện, cậu Nimrod vẫn chưa nghĩ ra được một giải pháp gỡ nút nào, và cũng không biết nên làm gì với Virgil McCreeby. Và cậu sửng cả người khi nhìn thấy cái nút thắt trên cánh cửa đã biến mất, và đứa cháu trai của cậu giờ đây đang cầm trên tay sợi dây bện bằng tóc người vốn là cái nút thắt.

– Cháu gỡ cái nút đó bằng cách nào vậy? Và, đền ơi, tại sao cháu lại làm vậy?

John cho biết:

– Không sao đâu cậu. Cháu không gỡ nó bằng sức mạnh djinn. Cháu chỉ dùng đầu để gỡ nó thôi.

Ném cho John một ánh mắt nghiêm khắc trong giây lát, cậu Nimrod hỏi:

– Nhưng tại sao, John, tại sao? Cậu nhớ là cậu đã nói rõ chúng ta nên để yên cho cái nút thắt đó. Để ngăn Virgil McCreeby đi qua cánh cửa này.

Vội không kịp thở, John giải thích:

– Đúng, nhưng đó là trước đó.

– Trước cái gì?

John cho biết:

– Trước khi cháu thấy cánh cửa chuyển động. Và trước khi cháu nghe tiếng ông Groanin. Ông ấy đang ở phía bên kia cánh cửa, và giọng ông ấy nghe như thể đang gặp rắc rối.

– Cái gì?

Vội vã bước đến cạnh Mắt Rừng, cậu Nimrod áp tai vào cửa và cẩn thận nghe ngóng. Quả thật, dù nghe có vẻ xa xôi, mơ hồ, nhưng cậu vẫn nghe được tiếng kêu của viên quản gia nhà cậu.

– Đền ơn, cháu nói đúng. Đây. Giúp cậu kéo cái chốt này.

Bản năng nhận ra tầm quan trọng của sợi dây bện bằng tóc, John quẩn nó quanh hông, như một cái thắt lưng.

Sau vài thế kỷ bất động, cần trục hai quai móc của cái chốt cửa bằng vàng xoay mình nặng nề trong lỗ trục và, vì được gài chặt, thậm chí càng khó rút ra hơn. Dồn hết sức kéo cái chốt ra, John hỏi:

– Cậu không giận à? Vì cháu đã gỡ cái nút thắt ấy? Vì chúng ta đang mở cánh cửa này?

Hừ nhẹ vì gắng sức, cậu Nimrod trả lời:

– Với việc anh Groanin ở bên kia cánh cửa, câu hỏi đó trở nên quá trùu tượng và không còn quan trọng nữa. Hy vọng những người khác đã thoát khỏi tay người Xuanaci và đang ở cạnh anh ấy.

Cuối cùng cái chốt cũng chuyển động và cánh cửa được giải phóng, dù nó vẫn chưa mở ra.

Cậu Nimrod ra lệnh cho John:

– Đứng xa ra. Chúng ta vẫn chưa biết bên kia có gì. Nếu anh Groanin đang gặp nguy hiểm, chúng ta cũng có thể gặp nguy hiểm.

Khi cánh cửa bị cậu Nimrod kéo ra ken két, John lùi lại một bước. Với tất cả sự hì hục này giờ, sợi dây quanh hông cậu đang bị lỏng ra, khiến John cảm thấy có phần mĩa mai khi nghĩ đến việc nó từng buộc cứng như thế nào khi còn là một nút thắt. Lúc cậu tạm gỡ nó ra để buộc lại cho chắc, John chợt chú ý đến những đốm màu ở mặt trong của sợi dây và nhận ra cậu đã trông thấy cùng một thứ tự sắp xếp đốm màu như thế ở đâu đó trước đây. Nhưng hiện tại cậu không có thời gian để nghĩ về điều đó. Cánh cửa đã mở. Và ở phía bên kia, cậu có thể thấy ...không gì cả. Chỉ một hố đen rỗng tuếch. Cậu nghĩ điều này thật quái lạ. Ngay cả cậu Nimrod cũng có vẻ sửng sốt.

Cậu Nimrod nhận xét:

– Lạ thật.

John thắc mắc:

– Nhưng ông Groanin đâu rồi nhỉ?

Nắm lấy tay đứa cháu trai để ngăn nó bước qua cánh cửa, cậu Nimrod bảo:

– Chờ một chút. Có gì chuyển động trong đó kìa.

Bên trong khung cửa của Mắt Rừng, một không gian méo mó quanh co kỳ lạ đang hình thành, như thể bản thân ánh sáng đang bị bẻ cong. Rồi, ở phía bên kia của cánh cửa, như một bộ phim cổ nháy nháy bật lên, một căn phòng lớn bằng đá xuất hiện. Căn phòng nhìn có vẻ rất lâu đời này chất đầy - hàng trăm, hoặc có thể đến hàng ngàn - món đồ bằng vàng, nhưng lại hoàn toàn không có bóng dáng của ông Groanin và những người khác.

Nhưng có một điều gì đó không thực về căn phòng này cùng những báu vật lấp lánh khó tin của nó. Như thể nó không thật sự tồn tại.

John hỏi:

– Chúng ta đang nhìn thấy cái gì vậy?

Cậu Nimrod trả lời:

– Đây là một ảo ảnh. Một thứ mà chắc hẳn những thầy tu Inca cổ đại chuẩn bị riêng cho con mắt tham lam của những kẻ xâm lược. Chỉ có điều

họ gọi nó là một viễn cảnh. Đừng hỏi cậu làm cách nào một người Inca như Ti Cosi làm được điều này. Cậu cũng không biết đâu. Nhưng cậu nghĩ chúng ta đang nhìn thấy hình ảnh của một thứ gì đó đã thật sự xảy ra. Một hình ảnh được dùng để dụ dỗ những kẻ xâm lược.

Rồi cậu cho biết:

– Cháu thấy đấy, khi Pizarro xuất hiện ở Cuzco, bất chấp mọi bất lợi, ông đã bắt được vua Atahualpa và hứa sẽ để đức vua sống nếu chịu hợp tác. Và nhận ra lòng ham vàng của lính Tây Ban Nha, vua Atahualpa đã đưa ra một đề nghị. Đức vua đã dùng phấn vẽ một đường cao trên vách phòng ở Đền thờ Mặt trời, nơi đức vua đang bị giam giữ, và nói với Pizarro rằng nếu được tha mạng, trong vòng mười hai tháng, đức vua sẽ chất đầy phòng đồ đạc bằng vàng đến độ cao đó. Pizarro đã đồng ý, dĩ nhiên, và đức vua đã giữ lời hứa của mình, nhưng Pizarro thì không. Tương truyền rằng hơn bốn mươi ngàn pao vàng hai mươi bốn cara đã được những kẻ xâm lăng đúc thành thỏi. Vị thầy tu Inca tạo ra Mắt Rừng nhất định biết rõ việc trông thấy một viễn cảnh đầy vàng như vậy chắc hẳn sẽ được lính Tây Ban Nha xem như một điềm tốt.

Một giây trôi qua trước khi hình ảnh vàng sáng chói biến mất như một ảo ảnh và, vài giây sau đó, được thay thế bởi một hình ảnh tĩnh của ông Groanin, của ông Sicky, những người họ có vẻ như đang đập cửa rầm rầm. Dưới chân họ là Philippa nằm bất động, và đằng sau họ, ông Muddy đang đứng gươm dao đe dọa vài chiến binh Inca có vẻ ngoài kỳ lạ. Một giây sau, bốn hình người đó thay đổi vị trí và bắt đầu chậm chạp đuổi người qua cửa, giống như một thứ gì đó đang cố thoát khỏi lỗ đen vũ trụ.

– Philippa bị thương.

John hét lên, và cúi về phía trước định giúp ông Groanin, ông Muddy và ông Sicky kéo em gái cậu qua cánh cửa.

Cậu Nimrod cản lại:

– Đừng chạm vào họ. Họ đang di chuyển giữa hai chiều không gian. Một việc có thể khá nguy hiểm.

John lo lắng hỏi:

– Họ sẽ ổn chứ? Ý cháu là, nhìn họ hơi kỳ kỳ. Người cứ đuổi cả ra. Như mì spaghetti ấy.

Cậu Nimrod cho biết:

– Họ có lẽ cần vài phút để qua đến nơi. Cậu nghĩ cái này vốn được thiết kế để làm lối vào, chứ không phải lối ra. Nhưng không sao. Họ sẽ ổn thôi. Chừng nào chúng ta còn kiên nhẫn.

– Ý cậu là, cái này đi vào nhanh hơn đi ra?

– Chính xác. Ngay khi họ bước ra, chúng ta phải đóng cửa lại. Nếu không, chúng ta cũng sẽ trở thành mục tiêu của những người Inca có vẻ đang đuổi theo họ đó. John quan sát:

– Có vẻ như Zadie không ở cùng họ.

Cậu Nimrod thừa nhận:

– Bản thân cậu cũng đang thắc mắc về điều đó đây.

Ông Groanin, ông Muddy và ông Sicky vẫn đang kéo Philippa qua cánh cửa, nhưng với một tốc độ rất chậm, như thể họ đang băng qua đất sét. Rồi một mũi tên xuất hiện trong bầu không khí ngay trên đầu John. Đó là một mũi tên bất thường vì nó di chuyển với vận tốc không đến nửa dặm một giờ. Và, vì đã được cậu Nimrod cảnh báo trước, John dễ dàng giơ tay lên chụp lấy nó.

Cậu Nimrod nhận xét:

– Cái này thật giống một mệnh đề mâu thuẫn của Zeno.

– Zeno gì cơ?

Cậu Nimrod mỉm cười:

– Đừng để ý đến chuyện đó. Trong khi chờ đợi, cháu có thể kể cho cậu biết cháu đã gỡ cái nút như thế nào không? Cậu không ngại nói cho cháu biết, cậu khá bị ấn tượng đó. Cậu biết bản thân cậu không thể làm được điều đó.

John kể cho cậu Nimrod. Nhưng vì John không nhớ gì về việc ở bên trong cây lupuna, cậu bỏ lỡ chi tiết đó, khiến cậu Nimrod dường như càng bị ấn tượng hơn về thành tựu của cậu cháu trai.

Cậu Nimrod khen:

– Rất ấn tượng đấy nhé.

John cho biết:

– Cháu còn chú ý đến một thứ khác nữa. Khi cháu gỡ sợi dây ra ấy.

– Ồ?

– Có một dây đốm màu ở bên trong sợi dây. Điều thú vị là, chúng tương xứng với những đốm màu trên sợi *kipu* mà *el Tunchi* đã đưa cho cháu.

Cậu Nimrod gật gù:

– Chuyện này thú vị đây.

John nói tiếp:

– Cháu chắc chắn là vị trí và số lượng của những đốm màu này mang một ý nghĩa quan trọng. Cụ thể là gì thì cháu chưa biết, nhưng thế nào cháu cũng nghĩ ra. Chỉ cần cho cháu thời gian thôi.

Khá hài lòng với đứa cháu trai, cậu Nimrod bảo:

– Cháu đã làm được nhiều hơn cậu tưởng rồi đó. Có lẽ trải nghiệm của cháu với *el Tunchi* đã giúp trí tuệ của cháu trở nên sắc bén hơn.

John lắc đầu:

– Không, không phải như vậy. Nhưng cháu thật sự cũng cảm thấy có phần thông minh hơn, kiểu kiểu đó, sau khi chớp mắt một lát.

Chỉ tay về phía cánh cửa, John thông báo:

– Nhìn kìa cậu, họ sắp qua rồi.

Cậu Nimrod đưa tay đến gần cánh cửa, sẵn sàng đóng nó lại ngay khi cậu có thể làm điều đó mà không đụng phải Philippa, người cuối cùng rời khỏi không gian bên kia Mặt Rừng.

Một vị vua Inca với vẻ ngoài hung tợn đang đuổi theo họ sát gót với một cây dùi cui to đùng giơ cao trên đầu, như thể ông đang chuẩn bị đập nó xuống đầu ông Groanin. Trong giây lát, cậu Nimrod liếc nhìn John và hỏi:

– Cháu đi ngủ khi nào vậy?

John thú nhận:

– Khi cậu đang ngồi suy nghĩ trong lều ấy. Cháu đã ngồi đọc cuốn sách về *kipu* đó, và có lẽ đã ngủ gục. Cháu e là, mấy cuốn sách luôn có hiệu ứng đó với cháu.

Cậu Nimrod chặt lưỡi lớn rồi nói:

– Và chính xác cháu đã ngồi ở đâu?

Chỉ tay về phía một trong những cây lupuna cao lớn, John trả lời:

– Ở đằng kia ạ.

– Ý cháu là, cháu đã ngồi tựa vào một trong những cái cây đó?

– Vâng ạ.

Cậu Nimrod gật gù:

– Thế nào. Chắc hẳn cháu đã được linh hồn của cây lupuna truyền cho vài điều.

John hỏi lại, giọng có phần thất vọng:

– Ý cậu là, không phải cháu tự mình nghĩ ra cách gỡ nút thắt hả?

– Cậu e là không. Nhưng không có gì phải xấu hổ về điều đó cả. Xét đến cùng, cháu đã biết được điều cần biết mà. Yên tâm đi, cậu sẽ không tiết lộ bí mật của cháu đâu.

Rồi đưa mắt nhìn lại cánh cửa, cậu Nimrod bảo:

– Rốt cuộc cũng xong. Cậu nghĩ chúng ta chuẩn bị đóng Mắt Rừng lại là vừa.

Ngay giây tiếp theo, cậu sập cánh cửa lại trước mặt vị vua Inca đang từ từ tiến đến, và John thành linh hiểu được ý của cậu Nimrod khi bảo đóng Mắt Rừng. Nhặt một khúc gỗ lên và dùng nó để khóa tạm chốt cửa, cậu Nimrod nói:

– Cái này sẽ ngăn họ được một lát.

Ngay khi cánh cửa đóng lại, ông Groanin, ông Sicky và ông Muddy thành linh sống lại, như thể một cái công tắc ở đâu đó đã được gạt lên để trả họ về lại tốc độ sống bình thường.

Đưa tay xoa gáy và khẽ rùng mình, ông Groanin rên rĩ:

– Cám ơn trời chúng tôi thoát được trong tích tắc. Tôi nói, chúng tôi chỉ thoát được trong tích tắc. Cây dù cui của gã điên kia chỉ cách tôi có một milimet thôi đấy.

Ông Sicky nói:

– Nếu đầu tôi không nhỏ như vậy, chắc chắn ông ấy đã dùng nó chải tóc cho tôi rồi.

Đặt một tay lên ngực, ông Groanin nói:

– Ôi tim tôi! Cứ như thể có cả dàn nhạc giao hưởng Nelson Riddle trong ngực tôi ấy. Và họ đang chơi bài “Bạn làm tôi thấy thú vị”.

Cậu Nimrod và John quỳ xuống cạnh Philippa.

Ông Groanin luống cuống giải thích:

– Chúng tôi đã đụng phải nhau, cháu nó và tôi. Đó là một tai nạn, chỉ là một tai nạn thôi. Vô phương cứu chữa. Nhưng tôi xin lỗi, thật sự xin lỗi. Có cho tôi cả thế giới này tôi cũng không muốn làm tổn thương cháu nó.

Cậu Nimrod hòa nhã nói:

– Tôi hiểu mà, anh Groanin. Tôi hiểu mà.

Áp tai lên ngực Philippa, John cho biết:

– Philippa sẽ ổn thôi. Cháu có thể chắc chắn. Nó chỉ bị chấn thương chút thôi.

Ông Groanin gắt:

– Cháu là bác sĩ hay sao mà dám chắc chắn thế?

John trả lời:

– Không, nhưng cháu là anh sinh đôi của nó.

Rồi gõ nhẹ đầu và tim mình, cậu giải thích:

– Ở đây và ở đây, cháu biết rõ nó có khỏe hay không.

Ông Groanin làu bàu:

– Ờ, dĩ nhiên rồi. Ta thật ngốc nhì.

John đã nói đúng. Chỉ một, hai giây sau đó, Philippa đã rên nhẹ một lên tiếng và khẽ cục cựa đầu. Và chỉ vài phút sau, cô đã ngồi dậy và cùng giải

thích về chuyện đã xảy ra kể từ khi cậu Nimrod và John tách ra khỏi đoàn.

John cho biết:

– Zadie là kẻ phản bội. Có lẽ đó là lý do tại sao nó cố thuyết phục em dẫn nó đi theo, Phil ạ. Ngay từ đầu nó đã thông đồng với Virgil McCreeby, cố làm chúng ta chậm lại để gã có thể bắt kịp chúng ta và nó có thể đưa cho gã tấm bản đồ. Zadie đã trộm nó khỏi ba lô của ông Vodyannoy.

Philippa nói:

– Điều đó giải thích lý do tại sao nó rời đi cùng Pizarro và lính của ông. Rõ ràng nó có ý định đi tìm McCreeby trong khi họ bận xử lý người Xuanaci.

Rồi cô thở gấp và giục:

– Ôi trời ơi, chúng ta phải làm gì đó để giúp họ. Người Xuanaci ấy. Pizarro và lính của ông chắc chắn sẽ tàn sát họ.

Nhưng John gần như cũng phản cảm với ý kiến đó chẳng kém gì Zadie:

– Cái gì? Em đùa đấy à? Họ đã định quăng em cho cá piranha ăn. Rồi ăn lũ cá đó.

Cậu Nimrod bảo:

– Philippa nói đúng đó, John. Cuộc chiến tháng Mười Một năm 1532 khi lính Tây Ban Nha lần đầu tiên xuất hiện trước cửa nhà của người Inca vốn dĩ không công bằng. Và cuộc chiến hiện giờ còn không công bằng hơn. Xét đến cùng, ngay cả người Xuanaci cũng khó có thể đánh bại một đội quân đã chết.

John đồng ý:

– Cháu nghĩ cậu nói đúng.

Philippa đưa tay xoa đầu và đứng dậy. Cô có cảm giác gần giống như vừa bị một cái xe tải tông phải. Nhưng không có gì bị gãy. Nên cô hỏi cậu Nimrod:

– Vậy giờ chúng ta nên làm gì đây?

Cậu Nimrod trả lời:

– Cậu nghĩ chúng ta chỉ có thể làm được một việc. Đó là đưa cho người Xuanaci một đồng minh mạnh mẽ.

Philippa thắc mắc:

– Ai cơ?

Đưa mắt nhìn ông Sicky, cậu Nimrod hỏi:

– Anh còn nhớ đường quay lại làng của người Xuanaci không?

Chỉ tay vào Mắt Rừng, ông Sicky hỏi lại:

– Ý anh là, ngược lại lối này? Xuyên qua cánh cửa đó?

– Không, xuyên qua rừng.

Ông Sicky nhún vai bảo:

– Được thôi, không thành vấn đề. Đầu tôi có thể nhỏ nhưng không có gì bất ổn với cảm giác về phương hướng của tôi cả. Hoặc với trí nhớ của tôi, ông chủ ạ. Tôi đã hai lần làm khách của người Xuanaci và cả hai lần tôi đều đã an toàn trốn thoát. Tôi không thật sự lo lắng nếu phải viếng thăm họ lần thứ ba đâu.

Cậu Nimrod nói:

– Không cần phải viếng thăm thật sự đâu. Tất cả những gì anh phải làm là dẫn đường cho vài chiến binh đến gần làng Xuanaci.

Rồi đặt một tay lên bờ vai rộng lớn của người dẫn đường của họ, cậu Nimrod thân mật hỏi:

– Anh cảm thấy như thế nào khi phải làm một chuyện như vậy, Sicky?

Ông Sicky trả lời:

– Bệnh. Rất bệnh. Nhưng tôi sẽ làm. Chỉ là, anh đang nói đến chiến binh nào vậy, ông bạn? Ở chỗ này chẳng có chiến binh nào đủ điên để giúp đỡ những kẻ săn đầu người như người Xuanaci cả.

– Ồ, nhưng có đó.

Đưa mắt về phía cánh cửa Mắt Rừng, cậu Nimrod nói tiếp:

– Để chống lại những kẻ chinh phục Nam Mỹ đã chết, còn ai tốt hơn vài vị vua chiến binh Inca quá cố chứ? Ai có thể bị thương, nếu tất cả mọi người

đều đã chết?

Philippa nhận xét:

– Lý luận của cậu thật đúng là không thể bác bỏ.

Ông Sicky bảo:

– Tôi nghĩ có thể anh mới là kẻ điên ở đây đấy, ông anh ạ.

Ông Groanin đồng ý:

– Anh Sicky nói đúng đó, thưa ngài. Chúng tôi chỉ vừa thoát khỏi mấy kẻ điên đó, và ngài lại đang đề nghị mở cửa để họ ra. Làm sao chúng ta có thể chắc chắn họ không đập đầu chúng ta trước?

Philippa đề nghị:

– Chúng ta có thể tự bảo vệ với sức mạnh djinn, dĩ nhiên.

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Không, cậu e là chúng ta không thể làm vậy. Không phải ở đây. Nơi này là một thánh địa.

Và cậu nói cho Philippa biết điều cậu đã nói với John, rằng theo quy định của *Những quy luật Baghdad*, cuốn sách quản lý việc sử dụng sức mạnh djinn, djinn bị cấm sử dụng sức mạnh của họ trong nhà thờ Công giáo, nhà thờ Hồi giáo, giáo đường Do Thái, hay bất cứ nơi linh thiêng nào việc thờ cúng đã được tiến hành trong mấy ngàn năm trở lại đây.

Ông Groanin quan sát:

– Chỗ này nhìn chẳng giống nhà thờ gì cả. Ít nhất không giống những cái nhà thờ mà tôi từng đi.

Cậu Nimrod bảo:

– Dù nó có giống hay không thì đó vẫn là luật.

Ông Groanin hỏi:

– Thế ngài đề nghị chúng ta làm gì đây? Dùng miệng lưỡi ngoại giao thuyết phục họ không đập đầu chúng ta à?

Cậu Nimrod gật đầu:

– Ừ.

Đưa mắt nhìn Philippa, ông Groanin lắc đầu nói:

– Ông ấy điên rồi. Tôi nói, thằng cha này điên rồi.

Cậu Nimrod mỉm cười:

– À, không chỉ có tài ngoại giao đâu. Đúng không John?

– Cái gì?

Cậu Nimrod cho biết:

– John chính là người giải được bí mật của cái nút thắt khóa lại chốt cửa của Mắt Rừng.

Có phần hơi bất an, John ấp úng nói:

– Ơ, à phải, đúng là vậy.

– Và John cũng là người biết cách nói chuyện ngoại giao với những vị vua Inca đó, chứ không phải tôi. Cháu nó biết chính xác phải nói gì.

– Cháu biết ư?

– Ừ. Cậu nghĩ cháu biết. Cậu nghĩ chỉ cần đến lúc, cháu sẽ biết chính xác nên nói gì.

– Cháu sẽ biết sao?

Trợn tròn mắt, ông Groanin chăm chọc:

– Nghe không có vẻ như vậy. Cậu bé này thậm chí nghe như thể nó còn không biết hôm nay là ngày nào nữa.

Nhưng cậu Nimrod hiện đã đi ngược về phía cánh cửa Mắt Rừng.

John gọi:

– Chờ chút. Cậu không định mở nó ra ngay bây giờ đấy chứ?

Cậu Nimrod trả lời:

– Ý của cậu là vậy.

– Nhưng mà, cháu vẫn chưa sẵn sàng. Thật đó.

Ông Groanin bảo:

– Nghe cháu nó một lần được không, thưa ngài? Đừng thúc giục nó như thế. Nếu nó không biết, có nghĩa nó không biết. Vì Chúa, cậu luôn nghĩ cậu biết nhiều hơn tất cả mọi người.

Lờ đi viên quản gia, cậu Nimrod nói với John:

– Thử nghĩ đi, John, không phải cháu tự nhiên biết được cách giải quyết cái nút thắt sao?

– Vâng, là cháu.

Cậu Nimrod khẳng định:

– Vậy thì tương tự, cháu cũng sẽ tự nhiên biết được nên nói gì với các vị vua Inca.

John lo lắng:

– Nhưng lờ cháu không hiểu cháu nên nói gì thì sao? Lờ nó hoàn toàn vô nghĩa với cháu?

– Vậy thì cậu đề nghị, cháu cứ nói đại nó ra.

Nói rồi cậu Nimrod gỡ khúc gỗ chặt lại cái chốt và một lần nữa mở cánh cửa ra.



Chương 18

Thuyết phương ngôn

Cánh cửa Mắt Rừng giờ đây đã mở rộng, những vị vua xác ướp Inca vũ trang nặng nề - giống như Philippa và những người khác đã băng qua cửa trước đó - bắt đầu chậm chạp đổ ra bãi đất trống của cánh rừng Peru. Xét tốc độ của họ, hay nói đúng hơn là xét sự chậm chạp của họ, có vẻ John sẽ có vài phút để nhớ ra điều mà theo lý cậu phải nhớ. Cũng không phải cậu thật sự có thể nhớ được điều mà vốn dĩ cậu chưa bao giờ được học. Điều đã xảy ra trong đầu cậu không liên quan đến ký ức mà liên quan đến cây lupuna, như cậu Nimrod đã thông minh đoán được. Nhưng dù là gì đi nữa, nó cũng không giúp John nghĩ ra cậu nên nói gì để thuyết phục những vị vua không tấn công họ.

Theo bản năng, John liếc nhìn sợi *kipu* của *el Tunchi* và sợi dây bện tóc đã được dùng để làm nút thắt trên cánh cửa. Những đốm màu trên cả hai món đồ tạo tác kỳ lạ này đang bắt đầu mang một ý nghĩa nào đó. Một ý nghĩa quan trọng, đó là điều chắc chắn. Nhưng là gì mới được? Vài từ ngữ bắt đầu tụ tập trong đầu cậu. Chỉ có điều, cậu không thể hiểu được từ nào. Cứ như những từ vô nghĩa ấy, cậu nghĩ thầm. Cậu có thể nói những từ mà không hề hiểu là gì sao?

Đó là một từ quyền năng, giống như VỪNG OI MỞ CỬA trong Nghìn lẻ một đêm, hay ABRACADABRA trong thần chú Do Thái. Một từ mang sức

mạnh, cậu có thể chắc chắn về điều đó. Giống như từ trọng tâm, đó cũng là một từ dài, chỉ có điều nó dài hơn bất cứ từ trọng tâm nào từng được djinn sử dụng. Làm sao cậu có thể hy vọng phát âm được một từ dài như vậy? Nó thậm chí còn dài hơn cả hai từ dài nhất mà cậu từng nhìn thấy – nhưng chưa bao giờ đọc lên được – là từ FLOCCINAUCINHILIPILIFICATION (một hành động hoặc thói quen coi nhẹ một thứ gì đó) và từ HONORIFICABILITUDINITATIBUS (một tình trạng có thể đạt được danh tiếng).

– Nhanh lên, chàng trai.

Ông Groanin thúc giục khi một trong những vị vua xác ướp Inca từ từ quay mặt về phía ông. Viên quản gia kinh hoàng nhận ra đó chính là vị vua mà ông đã đá xác qua một bên khi bế Philippa dậy. Ông Groanin cảm thấy vị vua này chắc chắn sẽ đánh ông ngay khi có thể. Vội vã bước lùi lại, ông nói tiếp:

– Họ đang tăng tốc kìa. Chỉ một phút nữa họ sẽ bao vây chúng ta cho xem.

Philippa nhắc:

– Suyt, ông Groanin.

Và nắm lấy tay ông anh trai sinh đôi của cô, Philippa dùng thần giao cách cảm truyền cho cậu sức mạnh djinn và trí tuệ của chính cô để giúp John nâng cao sức mạnh suy nghĩ của cậu.

– Để em giúp anh, anh trai. Hãy sử dụng bộ não của em như chính bộ não của anh để tăng mạnh sức tập trung của anh. Hãy lấy trí tuệ của em và biến nó thành của anh.

Và rồi...

– Em không nghĩ đó không phải là một từ, mà là nhiều từ ghép lại với nhau. Những từ Quechua. Đó là ngôn ngữ cổ của người Inca. Và chính thứ tự của những từ này mới là thứ quan trọng. Giống như một số hiệu hay mật mã ấy. Thứ tự của từ ngữ. Hãy đọc chúng theo thứ tự của chúng trên sợi *kipu*. Như thế đó là một dãy từ mật mã mà anh phải gọi điện báo cho CIA ấy. Đó là tất cả những gì anh phải làm. Đơn giản vậy thôi.

Cúi người né một cây dùi cui Inca vọt qua đầu, ông Groanin giục:

– Khi thật. Họ tăng tốc rồi đó. John, cháu nhanh chóng nói gì đi, chàng trai, không thì cái đầu của ta sẽ nhìn giống một tô súp lạnh Tây Ban Nha mất.

Thình lình John cảm thấy từ ngữ hiện lên trong miệng cậu và đọc chúng lên trong một ngôn ngữ mà cậu chưa bao giờ nghe thấy trước đây. Đó là một cảm giác thật kỳ lạ. Cậu đang nói một cách trôi chảy nhưng – ít nhất là với cậu – hoàn toàn vô nghĩa.

John nói:

– *Yana chunka. Yuraj pusaj. Puka tawa.*

Ngay lập tức tất cả các vị vua Inca quay mặt lại rồi tiến về phía người vừa lên tiếng.

Ông Groanin hô lên:

– Thành công rồi. Vì Chúa, tôi không biết John đang nói cái gì, nhưng nó thành công rồi.

Ông Sicky bảo:

– Tôi nghe có phần giống tiếng Quechua.

Ông Muddy hỏi:

– Cậu bé ấy đang nói cái gì thế?

Cậu Nimrod trả lời:

– Là thuyết phương ngôn.

– Phương phương gì cơ? Tôi nói, thuyết phương phương gì cơ?

John vẫn đang tiếp tục nói:

– *Willapi qanchis. Kullu kinsa. Komer phisqa. Sutijankas iskay. Kulli sojta. Chixchi jison. Chunpi uj.*

Tất cả các vị vua xác ướp đồng loạt ngừng lại và đứng yên tại chỗ.

Cậu Nimrod giải thích:

– Nó có nghĩa là “một người nói trôi chảy một ngôn ngữ mà chính họ không hiểu là gì”. Tôi đã từng nghe nói đến chuyện này trước đây, nhưng

chưa bao giờ được tận mắt trông thấy cả.

Ông Groanin làu bàu:

– Việc đó quan trọng sao? Dù gì nó cũng có kết quả như mong muốn, không phải sao? Chủ yếu là họ không còn có ý định đập đầu chúng ta nữa.

Bị vây quanh bởi những vị vua Inca, những người có vẻ như đang chờ đợi mệnh lệnh tiếp theo của cậu, John cho biết:

– Cháu nghĩ nó có nghĩa là đen mười, trắng tám, đỏ bốn, vàng bảy, chanh ba, lục năm, lam hai, tím sáu, xám chín, và nâu một. Những màu này đồng thời còn là tên của những loại chim cùng màu.

Cậu Nimrod khen ngợi:

– Tuyệt lắm. Một mật mã dựa trên màu sắc và số lượng. Không gì đơn giản hơn.

John hỏi:

– Cháu nên nói gì với họ bây giờ? Cháu chẳng biết từ Quechua nào cả.

Cậu Nimrod trả lời:

– Cứ nói với họ bằng tiếng Anh. Cậu chắc chắn họ sẽ hiểu. Tất cả ngôn ngữ đều nghe gần giống nhau sau khi chết. Và lại, khi họ xuất ngoại và nói chuyện với một người ngoại quốc, hầu hết người Anh – giống như anh Groanin đây – đều nói tiếng Anh như thể họ đang nói chuyện với người chết. Nghĩa là, nói chậm và lớn. Và việc đó vẫn thường có hiệu quả.

Ông Groanin cắn nhần:

– Ngài nói thế là hơi bất công đấy nhé.

John gật đầu:

– Thôi được. Để cháu thử xem sao.

Suy luận rằng cậu đang sắp sửa đàm phán với vài vị vua Inca, John dang hăng một tiếng và cố nói một cách oai vệ:

– Hãy nghe cháu nói. Tụi cháu là bạn của các ngài, không phải kẻ thù. Kẻ thù thật sự của các ngài là Pizarro và đội lính xâm lăng của ông ấy, những người mà ngay giờ phút này đang dự định tấn công em trai của các ngài, người Xuanaci.

John đưa mắt nhìn cậu Nimrod, cậu đang gật đầu tán thành.

– Tốt lắm, John, rất tốt.

– Các ngài phải giúp người Xuanaci chiến đấu chống lại quân lính Tây Ban Nha. Ngay bây giờ, người đàn ông này...

John chỉ tay về phía Sicky, và gần như bất ngờ khi thấy những vị vua Inca xoay mặt sang nhìn ông.

– Người đàn ông này. Ông Sicky. Ông ấy sẽ dẫn đường cho các ngài đến làng của người Xuanaci. Nơi các ngài có thể chiến đấu với những kẻ thù cổ đại của người Inca. Giờ thì đi đi. Và đừng thất bại.

Cậu Nimrod khen:

– Cháu làm tốt lắm, John. So với những bài diễn văn kích động chiến tranh, có thể nó không bằng Winston Churchill với “cái chúng ta sẽ chiến đấu với họ trên bờ biển”, nhưng tính ra vẫn không tệ.

Rồi quay sang ông Sicky, cậu hỏi:

– Anh ổn chứ, Sicky?

Mim cười yếu ớt, ông Sicky không mấy thoải mái trả lời:

– Tôi chưa từng dẫn đường cho xác ướp cổ đại xuyên rừng bao giờ.

Cậu Nimrod gợi ý:

– Anh cứ nghĩ họ như một nhóm cổ động viên bóng đá Anh ngớ ngẩn ấy. Dễ tưởng tượng mà. Họ mang vũ khí. Không ai mặc nhiều đồ. Và khắp người họ đầy hình xăm.

– Thôi được, tôi sẽ thử.

Cậu Nimrod cho biết:

– Chúng tôi sẽ cắm trại ở đây và chờ anh quay lại.

Ông Sicky nói:

– Được rồi, thưa các bệ hạ. Mời đi lối này.

Rồi ông và những vị vua xác ướp Inca khởi hành vào rừng. Trong đầu, ông Sicky nghĩ thầm rằng đây sẽ là nhóm khách du lịch kỳ lạ nhất mà rừng mưa từng trông thấy.

Philippa hỏi:

– Giờ sao?

Ông Groanin bảo:

– Ta sẽ nói cho cháu biết giờ sao. Ta sẽ đun ấm nước và pha trà cho chúng ta. Nếu không sớm uống được một tách trà, ta sẽ chết vì khát mất.

Cậu Nimrod đồng ý:

– Ý kiến tuyệt vời đó, anh Groanin. Bản thân tôi cũng cần một tách trà. Và trong khi anh bận bịu với việc đó, John, Philippa và tôi sẽ thử xem có thể tìm được đất trồng thêm vài cây lupuna quanh đây không.

Ông Groanin lầm bầm một câu gì đó không rõ, rồi với sự trợ giúp của ông Muddy, ông bắt tay vào việc nhóm một đống lửa.

– Nhắc đến đất...

Philippa đưa cho cậu Nimrod miếng đá vàng mà cô nhét trong túi áo.

– Có vẻ như phần lớn đất đai ở đây được làm từ cái này. Cháu đã lấy nó khi ở dưới mặt đất.

Cậu Nimrod cầm hòn đá trong lòng bàn tay để xem nặng nhẹ.

Philippa nhận xét:

– Nặng phải không cậu?

Cậu Nimrod cho biết:

– Có vẻ như đây là uranium.

Cặp sinh đôi lập tức lùi một bước khỏi cậu Nimrod.

John hỏi:

– Uranium không phải là chất phóng xạ sao?

Cậu Nimrod trả lời:

– Ừ. Nhưng cái này tuyệt đối an toàn. Những hạt phóng xạ alpha thoát ra từ uranium nguyên chất không thấm thấu qua da. Chúng ta còn có thể ăn một số lượng cực nhỏ uranium mà không bị gì. Trên thực tế, tất cả chúng ta đều ăn chừng một microgram uranium mỗi ngày thông qua phần lớn đồ ăn, thức uống.

John lầm bầm:

– Cậu đang nói về chính mình đấy à?

Cậu Nimrod nhận xét tiếp:

– Thú vị đây.

Rồi cậu vui vẻ ném hòn đá cho John, cậu bé lo lắng chụp lấy nó và bỏ vào ba lô của mình.

Từ ba lô, kế bên cây đèn chứa cơ thể djinn hóa thể của ông Frank Vodyannoy, cậu Nimrod rút ra một cái bọc nhựa nhỏ. Nó đựng đầy những cái cây nhỏ xíu. Cậu nói với cặp sinh đôi khi họ bước về một khoảng rừng trống kế bên:

– Đây là cây lupuna kiểng được thu nhỏ bằng sức mạnh djinn. Và được Faustina tự mình cải biến gen để chúng có thể mọc nhanh hơn. Cậu đã trồng chúng từ khi chúng ta đặt chân lên thượng lưu Amazon. Theo dự tính, chúng sẽ ngay lập tức mọc lên với tốc độ nhanh gấp mười lần bình thường để chỉ trong khoảng hai mươi năm nữa, chúng ta sẽ có những cây lupuna to lớn như đã hai trăm tuổi. Dĩ nhiên cả khu rừng mưa này rất quan trọng với Mẹ Trái Đất. Tuy nhiên, không loại cây nào có thể thải ra nhiều khí oxy như lupuna. Đó là chưa kể đến những linh hồn cư ngụ trong chúng. Lupuna chính là loại cây quan trọng nhất, đặc biệt là cho chúng ta.

Philippa thắc mắc:

– Nếu chúng quan trọng như vậy, tại sao thợ đốn củi lại chặt chúng?

Cậu Nimrod cho biết:

– Không phải tất cả các thợ đốn củi đều làm như vậy. Như cậu đã nói với John, vài thợ đốn củi khá sợ chúng. Nhưng phần lớn thợ đốn củi phải làm theo những gì các công ty khai thác gỗ yêu cầu nếu không muốn bị mất việc. Và với những công ty đó, lupuna là một trong những loại cây lấy gỗ tốt nhất ở Peru. Gỗ cây lupuna được dùng làm đồ nội thất, ván ép và bột giấy. Ngay cả phần rễ con quanh hạt cây cũng được dùng để lót gói.

John hỏi:

– Nhưng tại sao các linh hồn lại thích cư ngụ trong cây lupuna mà không phải những loại cây khác?

Cậu Nimrod trả lời:

– Linh hồn luôn thích những thứ đã tồn tại trong một thời gian dài. Trong những đất nước phát triển, điều đó thường có nghĩa là các ngôi nhà và lâu đài cổ. Nhưng ở đây, trong rừng mưa, cây lupuna là thứ tồn tại lâu đời nhất.

Đào mắt qua khoảng đất trống, cậu Nimrod gật đầu bảo:

– Chỗ này nhìn có vẻ thích hợp để trồng cây đây.

Rồi cậu đưa cho cặp sinh đôi mỗi người một cái dụng cụ bằng gỗ có đầu nhọn. Philippa hỏi:

– Cái này là gì vậy cậu?

– Dụng cụ đào lỗ. Hai đứa đào lỗ và cậu sẽ đặt mấy cái cây bé con này vào trong đó.

Đó là một công việc vất vả nhưng sau chừng một tiếng đồng hồ, họ đã trồng được khoảng một trăm cây lupuna mới trên khoảng đất trống.

Đến lượt cậu Nimrod đặt câu hỏi:

– Hiện giờ tất cả những gì chúng ta cần phải làm là bảo vệ chúng khỏi bị chặt khi chúng trưởng thành. John? Philippa? Hai đứa có ý kiến gì về việc đó không?

Philippa đề nghị:

– Một con rết khổng lồ thì sao? Cháu không nghĩ có người dám gây hấn với một trong những thứ khủng khiếp như vậy.

– Gợi ý đúng, nhưng không đủ tinh tế. Cậu muốn một giải pháp khác đỡ chết người hơn. Xét đến cùng, đó vẫn là những người lương thiện chỉ muốn kiếm sống.

Philippa phản đối:

– Cháu không thấy có gì lương thiện ở đây. Tất cả mọi người đều biết việc bảo tồn cây cối trong rừng mưa quan trọng như thế nào.

– Thế còn cây thông Giáng sinh? Không phải năm trước cháu cũng có một cây sao?

Philippa nói:

– O, vâng, có ạ. Nhưng đó là một điều hoàn toàn khác, đúng không? Ý cháu là, Giáng sinh sẽ không còn là Giáng sinh nếu thiếu một cây thông đàn hoàng.

Cậu Nimrod khịt mũi:

– Một lời xảo biện sặc mùi giai cấp! Cháu muốn vài thợ đốn củi nghèo ở Peru ngừng kiếm sống bằng cách chặt cây trong rừng mưa. Nhưng cháu lại không muốn từ bỏ cây thông Giáng sinh của mình.

Philippa mím môi và trầm tư gật đầu. Cô phải thừa nhận cậu Nimrod có một lập luận đúng.

Cậu Nimrod nhắc:

– Hãy quay lại vấn đề trước mắt nào. Làm sao chúng ta có thể bảo vệ những cây mới này?

John gợi ý:

– Sao chúng ta không làm chúng tàng hình nhỉ? Xét đến cùng, cậu không thể chặt một thứ mà cậu không thấy, đúng không? Cháu không thể nghĩ ra một cách nào khác tinh tế hơn thế.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Không, cậu cũng không thể. Ý kiến hay đó, John. Thật sự là cậu cũng đã làm như vậy với những cây lupuna mà cậu đã trồng trước đây. Cậu chỉ muốn xem thử ý kiến của hai đứa có trùng hợp với cậu trong vấn đề này không. Thế hai đứa có biết một chú tàng hình hữu dụng nào không?

John lắc đầu:

– Không ạ. Cháu không giỏi loại thần chú đó lắm. Mỗi khi cháu thử làm tàng hình một thứ gì đó, nó thường phân rã mất tiêu.

Philippa thú nhận:

– Cháu cũng vậy.

Cậu Nimrod bảo:

– Vậy thì may mắn là cậu biết một cái khá tốt.

Rồi cậu thầm thì từ trọng tâm của mình, và vườn ươm lupuna bé nhỏ của họ biến mất.

* * *

Khi họ quay lại chỗ cắm trại, một ấm trà đang chờ họ, và cậu Nimrod quyết định bổ sung thêm mấy miếng sandwich dưa leo, một cái bánh socola lớn, cùng món bánh nướng với rất nhiều kem và mút. Ông Groanin phàn nàn:

– Tôi không hiểu tại sao ngài không phụ trách luôn phần trà ngay từ đầu. Tôi nói, tại sao ngay từ đầu ngài không phụ trách luôn phần trà, thưa ngài?

– Bởi vì, anh Groanin thân mến, mọi người đều biết trà luôn ngon hơn khi được chuẩn bị bởi một người khác. Và không những vậy, nếu nói đến một ấm trà đúng cách, chỉ có một quán gia người Anh làm được điều đó. Trong ấm pha trà, với nước sôi. Rồi phục vụ nó cùng với sữa. Không bao giờ với chanh. Anh có rất nhiều phẩm chất tốt, anh Groanin ạ, và anh cũng có nhiều mặt xấu. Nhưng không ai có thể pha trà như anh.

– Cám ơn, thưa ngài.

John bảo:

– Cháu không biết mấy về trà, nhưng cái bánh này thì ngon tuyệt.

Ông Groanin đồng ý:

– Sandwich dưa leo cũng không tệ.

Cậu Nimrod nói:

– Sau tất cả những gì chúng ta đã trải qua, tôi nghĩ chúng ta cần được chiêu đãi một bữa. Để lên tinh thần, không gì bằng một bữa trà chiều đúng chất Anh.

Một giọng Anh quốc lịch sự vang lên:

– Tôi hoàn toàn đồng ý với anh, Nimrod. Sữa và hai cục đường cho tôi nhé, anh Groanin. Ồ, và như tôi vừa nói, cái bánh socola này nhìn thật tuyệt

nhỉ? Nó làm bằng kem tươi, đúng không? Tôi ngạc nhiên thật. Dĩ nhiên là vậy rồi. Anh sẽ không ăn một loại bánh khác, đúng không Nimrod? Không phải một người với khẩu vị và sự tinh tế như anh. Nhưng tôi tự hỏi không biết cái bánh này có ngon bằng món bánh bông lan kem chanh nổi tiếng của vợ tôi hay không.

Đưa mắt nhìn lại, họ trông thấy một gã đàn ông đang bước về phía họ, vừa nhe răng cười một cách niềm nở vừa vẫy vẫy tấm bản đồ của Faustina trên tay. Gã mặc áo khoác thợ săn, xà cạp, cùng một cái mũ cát. Trên cằm gã là một bộ râu nhìn như một bàn chải đánh giày, và gã có một giọng nói mượt mà, dễ nghe luôn làm John nghĩ đến một diễn viên trong kịch của William Shakespeare. Nếu không có khẩu súng mà gã đang cầm trên tay, có lẽ gã sẽ khiến người khác cảm thấy rất thân thiện.

Cậu Nimrod nói:

– Tôi đang tự hỏi bao giờ ông mới xuất hiện đây.

Dĩ nhiên đó là Virgil McCreeby, và gã đang đi cùng Zadie Eloko và một cậu bé chừng mười ba tuổi với tướng cao ráo và vẻ mặt u ám, cậu nhỏ mặc một cái áo thun rock, quần jean, jacket da, và một đôi giày ống đi mô tô nhìn như thể chúng từng dạo quanh Trường Đua Quốc tế Daytona.

Philippa thốt lên:

– Dybbuk! Dybbuk, cậu đang làm gì ở đây vậy?

Dybbuk phát ra một âm thanh nghe như tiếng kèn fagôt và trợn ngược hai mắt lên đỉnh đầu đầy tóc dài của cậu. Cậu bảo:

– Buck. Chỉ Buck thôi, okay?



Chương 19

Con tin

Cậu Nimrod nói:

– Cho tôi một lý do để không biến ông thành một con cóc ghê đi, McCreeby.

John gợi ý:

– Vì ông ấy đã là một con cóc ghê à?

Nuốt trọn một miếng bánh của cậu Nimrod và dẫn nó xuống với một ngụm trà nóng ngọt lịm, McCreeby bảo:

– Tôi nói, anh thật không hiểu khách đó, Nimrod. Dù sao ở tận ngoài này, giữa rừng Amazon, tôi cũng gần như một đồng hương Anh của anh. Nhưng nếu anh đã hỏi, tôi sẽ vui vẻ cho anh vài lý do tại sao anh nên tự kiềm chế bản thân. Và điều đó áp dụng cho mấy người nữa đó.

Đầu tiên gã chỉ tay vào cặp sinh đôi rồi đến ông Groanin và ông Muddy, trước khi lại tổng thêm mấy miếng bánh socola nữa vào miệng. Có thể thấy rõ gã thích món đó. Gã thậm chí còn làm dính ít kem socola lên chuôi khẩu súng mà gã vẫn đang cầm.

Cậu Nimrod nói với gã:

– Tôi đang nghe đây. Ông sắp phải liệt kê ra những lý do tại sao tôi nên tự kiềm chế bản thân và không biến ông thành một con cóc. Và tôi gợi ý là

ông nên nói nhanh lên.

McCreeby liếm sạch lớp kem socola dính trên đầu ngón tay khi gã bắt đầu kể ra những lý do của gã:

– Thôi được. Để xem nào. Đầu tiên, đây là một thánh địa và tôi biết vì một sự tôn trọng ngu ngốc nào đó dành cho những hệ thống đức tin khác, djinn mấy người sẽ không sử dụng sức mạnh djinn trong một thánh địa.

McCreeby ngược nhìn lên mái vòm cây lupuna trên đầu:

– Họ gọi cái này là gì ấy nhỉ? Một *abadía de árboles*, đúng không? Cho nên, chừng nào chúng ta còn ở đây, tôi đoán tôi sẽ tuyệt đối an toàn. Đặc biệt là với khẩu súng trên tay tôi hiện tại. Và nó dĩ nhiên là một lý do nữa để anh tự kèm chế bản thân. Và tôi sẽ sử dụng khẩu súng này nếu bị buộc phải làm vậy, nên tôi khuyên tất cả mọi người đều cố liệu làm gì. Hai lý do rồi đó.

Húp nước trà xì xụp, gã nói tiếp:

– Nhưng djinn mấy người làm gì cũng thích số ba, đúng không? Ví dụ như ba điều ước. Ồ, vâng, tôi sẽ cho anh lý do thứ ba. Và có thể giống như tôi, anh sẽ nghĩ đó là lý do quan trọng. Anh thấy đấy, tôi có một con tin. Môn đồ của tôi – họ tự gọi mình là tu sĩ, dù nói thật, cái giáo phái be bé mà tôi gây dựng ở Anh hiện nay chẳng liên quan gì với mấy cái tu sĩ giáo phái đa thần thật sự cả – đang giữ cha của John và Philippa, ông Gaunt, ở một địa điểm bí mật. Nói cách khác, ông ấy đang bị bắt cóc. Nhưng đừng lo. Ông ấy sẽ vẫn bình yên vô sự chừng nào mấy người không cản đường của tôi.

John nói:

– Tôi không tin ông.

– Không? À, tôi vốn cũng không hy vọng gì vào việc cậu sẽ dễ dàng tin lời tôi như vậy, nhóc ạ. Cho nên tôi đã mang theo một ít chứng cứ, dĩ nhiên. Và cậu nên cảm ơn ngôi sao may mắn của mình rằng tôi là một người văn minh và sẽ không đưa cho cậu ngón tay hay lỗ tai của cha cậu.

Virgil McCreeby gật đầu với Dybbuk, cậu ta bỏ ba lô xuống đất và bắt đầu im lặng lục lọi một thứ gì đó bên trong. Ngoài việc khăng khăng bảo

mọi người gọi cậu là Buck, Dybbuk đến giờ vẫn không nói gì khác. Sự xấu hổ mà cậu đang cảm thấy khi đứng trước mặt những bạn bè cũ của cậu đã ngăn cản điều đó.

McCreeby giải thích:

– Ông Gaunt đã bị bắt cóc trên đường đến chỗ làm ở Manhattan vào một buổi sáng lúc mấy người đang ở New Haven.

John vẫn khẳng khẳng:

– Ông Senna sẽ không bao giờ cho phép ai đó bắt cóc cha tôi. Ông ấy là tài xế kiêm vệ sĩ riêng của cha. Và ông ấy rất giỏi với việc đó. Ông ấy từng làm trong lực lượng Đặc Nhiệm.

Làm mặt hề, McCreeby cười khúc khích một cách khó ưa:

– Ồ, vậy à? Ờ, Đặc Nhiệm hay không thì ông Senna của cậu cũng có một cái bao tử bình thường như tất cả mọi người. Có nghĩa là, nó có thể trở nên cáu kỉnh. Đặc biệt là khi người của tôi cho nó ăn một thứ không tốt. Ví dụ như một loại thuốc do chính tôi chế tạo ra với khả năng làm một người không thể rời khỏi nhà vệ sinh trong suốt ba ngày. Ý tôi là, đó mới là thứ tôi gọi là “lực lượng Đặc Nhiệm”. Kết quả là, vào buổi sáng đặc biệt đó, ông ấy không có mặt ở đó để chở cha cậu đi làm. Và một trong những môn đồ của tôi, Haddo, đã đảm nhận việc đó. Dù sao thì, lão cha già thân mến của cậu thậm chí còn không nhận ra Senna già không ngồi sau tay lái. Cho đến khi đã quá trễ. Cho cậu ấy thấy đi, Buck.

Dybbuk rút một cái laptop nhỏ ra khỏi ba lô. Cậu mở nắp máy ra, gắn nó vào một điện thoại vệ tinh, bật nó lên, truy cập vào một trang web nổi tiếng đăng tải nhiều đoạn video, rồi quay màn hình về phía John.

John cố bắt lấy ánh mắt của cậu bạn cũ, nhưng Dybbuk tránh không nhìn vào mắt cậu. John nói:

– Tớ cứ nghĩ Finlay mới là người giúp McCreeby đấy. Ai ngờ từ đầu đã là cậu. Đáng lẽ tớ nên biết điều đó. Sao cậu làm vậy, Buck? Tớ cứ nghĩ chúng ta là bạn.

Nhưng Dybbuk không trả lời. Giây phút này – giây phút đối mặt với John và Philippa – chính là giây phút mà cậu sợ hãi nhất. Giờ đây, khi cậu đã ở đây với bạn bè cũ của cậu, phải hứng chịu cảm giác thất vọng của chúng đối với cậu, cậu cảm thấy còn tệ hơn tưởng tượng ban đầu của mình. Sau tất cả những cuộc phiêu lưu mà chúng đã cùng trải qua, cậu biết chính xác chúng đang nghĩ gì về cậu. Dybbuk nhìn cậu như thể ai đó đã dí sắt nóng vào cậu khi ông Groanin lớn tiếng nói:

– Tôi chưa bao giờ thích thằng nhóc này. Tôi luôn nghĩ nó đồng nghĩa với rắc rối. Tôi nói, tôi luôn nghĩ nó đồng nghĩa với rắc rối.

Trong khi đó, ông Groanin, cậu Nimrod, Philippa và ông Muddy đang vây quanh cái laptop và chờ xem cái gì đã bị quay phim lại.

Trong đoạn video, ông Gaunt đang ngồi trên một cái ghế bên trong một lồng giam. Ông đang mặc một bộ áo liền quần màu cam và cầm một tờ *New York Daily Post* với hai tay đeo gông. Đoạn video sau đó zoom vào trang bìa rồi đến ngày phát hành của tờ báo để chứng minh tính xác thực của việc ông Gaunt đang bị giam giữ. Ông nhìn có phần mệt mỏi với bộ râu mấy ngày chưa cạo, nhưng nhìn chung vẫn bình yên vô sự.

Ông Gaunt nói trong phim:

– Chào mấy con. Chào cậu, Nimrod. Tôi đoán là đến giờ phút này mọi người đã biết tôi đang bị bắt cóc và giam giữ bởi ba tay hippie quái đản người Anh. Tôi không biết họ là ai hay họ muốn gì, nhưng họ đối xử với tôi coi như ổn thỏa. Tôi được cung cấp nhiều thứ để ăn và đọc, và tôi cũng coi tivi nhiều. Họ bảo tôi nói với mọi người rằng nếu mọi người làm đúng theo những gì họ nói, họ sẽ thả tôi đi. Nhưng nếu mọi người không hợp tác, mọi việc có thể trở nên khó khăn hơn đối với tôi. Lời của họ, không phải tôi. Đó là tất cả những gì tôi được phép nói, ngoại trừ việc John? Philippa? Cha nhớ cả hai đứa, và cha yêu hai đứa rất nhiều. Hy vọng chúng ta sẽ sớm gặp lại nhau. Và đừng lo cho cha. Chúng ta đã vượt qua nhiều giây phút khó khăn trước đây và chúng ta sẽ làm lại được điều đó.

Khi đoạn video ngừng lại đột ngột ở đó, họ xem lại nó lần nữa.

McCreeby nhận xét:

– Thật là cảm động.

John hỏi cậu Nimrod:

– Nó thật hả cậu?

McCreeby bực bội nói:

– Dĩ nhiên nó là thật. Sao cậu có thể nghĩ khác chứ?

John trả lời:

– Ông đã giả mạo bức hình trên báo. Bức hình của đoàn thám hiểm được cho là đã tìm được Mắt Rừng.

McCreeby thừa nhận:

– Ừ, tôi đã giả bức hình đó. Một bức hình giả khá tốt, đúng không? Thật đáng ngạc nhiên với những gì chúng ta có thể làm được với một cái máy tính ngày nay.

John nói:

– Cho nên, có thể ông cũng đã làm giả đoạn video này.

McCreeby bảo:

– Nếu làm vậy, nghĩa là tôi vốn không có gì để mặc cả. Một chuyện khó có thể xảy ra. Có nghĩa tôi đang rất liều lĩnh, đúng không? Liều chọc giận ba djinn hùng mạnh? Hoặc bốn, nếu tính cả mẹ của cậu. Thật may khi ngay bây giờ bà ấy không có mặt ở đây, đúng không?

Rồi lắc đầu, gã nói tiếp:

– Không, tôi không đủ can đảm để làm giả nó đâu, nhóc. Cũng chẳng đủ ngu ngốc. Và lại, giờ đây khi mấy người đã dẫn tôi đến với Mắt Rừng thật sự, tôi chẳng đòi hỏi gì hơn từ mấy người ngoài việc tránh đường cho tôi. Nếu mấy người hợp tác, cha của cậu sẽ được trả tự do với không một tổn thương. Lấy tên Virgil McCreeby, tôi có thể hứa với mấy người như thế.

Cậu Nimrod bật cười:

– Cái tên đáng giá lắm đây. Chính xác ông đang theo đuổi cái gì vậy, McCreeby?

– Tôi nghĩ điều đó quá hiển nhiên mới đúng. Tôi muốn tìm thành phố mất tích Paititi.

Cậu Nimrod nói:

– Giờ thì tôi đã bắt đầu hiểu được. Nó có lợi cho cả hai người. Hai người định tiến hành nghi lễ *kutumunkichu*, đúng không?

McCreeby trả lời một cách ngây thơ:

– Tôi chưa bao giờ nghe nói đến chữ đó. Anh lầm rồi. *Kutumunkichu*? Đó là gì vậy?

– Lợi dụng nghi lễ *kutumunkichu*, ông, McCreeby, hy vọng có được năng lực biến kim loại thường thành vàng. Trong khi cậu, Dybbuk...

Cậu Nimrod nhìn thẳng vào mặt Dybbuk.

– ... cậu nghĩ cậu có thể hồi phục lại sức mạnh của cậu. Giống như Manco Capac. Đúng không?

Buck cuối cùng cũng lên tiếng:

– Tại sao không chứ? Nghi lễ *kutumunkichu* đã có hiệu quả với ông ấy mà. Sao tôi không được chứ?

Nhăn mặt, McCreeby nói với Dybbuk:

– Đáng lẽ cậu không nên nhắc đến chuyện đó.

Nhưng Dybbuk không để ý gì đến gã mà tiếp tục nói với cậu Nimrod:

– Nó sẽ có hiệu quả với cháu. Nó phải có hiệu quả.

Philippa gần như cảm thấy tội nghiệp cho cậu. Cậu Nimrod hỏi:

– Ông đã nói với thằng bé như thế hả McCreeby?

McCreeby phẫn nộ nói:

– Tôi chẳng nói gì với nó cả. Buck đã tự đọc mấy văn bản Inca cổ. Trong thư viện ở lâu đài của tôi tại Anh. Anh nhớ thư viện của tôi, đúng không Nimrod?

Cậu Nimrod hỏi:

– Văn bản cổ nào? Xét đến cùng, người Inca chưa bao giờ ghi chép lại điều gì.

– Tay thầy tu Inca Ti Cosi, cháu của vua Titu Cusi, người là cháu của Atahualpa, đã mô tả một số truyền thuyết và thần thoại Inca với một người ghi chép sử ký Tây Ban Nha vào khoảng năm 1550. Bao gồm nghi lễ *kutumunkichu*. Tôi có phiên bản duy nhất còn tồn tại của cuốn sử ký đó. Thứ mà tôi không có là bản đồ đến đây. Nhờ mấy người, điều đó không còn là một vấn đề với tôi nữa. Và trước khi mấy người suy diễn lung tung, tôi nói rõ chính Dybbuk là người đã tìm đến tôi để tìm kiếm một giải pháp cho vấn đề của cậu ấy. Bù lại, tôi sẽ có không phải ba mà là sáu điều ước. Ba điều từ Zadie, và ba điều từ Dybbuk. Ít nhất cậu ấy sẽ cho tôi ba điều ước ngay khi có lại được sức mạnh djinn. Lý do duy nhất tôi không đòi bất cứ ai trong mấy người ba điều ước là, ngay cả khi ông Gaunt còn nằm trong tay tôi, tôi vẫn không tin mấy người không làm điều gì đó xấu xa với tôi.

Nghe nhắc đến cha cô, Philippa vuốt một giọt lệ khỏi mắt. McCreeby nói tiếp:

– À phải, nhắc mới nhớ, những hạt lệ mặt trời trong ba lô của Zadie? Chúng tôi cần nó cho nghi lễ. Cho nên, vui lòng đưa chúng qua đây.

Khi không ai cựa cựa, McCreeby nói thêm:

– Tôi chỉ cần gọi điện thoại vệ tinh cho Haddo biết mấy người không chịu hợp tác, và hẳn sẽ tải lên mạng một đoạn video khác về ông Gaunt, một đoạn video không dễ xem như đoạn đầu tiên. Coi nào. Đưa chúng đây. Tốt nhất không nên để cha cô cậu đau lòng, đúng không? À phải, nhớ đưa luôn điện thoại vệ tinh của mấy người. Zadie nói mấy người có một cái.

John đi lấy ba lô và lục ra ba cái đĩa vàng đã bị trộm khỏi bảo tàng Peabody. Cậu khá ngạc nhiên khi nhận ra chúng rất ấm. Thậm chí có thể nói là nóng. Cậu đưa chúng và cái điện thoại cho Dybbuk.

Cậu Nimrod nói:

– Nghe ta nói nè, Buck. Có khả năng nghi lễ Inca mà cậu đã đọc được ấy có liên quan đến *Pachacuti*. Sự rung chuyển vĩ đại của mặt đất báo trước ngày tàn của thế giới. Chuyện này có thể nguy hiểm. Rất nguy hiểm.

McCreeby chế giễu:

– Anh không thật sự tin vào lời tiên đoán đó chứ? Nếu người Inca có sức mạnh làm được việc đó, anh không nghĩ họ sẽ dùng nó để chống lại Pizarro và đội quân xâm lược của ông ấy sao? Dĩ nhiên họ sẽ dùng.

Lờ McCreeby đi, cậu Nimrod tiếp tục nói với Dybbuk:

– Manco Capac đã chết. Cháu không nghĩ về điều đó sao, con trai?

Dybbuk bảo:

– Đẳng nào Manco cũng đã già cả, bệnh hoạn. Dù sao thì, không có sức mạnh djinn, cháu khác gì đã chết chứ. Sống mà không có sức mạnh djinn sao có thể gọi là sống.

John nói:

– Cậu vẫn sống. Điều đó không đáng giá sao?

Dybbuk gặt gông:

– Cậu nói dễ lắm, John. Cậu vẫn còn sức mạnh của cậu. Tớ thì không.

John hỏi vặn lại:

– Và đó là lỗi của ai chứ?

Cậu Nimrod nói:

– John nói đúng. Buck, cháu đã được cảnh báo đừng phỉ phạm sức mạnh. Bởi tất cả mọi người. Ta. Người mẹ tội nghiệp của cháu. Tất cả. Nhưng cháu đã chọn lựa không lắng nghe. Cháu đã lạm dụng món quà của mình cho những màn ảo thuật rẻ tiền để làm thú tiêu khiển cho mundane.

McCreeby can thiệp:

– Anh nói vậ hơi bất công đó, Nimrod. Sao lại bảo chúng rẻ tiền? Tôi nghĩ vài màn khá tuyệt mà.

– Trên ti vi.

Cậu Nimrod gằn từng chữ như thể nó là một thứ đáng xấu hổ.

Dybbuk giận dữ nói:

– Đã làm thì đã làm. Nhưng việc tất cả mọi người bảo cháu đừng làm rõ ràng chẳng làm mọi chuyện tốt đẹp hơn. Và mọi người sẽ làm gì chứ? Nếu mọi người ở vào hoàn cảnh của cháu? John? Philippa? Các cậu sẽ làm gì nếu

mất hết tất cả sức mạnh chứ? Các cậu sẽ không cố lấy lại nó sao? Dĩ nhiên là có, đúng không?

John nói:

– Tất cả chúng ta đều phải sống có trách nhiệm với hành động của chính chúng ta. Cuộc sống là như vậy mà.

Dybbuk chế nhạo:

– Nói thì dễ lắm, nhưng làm thì khó đó.

Giờ đây đến lượt Philippa nổi giận. Nhưng không phải với Dybbuk, mà là với Zadie.

Cô hỏi Zadie:

– Tớ có thể hiểu được tại sao Buck làm như vậy. Cậu ấy luôn ương ngạnh như vậy. Người mà tớ không hiểu là cậu. Làm sao cậu có thể đồng lõa với họ? Làm sao cậu có thể phản bội sự tin cậy của tớ như vậy?

Nắm lấy tay Zadie, Dybbuk nói với Philippa:

– Để cậu ấy yên. Cậu ấy làm thế vì tớ.

Zadie nói:

– Tớ yêu anh ấy. Đó là lý do tại sao tớ giúp họ kể từ khi chúng ta đến đây. Dùng quái vật cản bước để giúp Buck và McCreeby bắt kịp khi chúng ta bị chậm lại. Ngụy tạo dấu vết trên mặt đất để mọi người nghĩ một đoàn thám hiểm khác đang đi trước chúng ta. Tớ muốn giúp Buck lấy lại sức mạnh.

Rồi cô đưa mắt nhìn Dybbuk và nở một nụ cười ấm áp với cậu.

– Tớ sẽ làm tất cả vì anh ấy. Tôi không trông chờ một người như cậu, Philippa, hiểu được một điều như thế. Xét đến cùng, ai có thể yêu nổi một người như cậu chứ?

McCreeby mỉm cười và vẫy tay một cách huyền bí trước mặt Zadie. Gã nói:

– *L'amour, toujours l'amour*. Tình yêu chinh phục tất cả.

Cố lờ đi lời sỉ nhục đau lòng của Zadie, Philippa hỏi:

– Nhắc đến chinh phục, chuyện gì đã xảy ra với ông bạn Pizarro của cậu cùng đội quân của ông ấy? Họ đâu rồi?

Zadie ném cho Philippa nụ cười giễu cợt nhất của cô rồi nhún vai bảo:

– Lần cuối tớ thấy họ, họ đang đê bẹp bạn của cậu, người Xuanaci. Đáng đời họ.

McCreeby nói:

– Đúng. Đúng đó, Zadie. Tôi đồng ý với cô. Lắng nghe lời tôi. Chỉ lời tôi thôi. Quên hết tất cả những chuyện khác. Chỉ lời của tôi mới quan trọng.

Rồi gã lại vấy tay trước mặt cô lần nữa.

Cậu Nimrod hỏi:

– Ông thôi miên cô ấy, đúng không? Đó là lý do tại sao cô ấy giúp hai người. Cô ấy chỉ nghĩ cô ấy yêu Dybbuk. Vì ông bảo với cô ấy như vậy. Để có thể thuyết phục cô ấy.

Liếc nhìn Dybbuk một cách lo lắng, McCreeby cãi lại:

– Vợ vẫn. Dĩ nhiên cô ấy yêu anh bạn trẻ của tôi.

Nhưng Dybbuk giờ đây đang nhìn gã với một ánh mắt kỳ lạ.

– Đúng không, Zadie?

Zadie trả lời, nhưng có một thứ gì đó trong giọng nói của cô nghe có vẻ máy móc:

– Đúng vậy. Cháu yêu anh ấy. Vẫn luôn yêu anh ấy. Sẽ luôn yêu anh ấy. Yêu. *L'amour, toujours l'amour.*

McCreeby mỉm cười:

– Thấy chưa?

Rồi chỉ tay về phía cánh cửa Mắt Rừng, gã giục:

– Xin lỗi phải cắt ngang cuộc hội ngộ cảm động này, nhưng chúng tôi phải vào trong đó. Anh thật thông minh khi nghĩ ra cách gỡ cái nút thắt trên cửa, Nimrod ạ. Bản thân tôi, tôi sẽ đơn giản dùng rựa chặt đứt nó cho xong. Giống như cái anh chàng nổi tiếng từ Hy Lạp ấy.

Cậu Nimrod cho biết:

– Tôi không phải là người giải được bí mật đó. Là John.

McCreeby mỉm cười với John:

– Vậy thì cậu thật là một người thông minh, nhóc ạ. Có lẽ cậu giờ đây có thể đi chinh phục thế giới đã biết. À phải. Còn một điều nữa. Theo tôi được biết, có một cây cầu dây làm từ tóc người nối thẳng đến Paititi. Thông tin đó chính xác không?

Philippa trả lời:

– Chính xác.

– Và những người bảo vệ? Những xác ướp các vị vua Inca ấy?

Ném trả một nụ cười chế giễu về phía Zadie, Philippa nói:

– Họ đã đi nơi khác. Để giúp người Xuanaci.

Cô và John thành thật trả lời McCreeby như vậy là vì lo lắng cho cha của chúng.

Cậu Nimrod nhận xét:

– Như thường lệ, ông vẫn được thông tin đầy đủ nhỉ, McCreeby.

Gã trả lời:

– Tôi thích đọc sách. Chúng cung cấp cho người ta một lợi thế đáng kể so với những kẻ chỉ tìm tin tức qua radio và truyền hình.

Cậu Nimrod hỏi tiếp:

– Trong trường hợp đó, có bao giờ ông nghĩ đến việc Ti Cosi có thể đã cố ý làm người ghi chép sử ký Tây Ban Nha nghĩ sai không? Rằng thật sự nghi lễ *kutumunkichu* sẽ mang đến *Pachacuti*? Sự hủy diệt vĩ đại?

Nhắc ba lô của gã lên, McCreeby lắc đầu nói:

– Tôi sẽ quay lại với câu hỏi trước đó của tôi, Nimrod. Nếu người Inca có sức mạnh làm được việc đó, anh không nghĩ họ sẽ dùng nó để chống lại Pizarro sao? Không, tôi không nghĩ nghi lễ *kutumunkichu* sẽ mang đến *Pachacuti*. Nhưng cũng phải khen anh đã rất cố gắng.

Rồi quay sang nhìn Dybbuk và Zadie, gã nói:

– Đi nào, cô cậu. Chúng ta lên đường thôi.

John hỏi:

– Vậy còn cha của tôi?

McCreeby trả lời:

– Ông ấy sẽ ổn cả. Nếu không ai cố theo đuôi hay cản trở chúng tôi. Ngay khi đã an toàn quay lại Peru, tôi sẽ gọi cho Haddo bảo họ trả tự do cho ông ấy. Đơn giản vậy thôi. Tin tôi đi, tôi không có hứng thú chọc giận bà Layla mẹ cậu đâu.

Cậu Nimrod nói:

– Chưa kể cơn giận của chính tôi.

– Đó là lý do tại sao tôi cần đến sáu điều ước. Anh thấy không, Nimrod? Tôi đã dự trù hết tất cả mọi tình huống.

McCreeby mở cánh cửa Mắt Rừng ra và, với Dybbuk và Zadie theo sát sau lưng, gã bước qua cửa. Sau đó, cả ba biến mất.

Ông Groanin làu bà:

– Tôi cực kỳ ghét cái gã này.

Đóng cánh cửa lại sau lưng họ, cậu Nimrod nói:

– Tôi cũng vậy.

– Giờ sao? Tôi nói, giờ sao đây?

– Anh nghe McCreeby nói gì rồi đó. Chúng ta bị khóa tay khóa chân rồi, anh Groanin.

John nói:

– Thông thường khi có ai đó bị bắt cóc, người ta thường cố tìm ra họ trước khi trả tiền chuộc.

Ông Groanin bảo:

– Một việc không mấy dễ dàng khi chúng ta đang ở tận Amazon.

Cậu Nimrod nói:

– Phải chi mẹ cháu đang ở New York chứ không phải Brazil.

Philippa đề nghị:

– Chúng ta cần báo tin cho mẹ. Chúng ta cần báo mẹ về nhà tìm cha.

Cậu Nimrod hỏi:

– Có ai biết số điện thoại của bác sĩ Kowalski không? Bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ của chị Layla ấy?

Philippa lắc đầu:

– Không. Mẹ không cho tụi cháu số. Vả lại, McCreeby đã lấy mất điện thoại vệ tinh của chúng ta rồi.

John bảo:

– Chúng ta có thể làm một cái khác.

Cậu Nimrod nhắc:

– Không phải ở đây. Không phải tại nơi này. Nhớ không?

John gật đầu:

– Được rồi. Chúng ta sẽ rời khỏi nơi này. Làm một cái điện thoại ở nơi khác.

Philippa gợi ý:

– Sao không dùng mail nội bộ djinn ấy? Nó chắc chắn nhanh hơn nhiều.

Cô đang nhắc đến một cách thức liên lạc thuận lợi giữa hai djinn trưởng thành là anh chị em ruột của nhau, cho phép khi một người nuốt một thứ gì đó, nó sẽ xuất hiện trong miệng của người còn lại. Dù họ có ở cách xa nhau đến đâu.

Cậu Nimrod nói:

– Phép tắc thông thường là điện thoại cảnh báo trước cho người còn lại. Lần cuối chị Layla dùng mail nội bộ djinn gửi đồ cho cậu, cậu đang ngồi trên ghế nha sĩ. Đó là một tình huống rất xấu hổ.

Rồi nhún vai, cậu bảo:

– Tuy nhiên, có thể chúng ta sẽ mất một thời gian mới tìm được số của bác sĩ Kowalski. Và thời gian là yếu tố quan trọng trong tình huống này. Ý cậu là, chị Layla tìm được cha các cháu càng sớm, chúng ta càng có thể nhanh đuổi theo McCreeby và chặn gã lại.



Chương 20

Tìm kiếm ông Gaunt

Bác sĩ Stanley Kowalski đẩy người ra khỏi bức tường mà ông đang dựa vào và đưa cho Layla Gaunt một cái gương cầm tay cùng một tấm ảnh chụp hơn một năm trước, trước cái tai nạn khủng khiếp đã phá hủy khuôn mặt và cơ thể nguyên bản của bà.

Bà Layla hết đảo mắt qua cái gương lại quay sang nhìn bức hình trong suốt vài phút đồng hồ cho đến khi, lần đầu tiên trong nhiều tháng trở lại đây có thể nhận ra chính mình, bà mỉm cười rạng rỡ. Layla nói:

– Thật không thể tin anh làm được một việc tuyệt vời như vậy. Tôi nhìn y hệt như trước đây. Y hệt theo đúng nghĩa của từ đó ấy. Tôi tuyệt đối không thể chỉ ra khuôn mặt này ban đầu không phải là của tôi. Anh đã làm được một việc thật tuyệt vời. Anh biết không, trong số những bác sĩ thẩm mỹ, anh là một thiên tài thật sự đấy. Một thiên tài.

Rút que diêm mà ông đang nhai nhai trong miệng ra, bác sĩ Kowalski mỉm cười một cách khiêm tốn và nói:

– Cô cứ đùa tôi hoài.

Nhìn cách ăn mặc và cư xử của ông, ít ai nghĩ ông là một bác sĩ giải phẫu. Bên dưới cái áo blue trắng, ông mặc một áo thun xám trơn, quần jean cùng một đôi giày ống của công nhân lao động nặng nhọc.

Bà Gaunt khăng khăng:

– Không, tôi nói thật đó. Nếu không biết rõ, tôi sẽ nghĩ đây là đúng là một phép màu.

Bác sĩ Kowalski bảo:

– Cô biết gì không? Đó là điều mà tất cả bệnh nhân của tôi đều nói. Phải chi họ biết nhỉ?

– Biết anh là một djinn ấy à? Nếu họ biết điều đó, họ có lẽ sẽ trông chờ vào những điều không thể, Stanley ạ. Thay vì phép màu đơn thuần mà anh đã thực hiện cho họ.

Vị bác sĩ lại khiêm tốn nhún vai:

– Nếu là ai khác chứ không phải tôi, một cuộc giải phẫu thẩm mỹ như của cô chẳng khác nào một nhiệm vụ bất khả thi. Nhưng phần lớn những người tìm đến đây đều chỉ muốn trở thành một phiên bản đẹp hơn của chính mình. Không phải một người hoàn toàn khác như cô muốn, Layla ạ.

– Nhìn xem ai đang lên tiếng kia. Nhìn anh chẳng giống cái anh chàng mà tôi đã quen khi còn đi học.

Bác sĩ Kowalski gãi gãi đầu rồi bỏ que diêm vào lại trong miệng. Ông là một người đàn ông không bình thường ở chỗ ông nhìn y hệt một diễn viên điện ảnh nổi tiếng đã quá cố tên Marlon Brando. Không phải Marlon Brando già xuất hiện trong những bộ phim như *Bố Già*, mà là Marlon Brando trẻ của những bộ phim như *Chiếc xe điện mang tên Khao khát*. Nhiều năm trước, người cha djinn của bác sĩ Kowalski, ông Victor, một bác sĩ thẩm mỹ ở Beverly Hills, California thể theo nguyện vọng của con trai đã biến ông Stanley thành phiên bản song sinh của người diễn viên mà rất nhiều người từng nghĩ là người đàn ông đẹp trai nhất thế giới. Bác sĩ Stanley Kowalski thậm chí còn nói năng y hệt Marlon Brando.

Bác sĩ Kowalski lại nhún vai bảo:

– Đúng là tôi đã thay đổi. Để tốt hơn. Và cô biết tại sao không? Vì tôi muốn được thoải mái. Đó luôn là phương châm làm việc của tôi. Thoải mái

với chính bản thân mình. Và nếu không thể, cô có thể thay đổi bản thân cho đến khi *được* thoải mái. Đơn giản vậy thôi.

– Nhờ anh, tôi đã cảm thấy thoải mái hơn hẳn so với nhiều năm qua.

Bà Layla lại lần lượt nhìn hình ảnh của mình trong gương và trong bức hình, rồi hôn nhẹ lên má bác sĩ Kowalski.

Bác sĩ Kowalski nhìn có vẻ xấu hổ.

– Không, phải nói là tôi thật sự biết ơn anh. Bây giờ thì, anh đã quen tôi nhiều năm, đúng không, Stanley? Chúng ta học cùng trường với nhau. Vì thế, hãy nói thật cho tôi biết một điều. Giải phẫu là một chuyện. Tôi đã lại nhìn giống như xưa. Nhưng tôi còn quyến rũ không?

– Tôi chưa từng gặp một quý phu nhân nào không biết mình có quyến rũ hay không nếu không được ai nói đấy. Dĩ nhiên cô rất quyến rũ, Layla. Quyến rũ như mọi khi. Còn hơn cả xinh đẹp.

Bà Layla mỉm cười vui vẻ. Tuy nhiên, một giây sau đó, bà để tay lên ngực và bắt đầu ho sù sụ như bị nghẹt thở khủng khiếp.

Bác sĩ Kowalski lo lắng hỏi:

– Sao thế? Cô ổn chứ?

Ho thêm vài tiếng khó khăn nghe như tiếng hơi nước bị nén ra từ một máy pha cà phê espresso, bà Layla nói:

– Đóng chai tôi đi, nhưng có một thứ gì đó đang leo ngược lên cổ họng tôi.

Đến giờ phút này bà đã đoán được chuyện gì đang xảy ra và lý do tại sao một vật thể – dù nó là gì – đang từ bao tử bà du hành ngược lên khí quản. Trong một giây ngắn ngủi, bà rửa thềm cậu Nimrod vì đã sử dụng hệ thống mail nội bộ djinn mà không thông báo trước cho bà, nhưng rồi thêm một giây nữa trôi qua, bà đặt tay lên miệng và nhổ ra một vật thể lên lòng bàn tay. Bà bảo:

– Là em trai tôi, Nimrod. Mail nội bộ djinn.

Bác sĩ Kowalski thở phào:

– Làm tôi hết hồn. Tôi cứ nghĩ có thể đó là một dạng phản ứng hậu giải phẫu. Đôi lúc nó vẫn xảy ra. Chỉ nghĩ đến việc nhìn giống một người khác có thể khiến một người thấy khó thở.

Layla mở tờ giấy chống thấm dầu mở ra và đọc nhanh thông điệp trên đó.

Bà thông báo:

– Tôi phải lập tức quay về New York. Có lẽ còn phải nhanh hơn thế. Anh Edward chồng tôi đã bị bắt cóc.

– Tệ quá vậy. Cô có biết ai đứng đằng sau việc đó không? Tộc Ifrit? Hay tộc Ghul?

– Nimrod nghĩ đó là mundane.

– Họ thích gặp rắc rối sao? Dám đụng vào một djinn như cô?

Bà Layla dứt khoát nói:

– Ừ, họ thích gặp rắc rối đây mà.

Vì có vẻ như Layla không thể mạo hiểm tạo ra một cơn lốc gió khác - bà vẫn chưa quên cơn lốc gió mà bà đã thả ra ở New York trên nóc bảo tàng Guggenheim - bác sĩ Kowalski lái xe chở bà đến sân bay. Nhưng đó không phải một sân bay bình thường. Ông chở bà đến thẳng cái sân bay trực thuộc FAB Brazil, chi nhánh không quân của quân đội Brazil. Theo tin tức của bác sĩ Kowalski, bà Layla đã quyết định đi nhờ chiếc máy bay nhanh nhất mà bà có thể tìm được ở Brazil: chiếc máy bay phản lực mới Mirage 2000, với tốc độ tối đa lên đến hơn 1.500 dặm/giờ.

Viên phi công, một đại úy tên Alberto Santos, hiển nhiên ít có lựa chọn trong vấn đề này vì bà Layla đã ếm một chú trói buộc djinn lên ông. Vì vậy mà, khi Santos cho máy bay cất cánh, ông cứ nghĩ người đang ngồi trên chiếc ghế ngay sau lưng ông là không ai khác ngoài một vị thiếu tướng quan trọng của lực lượng Không Quân Brazil.

Trước khi cất cánh, bà Layla cảm ơn bác sĩ Kowalski vì tất cả mọi sự giúp đỡ của ông và hôn ông lần nữa.

Ông nói:

– Thôi nào, đừng như thế, cô đang làm tôi mắc cỡ đấy. Và lại cô vẫn còn cần được giúp đỡ đấy.

Rồi ông bắt đầu chỉ ra việc, vì New York cách Rio de Janeiro đến gần năm ngàn dặm và chiếc chiến đấu cơ này có phạm vi hành quân chỉ chừng chín trăm dặm, ông sẽ phải gọi điện thoại giả dạng viên thiếu tướng thật sự – người vốn cũng là một bệnh nhân của bác sĩ Kowalski và đã được ông giải phẫu thẩm mỹ để nhìn anh hùng hơn – để điều một loại phi cơ tiếp nhiên liệu tiếp tế cho họ trên suốt đường bay.

Đó là một chuyến bay thoải mái, ít nhất là cho đến khi Đại úy Santos quyết định chứng minh ông là một phi công thành thạo như thế nào và thực hiện một loạt các động tác nhào lộn máy bay trên không đủ sức làm bất cứ ai ngoài một djinn như Layla phải chụp lấy túi nôn. Ngoài sự cố đó, mọi việc vẫn diễn ra suôn sẻ cho đến khi, sau chưa đầy bốn tiếng cất cánh khỏi Rio, chiếc chiến đấu cơ Brazil tiến vào không phận Mỹ gần New York và một đội máy bay tiêm kích F-15 Eagle của lực lượng Không quân Hoa Kỳ bay đến chặn đầu nó.

Vài giây sau họ đã bị công kích. Đại úy Santos triển khai tránh né nhưng đó là một trận chiến không cân sức. Một chiếc Mirage khó có thể làm gì nhiều trước bốn chiếc F-15 và khi tín hiệu cảnh báo trong buồng lái thông báo một đầu tên lửa đã khóa đuôi họ, họ không còn cách nào khác ngoài việc ấn nút ghế bật khẩn cấp của máy bay.

Họ nhảy dù xuống biển nơi một chiến hạm hải quân đang chờ sẵn để bắt giữ họ. Nhưng bà Layla đã quyết định bà không thể bị bắt. Không phải là khi bà đang mang khuôn mặt cũ của mình. Vì vậy mà, ngay khi chạm xuống biển, bà để cơ thể chìm xuống dưới mặt nước, một dụng cụ thở dưới nước cá nhân, một bộ đồ lặn, cùng vài cái vây cá, và ngay dưới mũi cùng ống nhòm của những lính thủy đang tìm kiếm bà, bà bơi thẳng về phía bờ biển Long Island.

Trong khi đó, việc đại úy không quân Brazil tội nghiệp đã bị bắt giữ. Bà Gaunt quyết định sẽ cứu ông, nhưng là sau này, khi cái vấn đề cấp bách khiến bà vội vã rời Nam Mỹ đã được giải quyết.

Bà lên bờ ở Westhampton, một vị trí thuận lợi cho bà. Bãi biển Westhampton cách căn nhà mùa hè của gia đình Gaunt ở Quogue chỉ một đoạn ngắn. Và dưới sự che đậy của màn đêm đang dần buông xuống, bà nhanh chóng bước về nhà. Một khi đến nơi, bà thay đồ, ăn một bữa tối nhẹ và, sử dụng máy tính trong phòng làm việc của chồng bà cùng từ khóa mà cậu Nimrod đã cung cấp qua mail nội bộ djinn, bà lên mạng tìm đoạn video của những kẻ bắt cóc.

Ngay khi xem xong đoạn phim, bà Layla phóng lớn một khung hình và bắt đầu phân tích những chi tiết nhỏ nhất của cái mà bà cho rằng có thể là manh mối dẫn đến nơi đoạn video được quay lại. Cuối cùng bà cũng đã tìm được cái mà bà cần tìm: Ở một góc hình ngay đằng sau lồng giam chồng bà có một khung cửa sổ lớn hình vòm và sau khi phóng đại khung cảnh bên ngoài cửa sổ, bà có được một hình ảnh trên người của rìa một cây cầu cũ.

Bà trầm ngâm tự hỏi bản thân:

– Đó là chỗ nào nhỉ?

Bà chăm chăm nhìn bức hình trong một thời gian dài, rất dài trước khi nhận ra bà biết cây cầu này. Đó là cầu Brooklyn bắc ngang sông Đông của New York. Và từ góc độ của những cái chân cầu bằng bê tông và vòm trời Manhattan đằng sau, bà rút ra kết luận chồng bà đang bị giam ở mặt Brooklyn của cây cầu, trong một tòa nhà đầu đó ngay bên dưới cây cầu.

Layla lại lên mạng tìm kiếm hình ảnh của Brooklyn cùng cây cầu nổi tiếng của nó, và chỉ vài phút sau tìm được một địa điểm có vẻ phù hợp. Nằm ngay bên dưới cây cầu có một tòa nhà bị bỏ hoang trên bờ sông có tên Kho Hàng Molloy. Căn nhà kho này có những khung cửa sổ lớn hình vòm y như trong bức hình.

Kho Hàng Molloy là nơi chồng bà đang bị những môn đồ của Virgil McCreeby giam giữ.

Cặp mắt bà giãn dữ nheo lại khi bà nhìn chăm chăm vào bức ảnh chụp cái nhà kho và tưởng tượng những gì chồng bà có thể đã phải trải qua.

Bà lăm băm, vẻ mặt của nhân vật phản diện:

– Mình sẽ trả thù những kẻ đáng tởm đó. Có lẽ mình chưa biết sẽ làm gì, nhưng chắc chắn chúng sẽ là sự trả thù khủng bố nhất trên thế giới.

* * *

Trời đã tối hẳn khi bà tự lái xe đến Brooklyn. Cây cầu đang huyền ảo với tiếng xe cộ qua lại, và một cơn gió mạnh lạnh lẽo đang thổi qua sông Đông. Với cái ống nhòm cực chuẩn xác, bà quan sát Kho Hàng Molloy, đặc biệt là những khung cửa sổ hình vòm. Đó là một nơi kỳ lạ nhìn có vẻ ma quái, giống như một thứ xuất hiện trong cơn ác mộng của ai đó. Làm từ đá vôi với mái ngói đỏ đỏ dốc cùng hai cái tháp đa giác, chỉ có một bảng hiệu cũ kỹ đề tên Kho Hàng Molloy treo trên một cánh cổng hình chữ L cho thấy đây là một nhà kho chứ không phải một tòa lâu đài kiểu Romanesque thu nhỏ. Nhìn từ bên ngoài, tòa nhà này có vẻ bị bỏ hoang. Nhưng để chắc ăn, bà không cho rằng mình đã lầm hoặc tin vào việc Virgil McCreeby không chuẩn bị vài biện pháp phòng bị djinn nào đó. Ngay cả khi là một djinn, bạn cũng phải rất cẩn thận với mọi chuyện có liên quan đến Virgil McCreeby.

Bước đến trước lối vào hoa lệ với hai mái vòm đôi, bà chú ý đến những chữ cái trang trí trên phiến đá phía trên cửa trước. Bà nghĩ thầm rằng chúng giống như loại chữ run từng được các tu sĩ cổ đại sử dụng. Bà biết chúng khá phổ biến ở Anh và Đức, nhưng hiếm khi được trông thấy ở New York. Layla vừa định đặt tay lên nắm cửa thì cái mũi nhạy bén của bà bắt được một mùi vị kỳ lạ trên đó. Một mùi giống như hương hoa nhưng nặng hơn.

Rút tay lại, bà cúi người lại gần và ngửi kỹ cái nắm cửa như một con báo đã nghi đánh hơi mùi cạm bẫy của thợ săn. Và dưới ánh trăng, bà nhìn thấy một lớp mỏng của một thứ gì đó dày và nhờn trét lên trên nắm cửa. Đó là một loại thuốc bôi nào đó.

Một thứ gì đó lướt nhanh qua ký ức của bà khi bà nhớ ra cái mùi ngậy trong khoang mũi bà là gì. Thuốc bôi. Đó là một loại enzym thấm thấu qua da làm từ nọc độc của loài bọ cạp *tử thần rình rập*. Nếu để tay lên đó, bà sẽ bị tê liệt trong vài giờ hoặc có thể lâu hơn, tùy thuộc vào độ đậm đặc của

loại thuốc bôi này. Nhận ra bà vừa may mắn thoát nạn trong gang tấc, Layla thăm thì từ trọng tâm của mình và chỉ vài giây sau, hai bàn tay bà đã được bảo vệ an toàn trong một đôi găng da dày cộm.

Một lần nữa bà vớ tay lên nắm cửa và nhẹ nhàng xoay nó. Cánh cửa không bị khóa. Nhưng bà vẫn chưa mở nó ra. Layla biết với một pháp sư mạnh mẽ như McCreeby, ngay cả một tiếng kẹt cửa hay tiếng sàn nhà cọt két cũng có thể bị tận dụng cho một mục đích hiểm ác. Có vài tiếng kẹt cửa không chỉ làm dựng đứng tóc gáy của một người mà còn cả phần cổ và cái đầu gắn liền với tóc gáy cho đến khi người đó bị treo cổ giữa không khí. Và tiếng sàn nhà cọt két có thể biến thành một loại bầy gấu vô hình với những cái răng sắc nhọn có thể cắn nát cẳng chân một người. Thậm chí còn có những tiếng gió thổi qua khung cửa sổ vỡ nát có thể là tiếng sói hú từ xa đánh động một con sói xám thật sự đang rình rập bạn trong bóng tối.

Bà Layla không sợ những cái bầy thất cổ, bầy gấu hay thậm chí là những con sói, nhưng bà đặc biệt e ngại những điều không tưởng. Ngay cả như vậy, bà vẫn gạt đi lớp mạng nhện giăng trên cửa để tra dầu vào bản lề, trong đầu chỉ nghĩ đó là nhà của vài con nhện thông thường. Đó là suy nghĩ ban đầu của bà. May mắn là, đó không phải suy nghĩ thứ hai của bà, vì sau đó bà đã nhớ đến việc Virgil McCreeby là một tay sư tập nhện khá nhiệt tình và đã tự làm bản thân gã gầy như miễn nhiễm với những loài nhện độc nhất. Nhiều khả năng đó là vì gã biết rõ trong khi nọc rắn hoàn toàn vô hại với djinn, nọc độc của nhện và bò cạp lại đặc biệt nguy hiểm. Bà vội vàng đóng cửa lại lần nữa. Vừa kịp lúc, vì bà đã thoáng thấy một thứ gì đó to lớn và đầy lông di chuyển trong căn phòng đằng sau cánh cửa. *Quá lớn để là một con nhện*, bà nghĩ thầm. Nhưng bà có thể chắc chắn sự di chuyển đó được kích hoạt bởi cái mạng nhện.

Layla quay lại xe để cất cơ thể bà vào đâu đó an toàn, nghĩ rằng bà nên biến thành vô hình trước khi bước vào căn nhà kho. Nghĩ rằng có lẽ sẽ đi lâu, bà ngồi vào băng ghế sau nên có chỗ duỗi chân rộng rãi hơn, và khóa cửa từ bên trong. Rồi Layla thăm thì từ trọng tâm của mình và, trong một

giây, bà có cảm giác như mình cao lên, cao lên rất nhiều, ngoại trừ việc khi ngó xuống, bà thấy mình đang nhìn vào phần nắp xe.

Layla bay ngược về phía căn nhà kho và đi xuyên qua cửa trước. Ngay lập tức, bà cảm thấy may mắn vì đã cẩn thận, vì ngay đằng sau cánh cửa trước, bà trông thấy thứ mà ban đầu bà nghĩ là một con nhện rất lớn. Một cặp mắt vô hình mất nhiều thời gian để điều chỉnh với bóng tối hơn là mắt thường, và ít nhất phải mất một vài phút, bà mới nhận ra thứ mà bà đang nhìn thấy không phải một con nhện, mà là một bức tranh khảm cổ kỳ lạ có hình một gã đàn ông nằm sấp, mặc dù gã có phần giống một con nhện ở chỗ gã được mô tả đang bò hai tay hai chân trên một bức tường.

Trong trạng thái vô hình, bà bước đến gần bức tranh khảm để nhìn kỹ hơn. Mặc đồ đen từ trên xuống dưới với một cái đồng hồ cát màu trắng trên lưng, gã đàn ông kỳ lạ có hai cẳng tay dài và gầy kinh khủng, cùng hai bàn tay, bàn chân bé xíu, và một cái đầu cúi thấp đến mức bà chỉ có thể nhìn thấy một cái trán dô như mái vòm và vài cọng tóc lẻ tẻ. Thay vì người nhện, phải nói gã là một sự lai hợp giữa người và nhện mới đúng. Layla nghĩ đó là bức hình kinh tởm nhất mà bà từng thấy – so với cả bên ngoài Bảo tàng Nghệ thuật Đương đại – và một căn nhà kho bỏ hoang có lẽ là nơi tốt nhất cho nó. Nhưng có vẻ nó không phải một thứ có khả năng gây hại cho bà.

Bước lùi lại khỏi bức hình, bà đưa mắt nhìn quanh phần sảnh vào hoang vắng và lạnh lẽo. Ở hai bên sảnh có hai cái cầu thang cũ ọp ẹp dẫn lên bóng tối sâu thẳm hơn ở trên lầu. Vài cái ghế gỗ uốn xếp chồng lên nhau dựa vào một bức tường trống trải, âm thấp, và trong một lò sưởi trống trơn, một con chó to đùng đang nằm ngủ. Vốn nổi tiếng với giác quan thứ sáu, loài chó dù không thấy nhưng thỉnh thoảng vẫn có thể cảm nhận được thế giới vô hình nếu bị làm phiền, vì vậy Layla đã chọn cái cầu thang nằm xa con chó. Tuy nhiên, cái cầu thang đó chỉ dẫn đến một bức tường gạch.

Một lần nữa quay lại sảnh vào, bà dừng lại cạnh con chó và, nghĩ rằng bà có thể lợi dụng cơ thể nó một lát, bà trượt vào bên dưới bộ lông dơ hầy và chỉ đi được vài bước cứng ngắc trước khi nhận ra con chó đã chết. Và lý do duy nhất nó nhìn như còn sống là vì nó đã được xử lý bởi một chuyên gia

nhồi xác động vật. Không nghi ngờ gì việc nó từng là con thú cưng yêu thích của ai đó.

Để cái xác nhồi bông của con chó lại bên lò sưởi, bà bắt đầu bước lên cây cầu thang thứ hai, và chỉ mới đi được vài bước khi nghe thấy một thứ gì đó sau lưng bà. Quay người lại, bà nhìn thấy mấy chục dấu chân in trên lớp bụi dày che phủ cái sàn nhà trống trơn. Trong một giây, Layla nghĩ đó là dấu chân của bà. Rồi đưa mắt về phía sau cánh cửa, bà nhìn thấy gã đàn ông kỳ lạ bò trên hai tay hai chân trong bức chạm trở rợn da gà đã không còn ở đó. Gã đã biến mất. Nhưng đi đâu? Và những dấu chân này có thể là của gã không? Bà lo lắng nhìn quanh.

Câu trả lời của Layla không đến chậm. Một luồng khí lạnh trượt xuống ống khói và ủa ra từ lò sưởi, làm cái sảnh vào trở nên lạnh ngắt như một cái kho lạnh chứa thịt. Sự thay đổi nhiệt độ đột ngột này khiến cơ thể vô hình của bà hiện rõ hơn trước, và vì thế, dễ bị tấn công hơn. Đó là khoảnh khắc mà gã nhện-người kỳ lạ từ bức tranh khảm chờ đợi. Từ trên trần nhà, sinh vật kinh khủng đó rớt thẳng vào giữa cơ thể ngoại chất của Layla và cái miệng đáng sợ của nó – nó không có mũi, mà chỉ có một đồng mô rắn chắc quanh cái lỗ miệng được sử dụng như một ống hút mà nó bắt đầu dùng để hút linh hồn của bà – phát ra một âm thanh ướt át ghê tởm như tiếng một cái máy hút bụi sũng nước.

Thình lình Layla nhận ra McCreeby đã canh giữ nơi này trước một djinn như bà một cách hoàn hảo như thế nào: Sinh vật từ trong tranh đó là *exorbere*, một con nguyên tố đặc biệt từng được các tu sĩ cổ đại sử dụng trong những lễ trừ tà để hút linh hồn và những vật thể vô hình khác vào ruột của nó. Một điều kinh khủng tương tự đã xảy ra cho ông Rakshasas tội nghiệp, người vẫn mất tích từ sau khi bị một chiến binh đất nung hấp thụ ở Đền Dendur trong Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan tại New York.

Bà cảm thấy vài phần nhỏ của chính mình tách ra khỏi cơ thể vô hình của bà và biến mất vào trong *exorbere*. Rồi thêm vài phần khác. Bà đang từ từ bị hút vào quên lãng.



Chương 21

Những hạt lệ Mặt Trời

Philippa hỏi cậu Nimrod:

– Cậu nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra nếu họ hoàn thành nghi lễ mà cậu đã nói đến? Cái nghi lễ Kutu-mun-gì-gì ấy?

Đã gần một tiếng trôi qua kể từ khi Dybbuk, Zadie và Virgil McCreeby đi qua cánh cửa Mặt Rừng. Và đoàn thám hiểm của cậu Nimrod vẫn còn đang cân nhắc bước tiếp theo là gì. Ông Groanin đã pha thêm ít trà, ông vẫn thường làm việc này khi không ai nghĩ ra được việc gì khác để làm. Đó là quan điểm sống của người Anh: Nếu cảm thấy nghi ngờ về bất cứ chuyện gì, hãy ngồi xuống dùng một tách trà và thư thả suy nghĩ về kế hoạch sắp tới. Đó là một trong những nguyên nhân chính khiến nước Anh từng là một trong những đế chế hùng mạnh nhất trên thế giới suốt một giai đoạn lịch sử. John và Philippa không thích uống trà cho lắm, và cũng chẳng có ai trong chúng muốn thống trị thế giới – chúng chỉ muốn được thấy cha mình được trở về nhà an toàn và chuyến thám hiểm Nam Mỹ của cả nhóm được kết thúc một cách tốt đẹp. Vì vậy, chúng chỉ dùng ít nước chanh.

Cậu Nimrod trả lời:

– Nghi lễ *kutumunkichu* à? Thật sự cậu cũng không biết. Nhưng cậu e đó sẽ là một kết quả không mấy tốt đẹp. Dybbuk đang đùa với lửa.

Suy nghĩ chút, John bật cười:

– Cháu nghĩ cậu đang nói gần đúng theo nghĩa đen ấy.

Cậu Nimrod chau mày khó hiểu:

– Ý cháu là gì?

– Ý cháu là, cậu nên nhìn thấy bản mặt của cậu ấy khi cháu bỏ những hạt lệ mặt trời vào tay cậu ấy. Rất là kỳ lạ, nhưng mấy cái đĩa vàng đó khá nóng. Ờ, chí ít là một trong mấy cái đĩa ấy khá nóng.

Sự im lặng kéo dài trong khi cậu Nimrod uống tách trà của mình. Và rồi, gần như thể những điều John vừa nói đến giờ mới lọt được vào tai cậu, cậu Nimrod hỏi lại:

– John, cháu vừa nói gì? Về những hạt lệ mặt trời ấy?

– Một cái khá nóng.

– Nóng? Nóng như thế nào?

John nhún vai bảo:

– Cháu không biết. Nóng. Không nóng bỏng như thể đang bốc cháy khiến cậu phải làm rớt nó. Nhưng quá nóng để áp vào da quá lâu. Không nóng như thể nó đã bị đốt trong lửa. Nhưng nóng như thể nó đã nằm phơi nắng lúc giữa trưa. Hay nằm trên một lò sưởi. Nóng kiểu đó đó.

Cậu Nimrod ngược mặt nhìn vòm cây rậm rạp trên đầu, chỉ có một ít ánh nắng mặt trời xuyên qua nổi đám lá trên đó, rồi quay sang nhìn cái ba lô của John. Cậu lớn tiếng tự hỏi:

– Tại sao chỉ một cái đĩa nóng lên? Cả ba cái cùng nằm trong ba lô của cháu mà.

John gật đầu:

– Đúng vậy. Ý cháu là, bản thân cháu cũng thấy điều đó hơi kỳ kỳ. Nhưng vào lúc đó, đầu óc cháu còn quá nhiều thứ phải suy nghĩ. Cháu chỉ mới nhớ ra chuyện đó thôi. Việc với McCreeby và Dybbuk, việc với cha cháu, việc của nhỏ phù thủy Zadie cùng tất cả những chuyện khác, chúng làm cháu quên bẵng đi chuyện đó.

Đứng dậy, cậu Nimrod đi kiểm tra cái ba lô của John.

– Nhưng tại sao hạt lệ mặt trời lại nóng lên trong ba lô của cháu? Tại sao? Đâu phải chúng nằm trực tiếp dưới ánh nắng. Hay gần đồng lửa đun nước của anh Groanin.

Nhắc ấm nước ra khỏi đồng lửa, ông Groanin đổ thêm ít nước sôi vào trong ấm trà và hỏi:

– Thêm trà nữa không, thưa ngài?

– Không, không phải bây giờ. Cám ơn anh, Groanin.

Cậu Nimrod nhắc nắp ba lô lên và bắt đầu quăng đồ đạc của John ra đất như thể cậu đang gấp rút tìm kiếm một câu trả lời nào đó.

John nói móc:

– À, cậu cứ tự nhiên đi nhé. Cậu biết đấy, đó chỉ là đồ đạc cá nhân của cháu thôi. Chả có gì quan trọng đâu. Cứ thoải mái mà lục, okay?

Cậu Nimrod lờ đi đưa cháu trai. Và đến giờ phút này, tất cả mọi người đã tập trung quanh cái ba lô của John, tò mò muốn biết cậu Nimrod sẽ tìm được gì để có thể giải thích lý do tại sao những hạt lệ mặt trời lại nóng lên. John nhắc:

– Cháu có cất một số đồ riêng tư trong đó đấy nhé.

Philippa hỏi:

– Ví dụ như?

Với một lập luận khá hợp logic, John bảo với em gái:

– Anh mà nói cho em biết thì đâu còn gọi là riêng tư được nữa, đúng không?

Philippa nói:

– Zadie mới là người có cuộc sống bí mật, chứ không phải anh, John. Anh có thể đừng bực bội mãi về con bé gián điệp hai mặt đó không?

– Anh nghĩ anh có thể vượt qua chuyện đó nhanh hơn em đấy.

Rồi John nhún vai thừa nhận:

– Điều mà anh không thể hiểu được là chuyện Buck yêu nó. Hoặc nó yêu cậu ấy. Ý anh là, Buck cứ như một con nhím hay xù lông ấy.

Ông Groanin lầm bầm:

– Nó là một đứa như vậy. Chẳng nghi ngờ gì về điều đó cả.

Philippa nói:

– Em thậm chí còn không biết cậu ấy với Zadie là bạn của nhau.

– Anh thậm chí còn không hiểu mấy về chuyện đó. Theo anh, Zadie gây quá nhiều phiền phức cho cậu ấy.

Ông Groanin tiếp tục lầm bầm:

– Chẳng phải chuyện vẫn luôn như vậy sao? Không gì có thể làm chúng ta cảm thấy khó hiểu bằng lựa chọn người yêu của người bạn thân nhất của chúng ta. Đúng không, thưa ngài?

Cậu Nimrod nhắc:

– Cậu có cần nhắc cho tất cả mọi người nhớ việc Zadie đang bị thôi miên không nhỉ?

Philippa nói:

– Có vẻ như anh vừa mới bị như thế đấy. Xin lỗi.

Cậu Nimrod “hmm” một tiếng, và tung hứng một thứ gì đó trong lòng bàn tay. Đó là viên đá vàng mà Philippa đã mang lên từ hệ thống hang động dưới mặt đất.

– Đúng như cậu nghĩ! Đây là thủ phạm. Mẫu uranium này. Nó vẫn còn khá ấm. Đây. Cầm thử nó đi.

Cậu ném viên đá qua cho Philippa, cô em thậm chí không cố bắt lấy nó mà để nó rơi xuống đất. Philippa bảo:

– Cám ơn, nhưng không cần ạ. Nếu nó nóng, có thể đó là vì một lý do không mấy an toàn.

Nhưng ông Muddy nhặt nó lên và cẩn thận nhìn. Ông đã quen tiếp xúc với nhiều thứ nguy hiểm. Ví dụ như súng ống và thuốc lá. Hoặc những con cá sấu kỳ lạ. John lắc đầu bảo:

– Biết ngay là viên đá đó nguy hiểm mà.

Rồi cậu bắt đầu bỏ ngược vào trong ba lô tất cả những thứ mà cậu Nimrod đã lôi ra đất. Cậu nghi ngờ hỏi:

– Này, cậu không nghĩ nó sẽ làm nhiễm xạ đồ lót của cháu chứ?

Philippa chọc:

– Em nghĩ anh không cần lo lắng gì về chuyện đó nữa, anh trai. Mấy món đồ lót của anh là nguy hiểm nhất quả đất rồi.

John bảo:

– HÀi hước thật. Rất là hài hước đó, Phil.

Cậu Nimrod trấn an:

– Viên đá này không nguy hiểm gì đâu. Trừ khi...

Philippa tiếp lời cậu:

– Trừ khi ba cái đĩa vàng đó thực tế không phải bằng vàng, mà từ một thứ khác? Một thứ gì đó có phản ứng mạnh khi đặt gần chất uranium.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Ừ, đúng là vậy. Cháu nói tiếp đi.

– Ờ thì, có thể những hạt lệ mặt trời đó chỉ nhìn giống vàng mà thôi? Có thể chúng chỉ được mạ một lớp vàng mỏng bên ngoài để che giấu chất liệu thật của chúng? Ý cháu là, giả dụ như người Inca chỉ nhúng chúng vào vàng.

Cậu Nimrod khen:

– Chính xác. Cháu gái cậu thật thông minh. Giờ thì, chúng có thể làm từ chất liệu gì? Nếu cậu nhớ không lầm, chỉ có một trong ba cái đĩa đó có vẻ nặng hơn vàng bình thường.

Ông Groanin gợi ý:

– Chì thì sao? Tôi nói, chì thì sao? Có nhiều người mạ vàng lên chì để bán. Mấy tay làm vàng giả hay đúc tiền giả ấy. Đó là lý do tại sao người ta vẫn hay cắn thử mấy đồng xu vàng. Để kiểm tra xem chúng có phải đồ thật hay không.

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Không phải chì. Chì không phản ứng với uranium.

Và sau đó cậu lớn tiếng chửi bới.

Đây là lần đầu tiên bọn trẻ nghe thấy cậu của chúng chửi thề và chúng bị sốc mất một lúc. Ông Groanin trách:

– Ai đó rửa miệng anh chàng này coi. Chửi thề trước mặt cháu mình như thế. Ngài nên tự xấu hổ với bản thân, thưa ngài.

Cậu Nimrod vội vã nói:

– Xin lỗi mọi người. Nhưng tôi vừa đột ngột nghĩ đến một chuyện rất, rất xấu.

Rồi cậu im lặng hơn một phút đồng hồ và đi vòng vòng quanh trại với vẻ mặt lo lắng, vừa đi vừa lắc đầu và vắn hai tay vào nhau.

Ông Groanin yêu cầu:

– Thề ngài có định nói cho chúng tôi biết đó là gì không, thưa ngài? Hay chúng ta phải đập cho nó văng ra khỏi đầu ngài đây?

Cậu Nimrod lăm bắm:

– Mọi người tốt nhất không nên biết. Ý tôi là, có rất nhiều chuyện tôi biết mà thỉnh thoảng tôi phải ước gì mình không biết. Anh Rakshasas vẫn hay nói câu gì ấy nhỉ? Tốt hơn không nên nhớ những gì nên bị quên lãng, và tốt hơn không bao giờ quên những gì đáng nhớ.

Ông Groanin làu bàu:

– Vớ vẩn. Tôi nói, vớ vẩn. Nói đại cho chúng tôi biết cho xong đi, anh bạn, hoặc tôi sẽ không bao giờ pha trà cho cậu nữa.

Cậu Nimrod gượng cười:

– Thật là một lời đe dọa đáng sợ đó, anh Groanin. Thôi được. Tôi đang nghĩ đến chuyện cái đĩa nặng nhất đó được làm từ polonium nguyên chất.

Ông Groanin bảo:

– Chưa bao giờ nghe nói đến từ đó. Palladium thì rồi. Tôi đã từng xem Judy Garland biểu diễn ở nhà hát Palladium Luân Đôn. Khi tôi còn là một chàng trai ấy. Hay tuyệt. Cô ấy thật biết hát làm sao.

Cậu Nimrod giải thích:

– Palladium là một nguyên tố kim loại kiềm thổ hiếm. Nhưng tôi không nói về cái đó. Tôi đang nói về một kim loại khác tên polonium.

Ông Groanin lặp lại:

– Ờ, tôi chưa bao giờ nghe đến từ đó. Tôi nói, tôi chưa bao giờ nghe nói đến cái chất polonium của cậu.

Cậu Nimrod bảo:

– Ờ, có lẽ anh không biết thật. Đó không phải một thứ kim loại mà anh có thể tìm thấy trong mấy đồng tiền đúc mà quản gia mấy anh hay nhét vào túi quần. Trên thực tế, nó cực hiếm. Nó chỉ mới được Pierre và Marie Curie khám phá gần đây vào năm 1898.

Philippa thắc mắc:

– Chờ một chút. Nếu nó chỉ mới được khám phá vào năm 1898 thì tại sao một cái đĩa làm từ polonium lại có thể được trưng bày như một món đồ tạo tác của người Inca tại bảo tàng Peabody trong gần một thế kỷ? Hoặc là Hiram Bingham đã nói dối về nơi ông ấy tìm thấy những hạt lệ mặt trời đó, hoặc là...

Cậu Nimrod lẩm bẩm:

– Hoặc là người Inca đã khám phá ra bí mật của *uranit* trước vợ chồng Curie năm trăm năm. Đúng, chính là vậy.

John hỏi:

– Uranit? Đó là gì vậy?

– Những thợ mỏ ở Đức đã từng đào được một tảng đá mà họ gọi là uranit, một loại quặng chứa đầy những hợp chất kim loại quá phức tạp để chiết xuất.

Ông Groanin lẩm bẩm:

– Đáng lẽ tôi nên biết người Đức thế nào cũng liên quan đến cái thứ đó.

Cậu Nimrod kể tiếp:

– Trên thực tế, một trong những hợp chất kim loại của uranit là chì, chất còn lại là uraninit, loại quặng chính của uranium. Ngoài ra, còn một nguyên

tố mới mà vợ chồng Curie đã tách ra được từ uranit, và họ đã đặt tên cho nó là polonium, theo tên quê hương Ba Lan (Poland) của bà Marie Curie.

Ông Groanin nói xen vào:

– Họ tình cờ đặt tên đúng đấy. Người Ba Lan luôn giỏi gây rắc rối. Ví dụ như sự kiện năm 1939.

Cậu Nimrod trách:

– Anh Groanin, đừng phân biệt chủng tộc thế.

Ông Groanin bảo:

– Vâng, thưa ngài.

John thắc mắc:

– Nhưng làm sao người Inca có thể làm được một việc như thế? Họ chỉ là một nhóm người hoang dã thôi mà, đúng không? Đâu phải khoa học gia.

Cậu Nimrod nhăn nhó:

– Giờ thì đến lượt cháu nói năng như Francisco Pizarro, John. Ông ấy cũng là một kẻ phân biệt chủng tộc.

John nói:

– Cháu xin lỗi. Dĩ nhiên cậu nói đúng. Cháu đoán là, họ cũng khá văn minh theo kiểu của họ.

Cậu Nimrod nhắc:

– Cháu cũng quên việc Manco Capac vốn là một djinn. Ông ấy biết bí mật về tất cả các nguyên tử trong nguyên tố mà con người khi đó không biết đến. Cháu có nhớ lễ Tammuz của cháu không? Ở Ai Cập ấy? Và cậu đã nói với cháu về việc một djinn chế tạo vật thể từ ngọn lửa bên trong như thế nào? Và việc cháu cần phải có sự hiểu biết về tất cả các nguyên tử tạo nên nguyên tố để hiểu rõ sức mạnh djinn hoạt động như thế nào?

Philippa nói:

– Vâng. Ngọn lửa bên trong. Nó được gọi là *Neshamah*.

– Vậy có lẽ cháu cũng nhớ được cậu đã nói djinn chúng ta sử dụng nguồn năng lượng đó để tác động lên các hạt proton trong những phân tử tạo thành

vật chất chứ?

Philippa gật đầu:

– Dĩ nhiên ạ. Cậu đã nói với tụi cháu rằng việc làm một thứ xuất hiện hoặc biến mất đòi hỏi tụi cháu phải thêm vào hoặc rút đi những hạt proton, để từ đó thay đổi nguyên tố này thành một nguyên tố khác.

John thêm vào:

– Hoặc việc loại trừ hạt nơtron từ vô số nguyên tử của một tảng đá sẽ làm nó biến mất.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Chính xác. Sao, cháu đã thấy chưa? Sức mạnh djinn chỉ là vật lý học đơn giản. Hay nói chính xác hơn, vật lý hạt nhân. Lính Tây Ban Nha đã tin rằng sự tồn tại của một thành phố vàng có lẽ không phải là mộng ảo. Một trong những lý do tại sao người Inca có nhiều vàng như vậy là vì Manco Capac rất giỏi việc biến chì thành vàng. Và thêm một bài học nữa: chúng ta không thể hiểu được về chì nếu không hiểu về chất đồng vị của nó.

Ông Groanin hỏi lại:

– Chất đồng đồng gì cơ? Cái gì là chất đồng vị? Và vì Chúa, nói tiếng Anh giùm tôi.

– Chất đồng vị là một hình dạng khác của cùng một nguyên tố. Một nguyên tố giống hệt với số hạt nơtron khác nhau. Chì có bốn chất đồng vị bền và một chất đồng vị phóng xạ phổ biến.

John nói:

– Phóng xạ? Cháu hy vọng cậu không sử dụng một từ đáng sợ như thế đấy.

Cậu Nimrod bảo:

– Cậu e là cậu phải làm thế. Cháu thấy đấy, cậu tin rằng Manco Capac không chỉ thành công trong việc tách lấy chất polonium năm trăm năm trước vợ chồng Curie, mà còn nắm rõ những nguyên tắc cơ bản của vật lý phóng xạ. Và một trong những hạt lệ mặt trời mà chúng ta vừa đưa cho Virgil McCreeby có thể thật sự là kíp nổ của một quả bom hạt nhân thô sơ.

Hất phần trà còn lại trong tách vào một bụi cây, ông Groanin căn môi nói:

– Cái gì cơ? Ôi khi thật. Tôi đã bảo cậu không cần nói cho tôi biết về việc này. Tôi nói, tôi đã bảo cậu không cần nói cho tôi biết về việc này mà. Tôi sẽ hạnh phúc hơn nhiều nếu chỉ là một kẻ dốt nát. Và đó là sự thật.

Lờ ông Groanin đi, cậu Nimrod nói tiếp:

– Cậu đoán rằng, một trong những hạt lệ mặt trời đó được làm từ lithium. Và McCreeby đã có sẵn thứ mà gã cần để hoàn tất kíp nổ đó. Có thể là một cây gậy gì đó làm từ uranium nguyên chất.

Philippa nhắc:

– Chờ chút. Không phải chị Faustina đã nói một vài cổ vật Inca quý hiếm, bao gồm một cây quyền trượng bằng vàng, đã bị trộm khỏi Bảo tàng Dân tộc học Berlin sao?

Cậu Nimrod gật đầu:

– Đúng, cô ấy đã nói vậy. Một cây quyền trượng vàng có thể chính là cây gậy mà chúng ta đang nói đến.

Philippa nói thêm:

– Nếu như nó cũng được làm từ uranium chứ không phải vàng.

Cậu Nimrod xoa xoa cằm, vẻ mặt trầm ngâm:

– Ừ, đúng như vậy.

John hỏi:

– Nhưng tất cả mấy cái đó sẽ được dùng như thế nào? Ba cái đĩa và có lẽ là một cây gậy ấy.

– Kế hoạch là, cháu sẽ phóng cây gậy cùng cái đĩa lithium đó xuống một cái ống nào đó, giống như một viên đạn. Ở đáy ống là một đĩa polonium và một miếng uranium to cỡ một trái bóng rổ.

Ông Groanin lầm bầm:

– Tôi chưa bao giờ thích cái môn thể thao đó. Nếu hỏi tôi, tôi sẽ nói đó chỉ là một phiên bản thiếu muối của môn cricket.

Cậu Nimrod tiếp tục giải thích với John:

– Đó là tất cả những gì cần thiết cho một quả bom nguyên tử. Khi bị đập vào nhau, polonium và hai miếng uranium của cháu sẽ phát sinh ra một phản ứng dây chuyền và một vụ nổ hạt nhân nhỏ. Sức công phá cỡ quả bom nguyên tử đã hủy diệt Hiroshima.

Philippa ngạc nhiên:

– Một quả bóng rổ ư? Chỉ nhỏ vậy thôi sao cậu?

Cậu Nimrod trả lời:

– Cậu e là vậy. Hoặc có lẽ nhỏ hơn.

John nhăn mặt:

– Hơ, cháu sẽ không muốn bắt trái bóng rổ đó. Nó có thể cũng là một cổ vật Inca không cậu?

Cậu Nimrod nói:

– Dễ vậy lắm à. Khi nó vẫn chưa bắt đầu nóng lên. Nó mà nóng lên thì chúng ta khó mà giữ được trong tay.

John hỏi cậu Nimrod:

– Cậu có nghĩ McCreeby cũng có mang nó theo không?

Cậu Nimrod gật đầu:

– Gã nhất định có mang nó theo.

Philippa thốt lên:

– Chờ đã. Mọi người không nhận ra điều gì sao? Có lẽ gã không cần phải làm như vậy đâu. Cả khu vực này là một nguồn uranium khổng lồ. Và nó cũng nóng. Đó là lý do tại sao có khí nóng thổi lên từ kẽ núi dưới mặt đất.

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Đền ơn, cháu hoàn toàn đúng đó, Philippa. Uranium ở ngay đây. Ngay dưới chân chúng ta. Khu vực này phải có nhiều uranium đến mức lúc nào cũng có một phản ứng dây chuyền tự nhiên diễn ra. Cả cái khu vực này sôi sục với nó. Chắc hẳn đây là lý do tại sao Manco Capac nghĩ ông ấy đã thành công trong việc khôi phục lại sức mạnh djinn. Bằng cách sử dụng nguồn uranium tự nhiên của đất nước này.

Ông Groanin nói:

– Để tôi xác định lại chuyện này nhé. Để khôi phục lại sức mạnh djinn của thằng bé và vì McCreeby nghĩ rằng nó sẽ cho gã sức mạnh tạo ra vàng, gã và Dybbuk đang có ý định tiến hành một nghi lễ Inca ngớ ngẩn nào đó mà không biết rằng trên thực tế mình đang kích hoạt một vụ nổ hạt nhân.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Như thường lệ, anh đã thu gọn mọi việc thành mẫu số chung tuyệt đối của chúng. Nhưng đúng, mọi chuyện tóm lại là như vậy, anh Groanin ạ. Tóm lại là như vậy đấy.

Ông Groanin nói tiếp:

– Nhưng đó chỉ là vấn đề căn bản. Kích cỡ của nó. Có cả tấn uranium ở dưới này. Ý tôi là, nếu một miếng uranium bị bằng trái bóng rổ có thể hủy diệt một thành phố lớn như Hiroshima, vậy thì...

Philippa lấp bắp:

– *Pachacuti*. Lời tiên đoán của người Inca. Nói về chuyện trái đất ấm dần lên. Trời ạ!

Cậu Nimrod gật đầu:

– Chính xác. Họ có thể hủy diệt cả thế giới này.

Trong một lúc lâu, tất cả mọi người đứng im như phỗng, như thể họ cố hình dung ra hậu quả khủng khiếp của điều mà McCreeby và Dybbuk định thực hiện. John là người lên tiếng đầu tiên:

– Cháu không giỏi diễn thuyết lắm, nhưng theo cháu, trước một vấn đề quan trọng như tương lai của thế giới như thế này, có lẽ cháu sẽ phải phó mặc số phận của cha cháu cho những kẻ bắt cóc.

Rồi nhặt ba lô của mình lên, cậu nói rõ:

– Đừng hiểu lầm. Cháu yêu cha cháu. Nhưng chúng ta cần phải đi qua Mất Rừng và đuổi theo những kẻ điên kia. Chúng ta phải chặn họ lại trước khi họ làm nổ tung cả hành tinh này.

Khoác ba lô lên vai, cậu Nimrod nói:

– John nói đúng.

Bắt được ánh mắt lo lắng của Philippa, cậu nói thêm:

– Chúng ta không có thời gian ngồi chờ tin tức từ mẹ cháu, Philippa à. Chúng ta phải đuổi theo họ. Ngay bây giờ.

Philippa im lặng gật đầu.

– Anh Groanin? Anh Muddy? Tốt nhất hai anh nên ở lại đây và chờ anh Sicky quay lại.

Ông Groanin liếc xéo cậu Nimrod:

– Ngài định bỏ lại tôi đấy à? Tôi sẽ nói không được, thưa ngài. Tôi là một quản gia, không phải một cây dù. Vả lại, ngài có thể sẽ cần đến tôi. Đó là chưa kể đến cánh tay của tôi. Ngài biết đấy, từ khi nó được thay thế bởi hai đứa cháu tốt bụng của ngài, tôi có thể làm được nhiều việc hơn là pha một tách trà ngon. Chừng nào ngài không bắt tôi ném bóng rổ vào ai đó.



Chương 22

Hannibal và những kẻ ăn thịt người

Cái đầu của ông Sicky có thể nhỏ bất thường, nhưng không có gì bất ổn với kỹ năng giao tiếp của ông. Có lẽ mỗi ông treo lưng lửng nhiều sợi chỉ đỏ, nhưng ông vẫn thích trò chuyện với khách hàng của mình. Ông thích con người. Ngay cả khi họ là xác ướp. Và trong khoảng thời gian ông dẫn những vị vua xác ướp Inca băng rừng đến ngôi làng của thổ dân Xuanaci, ông dĩ nhiên muốn họ có được vài cuộc trò chuyện thú vị nào đó. Ông Sicky thử nói về thời tiết, du khách, hệ động vật bản địa, Fidel Castro, việc mua bán kim cương đen, người Xuanaci, quân du kích Con đường Ánh Sáng, sự phá rừng, người Inca, những kẻ chinh phục Nam Mỹ - ông thậm chí còn thử bàn luận về tình trạng thảm hại của bóng đá Peru.

Ông hùng hồn nói:

– Các ngài cũng là người Peru. Các ngài không thấy buồn khi chúng ta, tuy là đất nước lớn thứ ba ở Nam Mỹ nhưng lại không có lấy một đội bóng quốc gia đang hoàng sao? Tôi thì buồn lắm. Ý tôi là, chúng ta thậm chí còn không đủ tiêu chuẩn để tham gia Cúp Bóng đá Thế Giới kể từ năm 1982. Argentina chỉ lớn hơn chúng ta có một chút mà họ đã là một trong những quốc gia đá bóng giỏi nhất trên thế giới.

Nếu có vị vua Inca nào quan tâm đến bóng đá và tương lai của đội bóng quốc gia Peru, thì họ không thể hiện điều đó ra mặt. Cặp mắt vẫn gần như nhắm nghiền, trong khi khuôn mặt héo quắt, xám ngắt như tro tàn của họ vẫn trầm tĩnh như những bức tượng trên đảo Phục Sinh. Thỉnh thoảng, ông Sicky nghĩ ông vừa trông thấy một người trong số họ mỉm cười, nhưng đó chỉ là những cái răng trên hộp sọ bị lộ ra một cách khủng khiếp qua làn da mỏng như giấy dầu của họ. Khi họ im lặng băng qua khu rừng ẩm thấp, ông Sicky đã ngờ rằng những vị vua này không thể nói chuyện, và sự phát hiện trên thực tế họ có thể nói chỉ là một trong nhiều bất ngờ đang chờ đợi ông ở phía trước.

Bất ngờ đầu tiên là sự tồn tại của một loài vật mà ông Sicky chưa bao giờ trông thấy trước đây. Trong một khoảng rừng trống, họ gặp được một đàn động vật nhìn giống như anh em của heo vòi – một loài động vật hữu nhũ của vùng Nam Mỹ nhìn giống heo với một chiếc vòi ngắn có thể cầm nắm đồ vật được, nhưng những con vật này to gấp đôi những con heo vòi mà ông Sicky đã nhìn thấy trong nhiều năm làm hướng dẫn viên đi rừng của mình. Và không những giống những con heo vòi phóng đại, chúng còn có sừng và nhìn giống phiên bản thu nhỏ của loài voi răng mấu tiền sử.

Ông Sicky còn ngạc nhiên không kém khi phát hiện ra những con vật này đã hoàn toàn được thuần hóa, vì chúng cho phép những vị vua xác ướp leo lên lưng như loài ngựa cưỡi. Cũng chẳng muốn đi bộ khi những người bạn đồng hành lầm lì dường như thích cưỡi thú hơn, ông Sicky nắm lấy phần lông dày cộm ở cổ một con thú và nhún người nhảy lên lưng nó. Hành trình băng rừng sau đó của họ diễn ra nhanh chóng và dễ dàng hơn nhiều, và chẳng bao lâu sau, ông Sicky đã hoàn toàn chắc chắn sự xuất hiện đột ngột của những con vật kỳ lạ có vẻ ngoài cổ đại này có liên quan đến những vị vua xác ướp Inca.

Ông hỏi vị vua Inca gần nhất khi con vật cưỡi của ông hất một cái cây nhỏ ra khỏi đường đi của nó:

– Con vật chúng ta đang cưỡi là gì thế? Nó nhìn có vẻ khá hiếm. Thậm chí có thể đã tuyệt chủng. Giống như mấy con khủng long trong phim ấy.

Không một lời đáp lại. Nhưng ông Sicky vẫn không chấp nhận sự im lặng cho một câu trả lời.

– Đây là một loại heo vòi tiền sử à? Có lẽ là một con voi? Cười nó khá thoải mái. Ngồi ở trên này, tôi cảm thấy mình giống như Hannibal, vị tướng của Carthage cổ ấy. Người đã cưỡi voi vượt dãy Alps để chinh phục La Mã. Tôi nghĩ ý tưởng là như vậy nhỉ? Sử dụng những con vật này để có thêm ít lợi thế trong một trận đánh?

Gần đến ngôi làng Xuanaci, ông Sicky nghe được âm thanh không thể nhầm lẫn được của một cuộc xung đột ác liệt. Đứng trên cái lưng vững chãi của con vật đang cười, ông nhìn thấy ba tay kỵ sĩ Tây Ban Nha với những cây thương dài gần năm mét lăm lăm trong tay, chúng đang cười ngựa đuổi theo vài thổ dân chạy trốn với ý định đâm chết họ. Bên trong ngôi làng, một trận chiến xáp lá cà không cân sức đang diễn ra giữa đội lính Tây Ban Nha mặc giáp của Pizarro với một nhóm chiến binh Xuanaci gần như trần truồng, trong khi gần khu trung tâm, một nhóm lính Tây Ban Nha đang chui ra từ cái lều lớn nhất với nhiều lọ, đĩa vàng trên tay và đặc chí hét to với chiến hữu. Đó cũng là một ngạc nhiên lớn đối với ông Sicky.

Ông lẩm bẩm:

– Tôi chưa bao giờ biết người Xuanaci có nhiều vàng như vậy. Ai nghĩ điều đó có thể chứ? Thế nào họ luôn dữ tợn như vậy. Có lẽ là để hù dọa những kẻ muốn trộm đi báu vật của họ.

– Bên nào là người Xuanaci?

Vị vua Inca ngồi gần ông Sicky lên tiếng và, lần đầu tiên từ khi xuất hiện, nhìn thẳng vào ông Sicky. Có một tia sáng kỳ lạ lóe lên trong mắt ông giống như một bóng đèn điện mờ mờ, trong khi giọng nói của ông cũng có phần nóng sáng, như thể nó được hun khói trên một ngọn lửa cháy chậm.

Ông Sicky ngạc nhiên nói:

– Ông nói. Tôi tin rằng ông vừa nói.

Vị vua xác ướp Inca trả lời:

– Dĩ nhiên ta vừa nói. Chúng ta được ra lệnh đến giúp người Xuanaci. Bởi chủ nhân trẻ tuổi.

Tất cả những vị vua Inca giờ đây đã chăm chăm nhìn ông Sicky, như thể chờ đợi câu trả lời của ông.

– Ý ngài là, cậu bé đó? John?

– Đúng. John. Chúng ta đã quay lại từ *hana-paca*, thượng giới, nơi có đầy thức ăn và sự ấm áp. Chúng ta đã quay lại để đuổi kẻ thù của chúng ta về *okho-paca*, vùng đất của cái lạnh bất tận. Vị chúa tể trẻ tuổi, con trai của thần mặt trời, đã ra lệnh và chúng ta tuân phục. Giờ thì đồ phân lạc đà, hãy nói cho chúng ta biết bên nào là người Xuanaci!

Ông Sicky không thích bị mô tả là phân lạc đà cho lắm, đặc biệt là khi ông đã bỏ bao công sức để dẫn các vị vua đến làng Xuanaci, và ông hứa định bảo họ đi nhúng đầu vào nước sôi hết đi. Nhưng cùng lúc ông lại bồn chồn muốn hoàn thành nhiệm vụ dẫn đường này để quay về với cậu Nimrod và bọn trẻ.

Ông nói:

– Ồ, thưa bệ hạ, Xuanaci là những người sơn mình như báo đốm ấy. Loài mèo bụi, chứ không phải loại xe hơi cùng tên, dĩ nhiên.^[12] Chẳng ai cần nhìn giống một cái xe hơi mui kín sang trọng ở giữa rừng. Và cũng chẳng cần phải có một cái.

Khi nhiều con ngựa Tây Ban Nha khác chạy nước kiệu quanh làng, vài phụ nữ và trẻ con Xuanaci hoảng sợ kêu thét khi họ cố chạy trốn khỏi địa ngục. Nhiều người thông minh hơn bắt đầu leo lên các loại cây thường, cây leo để trốn thoát. Vài người thành công và vài người thất bại.

– Bình thường người Xuanaci là những chiến binh rất giỏi, nhưng như ngài thấy đấy – tôi nghĩ vậy – đám lính Tây Ban Nha này được vũ trang tận răng và cưỡi trên lưng ngựa, nên khó bị giết hơn. Đó là chưa kể đến việc họ vốn đã chết, dĩ nhiên. Chẳng dễ gì giết chết một người đã chết từ hơn năm trăm năm trước. Dù có thiện chiến như người Xuanaci cũng khó có thể giết họ.

Như thế muốn chứng minh điều ông Sicky vừa nói là sự thật, một cái rìu chiến nhỏ của người Xuanaci bay vút qua không khí và gọn gàng cắt đứt đầu một tay kỵ sĩ, tay này vẫn tiếp tục cười ngửa và ve vẩy cây thương như thể việc mất đầu chỉ là một bất lợi nhỏ với gã.

Vẫn đội cái mũ sắt quả lê đặc trưng của nó, cái đầu bị chặt đứt đó nảy tung vào bụi rậm và lăn đến tận chân của ông Sicky. Người dẫn đường nhìn xuống khuôn mặt râu ria của gã lính Tây Ban Nha. Cặp mắt xanh tiếp tục chớp chớp mấy cái, trong khi khuôn mặt vẫn tiếp tục cựa cựa như thể nó vẫn còn gắn liền với cơ thể của gã lính. Rồi ném cho ông Sicky một nụ cười nhạo báng sắc bén, cái đầu nói với một giọng đờ đót của vùng Castile, Tây Ban Nha:

– Mà nhìn cái gì vậy hả, đồ đầu ghim? Chưa bao giờ thấy một cái đầu bị chặt đứt hả?

– Một cái đầu đứt biết nói ngược lại với tôi thì chưa.

Nói rồi ông Sicky đá cái đầu vào trong bụi cây. Rồi quay sang vị vua Inca, ông nhún vai bảo:

– Thấy tôi muốn nói gì chưa? Người Xuanaci gặp vất vả lớn khi đụng phải mấy tay lính Tây Ban Nha đã chết này. Nhưng tôi nghĩ chắc ngài cũng hiểu chuyện đó, thừa bệ hạ, khi mà bản thân ngài cũng đã chết. Xin ngài thứ lỗi cho tôi vì đã nhắc đến chuyện đó, thừa bệ hạ.

Vị vua xác ướp Inca không trả lời. Thay vào đó, ông chậm chạp chớp mắt và giơ cây thương của mình lên trời. Có vẻ như đó là tín hiệu cho tất cả những vị vua Inca còn lại, họ giữ chặt hơn vật cưỡi cùng vũ khí và sẵn sàng lao vào tấn công những kẻ xâm lược hèn nhát có số lượng lớn hơn.

– Ổ ồ.

Ông Sicky nói khi con vật mà ông đang cưỡi khịt mũi đầy kích động. Không tin tưởng nó sẽ không đi theo đàn, ông Sicky hất chân qua cổ nó và, không sớm hơn một giây, theo một bên sườn to lớn đầy lông của nó trượt xuống đất. Đây không phải cuộc chiến của ông.

Ngay giây tiếp theo, những vị vua Inca thúc vật cưỡi của họ về phía trước với một tiếng hét lớn mạnh mẽ và tấn công những kẻ xâm lược, và chúng

gần như không biết cái gì đang tấn công; lần tấn công đầu tiên dữ dội đến mức vài cái đầu của những tay lính Tây Ban Nha đã chết chẳng mấy chốc đã nhảy tung trên mặt đất như những trái bóng, dù họ cũng chẳng gặp nguy hiểm gì hơn so với gã lính bị chặt đầu mà ông Sicky đã thấy trước đó.

Ông Sicky lẩm bẩm:

– Cuộc chiến này có vẻ sẽ kéo dài lắm đây.

Rồi, vì thiếu đi sự hỗ trợ của con *paleomastodon* – đó là tên của con vật mà ông đã cưỡi – ông Sicky đành phải leo lên một ngọn cây để có thể nhìn rõ hơn trận chiến đang diễn ra. Đó là nơi ông đứng phải vài con khỉ rú, một con lười ba ngón cùng vài thành viên của bộ lạc Xuanaci, những người đủ thông minh để bỏ chạy khi đội lính Tây Ban Nha xuất hiện để “dạy cho họ một bài học”.

Trước sự nhẹ nhõm của ông Sicky, những người Xuanaci núp trên cây nhận ra ông chính là người đã mang những vị vua xác ướp Inca đến để giúp họ và vì thế, họ đã đón chào ông như một nhà giải phóng.

Một trong những người Xuanaci cho biết:

– Ban đầu chúng tôi đã cố đánh lại họ. Nhưng khi nhận ra họ thật sự không thể bị giết, chúng tôi đã bỏ chạy.

Ông Sicky giải thích:

– Anh không thể giết họ vì họ đã chết.

– À, ra là vậy. Rồi anh xuất hiện với những chiến binh đó. Và tôi phải nói họ chiến đấu rất giỏi. Không thêm để ý đến an toàn của chính họ.

Ông Sicky bảo:

– Vì họ cũng đã chết.

– À, ra là vậy.

Người thổ dân Xuanaci đang nói chuyện với ông Sicky, một người đàn ông tên gọi Nicnax, nhận ra ông Sicky qua cái đầu nhỏ bé của ông, và giờ đây đang xin lỗi vì những gì mà bộ tộc Xuanaci đã làm với ông, và bảo đó tất cả là lỗi của tộc trưởng Pertinax của họ.

Nicnax cho biết:

– Ông ấy là một tộc trưởng rất tệ. Ông ấy luôn bảo với chúng tôi rằng tộc Prozuanci các anh muốn gây chiến với chúng tôi và làm chúng tôi rất sợ các anh. Ông ấy chính là người muốn chúng tôi đi thu thập đầu người và ăn thịt người. Bản thân tôi, tôi chưa bao giờ thích ăn thịt người khác cả.

Rồi Nicnax lắc đầu và thở dài:

– Không nghi ngờ gì về điều đó. Pertinax đã là một người rất xấu.

Ông Sicky hỏi lại:

– Đã? Anh vừa nói “đã” à?

Nicnax trả lời:

– Pertinax và hai thầy lang của ông ấy, Chenax và Condonax, đã chết. Đám lính đó giết họ trước tiên. Và có lẽ họ sẽ giết tất cả chúng tôi nếu không có sự giúp đỡ đúng lúc của những chiến binh Inca của anh, anh Sicky.

Ông Sicky và Nicnax cùng nhìn, ngay bên dưới cái cây mà họ đang ẩn nấp, một tay lính Ban Nha cắt đứt đầu một vị vua Inca và đồng thời hẳn cũng bị cắt đầu. Rồi cả hai bắt đầu dùng kiếm chém nhau, dù phần lớn thời gian họ toàn chém hụt vì không thấy đường. Chỉ thỉnh thoảng mũi kiếm của họ mới trúng đích và chém được một cẳng tay hay một cẳng chân gì đó. Nhưng hoàn toàn không có máu đổ. Theo thời gian trôi qua, nó trở thành một trong những trận chiến ác liệt ít đổ máu nhất mà ông Sicky từng chứng kiến.

Nicnax hỏi:

– Anh nghĩ trận chiến này sẽ kéo dài đến khi nào?

Ông Sicky trả lời:

– Khó nói lắm, khi mà cả hai đội quân đều tạo nên tử người chết. Nhưng anh biết gì không, Nicnax? Tôi đang nghĩ đến việc nếu tất cả các cuộc chiến trên thế giới nên được thực hiện bởi những chiến binh đã chết. Vì khi đó, không ai bị giết cả.

Nicnax khen:

– Anh là một người rất thông thái, anh Sicky ạ.

Ông Sicky ngáp một cái và gãi gãi cái đầu to bằng trái bưởi của mình khi ông bảo:

– Không hẳn thế. Chỉ là, khi người của dân tộc anh làm teo nhỏ đầu của tôi, suy nghĩ của tôi được, ờ, tập trung hơn. Tôi từng thắc mắc tại sao. Và giờ tôi đã biết đó là vì phần lớn mọi người có bộ não to hơn cần thiết. Anh thấy đấy, khi Thượng đế tạo ra con người, ngài đã tạo ra họ cùng với một bộ não đủ to để chứa đựng tất cả những gì cần biết trong khoảng thời gian một triệu năm. Có nghĩa là rất nhiều, dĩ nhiên. Nhưng hiện giờ, người ta không cần đến chín mươi phần trăm bộ não mà họ có. Chẳng cần não để xem ti vi, coi bóng rổ, nghe nhạc rap hay những việc không cần đến suy nghĩ khác. Tôi á, tôi có bộ não vừa đủ xài, không hơn. Điều đó có nghĩa tôi không bao giờ có một suy nghĩ thừa. Và tôi không bao giờ phải suy nghĩ về vô số chuyện không bao giờ có thể xảy ra.

Rồi ông Sicky mỉm cười:

– Có lẽ anh không biết, nhưng các anh thực tế đã làm cho tôi một điều tốt đấy.

Nicnax trầm tư gật đầu vì rất ấn tượng bởi sự thông thái của ông Sicky. Ông nói:

– Nhìn này, giờ đây khi Pertinax đã chết, người Xuanaci chúng tôi cần một tộc trưởng mới. Và anh có vẻ là một người rất phù hợp cho vị trí đứng đầu đó. Tất cả chúng tôi đều đã quá mệt mỏi với việc hiếu chiến và hung hăng rồi. Tất cả những gì chúng tôi muốn là được sống hòa bình với những bộ tộc láng giềng. Anh nghĩ sao về chuyện đó?

Trước khi trả lời, ông Sicky cẩn thận suy nghĩ về đề nghị đó. Ông khá thích công việc hướng dẫn du lịch rừng của mình. Đồng thời, ông cảm thấy phải có trách nhiệm với bộ tộc của ông, cũng như với tất cả những bộ tộc khác ở vùng thượng lưu sông Amazon. Nhiều năm qua, người Prozuanaci đã sống trong sợ hãi với người Xuanaci. Có lẽ ông có thể mang họ lại với nhau. Cái đầu của ông Sicky có thể nhỏ một cách bất thường, nhưng không có gì bất ổn với trách nhiệm công dân của ông.

Ông Sicky cười nhe răng:

– Ờ, nghe lạ nhỉ. Sicky già, tộc trưởng tộc Xuanaci. Tôi sẽ không phải đội một vương miện hay một thứ gì đó tương tự đấy chứ? Vì đầu tôi quá nhỏ với hầu hết các loại nón.

Nicnax nhe răng cười đáp trả:

– Pertinax có một cái đầu rất bự. Ý tôi là, ông ấy thật sự nghĩ mình có thể thay đổi thế giới, anh tin không? Tôi nghĩ ai đó với một cái đầu nhỏ hơn nhiều sẽ tốt hơn cho chúng tôi.

Ông Sicky thú nhận:

– Tôi có thể thấy khả năng của chuyện đó.

Nicnax cho biết thêm:

– Còn có những ưu đãi lớn đi kèm với công việc đó đấy nhé.

– Ví dụ như?

– Một ngôi nhà xinh đẹp với một đầu bếp và hai người giúp việc để lau chùi, dọn dẹp. Tivi màn hình rộng. Bồn tắm ngâm. Và rất nhiều vàng.

– À đúng, tôi vừa thấy vài cái khi nãy. Này, tôi chưa bao giờ biết người Xuanaci các anh giàu như vậy đấy.

– Dĩ nhiên chúng tôi không bao giờ có thể bán chúng. Phần lớn vàng là những món đồ của người Inca mà những kẻ xâm lược đã không tìm thấy. Bao gồm El Dorado, thành phố vàng nổi tiếng mà lính Tây Ban Nha luôn tìm kiếm.

– Anh biết nó ở đâu à?

– Dĩ nhiên. Nó ở ngay đây này.

Nicnax quay lưng lại và nhặt lên một vật thể khá nặng được gói trong một cái bao tải. Bên trong bao là một mô hình làm từ vàng và men sứ đặt trên một bệ đỡ bằng gỗ mun. Đó là một mô hình điêu khắc bằng vàng rỗng xinh đẹp của Machu Picchu với sự hoàn hảo trong từng chi tiết phức tạp.

Nicnax giới thiệu:

– El Dorado. Món đồ tạo tác quý giá nhất của chúng tôi.

– Đây thật sự là nó hả?

Nicnax nhe răng cười:

– Đây thật sự là nó. Ý tôi là, nó không có tên El Dorado khi được làm ra. Nhưng sau nhiều năm, và vì những lý do hiển nhiên, người ta bắt đầu gọi nó như thế.

Rồi ông kể:

– Người Inca đã dùng vàng ròng tạo ra nó khi đang xây Machu Picchu. Tôi nghĩ anh có thể gọi nó là mô hình mẫu để người Inca biết thành phố sau khi xây xong sẽ nhìn như thế nào. Rất đẹp, đúng không?

Ông Sicky gật đầu:

– Ừ. Tôi luôn thích tượng điêu khắc và những thứ tương tự.

– Lính Tây Ban Nha đã nghe nói đến cái được gọi là thành phố vàng El Dorado. Chỉ có điều, đây chính là nó. Họ chưa bao giờ đoán ra thành phố vàng chỉ là một mô hình. Một mô hình rất có giá trị, nhưng cũng chỉ là một mô hình.

– Thế nào họ không bao giờ có thể tìm được nó.

Nicnax mỉm cười một cách vui vẻ:

– Đó là bí mật lớn nhất của chúng tôi.

Suy nghĩ trong giây lát, ông Sicky hỏi:

– Anh chắc anh không muốn tự mình phụ trách vị trí đó chứ, Nicnax?

Nicnax lắc đầu:

– Tôi không phải một nhà lãnh đạo.

Ông Sicky nói:

– Tôi á, tôi cũng chỉ là một hướng dẫn viên du lịch rừng.

– Đó cũng là một dạng lãnh đạo, không phải sao?

– Tôi chưa bao giờ nghĩ về nó như thế cả. Nhưng anh nói đúng. Okay, tôi sẽ làm việc đó. Nhưng chỉ sau khi tôi đã hoàn thành việc dẫn đường cho bọn trẻ *yanqui* và những quý ông người Anh. Tôi phải quay lại với họ ngay khi trận chiến này kết thúc.

Ông Sicky đưa mắt nhìn xuống trận chiến dữ dội bên dưới. Đội quân của Pizarro đã lùi lại tập hợp trong khi những vị vua xác ướp Inca đang bắt đầu truy đuổi những tay lính Tây Ban Nha khó chịu. Nhưng từ số lượng đầu, chân và tay nằm trên mặt đất, có thể thấy rõ trận chiến đặc biệt này sẽ chỉ kết thúc khi cả hai phe tiêu diệt hết người của nhau.

Ông Sicky kết luận:

- Chỉ không biết đó là khi nào mà thôi.



Chương 23

Cơn thịnh nộ của Layla

Khi nhà ảo thuật bậc thầy về nghệ thuật trốn thoát Harry Houdini qua đời vào năm 1926, người ta nói rằng bí mật của ông chỉ được công bố cho thế giới vào năm 1976, năm mươi năm sau ngày mất của ông. Trên thực tế, tất cả tài liệu của ông đã được gửi đến Thư Viện Quốc hội ở Washington D.C., nơi chúng được lưu giữ cho đến tận ngày nay.

Là một sinh viên của trường Đại học Georgetown (cũng ở Washington D.C.), Edward Gaunt đã rất có hứng thú với cuộc đời của Houdini và, trước khi theo ngành đầu tư ngân hàng, ông từng nghĩ đến chuyện theo đuổi nghề biểu diễn ảo thuật. Đến cuối cùng, ông Gaunt đã đọc tất cả tài liệu của Houdini và học được vài ngón nghề trốn thoát của ông ấy.

Đã có lúc ông Gaunt kiếm thêm ít tiền học phí bằng cách biểu diễn các trò ảo thuật trốn thoát. Nhưng đó là chuyện của nhiều năm về trước, và ông đoán rằng hiện giờ ông đã bị lụt nghề đôi chút. Nhưng cơ hội trốn thoát của ông bị giới hạn bởi việc ba gã người Anh kỳ lạ bắt cóc ông đã thay phiên nhau canh chừng cái lồng giam của ông. Và phải khá nhiều đêm trôi qua trước khi quy trình mà chúng đã thiết lập để trông chừng người tù giàu có của chúng trở nên nhàm chán đến mức cả người, và ông Gaunt cuối cùng có được cơ hội phù hợp để kiểm tra ngón nghề cũ của mình. Haddo, người có vẻ cầm đầu trong nhóm, đang ngủ gục. Và hoàn toàn không biết chuyện vợ

ông đang ở trong Kho hàng Molloy ngay dưới lầu, ông Gaunt dùng dây giày móc thòng lọng vào phần chân ốc của cái gông kiểu cũ và giật ngược cái chốt. Gần như một phép màu, cái gông bật tung ra, và ông Gaunt giờ chỉ phải đối mặt với nhiệm vụ mở khóa lồng giam.

Đây là một việc khó hơn nhiều. May mắn là, giống như thần tượng Harry Houdini của ông, ông Gaunt cũng là một người nhỏ con và linh hoạt. Và ông gần như có thể lách mình qua những song sắt. Gần như, nhưng không hoàn toàn có thể. Ông không còn nhỏ con như trước. Đáng lẽ ông có thể móc lấy chùm chìa khóa lồng giam nếu chúng nằm trên thắt lưng của gã Haddo, nơi gã thỉnh thoảng cất chúng. Nhưng hiện tại chúng đang nằm trên một cái móc ở sau cửa.

Xét trên nhiều mặt, ông Gaunt có thể coi như một người lập dị vì có nhiều thói quen khó bỏ. Và trong suốt khoảng thời gian mê đắm với Houdini, ông đã có một thói quen kỳ lạ: bắt chước thần tượng khi trẻ của ông, ông Gaunt luôn mang theo một cái kẹp giấy duỗi thẳng được giấu trong lớp da dày ở gót chân – để ông có thể cạy khóa cửa trước nhà ông nếu lỡ tự nhốt mình bên ngoài. Một chuyện trên thực tế đã xảy ra vài lần, vì trong đầu ông Gaunt luôn đầy ắp công việc đến mức những chi tiết có vẻ nhỏ nhất như chìa khóa nhà, tiền mặt và thẻ tín dụng thường xuyên bị trượt ra khỏi đầu. Cư dân trên đường Đông 77 đã quen với cảnh vị giám đốc triệu phú ngồi xổm trước hiên nhà và gỡ bỏ giày, vớ để có thể lấy ra cái kẹp giấy khẩn cấp của ông. Với những người hàng xóm này, đó chỉ là một trong nhiều điều kỳ lạ diễn ra ở ngôi nhà số 7.

Lần cuối ông Gaunt ghé thăm một bác sĩ chuyên chữa bệnh chân là cách đây vài năm, và lớp da trên bàn chân ông đã dày, cứng và vàng như một con cá tuyết xông khói. Dù đây là một chuyện không hay, hãy nhớ rằng nó không làm ông trở thành một người xấu. Dù sao thì, với lớp da chân dày và cứng như vậy, ông Gaunt tội nghiệp phải mất gần hai phút mới lấy ra được cái kẹp giấy mỏng, dài đã được giấu trong đó, không bị chạm đến, như một cái bẫy chuột bị quên lãng, trong vài tháng trời. Nhưng ông lại chỉ tốn vài giây để cạy ổ khóa móc trên cánh cửa lồng giam của ông.

Giờ đây tất cả những gì ông phải làm là mở cửa không tiếng động. Cái khay đựng phần còn lại bữa tối của ông Gaunt đang nằm trên sàn lồng giam. Ông phải thừa nhận rằng họ đã cho ông ăn uống đầy đủ. Nhưng ông chưa bao giờ quan tâm lắm đến món salad và phần nước dùng của nó – dầu ô liu và giấm thơm – ông nhanh chóng tận dụng chúng để bôi trơn bản lề cửa.

Gã Haddo ngáy một tiếng lớn và cựa mình trên ghế khi cánh cửa lồng giam im lặng mở ra. Đó là lúc ông Gaunt làm rớt cái kẹp giấy của ông. Trong sự im lặng của căn phòng, nó nghe như tiếng một thanh sắt rớt xuống một sàn gỗ. Gã Haddo lại cựa mình lần nữa, xoay đầu trên vai, ngáp dài, duỗi tay trên đầu, rồi mở mắt ra. Cái lồng giam trống trơn là hình ảnh cuối cùng gã trông thấy trong vài phút sắp tới vì ông Gaunt đã cầm lên một cái xoong lớn vừa được dùng để nấu buổi tối của ông, và thẳng tay đập mạnh lên sau đầu gã với một âm thanh nghe như tiếng cồng báo hiệu bữa ăn. Gã Haddo quay lại trạng thái bất tỉnh với một nụ cười nửa khôn nửa dại nhăn nheo trên khuôn mặt xấu xí của gã.

Đặt cái xoong xuống, ông Gaunt nhặt giày và vớ của mình lên, cùng với ít dầu ô liu, rồi nhón chân đi về phía cửa. Sau khi đã bôi trơn bản lề – vì cửa phòng cũng kẻo kẹt không kém cánh cửa lồng giam – ông chờ vài giây để dầu ô liu có tác dụng trước khi xoay nắm cửa và bước ra ngoài.

Thấy mình đang đứng trên đỉnh một cây cầu thang ọp ẹp, ông lập tức chạy xuống dưới, chỉ ngừng lại đủ lâu để chụp lấy một cây còi than bằng đồng dựng kế một lò sưởi trống trơn. Ông không có ý định ngoan ngoãn bó tay chịu trói một lần nữa.

– Cứu em, Edward. Cứu em với.

Ở chân cầu thang, ông ngừng lại vì hình như ông vừa nghe thấy một giọng nói nhỏ xíu, run rẩy như tiếng dơi. Một giọng nói đầy kinh hoàng khiến tóc gáy ông dựng ngược và một cơn ớn lạnh chạy dọc xuống sống lưng của ông. Chỉ là tưởng tượng của ông sao?

Trong khi đó, một cảnh tượng kỳ lạ hiện ra trước cặp mắt mỗi một của ông Gaunt. Một xác chó nhồi bông nằm trong một lò sưởi trống trơn khác, và trên bức tường mạng nhện giăng đầy ở đằng sau cánh cửa có treo một

bức tranh chạm trổ cũ kỹ khá lớn vẽ một thứ nhìn giống một bức tường nhà thờ trống trải. Nhưng đó không phải là thứ làm cảnh tượng này trở nên kỳ lạ. Đó là bầu không khí. Căn phòng ở chân cầu thang tràn ngập một cảm giác xung đột mãnh liệt, như thể một thứ gì đó đang quấy rối bầu không khí xung quanh ông. Như thể giọng nói đó có thật.

Trong một giây, ông nín thở và dồn hết sức lắng nghe.

Ông thầm thì một cách sợ hãi:

– Có ai ở đây không?

Sau một lúc, ông lắc đầu. Tất cả những gì ông có thể nghe được là tiếng tim đập của chính ông. Ông lẩm bẫm:

– Chắc mình nghe lầm rồi.

Nhưng một thứ gì đó vô hình khiến ông chôn chân tại chỗ.

– Cứu em, Edward.

Đây. Ông đã nghe được nó. Không những vậy, ông còn chắc chắn nhận ra giọng nói đó.

– Layla? Là em hả? Em ở đâu?

Giây tiếp theo, một điều khủng khiếp xảy ra.

Trong một tích tắc ngắn ngủi, linh hồn con người của ông cứ như thể bị cắt làm hai bởi một lưỡi dao vô hình sắc bén, khiến ông thét lên một tiếng kinh hoàng. Và bị cắt làm hai cũng không xa sự thật bao nhiêu.

Khi Layla vùng vẫy trong tuyệt vọng để thoát khỏi sinh vật khủng khiếp đang đe dọa hút bà vào quên lãng, Layla và con *exorbere* đã vô tình đi xuyên qua cơ thể vật chất của ông Edward Gaunt – về sau ông Gaunt nghĩ đó là một cảm giác rất quái dị. Trong khoảnh khắc đó, Edward Gaunt nhìn thấy một hình ảnh thoáng qua của tình trạng hiểm ác mà vợ ông đang gặp phải. Không những thấy mà còn cảm nhận được nó. Bà đang vật lộn vì mạng sống với một sinh vật kinh tởm nhìn nửa người nửa nhện. Với một tiếng xì xụp kinh khủng, như tiếng ai đó húp súp nóng từ một cái thìa lớn, con *exorbere* đang cố hút linh hồn djinn lìa khỏi xác của Layla vào cái miệng giống thân cây đáng sợ của nó. Nếu ông không làm gì đó để giúp bà, bà sẽ

chết. Ông chắc chắn như vậy. Cùng lúc đó, Edward nghe được giọng nói tuyệt vọng của vợ vang lên trong đầu.

– Cứu em, Edward. Cứu em với, không em chết mất.

Rồi.

– Anh phải phá bức tranh. Phá bức tranh, Edward, trước khi quá trễ.

Ông Gaunt không cần được nhắc lần thứ hai. Nhanh chóng chạy đến bức tranh cổ treo trên bức tường đằng sau cánh cửa, ông vọt mạnh cây cờn than vào nó, rồi lại đập lần nữa. Ngay cả khi ông đang đập bức tranh lần nữa và lần nữa, sinh vật bò lê đó xuất hiện trở lên trên bề mặt bức tranh, như thể được triệu hồi để tự bảo vệ bản thân. Nhưng đã quá trễ. Ông Gaunt đập lên đầu và lưng con *exorbere*, đâm lỗ chỗ lớp giấy vẽ tranh dày cho đến khi một khoảng trống đen ngòm, thăm thẳm như địa ngục bất tận xuất hiện đằng sau. Một tiếng thét khủng khiếp ré lên, rồi bức tranh bắt đầu bốc cháy. Theo bản năng, ông Gaunt biết sinh vật đó, dù nó là gì, đã bị hủy diệt.

Ít nhất ông nghĩ hiểu biết đặc biệt đó là bản năng của ông. Nhưng khi đưa mắt nhìn quanh để tìm vợ, ông nhận ra bà Layla đang ở trong cơ thể ông, và kiến thức ít ỏi về con *exorbere* mà ông biết xuất phát từ bộ não thông thái của vợ ông.

– Cám ơn anh, Edward.

Suy nghĩ của bà đang ở trong đầu ông, và trong vài giây, ông cố đẩy suy nghĩ của chính ông lên trên. Một cảm giác kỳ lạ, vì xét đến cùng, đó là đầu của ông Gaunt. Nhưng chẳng mấy chốc, ông đành từ bỏ cố gắng lên tiếng. Đó là một điều thường xảy ra khi vợ ông có liên quan.

– Edward thân yêu, em đã đến đây để cứu anh, thế mà rốt cuộc em lại là người cần được cứu. Sinh vật khủng khiếp đó vừa định hấp thụ em. Giống như anh Rakshasas. Anh nhớ anh ấy không, anh yêu? Anh ấy đã bị hấp thụ bởi một trong những bức tượng chiến binh đất nung ở bảo tàng Metropolitan. Bọn trẻ đã rất đau buồn về chuyện đó. Dù sao thì, em xin lỗi vì đã xông vào người anh như thế này, Edward, nhưng em đã để cơ thể lại ngoài xe. Em đã nghĩ vào đây trong vô hình sẽ an toàn hơn, nhưng, như anh thấy đây, có vẻ Virgil McCreeby đã chuẩn bị sẵn cho một việc như thế. Em

không nghĩ anh đã gặp gã. Nếu gặp anh thế nào cũng nhớ. Gã là người Anh. Có phần quái dị. Một phù thủy – phù thủy thật sự, không phải mấy trò phép thuật anh từng làm hồi ở đại học – hơn là là em nghĩ. Có điều, cách anh thoát khỏi lồng giam thật tài tình đấy. Với một sợi dây giày và một cái kẹp giấy. Giống y Houdini, đúng không? Và ba người đó đang ở trên lầu, đúng không? Và chúng là người Anh, đúng không? Em hiểu rồi. À, em chẳng quan tâm chúng đến từ đâu. Chúng sắp sửa biết được đặng đến một djinn như em là như thế nào.

Ông Gaunt cố gắng và một lần nữa thất bại trong việc nắm quyền kiểm soát cái đầu và suy nghĩ của ông. Thế này thật giống như khi còn ở nhà, với vợ ông gần như là chủ gia đình. Sự khác biệt duy nhất là ông không thể lánh nạn vào phòng làm việc của mình để yên lặng đọc sách hoặc xem ti vi. Trên thực tế, ông thậm chí không thể ngồi xuống mang giày và vớ vào, một việc mà ông rất muốn làm. Cùng với việc chạy nhanh khỏi nơi này. Nhưng Layla đang hùng hổ điều khiển cơ thể ông bước ngược lên cây cầu thang mà ông vừa đi xuống.

– Mọi chuyện sẽ ổn thôi, Edward.

Suy nghĩ của bà đổ ập vào đầu ông trong một dòng chảy ý thức nhanh chóng và mạnh mẽ như một chuyến vượt thác trên dòng Colorado sủi bọt. Ông cảm thấy choáng ngợp. Bị áp đảo bởi sức mạnh sự hiện diện của bà.

– Giờ em đã ở đây với anh, anh tuyệt đối an toàn. Chúng ta sẽ xử lý chúng, rồi chúng ta sẽ trở về căn nhà trên đường Đông 77 của chúng ta. Em chắc chắn anh đang nóng lòng muốn về nhà và tắm nước nóng. Không xa đâu. Chúng ta đang ở Brooklyn. Ngay dưới cây cầu.

Ông Gaunt nhìn thấy mình đứng trên đỉnh cầu thang, ông mở tung cánh cửa và, còn hơn là lưỡng lự, bước chân vào căn phòng mà ông mới vừa trốn thoát, nơi gã Haddo đang dụi đầu và đứng dậy khỏi sàn nhà.

Với hàm răng sắc nhọn và cái mũi dài ngoẵng, gã khiến Layla nghĩ đến một con chuột cống hoặc một con chuột chù.

Haddo nói với ông Gaunt:

– Tao thật không nghĩ sẽ thấy lại mày. Nhưng giờ đây, khi mày đã ở đây, tao có thể báo trước với mày một điều. Mày sẽ hối hận về chuyện đó. Không ai có thể đập vào đầu tao và nguyên vẹn rời đi. Và đừng có nói với tao chuyện mày đã cưới một cụ thần đèn bản tính, ông bạn ạ. Vì tao không quan tâm.

Haddo mở một ngăn tủ và lấy ra một cây dùi cui cảnh sát nhỏ. Rõ ràng gã định dùng nó để đập ông Gaunt một trận.

Ông Gaunt nghe giọng nói của mình vang lên nhưng ông không thể nhận ra nó:

– À, người nên quan tâm thì hơn. Vì đó là những từ cuối cùng mà người nghe được bằng lỗ tai con người.

Từ tiếp theo thoát ra khỏi miệng ông rõ ràng không phải là của ông và dù ông đã nghe thấy nó trước đây, đó không phải là một từ mà ông có thể – hoặc dám – phát âm. Nhưng ông biết ý nghĩa của từ đó. Là một từ được sáng tạo bởi một nhà soạn kịch Hy Lạp tên Aristophanes, nó có nghĩa “Vùng đất Mây Chim Cu Cu”, hay “nơi mà tất cả mọi thứ đều hoàn hảo”: nói một cách khác, một nơi không tồn tại. Đó là từ trọng tâm của Layla.

– NEPHELOCKOKKYGIA!

Và còn có sự giận dữ trong cụm từ đó. Mùi lưu huỳnh nồng nặc trong không khí xuất hiện khi Layla thì thầm từ trọng tâm của bà đã cho ông biết điều đó. Vùng đất Mây Chim Cu Cu có lẽ không bao giờ nghe có vẻ thật sự và mạnh mẽ như trong miệng Layla.

Với một tiếng bùm lớn, Haddo biến mất trong một luồng khói, và tại nơi gã vừa đứng trước đó là một con vật nhìn có phần bối rối mà ông Gaunt trong giây lát lầm tưởng là một con chuột cống nâu khổng lồ đáng ghét với cái mũi đặc biệt dài. Bà Layla đã giải thích nó là gì trong đầu ông:

– Không phải chuột cống đâu. Đây là loài chuột chù răng khía Cuba, hay còn gọi là *almiqui*, và nó gần như bị tuyệt chủng ngay cả ở Cuba. Em nghĩ, anh có thể thấy lý do tại sao. Nó xấu kinh khủng. Dĩ nhiên đó là lý do tại sao em chọn nó. Và vì gã khiến em nhớ tới nó. Ngoài ra, loài chuột chù này không chỉ xấu cực kỳ mà còn nguy hiểm cực kỳ. Nước dãi của nó rất độc.

Tiếng động ồn ào cũng triệu hồi hai gã bắt cóc còn lại từ căn phòng đằng sau. Một gã có cái lỗ tai cực kỳ đầy lông, trong khi gã còn lại có lỗ mũi cực kỳ đầy lông.

Gã có lỗ mũi đầy lông hỏi:

– Làm sao mà thoát ra ngoài?

Gã có lỗ tai đầy lông hỏi:

– Haddo đâu?

Mũi Đầy Lông hỏi:

– Mùi gì thế này?

Tai Đầy Lông hỏi:

– Và con vật xấu xí nào thế này?

Giọng ông Gaunt vang lên một cách đe dọa:

– Đó là bạn của các người, Haddo. Hay ít nhất từng là vậy. Bây giờ nó là một con *soricomorph* hay chuột chù răng khía Cuba quý hiếm.

– Một con sorry^[13] gì cơ?

Giọng ông Gaunt tiếp tục vang lên:

– Không, nó không thấy xin lỗi gì cả. Nhưng các người sẽ thấy xin lỗi.
NEPHELOCKOKKYGIA!

Lần này Layla chọn một con vật khác, dù nó cũng quý hiếm và xấu xí không kém loài chuột chù răng khía Cuba: một con gấu túi mũi lông phương Bắc. Kẻ bắt cóc thứ hai – người có cái mũi đầy lông khiến bà nghĩ đến một con gấu túi mũi lông – biến mất với một tiếng bùm vang dội và trong một luồng khói lớn. Việc đó khiến kẻ bắt cóc thứ ba thét lên một tiếng sợ hãi và bỏ chạy ra cửa. Gã không chạy được bao xa.

– NEPHELOCKOKKYGIA!

Bà đáng lẽ đã biến cả hai gã bắt cóc còn lại thành gấu túi nếu không phải có một ý tưởng mới nảy sinh trong đầu bà – hay đúng hơn, đầu chồng bà. Kẻ bắt cóc thứ ba biến mất như hai gã tông phạm trước đó, và thế chỗ gã là một con vượn cáo tai lông mà gã khiến bà nghĩ tới với hàm răng gõ lách cách

như một con khỉ. Một, hai giây sau, con gấu túi mũi lông đuôi nó chạy lên mặt lò sưởi.

Layla trả lời câu hỏi mà ông Gaunt đã phải hét lớn để có thể nghe được:

– Em chán việc biến người thành chó mèo rồi. Điều mà thế giới này không cần là có thêm chó mèo. Cho nên em đã chọn những loài vật mà chúng khiến em nghĩ tới. Và tình cờ đó cũng là ba trong số những loài vật quý hiếm nhất trên thế giới. Chúng ta có thể gọi điện cho Sở thú Công viên Trung Tâm khi về đến nhà để họ đến bắt chúng. Nó sẽ tốt cho tiếng tăm của sở thú, cũng như tốt cho tương lai gây giống của những loài này. Anh không nghĩ vậy sao?

Ông Gaunt vừa định trả lời thì vợ ông nói:

– Chúng ta ra khỏi đây thôi. Trước khi có ai khác xuất hiện. Em biết anh chỉ thấy có ba gã này, nhưng anh không bao giờ có thể chắc chắn với một gã như Virgil McCreeby.

Bà xoay cơ thể ông lại và điều khiển nó bước xuống cầu thang. Trên con đường bên ngoài căn nhà kho, một gã đàn ông đang đứng cạnh cái xe của Layla và đang loá hoáy cạy khóa cửa.

Không may cho gã là, khuôn mặt gã có một nét gì đó giống chó sói, có nghĩa là gã khiến Layla nghĩ đến một con sói.

Layla nổi giận đùng đùng.

– Anh có thể tưởng tượng nổi chuyện đó không? Em ngồi lù lù trên băng ghế sau như vậy mà gã vẫn cố trộm cái xe.

Cuối cùng ông Gaunt cũng xen vào được một câu:

– Trời tối như vậy, có lẽ gã không thấy em.

Rồi ông vừa định gợi ý rằng việc bị biến thành một con vật – dù đó có là một loài quý hiếm – là một hình phạt quá nặng cho tội trộm xe, nhưng suy nghĩ của Layla đã có sẵn trong đầu ông:

– Em nghĩ thế giới này cần có ít tên trộm xe và thêm vài con sói đỏ nữa.

Bà ngừng lại trong chốc lát nhưng trước khi ông Gaunt có thể nghĩ đến chuyện ngăn bà lại, từ trọng tâm của Layla đã thoát ra khỏi miệng ông:

– NEPHELOCKOKKYGIA!

Con sói đỏ quý hiếm, một thời từng rất phổ biến ở những khu rừng ven sông và đầm lầy ở vùng Đông Nam nước Mỹ, sủa lớn một tiếng rồi phóng vọt vào những con đường của Brooklyn.

Layla thoát hồn khỏi cơ thể chồng và biến vào trong xe. Sau khi lấy lại cơ thể mình, bà mở cửa xe cho ông. Không nói lời nào, ông chui vào ghế phụ lái, cài dây an toàn và – vì ông không thật sự có bằng lái – kiên nhẫn ngồi chờ bà lái xe chở họ về nhà.

Ông yên lặng nói:

– Thật tốt khi được gặp lại em. Ý anh là, gặp lại chính em, không phải bà Trump. Em nhìn... ờ.... nhìn được lắm. Rất tuyệt. Y như em trước đây.

– Anh thật sự nghĩ như vậy à?

Nhưng sau một giây, ông thở dài.

Dù biết câu trả lời, bà vẫn hỏi:

– Chuyện gì?

– Anh không có nói gì cả.

– Đó là điều em muốn hỏi.

Giờ đây bà đã hối hận về cơn nổi giận của bà và cách bà xử lý bốn tên vô lại kia – không phải vì bà nghĩ chúng xứng đáng với một hình phạt nhẹ hơn, mà vì sau khi ở trong đầu ông Gaunt, Layla giờ đã biết chính xác chồng bà nghĩ gì về việc bà đã làm, và từ đó nghĩ gì về bà. Nói một cách ngắn gọn, ông sợ bà. Rất sợ. Bởi vì với một người đàn ông, việc cưới một người vợ có thể biến mình thành một con thỏ hoặc một con cừu chỉ với một từ không phải là một việc nhỏ.

Ông Gaunt cố che giấu sự sợ hãi của mình nhưng không thành công. Hai bàn tay ông đang run lấy bầy, và mồ hôi đang lấm tẩm trên trán ông. Xét đến cùng, ông chỉ là con người.

Bà trấn an:

– Em sẽ không bao giờ làm như thế với anh. Chắc chắn anh biết điều đó, đúng không Edward?

Ông nói:

– Nhưng sự thật vẫn là, em có thể. Trong một giây giận dữ, em có thể biến anh thành bất cứ thứ gì em muốn. Giống như hai anh trai anh, Alan và Neil.

Layla nhắc:

– Trong trường hợp anh đã quên, họ đã có ý định giết anh, Edward.
– Ừ, anh biết, và anh rất cảm ơn em vì đã cứu mạng anh.
– Và lại, giờ họ đã trở lại hình người, không phải sao?
– Phải. Và rõ ràng họ đã học được bài học của họ. Họ sẽ không bao giờ làm một việc như thế nữa. Họ trở thành những người anh trung thành nhất mà bất cứ ai cũng mơ có được. Nhưng họ làm điều đó vì sợ em. Không phải vì họ yêu quý anh. Và anh có phần lo lắng một chuyện tương tự có thể xảy ra cho anh.

– Em không hiểu.
– Giả dụ như anh bất đồng ý kiến với em về một chuyện gì đó thì sao?
– Chúng ta chưa bao giờ bất đồng ý kiến với nhau.
– Nhưng cứ giả dụ vậy đi. Như trong một cuộc bầu cử chẳng hạn. Ý anh là, em bầu cho một người và anh bầu cho người khác.
– Đừng nhắc em nhớ đến chuyện đó.
– Chỉ là anh hơi lo lắng rằng anh có thể bắt đầu cảm thấy cần phải cẩn trọng trong lời nói và việc làm của mình. Để đề phòng.
– Đề phòng em biến anh thành một con vật nào đó?
– Ừ, kiểu kiểu như thế.

Bà lắc đầu:

– Chỉ vì một lý do vụn vặt như bầu cho ai thôi sao? Chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra.
– Vậy thì một việc khác. Giả dụ anh đánh con.
– Chúng ta đâu có tin việc giáo dục bằng roi vọt.
– Thôi được, vậy giả dụ anh đánh em.

– Vì lý do gì?

– Anh không biết. Nhưng giả dụ anh làm như vậy. Em sẽ sử dụng sức mạnh djinn với anh sao?

Layla nhún vai bảo:

– Còn tùy.

– Tùy cái gì?

– Tùy vào việc anh đánh mạnh thế nào. Và vì lý do gì.

Ông Gaunt nói:

– Ý anh là vậy đấy. Nếu anh kết hôn với một ai khác, điều tệ nhất có thể xảy ra là họ đánh lại anh hoặc gọi điện báo cảnh sát. Và anh xứng đáng bị vậy. Đàn ông không bao giờ được đánh phụ nữ. Nhưng với em, anh không bao giờ có thể đoán được điều tệ nhất có thể xảy ra cho anh là gì. Từ khi gặp em, Layla, em đã biến người khác thành chó mèo. Ví dụ như con mèo Monty của chúng ta, nó cũng từng là người. Em đã biến người khác thành bọ chét, cá, cột đỡ xe, xương rồng, ổ cát cho mèo, gấu túi, chuột trừ độc, chó sói. Em thậm chí còn biến vài người thành mấy chai rượu vang.

– Những chai rượu vang mà anh đã uống.

– Chỉ để bình tĩnh lại.

Rồi ông Gaunt ngừng lại một lát trước khi nói tiếp:

– Nhưng đó không phải là điều duy nhất.

– Ý anh là còn nữa hả?

– Một trong số những điều mà mundane tụi anh không cần phải lo lắng là sự riêng tư của suy nghĩ. Có thể nói đó là tất cả những gì mundane tụi anh có thể thật sự coi là của riêng mình. Nhưng lĩnh vực suy nghĩ nội bộ của anh đã bị em xâm phạm, Layla. Nó như thể em đã đọc nhật ký riêng tư của anh ấy.

Layla phản đối:

– Em không bao giờ làm một việc như thế.

– Có lẽ không. Nhưng chỉ vài phút trước em đã ở trong đầu anh. Dù với một lý do tốt. Và giờ em đã biết hết tất cả những bí mật đen tối nhất của anh.

- Ô, em không quan tâm về chuyện đó. Ai mà chẳng có bí mật.
- Ừ, nhưng mọi người thường có thể giữ kín chúng.

Layla nhún vai nói:

- Em xin lỗi. Em đã không nghĩ đến chuyện anh bận tâm về việc đó.

Ông Gaunt bảo:

– Vấn đề là nó đã xảy ra một lần và nó có thể dễ dàng xảy ra lần nữa. Anh đơn giản không thể sống với suy nghĩ rằng bất cứ lúc nào em cũng có thể xông thẳng vào đầu anh, như một vị khách không mời trong một bữa tiệc, bởi vì em đã để cơ thể vật chất của em ở đâu đó.

- Cho nên anh muốn nói gì?

Ông Gaunt thở dài:

– Anh không biết. Thật sự không. Nhưng ma thuật của em quá gay go với anh.

Layla khăng khăng:

– Nó không phải là ma thuật.
– Nhưng nó nhìn giống như vậy với một người như anh. Và tin anh đi, một người đàn ông sẽ cảm thấy khá gay go khi phải kết thúc cuộc đời như một con chó hoặc một con mèo.

Layla đau nhói lòng bởi những gì ông Gaunt vừa nói, nhưng là một người thông minh không kém chồng, bà hiểu được chính xác ông muốn nói về điều gì. Và cũng là một người tốt không kém gì ông chồng nhân ái của bà, người mà bà yêu tha thiết, Layla Gaunt quyết định từ bỏ sức mạnh djinn của mình. Chỉ có điều, lần này là từ bỏ vĩnh viễn.

Với thái độ trang nghiêm, bà giơ tay lên như thể phát thệ một lời thề trước tòa và tuyên bố một cách trịnh trọng:

– Sẽ không bao giờ tôi chìm trong ánh mặt trời ban trưa, hay biến cỏ thành ánh đỏ, hay gọi về ngọn gió nổi loạn, hay khiến biển cả và bầu trời đối chọi nhau, hay tạo sấm, hay chẻ đôi một thân sồi bằng tia lửa, hay rung chuyển cây cối, hay làm con người mất đi lý trí, hay tạo âm nhạc từ hư không, hay mở cửa sổ trong linh hồn con người nữa. Thứ ma thuật gay go

như anh đã gọi, giờ đây tôi từ bỏ. Bắt đầu từ giờ phút này, sức mạnh mà tôi có là của chính tôi. Và hãy để sự ân xá của anh, Edward, giải phóng cho tôi. Hãy lắng nghe lời, hỡi Thượng đế.

Rồi bà hôn lên tay chồng, nhưng ánh mắt bà ngấn lệ.

Ông Gaunt thì thầm:

– Chúng ta về nhà thôi.

Layla khởi động xe.

Ông hỏi:

– Chuyện gì sẽ xảy ra bây giờ?

Layla thở dài:

– Bây giờ? Em chỉ sẽ tập trung vào việc làm một người mẹ, người vợ. Đó là chuyện sẽ xảy ra bây giờ.



Chương 24

Xuyên qua Mắt Rừng

Đi vào Mắt Rừng có vẻ nhanh hơn nhiều so với đi ra. Hay nói cách khác, đi ra khỏi nó chậm gấp nhiều lần so với đi vào. Cậu Nimrod và John chưa từng ở bên kia cánh cửa vàng, bỏ vài giây ngắm nghía xung quanh với vẻ mặt hứng thú. Philippa thì lại trải qua khoảng thời gian đó với vẻ mặt khó hiểu. Và ông Groanin cũng vậy. Bởi vì chồng nệm lớn mà sức mạnh djinn của Philippa đã tạo ra để đảm bảo cho cô, ông Groanin, ông Sicky và ông Muddy được an toàn tiếp đất sau chuyến bay ngược lên kẽ núi ngầm của họ đã biến mất, thay vào đó là vài tấm thảm chông sắc nhọn, thứ thỉnh thoảng vẫn được các *fakir*, hay thầy tu khổ hạnh Ấn Độ nằm lên trên - trước ánh mắt kinh ngạc của những người cả tin.

Ông Groanin nhận xét:

– Ta sẽ không thích hạ cánh xuống mấy cái này đâu, Philippa ạ. Ít nhất là nếu không mặc giáp đàn hoàng.

Philippa đồng ý:

– Cháu cũng không. Chuyện này lạ nhỉ?

Dứt mắt khỏi kẽ núi và luồng khí nóng vẫn tiếp tục từ đó thổi lên trên, cậu Nimrod hỏi:

– Cái gì lạ?

Philippa giải thích với cậu việc chồng nệm của cô đã biến thành những tấm thảm chông.

Cậu Nimrod trầm ngâm:

– Hmm... cháu hoàn toàn chắc về chuyện đó chứ?

Philippa trả lời:

– Dĩ nhiên chắc ạ.

Ông Groanin xác nhận:

– Không cần phải nghi ngờ về điều đó. Cậu có thể hỏi anh Sicky và anh Muddy nếu họ ở đây. Họ đã đập xuống chồng nệm mà.

Tay co lại thành nắm đấm, cậu Nimrod suy nghĩ trong giây lát, rồi thầm thì từ trọng tâm của mình và mở lòng bàn tay ra. Một quân cờ đen nằm trên đó.

Ông Groanin hỏi:

– Cái gì vậy?

Cậu Nimrod nói:

– Một quân cờ. Từ một bộ Stauton của Anh, bộ cờ tốt nhất, dĩ nhiên. Chính xác là một quân hậu đen.

Ông Groanin lầm bầm:

– Tôi có thể thấy được điều đó.

– Vậy tại sao anh lại hỏi?

– Ý tôi là, cậu định làm gì với nó?

– Tiến hành một thí nghiệm, anh bạn già ạ.

Đặt quân cờ xuống đất, cậu Nimrod rút một cục phấn từ túi áo và vẽ một vòng tròn quanh nó. Ngay khi cái vòng tròn được hoàn tất, quân hậu đen lập tức biến thành một quân vua trắng.

Cậu cho biết:

– Đúng như tôi nghĩ. Có vẻ như khi Manco Capac tạo ra nơi này, ông ấy đã gắn một điều ước hay chú Enantodromia lên nó. Để bảo vệ nó khỏi sức mạnh của những djinn khác.

John hỏi lại:

– Cái gì là điều ước Enantodromian vậy cậu?

Bất chấp việc đã từng đọc hết cuốn *Những Quy luật Baghdad Rút Gọn* cả sách lẫn bìa, John chưa bao giờ nghe nói đến một thứ như vậy. Mặc dù cậu nghĩ cậu đã nghe thấy từ “Enantodromia”. Nhiều khả năng nó là từ trọng tâm của một djinn nào đó.

Cậu Nimrod thoải mái giải thích:

– Nó thật sự rất đơn giản. Nó có nghĩa khi cháu ước bất cứ điều gì, cháu sẽ có một kết quả ngược lại. Cháu ước màu trắng, và cháu sẽ có màu đen, kiểu kiểu như vậy. Manco Capac hẳn là một djinn đặc biệt lắm. Đây thật sự là một điều ước khôn ngoan.

Philippa phản đối:

– Nhưng chớ nệm mà cháu đã ước vẫn là nệm trong một khoảng thời gian dài so với quân cờ này. Vài phút. Hoặc có thể dài đến nửa tiếng.

– Dĩ nhiên. Điều ước Enantodromia được tạo ra bởi Manco đã năm trăm năm tuổi, có nghĩa là nó sẽ chậm hiệu quả hơn. Có lẽ khi mới được tạo ra, hiệu quả của nó nhanh hơn nhiều. Một điều may mắn cho cháu đấy. Bằng không cháu và mọi người đã có một cuộc tiếp đất rất chông gai.

John thắc mắc:

– Còn cái vòng tròn phấn này?

Cậu Nimrod trả lời:

– Vẽ vòng tròn quanh một thứ gì đó luôn giúp tăng tốc điều ước. Đặc biệt là một điều ước lâu đời. Cháu không biết điều đó à?

Philippa lắc đầu:

– Không ạ.

Cậu Nimrod giải thích:

– Chỉ khi nào đó là một vòng tròn hoàn hảo. Và chỉ có djinn chúng ta mới có thể vẽ một vòng tròn hoàn hảo chỉ với tay không – nghĩa là không có sự hỗ trợ của bộ compa nào. Cháu có biết điều đó không?

Philippa nói:

– Biết ạ. Cháu tin là cậu đã từng nói với tụi cháu về điều đó.

John nói thêm:

– Khi chúng ta ở Venice.

– Sự hoàn hảo của những con số trong một vòng tròn hoàn hảo sẽ giúp một điều ước cổ đại đạt được kết quả nguyên bản của nó. Giống như đưa cây gậy cho một ông lão để giúp đi đường ấy.

Ông Groanin nói nhanh:

– Chúng tôi hiểu rồi, thưa ngài.

Cậu Nimrod mỉm cười:

– Vậy sao? Tôi phải nghi ngờ về điều ấy đấy. Anh Groanin thân mến, anh phải hiểu vấn đề ở đây là: từ giờ trở đi không được có bất cứ điều ước nào. Phòng trường hợp chúng rớt cuộc biến sai.

Ông Groanin hỏi lại:

– Ý cậu là, không được dùng sức mạnh djinn?

Cậu Nimrod gật đầu:

– Đó chính xác là điều tôi muốn nói. John? Philippa? Cả hai đứa hiểu rõ điều đó chưa? Tuyệt đối không cho phép một điều ước nào.

Cặp sinh đôi ngoan ngoãn trả lời:

– Vâng, thưa cậu.

Nhưng Philippa thắc mắc:

– Nhưng vẫn có thể mà cậu. Tất cả những gì cậu phải làm là nghĩ về điều cậu muốn trở thành sự thật, rồi ước cho một điều trái ngược.

Cậu Nimrod bảo:

– Ừ thì cháu có thể nghĩ như vậy. Nhưng nói dễ hơn làm đấy. Tin cậu đi, cậu đã thử rồi.

Ông Groanin hỏi:

– Nhưng lỡ xảy ra chuyện gì đó không ổn thì sao? Lỡ như chúng ta cần tự bảo vệ bản thân? Lỡ như có con quái vật khủng khiếp nào đó đang mai

phục chúng ta? Một zombie khác? Hay một con thú biến dạng khổng lồ nào đó?

Cậu Nimrod trả lời:

– Vậy thì chúng ta sẽ phải dựa vào trí khôn của mình. Và cánh tay siêu phàm của anh. Anh nói đúng đó, anh Groanin. Có vẻ như chúng tôi rất cuộc cũng phải cần đến anh.

Rồi hòa nhã mỉm cười với Philippa, cậu nói:

– Giờ thì, sao cháu không chỉ cho mọi người thấy cây cầu dây mà cháu đã nhắc đến nhỉ?

Philippa dẫn mọi người ra chỗ cây cầu dây, họ khá ngạc nhiên khi phát hiện một tàu ngầm cỡ nhỏ nằm chổng chơ ngay mép vực thẳm mà cây cầu bắc qua. Cửa tàu mở ra, và có một vết lõm lớn trên thân tàu, như thể nó đã đâm vào mặt đất với tốc độ cao. Nhưng không có dấu hiệu nào của nước xung quanh.

Đưa tay vuốt dọc phần thân tàu bằng kim loại phẳng phiu và hoàn toàn khô ráo, Philippa nói:

– Chắc chắn lúc trước cái này không có ở đây.

Ông Groanin hỏi:

– Một con tàu ngầm làm cái gì trên đất liền thế này? Hữu dụng chẳng khác gì đưa xe đạp cho một con cá.

Cậu Nimrod nói:

– Chính xác. Anh Groanin, anh nói đúng vấn đề đấy.

Ông Groanin nhìn có vẻ vừa hài lòng vừa khó hiểu, hỏi:

– Vậy à? Nhưng nó vẫn chưa giải thích được tại sao cái tàu này ở đây.

John đoán:

– Cháu đoán là, Buck, McCreeby và Zadie đã lo về việc băng qua vực thẳm trên cây cầu này.

Ông Groanin chăm chăm nhìn xuống vực với ánh mắt không mấy chắc chắn. Cái vực này không chỉ sâu hàng trăm mét với sương mù che kín đáy, mà họ còn không thể nhìn thấy đầu bên kia của cây cầu. Ông nói:

– Không thể nói ta trách họ về điều đó được. Nhưng ta vẫn không hiểu một cái tàu ngầm giúp ích được gì cho họ chứ.

John nói tiếp:

– Họ đã cố băng qua vực băng một cái máy bay nhỏ mà Zadie tạo ra với sức mạnh djinn. Nhưng khi họ vừa băng lên, điều ước Enantodromia có hiệu lực, và cái máy bay biến thành một thứ đối ngược với nó. Một cái tàu ngầm. May cho họ là, họ vẫn chưa băng qua vực khi điều đó xảy ra. Điều đó giải thích cho vết lõm trên thân tàu.

Ông Groanin lầm bầm:

– Điều đó điên khùng đến mức nó hoàn toàn có lý. Gần như vậy.

Cậu Nimrod đồng ý:

– Cậu nghĩ cháu nói đúng đó, John. Có lẽ đó chính xác là chuyện đã xảy ra.

Ông Groanin nhận xét:

– Họ chắc hẳn có một cú hạ cánh nặng nề lắm đây.

Đưa cho họ xem ít máu dính trên ngón tay cô khi cô chạm vào thân con tàu ngầm trước đó, Philippa nói:

– Cháu cũng nghĩ vậy. Có vẻ như ai đó đã bị thương.

Ném thử vết máu dính trên thân tàu, cậu Nimrod cho biết:

– Là McCreeby.

John hỏi:

– Sao cậu biết?

Cậu Nimrod trả lời:

– Máu của con người lạnh hơn so với máu djinn. Cũng mặn hơn. Máu djinn có vị giống lưu huỳnh hơn. Giống như hỗn hợp măng tây, hạt bí ngô, cải bắp, tỏi, đậu và súp lơ.

John rất ghét rau củ, tự hỏi tại sao cậu có thể là một djinn nếu máu của cậu có vị như vậy, nhăn mặt nói:

– Ối!

Cả bốn người cùng tiến tới cái neo đá đánh dấu phần đầu của cây cầu. Có hai sợi dây cáp làm tay vịn ở phía trên và hai sợi nữa ở dưới đỡ lấy phần mặt cầu ghép bởi những miếng thảm cắt gọn cũng làm từ tóc người.

Cậu Nimrod nói:

– Người Inca rất thích loại cầu này vì họ không sử dụng phương tiện vận chuyển chạy trên bánh xe. Nhưng bình thường những cây cầu này được làm từ lá cỏ ichu dệt lại chứ không phải tóc người.

Ông Groanin lầm bầm:

– Tôi cũng đang thắc mắc về điều đó đây.

Cậu Nimrod nhận xét:

– Tôi nghĩ là tóc người làm nó vững chắc hơn một cây cầu đan cỏ bình thường.

Ông Groanin bảo:

– Ờ, dù sao thì cũng nên hy vọng vào điều đó. Tôi chẳng vui vẻ gì với chuyện tản bộ trên cái thứ này đâu.

Cậu Nimrod thú nhận:

– Tôi không thể nghĩ ra lý do nào khác cho việc sử dụng tóc người làm cầu cả.

Cầm khăn tay lau cái đầu trọc đẫm mồ hôi của mình, ông Groanin nói:

– Là một người trên đầu hơi bị trống, tôi cũng không thể.

Cậu Nimrod hỏi:

– Vậy ai đi trước đây?

Không ai lên tiếng.

Cậu Nimrod nói:

– Tôi đoán chắc là tôi rồi. Và mọi người, hãy cố nhìn vào mặt tốt của vấn đề nào. Nếu có gì bất ổn với cây cầu này, đoàn của McCreeby khó có thể sử dụng nó, đúng không?

Chỉ tay dọc theo chiều dài chùng xuống của cây cầu và về phía lớp sương mù trước mặt họ, cậu kết luận:

– Xét đến cùng, vì họ không ở phía bên này, chúng ta có thể cho rằng họ đã ở phía bên kia.

Ông Groanin hỏi:

– Ờ, nhưng chính xác là phía bên kia của cái gì?

Cậu Nimrod trả lời:

– Chính xác à? Tôi tin là chúng ta đang ở trong một thế giới tự tạo của djinn. Thế giới djinn của Manco Capac.

Philippa hỏi:

– Ý cậu là, nơi này cũng giống như bên trong một cây đèn djinn?

– Chính xác. Chỉ là, nó lớn hơn rất, rất nhiều. Và giờ cậu đã nhận ra Manco Capac từ đầu đã là một djinn mạnh hơn rất nhiều so với tưởng tượng của tất cả mọi người.

John thắc mắc:

– Nếu vậy, tại sao ông Groanin vẫn còn sống? Con người không thể tồn tại bên trong một cây đèn djinn.

Cậu Nimrod nói:

– Họ không thể. Nhưng có lẽ kích cỡ khổng lồ của thế giới djinn tự tạo này là cái cho phép anh ấy thở. Mặt khác, nơi này cũng có thể là là hệ thống hang động mà Manco Capac cùng các anh chị của ông đã sử dụng để di chuyển từ thế giới djinn sang thế giới của con người. Nếu vậy thì nó khá bất ổn. Đó là chưa kể đến rất nguy hiểm. Hai thế giới này không bao giờ được kết nối với nhau.

Philippa thốt lên:

– Cái kẻ nút ngàm!

Cậu Nimrod đồng ý:

– Ừ, chắc là nó.

Ông Groanin bảo:

– Ờ, vậy thì được. Tôi vừa mới phải lo lắng mình đang gặp rắc rối đấy.

Đặt một chân lên cây cầu dây, cậu Nimrod quay lại nhìn những người còn lại và dặn:

– Mỗi người đi cách nhau chừng ba mét để chia đều trọng lượng nhé. Anh Groanin? Anh đi cuối. Và cố đừng nhìn xuống.

– Vâng, thưa ngài.

Khi họ bước những bước đầu tiên trên cây cầu, nó bắt đầu lắc lư. Ban đầu, nó không gì hơn một sự dao động lệch bên, nhưng dần dần, nó bắt đầu đu đưa như một quả lắc.

Ông Groanin ngừng lại và nhận xét:

– Nó có phần lắc lư này.

Cậu Nimrod tuyên bố:

– Nó chỉ là một hiện tượng liên hệ phản hồi sinh học chủ động. Còn được gọi là sự kích rung hướng biên đồng bộ.

Ông Groanin lăm bẫm khi bắt đầu đi tiếp:

– Nó vẫn lắc lư. Tôi nói, nó vẫn lắc lư đây này.

John nói:

– Ông Groanin nói đúng đó cậu. Nó đu đưa ngày càng mạnh.

Liếc nhìn qua thành cầu, John cảm thấy bao tử của cậu chìm xuống dưới, gần như thế, cậu nghĩ thầm, trọng lực đang gia tăng lực hút khi cậu ở quá cao so với mặt đất. Cũng không phải cậu có thể nhìn thấy mặt đất bên dưới. Cảm giác này giống như cậu đang đi xuống một lối đi giữa của một cái máy bay đang bay, với tất cả những bộ phận còn lại của máy bay đã bị gỡ ra.

Ông Groanin lăm bẫm:

– Máy người Inca chắc phải có thần kinh thép. Hoặc là cái gã thiết kế cây cầu này đang có một tràng cười sáng khoái trước tình cảnh của chúng ta.

Cậu Nimrod đề nghị:

– Đừng bước đều bước. Nó sẽ giúp phá vỡ biên độ đu đưa của cây cầu:

Philippa, người luôn hiểu rõ điều cậu Nimrod muốn nói hơn những người khác, giải thích:

– Ý cậu Nimrod là, cây cầu sẽ ngừng lắc lư nếu chúng ta ngừng bước đều chân như điệu hành.

Đề nghị của cậu Nimrod dường như xử lý được vấn đề lắc lư, và họ tiếp tục di chuyển chậm mà chắc trên cây cầu dây.

Mỗi lần Philippa đặt tay lên phần tay vịn đen thùi và mượt như tơ của cây cầu, cô lại tự hỏi cần bao nhiêu mái tóc Inca mới làm được cây cầu này. Khi mái tóc của họ bị lấy đi, họ còn sống hay đã chết? Cô đã đọc về việc tế người của người Aztec. Cắt tim của những nạn nhân còn sống trên đỉnh kim tự tháp hay những chuyện kinh khủng tương tự. Người Inca có thực hành việc tế người sống như người Aztec không? Cô nghĩ đến chuyện hỏi cậu Nimrod nhưng rồi quyết định không làm vậy vì sợ có thể không chịu nổi câu trả lời.

Sau một lúc, cô bắt đầu nhận ra cô đang dần hụt hơi và đường đi đã trở nên khó khăn hơn. Cây cầu đang hướng lên trên. Không khí cũng trở nên lạnh hơn. Cô quay lại gật đầu với ông Groanin và nhìn thấy cái neo đá đánh dấu đầu cầu cùng cái tàu ngầm kể bên nó đã biến mất trong lớp sương mù. Với việc chỉ có sương mù trước mặt và sau lưng họ, cây cầu nhìn như thể nó không được cái gì chống đỡ. Điều đó khiến cô cảm thấy có phần luống cuống.

Cô nói:

– Giữ tốc độ đi, ông Groanin. Cháu gần như không thấy được ông.

Hồn hển thấy rõ, ông trả lời:

– Đang cố hết sức đây, thưa cô. Ta không biết rốt cuộc là sự vận động hay nỗi sợ hãi làm ta khó thở thế này. Không thể nói ta thích nơi này cho lắm. Nếu có thể gọi chỗ này là một nơi. Không ở đây cũng chẳng ở đó, nó giống như một chốn u minh ấy.

Philippa đùa:

– Đó là một suy nghĩ vui vẻ đấy ông.

Rồi cô nhăn mặt khi cảm nhận được một chấn động khi một thứ nặng nề gì đó đập vào một bên tay vịn của cây cầu dây. Rồi lại một chấn động nữa.

Cậu Nimrod thét lên:

– Tất cả mọi người giữ chặt tay vịn!

Philippa hét lớn hỏi:

– Tại sao? Chuyện gì xảy ra vậy?

Cậu Nimrod nói:

– Có thể cậu lầm, nhưng cậu có cảm giác như thế ai đó – nhiều khả năng là McCreeby – đang cố cắt đứt cây cầu bằng một con dao.

Ông Groanin rên rỉ:

– Ngài có nhất thiết phải nói điều đó không vậy? Tôi nói, ngài có nhất thiết phải nói điều đó với tôi không? Tôi sẽ hạnh phúc hơn nhiều nếu chỉ là một kẻ dốt nát.

Khi cả bốn người bọn họ nắm chặt lấy cái tay vịn, họ cảm nhận được một chấn động mãnh liệt khác khi nó bị một thứ gì đó đập vào. Và rồi, cũng đột ngột như lúc bắt đầu, mọi chấn động ngừng lại. Trong một giây, tất cả mọi người nín thở chờ rơi. Nhưng cây cầu vẫn tiếp tục treo lủng lẳng giữa không trung.

John nói:

– Nó ngừng rồi.

Philippa thở phào:

– Cám ơn trời.

Nghiên cứu hai nắm tay của cậu vẫn còn bầu chặt vào cái tay vịn, John bảo:

– Khuỷu tay trắng bệch đúng nghĩa^[14]. Trái tim cháu cứ như thể đang nằm trong miệng ấy.

Ông Groanin rên rỉ:

– Còn trái tim ta thì cứ như thể nó đang cố trèo ra khỏi lỗ tai ấy. Ta mà thấy trái tim của ta, ta sẽ bóp nghẹt nó để nó khỏi chết trong đau đớn.

Cậu Nimrod lẩm bẩm:

– Nó thật sự là gì ấy nhỉ? Chấn động vừa rồi ấy.

Ông Groanin van nài:

– Làm ơn đừng. Tôi không nghĩ mình có thể chịu nổi nó. Nếu cậu nói gã McCreeby đó đang đi tìm một cái rựa sắc hơn, tôi nghĩ tôi thà nhảy xuống dưới cho xong.

Cậu Nimrod nói:

– Anh cũng biết đó chỉ là một suy nghĩ thôi mà. Khi tóc người được buộc và thắt lại như thế này, nó rất chắc. Anh có lẽ phải cần một cái dao cực kỳ sắc mới cắt được nó.

Ông Groanin lầm bầm:

– Ờ, thôi cũng được.

Để thử nghiệm, cậu Nimrod gõ mạnh phần sống lưng của cái dao cậu đang cầm trên tay lên cái tay vịn.

Ông Groanin hét lên:

– Ngài nghĩ ngài đang làm cái quái gì thế hả, cái đồ ngu ngốc dở hơi kia?

Cậu Nimrod nhận xét:

– Sức bền của sợi dây này thật sự rất đáng nể. Có lẽ mạnh bằng cả dây cáp thép.

Một lần nữa vượt mồ hôi trên chân mày, ông Groanin nói:

– Ước gì thần kinh tôi cũng được như vậy. Chúng như đang bị đưa qua máy nghiền dây này.

John trấn an:

– Thả lỏng đi, ông Groanin. Cây cầu vẫn treo trên cao. Và chúng ta vẫn ở đây.

– Cậu chủ nhỏ John ạ, ước gì ta không ở đây. Ta thật sự ước mình hoàn toàn không có mặt ở đây đấy.

Cậu Nimrod nghiêm khắc nhắc nhở:

– Không được ước ở đây. Tôi nghĩ tôi đã nói rõ điều đó rồi mà.

– Vâng, thưa ngài. Xin lỗi, thưa ngài. Chỉ là tôi không nghĩ điều đó áp dụng cho cả tôi, thưa ngài. Vì những lý do hiển nhiên.

Họ bước trên cầu thêm chừng hai tiếng đồng hồ nữa rồi nhìn thấy đầu cầu ở phía trước mặt. Và gần cái neo đá ở mặt xa là một hình người mơ hồ. Ban đầu, nó nhìn giống một thứ gì đó quái dị, lông lá, như một con ruồi có kích cỡ to bằng người. Chỉ đến khi đã đến gần, họ mới nhận ra đó là một người bị bao phủ bởi hàng triệu sợi tóc giống loại tóc tạo thành cây cầu dây. Cậu Nimrod áp tai vào bộ phận nhìn giống đầu và cẩn thận lắng nghe. Nhưng Philippa lại là người đầu tiên nhận ra đó là ai.

Cô thốt lên:

– Đó là Zadie. Nhìn đôi giày đi.

Quả thật sinh vật đang bị tóc bao phủ đó đang mang đôi giày ống màu tím đặc trưng của Zadie.

John báo:

– Còn có một thứ gì đó thò ra từ miệng.

Philippa nói:

– Bàn chải đánh răng của cậu ấy.

Ông Groanin lầm bầm:

– Ra là Zadie. Cuối cùng cũng có ai đó hay thứ gì đó làm nó ngừng nhảy. Nó nhìn giống cái con gì đó phun tơ quanh người trước khi hóa bướm ấy. Mọi người chắc biết. Cái con gì đó tôi quên tên mất rồi. Philippa gợi ý:

– Con nhộng à?

Ông Groanin gật đầu:

– À đúng, một con nhộng.

John bảo:

– Một ngày tóc xấu đúng nghĩa.

Ông Groanin cười khùng khục:

– Câu nói hay. Rất hay đấy.

John hỏi:

– Nó chết rồi à?

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Không, chưa chết. Cậu vẫn dò được vài tín hiệu sống. Nhưng hiển nhiên nó hoàn toàn bị giữ bất động. Và cậu nghĩ cậu biết tại sao. Nhìn này.

Từ cái đầu, cậu Nimrod vuốt tay dọc xuống những bộ phận mà họ chỉ vừa nhận ra là bờ vai, một cánh tay, rồi một bàn tay. Trong bàn tay đó có một thứ nhìn giống kim loại.

John nói:

– Một cái dao.

Cậu Nimrod bảo:

– Chính xác. Có vẻ như cây cầu này đã được thiết kế để tự bảo vệ bản thân trước mọi sự đe dọa. Từ cái dáng này của Zadie, cậu cho là khi nó bắt đầu chặt phần tay vịn, phần tóc bị đứt đã tự động nối lại. Và cùng lúc biến nó thành một phần của cây cầu.

Philippa hỏi:

– Chúng ta sẽ cứu cậu ấy như thế nào đây?

Ông Groanin hỏi lại, giọng nghe có vẻ phẫn nộ:

– Làm thế nào? Tại sao chúng ta phải bận tâm đến chuyện đó chứ? Nó đã tính chặt đứt cây cầu. Ta có cần nhắc cho cháu nhớ là chúng ta đang đứng trên cầu khi đó không vậy?

Philippa cố nói:

– Zadie không biết việc đó.

John nói:

– Nó cũng không biết chúng ta không cứu nó. Anh đồng ý với ông Groanin. Nếu là nó, nó sẽ không bận tâm đến việc cứu em đâu.

– Nhưng chúng ta không thể bỏ cậu ấy lại đây.

Cậu Nimrod mỉm cười và đưa cho cô cái dao của cậu.

– Cháu có muốn thử cắt dây cứu nó không?

Philippa thú nhận:

– Ờ, không ạ.

Cậu Nimrod nói:

– Một lựa chọn khôn ngoan đó, Philippa. Cậu e là cháu cũng chỉ kết thúc như nó thôi. Bị quấn kín như một – một cái gì ấy nhỉ, anh Groanin? Một con nhộng. Ngoại trừ việc con bướm này sẽ không bay được đi đâu.

Ông Groanin lách người bước khỏi cây cầu để đứng lên một via đá trời lên nơi cái neo đó được xây dựng. Ông bảo:

– Hy vọng mọi người không phiền vì tôi chỉ có thể cảm thấy thoải mái bàn luận chuyện này trên một mặt đất vững chắc.

Đi theo ông, John nói:

– Cháu cũng vậy.

Cậu Nimrod nhún vai và đi theo họ. Một dãy bậc thang mở đường lên một sườn núi cheo leo và vòng quanh một con dốc.

Có một sự phản đối mạnh mẽ trong giọng nói trẻ măng của Philippa khi cô gọi:

– Cậu Nimrod?

Cậu Nimrod nói:

– Gì cơ? Nhìn này, không có gì để bàn luận ở đây cả. John là người duy nhất có thể quyết định chuyện gì sẽ xảy ra cho nó bây giờ.

John hỏi:

– Cháu hả? Cháu không thấy lý do tại sao phải làm như vậy. Cháu thậm chí còn không ưa nó.

Ông Groanin trách:

– Nghe này, nghe này. Hãy nhìn xem nó đã làm gì với anh Vodyannoy. Cỗ giết anh ấy bằng một con cóc. Đó là chưa kể đến con rết khổng lồ đã xém dùng ta làm bữa tối. Ta có thể là một người rất khoan dung, đúng vậy, nhưng ta sẽ vạch rõ đường phân cách với những kẻ thả một con rết Peru khổng lồ lên đường của ta. Hình ảnh cái thứ đó nằm ngay dưới võng sẽ ám ảnh ta vĩnh viễn.

Cậu Nimrod nói:

– Và đó cũng sẽ là khoảng thời gian Zadie phải ở lại đây, trừ khi John chịu giải thoát cho nó.

Liếc nhìn cái dao trong tay với ánh mắt không chắc chắn, John lắc đầu nói:

– Cháu không thấy lý do cháu phải là người mạo hiểm bị y như nó. Ông Groanin không phải người duy nhất gần như bị xơi tái. Cậu quên con anaconda khổng lồ rồi sao?

Cậu Nimrod hỏi:

– Cậu có cần nhắc cho cháu nhớ rằng, dù Zadie có làm sai chuyện gì thì nó cũng làm việc đó chỉ vì bị gã khốn McCreeby đó thôi miên không?

Philippa gật đầu:

– Đúng là vậy.

John nói:

– Cháu không quan tâm. Cháu sẽ không làm việc đó. Với cháu, nó có ở đây vĩnh viễn cũng chẳng sao. Cháu sẽ không chặt cây cầu này. Không vì nó. Không vì cậu. Không vì bất cứ ai.

Cậu Nimrod bảo:

– Có ai nói cháu phải cầm dao chặt cầu đâu, John.

Ông Groanin gầm gừ:

– Vậy thì làm thế nào? Tôi ước gì ngài có thể nói cho rõ. Xét đến cùng, chúng ta đang đối mặt với một thảm họa hạt nhân hủy diệt. Khi thật, tôi ước anh Rakshasas già có ở đây. Anh ấy chắc chắn còn nói dễ hiểu hơn ngài đấy, thưa ngài.

Philippa nhắc:

– Không được ước, ông Groanin. Đừng quên điều đó chứ.

– Xin lỗi, thưa cô.

Chạm tay vào tay vịn đối diện với cái đã bao phủ Zadie trong một mạng nhện bằng tóc người, cậu Nimrod hỏi John:

– Cháu không chú ý đến những đốm màu này à? Chúng được sắp xếp theo cùng thứ tự với những cái gần đầu bên kia của cây cầu.

John hỏi:

– Thì sao ạ? Có chuyện gì liên quan đến chúng?

Cậu Nimrod nói:

– À, cậu chỉ nghĩ là, nếu cháu đọc lại những từ Quechua đó theo đúng thứ tự mà cháu đã học khi gỡ cái nút thắt trên Mắt Rừng, có lẽ cháu cũng sẽ giải phóng được Zadie.

Suy nghĩ trong giây lát, John hỏi:

– Lỡ cháu không nhớ chúng thì sao?

Cậu Nimrod trả lời:

– Vậy thì cậu nghĩ Zadie tội nghiệp sẽ tiếp tục là tóc trong suốt quãng đời còn lại của nó.

Ông Groanin cười khùng khục:

– Đó cũng là một ý hay.

Philippa trách:

– Cháu không nghĩ chuyện này có gì hài hước.

Nhưng cả John và ông Groanin đều bật cười.

Philippa nói:

– John. Em đang nói với anh đây. Em biết anh đang nói dối. Em biết anh có thể nhớ được những từ đó. Và anh biết em biết rõ điều đó.

John thở dài:

– Ừ, anh biết. Thôi được. Anh sẽ làm việc đó. Nhưng tốt nhất nó nên biết ơn. Chưa kể đến nó nên tỏ ra dễ chịu hơn so với trước đây.

Ông Groanin lầm bầm:

– Cầu Chúa phù hộ cho điều đó.

Philippa hứa:

– Nếu Zadie còn dám quá quắt, em sẽ tự mình xử cậu ấy.

Cậu Nimrod nhăn mặt:

– Cậu ghét cái từ đó. Xử. Nghe cứ như cháu là một tay chuyên trị vật gây hại ấy.

Ông Groanin nói:

– Zadie là vật gây hại. Và nó cần được đặc trị.

John chau mày khi cậu cố nhớ lại.

– *Yana chunka. Yuraj pusaj. Puka tawa. Willapi qanchis...* Rồi gì nữa nhỉ?

– *Kellu kinsa. Komer phisqa. Sutijankas iskay. Kulli sojta. Chixchi jison...* Chờ chút.

Cậu sốt ruột gõ gõ trán.

– Đúng, cháu nhớ ra rồi. *Chunpi uj.*

Ngay khi John vừa đọc xong những âm tiết Quechua cuối cùng, những sợi tóc buộc Zadie vào cây cầu ngay lập tức bắt đầu tự gỡ ra. Nó nhìn giống một bộ phim tài liệu theo mốc thời gian quay quá trình phát triển của một loại cây, chỉ là xem theo chiều ngược lại. Vài phút trôi qua, rồi Zadie có thể nói. Và khi cô cuối cùng cũng được tự do, trong suốt vài phút, Zadie khóc nức nở và xin lỗi vì tất cả những chuyện xấu mà cô đã làm.

Cô nói giữa những tiếng thốn thức:

– Cháu thậm chí không thể nói từ trọng tâm của mình. Ngay khi cháu cắt đứt vài sợi tóc, nó khóa chặt quai hàm của cháu. Nếu không phải đang ngậm cái bàn chải đánh răng, cây cầu này sẽ làm cháu chết ngạt mất.

Zadie vẫn đang cầm cái dao trong tay, và việc nhận ra mình xém nữa bị giết đủ kích động để cô lại chém dao vào cái tay vịn, cắt đứt thêm vài sợi tóc và một lần nữa nhanh chóng bị bao phủ kín mít bởi một rừng tóc.

Rên lớn một tiếng, ông Groanin phàn nàn:

– Khi thật. Con bé đó bị khùng hay sao? Ý tôi là, ai cũng nghĩ nó đã học được bài học của nó rồi chứ.

Cậu Nimrod nói:

– Trên thực tế, đó là lỗi của tôi. Tôi quên bég đi chuyện giải thôi miên cho nó.

Một lần nữa John buộc phải lặp lại những từ hiệu lệnh Inca. Chỉ là lần này, cậu Nimrod giải phóng cái dao khỏi tay Zadie ngay khi cô được giải thoát khỏi những sợi tóc.

Cậu bảo:

– Tôi nghĩ tôi nên cầm cái này để chắc ăn.

Rồi giọng nói của cậu bắt đầu thay đổi. Với những người khác, cậu nghe giống hệt Virgil McCreeby. Đó là lần đầu tiên họ nhận ra ngoài vô số tài năng đã biết, cậu Nimrod còn là một người bắt chước giọng cực giỏi.

Cậu nói với Zadie:

– Nghe ta nói, Zadie. Lắng nghe lời ta. Chỉ lời ta thôi. Quên hết tất cả những chuyện khác. Chỉ lời của ta mới quan trọng. Khi ta búng tay, cháu sẽ không còn bị thôi miên nữa. Cháu sẽ thoát khỏi trạng thái nhập thần mà ta đã đưa cháu vào và cư xử hoàn toàn bình thường. Cháu sẽ nhớ lại tất cả mọi chuyện. Nhưng cháu sẽ cư xử hoàn toàn bình thường.

Cậu Nimrod búng tay trước mắt Zadie.

Cô nháy mắt và nhìn quanh với vẻ mặt hoang mang.

– Ồ.

Cô cảm thấy khi nước mắt bắt đầu trào lên trong mắt cô.

– Ôi.

Cậu Nimrod choàng một tay qua vai Zadie để an ủi cô. Trong một giây, Zadie không thể nói gì cả. Rồi cô lên tiếng:

– Cháu xin lỗi. Cháu xin lỗi vì tất cả những việc khủng khiếp mà cháu đã làm. Cháu nợ tất cả mọi người một lời xin lỗi. Cháu không có lời bào chữa nào, mà chỉ có một lời giải thích. Cháu đã làm tất cả những chuyện đó vì cháu nghĩ cháu yêu Buck. Nhưng giờ cháu đã nhận ra cháu không hề yêu cậu ấy. Dybbuk và Virgil McCreeby đã lợi dụng cháu. Giờ cháu đã biết điều đó.

Nắm lấy tay Zadie và bóp nhẹ nó một cách trù mến, Philippa an ủi:

– Không sao đâu. Cậu bị thôi miên mà. Cậu không thể làm gì khác.

Lần đầu tiên nhận ra điều đó, Zadie nói:

– Ừ, tớ bị thôi miên mà, đúng không?

Rồi cô rùng mình kể lại:

– Khi cây cầu phun tóc phủ lấy cháu, Dybbuk thậm chí còn không tìm cách cứu cháu. Cậu ấy nói cậu ấy sẽ quay lại cứu cháu chừng nào khôi phục lại sức mạnh. Nhưng cháu biết cậu ấy nói dối. Và cháu biết cậu ấy sẽ không bao giờ quay lại cứu cháu. Cũng giống như cậu ấy không thèm đi tìm cháu khi cháu bị người Xuanaci bắt.

Cậu Nimrod nói:

– Ta e là bây giờ chúng ta không còn thời gian để giải thích. Nhưng có một điều ta phải nhắc cho cháu biết, Zadie, và nó cực kỳ quan trọng. Dù xảy ra chuyện gì cháu cũng không được sử dụng sức mạnh djinn khi chúng ta ở mặt bên này của Mắt Rừng. Có một điều ước Enantodromia đang hoạt động ở đây. Đó là điều ước sẽ... Zadie cắt ngang:

– Cháu biết điều ước Enantodromia là gì. Mình ước điều gì với sức mạnh djinn và mình sẽ có kết quả ngược lại.

Rồi cô gật đầu:

– Vậy thì chuyện cái tàu ngầm có thể giải thích được. Cháu không thể diễn tả hết cho mọi người biết họ đã giận dữ như thế nào khi chuyện đó xảy ra. McCreeby đã bị đập vào đầu và nói năng không có ý nghĩa gì cả. Cháu nghĩ gã bị chấn động não. Và Buck gọi cháu là djinn vô dụng nhất cậu ấy từng gặp, và bảo cháu chẳng có ích lợi gì với cậu ấy nếu cháu không thể giúp họ bay qua vực thẳm. Cháu đã cố giải thích về tình huống với lốc gió và việc hiện tại không ai có thể tạo ra một cái, nhưng cậu ấy đơn giản không tin cháu. Sau đó, cháu nghĩ cậu ấy chỉ muốn tìm được một lý do để bỏ cháu lại. Đôi lúc...

Cô lắc đầu và bực tức nói tiếp:

– Mọi người biết không, đôi lúc dường như có đến hai Buck khác nhau. Buck Tốt và Buck Xấu.

Cậu Nimrod bảo:

– Cháu nói nhiều hơn những gì cháu biết đó. Coi nào. Chúng ta nên đi thôi.



Chương 25

Đĩa trượt

Ban đầu khi chúng mới gặp nhau và Dybbuk vẫn đang xuống tinh thần vì mất hết sức mạnh djinn, cậu khá thích Zadie - đủ thích để cho phép bản thân tin rằng cậu thích cô như cô thích cậu. Nhưng đó là trước khi cậu đoán được Virgil McCreeby đã thôi miên Zadie khiến cô nghĩ rằng mình yêu Dybbuk, một cách để cô phục tùng mệnh lệnh của gã. Dybbuk khá hài lòng với chuyện bản thân cậu không bị thôi miên, nhưng cùng lúc, cậu lại nửa nghi ngờ McCreeby không phải cũng đang sử dụng Zadie để điều khiển cậu, bằng cách đảm bảo chính gã là người nắm quyền kiểm soát mọi chuyện chứ không phải Dybbuk.

Từ sau phát hiện đó, Zadie đã trở thành một thứ gì đó rất phiền toái đối với Dybbuk. Luôn đeo bám và chú ý quá mức, cô lúc nào cũng chăm chú nhìn cậu, mỉm cười ngọt xớt đầy giả tạo với cậu, ngâm thơ tình của Elizabeth Barrett Browning, hát ư ử trong cuống họng một cách hạnh phúc, và luôn cố vuốt ve tóc cậu hoặc vệt nó lên khỏi chân mày để cô có thể trìu mến nhìn vào mắt cậu. Dybbuk ghét bị người khác chạm vào tóc của cậu. Đặc biệt là khi họ hát ư ử trong cuống họng hoặc ngâm thơ. Cho dù họ đã bị thôi miên để cư xử như vậy.

Và dĩ nhiên không thể kể thiếu thói quen nhảy tap-dance và cái bàn chải đánh răng luôn luôn hiện diện trong miệng cô như một cây kẹo ngậm.

Những thứ đó làm Dybbuk thật sự phát điên. Vì tất cả những lý do đó, Dybbuk đã hoàn toàn vui vẻ khi họ rút cuộc có thể bỏ lại Zadie. Và lại, họ cũng không có lựa chọn nào khác. Rõ ràng bất cứ cố gắng nào từ cậu hay Virgil McCreeby để cắt những sợi tóc của cây cầu dây đang trói buộc Zadie sẽ chỉ khiến họ lâm vào cùng một tình cảnh như cô. Dĩ nhiên cậu cảm thấy tội nghiệp cho cô. Trở thành giống một bộ nổi tóc New Jersey như thế này không phải là một kết thúc vui vẻ gì cho cô, nhưng cậu giúp gì được chứ? Cậu đâu có sức mạnh djinn để giúp cô.

Cúi người đến gần cái đầu nhìn giống xác ướp của Zadie, gần như cậu dám, Dybbuk bảo với cô rằng sau khi hồi phục lại sức mạnh, cậu sẽ quay lại đây và tìm cách cứu cô ra. Nhưng cùng lúc đó, ở đâu đó trong đầu cậu, cậu biết sự thật không phải vậy và nhiều khả năng cậu sẽ chẳng bận tâm đến việc đó. Ngay khi có lại sức mạnh, cậu sẽ tạo một cơn lốc gió và bay đến đảo Bahamas nghỉ ngơi vài tuần. Một mình.

Virgil McCreeby chắc hẳn buồn bực hơn nhiều với việc bỏ lại Zadie, Dybbuk nghĩ thầm. Xét đến cùng, gã sẽ mất toi ba điều ước mà cô đã hứa ban cho gã nếu giúp chúng. Nhưng mặt khác, gã hiện vẫn chưa trở lại là chính mình kể từ sau cú đập đầu của gã khi chiếc máy bay/tàu ngầm mà Zadie đã tạo ra để họ bay qua vực bị rút xuống đất. McCreeby đã đập đầu vào cái kính tiềm vọng, và Dybbuk đã buộc phải lôi gã ra ngoài. Kể từ lúc đó, McCreeby luôn tự lặp lại lời nói của mình và ngơ ngác nhìn mỗi khi Dybbuk nói với gã một chuyện gì đó. Dybbuk đoán là gã bị chấn động não. Bản thân cậu đến giờ vẫn còn thắc mắc chuyện tại sao một cái máy bay có thể biến thành một cái tàu ngầm cỡ nhỏ. Đó chỉ là sự kém cỏi của Zadie trên tư cách một djinn, hay có một lý do khác? Có thể một sức mạnh djinn khác đã can thiệp vào sức mạnh của cô chẳng? Nimrod, hoặc cặp sinh đôi. Hoặc thậm chí là Manco Capac.

Bỏ lại cây cầu và Zadie sau lưng, Dybbuk và McCreeby lần theo một con đường đá vàng uốn lượn ở phía trên vực thẳm. Đó là một chuyến cuộc bộ làm người ta khỏe khoắn hẳn ra với bầu không khí núi non sạch sẽ mang hương vị trong lành, ngọt ngào. Ngay cả McCreeby cũng nhìn hăng hái hơn.

Gã liên tục hít thở phì phò qua lỗ mũi như một huấn luyện viên tư nhân đang cố thuyết phục khách hàng. Và sau chừng một hoặc hai tiếng đồng hồ, McCreeby đã tỉnh táo lại, đủ để nhận ra Zadie không đi cùng họ. Nhưng khi gã hỏi cô ở đâu, Dybbuk cảm thấy nên đưa cho gã một câu trả lời không làm trì hoãn hành trình lên núi của họ. Trên thực tế, cậu cảm thấy hoàn toàn hợp lý khi lấp đầy đầu McCreeby với những gì cậu muốn gã tin vào, bởi vì, theo nghi ngờ của cậu, đó chính là điều McCreeby đã làm với cậu thông qua Zadie.

Cậu nói, giọng ra vẻ buồn bã:

– Nó chết rồi.

McCreeby lập lại:

– Chết? Như thế nào? Chuyện quái gì đã xảy ra?

– Ông thật sự không nhớ à?

– Tôi nghĩ không phải là tôi không nhớ. Chỉ là, tôi đã không thể suy nghĩ tỉnh táo gì kể từ khi chúng ta ở trong cái tàu ngầm. Phải không?

Dybbuk gật đầu:

– Ông đã bị đập vào đầu, chỉ vậy thôi.

– Giờ tôi thấy đỡ hơn rồi. Cho nên hãy nói cho tôi biết về Zadie.

Dybbuk nói:

– Ờ thì, ông có nhớ chuyện ông bảo nó cắt cây cầu không? Với một cái dao? Để ngăn ai đó như Nimrod đuổi theo chúng ta?

– Tôi đã nói vậy à?

Trên thực tế, chính Dybbuk là người đề nghị Zadie làm việc đó. Nhưng cậu nói dối:

– Ừ, ông đã nói vậy. Và ông có nhớ chuyện cây cầu làm từ tóc người không?

McCreeby trả lời:

– Có. Tôi nhớ điều đó. Ai mà nghĩ lại có nhiều người Inca tình nguyện cắt tóc như vậy chứ?

– Cho nên, khi Zadie cắt cây cầu, vài sợi tóc dấy chúng, ờ, có thể nói là sống lại và, giống như một con trăn boa, bóp nghẹn nó khi chúng sửa lại cây cầu. Trước khi Zadie kịp nói từ trọng tâm của nó, mấy sợi tóc đã quấn chặt quanh cổ nó. Cả nó lẫn tôi đều không thể làm gì.

McCreeby thốt lên:

– Trời ạ, tội nghiệp Zadie.

Nhún vai một cách lãnh đạm, Dybbuk nói:

– Có thể xảy ra cho bất cứ ai trong chúng ta.

McCreeby hỏi:

– Ý cậu là, chuyện đó sẽ xảy ra cho bất cứ ai cầm dao cắt cây cầu?

Gật đầu vẻ nghiêm trọng, Dybbuk nói:

– Ông đã rất dũng cảm.

– Tôi à?

– Ừ. Ông không nhớ sao? Ông đã cố cầm dao cắt vài sợi tóc đang siết cổ Zadie và xem nữa cũng bị siết chết.

McCreeby lại thốt lên:

– Trời ạ, nghe như thể tôi đã may mắn trốn thoát ấy.

– Ừ, có thể nói ông đã rất may mắn.

– Vậy tóm lại, Zadie tội nghiệp đã chết?

– Ừ, đã chết.

Chắc chắc lưỡi và đá một hòn đá ra khỏi đường đi của gã, McCreeby nói:

– Thật đáng tiếc. Cô ấy đáng lẽ sẽ cho Virgil McCreeby già ba điều ước. Tôi đã khá trông đợi chuyện đó. Chỉ để bảo vệ bản thân khỏi Nimrod mà thôi.

Dybbuk bảo:

– Tôi sẽ cho ông thêm ba điều ước nữa khi nào sức mạnh của tôi đã phục hồi. Để bù lại ba điều ước của Zadie mà ông đã mất.

Dĩ nhiên McCreeby đáng lẽ nên phủ nhận lời cậu vừa nói. Nói với cậu rằng điều ước thứ tư sẽ vô hiệu hóa ba điều ước đầu tiên. Nhưng gã không

nói gì. Và Dybbuk kết luận rằng có lẽ McCreeby vẫn chưa hoàn toàn hồi phục sau cú đập đầu đó. Hoặc có thể cái đầu ngoại giao của gã bảo gã không nên phủ nhận cậu. Xét đến cùng, không có Dybbuk, Virgil McCreeby thậm chí còn không có ba điều ước nào.

Họ tiếp tục bước đi, và sau chừng một tiếng đồng hồ, họ vòng qua một ngã rẽ và thấy con đường đá vàng đi xuyên qua hai hàng cây lớn khúc khuỷu. Chúng cao cỡ một người trưởng thành, màu nâu, với một bông hoa màu hồng tươi giống một ống thoát nước, và nhìn hơi giống nấm. Ban đầu, Dybbuk nghĩ gió đang thổi. Chỉ sau gần một phút nhìn chúng, cậu mới chú ý thấy những cái cây này đang lắc lư nhẹ, như một loài động vật biển kỳ lạ nào đó. Chỉ khi đó cậu mới nhận ra đây có thể là loại cây ăn thịt. Lách người lên trước Dybbuk, McCreeby vừa bước đi tiếp vừa giục:

– Còn chần chờ gì nữa? Paititi ở ngay trước mặt chúng ta.

Dybbuk chụp lấy cái ba lô của McCreeby và kéo ngược gã lại.

– Gì vậy? Có vấn đề gì à?

– Nhìn đi.

Dybbuk nói khi một con heo vòi nhỏ mò mẫm ngược lên con đường.

Những bông hoa màu hồng quay về phía con vật như thể chúng có mắt. Ngay giây tiếp theo, Dybbuk và McCreeby nghe được một chuỗi âm thanh phụt phụt, và thở hốt kinh ngạc khi thấy vài sợi dây hình ống sắc bén phóng ra từ mỗi bông hoa, như những mũi phi tiêu phóng ra từ ống thổi, và đâm vào lớp da xám của con heo vòi. Chỉ một giây sau, con vật gục xuống đất, đã chết. Vài giây nữa trôi qua và những sợi dây hình ống bắt đầu bị lấp đầy bởi màu đỏ. Giống như họ đang xem một cuộc truyền máu trong bệnh viện. Những cái cây đang hút máu con heo vòi.

McCreeby thốt lên:

– Trời ạ, mấy cái cây đó là thực vật ăn thịt.

Dybbuk quan sát:

– Nói nhẹ thì là vậy.

– Có phần giống loài cây bắt ruồi Venus, nhưng to hơn.

– To hơn rất nhiều. Tôi sẽ nói chúng có thể giết người.

Một trong những cái cây ngừng uống máu trong giây lát và phát ra một âm thanh nghe như tiếng ợ hơi.

Dybbuk đề nghị:

– Vì chúng ta phải vượt qua mấy cái cây này mà không bị dính một mũi phi tiêu nào, tôi đề nghị chúng ta nên lợi dụng lúc chúng đang bận rộn ăn uống và đi qua chúng càng nhanh càng tốt.

Và trước khi McCreeby có thể nói gì, Dybbuk phóng vọt trên đường và vượt qua những cái cây ma cà rồng.

– Ý kiến hay.

McCreeby nói, rồi chạy theo cậu. Một việc mà Dybbuk nghĩ là một hành động dũng cảm bất thường đối với một kẻ mà cậu vẫn gắn mác hèn nhát, và cậu kết luận rằng cơn chấn động não của McCreeby vẫn chưa hoàn toàn hồi phục.

Nhưng không phải cái cây nào cũng phóng phi tiêu dây vào con heo vòi và khi McCreeby vội vã băng qua chúng, hai cái cây phun bộ phận nạp nhiên liệu chết chóc của chúng về phía ông. Một cái không trúng. Một cái đâm vào ba lô của McCreeby. May cho gã là cái ba lô rất to. Tuy nhiên gã thầy pháp lại hoàn toàn không nhận ra chuyện đó và vẫn tiếp tục chạy. Cho đến khi sợi dây bị kéo hết độ dài của nó và giật ngược gã cùng cái ba lô lại: sức mạnh của phi tiêu và sợi dây lớn đến mức nó khiến McCreeby ngã chổng ngược về phía sau.

Khi McCreeby đập mạnh xuống đất, một đồng hộp, dao, nĩa, ly rớt ra khỏi phần nắp ba lô buộc hờ. McCreeby nằm ngửa tại chỗ trong giây lát, tay chân quơ quào cố ngồi dậy, giống như một con bọ cánh cứng đen to tướng.

Gã hét lên:

– Cứu! Mấy cái thứ khủng khiếp đó đã móc vào tôi.

Dybbuk phát ra một âm thanh nghe như tiếng kèn fagot và trợn tròn mắt lên trên đỉnh đầu. Nhưng cậu không có lựa chọn nào khác ngoài việc quay lại giúp McCreeby. Trong ba lô của McCreeby có cây quyền trượng vàng

của Manco Capac cùng vài cổ vật Inca cần thiết cho nghi lễ *kutumunkichu*. Không có những thứ đó, hành trình đến Paititi hoàn toàn là một sự phí phạm thời gian.

Đến cạnh McCreeby, cậu lật gã năm úp sấp và dùng dao cắt đứt những sợi dây ma cà rồng khỏi cái đầu móc của chúng. Rỉ ra một đồng chất lỏng màu đỏ nặng mùi nhiều đến đáng kinh ngạc, sợi dây rứt về phía chủ nhân của nó như xúc tua của một con bạch tuộc bị thương. Nhưng Dybbuk còn kinh ngạc hơn nữa khi nghe cái cây phát ra một tiếng rin rít lớn, như một con gián bị đe dọa.

Đấy người dậy, McCreeby rùng mình kinh tởm và nói:

– Ôi, kinh khủng, kinh khủng, kinh khủng. Cậu có thấy không? Cái cây to tướng xấu xí đó xém nữa bắt được tôi.

Nhìn ba lô, Virgil McCreeby sợ hãi nhíu mũi và kéo cái đầu móc nhóp nhóp ra khỏi ba lô. Nó dài gần hai mét, có ngạnh câu, và sắc như gai xương rồng. Gã quăng nó đi trước khi nhặt lên những thứ đã rớt ra khỏi ba lô.

Tạm thời quên mất sự nhạy cảm khủng hoảng của cậu bé djinn đối với cái tên kỳ lạ của mình, McCreeby nói:

– Cám ơn cậu, Dybbuk.

Dybbuk nhắc:

– Buck. Chỉ Buck thôi, okay?

* * *

Cách những cái cây ma cà rồng chưa đến một giờ đi đường, thành phố mất tích Paititi nằm trên một đỉnh núi nhô lên cao như một vương miện ngay giữa một thung lũng mây phủ đầy. Khó có thể tưởng tượng ra một nơi nào huyền bí hơn thế, Dybbuk nghĩ thầm. Ngay cả với trí tưởng tượng của djinn. Một dải đá hẹp dẫn đường lên đỉnh núi và những công trình kiến trúc rõ ràng mang nguồn gốc Inca ở trong một tình trạng tốt hơn nhiều so với Machu Picchu hay Mắt Rồng. Dù bị đục khoét và bào mòn dần bởi thời gian, không

một phiến đá lớn được khéo léo xếp khít vào nhau nào bị cây cối mọc đầy như ở những di tích Inca khác. Tuy vậy, những tòa nhà vuông vức đó không khác gì một khối vỏ rỗng với không một cửa sổ hay cánh cửa nào, và chúng có vẻ không được dùng cho bất cứ mục đích nào ngoại trừ một tòa nhà chất đầy vũ khí và áo giáp của người Inca. Nhưng tòa nhà trung tâm lại hoàn toàn khác biệt. Nó có hình dáng như một thánh đường mái vòm nhỏ, với chi tiết đáng chú ý nhất là cánh cửa vàng nặng nề.

McCreeby hỏi:

– Một lâu đài à?

Dybbuk trả lời:

– Có thể.

McCreeby hốt hển nói:

– Nội chỉ nhìn cánh cửa đó xem, Buck, nó thậm chí còn lớn hơn Mắt Rừng. Và nó là vàng ròng. Một món vô giá đây.

Dybbuk chỉ nhún vai. Cậu không có mấy hứng thú với vàng. Từng có thời gian cậu có thể khiến cái thứ này xuất hiện chỉ với một từ và cậu không bao giờ có thể hiểu nổi tại sao mundane lại mê đắm nó như vậy. Xét đến cùng, vàng chỉ là kim loại. Sáng hơn sắt và đồng, nhưng vẫn chỉ là một kim loại. Sức mạnh mới là thứ cậu quan tâm. Sức mạnh djinn. Đặc biệt là bây giờ khi cậu không còn nó.

So với việc cánh cửa được làm từ vàng ròng, hình khắc trên cửa càng khiến người ta tò mò hơn nhiều. Nó nhìn giống một cây nấm lớn.

Dybbuk bật cười:

– Tôn giáo thờ nấm à?

McCreeby đồng ý:

– Nhìn có vẻ như vậy.

Dybbuk bảo:

– Tôi chỉ nói đùa thôi.

– Tôi thì không. Một số loài nấm đặc biệt được người Inca coi như vật thiêng. Đặc biệt là với các tư tế của họ. Họ gọi chúng là *teonanactl*, hay “thịt

của các vị thần”. Người Aztec thậm chí còn coi nấm là thần linh.

Dybbuk cười nhạo:

– Tôi ghét nấm. Tôi không thể tưởng tượng được tại sao lại có người muốn ăn nấm.

– Khi các tư tế Inca ăn mấy loại nấm này, họ nghĩ họ trông thấy viễn cảnh tương lai. Nhưng tôi không biết nấm liên quan gì đến nghi lễ *kutumunkichu*.

Đẩy mở cánh cửa vàng nặng nề, Dybbuk bảo:

– Có lẽ chúng ta sẽ tìm được câu trả lời bên trong.

McCreeby nói:

– Nhìn cánh cửa này nặng thế nào xem. Và cái cách nó khít vào khung cửa. Nếu nghĩ về chuyện này, chúng ta sẽ thấy người Inca thật là những kỹ sư đáng kinh ngạc.

Ngay cả Dybbuk cũng phải công nhận nhận xét của McCreeby. Bản thân tòa nhà mái vòm này mang một hình cầu hoàn hảo như bong bóng với độ cao chừng chín hay mười mét. Mỗi một phiến đá to lớn, phẳng phiu của nó được xếp khít vào nhau một cách hoàn hảo. Không khí bên trong tòa nhà khá mát mẻ, gần như trong buồng bệnh. Một dãy bậc thang đá dẫn lên một khối đá tròn màu trắng, nơi chính giữa có một cây gậy dài bằng vàng.

McCreeby nhận xét khi bước lên những bậc thang:

– Gần như thể tòa nhà này được xây dựng để chứa đựng một thứ gì đó đấy. Này, đến nhìn cái này xem.

Bước lên bậc thang và đến đứng cạnh gã, Dybbuk nhìn thấy cây gậy vàng cắm sâu vài chục mét xuống bóng tối bên dưới chân họ.

Cậu hỏi:

– Cái gì vậy?

McCreeby nói:

– Tôi không biết.

– Vậy giờ chúng ta làm gì?

McCreeby nhún vai bảo:

– Dựa theo cuốn sử ký cổ ghi lại lời kể của tư tế Inca Ti Cosi, phần cuối cùng của nghi lễ *kutumunkichu* sẽ được tìm thấy ở đây.

Chỉ tay vào một đoạn văn tự trên mặt sau cánh cửa đã dẫn họ vào trong tòa nhà mái vòm, Dybbuk hỏi:

– Cái này à?

– Ừ. Chắc hẳn là nó.

Họ bước đến nhìn đoạn văn tự.

McCreeby lẩm bẩm:

– Lạ thật.

– Lạ gì?

McCreeby trả lời:

– Ngôn ngữ của đoạn văn tự này. Chúng là tiếng Tây Ban Nha.

Dybbuk hỏi:

– Có gì lạ với chuyện đó? Ở đất nước này ai mà chẳng nói tiếng Tây Ban Nha.

McCreeby cho biết:

– Nhưng đó là đến giữa thế kỷ mười sáu. Xét đến cùng, đây là một đền thờ Inca. Họ nói tiếng Quechua. Hơn nữa, người Inca chưa bao giờ viết lại bất cứ thứ gì. Tiếng Tây Ban Nha càng không. Họ ghét người Tây Ban Nha. Người Tây Ban Nha đã trộm vàng và giết vua của họ.

Dybbuk nói:

– Ông quên cuốn sử ký của Ti Cosi rồi à? Nó được viết bằng tiếng Tây Ban Nha.

McCreeby nhắc:

– Nó được Ti Cosi đọc cho một cha xứ Tây Ban Nha viết. Theo như những gì chúng ta biết, ông ấy có thể đọc bằng tiếng Quechua. Và được dịch lại bởi vị cha xứ đó.

Dybbuk nhún vai:

– Vậy thì có vấn đề gì? Ông có thể đọc tiếng Tây Ban Nha. Nên ông đi mà đọc nó đi.

– Điều tôi vừa nói với cậu không làm cậu cảm thấy có chỗ nào kỳ lạ à?

Ném cho McCreeby một nụ cười nhạo báng, Dybbuk nói:

– Có lẽ nếu ông đọc đoạn văn tự này lên, tôi có thể quyết định điều đó.

McCreeby bảo:

– Bình tĩnh đi nhóc. Tôi đang đọc đây.

Dybbuk cắn môi. Cậu ghét bị gọi là “nhóc”, như thế cậu đang làm việc trong tiền sảnh của một khách sạn sang trọng nào đó, và cậu ghét bị bảo bình tĩnh bởi một mundane. *Cậu. Dybbuk, một djinn. AKA Jonathan Tarot, ngôi sao truyền hình. Con trai của Iblis tộc Ifrit.* Một lý do nữa để cậu ghét Virgil McCreeby. Vì đến giờ, Dybbuk đã ghét McCreeby gần bằng sự căm ghét của cậu đối với con nhện cứng cực độc mà gã thầy pháp người Anh để trong túi áo. Cậu ghét những cái móng tay dài nhọn đầu như những thanh kiếm nhỏ xíu của gã, và cậu ghét cái cách gã vĩnh viễn chuốt giữa chúng với một cái đồ giữa móng tay. Cậu ghét việc McCreeby làm cậu nhớ đến con trai gã, Finlay, người mà Dybbuk chưa bao giờ thật sự thích ngay cả khi chúng là bạn với nhau. Cậu ghét chòm râu, cái bụng bự, bộ vest vải tuyết, và chất giọng Anh nhã nhặn, đều đều như một diễn viên sân khấu của McCreeby. Nhưng cậu đặc biệt ghét cái mùi kỳ lạ từ loại dầu bôi người của McCreeby. McCreeby gọi nó là loại dầu bay bổng và nó được làm từ ánh trăng, mật ong cùng nhựa thơm. Dĩ nhiên điều đó hoàn toàn vớ vẩn. McCreeby không thể bay. Gã chỉ nói như vậy để khiến người khác nghĩ rằng gã có sức mạnh rất lớn. Tất cả vì hình tượng một pháp sư vĩ đại. Khi họ mới đến Lima, một tay quản lý khách sạn nói chuyện với Dybbuk đã tưởng McCreeby là cha cậu, và Dybbuk đã cảm thấy rất muốn bóp cổ ông.

Khi cặp mắt tham lam của McCreeby chạy dọc theo những dòng văn tự, môi gã lẩm bẫm những từ tiếng Tây Ban Nha.

Với những ngón tay run rẩy vì kích động, McCreeby rút một cuốn sổ tay ra khỏi túi áo và bắt đầu viết với một mẫu bút chì.

– Ồ, tôi nói, cái này thật thú vị. Đó là một loạt hướng dẫn về những việc cần làm tiếp theo để tiến hành nghi lễ.

Dybbuk thở dài một cách sốt ruột và hỏi:

– Thế chúng ta cần làm gì đây? Ông có định nói cho tôi biết hay không, hay tôi phải đá câu trả lời ra khỏi ông?

Nhìn có vẻ sững sốt, McCreeby nói:

– Tôi nói, cậu không cần phải nói như vậy. Không phải sau khi chúng ta đã cùng nhau đi đến tận đây. Tôi cứ nghĩ chúng ta là bạn chứ.

Dybbuk vội bảo:

– Chúng ta là bạn. Xin lỗi. Chắc tôi hơi mệt. Có lẽ tại độ cao. Tôi sẽ tốt hơn khi có lại sức mạnh.

Rồi cậu mỉm cười cổ vũ gã đàn ông lớn hơn:

– Tôi nghĩ cả hai chúng ta sẽ cùng tốt hơn.

McCreeby nhe răng cười đáp lại:

– Dĩ nhiên. Thôi được, chúng ta tiến hành thôi. Cái ba lô của tôi đâu rồi nhỉ?

Dybbuk nói:

– Ở bên ngoài. Để tôi đi lấy nó cho.

– Cám ơn. Cậu thật tốt.

Trong khi Dybbuk ra ngoài lấy đồ, McCreeby bước lên trên những bậc thang, ngó vào bên trong cây gậy vàng và lắc đầu khó hiểu. Gã chăm chăm nhìn nó trong giây lát rồi cầm lấy cây gậy và dịch chuyển phần đầu như hướng dẫn ở đằng sau cánh cửa. Gã lẩm bẫm:

– Thật khác thường!

Dybbuk quay lại với cái ba lô.

McCreeby nói:

– Giờ thì, nếu cậu tốt bụng, hãy chuyển cho tôi những thứ mà tôi yêu cầu.

Dybbuk mở cái ba lô ra và bắt đầu xếp những món đồ trong đó ra sàn nhà.

McCreeby nói:

– Những hạt lệ mặt trời.

Dybbuk đưa cho gã hai cái đĩa vàng và McCreeby cẩn thận nhìn chúng. Gã cho biết:

– Như cậu có thể thấy, đây không phải một cây gậy, mà là một cái ống. Và theo hướng dẫn, chúng ta cần thả cái đĩa đầu tiên vào trong ống.

McCreeby để cái đĩa lên cái miệng ống có đường kính vừa khớp. Rồi gã thả nó xuống. Trong một giây, cái đĩa đứng yên tại chỗ trước khi khớp vào miệng ống và trượt thẳng xuống chiều dài của cái ống với một tiếng thở dài của kim loại có thể nghe rõ.

Gã nói với sự ngưỡng mộ:

– Nhìn cái này xem. Sự chính xác đặc biệt của những người thợ thủ công Inca. Hoàn toàn đáng kinh ngạc nhỉ?

Dybbuk lại phát ra một âm thanh nghe như tiếng kèn fagot và trợn tròn mắt lên trên đỉnh đầu.

– Nếu ông nói vậy.

McCreeby nói:

– Tôi nói vậy. Giờ thì, cái đĩa thứ hai thả vào sau cái đĩa thứ nhất.

Gã cầm lấy cái đĩa tiếp theo và thả nó vào ống. Một lần nữa, nó nhìn như thể hoàn toàn khít với nhau. Cười khúc khích, McCreeby xoa tay nói:

– Thật kỳ diệu. Sẽ không lâu nữa đâu. Sức mạnh djinn của cậu, và sức mạnh tạo vàng của tôi. Giờ thì, vui lòng đưa tôi cây quyền trượng vàng nhìn rất tuyệt vời đó.

Dybbuk nhặt cây trượng lên. Nó khá nặng, với chiều dài chừng bốn tấc và đường kính năm centimet. Trên đỉnh trượng có tượng một vị thần Inca ngồi xồm nhỏ xíu, người đang đội một cái vương miện hình bán nguyệt nhìn như mặt trời mọc. Vị thần rất xấu xí với cằm chẻ và, bên dưới vương miện, hai cái lỗ tai to như yếm gà tây khảm đầy hạt ngọc bích và đá lapis. Thân trượng là một hình trụ hoàn hảo như thể được mài qua máy, và khi cậu đưa nó qua cho McCreeby, Dybbuk nhận thấy đường kính của nó cũng bằng đường kính của những cái đĩa. Dù nhỏ như vậy, nó cũng nặng hơn hai kí.

- Chúng ta chỉ thử cơ cấu thôi nhé?
- Cơ cấu? Cơ cấu gì?

McCreeby đón lấy cây trượng và, sau khi đã tham khảo cuốn sổ tay của gã, xoay cơ thể vị thần sang một góc chín mươi độ. Một tiếng “kịt” rõ ràng vang lên, và phần thân trượng tách ra. Gã nói:

- Cơ cấu này này.

Dybbuk thừa nhận:

- Gọn gàng lắm. Nhưng tại sao nó lại như vậy?

McCreeby cho biết:

– À, kế hoạch là chúng ta sẽ nhét cây trượng này vào ống. Tôi nghĩ rằng nó sẽ vừa khít, giống như hai cái đĩa vừa rời. Khi chúng ta quyết định đã sẵn sàng, chúng ta sẽ xoay bức tượng thần này và tách phần thân trượng ra để nó rơi xuống ống. Theo phán đoán của tôi, cái ống này chắc hẳn cao bằng ngọn núi này, có nghĩa là cho đến khi phần thân trượng chạm đáy và đung vào hai cái đĩa đó, nó sẽ đang di chuyển nhanh như một viên đạn trong nòng súng. Gần gần như vậy.

- Vậy thôi à?

– Ừ, tất cả những gì chúng ta phải làm bây giờ là gắn cái đĩa thứ ba vào chân trượng.

- Làm sao chúng ta làm được điều đó?

– Một lần nữa chỉ là phỏng đoán của tôi, nhưng tôi nghĩ cái đĩa đó là nam châm.

Dybbuk phản đối:

- Nhưng vàng ròng không thể là nam châm.

McCreeby nói:

– À không, hiển nhiên cây trượng này không phải là vàng ròng. Vàng không phải là một thứ kim loại có nhiều giá trị sử dụng trong ma thuật. Ngoại trừ khi nó là kết quả cuối cùng, dĩ nhiên. Chúng tôi thích làm ra vàng. Không phải để sử dụng nó cho một thứ khác. Nếu đây là vàng thật, chúng ta khó có thể bỏ nó xuống một cái ống thông xuống ruột trái đất. Không, tôi

nghĩ rằng cây trượng này làm bằng chì. Chì có ích hơn nhiều cho một nhà giả kim. Có rất nhiều chuyện cậu có thể làm với nó.

Dybbuk gật đầu. Tất cả những điều này nghe có vẻ hợp lý với cậu.

McCreeby nói:

– Giờ thì, vui lòng đưa cho tôi cái đĩa thứ ba. Cái đĩa nặng nhất trong ba cái đĩa.

Dybbuk chau mày hỏi:

– *Ba* cái đĩa? Nhưng chỉ có hai cái ở đây.

– Không, không. Có ba cái đĩa. Luôn luôn có ba cái đĩa. Cậu chắc hẳn phải nhớ chứ.

Gã ngừng lại khi Dybbuk bắt đầu lục lọi ba lô của gã để tìm cái đĩa thứ ba. Búng tay một cách không kiên nhẫn với Dybbuk, gã nói:

– Nhìn này, đừng đùa giỡn nữa. Trò đùa là trò đùa, nhưng chúng ta đang thực hiện một nghi lễ quan trọng và thiêng liêng ở đây. Tôi nhớ rõ thằng cháu của Nimrod đã đưa cho cậu ba cái đĩa.

Dybbuk gất lại:

– Tôi không có đùa.

Cậu bắt đầu ném hết mọi đồ đạc trong ba lô ra sàn nhà khi tuyệt vọng tìm kiếm cái đĩa mất tích. Cho đến khi cái ba lô rỗng tuếch, cậu đã nổi giận dùm dùm.

– Nó không có ở đây.

Bước xuống bậc thang, McCreeby khẳng định:

– Nó nhất định phải ở đó.

– Ông tự nhìn đi.

Dybbuk dốc ngược cái ba lô rỗng trên đầu McCreeby.

McCreeby bực tức giật cái ba lô khỏi tay Dybbuk và lục lọi tất cả các ngăn túi. Rồi gã nói:

– Nó không có ở đây.

– Tôi đã bảo rồi mà.

– Làm sao đây? Chúng ta không thể hoàn tất nghi lễ nếu không có cái đĩa thứ ba.

Suy nghĩ trong giây lát, Dybbuk hỏi:

– Chúng ta có nhất thiết cần đến cái đĩa thứ ba không? Ý tôi là, chúng ta đã thả xuống hai cái rồi. Thêm một cái nữa sẽ được gì chứ? Có thể nó chỉ là một cái đĩa dự phòng.

McCreeby nói một cách cứng ngắt:

– Thực hiện một nghi lễ đòi hỏi chúng ta tuân theo một trình tự tiến hành nhất định. Cậu không thể trộn lẫn và gán ghép những thứ cậu thích thay cho những thứ cậu không thích. Cái đĩa thứ ba có thể là thứ quan trọng nhất trong tất cả cổ vật Inca của chúng ta.

Dybbuk quay lại nhìn đoạn văn tự sau cửa như thể hy vọng tìm được chút gợi ý cho việc phải làm tiếp theo. Cậu hỏi:

– Rốt cuộc cái này nó nói gì thế?

McCreeby trả lời:

– Hầu hết là mô tả về những chuyện cần làm. Đĩa thứ hai theo sau đĩa thứ nhất, cách giải phóng thân trượng khỏi tượng thần khóa lại trên đỉnh. Đoạn cuối thì tôi thật sự không hiểu lắm. ‘*Si el fulgor de mil soles fue a reventar a la vez en el cielo, que seria como el esplendor del poder...*’ Dịch thô là “nếu ánh sáng chói lọi của một ngàn ánh mặt trời đồng thời cháy bùng trên bầu trời, nó sẽ giống ánh hào quang của đấng vĩ đại”.

Dybbuk hỏi:

– Nghĩa là gì? Một trận tắm nắng sương luôn à?

McCreeby nói:

– Tôi thì nghĩ đấng vĩ đại ở đây là Manco Capac. Nhưng nó cũng có thể là cậu, nếu chúng ta thành công với việc này. Cậu, Buck yêu quý, có thể là đấng vĩ đại. Nhưng chúng ta phải tìm được cái đĩa thứ ba, hoặc chúng ta sẽ không thể chắc chắn bất cứ điều gì.

Vỗ mạnh trán, Dybbuk nói:

– Dĩ nhiên. Cái đĩa thứ ba. Tôi cá là tôi biết nó ở đâu. Trên đoạn đường của những cái cây ma cà rồng. Chắc hẳn nó đã rớt ra khỏi ba lô khi ông ngã. Có thể nó vẫn đang nằm ở đó. Một trong chúng ta phải quay lại lấy nó.

McCreeby bảo:

– Không phải tôi. Tôi vẫn còn chưa quên được chuyện xảy ra với cái con heo heo gì đó.

Dybbuk chán nản nhấc:

– Là heo vòi.

McCreeby lắc đầu:

– Dù là gì thì nó cũng chỉ là một lon Coca cỡ bự cho mấy cái cây kinh tởm đó. Nhìn này, tôi già hơn cậu. Và rất mệt mỏi. Mất một tiếng đồng hồ để đi lại chỗ đó. Và một tiếng để quay về đây. Đó không là gì với một chàng trai trẻ như cậu, Buck. Và lại, cậu nhanh hơn tôi. Linh hoạt hơn. Điều đó có nghĩa cậu sẽ có nhiều cơ hội tránh né mấy mũi phi tiêu độc đó hơn tôi.

Dybbuk suy nghĩ trong giây lát rồi ngáp dài. Nở một nụ cười xảo trá, cậu nói:

– Tôi nghĩ ông nên đi lấy cái đĩa. Ông thấy đấy, giờ đây khi ông đã nói cho tôi biết phải làm gì, ông có hy sinh cũng đỡ phí hơn tôi. Này nhé, giả dụ có chuyện xảy ra cho tôi thì sao? Ông vẫn muốn ba điều ước, đúng không?

McCreeby hàm hừ:

– Đồ tồi chết nhất.

Cậu nhún vai:

– Hoặc có thể là sáu điều ước, như tôi đã nói mới nãy. Nhiều điều ước như ông muốn.

McCreeby nói:

– Cậu nghĩ tôi là một đứa ngốc hả? Cả hai chúng ta đều biết điều ước thứ tư từ cùng một djinn sẽ vô hiệu hóa ba điều ước trước đó.

– Được rồi, được rồi. Thôi thế này nhé. Ông đi lấy, và ngay khi có lại sức mạnh, tôi sẽ đi cứu Zadie. Nó sẽ cho ông ba điều ước, giống y như cam kết ban đầu của chúng ta trước chuyến đi này.

– Tôi nghĩ cậu nói Zadie đã chết.

Dybbuk nhe răng cười một cách gượng gạo:

– Tôi chỉ nói vậy để chúng ta không phí thời gian cố giải cứu nó.

McCreeby nói:

– Tội nghiệp Zadie.

Cậu lắc đầu bảo:

– Chẳng có gì đáng tội nghiệp cả. Nó làm chúng ta phát điên cả lên, và ông cũng biết rõ điều đó. Vả lại, rõ ràng chúng ta không có cách cắt dây trói mà không kết thúc y chang như nó.

McCreeby nở một nụ cười nhạt báng và bảo:

– Cậu thật sự là một người tàn nhẫn đấy, biết không? Tôi có thể thấy cậu đúng là con trai của cha cậu. Trên thực tế, tôi sẽ phải cẩn thận hơn với cậu, Buck ạ.

Nụ cười của Dybbuk héo rút dần trên khuôn mặt cậu rồi hoàn toàn biến mất.

– Ông biết gì về cha tôi?

McCreeby trả lời:

– Tôi biết ông ấy là ai. Và cậu là gì, con trai của Iblis. Hai djinn, không phải một. Nửa Marid, và nửa Ifrit. Jekyll và Hyde. Như một cặp sinh đôi. Thiện và Ác. Trên thực tế, tôi nghĩ cặp sinh đôi mà lời tiên đoán nói đến chính là cậu, nhóc ạ.

Dybbuk nói:

– Nếu ông đã biết về tất cả những chuyện đó, tôi tự hỏi sao ông không làm như được bảo nhỉ? Nhìn này, ông sẽ ổn thôi. Ông có thể mặc vài cái áo giáp Inca mà chúng ta đã tìm thấy ở một trong những tòa nhà bên ngoài. Thậm chí còn có cả một cái khiên cho ông mang theo.

McCreeby bảo:

– Thôi được, tôi sẽ đi. Nhưng hãy nhớ điều này: Cậu đã thề trên mạng sống của mẹ cậu rằng cậu sẽ cho tôi ba điều ước nếu giúp cậu. Và tôi đang giúp cậu. Tôi hy vọng cậu sẽ giữ lời.

Rồi gã cảnh báo thêm:

– Và nếu mẹ cậu biết được, bà ấy cũng sẽ hy vọng như vậy. Trong khi tôi đi, tôi đề nghị cậu suy nghĩ về lời hứa đó. Và việc nó có ý nghĩa gì. Với bà ấy và với cậu.



Chương 26

Đôi dép râu

Ngồi phịch xuống một bên con đường đá vàng, Philippa than thở:

– Chân em đau quá.

John bảo:

– Chân ai cũng đau.

Zadie nói:

– Chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Chúng ta đã đi bộ hàng tiếng đồng hồ rồi mà.

John gất lên:

– Chứ cậu trông đợi gì ở một chuyến thám hiểm rừng Amazon? Một chuyến đi dạo bằng xe limo có tài xế riêng chắc?

Cậu vẫn còn đang làm quen với ý nghĩ Zadie không phải cùng một người như trước.

Zadie lắc đầu và nhún vai nói:

– Xin lỗi. Tôi chỉ nói vậy thôi.

John vội bảo:

– Không, tôi mới cần xin lỗi. Tôi không nên gắt gỏng với cậu như vậy.

Cậu Nimrod lo lắng quan sát con đường phía trước. Nhưng dù sốt ruột muốn đi tiếp, cậu vẫn nhận ra những người bạn đồng hành của cậu cần được nghỉ ngơi một lát. Nên cậu nói:

– Thôi được. Chúng ta sẽ nghỉ ngơi mười lăm phút. Nhưng chỉ mười lăm phút thôi. Chúng ta không có nhiều thời gian đâu.

Ông Groanin ngồi xuống cạnh Philippa và lau mồ hôi trên chân mày với một cái khăn tay to bằng vỏ gối. Ông lầm bầm:

– Tôi không thể quyết định cái gì tệ hơn. Chân tôi hay bao tử tôi. Tôi nói, tôi còn hơn là đói bụng, thưa ngài.

Cậu Nimrod bảo:

– Tôi e là anh sẽ phải chờ thêm một lát cho bữa ăn tiếp theo. Nếu Dybbuk và McCreeby kích hoạt xong quả bom, anh sẽ không còn chú ý nổi anh có đói hay không.

Bao tử của ông Groanin bắt đầu kêu réo âm ỉ khi ông nói:

– Ngài không nghe gì à? Cả một đội quân đang diễu hành trong cái bao tử này. Và trong trường hợp ngài không nhận ra, nó đang bắt đầu nổi loạn.

Trong khi đó, Philippa gỡ đôi giày ống đi bộ cùng vợ ra và kiểm tra bàn chân cô. Thấy vậy, John đưa tay lên bịt mũi.

Philippa phản đối:

– Chân em không bốc mùi nhé.

Ông Groanin bảo:

– Chân ai cũng bốc mùi. Hầu hết là mùi phó mát.

Gỡ dây đôi giày ống của ông ra, ông bực bội trừng mắt với đôi vợ nhìn có vẻ còn nhầy mỡ hơn cả một miếng giấy gói món cá tẩm bột và khoai tây chiên.

– Tôi nói, chân ai cũng bốc mùi. Chẳng người bình thường nào lại có một cái chân không bốc mùi chút nào sau khi lội bộ một vòng. Tôi biết chân tôi có bốc mùi. Như một miếng phó mát cứng cheddar của Anh. Hoặc một ít phó mát Stilton. Hoặc có thể là một lát phó mát xanh Yorkshire. Có những lúc – ví dụ như lúc này – tôi ngửi được mùi bàn chân mình và nghĩ, phải chi

tôi có thêm một ít bánh mì và rau dầm, ít củ cải và hành lá, cùng nửa lít bia lạnh.

Nhe răng cười khi nghĩ đến việc xức luôn bàn chân mình, ông Groanin kết luận:

– Ừ, thật sự có những lúc tôi nghĩ rằng bàn chân mình có thể làm thành một bữa trưa ngon lành.

John nhăn mặt:

– Ồi, ông Groanin, chuyện đó ghê quá.

– Có lẽ ghê với cháu. Nhưng không ai mời cháu ăn chung với ta, đúng không? Ta nói, cháu không được mời tham dự bữa tiệc thịnh soạn mà ta và bàn chân của ta thực hiện.

Zadie cầm đôi giày ống của Philippa lên và ngắm nhìn nó với ánh mắt trầm trọng. Cô nhận xét:

– Giày của cậu nhìn không thoải mái bằng giày của tớ. Nhưng cỡ giày của chúng ta thì giống hệt nhau. Cậu có muốn đổi giày với tớ không?

Thò tay vào trong ba lô và lấy ra một đôi dép vàng, Philippa mỉm cười nói:

– Cậu thật tốt, Zadie. Nhưng tớ nghĩ tớ sẽ mang đôi dép này một lát. Chúng khá thoải mái. Và hơn thế, chúng không có mùi phó mát. Chúng có mùi dâu rừng.

John bảo:

– Ờ, một thay đổi dễ chịu so với mùi phó mát.

Ông Groanin lầm bầm:

– Dâu thì cũng được đó, Nhưng chúng không phải là thứ ta gọi là một bữa ăn đầy. Dâu chẳng bổ béo gì.

Zadie hỏi:

– Tớ xem chúng một chút được không?

– Dĩ nhiên được.

Philippa đưa đôi dép cho Zadie, và cô bé djinn thứ hai áp chúng vào mũi. Zadie thốt lên:

– Ôi trời, chúng có mùi thật tuyệt. Tớ nghĩ tớ chưa bao giờ gặp được một đôi dép có hương thơm như cái này.

Cậu Nimrod lơ đãng nói:

– Dâu thuộc họ thực vật *Fragaria*, lấy từ chữ *fragans* trong tiếng La tinh, dịch ra là “có mùi thơm”. Dĩ nhiên ngày nay tất cả mọi người đều ăn dâu, nhưng ở một số vùng của Nam Mỹ, người ta coi chúng như một loại trái cây có độc mãi cho đến giữa thế kỷ mười chín.

Ông Groanin nhăn mặt nói:

– Không mấy người biết điều đó. Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao.

Zadie lại hít một hơi sâu từ bên trong đôi dép và nhận xét:

– Đôi dép này cứ như một hơi thở của mùa hè ấy. Điều kỳ lạ là cậu thậm chí còn có thể nếm được vị dâu.

Rồi đưa chúng lại cho Philippa, Zadie hỏi:

– Cậu mua chúng ở đâu thế? New York? Đại lộ Fifth Avenue? Tớ cá là, một nơi nào đó rất đắt đỏ.

Mang đôi dép vào chân, Philippa cho biết:

– Thật sự thì chúng là một món quà. Khi bọn tớ ở Trung Quốc, một djinn vĩ đại tên là Hốt Tất Liệt đã tặng chúng cho tớ.

– Cái gì, Đại hãn Hốt Tất Liệt à?

Philippa nói khi đứng dậy:

– Ừ. Cậu biết không, thật kỳ lạ, nhưng giờ đây khi mang đôi dép này vào, tớ có cảm giác như mình có thể đi bộ vĩnh viễn cũng không sao.

Ông Groanin hỏi:

– Cháu có đôi nào khác không? Vì đôi chân tội nghiệp của ông đang tru tréo như bầy chó săn trong chuyến săn cáo Oakley đây này. Ta thề là, chúng cứ như thể đã cuốc bộ đến tận Tipperary và quay lại. Ta ước gì...

Cậu Nimrod nhắc:

– Đứng! Nhớ tôi nói gì không? Không ai được ước gì. Dù với bất cứ lý do nào.

Ông Groanin nói:

– Trong trường hợp ngài đã quên, tôi là người duy nhất ở đây tình cờ không phải là một djinn dở hơi. Vì vậy mà, những gì tôi ước cho tôi và bàn chân tôi hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến bất cứ ai khác.

Cậu Nimrod khẽ chau mày. Nhặt cái ba lô của cậu lên, cậu tuyên bố:

– Giờ nghỉ đã hết.

Ông Groanin lầm bầm:

– Đúng là một tay quản nô.

Và họ tiếp tục mệt nhọc lê bước về phía trước. Ngoại trừ Philippa, người cảm thấy như thể cô đang bước đi trên mây.

* * *

Sau chừng một hoặc hai tiếng đồng hồ, họ vòng qua một ngã queo nơi con đường đá vàng xuyên qua hai hàng cây lớn khúc khuỷu. Điều đầu tiên đập vào mắt họ không phải là những bông hoa màu hồng hay thậm chí là những chuyển động kỳ lạ, hung hiểm của chúng, mà là gã đàn ông mặc nguyên bộ giáp Inca đang bò lồm cồm trên mặt đất giữa chúng. Co người đằng sau một cái khiên lớn hình chữ nhật, gã nhìn như thể đang tìm kiếm một thứ gì đó.

John thốt lên:

– Đó là Virgil McCreeby.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Ừ.

Ông Groanin nhận xét:

– Gã có vẻ đang sợ một thứ gì đó.

Philippa bảo:

– Là những bông hoa. Chúng giống như ống thổi phi tiêu.

Cậu Nimrod nói:

– Thế nào gã mang giáp và khiên. Mấy cái cây đó chắc hẳn phóng phi tiêu độc.

Như thể xác nhận giả thuyết của cậu Nimrod, vài mũi phi tiêu đụng vào cái khiên Inca của McCreeby và bật ngược ra với một tiếng “coong” kim khí, như tiếng mưa rơi trên một mái tôn múi. McCreeby hét lên một tiếng nhát cây. Rồi hú lên sung sướng khi những ngón tay mập ú của gã chạm được vào thứ mà gã rõ ràng đang tìm kiếm. Một cái đĩa vàng.

Lập tức nhận ra đó là gì, Zadie nói:

– Đó là một trong những hạt lệ mặt trời. Cháu đã trộm chúng khỏi bảo tàng Peabody ở New Haven.

Philippa đoán:

– Chắc hẳn lần trước đi qua đây họ đã làm rớt một cái.

Cậu Nimrod đồng ý:

– Nhiều khả năng là họ đã làm rớt nó khi chạy trốn khỏi những cái cây này.

Philippa thêm vào:

– Và giờ đây gã phải quay lại tìm nó.

Cậu Nimrod nói:

– Vậy là chúng ta vẫn chưa trễ. Họ vẫn chưa hoàn tất nghi lễ đó.

Vẫn reo hò hớn hở, McCreeby, giờ đây đã nắm chặt cái đĩa vàng trong tay, đẩy người đứng dậy khỏi mặt đất và lùi về một vị trí an toàn ở phía bên kia của những cái cây ma cà rồng và cách những người truy đuổi gã chừng ba mươi thước Anh. Gã vừa định chạy đi ngay lúc cậu Nimrod hét lớn gọi gã:

– McCreeby, chờ một chút, làm ơn.

McCreeby quay lại nhìn. Trông thấy cậu Nimrod, gã vẫy vẫy tay về phía trước và nói:

– Sao anh không qua đây nói chuyện nhỉ?

Cậu Nimrod bảo:

– Tôi nghĩ là không. Chúng tôi giờ chỉ đứng ở đây thôi. Cho đến khi chúng tôi tìm được cách đi qua những cái cây độc này.

McCreeby cười lớn:

– Tôi e là chúng không chỉ là có độc. Chúng hút máu. Nhưng tôi vẫn muốn sưu tập một cây. Nếu mang chúng đến Hội chợ Hoa Chelsea sẽ có nhiều chuyện thú vị để xem lắm đây. Và tôi nghĩ tôi cần nhiều hơn là những ngón tay xanh^[15] để nuôi trồng chúng. Anh không nghĩ vậy không?

Một trong những cây ma cà rồng ở gần McCreeby lại phun một mũi phi tiêu xém trúng cái khiên của gã.

McCreeby nói:

– Thấy tôi muốn nói gì chưa? Ờ, có lẽ mấy người có thể kiếm giáp mặc. Nhưng cũng có thể không. Anh biết gì không, tôi đang thắc mắc tại sao anh không ước một cái để xóa sổ chúng hoặc tôi cho xong.

Nói rồi gã ngước mặt lên trời như thể tìm kiếm một sự tấn công djinn nào đó sắp từ trên cao bổ xuống.

Cậu Nimrod gạt gã:

– Tôi muốn cho ông một cơ hội trước đó. Để cải tà quy chính.

– Khá lịch sự nhỉ, ông bạn cũ. Nhân tiện nói luôn, thật nhẹ nhõm khi thấy cô vẫn an toàn, Zadie. Tôi hy vọng cô không có oán niệm gì. Rõ ràng việc bỏ lại cô không phải là ý của tôi.

Zadie nói:

– Không có oán niệm gì đâu, Virgil.

Cậu Nimrod tiếp tục:

– Đây là cơ hội cuối cùng của anh, Virgil McCreeby. Bỏ cái đĩa xuống và đầu hàng đi. Hoặc tôi sẽ biến anh thành con cóc mà tôi đã nhắc tới trong lần cuối chúng ta nói chuyện với nhau.

Nhưng McCreeby lắc đầu nói:

– Tôi e là tôi không bị anh đánh lừa đâu, Nimrod. Nếu anh giờ vẫn chưa đặt lời nguyền hóa cóc đó lên tôi hoặc mấy cái cây ma cà rồng này, chắc hẳn

phải có một lý do hay ho nào đó. Khả năng lớn là anh không thể. Chờ chút – đúng rồi. Giờ thì tôi đã hiểu mọi chuyện. Zadie đã ước có một cái máy bay và chúng tôi rút cuộc kẹt với một cái tàu ngầm. Không thành công cho lắm. Chính vì thế, đúng không? Có một điều gì đó về việc đi xuyên qua Mắt Rừng. Một điều gì đó khiến anh không dám sử dụng sức mạnh của mình.

Rồi gã cười khúc khích:

– Ôi trời, mấy người thật xui xẻo đấy.

Cậu Nimrod nói:

– Nghe tôi nói đi, McCreeby. Chỉ một giây thôi, làm ơn.

McCreeby hỏi với giọng chế nhạo:

– Một vấn đề sống còn à?

– Không, còn nghiêm trọng hơn thế. Làm ơn nghe tôi nói đi.

– Sao thế, không tiếp tục đe dọa biến tôi thành cóc nữa à? Anh biết đó, Nimrod, việc đó thật không lịch sự. Không lịch sự chút nào.

– Nghe tôi nói đi, McCreeby. Có lẽ anh không nhận ra, nhưng cả khu vực này là một khối uranium khổng lồ. Thấy những viên đá vàng mà anh đang đứng phía trên không? Chúng cũng là uranium. Đó là sức mạnh mà anh định gọi lên với nghi lễ *kutumunkichu*. Sức mạnh nguyên tử. Cả ngọn núi này là một lò phản ứng hạt nhân tự nhiên với một chuỗi phản ứng dây chuyền liên tục diễn ra trong suốt vài thế kỷ qua. Tôi tin rằng ba hạt lệ mặt trời đó làm từ polonium, lithium, và thép. Cây trượng Inca mà anh đã trộm cũng làm từ uranium. Thậm chí còn nguyên chất hơn cả thứ mà chúng ta đang đứng phía trên.

McCreeby tiếp tục cười khúc khích:

– Đừng ngừng lại. Tôi đang thưởng thức nó đây. Một câu chuyện rất thú vị đó.

– Tôi đoán là sẽ có một dạng thùng hoặc ống dẫn nào đó mà anh dùng để bỏ hai cái đĩa đó vào. Về phần cái đĩa thứ ba, anh có lẽ sẽ gắn nó vào cây trượng Inca đó, rồi sẽ phóng chúng xuống ống dẫn. Thẳng vào trung tâm của ngọn núi uranium này.

McCreeby nói:

– Thật sáng tạo. Tôi bị ấn tượng rồi đây. Anh không chỉ là một djinn mạnh mẽ đâu; anh là một djinn mạnh mẽ với một trí tưởng tượng phong phú đó.

Zadie khuyên:

– Làm ơn nghe chú ấy nói đi, Virgil. Đó là sự thật đấy.

Cậu Nimrod nói tiếp:

– Khi cây trượng đâm vào khối uranium khổng lồ đó, cả ngọn núi sẽ lên đến đỉnh nguy hiểm. Những phân tử uranium sẽ trở nên kích động đến mức chúng bắt đầu sôi sục.

– Và chúng sẽ nổ tung, đúng không?

– Không hẳn. Đó là lúc những hạt lệ mặt trời phát tác. Nếu chỉ có mình nó, cả ngọn núi này sẽ bị nhiễm phóng xạ nghiêm trọng, nhưng sẽ không có vụ nổ nguyên tử nào. Để điều đó xảy ra, anh cần ba cái đĩa. Nhìn này, McCreeby, tôi không phải một kỹ sư hạt nhân. Khi để tách ra, tất cả những thứ đó hoàn toàn vô hại, nhưng một khi anh ghép chúng lại với nhau, sẽ có một vụ nổ big bang đúng nghĩa. Tôi nghĩ rằng chính những hạt lệ mặt trời sẽ kích hoạt một phản ứng dây chuyền và khiến cho khối uranium khổng lồ – nghĩa là cả ngọn núi này – nổ tung thành từng mảnh. Và không chỉ ngọn núi này. Cả đất nước này. Cả bán cầu này. Anh đang nói về một vụ nổ lớn gấp triệu lần vụ nổ bom nguyên tử đầu tiên.

–Ồ, thật vớ vẩn. Anh thật sự đang nói với tôi là người Inca biết bí mật của năng lượng nguyên tử hả, Nimrod? Anh cho tôi là một đứa ngốc à, bạn cũ?

– Manco Capac là một djinn quyền năng vĩ đại. Ngay cả anh cũng biết đó là sự thật mà, McCreeby. Trong lịch sử đã có vài djinn nắm được bí mật về sự phân hạch hạt nhân cả trăm năm trước khi con người biết được nó. Và cái ý tưởng thực hiện nghi lễ *kutumunkichu* giống như Manco? Đó chỉ là Ti Cosi muốn trả thù những kẻ chinh phục Nam Mỹ. Để mang đến *Pachacuti*. Sự hủy diệt vĩ đại. Tất cả chỉ là như vậy. Anh không phải đang thực hiện một nghi lễ để biết được cách tạo vàng, McCreeby, hay để giúp Dybbuk hồi

phục sức mạnh djinn của cậu ấy. Anh đang xây dựng một vũ khí nguyên tử hủy diệt thế giới.

– Tôi không thấy chuyện này liên quan gì đến thế giới thật cả. Chúng ta đang ở một chiều không gian khác, không phải sao?

– Ngoài việc xuyên qua Mắt Rừng, vẫn còn một cách khác để đến đây. Thế giới này và thế giới của chúng ta kết nối với nhau. Và điều đó có nghĩa cả hai thế giới đều gặp nguy cơ hủy diệt như nhau.

McCreeby làm điệu bộ nhìn đồng hồ đeo tay của gã và nói:

– Nimrod? Tôi có thể nói gì đây? Đó là một câu chuyện rất thú vị. Thật đấy. Và tôi cũng muốn ở đây tán chuyện thêm với anh lắm. Nhưng tôi phải đi rồi. Dybbuk đang chờ tôi mang cái đĩa thứ ba về.

Rồi gã quay lưng lại bước đi.

Khi họ đứng nhìn McCreeby bắt đầu hì hục leo ngược lên đồi về phía thành phố mất tích Paititi, cậu Nimrod nói:

– Chúng ta nhất quyết phải ngăn họ hoàn tất nghi lễ đó.

Ông Groanin hỏi:

– Nhưng bằng cách nào? Chúng ta không thể vượt qua mấy cây tỏi rừng khủng khiếp đó. Và cậu đã nói không ai được sử dụng sức mạnh djinn vì sợ nó có kết quả xấu.

Rồi ông lắc đầu bảo:

– Đó là điều tôi bức nhất về djinn các người. Có vẻ như cứ khi nào các người cần đến sức mạnh của mình nhất, nó lại mất tích. Tôi không thể nhớ nổi đã bao nhiêu lần chuyện như thế xảy ra.

Cậu Nimrod gắt:

– Anh im lặng giùm đi, Groanin.

– Vâng, thưa ngài.

– Tôi sẽ phải liêu thôi. Để xem, nếu tôi muốn có một tách cà phê, tôi sẽ ước có cái gì?

Ông Groanin gợi ý:

– Một tách trà?

– QWERTYUIOP!

Một xô bùn xuất hiện trên con đường trước mặt họ.

Nhún một ngón tay vào bùn và liếm thử, ông Groanin cho biết:

– Ờ thì, nó có bỏ hai viên đường, giống như cách cậu hay uống cà phê, thưa ngài.

John bảo:

– Cháu không thấy việc này có ích gì cả.

Cậu Nimrod bực bội nói:

– Đó là một thí nghiệm. Về điều ước trái ngược. Cậu đã ước có một tách trà với hy vọng cuối cùng có được một tách cà phê.

John nhận xét:

– Ờ, có vẻ nó không thành công.

Philippa hỏi:

– Vậy nếu cậu muốn một con mèo, cậu sẽ ước có một con chó hay một con chuột?

Cậu Nimrod bảo:

– Cháu thấy rõ vấn đề rồi đó.

Philippa ném cho John một nụ cười chế giễu như thể muốn nhấn mạnh việc cô hiểu được một việc mà ông anh trai sinh đôi của cô không hiểu.

– Khó khăn ở đây là việc làm cách nào đặt thứ mà cháu không muốn lên ngay mặt trước suy nghĩ của cháu, nếu thứ mà cháu muốn nằm đâu đó ở mặt sau.

Ông Groanin lầm bầm:

– Giải bài toán đi. Nếu cậu có thể.

Philippa thắc mắc:

– Nhưng cậu đã làm rất tốt với quân cờ hậu đen đó mà.

Cậu Nimrod cho biết:

– Đó chỉ là một điều ước trái ngược dễ dàng. Trên một khía cạnh nào đó, từ “đen” vốn đã nằm trong từ “trắng”. Đặc biệt là trong một ván cờ. Trên thực tế, một quân cờ trở nên trắng hơn nếu nó tồn tại trong mối quan hệ với một quân cờ khác màu đen.

Giơ tay lên cao và vỗ mạnh xuống cái đầu trọc của ông với một cú tát lớn đầy bực bội, ông Groanin nói:

– Đến khi cậu giải quyết xong tất cả vấn đề ngôn ngữ học đó thì Virgil McCreeby đã biến mất. Và chúng ta cũng sẽ như vậy nếu gã có cơ hội sử dụng cái đĩa thứ ba đó.

Philippa giậm mạnh cái gót giày vàng của cô lên con đường đá vàng và một hương dâu thơm ngát lan tỏa trong bầu không khí miền núi.

– Ôi, chuyện này làm cháu tức điên lên mất.

Cô nói, và cảm nhận được một vị dâu đậm đặc nhưng dễ chịu trong miệng, một việc mà cô cảm thấy rất kỳ lạ. Cô lại giậm gót lần nữa, chỉ có điều lần này có mùi vị và cảm giác thật sự rất kỳ lạ, đặc biệt là dưới gót chân cô, vì khi cô nhìn xuống đôi dép vàng của mình, cô nhìn thấy chúng không còn nằm trên con đường đá vàng nữa, mà trên cơ thể bẹp dí của Virgil McCreeby, người đang nằm úp sấp và rên rỉ trên mặt đất như một tiền vệ bị cản ngã trong một trận bóng bầu dục.

Trong khi đó cái đĩa vàng vốn nằm trong bàn tay mập mạp của McCreeby hiện đang lăn ngược về chỗ cậu Nimrod và những người khác đang đứng; chỗ mà chưa đầy năm giây trước cô vẫn đang đứng ở đó.

Philippa giờ đây đã ngạc nhiên đến mức tạm thời quên sạch cách nói tiếng Anh, lẩm bẩm:

– Kỳ quá lạ, kỳ quá lạ.

Cậu Nimrod nhặt cái đĩa lên và bỏ nó vào túi áo.

Philippa đưa mắt nhìn cậu của cô. Khi trông thấy ánh mắt của cậu, cô giơ tay lên trời xua xua, như thể muốn nói, “cháu thật sự hoàn toàn không có lời giải thích nào cho việc tại sao cháu lại ở tuốt đấng này, khi mà chỉ vài giây trước cháu còn ở đó với cậu”.

Lo lắng, cậu Nimrod bắt đầu bước về phía cô cháu gái cho đến khi một trong những cái cây ma cà rồng chuyển bông hoa màu hồng của nó về phía cậu, khiến cậu khôn ngoan nghĩ lại về chuyện đó ngay khi một mũi phi tiêu độc bay vụt qua không khí.

Nó rớt xuống ở một vị trí cách cậu khá xa, nhưng ý định của nó đã đủ rõ ràng. Họ vẫn không có cách nào vượt qua những cái cây ma cà rồng. Ít nhất là, những cách nào mà cậu hoặc Philippa có thể giải thích.

– Sao cháu ghét những bông hoa quái vật này quá!

Philippa giậm mạnh gót chân trên lưng Virgil McCreeby và một lần nữa, một hương dâu ngọt ngào tràn ngập trong không khí và miệng cô.

McCreeby ré lên:

– Ối đau!

Lần này cô vẫn ở nguyên tại chỗ. Thứ chuyển chỗ là những bông hoa ma cà rồng. Hay nói chính xác hơn, chúng biến mất. Tất cả. Một giây trước chúng còn ở đó, và giây tiếp theo lại không còn. Đơn giản và ngay tức khắc như vậy.

Nhìn có phần ngạc nhiên trước bước ngoặt sự kiện may mắn này, cậu Nimrod và những người khác từ từ đi về phía cô.

John hỏi Philippa:

– Ơ, chuyện gì vừa xảy ra vậy?

Philippa nói:

– Em cũng không biết. Tất cả những gì em biết là em không ước gì. Em chưa bao giờ nói từ trọng tâm của mình. Vậy mà không hiểu sao, mỗi lần em nghĩ đến chuyện gì, nó lại thực sự xảy ra.

McCreeby rên rỉ:

– Xuống đi. Tôi không thờ được.

Philippa đưa mắt nhìn xuống chân và nhận ra cô vẫn đang đứng trên gã thầy pháp người Anh. Và một hương dâu nồng đậm vẫn thoang thoảng trong không khí.

Zadie hỏi:

– Mùi hương gì thế?

Bước khỏi cái lưng mặc giáp của McCreeby, Philippa trả lời:

– Hương dâu. Không hiểu sao việc tó giậm chân làm hương dâu tỏa ra từ đôi dép vàng của tó trở nên nồng đậm hơn.

Quỳ xuống cạnh chân Philippa và sấm soi kỹ đôi dép, cậu Nimrod nói:

– Cậu không nghĩ đó là tất cả những gì chúng làm. Cậu nghĩ Hốt Tất Liệt đã tặng cho cháu một đôi dép *gestalt*.

Ông Groanin hỏi lại:

– Ghét ghét gì cơ?

Cậu Nimrod cho biết:

– *Gestalt*. Tôi đã nghe nói về chúng, nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ chúng thật sự tồn tại. Tôi chắc chắn người Trung Quốc đã gọi chúng bằng một cái tên khác, nhưng *gestalt* là tên gọi hiện nay của chúng. Tương truyền rằng khi một djinn mang chúng, cả tổng thể trở nên vĩ đại hơn tập hợp các bộ phận. Khát khao thật sự của một djinn sẽ tự động xuất hiện mà không cần đến tiến trình ước. Anh chỉ cần suy nghĩ thật mạnh về một điều gì đó, và suy nghĩ đó sẽ lập tức xuất hiện như một hiện thực tuyệt đối. Mệnh lệnh suy nghĩ của anh mạnh hơn hiện thực vật chất. Đôi dép này hẳn là rất mạnh đây.

Philippa lẩm bẩm:

– Thế mà cháu cứ nghĩ chúng chỉ là một đôi dép khá thoải mái.

John khuyên:

– Nếu chúng mạnh như vậy, có lẽ tốt nhất em nên lập tức cởi chúng ra. Ít nhất là cho đến khi em biết cách kiểm soát chúng tốt hơn.

Philippa nói:

– Có thể anh nói đúng. Nhưng còn Dybbuk thì sao? Chúng ta – em không nên lập tức đi ngăn cản cậu ấy sao?

Cậu Nimrod bảo:

– Không sao đâu. Không có cái đĩa thứ ba, nó không thể tạo nên một vụ nổ nguyên tử được đâu.

McCreeby ngồi dậy và xoa vai đau đớn, hỏi:

– Ý anh là, tất cả những chuyện về bom nguyên tử đó là sự thật hả?

Cậu Nimrod nói:

– Đương nhiên. Ti Cosi đã thật sự có ý định mang đến sự hủy diệt cho những kẻ xâm lược. Giống y như Manco Capac đã hứa.

John nhận xét:

– Thật lạ là chúng ta chưa bao giờ gặp lại Manco.

McCreeby nói:

– Ờ, tôi thì chưa bao giờ.

Rồi cười khùng khục, gã bảo:

– Tôi sẽ nói “Ồ! Thế nào có cây nấm”. Trên cánh cửa dẫn vào phòng hành lễ ở Paititi có khắc hình một cây nấm. Tôi hiển nhiên đã nghĩ đó là một cây nấm thiêng. *Teonanactl*, hay “thịt của các vị thần”. Tôi nói, anh không thật sự nghĩ tôi đã lắp ráp một quả bom hạt nhân đấy chứ?

Cậu Nimrod nói:

– Tôi nghĩ như vậy. Cái thứ khắc trên cánh cửa phòng hành lễ đó không phải một cây nấm, mà là một đám mây hình nấm. Thứ mà ông trông thấy ở một vụ nổ hạt nhân.

McCreeby huýt sáo:

– Và tôi đã ở đây, vô tình xếp đặt sự hủy diệt của chính tôi.

Cậu Nimrod bảo:

– Nếu đó chỉ là sự hủy diệt của chính anh, McCreeby, thì chẳng có gì đáng bận tâm. Nhưng vì nó liên quan đến sự hủy diệt của phần lớn cái bán cầu này, chúng tôi buộc phải làm gì đó với nó.

Tát vào sau đầu gã thầy pháp, ông Groanin nói:

– Vấn đề của ông, Virgil McCreeby, là ông đánh giá mọi người dựa trên tiêu chuẩn thấp kém đáng khinh của ông. Đồ khốn khiếp! Nếu có chuyện gì xảy ra với cha của John và Philippa, tôi sẽ cho ông một trận nên thân.

McCreeby vội bảo:

–Ồ. Vâng. Nhìn này. Hãy để tôi lập tức gọi cho môn đồ của tôi. Tất cả những gì tôi cần là một cái điện thoại vệ tinh. Tôi đã để điện thoại của tôi ở Paititi.

Philippa giậm chân và đưa cho gã một cái điện thoại. Sợ hãi vì đã bắt đầu nhận ra sức mạnh của Philippa khủng khiếp như thế nào, McCreeby đón lấy cái điện thoại và đánh vào một chuỗi số. Gã hỏi:

– Ờ, giờ ở New York là mấy giờ thế?

John nói:

– Lạ thật, đồng hồ của cháu ngừng chạy rồi.

Ông Groanin gật đầu:

– Đồng hồ của ta cũng vậy.

McCreeby bảo:

– Ờ, cái điện thoại này không hoạt động.

Cậu Nimrod liếc nhìn cái điện thoại và lắc đầu.

Philippa đoán:

– Có lẽ là ảnh hưởng của đôi dép *gestalt*.

Cậu Nimrod nói:

– Có lẽ vậy.

McCreeby dò hỏi:

– Nhìn này, chỉ là một suy nghĩ thôi, nhưng cậu Dybbuk trẻ không phải là người chúng ta có thể gọi là một người bình tĩnh, đúng không? Trên thực tế, tôi sẽ nói Dybbuk là một người có phần bốc đồng và bướng bỉnh. Chưa kể đến khá là ương ngạnh.

Ông Groanin lầm bầm:

– Chính xác là nó.

– Lý do tôi nhắc đến việc này là: Trước khi tôi rời Paititi để quay lại đây tìm cái đĩa thứ ba, Buck đã hỏi tôi liệu chúng tôi có thể hoàn tất nghi lễ *kutumunkichu* mà không cần đến cái đĩa thứ ba không. Hiển nhiên tôi đã nói là không thể. Cám ơn trời là tôi đã ngăn cậu ấy lại, nhỉ? Dĩ nhiên đó không

phải là câu trả lời mà cậu ấy muốn nghe. Trên thực tế, cậu ấy đã thật sự rất bức tức về chuyện đó.

Cậu Nimrod hỏi:

– Ông đã chỉ cho nó cách thực hiện nghi lễ hả?

McCreeby trả lời:

– Chi tiết về cách hoàn tất nghi lễ được ghi trên một đoạn văn tự trong tòa nhà chính. Tôi không thật sự cho cậu ấy thấy những gì cậu ấy không thể tự đọc. Nhưng giờ tôi bỗng nghĩ đến việc cần biết rõ chuyện gì có thể xảy ra nếu cậu ấy bỏ qua cái đĩa thứ ba và thả cây trượng uranium đó xuống khối uranium dưới đáy ống, sau hai hạt lệ mặt trời đầu tiên.

Cậu Nimrod cho biết:

– Chất uranium trong đá sẽ bắt đầu sôi sục. Sẽ không có vụ nổ nào, mà chỉ có một sự nhiễm xạ rộng.

McCreeby nhăn mặt bảo:

– A, anh không nghĩ nó giải thích chuyện tại sao cái điện thoại không hoạt động sao? Và tại sao đồng hồ của mấy người ngừng chạy?

Cậu Nimrod thốt lên:

– Đèn ời, ông nói đúng. Bức xạ điện từ. Phải chi chúng ta có một cái máy đo Geiger ở đây.

John hỏi:

– Ý cậu là một cái máy đo độ phóng xạ?

Philippa nói:

– Ý cậu là, một cái như thế này?

Rồi cô giậm chân và đưa cho cậu Nimrod một cái hộp điện tử màu nâu với một bảng số đo và một cái ống màu hồng to bằng một cái còi dụ vịt của thợ săn.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Đúng nó. Một cái máy đo Geiger.

Nhận lấy cái máy từ Philippa, cậu bật nó lên và giờ cái ống lên trên không khí. Cây kim trên bảng số đo di chuyển từ đầu này sang đầu kia của cái máy khi cái ống trong tay cậu Nimrod ghi nhận mức độ phóng xạ dưới lòng đất. Cậu Nimrod lắc đầu và gần như cắt đứt môi.

Cậu lằm bằm:

– Thăng ngốc. Thăng bé ngu ngốc.

McCreeby hỏi:

– Ý anh là, cậu ấy đã làm việc đó?

Đứng bật dậy, gã thầy pháp choàng tay ôm lấy người và đưa mắt nhìn quanh với sự lo lắng ngày càng nghiêm trọng. Gã lằm bằm:

– Ôi Chúa ơi, tôi đã làm gì thế này?

Cậu Nimrod nói:

– Chắc hẳn nó đã tiến hành nốt nghi lễ mà không cần đến cái đĩa polonium. Cả khu vực này đã là một cơn bão phóng xạ. Chúng ta phải rời khỏi đây lập tức. Nhanh hơn nếu có thể.

McCreeby rên rỉ:

– Ối ối.

Hăng giọng, Groanin hỏi:

– Để tôi làm rõ nhé. Cậu đang nói với tôi là sau khi lộ bộ cả mấy ngàn dặm đường để tìm được nó – đó là chưa kể đến việc vật lộn với những kẻ săn đầu người, con rết khổng lồ cùng vô số thứ khác – chúng ta rốt cuộc vẫn không được nhìn thấy thành phố mất tích Paititi?

Cậu Nimrod nói:

– Tôi e là không, bạn già ạ. Phóng xạ là một thứ khó chơi. Anh không thể trông thấy nó. Nhưng nó tuyệt đối chết người. Có thể là đã quá trễ cho chúng ta.

John hỏi:

– Nhưng còn Buck? Chúng ta không thể bỏ cậu ấy lại Paititi được. Chúng ta phải đi cứu cậu ấy. Chúng ta phải mang cậu ấy về nhà.

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Cậu e là không thể. Chúng ta phải lập tức rời đi. Ngay bây giờ hoặc không bao giờ. Cậu xin lỗi, nhưng nhiều khả năng Buck đã nằm ngoài khả năng cứu giúp của chúng ta. Thậm chí có thể là đã quá trễ cho cả chúng ta.

Giậm mạnh gót giày vàng hương dâu của cô trên mặt đất, Philippa thốt lên:

– Không. Không, không, không.

Giọng cô nghe có vẻ kỳ lạ bên trong cái boong-ke hạt nhân bằng bê tông viền chì mà ý chí của cô và đôi dép gestalt đã tạo ra chỉ trong tích tắc. Đã từng có một chủ đề về Chiến Tranh Lạnh ở trường học và cô đã trông thấy hình chụp những boong-ke hạt nhân của thời đó, và Philippa nghĩ cái boong-ke này chính xác đến từng chi tiết. Ngoại trừ màu sắc, dĩ nhiên. Cô biết chắc chúng sẽ không bao giờ có màu dâu, nhưng vì một lý do nào đó, cô có hình ảnh trái dâu trong đầu. Ít nhất nó hợp với bộ áo chống phóng xạ bán trong suốt với họa tiết là vô số trái dâu mà tất cả mọi người, kể cả cô, hiện đang mặc. Đó là chưa kể đến vài cái tô đựng dâu mà cô đã chu đáo chuẩn bị phòng trường hợp có ai bị đói. Và những tấm rèm dâu trên khung cửa sổ bằng kính viền chì.

Cô nói:

– Anh John nói đúng. Chúng ta không thể bỏ cậu ấy lại. Mọi người bình tĩnh chờ một lát được không? Cháu chỉ đi một lát thôi. Cháu nghĩ là, tất cả mọi người sẽ an toàn ở trong này. Có một phòng khử nhiễm, máy lọc không khí đang hoạt động ở đây, và sau cánh cửa này có một phòng khách rất ấm cúng với ti vi cùng một thư viện. Và một tủ lạnh. Cháu e là phần lớn tủ lạnh chỉ chứa dâu thôi, ông Groanin.

John phàn nàn qua cái mũ nhựa ánh dâu của cậu:

– Nhưng tại sao luôn là màu hồng? Tất cả mọi thứ em làm ấy. Chúng luôn có màu hồng. Em biết anh nghĩ gì về màu hồng mà, Philippa. Anh không thể có một bộ đồ màu vàng sao? Hay màu xanh cũng được.

Philippa khăng khăng:

– Đây không phải là màu hồng. Nó là màu dâu.

Rồi lắc đầu một cách sốt ruột, cô nói:

– Và em không có thời gian cho chuyện này. Em cần phải đi tìm Dybbuk.

Philippa đưa mắt nhìn cậu của cô, cậu Nimrod đang gật đầu và trùi mền ôm lấy cô, ôm chặt như bộ đồ kín mít được thông gió của họ cho phép.

Cậu Nimrod dặn:

– Nhớ cẩn thận nhé.



Chương 27

Nhân cách tách rời

Trong khi chờ đợi McCreeby quay lại với cái đĩa thứ ba, Dybbuk tự giải trí bằng cách mặc thử những bộ quần áo Inca mà họ đã tìm thấy ở Paititi và chiến đấu với một kẻ thù tưởng tượng với một cây rìu chiến. Bản thân cây rìu không sắc lắm, cậu nghĩ thầm. Không có cây rìu hay trường thương Inca nào thật sự sắc bén, và Dybbuk nghĩ cậu đã biết lý do tại sao lính Tây Ban Nha có thể dễ dàng chinh phục Nam Mỹ như vậy. Vũ khí của người Inca toàn là đồ phế liệu.

Món vũ khí duy nhất mà cậu thích là một cây chùy với tay cầm bằng gỗ và một trái banh đồng ở đầu với tám đinh nhọn thò ra. Nó nhìn thô sơ đến buồn cười, nhưng vẫn đủ hữu hiệu để đập sừng đầu ai đó. Nhưng cậu ngờ rằng kể cả loại chùy này cũng không thể xuyên thủng lớp áo giáp của lính Tây Ban Nha.

Thế nào mà Ti Cosi phải tìm kiếm một loại vũ khí khác để hủy diệt những kẻ xâm lược.

Khi đã chán cây chùy, Dybbuk thử sức một cái ná bắn đá và đã có mười lăm phút vui vẻ bắn những viên đá to bằng trái trứng vào đầu một người nhìn giống một vị thần hoặc một vị vua được khắc trên tường. Khá giỏi với

trò đó, chẳng bao lâu bản tính phá phách của một thằng con trai trong cậu đã hoàn toàn xóa sổ khuôn mặt trên bức hình khắc cổ đại.

Đưa mắt nhìn quanh tìm kiếm một thứ khác để phá, Dybbuk bắt gặp một cây cung và đã có một khoảng thời gian vui vẻ với việc bắn tên vào một cái khiên và một miếng giáp che ngực bằng đồng giống như cái mà McCreeby đã mặc để tự bảo vệ trước những cái cây ma cà rồng. Và cậu nhanh chóng nhận ra không cái nào bảo vệ an toàn trước một mũi tên.

Cậu tự hỏi, thế thì chúng sẽ trụ được đến đâu trước một mũi phi tiêu độc?

Để trả lời câu hỏi đó, Dybbuk quay lại tòa nhà mái vòm để kiểm tra cái ba lô của McCreeby – cái đã bị một mũi phi tiêu của cây ma cà rồng đâm vào. Và cậu đã khá ngạc nhiên khi phát hiện mũi phi tiêu độc có vẻ đã đâm thủng lớp vải lót ni lông Cordura vốn rất bền chắc cùng những thứ đồ bên trong ba lô – bao gồm cái hộp thiếc đựng sợi thuốc lá của McCreeby – vào sâu đến vài tấc. Khám phá cuối cùng ấy – cái lỗ trên hộp thiếc – đã thuyết phục Dybbuk rằng cậu không cần phí công chờ McCreeby quay về nữa.

Cậu nói lớn, vì sự im lặng và tịch mịch khôn cùng của Paititi đang dần đè nặng trên vai cậu:

– Tội nghiệp ông bạn McCreeby! Ôi, mấy mũi phi tiêu đó có vẻ sắc và cứng hơn chúng ta tưởng.

Tuy nhiên Dybbuk đã lầm trong giả định đó. Thủ phạm tạo ra cái lỗ trên hộp thuốc lá của Virgil McCreeby không phải mũi phi tiêu độc của cây ma cà rồng, mà là con dao Swiss Army của gã thầy pháp người Anh, khi gã té xuống đất.

Dybbuk sốt ruột nhìn cái đồng hồ đeo tay bằng vàng đắt tiền của cậu – đó là thứ duy nhất cậu không bán đi sau vụ Jonathan Tarot – và tự nhủ với bản thân rằng McCreeby đã trễ giờ quay lại.

– Cái gã ngốc mập ú lười biếng đó, đáng lẽ giờ này gã phải quay về rồi mới đúng.

Dybbuk cũng đã nhầm lẫn về điều này. Mất một tiếng đồng hồ để đi bộ từ đây cho đến chỗ của những cây ma cà rồng, và một tiếng nữa để quay lại. McCreeby chỉ mới đi chưa đầy chín mươi phút.

Cậu gượng cười:

– Gã chắc là toi rồi. Tội nghiệp ông bạn McCreeby. Mà khoan. Tội nghiệp mình mới đúng. Có vẻ như giờ mình phải tự lực cánh sinh rồi.

Dybbuk đến ngồi xếp bằng trước bức hình khắc mà vài phút trước cậu đã sử dụng làm mục tiêu tập bắn đá. Ở đó, cậu bỏ vài phút cân nhắc khả năng tự mình quay lại kiểm cái đĩa vàng, rồi sau đó lại tự liệt kê ra vô số lý do tại sao cậu nghĩ đó không phải là một ý kiến tốt.

Cậu nói:

– Đầu tiên là việc đó rõ ràng rất nguy hiểm. Nếu McCreeby đã toi mạng thì mình cũng có thể bị giết chết. Cái lũ cây đó không nên bị khiêu khích. Mấy cái phi tiêu chết người chứ chả chơi. Thứ hai là, có khả năng nếu McCreeby chưa chết mà chỉ bị thương, mình sẽ phải giúp gã, và đó là một chuyện khó khăn vì gã quá mập để khiêng đi, và mình cũng không biết cách dùng mấy cái thứ thuốc men trong ba lô của gã. Đó là hai lý do khá hợp lý.

Những đám mây bay qua đỉnh núi nơi Paititi tọa lạc, tạo nên những cái bóng kỳ lạ dập dờn trên mặt đất cổ đại. Một con kền kền khoang cổ đánh vòng trên không trung gần mặt trời. Ngoại trừ việc Dybbuk nghĩ nó là một con kền kền có thể đang chờ nhâm nhi xác chết của cậu. Cậu rùng mình.

– Lý do thứ ba là nơi này có phần hơi lạnh và rợn da gà, và mình không thích ở trên này một mình, vì thế mình nên hoàn tất nghi lễ rồi rời khỏi đây càng sớm càng tốt. Mình nghĩ sự im lặng đang bắt đầu ăn mòn đầu óc mình. Mình chắc chắn ghét phải ở đây vào buổi tối.

Cậu ném một viên đá khác vào bức hình khắc và nói:

– Tôi không nghĩ làm sao ông có thể chịu đựng được điều đó đấy, ông bạn.

Rồi cậu liệt kê tiếp:

– Thứ tư là về cơ bản, McCreeby là một kẻ kén cá chọn canh và luôn thích làm việc chính xác theo sách vở, cho dù có rất nhiều lúc, trong phần lớn các trường hợp, chúng ta có thể cắt bỏ vài công đoạn. Rõ ràng kinh nghiệm của chính bản thân mình là thế. Nói thẳng ra, gã là một kẻ có phần

nhàm chán như vậy, và chỉ vì gã nghĩ chúng ta không thể làm mà không có cái đĩa thứ ba, cũng không có nghĩa sự thật bắt buộc phải như vậy. Nếu cái nghi lễ này quả thật có được một nửa sức mạnh như dự đoán, mình không tin một cái đĩa bé tẹo, ngu ngốc có thể làm ra nhiều sự khác biệt.

Một cái bóng khác di chuyển trên mặt đất, chỉ có điều lần này nó dường như mang hình dáng con người. Dybbuk nghĩ đó là McCreeby trở về với cái đĩa và cảm thấy vừa vui vừa bức. Vui vì thấy McCreeby đã quay lại và cậu không còn có một mình nữa, và bức vì cùng lúc cậu đã muốn vứt bỏ gã lần nữa.

Dybbuk hỏi:

– À, ông quả thật khá thông dong đấy nhỉ. Sao rồi? Ông tìm thấy cái đĩa chưa?

Ngước đầu lên, cậu nhìn thấy một bóng người đứng giữa ánh mặt trời sáng chói. Một bóng người không trả lời cậu. Một bóng người dường như đang khoác một cái áo choàng lông chim.

Dybbuk nhảy bật dậy. Đó không phải McCreeby mà là một người khác. Một ai đó hoặc một thứ gì đó không thể diễn tả được. Một người Inca nhìn giống hình người khắc trên đá. Khuôn mặt Inca đó cũng bị xóa đi, không phải vì những viên đá từ ná bắn của một cậu bé rồi hơi, mà vì kẻ phá hoại vĩ đại nhất trên đời – thời gian. Khuôn mặt như khi đầu chó đó thuộc về một cái xác ướp đàn ông gần như trần truồng, nửa phần xương nửa phần thịt, khô cứng bởi hàng thế kỷ, với vài miếng vải nào đó được những người ướp xác quá cố nhét vào trong cái lỗ mũi cổ đại cùng hai cái lỗ tai hình dấu hỏi để ngăn chặn sự trốn thoát của một thứ chất lỏng phân rã nào đó. Vài cái răng lộ ra ở hàm trên của cái miệng cứng đờ. Nhưng trong hai hốc mắt lớn sâu thẳm, đằng sau hàng lông mi khép hờ, một sự sống hung hiểm nào đó vẫn đang chuyển động như một con cá vàng trong hai bát nước dơ đục.

Theo bản năng, Dybbuk bước lùi lại khỏi người mà cậu vừa nhận ra nửa đoán là Manco Capac. Cùng một Manco Capac với xác ướp nằm trong bảo tàng Peabody, một món quà từ nhà thám hiểm và kẻ mạo phạm mộ địa Hiram Bingham, trong suốt một thế kỷ.

Dybbuk lo lắng hỏi:

– Ông là người tôi nói chuyện à? Nếu vậy, tôi không có ý bất kính gì với ông hay người của ông đâu. Tôi cũng là một djinn. Giống như ông. Chỉ là tôi đã mất hết sức mạnh của mình. Đó là lý do tại sao tôi có mặt ở đây. Để hoàn thành nghi lễ *kutumunkichu* và lấy lại sức mạnh. Giống như ông đã làm, đúng không?

Bóng người rít lên:

– Ta thấy cặp sinh đôi đã đến.

Dybbuk đảo mắt nhìn quanh:

– Cặp sinh đôi? Họ chưa đến đây đây chứ?

Manco Capac tiếp tục rít lên:

– Người, thằng nhóc. Người là cặp sinh đôi. Hai linh hồn trong một thể xác. Đừng làm ra vẻ không biết.

Cậu bắt đầu bước thụt lùi khỏi xác ướp của Manco Capac.

– Ông lầm rồi. Nhìn này.... ờ, rất vui được gặp ông, nhưng tôi sẽ đi làm cho xong mọi việc rồi rời khỏi đây, okay?

Sốt ruột muốn rời khỏi Paititi càng sớm càng tốt, Dybbuk chạy ngược vào trong tòa nhà mái vòm và nhặt cây trượng lên với một sự khẩn trương pha lẫn kính trọng. Nén xuống sự sợ hãi, cậu mang cây trượng nặng trĩu bước lên những bậc thang. Cậu kiểm tra cơ cấu tách rời cây trượng dựa trên những gì cậu thấy McCreeby đã làm, rồi nhét nó vào vừa khít cái ống vàng – lần đầu tiên cậu thưởng thức tay nghề chuẩn xác của những người thợ Inca đã tạo nên những món kim loại quý giá và bán quý giá này. Nỗi sợ Manco Capac cùng sự trông đợi về việc cậu sắp làm – về thứ mà cậu sắp trở thành – giờ đây đã thống trị mọi suy nghĩ của cậu. Nó có được hay không? Năng lượng và sức nóng giải phóng sẽ trả lại sức mạnh djinn cho cậu hay chúng sẽ hủy diệt cậu? Cậu tình nguyện mạo hiểm. Cậu còn có thể làm gì khác chứ? Dybbuk vuốt mồ hôi trên tay và thò tay ra chuẩn bị vịn đỉnh cây trượng.

Rồi một giọng nói mà cậu nhận ra ngăn cậu lại:

– Chắc chắn là, trước khi cháu làm điều đó, Dybbuk trẻ tuổi, hãy cân nhắc điều này: Một con cá hồi trong bình tốt hơn một con cá hồi ngoài biển.

Dybbuk quay về phía giọng nói quen thuộc. Phải khó khăn lắm cậu mới nhìn thấy ai hoặc cái gì vừa nói, mặc dù sâu tận trong xương, cậu biết chính xác giọng nói đó thuộc về ai.

Đó là ông Rakshasas.

Hay nói đúng hơn đó là một phiên bản nhìn giống một hồn ma mờ ảo gần như vô hình của thứ từng là ông Rakshasas. Mờ ảo như cái ý tưởng mà ông Rakshasas đã có vào rất lâu trước đây: ý tưởng rằng một ngày nào đó, Dybbuk sẽ cần đến một lời khuyên cha chú thông thái, lời khuyên mà hiếm có khả năng cậu nhận được từ cha ruột của mình, Iblis.

Dybbuk nói:

– Ông Rakshasas. Đầu tiên là Manco Capac. Giờ lại là ông. Nơi này đang trở thành một hội nghị hồn ma hay sao?

– Ông đã nghe cháu nói chuyện với ông bạn già mặt xén ấy. Ông ấy vốn cũng là một djinn đang hoàng, nhưng ông e là thời gian đã làm linh hồn ông ấy đông cứng quá mức.

Dybbuk bảo:

– Cháu thì lại có phần ngưỡng mộ ông ấy.

– Chưa bao giờ có một con cừu đen trong đèn không muốn có chiến hữu cả.

Dybbuk hỏi ông Rakshasas:

– Ông đang làm gì ở đây vậy? Cháu cứ nghĩ ông đã chết.

Ông Rakshasas nói:

– Ông chưa chết đến mức không thể bỏ được một ít thời gian để đến đây ngăn cháu vứt bỏ mạng sống của mình, cậu bé ngốc nghếch ạ. Không dễ gì khi là một đứa con của cây đèn khi ánh sáng bị lấy đi mất. Rất lâu trước đây, khi chúng ta mới gặp nhau, ông đã quyết định gắn một phiên bản thể phẩm mờ của ông vào cháu và cặp sinh đôi, John và Philippa. Cháu có thể gọi nó là một dạng máy ghi chép cá nhân. Hoặc một lương tâm, nếu cháu thích. Để

trong giây phút của một cơn khủng hoảng cá nhân trầm trọng, ông có thể xuất hiện và cho cháu vài lời khuyên cần thiết. Những lời khuyên riêng tư. Chắc chắn là, một tiếng thầm thì trong lỗ tai Nora sẽ lớn hơn tiếng hét từ đỉnh đồi cao nhất. Dù sao thì, lời khuyên của ta dành cho cháu về việc này là: cháu có thể không còn sức mạnh, nhưng ít nhất cháu vẫn còn mạng sống. Cháu vặn cái đầu trượng Inca đó, và cháu sẽ hối hận về nó cho đến ngày cháu chết, nếu cháu có thể sống lâu như vậy.

Dybbuk thở dài:

– Không còn cách nào khác để lấy lại sức mạnh của cháu. Và cháu thật sự không thể sống như một mundane. Cháu biết, cháu đã thử. Cháu không biết làm sao người ta có thể sống một cuộc đời bình thường như vậy. Cho nên, làm ơn đi ông Rakshasas, hãy cho cháu một ơn huệ và đi đi.

– Quả thật một cái miệng im lặng thì ngọt ngào hơn với lỗ tai. Và nếu cháu thật sự tin tưởng điều đó thì cháu còn là một đứa ngốc hơn ông tưởng. Hãy nghe ông, Buck, con trai. Khi một con gà trống già cất tiếng gáy, những con gà trống trẻ nên học hỏi. Cháu muốn có lại sức mạnh? Đây không phải là cách. Không bao giờ có một đôi dép cũ mà không có một đôi vớ cũ đi kèm. Sẽ có lúc một giải pháp tốt hơn xuất hiện trước mặt cháu. Ông hứa với cháu như vậy.

Lắc đầu, Dybbuk hỏi:

– Lời hứa của ông có ý nghĩa gì chứ? Ông thậm chí còn không có thật.

Ông Rakshasas nói:

– Cháu thật là một người bướng bỉnh, Dybbuk Sachertorte. Và không nghi ngờ gì, cháu có một cái lưỡi của rắn hổ mang. Y như cha cháu. Nhưng chắc chắn là, điều ta đang nói với cháu hiện giờ không nhiều hơn những gì tự sâu trong trái tim cháu biết. Rằng cháu đang phạm một sai lầm lớn.

Dybbuk sừng sĩa nói:

– Vậy thì nó sẽ là sai lầm của cháu. Không phải sai lầm của ai khác.

– Một sai lầm nữa trong một chuỗi dài những sai lầm lớn.

Dybbuk vẫn khẳng khẳng:

– Cháu có quyền phạm sai lầm của chính cháu.

Ông Rakshasas thở dài và lắc đầu bảo:

– Chắc chắn là, một con cáo không bao giờ tìm thấy một nhà tư vấn nào tốt hơn chính bản thân nó. Hãy nghe ông, chàng trai trẻ. Không có giày trên bàn chân cháu. Vậy thì có mang theo một cây dù cũng có ích gì? Quên ý tưởng này đi. Nó sẽ kết thúc một cách tồi tệ cho cả cháu và nửa còn lại của cháu.

Dybbuk nhún vai bảo:

– Nửa còn lại của cháu? Ông muốn nói gì chứ?

– Chắc chắn là, không phải chỉ có nguyên tử mới có thể tách rời, Dybbuk ạ.

Dybbuk phát ra một âm thanh nghe như tiếng kèn fagot và trợn tròn mắt lên trên đỉnh đầu.

– Buck. Chỉ Buck thôi, okay?

Đó là lần cuối cùng cậu nói câu đó.

Ông Rakshasas nói tiếp:

– Cả con người cũng vậy. Một người đàn ông có thể mất nhiều hơn một cái nón trong một cơn gió huyền ảo.

Dybbuk bảo:

– Nhìn này, cháu không biết tại sao ông bận tâm với cháu. Cháu không phải người như ông nghĩ đâu.

– Nếu ông không nghĩ còn có vài điều tốt trong cháu, Buck, ông sẽ không có mặt ở đây, và đó là sự thật. Luôn có điều tốt và điều xấu trong mỗi con người. Nhất là cháu.

Dybbuk hừ lên:

– Tại sao cháu lại phải bận tâm về việc là người tốt chứ? Chính cái phần tốt trong cháu khiến cháu trở nên yếu ớt. Nếu không vì nó, cháu có lẽ vẫn còn sức mạnh djinn. Chính việc cư xử tốt với mọi người, cố làm vui lòng họ đã khiến cháu trở nên như thế này.

– Đó là một điều vớ vẩn và cháu biết điều đó.

Dybbuk tuyên bố:

- Cháu sẽ đếm đến ba, rồi cháu sẽ xoay cái đầu trượng này.
- Nếu cháu đếm đến ba, Buck, cháu sẽ không bao giờ nghe thấy tiếng đếm thứ năm.
- Một.
- Thứ mà cháu sắp giải phóng là một loại năng lượng khác, Dybbuk. Và cháu sẽ không thích vẻ ngoài cùng cảm giác của nó đâu.
- Hai.
- Ngay chính người mang đến ánh sáng, con trai của bình minh, vì sao mai – ngài cũng đã sa ngã, mất đi tất cả hào quang của mình và vĩnh viễn căm ghét bản thân.
- Ba.
- Cháu sẽ căm ghét bản thân cháu.
- Cháu hiện đã căm ghét bản thân mình rồi.

Nói rồi Dybbuk xoay phần đầu trượng. Cậu cảm thấy cơ cấu bên trong bức tượng thần Inca nhỏ bé vận hành với một tiếng “kịt” nhỏ, và phần thân trượng bằng uranium trát vàng nặng nề rơi thẳng vào lòng ngọn núi đá vàng. Ném một nụ cười mỉa mai cho ông Rakshasas, cậu tuyên bố:

- Xong rồi.

Hình bóng của vị djinn già yên lặng gật đầu khi ông nói:

– À, ông đã cố cản. Nhưng chắc chắn là cho một đứa ngốc lời khuyên cũng sai lầm không kém cho một con lợn ăn quả anh đào. Ông sẽ không làm phiền cháu nữa.

Và với câu nói đó, ông biến mất.

Dybbuk nói:

- Cháu cứ nghĩ ông sẽ không bao giờ rời đi chứ.

Cậu vẫn giữ tay trên cái đầu trượng bé nhỏ nhưng giờ đây nó đã quá lỏng trên cái ống vàng, khiến việc giữ nó trên đó dường như chẳng có ích gì nữa. Vài giây trôi qua và, tò mò muốn biết chuyện gì thật sự đã xảy ra, cậu rút

một cây đèn pin ra khỏi ba lô của cậu và soi nó vào trong cái ống vàng, sâu xuống bên trong khối đá nguyên tử.

Ngay giây tiếp theo, cậu cảm thấy một đợt sóng năng lượng cùng một ánh sáng mạnh mẽ của dững khí. Một chuyện gì đó đã xảy ra. Tuyệt đối không nhầm lẫn.

Trong giây lát, một cảm giác bệnh hoạn khủng khiếp chiếm lấy cậu. Nó nhanh chóng giảm xuống, chỉ để lại cảm giác về một thứ gì đó mới mẻ và ngọt ngào. Và lần đầu tiên trong đời cậu nhìn thấy bản thân mình như một thứ không còn là cậu nữa. Như một thứ yếu ớt, hỗn loạn và bị giam cầm trong xiềng xích của tình bạn, bốn phận và lễ nghi.

Con người đó giờ đã đứng tách rời khỏi cậu.

Trong khi bản thân cậu đã mạnh mẽ hơn và hoàn toàn không quan tâm đến sự ngây thơ và cái thiện. Và Dybbuk biết bản thân cậu, lần đầu tiên trong cuộc đời mới mẻ này, trở nên độc ác, độc ác gấp triệu lần so với những gì cậu từng dám nghĩ là có thể.

Trong khi thẳng Dybbuk kia, Dybbuk tốt, người giờ đây đang đứng cách xa cậu với một khuôn mặt tràn ngập sự kinh hoàng với thứ mà mình đã trở thành, giờ đã là một đối tượng của sự khinh miệt và chế nhạo.

Và khi Dybbuk tốt ngã ụp xuống đất, Dybbuk xấu duỗi hai bàn tay nhìn có vẻ mạnh mẽ của mình ra, và chỉ suy nghĩ về sự hoàn toàn độc ác của mình cũng đủ để khích lệ và làm nó vui sướng như một vôi tắm nước nóng.

* * *

Xuất hiện bên trong tòa nhà mái vòm của Paititi chỉ một giây sau đó trong bộ đồ chống phóng xạ, Philippa ghi nhận mức độ phóng xạ trong thành phố Inca mất tích với một sự kinh hoàng. Chúng hoàn toàn vượt mức báo động. Tuy nhiên, phát hiện khủng khiếp nhất là việc hiện có đến hai Dybbuk. Như thể bản thân cậu đã tự tách rời như một trong những nguyên tử với sức mạnh to lớn và chết chóc mà cậu đã tìm cách kiểm soát.

Một trong hai người – Dybbuk mà cô dễ dàng nhận ra là bạn của mình – đang nằm trên mặt đất, người co rúm trước cơn bão neutron uranium đang hoành hành bên trong tòa nhà khép kín.

Cậu nhìn hoàn toàn kiệt sức. Da của cậu mang một màu xám chết chóc và trong tay cậu là những nhúm tóc lớn của chính cậu. Theo bản năng, Philippa biết Dybbuk này đang cận kề cái chết. Và cô sẽ đi đến an ủi cậu nếu không có sự hiện diện của Dybbuk thứ hai.

Dybbuk thứ hai là một phiên bản sống động và rõ ràng khỏe mạnh hơn nhiều của cậu bé đang nằm co rúm trên mặt đất. Nó cao hơn, mạnh hơn, và lớn tuổi hơn Dybbuk kia. Cũng tàn ác hơn nhiều. Tất cả những điều tốt đẹp một thời từng xuất hiện trong đôi mắt Buck giờ đã biến mất. Sự độc ác hiện rõ trên khuôn mặt của nó đến mức Philippa lần đầu tiên nhìn thấy sự tương tự mạnh mẽ với cha nó, Iblis. Và một nỗi e ngại mãnh liệt rằng nó không cho phép cô đến gần Dybbuk còn lại buộc cô phải giữ khoảng cách.

Cô hỏi:

– Buck, cậu đã làm gì với chính bản thân mình thế kia?

Dybbuk thứ hai phát ra một tiếng cười khùng khục khi nó trả lời:

– Phát hiện ra tao thật sự là ai, là cái gì. Khám phá con người thật của tao. Nằm quyền kiểm soát từ nửa còn lại của tao. Thà trẻ còn hơn không bao giờ.

Philippa nói:

– Tôi không hỏi cậu. Tôi đang nói với Dybbuk còn lại. Dybbuk tốt. Tớ đang nói với cậu đấy, Buck. Là tớ, Philippa. Cậu nghe được tớ không? Hãy để tớ giúp cậu, nếu tớ có thể.

Dybbuk thứ hai, Dybbuk ác độc, bảo:

– Đã quá trễ cho nó. Tao nghĩ điều đó quá hiển nhiên rồi chứ. Ngay cả với mày, Philippa.

Philippa tiếp tục gọi:

– Buck, nghe tớ nói đi. Đến với tớ. Tớ có thể giúp cậu, nếu cậu để tớ giúp.

Dybbuk nói:

– Mày đang phí thời gian đấy.

Tạm ngừng lại, Philippa cố tìm kiếm một thứ gì đó có thể mang đến ít sức mạnh cho cậu bé đang nằm dưới đất.

– Hãy nghĩ đến chị Faustina của cậu đi. Và mẹ cậu nữa. Buck, vì họ, hãy để tớ giúp cậu. Hãy nghĩ đến tình yêu của họ dành cho cậu.

Dybbuk chế nhạo:

– Tình yêu!

Nhưng cậu bé nằm trên mặt đất ngẩng đầu lên một cách yếu ớt và chăm chăm nhìn phía trước mặt, như thể cậu không trông thấy gì. Cậu khàn khàn hỏi:

– Phil? Phải cậu đấy không? Giúp tớ với. Làm ơn.

Dybbuk bảo:

– Mày xong việc rồi. Dybbuk là tên của tao và bản chất của tao. Hiểm ác. Lãnh đạm. Phân liệt. Như một nguyên tử tách rời. Thứ luôn là bản chất thật của tao. Không ích lợi gì với việc đóng vai thiện. Không một sự công nhận nào cho nó. Người ta chỉ nghĩ mày yếu đuối thôi. Sức mạnh mới là thứ quan trọng. Phải biết tàn nhẫn.

Giơ tay ra, Philippa nói:

– Đừng nghe lời nó, Buck. Cậu vẫn có thể chiến thắng nó. Chiến thắng cái ác của nó. Đến đây với tớ. Tớ có thể giúp cậu. Sức mạnh của tớ vĩ đại hơn nó. Dybbuk biết điều đó, đó là lý do tại sao nó không dám đến gần tớ.

Đặt thẳng một chân lên vai Buck, Dybbuk bảo:

– Đúng là mày mạnh hơn tao. Nhưng sức mạnh của tao lại vĩ đại hơn nhiều so với nó.

Và với câu nói đó, nó giảm nát thứ đại diện cho phần thiện của nó.

Dybbuk rút cuộc nói:

– Đấy. Hạnh phúc chưa? Tao nghĩ mày đã làm tao giết nó. Chà. Ôi chào. A, nhìn kìa. Tội nghiệp tôi nhỏ bé chưa kìa.

Và việc đó dường như làm Dybbuk mạnh hơn.

Giờ đây khi nửa tốt đẹp của nó cuối cùng đã bị loại trừ, Dybbuk cảm thấy sức mạnh djinn mới phục hồi của nó đột ngột nhảy vọt. Trên thực tế, nó cảm thấy mạnh hơn bao giờ hết; như thể bằng một cách nào đó, phần thiện trong nó đã luôn kiềm hãm phần độc ác. Giống như cái thứ đáng thương hại nhất của con người, lương tâm mundane.

Cùng lúc đó Dybbuk đoán rằng Buck chắc hẳn vẫn luôn biết rõ Dybbuk thật sự là ai, là cái gì. Buck tội nghiệp. Cậu đã phải chống cự dữ dội lắm đây. Chắc hẳn cậu đã nhận ra Dybbuk cũng xấu xa không kém người cha thật sự của nó, Iblis. Thậm chí có lẽ còn xấu xa hơn. Và nhận ra Iblis đã từng cố tiêu diệt Philippa, Dybbuk không hề lưỡng lự. Nó quyết tâm làm điều tương tự.

Cho đến tận giờ phút này nó đã luôn đề phòng Philippa, vì cảm nhận được sức mạnh djinn của cô không hiểu sao đã được nâng cao bởi một sức mạnh cổ đại nào đó nằm trong đôi dép vàng kỳ lạ mà cô đang mang. Nhưng sự đề phòng đó giờ đã không còn. Tất cả những cảm giác trù mến mà nó từng có đối với Philippa giờ đã biến mất. Nó đã hoàn toàn quên hết những điều tốt đẹp mà cô đã từng làm cho nó trong quá khứ. Và thậm chí từ trọng tâm của mình, nó cố tập trung tất cả ác ý mới có của nó lên đứa bạn cũ. Chẳng phải Philippa và thằng anh ngu ngốc của cô, John, là người đã giam cha nó vào trong một bộ áo giáp ngọc bích ở đâu đó tại Trung Quốc sao? Cô sẽ phải trả giá cho việc đó. Dybbuk chỉ tay lên bầu trời phía trên Paititi.

Nó nói:

– Tao ước có một đám mây đen vĩ đại.

Ngay lập tức bầu trời tối sầm lại như một điềm gờ và một đám mây bão to bằng cả một thành phố hiện ra trên đầu Philippa.

Nó hét lớn:

– Và từ đám mây đen vĩ đại đó tao ước gì một lưỡi sét khổng lồ sẽ đánh tan mày vào quên lãng.

Một giây sau, đỉnh núi bị tấn công bởi một tia chớp to như chính dòng Amazon. Nó xẻ sâu vào trong lớp đá đến vài tấc và để lại một vết cháy đen

bốc khói rộng bằng một cái xe buýt. Nhưng nó không làm Philippa bị tổn thương. Chừng nào còn mang đôi dép, cô vẫn còn được bảo vệ bởi sức mạnh djinn cổ đại của Hốt Tất Liệt vĩ đại. Vài giây trước khi tia chớp đánh xuống ngọn núi với âm thanh như một vụ đụng tàu lửa, cô đã được đôi dép dịch chuyển một khoảng ngắn đến một nơi an toàn hơn.

Philippa hét lên:

– Ngừng lại. Ngừng lại đi, hoặc tôi sẽ làm cậu đau, Dybbuk. Cậu không phải người duy nhất có thể làm một trò như thế này. Sức mạnh của tôi cũng vĩ đại như cậu. Vĩ đại hơn nữa kìa.

Nhưng cô không kết thúc được câu nói của mình. Điều ước tiếp theo của Dybbuk làm một tảng đá khổng lồ bay vụt qua không khí, xém nữa nghiền nát Philippa.

Cảm nhận được việc nó thật sự có ý thương tổn cô đủ để Philippa giậm chân vì giận dữ và thất vọng. Cô đang phí thời gian. Dybbuk đã hoàn toàn không còn thuộc về thế giới của cái thiện nữa. Giờ cô đã thấy được điều đó. Và nhận thức đó đủ để cô chỉ trong nháy mắt quay lại boong-ke hạt nhân nơi cô đã để lại cậu, anh trai cùng những người bạn thật sự của cô. Không kể đến Virgil McCreeby.

Cô vội nói:

– Không có thời gian giải thích đâu.

Rồi lần nữa giậm mạnh đôi dép dẫu xuống đất, Philippa chỉ trong nháy mắt dịch chuyển tất cả mọi người về chỗ cắm trại của họ ở phía bên kia Mắt Rừng, ngay khi ông Muddy chào đón ông Sicky quay lại từ chuyến đi đến làng Xuanaci, cùng con chó Hector sau khi nó bị lạc trong rừng mưa.

Kiểm tra cái máy đo Geiger màu dâu và nhận thấy nồng độ phóng xạ đã trở lại bình thường, Philippa cảm thấy nhẹ nhõm được một ít. Cô nói:

– Giờ chúng ta có thể cởi mấy bộ đồ ngu ngốc này được rồi đó.

John hỏi:

– Em chỉ mới biến mất trong giây lát. Chuyện gì xảy ra vậy?

Mắt đăm lẹ, Philippa bảo anh:

– Nhiều chuyện hơn em có thể kể. Ít nhất là bây giờ.

Cậu Nimrod đặt một bàn tay trùi mền lên vai cô và nói:

– Hãy kể cho chúng ta biết sau này. Khi cháu đã cảm thấy có thể.

Suốt một hai tiếng sau đó, cô im lặng ngồi một mình, và dần dần bình tĩnh lại. Và canh lúc không ai chú ý, cô đào một cái lỗ rất sâu trên mặt đất và chôn đôi dép *gestalt*.

Ít lâu sau đó, John hỏi cô:

– Chỉ nói với anh một điều thôi. Dybbuk chết rồi à?

Cô trả lời.

– Không. Ừ.

Cậu hỏi:

– Rốt cuộc câu trả lời nào mới đúng.

Philippa nghĩ kỹ trong giây lát và cảm thấy nước mắt lại trào lên lần nữa. Cô biết rằng ký ức về những gì cô đã thấy trong thành phố mất tích Paititi sẽ vĩnh viễn ám ảnh cô.

Cô nói:

– Cậu ấy đã lựa chọn. Một cách không khôn ngoan.

John hỏi:

– Nghĩa là sao?

– Ý em là em nghĩ Buck mà chúng ta biết đã chết. Giờ đây đã có một Dybbuk khác. Một Dybbuk hoàn toàn khác. Một Dybbuk xấu. Ác độc, giống như cha nó.

Cậu Nimrod bảo:

– Cậu đã e ngại chuyện đó xảy ra.

– Cả anh nữa.

Nói rồi John buồn bã bước đi.

Philippa nói:

– Chúng ta nên gọi điện về nhà.

Cậu Nimrod cho biết:

– Cậu đã gọi rồi. Cha cháu đã được cứu. Mẹ cháu giờ đang ở nhà với anh ấy.

– Cám ơn trời.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Ủ, cám ơn trời.



Chương 28

Làm việc đúng

Sau khi đội quân Tây Ban Nha của Pizarro cùng những vị vua xác ướp Inca đã chém nhau thành từng mảnh và hòa bình đã một lần nữa được lập lại trong rừng mưa nhiệt đới, ông Sicky đã lên chức tộc trưởng tộc Xuanaci trong một nghi lễ dài ấn tượng với sự tham dự của cậu Nimrod, John, Philippa, ông Groanin, Zadie, ông Muddy, con chó Hector, và Virgil McCreeby, cũng như rất nhiều thành viên trong bộ tộc Prozuanaci của ông Sicky. Ngay cả ông Vodyannoy tội nghiệp cũng hồi phục từ cú chạm trán với con ếch phi tiêu cực độc đủ để ra khỏi cây đèn của ông và tham dự buổi lễ, dù chỉ được một lát.

Sau buổi lễ, Zadie quyết định không quay về New York cùng mọi người mà ở lại rừng mưa và làm việc với người Xuanaci.

Cô bộc bạch:

– Cháu biết cháu đã bị thôi miên. Nhưng cháu thật sự cảm thấy cháu cần phải làm gì đó cho họ. Với một ít sức mạnh djinn, cháu đang nghĩ đến chuyện mở một ngôi trường.

Cậu Nimrod đồng ý:

– Ý kiến hay đó. Nhưng cháu sẽ cần một giáo viên giỏi để giúp cháu.

Rồi cậu đưa mắt nhìn Virgil McCreeby.

McCreeby lắc đầu:

– Không, Nimrod. Anh nói đùa đấy à?

Cậu Nimrod bảo:

– Tôi nghĩ đó là một ý kiến rất hay.

Zadie gật đầu:

– Cháu cũng nghĩ như vậy.

McCreeby phản đối:

– Có lòng thương người chút đi, Nimrod. Tôi? Giáo viên? Anh tưởng tượng nổi chuyện đó sao?

Cậu Nimrod nói:

– Trên thực tế, McCreeby, tôi tình cờ biết được anh từng là hiệu trưởng của một trường nam sinh ở Thụy Sĩ.

– Đúng, nhưng đó là chuyện từ đời nào đời nào rồi. Và mấy thằng bé đó là người Thụy Sĩ. Anh có thể dạy cho người Thụy Sĩ bất cứ chuyện gì, có lẽ ngoại trừ chuyện đi trễ.

Cậu Nimrod bảo:

– Tôi chắc rằng anh sẽ dạy tốt ở đây. Anh sẽ ở đây với Zadie và giúp cô bé mở trường học. Hãy coi đó là một hình phạt dành cho anh. Một hình phạt mà Zadie sẽ nghiêm khắc kiểm soát việc thi hành.

Ông Groanin nói:

– Hãy cảm ơn sự may mắn của ông là chúng tôi không để người Xuanaci treo đầu ông trên một sợi dây chuyền nào đó. Hoặc quăng ông cho cá piranha ăn. Hoặc bỏ một con rết Peru khổng lồ xuống cổ áo ông. Hãy làm việc đúng lấy một lần đi, ông bạn.

Cậu Nimrod dặn Zadie:

– Nhớ cẩn thận đừng để gã thối miên cháu lần nữa.

– Không sao đâu. Cháu giờ đã hiểu rõ gã. Cháu biết hết mọi mảnh khóc của gã rồi.

Khi Philippa và John nói xong lời chia tay với Zadie, chúng ôm ông Sicky và chúc ông may mắn với công việc mới. Ông Sicky nghẹn ngào với những giọt nước mắt cảm xúc khi phải chia tay những người bạn mới của ông. Đầu ông có thể nhỏ một cách bất thường, nhưng không có gì bất ổn với trái tim ông.

Ông bảo:

– Các cháu có thể quay lại bất cứ lúc nào. Chúng ta sẽ cho các cháu một lời chào đón đúng nghĩa của rừng rậm.

Bắt tay người lái thuyền của họ, ông Groanin nói:

– Anh Muddy, rất vui vì đã quen anh. Tôi nói, tôi rất vui vì đã quen anh.

Ông Muddy bảo:

– Tôi nghe anh lần thứ nhất mà.

Cậu Nimrod tò mò:

– Giờ anh định làm gì?

– Giờ đây khi Sicky đã là một tộc trưởng quan trọng, tôi sẽ nghỉ nghề đầu bếp.

Ông Groanin gật đầu tán thành:

– Tin tôi đi, anh đã làm một điều đúng đó. Theo ý kiến của tôi, anh là một đầu bếp khủng khiếp. Vậy giờ anh định làm gì?

Ông Muddy trả lời:

– Tôi à? Tôi sẽ tiếp quản công việc kinh doanh hướng dẫn du lịch của Sicky.

Và ông Muddy là người đưa họ đến Manu, nơi họ chờ bắt một chuyến bay đi Lima.

Cậu Nimrod nói:

– Sẽ mất một thời gian nữa trước khi những cây lupuna của chúng ta trưởng thành và djinn chúng ta lại có thể an toàn dùng lối gió. Dĩ nhiên nếu muốn, Philippa cũng có thể mang chúng ta về nhà chỉ với một cái giậm chân.

Philippa giải thích:

– Không, cháu không thể. Đôi dép gestalt ấy, cháu đã chôn chúng lại trong rừng.

John thét lên:

– Em đã làm gì cơ?

Philippa bảo:

– Nó có quá nhiều sức mạnh. Chưa nói đến chuyện phải lo về đôi dép đó, nội việc làm một djinn cũng đã đủ khó khăn. Em chỉ phải nghĩ đến một chuyện và nó xảy ra ngay lập tức. Em đơn giản không thể gánh nổi trách nhiệm đó. Em xin lỗi, nhưng chúng ta sẽ phải bắt máy bay về nhà như bất cứ ai khác.

Cậu Nimrod nghiêm nghị gật đầu.

Cô hỏi:

– Cháu có làm đúng không cậu?

Và câu trả lời của cô là một cái ôm chặt từ cậu Nimrod.

Cậu nói:

– Cần có một sự trí tuệ vĩ đại để biết được khi nào một người có quá nhiều sức mạnh. Một trí tuệ vĩ đại và một linh hồn vĩ đại. Nên ừ, Philippa, cháu đã làm đúng.

John hỏi:

– Nhưng còn Paititi thì sao? Nồng độ phóng xạ trên núi thì sao? Mắt Rừng thì sao? Lỡ như ai đó đi qua Mắt Rừng? Họ không gặp nguy hiểm sao?

Cậu Nimrod nói:

– Ừ, họ sẽ gặp nguy hiểm. Đó là lý do tại sao ông Sicky và tộc Xuanaci đã đồng ý canh gác cánh cửa đó. Để ngăn không cho ai vô tình đi vào Mắt Rừng.

Rồi giơ lên hai ổ khóa tổ hợp bằng đồng nhìn có vẻ khá chắc chắn, cậu cho biết thêm:

– Anh ấy cũng sẽ khóa cánh cửa bằng cái này. Biện pháp này coi như đủ hiệu quả, cho đến khi chúng ta nghĩ được một cách nào đó bảo đảm hơn.

John tò mò:

– Cậu tạo ra mấy cái này bằng sức mạnh djinn à?

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Không phải. Trên thực tế, mấy cái này thuộc về anh Groanin. Chúng nằm trên va li của anh ấy.

Ông Groanin nhăn mặt bảo:

– Mấy cái tay vận chuyển hành lý ở sân bay Heathrow ấy, chúng ta không thể tin tưởng họ.

Philippa phản đối:

– Cháu chắc chắn đó không phải là sự thật.

– Đó là sự thật. Ta biết. Ta từng là một nhân viên vận chuyển hành lý ở đó mà.

* * *

Vài ngày sau, cậu Nimrod, ông Groanin, ông Vodyannoy cùng cặp sinh đôi về đến New York.

Ông Vodyannoy lập tức quay về căn hộ của ông ở tòa nhà Dakota, cậu Nimrod đã thu xếp cho bà Marion Morrison, một y tá djinn, đến chăm sóc ông. (Và trong vòng ba tháng ông đã hoàn toàn khỏe mạnh trở lại. Đủ khỏe mạnh để tổ chức một giải đấu Djinnverso khác ở nhà của ông tại New Haven.)

Những người còn lại về thẳng nhà của gia đình Gaunt trên đường Đông 77, nơi cặp sinh đôi tìm thấy cha mẹ chúng đang ngồi chờ chúng. Ông Gaunt nhìn vẫn có vẻ bình thường sau khoảng thời gian bị bọn bắt cóc giam giữ. Bà Gaunt nhìn vẫn tuyệt vời, hay nói cách khác, vẫn quyến rũ và giống

hệt như người mẹ trong trí nhớ của cặp sinh đôi. Ngay cả ông Groanin cũng nhận xét bà nhìn rất được.

Tuy nhiên, cũng có một sự khác biệt nho nhỏ. Lần đầu tiên, có vẻ như người cha nhỏ con cũng là người quản lý gia đình. Bà Gaunt nhìn có vẻ lép vế hơn so với chồng, dù chỉ có cặp mắt nhạy bén của em trai bà nhận ra điều đó và đoán được nó biểu thị cho điều gì.

Sau khi cặp sinh đôi đã ôm chầm cha mẹ và kể cho họ nghe tất cả những cuộc phiêu lưu của chúng, cậu Nimrod chào tạm biệt và hai người đàn ông Anh quốc đăng ký phòng tại khách sạn Carlyle ở bên kia ngã tư đường, vốn là khách sạn yêu thích nhất trên thế giới của cậu Nimrod.

Cậu Nimrod nói:

– Tôi không biết anh thì sao, anh Groanin, nhưng tôi đang đói lắm đây.

Ông Groanin thú nhận:

– Tôi có thể ăn cả một con ngựa.

Cậu Nimrod hỏi:

– Thế một miếng bít tết ngon mọng nước rắc hành có tạm thời thay thế được không?

Ông Groanin bảo:

– Một miếng bít tết là vừa đúng. Chừng nào họ làm nó đúng cách. Một nền văn minh có thể tự đánh giá bản thân bằng cách nào khác ngoài việc biết cách làm đúng trong bếp nhỉ?

Nhưng sau khi họ đã dùng xong món bít tết được chuẩn bị hoàn hảo, ông Groanin tìm thấy một thứ khác để phàn nàn.

Ông nói:

– Tôi chỉ ước gì có thêm ít thời gian tạm biệt mấy đứa nhóc. Giờ tôi đã nhớ chúng rồi. Tôi nói, giờ tôi đã nhớ chúng rồi. Tại sao ngài phải vội vã lừa chúng ta ra khỏi đó như vậy?

Cậu Nimrod trả lời:

– Bởi vì tôi thấy để gia đình Gaunt vừa mới đoàn tụ lại cho chính họ mới là một điều đúng mà chúng ta nên làm. Anh thấy đó, Groanin thân mến, đó

là điều mà tất cả các gia đình hạnh phúc – dù cách hạnh phúc của họ kỳ lạ như thế nào – thật sự cần đến. Để nó lại cho chính nó.

Ông Groanin nhận xét:

– Nghe như đoạn bắt đầu của một cuốn tiểu thuyết nhỉ. Hoặc có thể là đoạn cuối.

HẾT TẬP 5

Chú thích

- [1] Nightshakes: Sự rung động của đêm tối. (ND)
- [2] Otorongo: báo đốm Mỹ. (DG)
- [3] Tap-dance: môn nhảy thiết hài.
- [4] ‘Tuyệt’ tiếng Anh là ‘cool’, còn có nghĩa là ‘mát lạnh’.
- [5] Rosetta Stone là một tấm bảng đá được Pharaoh Ptolemy V tạo ra ở Memphis vào năm 196 Trước Công nguyên. Tấm bảng đá chứa đựng ba loại ngôn ngữ cùng nội dung: chữ tượng hình Ai Cập cổ đại ở trên cùng, chữ Ai Cập cổ thông dụng ở giữa, và chữ Hy Lạp cổ ở dưới. Được tìm thấy năm 1799, Rosetta Stone đã cung cấp cho nhân loại chiếc chìa khóa giải mã chữ tượng hình Ai Cập. (DG)
- [6] Khoảng 15.6 độ C
- [7] 21.2 độ C
- [8] Yorick là một nhân vật trong vở kịch Hamlet của Shakespeare. Ông là tay hề hoàng gia đã qua đời, và bị các tay đào trộm mộ đào lên hộp sọ trong đoạn 5, cảnh 1 của vở kịch. Hình ảnh hoàng tử Hamlet trầm ngâm khi cầm sọ của Yorick trên tay là hiện thân sâu sắc nhất của ý tưởng chủ đề Memento Mori (Hãy nhớ rằng bạn rồi sẽ chết) được ưa chuộng trong các loại hình nghệ thuật ở Châu Âu vào thế kỷ 16 và 17.(DG)
- [9] Tiếng Tây Ban Nha: ông, ngài.
- [10] Tiếng Tây Ban Nha: thưa cô
- [11] Bài hát rất phổ biến trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập của Hoa Kỳ.
- [12] Tác giả chơi chữ: Jaguar có nghĩa là báo đốm - cũng là tên của một hãng xe hơi.
- [13] Xin lỗi.

[14] Ở Anh, khi nói về một điều gì đó rất kích động hay đáng sợ, người ta dùng thành ngữ white-knuckles (khủy tay trắng bệch).

[15] Green fingers, ngón tay xanh là từ lóng của “tài trồng vườn”.

Table of Contents

[Mở đầu: Bác sĩ Kowalski](#)

[Chương 1: Ba gã tu sĩ](#)

[Chương 2: Bàn cầu cơ](#)

[Chương 3: Manco Capac](#)

[Chương 4: Pachacuti](#)

[Chương 5: Mang đầu Francisco Pizarro đến cho ta](#)

[Chương 6: Cái đầu teo nhỏ của ông Sicky và những truyện kể kinh khủng sau buổi tối](#)

[Chương 7: Quái vật đến đây.](#)

[Chương 8: Người Mèo](#)

[Chương 9: Cú chạm nhẹ của ếch vào nửa đêm](#)

[Chương 10: Như là Quỷ Thần](#)

[Chương 11: Hồ cá Piranha](#)

[Chương 12: Huýt sáo một cái nào](#)

[Chương 13: Sự trở về của Kẻ xâm lăng](#)

[Chương 14: El Tunchi](#)

[Chương 15: Trỗi dậy.](#)

[Chương 16: Mắt rừng](#)

[Chương 17: Xuyên cửa](#)

[Chương 18: Thuyết phương ngôn](#)

[Chương 19: Con tin](#)

[Chương 20: Tìm kiếm ông Gaunt](#)

[Chương 21: Những hạt lệ Mặt Trời](#)

[Chương 22: Hannibal và những kẻ ăn thịt người](#)

[Chương 23: Cơn thịnh nộ của Layla](#)

[Chương 24: Xuyên qua Mắt Rừng](#)

[Chương 25: Đĩa trượt](#)

[Chương 26: Đôi dép dẫu](#)

[Chương 27: Nhân cách tách rời](#)

Chương 28: Làm việc đúng